

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

LÊ QUÝ ĐÓN

ĐẠI
VIỆT
THÔNG
SỬ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

LÊ QUÝ ĐÓN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LÊ QUÝ ĐÔN

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

NGÔ THẾ LONG

Dịch

VĂN TÂN

Hiệu đính và giới thiệu

GIỚI THIỆU

Trong các tác phẩm của Lê Quý Đôn có *Đại Việt thông sử*. *Đại Việt thông sử* cũng gọi là *Lê triều thông sử* là một tác phẩm lớn.

Đây là một bộ sách sử lớn viết theo thể kỷ truyện đầu tiên trong lịch sử sử học của Việt Nam. Trong *Lời tựa* của ông, chính Lê Quý Đôn cũng viết: "Tôi muốn bắt chước thể kỷ truyện (bản kỷ và liệt truyện), sự việc chép theo từng loại, chia riêng ra từng điều cho có hệ thống...".

Ở *Phạm lệ*, Lê Quý Đôn viết: "Nay viết sử căn cứ viết từ đời Thái Tổ Cao hoàng đế trở xuống đến Cung Hoàng gọi là *bản kỷ*, rồi đến các chí, các truyện".

Trong *Lời tựa*, ông viết: "Về các chí thì bắt chước thể *lệ Tuỳ thư*, *Tấn thư* của Ngụy Trưng, chép thêm chính sự nhà Lý, nhà Trần ở trên thể *lệ* các triều đại trước đây...".

Xét như trên, chúng ta thấy về lịch sử dòng chính thống, Lê Quý Đôn đã viết từ cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi ở Lam Sơn đến Lê Cung Hoàng làm bản kỷ và liệt truyện, còn các chí thì ông bắt đầu từ thời Lý, thời Trần. Các loại chí được chép là: thiên văn, ngũ hành, luật lịch, địa lý, hà cử, lễ nghi, nhạc, nghi vệ, dư phục, tuyển cử, chức quan, thực hoá, binh, hình pháp, nghệ văn hay văn tịch.

Như vậy, *Đại Việt thông sử* là bộ sách lịch sử khá đầy đủ chép các vua thời Lê từ Lê Thái Tổ qua Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông, Lê Thuần Tông (Túc Tông), Lê Uy Mục, Lê Tương Dực, Lê Chiêu Tông đến Cung Hoàng (Hoàng

đệ Xuân), trải qua mười đời vua, nếu kể cả Lê Nghi Dân thì là mười một đời vua, trong một thời gian dài đến hơn một trăm năm. Nhưng mười đời vua này hiện chỉ còn có khởi nghĩa Lam Sơn và đời Lê Thái Tổ mà thôi, còn các đời vua khác đều không thấy.

Về phần chí, Lê Quý Đôn theo *Tấn thư*, *Tuỳ thư* và *Tống sử*. Theo các sách này thì có mười lăm chí như đã nói ở trên, nhưng trong *Đại Việt thông sử*, chúng ta chỉ thấy có một chí là Nghệ văn chí mà thôi.

Về phần liệt truyện, theo lời tựa của Lê Quý Đôn và theo Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, thì *Đại Việt thông sử* phải có những liệt truyện như hậu phi, đế hệ, công thần, tướng văn, tướng võ, nho lâm, tiết nghĩa, cao sĩ, liệt nữ, phương kỹ, ngoại thích, nịnh thần, gian thần, nghịch tặc, tú di. Nhưng trong các bản *Đại Việt thông sử* hiện có, chúng ta chỉ thấy chép các truyện về hậu phi, đế hệ, công thần và nghịch thần. Ngay ở phần công thần cũng thiếu nhiều.

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (phần Văn tịch chí), Phan Huy Chú có viết về *Lê triều thông sử* như sau:

"Sách *Lê triều thông sử* gồm 30 quyển do bảng nhân Lê Quý Đôn soạn... Bộ sách của ông rất đầy đủ rõ ràng, có thể là một bộ sử hoàn toàn của một triều đại".

Nếu chúng ta so sánh một số truyện công thần (như truyện Nguyễn Xí, Trần Nguyên Hãn chẳng hạn), chúng ta sẽ thấy Phan Huy Chú đã được đọc *Lê triều thông sử* của Lê Quý Đôn khi bộ sách này còn đầy đủ.

Xét như trên, chúng ta thấy *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn còn lại cho chúng ta hiện nay đã mất mát rất nhiều.

Đọc *Đại Việt thông sử*, chúng ta thấy Lê Quý Đôn dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và nhiều tài liệu khác. Trong phần "Chư thần truyện", chúng ta thấy Lê Quý Đôn đã sử dụng nhiều tài liệu của các gia phả và bi ký về các công thần.

Trong khi ghi chép các sự kiện, Lê Quý Đôn tỏ ra rất khách quan. Tư tưởng chính thống của Nho giáo khiến ông coi nhà Mạc là "ngụy". Nhưng khi trình bày các sự kiện lịch sử từ lúc Mạc Đăng Dung giết Hoàng đế Xuân (Cung Hoàng) và cướp ngôi vua của nhà Lê, ông đã trình bày các sự kiện đúng như nó có. Do đó, qua *Đại Việt thông sử*, chúng ta thấy được các việc làm của họ Mạc một cách tương đối rõ ràng.

Đại Việt thông sử, tóm lại, là một bộ sử có giá trị. Giá trị này không những được thể hiện ở chỗ nó được biên soạn đầu tiên theo thể tài kỷ truyện, mà còn thể hiện ở chỗ nó chứa đựng nhiều tài liệu khác mà các bộ sử khác không có. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, các sử thần của Quốc sử quán nhà Nguyễn, khi viết *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đã sử dụng nhiều tài liệu của *Đại Việt thông sử*.

Đại Việt thông sử, mặc dầu không còn nguyên vẹn, vẫn là bộ sách có ích cho những người làm công tác nghiên cứu lịch sử dân tộc, cụ thể là lịch sử dân tộc hồi thế kỷ XVI - XVII.

Chính vì nghĩ như thế, cho nên Viện Sử học đã cho dịch và in nguyên văn *Đại Việt thông sử* trong *Lê Quý Đôn toàn tập*.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 1976
VĂN TÂN

SƠ LƯỢC VỀ TÌNH HÌNH CÁC BẢN CỦA ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

Hiện nay, trong điều kiện hạn chế, chúng tôi mới chỉ sưu tầm được ở một số nơi có sách Hán Nôm, thì thấy được 8 bản *Đại Việt thông sử* bằng chữ Hán, đều là sách chép tay, được sao chép trong đời Nguyễn, và có nhiều sai sót. Xin kể sơ lược như sau:

Thư viện Khoa học xã hội Việt Nam (Hà Nội) có 6 bản:

1

BẢN A.1389 (chúng tôi gọi là bản A).

Đây là bản mà nội dung còn lại tương đối nhiều hơn cả so với các bản khác. Chúng tôi dựa vào đó làm bản nền để dịch và khảo dị.

Bản này không rõ chép từ một bản nào⁽¹⁾, trên giấy lệnh hội, khổ 30 x 20 cm, có 4 xấp đóng thành một tập, cộng 304 tờ, tờ 2 trang, trang 9 dòng, dòng, khoảng 20 chữ. Ở bản này, mở đầu các quyển nguyên ghi tên khá lộn xộn: quyển thì ghi là *Đại Việt thông sử*, quyển thì ghi

⁽¹⁾ Có lẽ là từ bản của Quốc sử quán nhà Nguyễn, vì ở phần họ Mạc, các chỗ nói đến Nguyễn Kim đều ghi là "Ngã Triệu Tổ" (Triệu Tổ triều ta), các chỗ nói đến Nguyễn Hoàng đều ghi là "Ngã Thái Tổ" (Thái Tổ triều ta). Đó là các danh hiệu mà nhà Nguyễn truy tôn Nguyễn Kim và Nguyễn Hoàng.

là *Tiên triều thông sử*; và các số quyển từ 30 đến 33 đánh đi đánh lại đến 2 lần.

2

BẢN A. 2759 (chúng tôi gọi là bản B).

Đại Việt thông sử. Sách chép tay, khổ giấy 30 x 17, hai tập, số tờ mới ghi sau này. Tập 1 có 132 tờ; tập 2 có 102 tờ. Cộng 234 tờ, tờ 2 trang, trang 3 dòng, dòng 20 chữ. Chữ viết nửa chân nửa thảo viết tốt và cẩn thận, dễ đọc.

Sách này nguyên là sách của thư viện Long Cương nhà họ Cao ở Nghệ An. Năm 1933, thư viện Viễn Đông Bác cổ mượn về chép ra một bản khác và đem bản chép lại đối lấy nguyên bản, tức là bản này (Xem: Les chapitres bibliographiques de Lê Quý Đôn et de Phan Huy Chú của Trần Văn Giáp, trang 18).

3

BẢN VHV. 1555 (chúng tôi gọi là bản C).

Đại Việt thông sử. Chép tay, khổ 25 x 14, giấy lệnh, rách nhiều tờ, đóng thành một tập. Cộng có 142 tờ, tờ 2 trang, trang 7 dòng, dòng 23 chữ. Có dấu của thư viện gia đình Hoàng Xuân Hãn. Viết bút lông đá thảo, chưa chấm câu.

4

BẢN A.18 (chúng tôi gọi là bản D).

Bản này chép lại sách ở Sở quán Huế trước năm 1904. Nguyên bản có 3 xấp, khổ giấy 29 x 15, đóng thành

một tập. Xấp thượng 69 tờ, trung và hạ đánh số liên nhau (116 tờ). Cộng 185 tờ, tờ 2 trang, trang 8 dòng, dòng 22 chữ. Có ghi tên người chép sách: Phạm Mộng Trân (trên tờ số 69), Hồ Hoành (trên tờ số 73). Tờ đầu tiên đánh số 5, vì bị rách mất bài tựa ở đầu.

5

BẢN VHV. 1685 (chúng tôi gọi là bản E).

Đại Việt thông sử. Sách chép tay, do Trường Đại học Tổng hợp sưu tầm trong nhân dân, tặng lại Thư viện Khoa học xã hội (có dấu của trường để tặng). Khổ 28 x 16cm, giấy lệnh, gồm 72 tờ, tờ 2 trang, trang 8 dòng, dòng 20 chữ. Bản này chỉ có phần đầu (tựa, yếu chỉ, phạm lệ, mục lục) và phần Đế kỷ, còn các phần khác đều không có.

6

BẢN VHV. 1330/2 (chúng tôi gọi là bản G).

(Bản này có dấu của Hội Khai trí tiến đức).

Đại Việt thông sử. Sách chép tay, giấy bản gồm 2 tập, tập 1 có 136 tờ, tập 2 có 143 tờ, cộng 279 tờ, tờ 2 trang, trang 8 dòng, dòng 19 chữ, chữ chân, dễ xem.

Bản này chỉ thiếu phần Đế kỷ, và phần Nghệ văn chí bị chép xuống cuối cùng, ngoài ra các phần khác thì như bản A.

7

Ở Thư viện Viện Sử học có một bản, ký hiệu HV.176/1-2 (chúng tôi gọi là bản H).

Đại Việt thông sử. Sách chép tay, khổ 17,5 x 30cm, gồm 2 tập, tập 1 có 135 tờ, tập 2 có 105 tờ, cộng 240 tờ, tờ 2 trang, trang 8 dòng, dòng 26 chữ. Sách sưu tầm trong dân gian, bìa cổ màu vàng, ruột giấy bản hơi vàng. Chữ viết bút lông, kiểu chữ chân, dễ đọc, có chấm câu bằng son, thỉnh thoảng có sửa chữa bằng son.

Ở Thư viện Khoa học xã hội Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh có một số bản sao chụp lại các dị bản của Hà Nội. Ngoài ra, có một bản sách chữ Hán khác nữa mà chúng tôi gọi là bản LML dưới đây:

8

BẢN LML:

Là phần chữ Hán in opset đằng sau sách *Đại Việt thông sử* do Lê Mạnh Liêu dịch. Bộ Văn hoá giáo dục và thanh niên (nguy quyền) xuất bản năm 1973. Theo lời ghi ở đầu sách, thì nguyên bản là bản chép tay lưu trữ tại Viện Khảo cổ (nguy quyền) dưới số VS-15.

Về cơ cấu, bản này giống như bản D.

*

* *

Để tiện cho độc giả khi cần có thể dễ dàng nắm được tình trạng chênh lệch nhiều ít về nội dung của các bản *Đại Việt thông sử* khác nhau. Chúng tôi xin trình bày một bảng tóm tắt sau đây.

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG CÁC DI BẢN

Lưu ý:

1. (Các dấu + là có; bản nào không có thì không đánh dấu).
2. (nb: là như bên cạnh).

Số thứ tự	Tên đặt cho các di bản	A	B	C	D	E	G	H.
	Ký hiệu thư viện. Nội dung	A1389	A2759	VHV 1555	A18	VHV 1685	VHV 1330/2	HV 176/12
I.1	Tựa	+	+	+		+		+
2	Yếu chỉ soạn sử	+	+	+	+	+		+
3	Phạm lệ	+	+	+	+	+		+
II. 4	Để kỷ đệ nhất: Thái Tổ thượng	+	+	+	+	+		+
5	Để kỷ đệ nhị: Thái Tổ hạ	+	+	+	+	+		+
III. 6	Nghệ văn chí tự	+	thiếu 28 tên sách	nb				nb
7	Nghệ văn chí	+						
IV. 8	Hậu phi: truyền tự	+	+	+			+	+
9	Hiển Tổ Nguyễn hoàng hậu	+	+				+	+
10	Tuyên Tổ Trịnh hoàng hậu	+	+				+	+
11	Thái Tổ Phạm thái hậu	+	+	+			+	+
12	Trịnh Thần phi	+	+	+			+	+

13	Phạm Huệ phi	+	+	+			+	+
14	Thái Tông Nguyễn hoàng hậu	+	+	+			+	+
15	Ngô hoàng hậu	+	+	+			+	+
16	Lê Nguyên phi		+	+			+	
17	Lê Chiêu Nghi		+	+				
18	Thành Tông Nguyễn hoàng hậu	+	+	+			+	
19	Phùng Hoàng hậu	+	+	+			+	+
20	Phạm Minh phi	+	+	+			+	+
21	Nguyễn Kính phi	+	+	+			+	+
22	Nguyễn Tài nhân	+	+	+			+	+
23	Nguyễn Tu dung	+	+	+			+	+
24	Nguyễn Quý phi	+	+	+			+	+
25	Nguyễn Hiến Tông Nguyễn hoàng hậu	+	+	+			+	+
26	Nguyễn hoàng hậu	+	+	+			+	+
27	Nguyễn Kính phi	+	+	+			+	+
28	Mai Quý phi	+	+	+			+	+
29	Bùi Quý phi	+	+	+			+	+
30	Đức Tông Trịnh hoàng hậu	+	+	+			+	+
31	Uy Mục đế Trần hoàng hậu	+	+	+			+	+
32	Lê phi	+	+	+			+	+
33	Tương Dục đế Nguyễn hoàng hậu	+	+	+			+	+
34	Minh Tông Trịnh hoàng hậu	+	+	+			+	+
35	Chiêu Tông Trịnh hoàng hậu	+	+	+			+	+
36	Cung hoàng Nguyễn Quý phi	+	+	+			+	+
V.37	Đế hệ truyền tự	+	+	+			+	+

38	Chiêu Hiếu đại vương	+	+	+			+	+
39	Quân Ai vương	+	+	+			+	+
40	Cung vương	+	+	+			+	+
41	Kiến vương Tân	+	+	+			+	+
42	Cầm Giang vương	+	+	+			+	+
43	Phúc vương	+	+	+			+	+
44	Triệu vương	+	+	+			+	+
45	Kinh vương	+	+	+			+	+
46	An vương	+	+	+			+	+
VI	<i>Chư (công) thần</i>							
47	Lê Thạch	+	+	+			+	+
48	Lê Lai	+	+	+			+	+
49	Lê Niệm	+	+	+			+	+
50	Lê Lễ	+	+	+			+	+
51	Đinh Liệt	+	+	+			+	+
52	Lê Triện	+	+	+			+	+
53	Lê Lăng	+	+	+			+	+
54	Nguyễn Xi	+	+	+			+	+
55	Trần Nguyên Hân	+	+	+			+	+
56	Phạm Văn Xảo	+	+	+			+	+
57	Lê Sát	+	+	+			+	+
58	Lê Ngân	+	+	+			+	+
59	Lê Nhân Chú	+	+	+			+	+
60	Trịnh Khả	+	+	+			+	+
61	Phạm Vãn	+	+	+			+	+
62	Lê Ly	+	+	+			+	+
63	Lê Văn An	+	+	+			+	+
64	Lê Thận	+	+	rách mắt			+	+
65	Trịnh Lỗi	+	+	rách mắt			+	+

VII	<i>Nghịch thần</i> (trước họ Mạc)							
66	Trần Phong	+					+	
67	Lương Như Hốt	+					+	
68	Đỗ Duy Trung	+					+	
69	Nghi Dân	+					+	
70	Trịnh Duy Sản	+					+	
71	Trịnh Duy Đại	+					+	
72	Trần Tuấn	+					+	
73	Trần Cảo	+					+	
74	Nguyễn Kinh	+					+	
75	Nguyễn Khắc Hải	+					+	
76	Vũ Hộ	+					+	
VIII	<i>Nghịch thần</i> (họ Mạc)	+					+	
77	Mạc Đăng Dung	+	+		+		+	+
78	Mạc Đăng Doanh	+	+		+		+	+
79	Mạc Phúc Hải	+	+		+		+	+
80	Mạc Phúc Nguyên	+	+		+		+	+
81	Mạc Mậu Hợp	+	+		+		+	+
82	Mạc Kinh Diên	+	+				+	+
83	Mạc Kinh Chỉ	+	+				+	+
84	Mạc Kinh Cung	+	+				+	+
85	Mạc Kinh Khoan	+	+				+	+
86	Mạc kinh Vũ (Bản A chép là Kinh Hoàn)	+	+				+	+

NGƯỜI DỊCH

PHƯƠNG PHÁP BIÊN DỊCH

1. Để dịch sách này, chúng tôi dựa theo bản ký hiệu A.1389 là chính, lấy đó làm bản nền (vì bản này còn nhiều nội dung hơn cả trong số các bản hiện còn). Đồng thời có đối chiếu với các bản *Đại Việt thông sử* khác như đã nói ở mục 8 dưới đây.

2. Khi dịch, những chữ do sao chép viết trạnh vì kiêng tên húy đời Nguyễn (như chữ "Tông" bị đổi làm "Tôn", "Thì" bị đổi làm "Thìn", v. v...) đều khôi phục lại nguyên dạng mà dịch.

3. Những chỗ sai dị quan trọng giữa các bản, hoặc đã xác định được hoặc chưa xác định được còn để tồn nghi, đều ghi chú xuống dưới trang.

4. Về trật tự các phần, chúng tôi để theo trật tự của bản nền. Riêng hai truyện Lê Chiêu Nghi và Lê Nguyên phi (ở phần Hậu phi truyện) vì ở bản nền không có, nên phải bổ sung theo các dị bản B, C, G.

5. Các số đề mục ở phần liệt truyện, trong nguyên bản không có, do người dịch thêm vào.

6. Vì số thứ tự quyển của nguyên thư chưa xác định được, mà ở các dị bản thì mâu thuẫn nhau, nên chúng tôi không đánh số quyển.

7. Chúng tôi có tham khảo kế thừa và các sách đã

dịch khác như *Đại Việt thông sử* của Lê Mịch Liêu, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử thông giám cương mục*, v. v... để dịch và chú. Nhân đây, xin tỏ lời chân thành cảm ơn các vị đã đi trước.

8. Hệ thống ký hiệu và chữ tắt.

a) Các bản *Đại Việt thông sử* bằng chữ Hán.

- Bản A	Bản ký hiệu A.1389	(Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội)
- Bản B	Bản ký hiệu A.2759	(Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội)
- Bản C	Bản ký hiệu VHV.1555	(Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội)
- Bản D	Bản ký hiệu A.18	(Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội)
- Bản E	Bản ký hiệu VHV.1685	(Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội)
- Bản G	Bản ký hiệu VHV.1330/2	(Thư viện Khoa học xã hội, Hà Nội)
- Bản H	Bản ký hiệu HV.176/1 - 2	(Thư viện Viện Sử học)
- Bản LML	(Bản Lê Mạnh Liêu), phần chữ Hán là bản chép tay lưu trữ tại Viện Khảo cổ (ngụy quyền Sài Gòn) dưới số VS. 15	

b) Các sách khác:

- *Cương mục*: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* - Quốc sử quán thế kỷ XIX. Nhà xuất bản Văn Sử Địa. Hà Nội, 1958.

- L.S T.L: *Lam sơn thực lục* - trong *Nguyễn Trãi toàn*

tập, Nhà xuất bản *Khoa học xã hội*, Hà Nội, bản in lần thứ 2, 1976.

- L.T.H.C.L.C. *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, Nhà xuất bản *Sử học*, Hà Nội, 1960.

- Toàn thư: *Đại Việt sử ký toàn thư* - Đình thần triều Lê - Nhà xuất bản *Khoa học xã hội*, Hà Nội, 1967.

c) *Các ký hiệu:*

- (... ...) dấu ngoặc đơn: là nguyên chú của bản chữ Hán.

- [.....] dấu ngoặc vuông: là người dịch thêm vào, hoặc đánh dấu ghi chú về một đoạn văn ở dị bản nào đó bị bỏ sót.

- Các số từ a, b ghi trong ngoặc đơn vuông là từ ở bản nền.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

TỰA

Sử có hai thể, sách *Thượng thư*⁽¹⁾ mỗi việc chép riêng, đủ cả đầu cuối từng việc, thể kỷ truyện đời sau là gốc ở đó; sách *Xuân Thu* gộp cả công việc từng năm, để thấy rõ việc trước việc sau, thể biên niên đời sau là nguồn từ đó. Đời Chiến quốc trước nhà Tần thì có những sách *Trúc thư kỷ niên*⁽²⁾, *Lã thị Xuân Thu*⁽³⁾ đều dùng thể biên niên. Tư Mã Thiên đời Hán làm ra *Sử ký*, bấy giờ mới có thể "kỷ truyện", về sau các ông họ Ban, họ Phạm, họ Trần, họ Thâm⁽⁴⁾ đều bắt chước thể ấy mà biên soạn. Sách *Văn hiến thông khảo*⁽⁵⁾ liệt sách của họ vào loại chính sử. Sách

(1) *Thượng thư* tức Kinh Thư.

(2) *Trúc thư kỷ niên*: Sách viết vào mảnh tre, tìm thấy trong mả Ngụy Tương vương, chép từ nhà Hạ đến Chu U vương.

(3) *Lã thị Xuân Thu*: Sách *Xuân Thu* do Lã Bất Vỹ đời Tần soạn. (Bản A viết là Ngô thị Xuân thu - sai).

(4) *Ban*: Ban Cố, người đời Hán, làm sách *Hán thư*.

Phạm: Phạm Việp, người đời Nam Bắc triều, làm sách *Hậu Hán thư*.

Trần: Trần Thọ, người đời Tấn, làm sách *Tam quốc chí*.

Thâm: Thâm Ước, người đời Lương, làm sách *Tống thư*.

(5) *Văn hiến thông khảo*: Sách của Mã Đoan Lâm, người đời Nguyên soạn.

biên niên như *Hán kỷ* của Tuân Duyệt, *Dương Thu* của Tôn Thịnh⁽¹⁾, *Đường giám* của Tổ Vũ, thỉnh thoảng cũng có. Học giả bấy giờ chưa ham chuộng lắm. Từ khi có Thúc Thủy⁽²⁾, Khảo Đình⁽³⁾ hai bộ *Trị giám*⁽⁴⁾ và *Cương mục*⁽⁵⁾ tỏ rạng nghìn xưa, rồi các nhà làm sử sau mới đua nhau làm sử biên niên. Kể ra, vẫn không thể tạp loạn, thể tài phải tự khác nhau, cho nên *Kinh Thư* và *Xuân Thu* đều là sử cả, mà thánh nhân phân biệt làm hai, nhưng cẩn thận tinh vi thì cùng một mối, khuôn phép dạy bảo thì cùng một đường, hậu nho đều bắt chước cả, cốt sao cho sự tích kỷ mà đúng, tự thuật gọn mà nghiêm, để khỏi mất cái nghĩa khen chê công bằng, nêu gương khuyên răn của cổ nhân. Nước Việt ta dựng nước, đặt quan làm sử, nối tiếp nhau đều dùng thể biên niên để chép việc như sử đời Lý của Lê Văn Hưu, sử đời Trần của Phan Phu Tiên, gọn gàng đúng đắn có thể dùng được, nhưng về điển chương của một triều đại thì bỏ nhiều không thấy chép, người xưa phải lấy làm tiếc. Tiên triều dựng nước, Thái Tổ là bậc thần võ mở mang cơ nghiệp, Thái Tông là bậc anh minh nối giữ cơ đồ, Thuần Hoàng⁽⁶⁾ thì tài lược khác thường, đổi mới mọi việc. Hiến Miếu⁽⁷⁾ thì kính trời khoan

⁽¹⁾ Tôn Thịnh đời Tấn, làm sử nước Tấn, gọi là *Tấn Xuân Thu*, nhưng vì Trịnh hậu của Tấn Giản Văn để tên là Xuân, nên đổi gọi là *Tấn Dương Thu*.

⁽²⁾ Thúc Thủy: Tên hiệu của Tư Mã Quang đời Tống.

⁽³⁾ Khảo Đình: Tên hiệu của Chu Hy đời Tống.

⁽⁴⁾ *Trị giám*: Tức là sách *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang soạn.

⁽⁵⁾ *Cương mục*: Sách *Tư trị thông giám cương mục* của Chu Hy soạn.

⁽⁶⁾ *Thuần Hoàng*: Tức Lê Thánh Tông.

⁽⁷⁾ *Hiển Miếu*: Tức Lê Hiến Tông.

hậu, theo giữ nếp xưa, mô liệt huấn cáo⁽¹⁾ rất nhiều, văn vật điển chương rất đẹp, không kém gì Trung Quốc, thế mà xét trong thực lục⁽²⁾ thì không thấy chép. Đến đời Hồng Đức, Tế (tờ 2a) tửu Ngô Sĩ Liên chép từ đời Thuận Thiên⁽³⁾ đến đời Diên Ninh⁽⁴⁾ làm *Tam triều bản kỷ*, kể việc cũng kỹ và có mô giường. Bấy giờ kén chọn sử quan rất cẩn trọng, như sử quan Lê Nghĩa⁽⁵⁾ chép thẳng giữ ngay, có khi tiết như cổ nhân, nhưng sách chép việc hàng ngày đó, nay không còn nữa. Đến đời Hồng Thuận (1509 - 1516) thì Tổng tài Vũ Quỳnh mới chép từ đời Quang Thuận (1460 - 1469) đến đời Đoan Khánh (1505 - 1509) làm *Tứ triều bản kỷ*, sắc lệnh và điều lệ thì hơi đủ, còn công việc bổ dụng và số tấu của các quan thì còn sót nhiều. Từ đời Hồng Thuận trở đi, đến đời Dương Đức (1672 - 1673) buổi đầu trung hưng, các sử thần biên chép tiếp theo, tra xét góp nhặt không được rộng, ý nghĩa và thể lệ chép chưa tinh. Công việc hàng hơn trăm năm, mà biên soạn vốn không phải một người, thế mà chép sơ sài như thế.

Những vua thánh tối hiền cùng nhau gây dựng cơ đồ giữ gìn nếp cũ, mà những đức hạnh tốt, lời nói hay, mưu bí mật, kế lớn lao đều lu mờ không tỏ rõ, bị che lấp không nổi lên, để cho những tình trạng của kẻ gian狡 hung ác, bọn khốc lại (tờ 2b) gian thần, nhờ đó mà được che giấu, đáng phàn nàn thay!

(1) *Mô liệt*: Lời định mưu lập công; *Huấn cáo*: Lời bố cáo để răn dạy.

(2) *Thực lục*: Sách chép sự thực.

(3) *Thuận Thiên*: Niên hiệu Lê Thái Tổ (1428 - 1433).

(4) *Diên Ninh*: Niên hiệu Lê Nhân Tông (1454 - 1459).

(5) *Lê Nghĩa*: Sử quan đời Lê Thánh Tông, không muốn cho Thánh Tông xem quốc sử để có thể biên chép được tự do. *Cương mục*, quyển XX. (tờ 27a).

Đại để phép làm sử là phải: mỗi sự kiện đều nhất đủ không bỏ sót, để cho người ta sau khi mở sách ra xem, rõ được manh mối, biết được đầu đuôi, tuy không được mắt thấy tai nghe, mà rõ ràng như chính mình được thấy. Hãy nói qua những điều đại yếu như: diêm trời lạnh dữ, vận đất đổi thay, phải chép; việc vua đi ra, việc sách lập hậu phi, thái tử, phải chép; chiếu lệnh ban xuống, tế thần tâu lên, sổ của các quan, phải chép; việc dùng hay bãi các công khanh thị tùng, việc bổ hay đổi các trấn vệ tướng thần, việc sai phái các quan văn võ trong ngoài, việc thăng thưởng các tôn thất huân thích, đều phải chép thực cả. Bên trong thì dựng lên hay bãi bỏ một pháp độ, như các việc tuyển cử, quan chế, binh chính, quốc dụng, binh quyền, thuế khoá, tiền tệ; bên ngoài thì việc bang giao tốt hay xấu, như các việc sai sứ sang Trung Quốc, việc nước Chiêm, nước Lào cống hiến, giấy tờ qua lại, phẩm vật ban cho, cả đến những việc đánh Chiêm Thành, Bôn Man, Lão Qua; (tờ 3a) lễ nhạc, diên cách, thì như các việc tế Trời Đất, tế Tôn Miếu, tế Núi Sông, điệu múa bài nhạc, nghi lễ trong triều và trong quân; dòng dõi danh hiệu thì như việc phong tước họ ngoại họ nội; dòng dõi nhà vua cùng là dòng dõi công thần, tuy là việc thường, cố nhiên không nên chép rườm, nhưng nếu có việc gì thuộc về nghị luận quan trọng và chế tác to lớn thì đều phải theo từng việc mà chép đủ ngày tháng. Theo thể lệ ấy mà nói thì sử cũ chép mười phần chưa được một phần, người muốn tìm xét đời xưa, muốn bàn bạc việc nước, còn biết khảo cứu vào đâu? Xem trong bộ *Nhị thập nhất sử*⁽¹⁾,

⁽¹⁾ *Nhị thập nhất sử* gồm 21 bộ sử là: *Sử ký, Hán thư, Hậu Hán thư, Tam quốc chí, Tấn thư, Tống thư, Nam Tề thư, Lương thư, Trần thư, Hậu ngụy thư, Bắc Tề thư, Hậu Chu thư, Tùy thư, Nam sử, Bắc sử, Đường thư, Ngũ đại sử, Tống sử, Liêu sử, Kim sử, Nguyên sử*. Tập sử này xuất bản ở đời Minh.

như các triều Chu, Tề, Lương, Trần ở một xó hẻo lánh, chính sự kém cỏi, làm vua không lâu, chỉ được năm mươi năm, hoặc hơn hai mươi năm, ba mươi năm, thế mà những học giả về sau còn tìm tòi thảo luận, chép làm sử của một đời, để cho sự nghiệp văn hoá được rõ ràng đến đời sau. Huống chi trước Đại Việt ta trị bình hơn trăm năm, xây dựng sửa sang rõ rệt như thế, mà sử sách biên chép thì lại vắng vẻ như thế, chẳng là đáng (tờ 3b) thẹn với đời trước ru? Tôi không tự xét mình kém cỏi muốn bắt chước thể kỷ truyện, chép theo sự loại chia ra từng điều và tóm lại một lối, lại phụ thêm những lời bàn tán thuật bày theo ý riêng mình. Về các chí thì phỏng theo thể lệ các sách *Tuỳ thư*, *Tấn thư* của Ngụy Trưng⁽¹⁾ chép thêm cả chính sự các đời Lý, Trần ở trên thể lệ của triều trước⁽²⁾, soạn thành thông sử, để làm đại điển của một đời. Hiềm vì ngày nay cách triều trước đã mấy trăm năm, sách nát thể gãy đã tản mác từ lâu, tập truyện của các cố gia cũng không dò hỏi khảo cứu được, muốn thành công việc biên soạn thực là rất khó. Vả chẳng tiên nho làm sử, đều tập hợp mọi sách, chọn nhặt sửa chữa, rồi mới làm nên, như Thái sử công⁽³⁾ phải tìm tòi các sách chứa trong hòm vàng, nhà đá mới làm thành bộ *Sử ký*; Ban Cố noi theo, lại lấy cả ở các sách của Lưu Hâm và Ban Bưu mới làm thành bộ *Hán thư*; cả đến các ông Trần Thọ, Phạm Việp, Âu Dương Tu cũng đều thế cả. Thế mà truyện chí của ta, từ trước đến giờ chưa có một mảnh giấy hay một chữ nào. Nay bắt đầu (tờ 4b) biên soạn thì thực lục lại

⁽¹⁾ Thực ra chỉ có *Tuỳ thư* là do Ngụy Trưng chủ biên. Nhưng ở hai sách này, các phần "chí" đều được sưu tầm biên chép rất kỹ, được học giả đời sau đánh giá cao.

⁽²⁾ *Triều trước*: ở chỗ này là triều Lê, từ khi chưa bị nhà Mạc cướp ngôi.

⁽³⁾ *Thái sử công*: tức Tư Mã Thiên.

chép sơ lược sai lầm, chưa thể căn cứ hoàn toàn vào đấy, lại phải tìm cả các sách tạp, các bản sót, các liệt truyện, các dã sử, văn khắc vào bia vào đỉnh, gia phả của các thế gia, cùng là các bản sao chép của các học giả Bắc triều. Phải trái bù nhau, nửa sai nửa đúng, tìm hỏi đã khó, giám định lại cũng không dễ. Đầu cuối rộng rãi, công sức lớn lao, mỗi khi cầm bút muốn viết, lại nghĩ đến thận trọng mà thường phải rụt rè, đầu dăm nghĩ làm cho chóng xong để theo kịp họ Ban, họ Mã. Tạm xin chép đúng năm tháng, nhật nhật những việc mất mát bổ sung vào chỗ sử trước chưa đủ, ghi lại việc cũ cho đời sau, may ra văn hiến có đủ chứng cứ có thể kê cứu việc cũ, có thể để lại gương sau, dù trộm tiếng làm sách để làm trò cười cho bậc đại tài cũng đành phải chịu⁽¹⁾.

Tháng Tám năm Canh Hưng thứ 10 Kỷ Tỵ (1759)
Diễn Hà Quế Đường, Lê Quý Đôn, Doãn Hậu đề tựa.

⁽¹⁾ Trong các bản *Đại Việt thông sử*, chúng tôi hiện dùng bản nào có bài tựa thì cũng kết thúc ở câu này, nhưng theo bản dịch *Lịch triều hiến chương loại chí* (Văn tịch chí - Kinh sử loại) của Phan Huy Chú, thì bài tựa còn có thêm một đoạn nữa như sau:

"Có bài phạm lệ nêu những ý chỉ chủ yếu hơn 10 điều ở đầu sách. Về *Đế kỷ* thì soạn từ Thái Tổ đến Cung Hoàng làm *Bản kỷ*; về các chí thì theo *Tổng sử* phân biệt từng việc từng loại: về truyện thì trước là hậu phi và dòng họ nhà vua, thứ đến công thần, tướng (võ) tướng (văn), đến những nhà nho học, những người tiết nghĩa, những cao sĩ, liệt nữ, rồi đến phương kỹ, các họ ngoại thích, rồi đến nịnh thần, gian thần, nghịch tặc và sau cùng đến tứ di".

Xét ra, những ý kiến về bố cục cuốn sách nói trong đoạn này đã được tác giả đưa vào "Phạm lệ", vậy có thể đây là lời giới thiệu của Phan Huy Chú chứ không phải là lời văn trong bài tựa của Lê Quý Đôn.

TÔN CHỈ VÀ Ý NGHĨA TRỌNG YẾU CỦA VIỆC SOẠN SỬ

Tuân Duyệt⁽¹⁾ đời Hán nói: "Thời xưa, triều đình có hai toà sử: Toà sử bên tả chuyên chép lời vua nói, Toà sử bên hữu chuyên chép việc vua làm. Mỗi khi vua có cử động, đều ghi chép hết. Cho nên điều hay điều dở và việc thành việc bại của nhà vua, thấy đều còn lại. Dưới đến kẻ sĩ và thứ dân, nếu có người tài, việc lạ, cũng đều ghi chép. Bởi thế việc phải trái chỉ trong một ngày, mà vinh nhục lưu truyền ngàn thuở".

Văn Trung Tử⁽²⁾ nói: "Thánh nhân có ba sách, thuật theo lối sử: 1. *Kinh Thư*; 2. *Kinh Thi*; 3. *Kinh Xuân Thu*. Ba sách ấy đều bởi sử mà ra, nhưng không thể hỗn tạp được. Bởi thế thánh nhân chia làm ba loại".

Viên Sơn Tùng nói: "Việc chép sử có 5 điểm kém: 1. Phiền toái mà không chỉnh đốn; 2. Thô tục mà không diễn tả; 3. Chép không đúng sự thực; 4. Khen chê không trúng; 5. Văn không thẳng chất".

(tờ 5b) Lưu Tri Cơ⁽³⁾ nói: "Người soạn sử phải có ba sở

⁽¹⁾ *Tuân Duyệt*; tự Trọng Dục, người thời cuối Đông Hán, từ nhỏ thích đọc sách *Xuân Thu*. Có làm sách *Hán ký* 30 thiên, theo thể tài *Tả truyện*.

⁽²⁾ *Văn Trung tử*: tên thụy của Vương Thông đời Tuỳ, tác giả sách *Văn Trung tử*.

⁽³⁾ *Lưu Tri Cơ*: tự Tử Huyền, người đất Bành Thành, đầu Tiến sĩ, làm quan soạn sử dưới triều Vũ Hậu nhà Đường, có tác phẩm là sách *Thông sử*.

trường: 1. Tài năng; 2. Học lực; 3. Tri thức".

Lý Cao⁽¹⁾ đời Đường dâng sớ lên vua rằng: "Hiện nay những tờ hành trạng của các quan, nếu không phải của nho sinh thì tức là người thuộc lại cũ của họ soạn, hết thấy đều thêm hao là: nhân, nghĩa, lễ, trí; nói bữa là: trung, túc, huệ, hoà⁽²⁾, không hề bày tỏ sự thực. Bởi thế cho nên, điều thiện điều ác lẫn lộn không phân biệt. Vậy kính xin bắt phải chép thẳng theo sự thực, ghi đúng những lời nói vào, thì những công trạng thiện hay ác sẽ tự rõ rệt".

Trương Bật⁽³⁾ thời Tống tâu lên vua rằng: "Chức trách của sử quan: Về thiên văn, tường hiểu độ số trời đất, mặt trời, mặt trăng; về địa lý, biết rõ khu vực núi sông bờ cõi; về dòng họ, biết thứ tự tổ chiêu, tổ mục; về chính trị, biết lễ nhạc và quân sự. Lấy gốc ở những tài liệu ghi chép của quan Khởi cư chú⁽⁴⁾. Chép việc thì ghi cả ngày tháng giờ và năm, nhưng phải ghi ngày mồng một tháng ấy thuộc ngày can chi để ghi số lịch. Chép điển lệ văn vật, để (tờ 6b) khảo sát về chế độ; chép việc đổi quan, phong tước, nêu thưởng, để khuyên người thiện; chép việc giết, phạt, truất miễn, để răn kẻ ác. Ghi lời nói thì sao lục những chính sự to lớn trong các bài chế, bài chiếu".

⁽¹⁾ *Lý Cao*: tự là Tập Chi, người Triệu quận, đậu Tiến sĩ đời Đường, là một học giả lớn đương thời.

⁽²⁾ *Trung*: trung thành; *Túc*: nghiêm túc; *Huệ*: có ơn huệ; *Hoà*: ôn hoà.

⁽³⁾ *Trương Bật*: tự Tử Trừng, người đất Hoài Nam, làm quan triều Nam Đường, sau hàng nhà Tống, làm sử quan.

⁽⁴⁾ *Khởi cư chú*: chức quan chuyên theo dõi ghi chép mọi hoạt động hàng ngày của nhà vua.

Âu Dương Công⁽¹⁾ nói: Những năm gần đây, các nhà soạn sử quá giản lược, chép việc bỏ sót trăm phần không còn một cho đến những việc quan hệ đến sự thể lớn, cũng bỏ mất mà không ghi chép. Cái tệ này do quan thuộc soạn sử, chỉ chép theo những tờ báo cáo do các ty gửi về, mà không dám chép những điều mắt thấy tai nghe của mình".

Tăng Cung⁽²⁾ nói: "Các nhà viết sử giỏi thời xưa, thì về sáng suốt ắt đủ để hiểu suốt lẽ mọi việc; về "đạo lý" ắt đủ để thông dụng khắp thiên hạ; về "trí tuệ" ắt đủ để hiểu ý tứ việc khó biết; về "văn" ắt đủ để diễn đạt được những tình huống không rõ".

Giang Tảo⁽³⁾ nói "Cái lớn của trị đạo, thấy chép trong sử, chẳng qua là: chính sự thịnh đạt hay trỗi nãi, và nhân tài (tờ 6b) được thăng hay bị truất. Việc thịnh hay trỗi, tất có gốc có ngọn, người thăng hay truất, tất có trước có sau. Những việc đó, nếu không ghi ngày giờ tháng và năm, thì người sau khảo cứu vào đâu!".

Lục Du⁽⁴⁾ nói: "Những tài liệu mà sử quan cần tới trên thì có Trung thư, Mật viện⁽⁵⁾, dưới thì các phủ, các ty cho đến các quận quốc ở khắp bốn phương xa, thu thập tất cả tài liệu văn kiện ở các nơi ấy, rồi thêm vào điều

⁽¹⁾ Âu Dương Công: tức Âu Dương Tu, một nhà văn và học giả nổi tiếng đời Tống, có soạn sách *Tân Đường thư* và *Tân ngũ đại sử*.

⁽²⁾ Tăng Cung: tự là Tử Cố, người đời Tống, là một trong những nhà văn lớn đời Tống.

⁽³⁾ Giang Tảo: tức là Giang Đức Tảo (509 - 565), là một nhà văn nổi tiếng đời Lương, sau làm quan thư giám triều Trần (Lục triều).

⁽⁴⁾ Lục Du: tự Vụ Quan, biệt hiệu Phóng Ông, một nhà văn lớn đời Tống, có soạn sách *Nam Đường thư*.

⁽⁵⁾ *Trung thư* và *Mật viện*: đều là những cơ quan kế cận nhà vua, quyền ngang tể tướng.

chính tai nghe mắt thấy, lại xét những lời trong các bài bia ký, mộ chí hành trạng, căn cứ vào công luận; xén bỏ những điều ngoa lầm của dã sử và tiểu thuyết. Cần lấy thiên hạ làm công, mà dẹp bỏ ý riêng của một nhà. Thế là việc chép sử thành vậy.

Yết Hê Tư⁽¹⁾ nói: "Việc soạn sử lấy việc dùng người làm gốc. Người có văn học mà không biết cách chép sử, không thể cho dự vào Sử quán; người có văn học lại kiêm biết cách soạn sử, nhưng bụng dạ bất chính, cũng không được dự".

⁽¹⁾ *Yết Hê Tư* (1274 - 1344): tự Man Thạc, sinh vào thời Nguyên Thế Tổ, ông đứng đầu biên soạn ba bộ sử Liêu, Kim, Tống. Bản *LML* chép lầm chữ *Yết* ra chữ *Dương*.

PHẠM LỆ

1. Nay soạn bộ sử này, chép từ thời vua Thái Tổ Cao Hoàng đế, cho đến hết thời vua Cung Hoàng, làm bản kỷ, làm chí, làm liệt truyện.

2. Vua Thái Tổ bắt đầu khởi binh từ năm Mậu Tuất (1418) đến năm Mậu Thân (1428) lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Thuận Thiên. Từ năm Ất Ty (1425) đã dựng Trần Cảo làm vua, đặt niên hiệu là Thiên Khánh, để duy trì lòng dân. Đó chỉ là việc quyền biến trong một thời, cũng như việc vua Cao Tổ nhà Hán tôn Nghĩa đế⁽¹⁾ làm vua; nhà Đường dựng Đại vương lên ngôi vua; vua Thái Tổ nhà Minh theo dùng lịch Long Phụng⁽²⁾ của Hàn Lâm Nghệ. Thời đại tuy khác, nhưng cũng cùng chung một ý chí. Vậy thì cần gì phải kiêng cũ giấu giếm. Nay sử này chép về Trần Cảo thì chép là "Trần Chủ Cảo" (chúa nhà Trần tên là Cảo); khi Trần Cảo chết thì chép chữ "tô", để biểu hiện là vua này không phải là vua vậy⁽³⁾; chép về

⁽¹⁾ Nghĩa đế: một người dòng dõi vua Sở đã bị nhà Tần diệt, lánh ẩn trong dân gian, sau Hạng Lương, Hạng Vũ và Lưu Bang, tôn phò làm vua để lấy danh nghĩa tập hợp lực lượng đánh Tần.

⁽²⁾ Long Phụng: niên hiệu của Hàn Lâm Nghệ, cuối thời Nguyên.

⁽³⁾ Theo thông lệ chép sử, khi vua thiên tử chết thì chép chữ "băng". Đây không dùng chữ "băng" mà chép chữ "tô", để tỏ Trần Cảo không phải là vua thiên tử.

niên hiệu Thiên Khánh, thì chú thành hai hàng (chữ nhỏ) để khỏi mất sự thực.

3. Các tên thụy, hiệu đều chép từ khi vua mới lên ngôi làm căn cứ. Sau đó các triều có tăng thêm, trùng điệp phiền phức, nay đều không chép.

4. Vua Uy Mục tuy vô đạo, nhưng là vua, là anh. Vua Tương Dực mượn tiếng đại nghĩa để khởi binh, nhưng là bầy tôi, là em. Em không thể bức hiếp anh, bầy tôi không thể phản vua. Thế mà việc này sử cũ chép: "Cử nghĩa binh". Như vậy có thể làm phương hại nền danh giáo. Nay sử này chép: "Nguyễn Văn Lang khởi binh, tôn phụng Giản Tu Công làm vua". Về phần dưới thì chép: "Giản Tu Công giết vua", để tỏ rõ danh phận vua tôi.

5. Vua Chiêu Tông ở ngôi vua trong 8 năm, không có điều gì là thất đức cho lắm, chỉ vì kẻ nghịch thần vâng mệnh vời ngoại binh dẹp giặc, Mạc Đăng Dung bèn dựng Cung Hoàng làm vua, để cự lại mệnh trên. Thế mà sử cũ đều chép: "Quang Thiệu đế", "Thống Nguyên đế". Không phân biệt chút nào. Lại sau khi vua Chiêu Tông đi vào Thanh Hoa (từ 8a) đã ba năm, mà hiệu lệnh vẫn thi hành, lòng người vẫn chưa quên. Thế mà sử cũ vội tước bỏ niên hiệu Quang Thiệu⁽¹⁾ đi, rồi chép ngay niên hiệu Thống Nguyên⁽²⁾. Như vậy không đúng với ý chép việc vua Chiêu Công ở đất Can Hầu của kinh Xuân Thu⁽³⁾. Nay sử này tra tường sự tích, vẫn chép: "Niên hiệu

⁽¹⁾ *Quang Thiệu*: niên hiệu của vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1526).

⁽²⁾ *Thống Nguyên*: niên hiệu của vua Lê Cung Hoàng (1522 - 1527).

⁽³⁾ *Can Hầu*: tên ấp, thời Xuân Thu, vua Lỗ Chiêu Công nhường ngôi rồi ra ở đất Can Hầu.

Quang Thiệu thứ 10", và chép ở phần dưới là "Đăng Dung bức hiệp hoàng đế phải về Đông Đô", lại chép: "Có nhiều bấy tôi chết về vụ này", để tỏ danh nghĩa.

6. Đăng Dung lẳng bức vua, những sự phong tước hay ra sắc mệnh, đều do y tự xếp, chứ không phải là chiếu chỉ của vua Cung đế. Nay sử này theo phép chép sử của Chu Tử. Hết thấy các việc như trên, đều chép chữ "tự" (tự ý), để tỏ tội của Đăng Dung.

7. Những sự khó khăn về soạn sử, không gì khó bằng viết chí. Lối chép chí của thời Hán, thời Đường rất đầy đủ phép tắc, lại có những lời bình luận xen vào. Văn pháp tuy điệu, nhưng đọc giả phải chắt vật mới có thể hiểu nổi. Duy sử thời Tống thì chia ra từng điều từng mục, loại nào ra loại ấy, rõ ràng phân minh, rất tiện cho người đọc. Nay chép "Quốc triều chí" này, theo phép chép chí của thời Tống.

(tờ 8b) 8. "Liệt truyện" bắt đầu chép Hậu phi và dòng dõi nhà vua trước, là trọng thứ bậc vậy; thứ đến chép công thần và tướng văn tướng võ, là nêu công đức vậy; thứ nữa chép đến các nhà nho và người tiết nghĩa, là trọng tài học và khen trung tiết vậy; thứ nữa chép đến bậc cao sĩ và gái liệt nữ, là khen ẩn dật và nêu nét con gái vậy; thứ nữa chép đến phương kỹ, ngoại thích, là chép đủ việc vậy; thứ nữa chép đến các nịnh thần, gian thần và nghịch thần, là răn điều ác vậy; cuối cùng chép 4 rợ, là nghiêm phòng trong và ngoài vậy.

... .. (1) ...

⁽¹⁾ Theo lời giới thiệu của Phan Huy Chú thì phàm lệ có hơn 10 điều. Ở đây chỉ có 8 điều, có lẽ phần này cũng bị mất.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN I

ĐẾ KỶ ĐỆ NHẤT

THẦN ĐÔN soạn

THÁI TỔ (THƯỢNG)

Vua Thái Tổ (thụy hiệu) "Thống thiên Khải vận Thánh đức Thần công Duệ văn Anh vũ Khoan minh Dũng trí Hoàng nghĩa Chí nhân Đại hiếu Cao⁽¹⁾ Hoàng đế. Họ Lê, tên húy là Lợi, người làng Lam Giang, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hoa. Cụ tăng tổ của vua tên húy là Hối, sau truy tôn là Cao thượng tổ Minh Hoàng đế". Tính cụ chất phác ngay thẳng, hiền hậu ít nói, nhưng hiểu biết rất sâu xa, có thể biết trước việc từ lúc chưa thành hình. Nguyên trước ở thôn Như Áng, một hôm, cụ đi chơi, thấy đàn chim lượn vòng quanh trên một khoảng đất nơi dưới núi Lam Sơn, trông hình như một đám người tụ hội. Cụ nghĩ: "Chỗ này tất là nơi đất lành", bèn dời nhà đến ở đấy, rồi khai phá ruộng vườn, tự chăm

⁽¹⁾ Bản A là Cao Tổ hoàng đế.

lo cày cấy, được ba năm, thì thành sản nghiệp, từ đấy, đời đời đều là hùng trưởng một phương. Sau này (từ 9b) vua dựng đô mở nước, thực cũng gây nên tự đấy. Cụ Hoàng tổ (ông nội), tôn phong là "Hiển Tổ Trạch hoàng đế" tên huý là Thịnh. Cụ nối được cơ nghiệp tiền nhân, có lòng yêu người, người các nơi xa gần đều quy phụ, trong nhà đông tới hàng nghìn người. Lấy cụ bà "Hiền Từ Gia Thục Hoàng thái hậu" họ Nguyễn, tên huý là Quách, sinh hạ hai con trai, con trưởng tên là Tông, con thứ tức là cụ Hoàng khảo (cha), tôn phong "Tuyên Tổ Phúc hoàng đế", tên huý là Khoáng, cụ lấy lễ nghĩa nuôi dưỡng tân khách, thương yêu nhân dân, chu cấp cho người nghèo cùng, giúp đỡ người bệnh tật, cả vùng đều phục nghĩa khí của cụ, lấy cụ bà là Trinh Từ Ý Văn Hoàng thái hậu "họ Trinh, tên huý là Ngọc Thương"⁽¹⁾, sinh hạ ba con trai, con trưởng tên là Học, sau truy phong là "Chiêu Hiếu đại vương", con thứ tên là Trữ, sau truy tặng là "Hoàng Dụ vương"⁽²⁾, con trai út tức là vua (Thái Tổ).

Vua sinh giờ Tý, ngày mồng sáu tháng 8 năm Ất Sửu (1385), niên hiệu Xương Phù thứ 9 nhà Trần, tại làng Chủ Sơn, huyện Lôi Dương. Nguyên trước, xứ Du Sơn thôn Như Áng Hậu thuộc làng này (Chủ Sơn), có một cây quế, dưới cây quế này có con hùm xám thường xuất hiện, nhưng nó hiền lành, vẫn thường thân cận với người mà chưa từng hại ai (từ 10a). Từ khi vua ra đời thì không thấy con hùm ấy đâu nữa. Người ta cho là một sự lạ! Ngày vua ra đời thì trong nhà có hào quang đỏ⁽³⁾ chiếu

⁽¹⁾ Bản LML và bản D không có chữ "Thương".

⁽²⁾ Bản A là Hoàng Dụ đại vương.

⁽³⁾ Bản A sót hai chữ "xích quang" (hào quang đỏ).

sáng rực, và mùi thơm ngào ngạt khắp làng. Khi lớn lên, thì thông minh dũng lược, độ lượng hơn người, vẻ người tươi đẹp hùng vĩ; mắt sáng mồm rộng; sống mũi cao, xương mi mắt gồ lên; bả vai bên tả có 7 nốt ruồi, bước đi như rồng như hổ; tiếng nói vang vang như tiếng chuông. Các bậc thức giả biết ngay là một người phi thường.

Khi vua làm phụ đạo ở Khả Lam, được hồn sư ông mặc áo trắng hiển hiện chỉ cho ngôi huyệt phát "đế vương" ở động Chiêu Nghi⁽¹⁾.

Thời ấy người phường chài ở sách Mục Sơn là Lê Thận đêm nào cũng thấy khoảng sông Lam Xuyên có luồng ánh sáng như bó đuốc cháy. Hơn một tháng sau, bỗng chài được một thanh sắt dài hơn một thước, hình tựa thanh đao cũ, đem về để trong nhà. Ngay hôm ấy, vua đến nhà ông, thấy trong nhà tối có một luồng ánh sáng, liền tới chỗ đó lấy thanh đao đem về. Về đến nhà, không phải mài mà sáng như đao mới, nhận thấy có hàng chữ triện khắc trên thân đao, biết là một thanh đao quý. Đêm hôm sau, có trận mưa gió, sáng ra, thấy trong vườn rau có lốt chân trần in trên lá rau, vua sai người vẽ hình vết chân ấy. Ngày hôm sau (tờ 10b), hoàng hậu ra vườn hái rau, đến chỗ cây rau có hình bàn chân, bỗng được một quả ấn báu, dài rộng ngay ngắn, một quả ấn khắc mấy chữ lối triện, trên lưng quả ấn khắc đích họ tên vua, nhận kỹ mới rõ. Vua biết là bảo vật của trời ban cho, bèn cúi đầu lạy tạ. Ngày hôm sau, bỗng được cái chuỗi kiếm ở gốc cây đa, rửa sạch đất cát đi, thấy có khắc hình con rồng và con hổ, và hiện ra hai chữ "thanh thủy",

⁽¹⁾ Bản *LML* là Chiêm Nghi.

đem lấp vào thanh kiếm đã bắt được hồi trước, vừa vịn không sai tí nào, càng tin là vật của thần cho.

Bấy giờ là thời kỳ họ Hồ⁽¹⁾ cướp ngôi nhà Trần, vua ở quê hương đọc sách và nghiên cứu binh pháp, giữ mình chờ thời vận.

Đến khi quân Minh sang đánh, bắt họ Hồ đem về Kim Lăng, rồi đặt nước Nam tã thành quận huyện. Vua ngầm có chí khôi phục non sông, nên hạ mình tôn người hiền, bỏ tiền của ra nuôi binh sĩ, chiêu nạp những người mắc lỗi trốn tránh và chống đối, được nhiều người quy phục.

Vua Hưng Khánh và vua Trùng Quang (nhà Trần) nối tiếp khởi binh chống quân Minh, lấy danh nghĩa là khôi phục ngôi vua nhà Trần, được rất nhiều người hưởng ứng. Nhưng vua (Lê Lợi) biết rõ thời thế, cho là tất không thành công. Bởi thế không dự, và hết sức ẩn kín hình tích, không lộ tiếng tăm.

Trịnh Đồ từ nước Ai Lao lại yết kiến, hiến một con voi đực, vua sai Trương Lô⁽²⁾ đón tiếp, sau Trịnh Đồ và Trịnh Khả đều được vua tin dùng.

Những hào kiệt thời ấy như: Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng⁽³⁾, Nguyễn Trãi⁽⁴⁾, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Vũ Uy, Lê Liễu và Lê Xa Lô đều nối tiếp nhau quy phục, vua đều kính cẩn đón tiếp, cùng bí mật mưu việc khôi nghĩa.

⁽¹⁾ Bản A chép lầm các chữ: "Thời phương nhuận hồ" thành ra "Nam phương nhuận nguyệt".

⁽²⁾ Bản *LML* chép là Trương Phấn.

⁽³⁾ Bùi Quốc Hưng: Bản *LML* là Bùi Khai Hưng - sai.

⁽⁴⁾ Bản *LML* và bản *D* là Nguyễn Truy - sai, đây chúng tôi sửa theo các bản *A, B, C*.

Có tên Đỗ Phú người xã Hào Lương, đến hai ty Bố chính và Án sát kiện vua về việc lấn ruộng đất, nhưng y đuối lý, bị thua kiện, đem lòng oán hận, bèn mật báo với quan nhà Minh dẫn quân bức bách vua ở Lạc Thuỷ (sau này đổi là Cẩm Thuỷ).

Từ khi người Minh đô hộ nước ta, chính sự phiền toái; thuế má nặng nề; quan tham lại nhũng; cấm dân nấu muối trồng rau; bắt dân xuống biển mò ngọc châu; phá núi tìm vàng; những sản phẩm quý giá như ngà voi, sừng tê, lông chim trả, cùng các thứ hương liệu, chúng đều vơ vét hết. Sau lại bắt dân đắp 10 thành trong 10 quận để đóng quân; chúng lại khéo dùng chức tước để dụ dỗ những người hào kiệt, đưa về triều đình Trung Hoa, (từ 11b) cốt là an trí ở đó. Bởi vậy nhân dân nước ta không trừ một ai, thấy đều thấm sâu oán giận! Vua vẫn giữ chí như trước, dù người Minh đem quan tước ra dụ cũng không được, lấy thế lực cũng không hiếp nổi, nhưng nhận thấy thế quân địch đang mạnh, nên vua càng ẩn trong bóng tối, không dám khinh động, lại thường đem bảo vật năn nỉ hối lộ cho bọn Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ và Mã Kỳ, những mong được khỏi nạn, để nuôi thêm sức lực và chờ đợi thời cơ. Chỉ vì tên Lương Nhữ Hốt người huyện Cổ Đằng (sau này đổi là Hoàng Hoá), giữ chức tham chính, là thổ quan của người Minh, đem lòng ghen ghét, bèn mật cáo với người Minh rằng:

"Người chúa Lam Sơn chiêu nạp những kẻ vong mạng và làm phản, và dãi ngộ sĩ tốt rất hậu, chí của người ấy không phải là nhỏ. Nếu không sớm liệu đi, để cho con rồng gặp mây gặp mưa, thì khi ấy nó sẽ không còn là một con vật ở trong ao nữa đâu. Vậy xin trừ ngay đi, đừng để tai vạ về sau".

Người Minh tin lời tên Nhữ Hốt, cho nên càng bức bách rất gấp. Bởi vậy, vua bèn đại hội tướng sĩ, bàn tính việc khởi binh.

(*từ 12a*) Ngày mồng hai là ngày Canh thân, tháng giêng năm Mậu Tuất⁽¹⁾ (1418) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 16 nhà Minh, vua dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định vương, cử các ông: Lê Khang, Lê Luân, Lê Nanh, Lê Sao, Lê Lễ, Lê Hiêu, Lê Nhữ Tri, Lê Lộ, Lê Cố, Trịnh Lỗi, Trịnh Hối, Lê Thỏ, Lê Bồi, Lê Xa Lôi, Lê Khắc Phục, Lê Định, Lê Lãng, Lê Ván, Lê Lan, Lê Cuồng, Lê Chiêm, Lê Độ, Lê Khiêm, Lê Trinh, Lưu Đàm, Lê Lâm, Lê Nghiệm, Lê Văn Giáo, Trần Vận, Trần Xưng, Lê Cảnh Thọ, Phạm Lung⁽²⁾, Phạm Quỳnh, Lê Sát, Trương Lôi, Trịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Lê Nỗ, Lê Liễu, Lê Nhữ Lâm, Lê Khả Lãng, Vũ Uy, Trịnh Vô, Lưu Hoạn, Trần Hốt, Đỗ Bí, Nguyễn Trãi, Lê Văn Linh, Lê Thận và Lê Văn An làm tướng văn tướng võ, chia nhau đốc suất đội quân Thiết đột ra đối địch với quân Minh.

Lúc ấy, binh tướng của ta đương thời kỳ ban đầu, còn rất ít ỏi, thế mà quân Minh có tới hơn 4 vạn rưỡi tên, voi ngựa có hàng trăm con, (*từ 12b*) bởi thế vua không địch nổi, bị thua trận, phải chạy vào Mường Một, nay là Mường Chánh⁽³⁾, rồi lần đến Trịnh Cao, giáp giới nước Ai Lao, nơi đây dân thưa lương ít, trên đường không người đi lại. Đóng ở Mường Cốc trong núi Linh Sơn hơn mười

⁽¹⁾ Tức ngày 7 tháng 2 năm 1418, theo âm lịch thì đó là ngày mồng 2 Tết cổ truyền của dân tộc.

⁽²⁾ Bản *H* viết là Phạm Sùng.

⁽³⁾ *Mường Chánh*: tức huyện Lang Chánh đời sau.

ngày, phải dùng củ nâu và mật ong làm bữa ăn, rất là khổn khổn! Vua bèn hỏi các tướng:

"Có ai dám bắt chước việc Kỷ Tín thời xưa không?⁽¹⁾".

Người ở thôn Đặng Tú là Lê Lai khẳng khái vâng mệnh, tự nguyện thay đổi mặc áo bào nhà vua, xưng là vua Lê ở Lam Sơn, dẫn quân ra đánh nhau với quân Minh. Tướng Minh mừng rỡ, liền dồn cả quân vây chặt Lê Lai, Lê Lai chống cự đến kiệt sức thì bị bắt, quân Minh dẫn Lê Lai về thành Đông Quan giết chết, chúng bèn lui binh, ta được thoát nạn⁽²⁾.

Vua được biết Trịnh Khả và Trương Lôi đã từng đi đón tiếp con voi từ Ai Lao về, tất nhiên am hiểu tiếng nói và văn tự nước Ai Lao, bèn sai hai tướng này mang tờ thông điệp sang bảo quốc vương nước Ai Lao rằng:

"Quốc gia tôi mang tờ thông điệp của triều Đại Minh ban cho nhà vua. Vậy nhà vua hãy đem số lương thực đủ cho quân sĩ dùng trong 5 tháng, và khí giới cùng voi trận (tờ 13a) tới yết kiến, rồi nhận tờ điệp văn về thi hành, để khỏi bị bắt giải. Nếu không tuân mệnh, lập tức sai nước Xa Lý và Lão Qua hợp quân 6 nước tiến đánh".

Vua nước Ai Lao sợ hãi, xin tuân mệnh trên. Vua nhờ được lương thực và quân dụng đó, nên thế quân lại trở nên phấn chấn.

⁽¹⁾ Thời Hán, Hán Cao Tổ đóng quân ở thành Vinh Dương, bị Hạng Vũ dẫn quân Sở vây chặt mấy vòng. Tướng quân Kỷ Tín thấy tình thế nguy cấp, dâng kế lừa Sở: Tín bận mũ áo đại vương, dùng cờ quạt xe ngựa hoàng đế ra của Đông hô rằng: "Ta là Hán Vương, vì cạn hết lương thực xin ra đầu hàng nước Sở". Quân Sở liền xúm cả vào đấy, Hán Vương thừa cơ hội lên ra của Tây trốn thoát. Sau Hạng Vũ biết là giả, bèn giết Kỷ Tín.

⁽²⁾ Việc Lê Lai đổi áo này, *Cương mục* chép vào tháng 4 năm Kỷ Hợi (1419) - Ch.b.XIII. 8).

Ngày mồng 4 (*tháng 4 năm Mậu Tuất - 1418*), vua kéo quân về Lam Sơn, trao rất nhiều vàng bạc cho tướng Trịnh Đồ, Trịnh Khả và Lê Lôi, đem đút lót cho tướng nhà Minh là Trần Trí, Sơn Thọ và Mã Kỳ, để cầu được hoãn binh.

Ngày mồng 9 (*tháng 4 năm Mậu Tuất - 1418*), người Minh đem quân đánh vào Lam Sơn, vua bỏ Lam Sơn, lui quân về đóng ở Lạc Thủy, rồi đặt phục binh sẵn để đợi địch.

Ngày 13 (*tháng 4 năm Mậu Tuất - 1418*), quả nhiên quân địch kéo đến, phục binh nổi dậy đánh: bốn tướng Lê Thạch, Đinh Bồ, Lê Ngân và Lê Lý xông lên trước hăm trận, chém đầu hơn 3 nghìn tên địch, thu được mấy nghìn khí giới, quân cụ.

Ngày 16 (*tháng 4 năm Mậu Tuất*), tên bày tôi phản bội người Việt, là thằng Ái, dẫn quân Minh do đường tắt đánh úp vào sau lưng quân ta, và bắt hết vợ con binh sĩ⁽¹⁾.

Quân sĩ đâm chán nản, mất hết tinh thần chiến đấu. Vua bèn thu quân cùng với Lê Lễ, Phạm Ván, Đỗ Bí, Nguyễn Xí và Lê Đạp (*từ 13b*) tạm náu ở núi Linh Sơn, hơn ba tháng trời, chỉ dùng măng tre và rễ cỏ làm bữa ăn cho khỏi đói.

Sau khi địch đã lui binh, vua lại trở về Lam Sơn đắp đồn lũy và chiêu tập tàn binh, được chừng trăm người, dựng trại sách ở xứ Mường Khao; vua vỗ về tướng sĩ,

⁽¹⁾ *LSTL*: chép là bắt gia quyến nhà vua cùng vợ con binh sĩ. Thằng Ái (không rõ họ là gì): vốn là phụ đạo ở trại Nguyệt Ấn (theo lời chú ở *L.T. H.C.L.C.*, bản dịch. Hà Nội, 1960, tập I, tr. 255).

chỉnh đồn hàng ngũ và khí giới, quân nhu cũng khá đầy đủ, lúc ấy lòng quân lại phấn khởi, đều xin tình nguyện quyết tử chiến đấu. Vua biết là quân sĩ có thể dùng được, bèn đặt phục binh ở Muồng Một, rồi sai đội khinh binh ra khiêu chiến, quân địch tiến tới chỗ hiểm, phục binh liền dùng nỏ bắn tên tẩm thuốc độc ra như mưa, quân địch thua chạy tán loạn. Vua lại tiến quân tới Muồng Nanh, ngày đêm tiến đánh, quân địch bị tổn hại, phải lui về giữ một xã Nga Lạc hạ.

Năm Kỷ Hợi (1419), niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 17, tháng 4, vua tiến quân đóng tại trại A Đa, đánh nhau với quân Minh ở xứ Nghĩa Canh⁽¹⁾, bắt được viên chỉ huy là Nguyễn Sao⁽²⁾ và chém đầu hơn 300 tên địch.

Tháng 5, vua đóng đồn quân ở sách Đà (tờ 14b) Sơn, đặt phục binh ở Muồng Chánh, đánh đuổi được quân địch, rồi dời quân đến đóng tại trại Lư Sơn, được nước Ai Lao đem quân lại giúp, lại dời tới Muồng Thôi đóng đồn.

Mùa thu, tháng 7, viên Tri phủ Phan Liêu⁽³⁾ là thổ quan tỉnh Nghệ An phản nhà Minh, người Minh dẫn quân vây thành Nghệ An, Tổng binh Phong Thành hầu là Lý Bân cũng dẫn quân đến cứu. Phan Liêu chạy sang nước Ai Lao, Lý Bân đuổi đến châu Ngọc Ma⁽⁴⁾, không đuổi kịp, dẫn quân về. Thổ quan Lộ Văn Luật là tướng tiền phong của Lý Bân lại phản, bỏ đi.

⁽¹⁾ LSTL là Mỹ Canh.

⁽²⁾ Nguyễn Sao là một ngụy quan.

⁽³⁾ Theo *Minh sử*, quyển 321, Phan Liêu là Tri huyện Tú Mang cũ, con của Tri phủ Phan Hựu, vì không chịu nổi sự tàn ngược của Mã Kỳ nên nổi dậy.

⁽⁴⁾ Ngọc Ma: *Cương mục* chưa là tên một châu xưa, đời Nguyễn là phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An.

Tháng 11, các tướng "giặc"⁽¹⁾ Trịnh Công Chúng, Phạm Hỷ⁽²⁾, Nguyễn Tri, và Nguyễn Cấu ở các hạt: Hạ Hồng, Tân Minh, Khoái Châu và Hoàng Giang, đều khởi binh kéo đến sông Nhị Hà đánh phá cầu nổi, Lý Bân sai tướng sĩ đánh phá, họ đều thua chạy tán loạn. Lúc ấy, các lộ miền Bắc, nơi nào cũng có giặc nhiễu loạn, duy Tam Giang, Quy Hoá và Tuyên Quang được yên ổn thôi. Bởi thế, người Minh không có thì giờ để ý đến Thanh Hoá.

Năm Canh Tý (1420), niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 18, mùa xuân, tháng 2, Lý Bân dẫn quân trở về Đông Quan.

Mùa hạ, tháng 4, (tờ 14b) Lộ Văn Luật khởi binh ở huyện Thạch Thất, bị Lý Bân đánh tan, Văn Luật⁽³⁾ chạy sang nước Ai Lao.

Tháng 6, nhà Minh sai Vinh Xương bá là Trần Trí sang làm trấn thủ.

Người đất Phụng Hoá là Trần Thái Xung và người đất Đồ Sơn là Phạm Ngọc⁽⁴⁾ đều khởi binh phản nhà Minh, bị Lý Bân phá tan cả.

Người ở Chàng Càng⁽⁵⁾ thuộc huyện Thuỷ Đường là Lê Nga đổi tên ra Dương Cung trá xưng là cháu năm đời của Trần Duệ Tông, từ nước Lão Qua trở về, Bế Thuấn ở Đan Ba⁽⁶⁾ thuộc Lạng Sơn làm phụ đạo, dựng Nga làm

⁽¹⁾ Trong nguyên văn, tác giả dùng chữ "tặc" là giặc, thực ra đây là những nhóm nghĩa quân nổi dậy chống quân Minh xâm lược.

⁽²⁾ *Phạm Hỷ*: Cương mục chép là Phạm Thiện.

⁽³⁾ Bản LML là Văn Tĩnh.

⁽⁴⁾ Theo *Minh sử*, quyển 321, thì Phạm Ngọc là một nhà sư ở Đồ Sơn.

⁽⁵⁾ *Chàng Càng*, theo *Toàn thư* là Chàng Kinh.

⁽⁶⁾ *Đan Ba*: Ở khoảng giữa huyện Lộc Bình tỉnh Lạng Sơn và huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh.

chúa, đóng trại Hồng Doanh ở An Bang. Dư đảng của Trịnh Công Chứng và Phạm Ngọc đều quy phục, quân số có tới hàng vạn. Tự xưng là Thiên thượng hoàng đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên, đặt đủ các chức quan, rồi chia quân đánh đốt thành Xương Giang, cướp sách Bình Than, Lý Bân dẫn đại binh đến đánh. Lê Nga và Bế Thuấn thua, ban đêm chạy trốn. Không biết là đi đâu⁽¹⁾.

Người hạt Kiến Xương là Nguyễn Thuật đánh quân Minh ở Hoàng Giang⁽²⁾, giết viên Tham chính là Hầu Bảo.

Tháng 10, tướng Minh lại kéo đại quân tới, vua tính trước: Chúng sẽ đến Bồng Tân vào khoảng giờ Mùi (tờ 15a), bèn đặt phục binh để chờ. Đúng giờ Mùi, quả nhiên quân địch tràn tới đó, bốn mặt phục binh đều trỗi dậy xông đánh, quân địch tan vỡ, ta giết chết và bắt sống vô kể, thu được hơn trăm con ngựa, và phóng lửa đốt hết khí giới của chúng (?).

Ngày hôm sau, vua bảo các tướng lĩnh rằng: "Quân địch vừa mới thua trận, tất nhiên chúng dễ tâm đề phòng cẩn mật. Vậy ta không nên giao chiến".

Nhưng các tướng đem lòng khinh địch, không tuân theo, cứ tiến đánh. Quả nhiên bị tổn thương rất nhiều! Bèn huy binh ở Mường Ninh, rồi lại lui binh về giữ Mường Thôi.

Phụ đạo Quý Châu là Cẩm Lạn dẫn đường cho Trần thủ nhà Minh là Lý Bân và Đô đốc Phương Chính, dẫn

⁽¹⁾ Việc Lê Nga nổi dậy, *Cương mục* chép chung vào tháng 11 năm 1419 (Ch. b.XIII, 11).

⁽²⁾ Hoàng Giang: ở ngã ba Tuần Vương, phía Bắc tỉnh Nam Định.

hơn mười vạn quân theo đường Quỳ Châu vào đánh ta. Vua sai Lê Ván⁽¹⁾, Lê Triện và Lê Lý đem mấy nghìn khinh binh đi trước tiên, để đón đường chặn đánh, rồi đặt phục binh ở Bồ Mộng để đợi. Khi quân địch tới, ta đánh phá đại thắng! Nhưng quân địch ỷ vào thế mạnh, vẫn cứ tiến vào, định đánh thẳng tới doanh trại của vua. Vua tính trước, đã đặt sẵn phục binh ở các lối hiểm yếu. Ngày hôm sau, quân giặc kéo tới, ta dồn quân đánh úp ở Thi Lang⁽²⁾, đại thắng! Chém đầu hơn ba nghìn tên địch, Lý Bân và Phương Chính (tờ 15b) chỉ chạy thoát thân. Ta thừa thắng đuổi dài suốt sáu ngày đêm mới ngừng, rồi tiến đóng trại Ba Lãm ở Lỗi Giang, dẫn quân khiêu chiến. Đô ty nhà Minh là Tạ Phượng, Hoàng Thành đóng trại ở Nga Lạc⁽³⁾, giữ trại Quan Du⁽⁴⁾ để phòng bị cho thành Tây Đô, cố thủ trong trại, không chịu ra đánh, vua ngày đêm dồn quân vây đánh các đồn, chia tướng Lê Hào và Lê Sát dẫn quân đánh úp trại Quan Du, phá tan quân địch, chém đầu hơn vạn tên, thu được rất nhiều khí giới. Từ đấy, thế địch ngày một suy. Nhân dân các xứ trong nước, không nơi nào là không hưởng ứng theo vua.

Năm Tân Sửu (1421), niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 19, ngày 29 tháng 11, tham tướng nhà Minh là Trần Trí, đem hơn 10 vạn quân các vệ ở Giao Châu, đánh trại Ba Lãm ở ải Kinh Lộng⁽⁵⁾. Vua bàn với các tướng rằng:

⁽¹⁾ *Lê Ván*: Bản LML chép lầm là Lê Hưởng (Lê Ván tên thật là Phạm Ván). Bản B và H cũng chép là Lê Ván.

⁽²⁾ *Thi Lang*: bản LML là Đà Lãng (sai).

⁽³⁾ Trại Nga Lạc ở gần Lam Sơn, vào quãng Bái Thượng ngày nay.

⁽⁴⁾ *Quan Du*: tức châu Quan Hoá đời sau.

⁽⁵⁾ *Kinh Lộng*: thuộc xã Thiết Ống đời sau, ở đó có đường sang Ai Lao.

"Hiện tình, bên địch nhiều quân, bên ta thì ít, bên địch hành quân vất vả, mà bên ta thì quân sĩ được thanh thoi. Binh pháp có câu: "Sự thắng địch cốt ở tướng giỏi, chứ không quan hệ ở số quân nhiều hay ít". Nay chúng tuy nhiều quân, nhưng ta dùng quân được thanh thoi đánh quân vất vả, nhọc mệt, thì tất phá được".

Tối hôm ấy, ta chia quân đánh úp các ngả, quân sĩ hò la vang động, đánh phá được bốn trại, chém đầu hơn nghìn quân địch, thu được rất nhiều quân tư khí giới.

Trần Trí lại phá núi mở đường tiến quân đánh ta, vua ngầm đặt phục binh các nơi hiểm yếu ở xứ Úng Ai⁽¹⁾ để đợi. Đến giữa trưa, quả nhiên Trần Trí dẫn quân do đường núi kéo vào, bị hai cánh quân ta đánh vào hai bên, Trần Trí thua trận, dẫn quân lui.

Thời ấy, nước Ai Lao cường thịnh, vua giao thiệp thân thiện, thỉnh thoảng họ có đưa quân sang giúp ta; chỉ vì thổ quan Lộ Văn Luật trốn chạy sang đây, đem lời gièm pha, nên vua Ai Lao sinh lòng oán giận. Lúc này, ta đang chống cự với quân Minh, chưa rõ được thua, thì bỗng Ai Lao đem 5 vạn quân và 100 thớt voi⁽²⁾ bỗng nhiên đến đóng tại phía trước trại của vua, nói là đến giúp ta. Vua yên trí họ vẫn thân thiện, không ngờ nói dối trá, bèn ước hẹn cùng hợp đánh quân Minh. Đến nửa đêm, ta bị quân Ai Lao đánh úp! Vua thân tự đốc chiến, đánh rất hăng hái, từ giờ Tý đến giờ Mão, đánh tan quân Ai Lao, chém đầu hơn vạn tên, thu được 14 thớt voi và hàng vạn khí giới (tờ 6b). Ta thừa thắng đánh đuổi 4 ngày đêm,

⁽¹⁾ Úng Ai: tức là Đèo Ống thuộc xã trên.

⁽²⁾ Toàn thư và Cương mục chép là 3 vạn quân và 100 thớt voi.

đến tận sào huyệt chúng.

Tù trưởng (Ai Lao) là Man Sát xin hoà, ta không nghe. Bình chương là Lê Thạch đi đường tắt tiến đánh trước, trúng phải tên nhọn, chết.

Năm Nhâm Dần (1422) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 20, tháng 2, tổng binh nhà Minh là Lý Bân chết.

Ngày 24 tháng 12, Ai Lao đem quân đến Mường Kiệt dựng trại kết trận, Thiếu uý là Lê Chích đánh lui.

Mã Kỳ ước hẹn với Ai Lao cùng đánh ta ở Quan đa, quan quân giao chiến mấy trận, thường bị tổn thất, bèn lui quân về đóng tại sách Khôi⁽¹⁾ uỷ lạo quân sĩ, tu sửa khí giới, được 7 ngày thì quân Minh kéo đến, vua bảo tướng sĩ rằng:

"Hiện giờ, quân địch bao vây bốn mặt, ta không còn lối thoát đi đâu được! Đó là chốn binh pháp gọi là "tử địa" vậy, phải đánh chớp nhoáng mới sống, nếu chậm trễ là chết".

Nói xong, vua chảy nước mắt, mọi người đều cảm kích, tranh đua quyết tử chiến đấu! Các tướng Lê Linh, Lê Vấn⁽²⁾, Lê Hào và Lê Triện, đích thân xông ra hãm trận, chém (tờ 17a) đầu tham tướng Minh là Phùng Quý và hơn nghìn tên, thu được hơn trăm con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chạy về Đông Quan, quân Ai Lao cũng trốn về. Vua bèn thu quân về núi Chí Linh. Ở đấy thiếu lương thực, hơn hai tháng trời, quân sĩ toàn ăn rau cỏ và măng tre, phải giết thịt bốn con voi và cả con ngựa của nhà vua

⁽¹⁾ *Sách Khôi*: Tức là Khôi huyện, ở quãng giữa Nho Quan (Ninh Bình) và Thạch Thành (Thanh Hóa) ngày nay.

⁽²⁾ Bản *LML* là Lê Hưởng.

cưỡi để ăn. Thường có quân bỏ trốn, vua kiểm soát rất nghiêm ngặt, bắt được viên tướng bỏ trốn là Thượng Khanh⁽¹⁾ đem chém đầu để làm gương, từ đấy quân sĩ lại nghiêm chỉnh như trước. Lúc này, ta từng trải nhiều phen nguy nan, tướng sĩ mỗi một, muốn được nghỉ ngơi, đều khuyên vua hoà với người Minh, vua bèn sai thân thần là Lê Vận và Lê Trần đưa thư đến Mã Kỳ và Sơn Thọ để cầu hoà, bọn Mã Kỳ ưng thuận.

Năm Quý Mão (1423) niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 21, ngày mồng 10 tháng 4, vua trở về Lam Sơn, Trần Trí và Sơn Thọ thường đem tặng trâu bò, muối, cá, nông cụ và thóc giống, vua cũng sai bọn Lê Trần đem vàng tặng đáp. (tờ 17b). Nhưng Trần Trí ngờ ta chỉ giả vờ giao hảo bề ngoài, mà bề trong có ý chực đánh úp, nên bắt giữ Lê Trần không cho về. Vua bèn tuyệt giao.

Năm Giáp Thìn (1424), niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 22, mùa thu, tháng 7, vua Thái Tông nhà Minh chết, Thái tử lên nối ngôi, đổi niên hiệu là Hồng Hy, lúc này mới có tờ chiếu đình chỉ việc tìm kiếm vàng bạc và các thứ hương liệu ở Giao Chỉ ta, triệt hồi các viên giám đốc về công tác trên.

Ngày 20 tháng 9, vua hỏi các bầy tôi rằng: "Nay chúng ta nên tới xứ nào để mưu đồ việc nước?"

Thiếu úy Lê Chích đáp: "Hạ thần thường qua lại đất Nghệ An nhiều lần, nên có biết những nơi hiểm yếu trong tỉnh ấy. Nay xin dẫn quân vào trại của Cẩm Bành ở Nghệ An, hễ y hàng thì ta phủ dụ, nếu y không hàng thì ta đánh lấy trại ấy làm căn bản, rồi từ từ tính việc lấy

⁽¹⁾ Chữ "Thượng" có lẽ đọc là "thằng" (chữ Nôm).

lại Đông Đô, Như vậy việc nước sẽ có thể thành được".

Vua cho lời bàn của Lê Chích là phải, bèn chia quân đến đánh úp thành Đa Căng⁽¹⁾, số quân địch bị giết và bị chết đuối có tới hơn ngàn tên, nguy tham chính là Lương Nhữ Hốt chỉ kịp chạy thoát thân, ta thu được khí giới, quân cụ nhiều vô kể, rồi đốt hết trại thành. Tướng của Chăm Bành là Hoa Anh dẫn quân đến cứu, ta lại đánh tan, Hoa Anh thua chạy về Tây Đô.

Sau khi thắng trận, vua sai (từ 18a) thả hết các phụ nữ đã bắt được, rồi tuyển mộ binh sĩ, sửa sang khí giới, chỉnh đốn hàng ngũ, chứa đủ lương thực, dẫn quân thẳng tới Nghệ An, do đường châu Trà Long⁽²⁾, vượt qua núi Bồ Lạp thuộc châu Quỳ.

Viên chỉ huy đồng tri nhà Minh là Sư Hựu cùng với Tri phủ châu Trà Long là Chăm Bành dẫn 5.000 quân đón đánh vào mặt trước quân ta; các tướng Minh là Trần Trí, Lý An, Phương Chính và Thái Phúc dẫn quân đánh vào mặt sau quân ta, ta bị quân địch áp sát cả hai mặt! Hôm ấy, trời sắp tối, vua chia quân và voi mai phục trong rừng chờ địch. Một lát thì Trần Trí dẫn quân kéo đến, phục binh ta nổi dậy đánh, quân địch tan vỡ, ta chém đầu Đô ty là Trần Trung⁽³⁾ và hơn 2.000 sĩ tốt, thu hơn trăm ngựa, Trần Trí và Phương Chính bị thua chạy.

⁽¹⁾ Đa Căng: Cương mục chưa: "... theo sách *Sĩ hoạn tu tri lục* của Nguyễn Công Tiệp thì huyện Quan Hoá tỉnh Thanh Hoá có động Bất Căng, có lẽ tức là Đa Căng này".

⁽²⁾ Trà Long: Cương mục chưa: "tức Trà Lân, nay là phủ Tương Dương thuộc Nghệ An".

⁽³⁾ Bản LML chép là Trần Quý.

Ngày hôm sau, quân ta đi đến trang Trịnh Sơn⁴, gặp cánh quân của tướng Sư Hựu, ta xông thẳng tới đánh phá, chém được Thiên hộ là Trương Bản và hơn nghìn quân sĩ, Sư Hựu chỉ kịp chạy thoát thân. Vua bèn đóng quân ở sách Mộc, còn Trần Trí thì thu vét tàn quân, đuổi ta đến sông Trạm Hoàng, nhưng sợ không (tờ 18a) dám tiến, quay về giữ thành Nghệ An.

Tháng 11, vua sai sứ giả chiêu hàng Cẩm Bành, Bành không chịu hàng, đem hơn nghìn quân lập doanh trại trên đỉnh núi, để chờ viện binh. Quan quân vây chặt nơi đây.

Tháng 12, Sơn Thọ sai Nguyễn Sĩ đưa Lê Trần trả về ta để cầu hoà. Số là Trần Thọ và Phương Chính đóng ở Nghệ An, thấy Cẩm Bành bị vây, vẫn muốn cứu lăm, nhưng sợ không dám tiến, bèn sai sứ giả đem thư cầu hoà, xin giải vây. Sau khi tiếp sứ giả, vua triệu các tướng bàn rằng:

"Hiện Cẩm Bành bị vây khốn đốn, lẽ ra bọn tên Chính phải cấp cứu ngay mới phải, thế mà đến nay vẫn dùng dằng quanh co. Đó tất là nó có ý sợ. Chi bằng ta hãy cứ vờ bằng lòng hoà, để xem tình thế. Trong khi thư từ qua lại độ một tháng, thì ta đã bắt được Cẩm Bành rồi".

Bàn xong, cho viết bức thư, để lên trên một cái bè, thả cho xuôi dòng, trong thư nói: "Chúng ta muốn trở về Thanh Hoa, nhưng sợ bị Cẩm Bành ngăn chặn. Vậy ông cho người tới hoà giải để thông lối về, rất mong". Chính nhận thư, tin là thực, bèn sai Trần Đức Nhị đưa thư đến Cẩm Bành bảo nên hoà giải. Cẩm Bành được thư, biết là viện binh không đến, bèn mở cửa thành ra hàng. Sau khi

⁴ *Trịnh Sơn*: thuộc châu Trà Lân (Toàn thư).

(tờ 19a) bình định châu Trà Long⁽¹⁾ vua ra lệnh các quân sĩ không ai được xâm phạm một mảy may của dân, còn các quân địch đều được xá tội hết, không giết một tên nào. Vua thưởng lạo các bộ trưởng và tù trưởng các bộ lạc, tuyển được 5000 trai tráng sung vào ngạch binh. Thanh thế trở nên lừng lẫy! (Sau Cầm Bành mưu toan trốn đi, bị giết).

Quân Minh nghe thanh thế ta phấn chấn, lại tới đánh sơn trại ta, vua đánh tan, rồi tiến quân đóng tại cửa ải Khả Lưu⁽²⁾, định đánh thành Nghệ An, nhưng chưa biết rõ tình thế, nhân gặp lúc vua Nhân Tông nhà Minh mới lên ngôi, sai Sơn Thọ đến phủ dụ nhà vua hàng. Vua nói:

"Đó chỉ là kế của bên địch lừa dối ta. Nhưng ta hãy nhân đó để thi hành kế sách của mình".

Bèn cho sứ giả qua lại, để dò hư thực. Sau Sơn Thọ biết là kế của y không ăn thua gì, lại tuyệt hoà nghị. Vua bèn phát binh đánh Nghệ An. Sắp hành quân, thì có tin báo: người Minh đem rất nhiều binh mã và thuyền bè, cả thuỷ binh và bộ binh đều tiến, và sắp tới. Vua bèn hội các tướng mà bảo rằng:

"Hiện bên địch rất nhiều quân, mà ta thì ít. Bên ít quân mà muốn địch nổi bên nhiều quân, chỉ có cách giữ lấy các chỗ hiểm yếu trước, thì mới thành công. Binh pháp có câu: "Thiện chiến giả trí nhân nhi bất tri ư nhân", tức là những tướng tài giỏi, thường (tờ 19b) bắt

⁽¹⁾ Trà Long: đã chú ở trang trên.

⁽²⁾ Khả Lưu: LSTL chú: ở xã Mạc Diên huyện Nam Đường (nay ở phía trên Đô Lương, tả ngạn sông Lam có xứ Đại Diên và xã Khả Quan, có lẽ ải Khả Lưu ở quãng đó).

buộc đối phương phải đến chỗ mình đã định, chứ không bao giờ đến chỗ đối phương định".

Nói xong, chia hơn nghìn quân cho Đinh Liệt dẫn đi trước, theo con đường tắt chiếm lấy huyện Đỗ Gia⁽¹⁾, tranh cướp lấy nơi địa lợi, rồi vua thân đốc đại quân chiếm đóng các chỗ hiểm yếu, để chờ quân địch. Vừa sắp đặt xong độ ba bốn ngày, quả nhiên địch dẫn đại quân đến Lậu Thư⁽²⁾ và cửa ải Khả Lưu⁽³⁾, chúng đóng doanh trại ở phía dưới dòng nước, vua đóng ở phía trên dòng nước, ban ngày dựng cờ và thúc trống âm âm, ban đêm thì đốt đèn đuốc sáng trưng trong trại, rồi ngầm sai đem voi và quân qua sông phục nơi hiểm yếu. Trời sắp sáng, địch dẫn quân đánh vào trại ta, vua vờ thua lui chạy dẫn địch vào chỗ phục binh, bốn mặt phục binh đều trỗi dậy đánh phá, có hàng vạn quân địch bị giết và chết đuối. Thua trận này, chúng bèn lập trại tựa vào thế núi để đóng quân, không chịu ra giao chiến nữa.

Lúc này, bên địch lương thực dồi dào, mà bên ta lương chưa đủ để quân sĩ dùng trong mười ngày, vua bảo các tướng sĩ rằng:

"Giặc cậy nhiều lương, nên cứ cố thủ trong trại, không chịu ra đánh. Đó là chúng định làm kế lâu dài. Ta ít lương thực, không có thể cầm cự lâu dài với chúng được". Bèn sai tự đốt hết các doanh trại, vờ như bỏ trốn, rồi đi ngầm ra lối tắt. Quân địch thấy vậy rất mừng, liền

⁽¹⁾ Đỗ Gia, huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh sau này.

⁽²⁾ *Toàn thư* chép là quán Lậu.

⁽³⁾ Khả Lưu: *Cương mục* chưa: Tên cửa ải xưa ở bờ phía Bắc sông Lam, thuộc huyện Lương Sơn, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An (nay thuộc tỉnh Nghệ An).

tiến quân đóng vào doanh trại của ta, và đắp thêm đồn lũy trên núi.

Ngày hôm sau, (từ 20a) vua chọn quân tinh nhuệ mai phục ở Bồ Ai⁽¹⁾, rồi sai đội khinh kỵ đến khiêu chiến. Dịch không hay biết, liền dẫn quan ra ứng chiến, đến Bồ Ai, trúng phải ổ phục binh, quân phục binh liền trỗi dậy, các viên dũng tướng: Phạm Ván, Lê Sát, Lê Ngân, Đinh Lễ, Lê Xí, Lê Đạp, Lê Triện, Lê Bôi, Lê Nhân Chú, Lê Chiến, Lê Tông Kiều và Lê Khôi, đều đua nhau xông lên hăm trận, đánh phá quân địch, chém đầu giặc nhiều vô kể, thân lấp đầy sông, khí giới đầy đường, thuyền bè chặn ngang dòng nước. Bắt sống Đô ty là Chu Kiệt, chém tướng tiền phong là Hoàng Thành, bắt sống hàng nghìn quân địch. Trần Trí và Sơn Thọ chạy về Nghệ An, cố thủ trong thành.

Năm Ất Tị (1425), niên hiệu Hồng Hy⁽²⁾ thứ nhất (từ tháng 11 năm này trở xuống, là niên hiệu Thiên Khánh thứ nhất vua Trần Cảo thời Hậu Trần), mùa xuân, vua tiến quân đóng tại làng Đa Lôi⁽³⁾, huyện Thổ Du⁽⁴⁾ (nay là huyện Thiên Lộc) tỉnh Nghệ An, giả trẻ trong làng, đều mang rượu thịt ra đón mừng tướng sĩ, và cùng bảo nhau rằng:

⁽¹⁾ *Bồ Ai*: ở phía Nam ngọn Động Chủ của núi Thiên Nhân, và phía Tây Nam huyện Thanh Chương, đời sau gọi là thành Bình Ngô, vì có trận chiến thắng lớn ở đó.

⁽²⁾ Bản *LML* là Hồng Hưng - sai, theo niên biểu Trung Quốc là Hồng Hy (1425).

⁽³⁾ Bản *LML* chép là Mỹ Lôi, *Cương mục* chưa: theo *Nghệ An cổ tích chí*, thì thôn Trung Hội xã Nam Kim huyện Thanh Chương có giáp Xuân Lôi, có lẽ tức là Đa Lôi này.

⁽⁴⁾ *Thổ Du*: *Cương mục* chưa: nay là huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An cũ.

"Không ngờ ngày nay chúng ta lại được trông thấy uy nghi nước nhà".

Viên tri phủ Ngọc Ma là Cẩm Quý, dẫn hơn 8.000 người (từ 20b) và hơn 10 con voi đến theo giúp, được vua phong cho chức Thái úy. Vua hạ lệnh rằng:

"Nhân dân ta lâu nay đã khốn khổ về chính trị bạo tàn của người Minh! Vậy quân sĩ đến châu huyện nào, cũng không được xâm phạm của dân một mảy may. Nếu không phải là trâu bò thóc gạo của nguy quan, thì dù có đói lắm cũng không được lấy".

Lúc ấy, quân sĩ có người ba ngày chưa được một bữa ăn, mà không ai dám phạm lệnh trên! Về phần nhân dân, thì ai nấy cũng đem những trâu bò thóc gạo của người Minh đã tích trữ ra để tiếp tế cho quân ta. Vua chia quân đi thu phục các châu huyện, quân ta đến châu huyện nào, chúng cũng ra hàng tức khắc. Vua bèn vây thành Nghệ An, địch cố thủ trong thành, không dám ra khiêu chiến.

Vua huấn luyện tướng sĩ, tu sửa khí giới, trong một tuần⁽¹⁾, chiến cụ đầy đủ. Bèn duyệt võ nghệ, dạy quân sĩ biết các phép: ngồi, đi, đánh, đâm; chỉ cho biết các thế: kỳ, chính, chia, hợp; lại cho biết các hiệu lệnh về chiêng, trống và màu cờ, để biết lệnh tiến lui. Đội ngũ nghiêm chỉnh, thưởng phạt công minh, quân sĩ đều hăng hái, nhân dân khắp vùng (từ 21a) dắt díu nhau quy phục đông như đi chợ, vua đều uỷ lạo vỗ về, ai nấy đều hoan hỉ.

Ngày 15 tháng 2, tham tướng nhà Minh là Lý An, tước An Bình bá, dẫn thủy quân từ Đông Quan đến cứu

⁽¹⁾ Cương mục chép là 2 tuần (mỗi tuần 10 ngày).

"Không ngờ ngày nay chúng ta lại được trông thấy uy nghi nước nhà".

Viên tri phủ Ngọc Ma là Cẩm Quý, dẫn hơn 8.000 người (từ 20b) và hơn 10 con voi đến theo giúp, được vua phong cho chức Thái úy. Vua hạ lệnh rằng:

"Nhân dân ta lâu nay đã khốn khổ về chính trị bạo tàn của người Minh! Vậy quân sĩ đến châu huyện nào, cũng không được xâm phạm của dân một mảy may. Nếu không phải là trâu bò thóc gạo của nguy quan, thì dù có đói lắm cũng không được lấy".

Lúc ấy, quân sĩ có người ba ngày chưa được một bữa ăn, mà không ai dám phạm lệnh trên! Về phần nhân dân, thì ai nấy cũng đem những trâu bò thóc gạo của người Minh đã tích trữ ra để tiếp tế cho quân ta. Vua chia quân đi thu phục các châu huyện, quân ta đến châu huyện nào, chúng cũng ra hàng tức khắc. Vua bèn vây thành Nghệ An, địch cố thủ trong thành, không dám ra khiêu chiến.

Vua huấn luyện tướng sĩ, tu sửa khí giới, trong một tuần⁽¹⁾, chiến cụ đầy đủ. Bèn duyệt võ nghệ, dạy quân sĩ biết các phép: ngồi, đi, đánh, đâm; chỉ cho biết các thế: kỳ, chính, chia, hợp; lại cho biết các hiệu lệnh về chiêng, trống và màu cờ, để biết lệnh tiến lui. Đội ngũ nghiêm chỉnh, thưởng phạt công minh, quân sĩ đều hăng hái, nhân dân khắp vùng (từ 21a) dạt díu nhau quy phục đông như đi chợ, vua đều uỷ lạo vỗ về, ai nấy đều hoan hỉ.

Ngày 15 tháng 2, tham tướng nhà Minh là Lý An, tước An Bình bá, dẫn thủy quân từ Đông Quan đến cứu

⁽¹⁾ Cường mục chép là 2 tuần (mỗi tuần 10 ngày).

thành Nghệ An. Vua tính toán: Trần Trí bị vây khốn đã nhiều ngày, bây giờ có viện binh tới, y tất nhiên ra đánh. Bèn dời quân đóng tại cửa sông Quạt Giang⁽¹⁾ thuộc huyện Đỗ Gia, sai Lê Ninh dẫn binh phục nơi bờ sông.

Ngày 17, địch dẫn hết quân trong thành ra đánh trại Lê Thiết của ta, chúng mới qua sông được một nửa số quân, bị phục binh trối dậy đánh phá, chém hơn nghìn⁽²⁾ thủ cấp, quân địch bị chết đuối rất nhiều. Trần Trí chạy vào trong thành.

Tháng 5, vua sai Tư không là Đinh Lễ đến Diễn Châu, đặt phục binh đón đánh cướp những thuyền lương của Đô ty địch là Trương Hùng, ta vừa đuổi vừa đánh cho đến thành Tây Đô. Vua lại tuyển 2000 tinh binh, sai các tướng Lê Sát, Lê Nhân Chú, Lê Triện và Bùi Bị dẫn tiếp theo làm hậu viện cho Đinh Lễ, đánh úp thành Tây Đô, chém hơn 500 tên địch, bắt sống rất nhiều, tướng nhà Minh đóng chặt cửa thành cố thủ. (tờ 21b) Đinh Lễ chiêu phủ nhân dân, hợp binh vây thành. Người Thanh Hoa đều đua nhau đến cửa quân xin theo vua.

Tháng này, vua Nhân Tông nhà Minh chết, Thái tử lên nối ngôi, đổi niên hiệu Tuyên Đức.

Mùa thu tháng 7, vua hội các tướng mà bảo rằng:

"Các vị tướng giỏi thời xưa, thường bỏ chỗ kiên cố mà đánh vào nơi nứt rạn; lánh chỗ nhiều mà đánh chỗ ít. Như vậy thì chỉ dùng nửa phần sức lực, mà thu được thành công gấp đôi. Nay hai xứ Thuận Hoá và Tân Bình,

⁽¹⁾ Nguyên văn là "Quạt Giang khẩu", còn có thể hiểu là đào cửa sông (để làm kế đánh giặc) hoặc là sông đào.

⁽²⁾ Bản *LML* là "thập dư cấp" (hơn 10 đầu giặc?) - sai.

mất liên lạc với Nghệ An và Đông Đô đã lâu rồi. Vậy ta nên thừa kế tiến đánh hai xứ đó". Bèn sai Tư đồ Trần Nguyên Hãn, Thượng tướng quân Doãn Nỗ và Chấp lệnh Lê Đa Bồ dẫn hơn nghìn quân đi kinh lược xứ Thuận Hoá và Tân Bình để chiêu phủ nhân dân. Bọn Trần Nguyên Hãn đánh phá tướng nhà Minh là Nhiệm Năng⁽¹⁾ ở sông Bồ Chính⁽²⁾. Vua lại sai Lê Ngân, Phạm Bôi và Lê Văn An dẫn thuyền chiến vượt biển để tiếp ứng, liền phá được thành này, dân hai phủ trên, thấy đều quy thuận, ta thu được vài vạn quân tinh nhuệ để sung vào binh số, thanh thế rất hùng dũng! Các tướng bèn suy tôn vua là (tờ 22a) "Đại thiên hành hoá" (Thay trời thi hành giáo hoá)". Từ đấy, trong những tờ bố cáo hoặc những tờ Dụ đều nêu bốn chữ này.

Mùa đông, tháng 11, dựng Trần Cảo làm vua, đặt niên hiệu là Thiên Khánh. Trần Cảo chính tên là Hồ Ông, lánh nạn đến châu Ngọc Ma, thổ quan là Cẩm Quý đã giả mạo nói Ông là dòng dõi vua Trần, tên là Trần Tịch, vì nhà vua cho là dân nước ta vẫn còn nhớ họ Trần, nên cho đón Trần Cảo dựng lên làm vua, để mượn việc đó trả lời cho triều Minh, và sai viên Tả bộc xạ là Bùi Quốc Hưng, dạy bảo⁽³⁾, còn vua thì tự xưng một cách khiêm tốn là: "Kiểm hiệu thái sư Bình chương quân quốc trọng sự Đại thiên hành hoá, tứ kim ngư đại, song kim hổ phù Trang Vô Vệ quốc công". Ngày 30 tháng 12 (đêm giao thừa) là ngày Mậu Tý, làm lễ tâu cáo với vong linh các vị vua của nhà Trần trước về việc dựng vua này.

⁽¹⁾ *Nhiệm Năng*: Bản *D*, *H* và *LML* là Nhiệm Năng, bản *A* là Chu Năng.

⁽²⁾ *Bồ Chính*: Tức sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình. Bản *A* chép là Nam Chánh - sai.

⁽³⁾ Nguyên văn là "phó chi", tức là giúp đỡ, dạy bảo "kỳ thực là để giám sát). Bản *LML* viết là "truyền chỉ" và dịch là "truyền tin này" - sai.

Năm Tuyên Đức thứ nhất (triều Minh) là năm Bính Ngọ, niên hiệu Thiên Khánh vua Trần năm thứ 2 (1426), mùa hạ, tháng 5, vua Minh ban tờ chiếu "tha tội bạn nghịch" cho các quan lại và quân dân nước ta và bãi bỏ hết các thứ thuế trưng thu vơ vét các loại: vàng, bạc, (tờ 22b) đồng, thiếc, sắt, muối, hương và cá. Để cho người bản xứ tự do mua bán, những thứ này, các quan không được cấm. Bởi vì trước đây, pháp luật nhà Minh rất hà khắc nghiêm ngặt, nhân tình không ưa, cho nên mới ban tờ chiếu mệnh này. Nhưng lòng dân oán ghét đã lâu, phần nhiều đều theo về với quân ta, đại thế không thể đảo ngược được nữa.

Mùa thu, tháng 8, vua tính: Bao nhiêu quân tinh nhuệ của nhà Minh đều đóng ở thành Nghệ An, còn các xứ thuộc Đông Đô, mỗi nơi chỉ có một ít quân yếu kém. Bèn sai các tướng thi hành kế sách: sai Cơ mật đại sứ là Phạm Văn Xảo, Thiếu úy⁽¹⁾ là Lê Triện, Thái giám là Lê Khả, Á hầu là Đỗ Bí, Lê Như Thận⁽²⁾ dẫn 3000 quân và một con voi đi chiêu phủ nhân dân các xứ: Thiên Quan, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, Tam Dối và Tuyên Quang, để ngăn chặn quân cứu viện từ Vân Nam tới; Thông hầu Lưu Nhân Chú, Thiếu úy Bùi Bị, Thái giám Lê Khuyển, Lê Nanh dẫn 2000 quân và một con voi đến các xứ: Thiên Trường, Tân Hưng và Kiến Xương, để (tờ 23a) chặn đường về của Phương Chính⁽³⁾ và

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là "Thái úy", các bản khác là "Thiếu úy".

⁽²⁾ Bản B là Lê Như Thủ, *Toàn thư* là Lê Như Huân, các bản khác là Lê Như Thận. Có lẽ đó chỉ là Lê Thận (có chép ở phần Liệt truyện - Công thần ở bên dưới).

⁽³⁾ Phương Chính: Bản LML là Đức Chính - sai.

Lý An khi chúng thua trận. Hai đạo binh này, sau khi đã chiếm được đất, liền chia quân đóng giữ các nơi; Nhân Chú, Bùi Bị cùng với Lê Bôi, Lê Vị Tấu, dẫn 2000 quân Thanh Hoá và một con voi, đi chiêu mộ nhân dân các xứ: Khoái Châu⁽¹⁾, Bắc Giang và Lạng Giang, rồi đóng quân giữ các nơi hiểm yếu, để ngăn chặn quân cứu viện do đường Quảng Đông và Quảng Tây tới; Tư không là Đinh Lễ, Nguyễn Xí và Lê Bi, dồn quân tinh nhuệ tiến đánh Đông Đô, để phô trương thanh thế. Vua ra lệnh cho các tướng đi đến đâu đều không được lấy của dân một mảy may. Bởi thế, quân đi qua mà chợ vẫn họp như thường, các trấn ở các lộ thấy đều hoan nghênh, đua nhau đem thịt trâu, thịt dê, cơm rượu ra khao lạo quân sĩ.

Ngày 12, Lê Triện dẫn 3000 quân tiến sát Đông Đô. Tham tướng nhà Minh là Trần Trí thấy quân ta kéo đến bất thành lĩnh thì sợ quá bèn dẫn quân ra ứng chiến ở Ninh Kiều, thuộc phủ Ứng Thiên. Lê Triện, Lê Khả và Đỗ Bí hết sức chiến đấu. Quân Minh thua, ta chém đầu 2000 quân địch, rồi tiến quân đến bờ phía Tây sông Ninh. Trần Trí thấy thành Đông Quan cô lập nguy cấp, bèn đào hào đắp lũy thêm, để làm kế cố thủ (tờ 23b) rồi viết một tờ cáo cấp, để vào trong hộp thiếc, gửi tới Nghệ An, bảo Lý An và Phương Chính dẫn quân về cứu nơi cội rễ.

Ngày 17 tháng 9, Lý An và Phương Chính để viên chỉ huy là Thái Phúc ở lại giữ thành Nghệ An, rồi xuống thuyền lên ra biển lúc ban đêm. Quan quân ta đã phục sẵn các nơi hiểm yếu để chặn đường về của chúng, bởi thế bọn Phương Chính chỉ loanh quanh ở ngoài biển

⁽¹⁾ Cương mục còn chép thêm các xứ Thượng Hồng, Hạ Hồng.

không lên bờ được. Về phần quân ta, lúc ấy hãy còn ít thuyền, khó bề đuổi đánh, nên bọn Phương Chính chạy thoát được. Vua bèn để Lê Ngân, Lê Văn An, Phạm Bôi, Lê Thận, Lê Lân, Lê Văn Linh và Bùi Quốc Hưng ở lại vây thành Nghệ An, vua thì đích thân đốc suất cả quân thủy và quân bộ tiến theo sau Lý An và Phương Chính. Khi quân tới Tây Đô, vua đóng doanh trại tại Lỗi Giang, uỷ lạo tướng sĩ, ban thưởng cho các vị phụ lão trong làng và các người thân thuộc trong họ, tùy theo từng hạng. Nhiều người trong các quận, các huyện ở Thanh Hoa nghe thấy vua tới, đều đến cửa quân, tình nguyện theo vua xông pha ra trận, vua đều cho dẫn vào bệ kiến rồi tùy tài cho phép vào các đội binh.

Ngày 20, viên Đô ty (tờ 24b) Vân Nam nhà Minh là Vương An Lão dẫn hơn vạn quân tới cứu viện, đi đến cầu Xa Lộc⁽¹⁾ thuộc Tam Giang, Văn Xảo và Trịnh Khả đón đánh phá tan, địch bị giết và chết đuối tới hơn 1000 quân, còn thì chạy vào thành Tam Giang.

Lê Triện đánh nhau với Đô ty nhà Minh là Vi Lượng ở cầu Nhân Mục, thắng lợi, bắt được Vi Lượng.

Mùa đông, tháng 10, vua Minh sai Tổng binh là Thành Sơn hầu Vương Thông giữ chức Tham tán quân vụ cùng với Thượng thư bộ Binh Trần Hiệp, và Tham tướng Mã Anh, dẫn 5 vạn quân và 5000 kỵ binh sang cứu viện. Khi chúng tới Đông Đô, thì hơn vạn quân đạo binh Vân Nam đã đến Tam Giang rồi, và đang xuôi dòng thẳng tiến. Bọn Lê Khả được tin này, lập tức từ Ninh

⁽¹⁾ Xa Lộc: Tục gọi là Cầu Ròng Rọc, ở gần làng Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ ngày nay.

Kiều vội vã tới gấp, đón đánh ngay ở cầu Xa Lộc, phá tan được đạo quân Minh này.

Ngày mồng 6, Vương Thông y vào thế mạnh lúc mới đến, bèn thống suất tất cả 10 vạn quân, cùng với bọn Trần Hiệp, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Lý An, Trần Trí và Phương Chính, chia làm ba đạo quân, kéo ra ngoài thành, đánh vào trại ngoài của Lê Triện và Lê Bí ở bến đò Cổ Sở⁽¹⁾. Lê Triện liền cấp báo (tờ 24b) cho Lê Lễ và Lê Xí biết, bọn Lê Lễ dẫn quân từ Thanh Đàm⁽²⁾ lại cứu, rồi cùng nhau bàn kế dụ lừa quân địch và cùng hăng hái chiến đấu, phá tan quân Vương Thông ở Ninh Kiều, Tốt Động⁽³⁾ (việc này có chép ở truyện Lê Triện), chém được Trần Hiệp và Lý Lượng nhà Minh cùng 5 vạn quân, địch chết đuối rất nhiều, ta bắt sống được hơn vạn tên và thu được rất nhiều khí giới, ngựa trận, vàng bạc, của cải. Bọn Vương Thông chỉ chạy thoát thân về Đông Quan, đóng cửa thành cố thủ. Lê Lễ và Lê Triện thừa thắng thẳng tiến vây thành, quân uy lừng lẫy như sấm vang! Lúc này vua đang hội các tướng Hải Tây⁽⁴⁾, đóng ở Thanh Hoá, nhận được thư báo thắng trận, bèn thân đốc suất đại quân và 20 con voi thẳng tiến, ngày 11 tới Lũng Giang⁽⁵⁾, các tướng đón mừng.

Tri châu châu Chánh Bình là Hà Hoạn bị quân ta bắt, nhưng y chịu chết không hàng.

(1) Bản *LML* chép sót chữ "Sở", theo bản *A, B, H* và *LSTL*. *Cương mục* chưa: "Cổ Sở là tên xã, có bến đò Phùng", (thuộc huyện Đan Phượng tỉnh Hà Tây).

(2) *Thanh Đàm*: tức Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

(3) *Tốt Động*: tên xã, nay thuộc huyện Mỹ Đức, Hà Tây.

(4) *Đạo Hải Tây* gồm các xứ Thuận Hoá, Tân Bình, Nghệ An và Thanh Hoá.

(5) *Lũng Giang*: tức sông Đáy.

Vương Thông từ sau khi thua trận, khí giới gần hết, phải phá quả chuông Quy Điền và cái đỉnh Phổ Minh để đúc đạn súng.

Ngày 22, vua tiến quân đến Phù Liệt⁽¹⁾, ngày hôm sau, vua sai Trần Hãn, Bùi Bị lĩnh 100 thuyền chiến, từ sông Đại Lũng ngược lên cửa sông Hát Giang, rồi xuôi dòng thẳng xuống; Đinh Lễ dẫn hơn vạn quân bộ đánh vào cầu Tây Dương, vua thì đích thân cầm quân đánh vào cửa Nam thành Đại La. Đến canh ba đêm hôm ấy, quân ta đánh cả bốn mặt, rồi phóng lửa đốt những nhà của dân ở bên ngoài thành, binh tướng của Phương Chính ở doanh ngoài, vội tranh nhau chạy vào trong thành, bị chết ngổn ngang! Ta giải phóng hết những người Việt đã từng bị chúng ức hiếp phải theo, và thu được hơn trăm chiếc thuyền chiến, cùng rất nhiều khí giới đồ đạc. Quân dân vùng này thấy đều quy phục quân ta. Bọn Vương Thông và các quan ở ba ty⁽²⁾ đều cố chết giữ thành, để đợi quân cứu viện. Vua bèn đóng dinh tại Đông Phù Liệt ở gần đó để uy hiếp.

Sau khi vua tới thành Đông Đô ba ngày, hào kiệt các lộ, nhân dân các phủ huyện, và tù trưởng các biên trấn kéo nhau đến cửa dinh đông nghịt, thấy đều tình nguyện giúp sức đánh phá các thành, vua cho dẫn các người vào bệ kiến, phủ dụ an ủi và giảng giải cho biết lẽ lui tới; các sĩ phu và thứ dân đến yết kiến, vua đều niềm nở tiếp đãi (tờ 25b) rồi tùy tài cao thấp của từng người, cho liệt vào

⁽¹⁾ *Phù Liệt*: nay thuộc xã Phù Liệt huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

⁽²⁾ *Ba ty*: Đô tổng binh ty, Thừa chính ty, Án sát sứ ty, là các cơ quan cai trị nước ta do nhà Minh đặt.

các chức, ban hành cả lệ thưởng phạt, để cho mọi người biết sự khuyên răn. Ai nấy đều cảm kích.

Chia các lộ và các trấn ở Đông Đô làm thành bốn đạo; đặt các quan văn võ trong triều và ngoài đạo; đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển, để khám xét người qua lại, và bắt những kẻ theo lũ phản nghịch và bọn làm quan với nhà Minh, cùng những kẻ dân ngoan cố có lòng phản bội định đem thư về Trung Hoa.

Lại ban lời dụ rằng:

"Có bậc văn nhân tài tử nào chưa ra làm quan, mà có thể viết thư đưa vào thành Đông Đô, khuyên được tướng tá trong đó mở cửa thành ra hàng, hoặc giảng hoà để về nước, sẽ đặc cách trọng dụng ngay".

Ban lệnh tịch thu sản nghiệp, vợ con, tôi tớ của bọn nguy quan, lấy thóc lúa sung vào kho dự trữ, để cung cấp cho quân nhu.

Tháng 12, ra lệnh cấm quân sĩ không được chặt phá cây cối hoa quả, cướp bóc tài sản của nhân dân.

Quan quân ta vây thành Đông Đô rất gấp, Vương Thông bị cùng quẫn phá! Bèn gửi thư giảng hoà, xin cho được đem hết quân sĩ về Trung Hoa. Vua nói rằng:

" Binh pháp có câu: Không cần đánh mà đối phương phải khuất phục. Đó là thượng sách của nhà binh vậy".

Bèn bằng lòng (từ 26a) cho hoà, và hẹn Vương Thông phải dẫn tất cả người và lính ở các thành khác, về hội cả ở Đông Đô. Lúc này vua cũng sai các cận thần qua lại với Vương Thông. Bọn nguy Đô ty Trần Phong, Tham chính Lương Nhữ Hốt và Đô chỉ huy Trần An Vinh ngầm bảo Vương Thông rằng:

"Thời xưa, Ô Mã Nhi thua trận ở sông Bạch Đằng, phải đem quân ra hàng, Hưng Đạo Vương bằng lòng cho hàng, rồi sai đem các thuyền lớn chở đưa về nước, nhưng lại dùng các người tài lặn làm thủy thủ. Khi thuyền ra tới ngoài biển, chờ ban đêm, các người trong thuyền ngủ say, lúc ấy thủy thủ lặn xuống nước, khoan thủng đáy thuyền, làm cho binh tướng nhà Nguyên đều chết đuối hết, không còn một mống".

Bởi thế Vương Thông đâm ngờ, lại đắp thêm lũy, đào thêm hào và gài chông nhọn để làm kế cố thủ, rồi ngầm sai mấy chục người đem thư bọc sáp ong, lén đi lối tắt về nước xin viện binh. Quan quân ta bắt được bọn này, nên vua ghét thói tráo trở, bèn sai đặt phục binh bốn mặt ngoài thành, để bắt các người trong thành ra vào, tổng số bắt được đã tới hơn 3000 lính và 500 con ngựa⁽¹⁾. Từ đấy Vương Thông đóng cửa thành không ra, việc sứ giả qua lại cũng chấm dứt.

Vua sai (từ 26b) các tướng dẫn quân đi đánh các phủ huyện: Bùi Quốc Hưng đi đánh Diêu Diêu⁽²⁾ và Thị Cầu; Lê Khả và Lê Khuyển⁽³⁾ đánh Tam Giang; Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lý và Lê Lân đánh Xương Giang; Lê Lựu và Phạm Bôi đánh Khâu Ôn.

Ngày 20, đặt chức An phủ sứ vào các lộ, dùng Đào Công Soạn và Nguyễn Dực cả thảy 24 người sung chức này; đặt chức Viên ngoại lang vào 6 bộ, dùng Nguyễn

⁽¹⁾ Bản *LML* viết là 5 con ngựa; bản *H* viết là 5000 con.

⁽²⁾ *Thành Diêu Diêu*: Bản *LML* là Đào Kê, bản *A* chép là Diêu Hào, ở huyện Gia Lâm; Thị Cầu ở Bắc Ninh, Tam Giang thuộc Sơn Vi, Phú Thọ; Khâu Ôn: tỉnh lý Lạng Sơn ngày nay.

⁽³⁾ Lê Khuyển: Bản *LML* chép là Lê Đại, dịch là Lê Văn; bản *H* là Lê Trương.

Tông Vĩ cả thấy 6 người sung chức này. Bọn Công Soạn thấy đều là sĩ tử mới trúng tuyển.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Tuyên Đức thứ 2 (1427), mùa xuân, tháng giêng, vua tiến quân đóng tại bờ phía Bắc sông Lô⁽¹⁾, rồi chia quân vây thành Đông Đô, Lê Khả⁽²⁾ vây cửa Đông thành, Đinh Lễ vây cửa Nam thành, Thái giám Lê Chứng⁽³⁾ vây cửa Tây thành, Lê Triện vây cửa Bắc thành, Sơn Thọ sai thông sự là bọn Nguyễn Nhiệm gồm ba người, lại thông tin tức với ta.

Vua ban chức Hoả thủ quân trong các lộ, tùy theo từng hạng. Bỏ người (tờ 27a) vào làm trong viện Hàn lâm và thuộc lại trong bốn đạo, tổng cộng 515 người, sai Dương Thái Nhất tu sửa đền thờ Trần Hưng Đạo, cấm không được chặt phá cây cối nơi đây; ra lệnh cho lộ An Bang nộp gỗ sung⁽⁴⁾ và tên bắn bằng tre; ra lệnh cho các lộ các trấn chuyển vận lương hướng tới thành Xương Giang và Tam Giang, để cung cấp quân lính; ra lệnh cho các tướng và quan chức các lộ, phải dò hỏi tìm tòi người có tài ba trí dũng, có thể làm chức Thượng tướng, Tư mã, các vị quan to mỗi vị phải tiến cử một người; ra lệnh cho nhân dân, người nào dâng thóc để cấp phát cho quân, sẽ được phong tước, tùy theo từng hạng.

Viên chỉ huy Nghệ An là Thái Phúc đầu hàng ta. Thành Diễn Châu cũng hàng.

Phạm Cự Luyện ở huyện Đường Hào và Đoàn Lộ ở

⁽¹⁾ Sông Lô: đoạn sông Hồng chảy qua Hà Nội ngày nay.

⁽²⁾ Lê Khả: Bản LML là Lê Hướng - sai, đây theo bản A và B.

⁽³⁾ Lê Chứng: Cương mục chép là Lê Cự.

⁽⁴⁾ Nguyên văn là "xung mộc". Theo Đào Duy Anh, có lẽ là chữ "thung mộc" (cọc gỗ) viết lầm.

huyện Cổ Phí, đều dâng kế sách đánh phá thành trì, và cách thức làm phen chiến đấu, xe phá thành và xe ngựa bay. Vua khen hay, bèn sai các tướng y theo kiểu mẫu đó để làm các thứ trên.

Ra lệnh cho các xứ phải tôn trọng các miếu thờ các vị công thần đời trước.

Sai người đã đầu hàng là viên bách hộ Hà Vương, mang thư vào thành Đông Quan dụ Vương Thông ra hàng. Sai Tư mã Tuyên Quang là Lương Thế Vinh và đề đốc phụ đạo là Ma Tông Kế coi việc đóng thuyền chiến.

Sai Nhập (tờ 27b) nội thiếu bảo là Lê Lựu tổng quản việc quân dân của xứ Lạng Sơn và An Bang xuất quân đánh thành Khâu Ôn, rồi chia quân đóng giữ các chỗ hiểm yếu nơi ấy, và cho Lê Lựu được quyền "tiền trăm hậu tấu".

Với viên Nhập nội thiếu phó là Lê Chích ở Nghệ An về cho làm chức Tổng tri⁽¹⁾ ba lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Tân Hưng, coi cả các việc quân và dân sự, và sai đi đánh thành Điều Điều⁽²⁾ và Thị Cầu.

Phong cho viên Hàn lâm viện Thừa chỉ học sĩ là Nguyễn Trãi chức "Triều liệt đại phu nhập nội hành khiển, Lại bộ Thượng thư, kiêm hành Khu mật viện sự". Vua sai dựng một cái lầu mấy tầng trong dinh Bồ Đề, hàng ngày vua ngự tại tầng lầu trên cùng, để trông vào trong thành bên địch, cho Nguyễn Trãi ngồi ở tầng lầu

⁽¹⁾ Bản A là tổng chế 3 lộ.

⁽²⁾ Bản A vẫn chép là Điều Hào.

dưới, để bàn luận quân cơ hầu vua và thảo những thư từ đi lại.

Ngày 13, Lê Lưu và Phạm Bôi đánh chiếm được thành Khâu Ôn, quân Minh bỏ thành chạy trốn vào lúc ban đêm.

Viên Tư mã là Lê Lai⁽¹⁾, cậy có chiến công, thường thốt ra những lời khinh nhờn. Vua sai xử tử và tịch thu gia sản. Viên thiên hộ là Lý Vân và kẻ tòng phạm là Bùi Vĩnh vì chử trộm muối (*tờ 28a*) vào thành Chí Linh, vua cũng sai giết cả, và đều tịch thu gia sản.

Ra lệnh kiểm điểm khí giới của binh sĩ, kẻ nào thiếu, sẽ trị theo quân luật.

Ra lệnh cho Thái Nguyên và Lạng Sơn nộp vỏ cây gai, để dùng vào việc quân. Ra lệnh cho huyện Tân Phúc mở lò rèn sắt.

Sai viên Tư mã tổng đốc trấn Thiên Quan là Cao Ngự dẫn quân vây thành Cổ Lộng, và cho được quyền "tiên tri, hậu văn" (Có kẻ nào phạm pháp, được quyền trị tội trước, rồi sau mới tâu vua). Sai các tướng đóng đồn giữ đất: Lê Vấn đóng đồn tại cửa Đông thành Đông Quan; Đinh Lễ, Lê Sát, Lê Lý và Lê Chích⁽²⁾ đóng đồn tại cửa Nam; Lê Bị, Lê Nguyễn, Lê Chung đóng đồn tại cửa Tây; Lê Triện và Lê Văn An đóng đồn tại cửa Bắc.

Ra lệnh cho các xứ: Tam Giang, Tam Đới, Tuyên Quang và Quy Hoá nộp các thứ tre, vầu, nửa dựng bức thành nổi dưới nước, ở bờ phía Bắc sông Nhị Hà.

⁽¹⁾ Bản *LML* không có chữ "Lai".

⁽²⁾ Bản A thiếu tên Lê Chích, đây bổ sung theo các bản khác.

Lê Chích đánh chiếm được thành Điều Diêu, viên chỉ huy là Trương Lân và viên Tri phủ là Trần Vân ra đầu hàng.

Chế tạo súng Tương Dương⁽¹⁾, để dùng vào việc bắn phá thành trì.

Ra lệnh cho người trong nước: Người nào có cha mẹ, vợ con, anh em, tôi tớ hoặc họ hàng, đã trốn theo quân giặc ở trong thành, cho phép tự nguyện trèo lên thành⁽²⁾, chờ sau khi phá được thành, sẽ chiếu đó giao cho đưa về gia đình. Nếu không khai, (từ 28b) đến khi phá được thành, lại tư túi tranh nhận xin về chung sống, sẽ trị tội theo quân luật. Ban cho các viên phụ đạo các xứ chức thủ ngữ, đoàn luyện, tước trung phẩm có thứ bậc.

Ngày 7 tháng 2, Thiếu úy Lê Triện đánh nhau với tướng nhà Minh là Phương Chính ở Quả Động⁽³⁾, Triện bị tử trận, Đỗ Bí thì bị giặc bắt.

Ngày 19, quân Minh đánh đồn Bài Sa Đồi thuộc huyện Từ Liêm, quan quân đóng vững cửa thành và cố sức chống cự, tới khi hết tên đạn, phải lấy cả mảnh nồi chõ, chum vại để ném, quân địch không tiến nổi, sau giặc phải dỡ nhà của dân chất đóng lại, phóng lửa đốt theo chiều gió, quân ta kéo nhau bơi lội qua sông, bị chết đuối nhiều. Duy đạo quân Thiên Quan không biết bơi lội, ở lại liều chết chiến đấu, quân địch phải thua chạy.

⁽¹⁾ *Tương Dương* (Toàn thư chép là Cồn dương), chưa rõ là súng gì.

⁽²⁾ Câu này bản chính chép "hứa tự nguyện dâng thành" (cho phép được tự nguyện lên thành), có lẽ là lên thành để làm kẻ địch vạ.

⁽³⁾ Có lẽ là Tảo Động chép lầm ra Quả Động. Tảo Động là Nhật Tảo, Xuân Tảo phía Tây Hồ Tây.

Lê Chích dẫn quân vây đánh thành Thị Cầu, tướng nhà Minh là Vương Đường (và) Bảo Trinh ra hàng⁽¹⁾.

Vua sai Nguyễn Trãi đi cùng với người đã hàng là viên chỉ huy họ Tăng đến thành Tam Giang dụ hàng.

Sứ thần nước Chiêm Thành sang nước ta dâng cống phẩm, vua đãi yến, khi trở về lại ban cho vải và ngọc, và sai thêm tri Khu mật là Hà Lạt đi cùng với sứ giả tới Chiêm Thành để tuyên bố uy lạo. (tờ 29a).

Ra lệnh cho các tướng hiệu lại bắt đầu tính công mới. Từ các vị đại thần tới chức thiếu úy, ai có công lớn được thưởng "kim phù", thì được hưởng thuế một quận; các viên chấp lệnh có công được hưởng một ấp; các viên đốc tướng và quân nhân có công, cũng được hưởng một quận hoặc một ấp, tùy theo từng hạng. Những vị nào không có công thưởng, thấy đều giáng xuống hạng dân thường.

Ban chiếu cho các địa phương, nơi nào có lăng miếu của các vị vua thời trước, mà bị người Minh phá huỷ, thì quan chức nơi ấy phải tu sửa lại, và phái người trông coi, mỗi lăng mấy người, tùy theo từng hạng.

Tháng 3, duyệt binh ở Vĩnh Động⁽²⁾, đội ngũ của viên Chánh đốc là Nguyễn Liên không đủ quân số, khí giới lại không tề chỉnh, liền chém đầu Nguyễn Liên để làm gương.

Phong chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm Tri đông đạo quân dân bạ tịch cho Bùi ƯĐài.

Ra lệnh cho ba quân, kẻ nào có chí hy sinh về việc nước, mà tinh thông võ nghệ, có sức mạnh, có tính quả

⁽¹⁾ Toàn thư chép tên là Đường Bảo Trinh.

⁽²⁾ Vĩnh Động: nay là Kim Động tỉnh Hưng Yên.

cảm, đều được tự đến tiến thân, sẽ tuyển vào đội thị vệ ở Nội phủ.

Ngày mồng 6, viên chỉ huy sứ nhà Minh là Lưu Thanh tại thành Tam Giang ra hàng. Lưu Thanh vẫn sẵn có chí quy phụ ta.

Nguyên hồi trước, người ở thành Tam Giang theo viên tổng binh (tờ 29b) nhà Minh đi đánh Thanh Hoa, bị thua trở về, bốn người bản xứ có kẻ nói những lời hỗn xược, Lưu Thanh liền mắng rằng:

"Thằng Mán vô lễ! Ông ấy (*chỉ Lê Lợi*) sẽ là hoàng đế của chúng mày đấy".

Đến đây Lưu Thanh ra hàng, sau đó không bao lâu, hơn vạn hàng binh khác họp nhau làm phản, việc võ lữ, đều bị giết hết, chỉ có binh sĩ thành Tam Giang là không ai bị.

Ngày mồng 8, Tư không Đinh Lễ và Thượng tướng quân Nguyễn Xí, đánh nhau với tướng nhà Minh là Vương Thông ở Mi Động⁽¹⁾, bị thua, Đinh Lễ tử trận, Nguyễn Xí bị giặc bắt.

Cử Thông hầu Lưu Nhân Chú làm Hành quân quản đốc⁽²⁾ nhập nội Đại tư mã lĩnh Tiền, Hậu, Tả, Hữu tứ vệ, kiêm tri Tân vệ chư quân sự.

Ra lệnh cho tướng hiệu và quân nhân trong hạt Quốc Oai, Tam Đối: người nào bắt được thư của giặc, nội dung toàn những lời lừa dối dụ dỗ, cốt để mê hoặc lòng người, mà chỉ đem thư ấy trình riêng lên viên tướng trong bộ

⁽¹⁾ *Mi Động*: Toàn thư chú, nay là Hoàng Mai, Hà Nội.

⁽²⁾ *Toàn thư* và bản A chép là "đốc quân".

mình, sẽ bị chém đầu. Viên đốc tướng trong các đội ấy, mà không xét tới việc ấy, cũng bị đồng tội. Kẻ nào phao lời mê hoặc tại các châu huyện, thì bắt ngay dẫn giải tới cửa quân, chém đầu.

Chia các quan nhà Minh đã đầu hàng vào các xứ: Thanh Hoa, Nghệ An, (từ 30a) Lam Ấp⁽¹⁾ và Tân Bình.

Ra lệnh cho các lộ, phải tiến cử những người anh tuấn hiền tài, có trí dũng và ngay thẳng, sẽ vời đến hỏi han để họ đối đáp rồi bổ dụng. Nếu trong hạt có người hiền tài, mà các quan ẩn giấu không tiến cử, sẽ bị giáng chức hoặc cách chức.

Ra lệnh cho các chức thiếu úy, chấp lệnh, tổng giám trong quân ngũ: Ngày thường, có tên lính nào phạm pháp, không được tự ý giết ngay. Nhưng khi lâm trận, tên lính nào trái lệnh, được quyền chém ngay, rồi sẽ tâu vua sau.

Ngày 19, thành Thị Cầu đầu hàng. Vua ra lệnh:

"Người trong nước, ai có vợ con hoặc anh em đã bị quân giặc ở các thành cướp bắt làm vợ, làm thiếp, hoặc làm tôi tớ, nay chúng đã ra hàng, nếu chủ nhân có thể cùng tham gia đánh vào thành Đông Quan, chém được hoặc bắt được giặc, sẽ cho tra hỏi tìm người thân thích của họ giao cho lĩnh về, và người có chiến công vẫn được thưởng cấp bậc, tùy theo từng hạng".

Cấm các người đồng cốt không được hành nghề tả đạo, giả xưng là ma quỷ thần, đem những lời phù phiếm mê hoặc lòng người.

⁽¹⁾ Lam Ấp: Cương mục, quyển 14 chép là Lam Sơn.

Ra lệnh cho nhân dân lưu tán được về nguyên quán cày cấy, kẻ nào không có⁽¹⁾ ruộng nương, đều cho được đi buôn bán, kẻ nào bỏ nghề nghiệp, sẽ trị tội nặng.

Sai người Minh đã đầu hàng là Châu Sai⁽²⁾ đem 340 con ngựa đến Hoá Châu chăn nuôi.

Ra lệnh cho các đạo quân luyện tập thuỷ chiến.

Ra lệnh cho các viên thiếu úy chọn những con nhà giàu, lấy hạng thân thể to lớn, tinh thông nghề võ, có sức khoẻ, lại gan dạ, mỗi viên phải chọn 200 người như trên, để sung vào đội Thị vệ.

Vì Đào Quý Khách tư thông với giặc, nên ra lệnh cho ải Bạch Lãm cấm chở mắm muối qua chỗ Quý Khách.

Tháng này (tháng 3 năm Đinh Mùi), nhà Minh sai viên Thái tử Thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng, mang ấn Chinh Lỗ phó tướng quân, và Thượng thư bộ Binh Lý Khánh, giữ chức Tham tán quân vụ, dẫn 7 vạn quân trong các xứ Kinh, Hồ, Giang, Chiết và Phúc Kiến, do đường Quảng Tây tới đánh ta; viên Thái phó Kiểm quốc công Mộc Thạnh mang ấn Chinh Nam tướng quân, đem 5 vạn quân Vân Nam, do đường Vân Nam tới đánh ta.

Mùa hạ, tháng 4, vua sai viên phòng ngự Trần Ban don đốc thuộc sửa cửa ải Lê Hoa⁽³⁾ để phòng ngăn quân Vân Nam.

⁽¹⁾ Bản *LML* sót chữ "vô" trong câu: "vô điền sản giả hứa tự bản mai", nên nghĩa thành ra là: "Kẻ nào có điền sản thì cho được đi buôn bán". Lấy theo các bản khác và *Toàn thư*.

⁽²⁾ Bản *A* chép là Châu Ngụy - sai.

⁽³⁾ *Lê Hoa*: trước thuộc Tuyên Quang, nay thuộc Trung Quốc.

Vua nói: "Ta không có tài dũng và trí tuệ, thế mà một mình giữ trách nhiệm trọng đại này, sợ không đương nổi. (từ 31 a) Bởi thế, ta vẫn thường nhún mình cầu người hiền, dốc lòng tôn kẻ sĩ, để cùng mưu toan việc lớn, cứu vớt dân lành. Vậy ai tiến cử những bậc có cơ mưu võ dũng hơn người, hoặc đích thân tự tiến, ta sẽ phong cho thượng khanh thượng tước".

Ghi công các người đã hy sinh về việc nước: phong chức Thái úy Á hầu cho em trai Đinh Lễ là Đinh Liệt, phong chức Quan sát sứ cho thân phụ Lê Triện là Lê Ba Lao; phong chức Phòng ngự sứ cho con Lê Triện là Lê Lăng.

Ban lời dụ khuyến khích các tướng sĩ trong 14 vệ Thiết đột, phải đồng lòng đánh giặc; lại dụ các tướng sĩ trong ba lộ: Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá, phải gắng sức dẹp giặc.

Hạ lệnh cho các tướng các quân rằng: "Người Minh tàn hại dân ta đã hơn 20 năm nay. Buổi đầu số quân của ta có hơn vài vạn⁽¹⁾, nay đã có 35 vạn, chờ đánh phá xong thành Đông Quan, sẽ cho 25 vạn về làm ruộng, chỉ lưu 10 vạn làm quân phòng ngự đất nước. Bây giờ phải lấy thêm quân, cứ nhà nào có 3 người thì lấy 1 người làm lính, còn các thứ thuế và tạp dịch đều miễn cho 3 năm".

Lại tuyên bố 10 điều quân luật (từ 31b) cho quân sĩ biết.

Cho Thiếu bảo Lê Văn An làm Tổng tri quân sự trong bốn lộ: Quốc Oai, Thượng Trung, Tam Đái và Quảng Oai.

Ban 3 điều răn cho các quan văn và võ:

⁽¹⁾ Nguyên văn là số bách vạn, có lẽ thừa chữ "bách".

1. Không được vô tình.
2. Không được dối trá, khinh nhờn.
3. Không được gian tham.

Dụ các hào kiệt trong thiên hạ rằng:

"Hiện nay ta đã phá được nhiều thành quân địch, tuy còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được. Bởi thế, ta ngủ không yên giấc, ăn không biết ngon, đêm ngày lo nghĩ. Vả lại ta chưa được người hiền tài phụ tá. Ta tuy là chủ tướng nhưng tự xét:

1. Già yếu không có tài năng;
2. Học thức nông cạn;
3. Trách nhiệm nặng nề khó đương nổi.

Thế mà các vị đại thần giúp đỡ, chưa có người để đặt vào chức Tướng quốc, chức Thái phó và chức Thiếu bảo. Chức Thái úy, chức Đô nguyên soái cũng còn thiếu; các chức Hành khiển và các quan khác, mười phần mới có một hai. Thế cho nên ta nhún mình lấy lòng thành thực khuyên các vị hào kiệt gắng sức giúp ta, để cứu vãn nhân dân, không nên ẩn mình giấu bóng để cho thiên hạ phải chịu cảnh lầm than này mãi. Có vị nào muốn giữ tiết tháo (tờ 32a) cao siêu như Tứ hạo⁽¹⁾, trốn lánh công danh

⁽¹⁾ *Tứ hạo*: Bốn ông già ngoài 80 tuổi: 1. Đông Viên công, 2. Hạ Hoàng công, 3. Ý Lý công. 4. Giác Lý tiên sinh, cùng nhau ở ẩn tại núi Thương Sơn, vua Hán Cao Tổ cho sứ vời, đều không chịu tới. Sau vua Cao Tổ định bỏ Thái tử Doanh, dựng em Doanh là Như Ý lên thay, Trương Lương bèn lập mưu mời đón được bốn ông già này đến phụ tá Thái tử. Vua Cao Tổ thấy vậy, cho là Thái tử được người hiền giúp, bèn tỏ ý định thay Thái tử.

như Tử Phòng⁽¹⁾, cũng nên vì dân, ra cứu vãn nước. Sau khi thành công rồi, nếu muốn thoả chí xưa, về ẩn nơi rừng núi, ta không cưỡng ép".

Ra lệnh cho các tướng giữ đồn ải, phải xét hỏi gặt gao những người lạ mặt qua lại và xét những thư từ các biên thủy đưa về, xem thực hay giả.

Tháng 5, ra lệnh cho các nơi tiếp tục nạp những văn bằng khám hợp của người Minh đã phong cho.

Người ở hạt Bố Chính là Nguyễn Tử Hoan hiến kế sách, hợp ý vua, bèn phong cho chức Quân sư.

Ra lệnh cho các viên thiếu uý chấp lệnh và quan các lộ, phải tìm tòi hết văn bằng của các nguy quan, và tịch thu tài sản trâu bò, vợ con, đầy tớ của các nguy thổ quan và nguy thổ quân đệ nộ; cho phép được nộp tiền chuộc tội, để lấy tiền cấp cho quân sĩ.

Sai tuyển nhân đinh, chọn lấy những người khoẻ mạnh, để bổ thêm vào hàng ngũ quân đội.

Bọn Vi Bảo tại châu Tư Lăng thuộc phủ Tư Minh⁽²⁾ ra đầu hàng ta.

Các tướng đánh nhau với quân Minh ở Từ Liêm và Cơ Xá, thắng trận, đều được ban thưởng tước vị tước hạng.

Ra lệnh cho các quan tại bốn lộ: Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân và Tân Hưng, phải cấp dưỡng cho

⁽¹⁾ *Tử Phòng*: tức Trương Lương, được Hoàng Thạch công cho quyển *Thái công binh pháp*, học tập, trở nên nhà thao lược đại tài, giữ chức quân sư, giúp vua Hán Cao Tổ bình định thiên hạ. Sau khi thành công, ông không chịu nhận chức làm quan, rồi rong thuyền tiêu dao nơi Ngũ hồ.

⁽²⁾ *Tư Minh*: Thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

những người ở các thành đã ra hàng, cả đàn ông và đàn bà gồm hơn 6.000 người, không được để cho họ phải lưu ly thất sở.

Thổ tù ở Mường Mộc (Mộc Châu) thuộc trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham quy thuận, vua phong cho chức Tư không Bình chương sự, tri Đà Giang trấn thượng bạn và cho túi Kim ngư⁽¹⁾, tước Quan phục hầu, trao cho con ông là Xa Lộc chức Thượng tướng quân vệ Kim ngô; trao chức Đại tướng quân vệ Ngọc kiếm cho Xa Khát, Xa Bàn, Xa Diêm và cho được đổi ra họ nhà vua (họ Lê).

Ngày mồng 10 tháng 6, tước Trấn Viễn hầu nhà Minh, trấn thủ Quảng Tây là Cố Hưng Tổ, dẫn 5 vạn quân và 5 nghìn con ngựa sang cứu thành Đông Đô, khi đi đến cửa ải Pha Luỹ⁽²⁾, bị các tướng đóng giữ tại đây là Lê Lựu và Lê Bôi đánh phá tan, Hưng Tổ phải chạy về.

Phụ đạo Quỳ Châu là Cầm Lạn quy thuận.

Phong thêm chức Tư đồ cho con cả là Thị trung Tư Tế, và chức Tư không cho quan Tư mã là Nhân Chú. Bỏ các viên Thiếu úy Lê Vãn, Lê Sát vào chức Tư mã; viên Thượng tướng Lê Bôi vào chức Thiếu úy.

Ta đắp một đồn nhỏ ở bãi Cơ Xá, bị quân nhà Minh (từ 33a) đánh phá tan. Vua ra lệnh không được cứu, để cho chúng yên trí là quân ta nhất.

Tháng 7, ra lệnh cho quan các lộ cùng với quan văn Môn hạ sảnh, Hành khiển và tướng hiệu các đạo quân, hợp đồng lập hộ tịch (sổ đinh).

⁽¹⁾ Túi Kim ngư: túi có hình con cá vàng.

⁽²⁾ ải Pha Luỹ: Tức cửa Nam Quan đời sau.

Sứ thần nước Chiêm Thành tới dâng phẩm vật địa phương.

Hạ lệnh cho các tướng rằng: "Người cầm quân phải chăm lo việc đánh dẹp, người giữ việc vận tải phải chăm vận lương, đào núi xẻ ván, nấu cát làm muối, ngăn giữ thủy bộ, chặn bắt gian phi, đều phải quên mình hết sức cùng nhau tính việc diệt giặc. Ta là cha mẹ dân, há lại không biết đó là vất vả khó nhọc mà dám gây ra những việc gian khổ ấy sao? Đó chỉ là việc bắt đắc dĩ mà thôi. Các người hãy cố gắng lên, để lập công lớn".

Các tướng đánh nhau với quân Minh ở thành Đông Quan và hạt Thổ Khôi⁽¹⁾ đều thắng trận, được thưởng ngân bài và tiền lụa, tùy theo từng hạng.

Nước Ai Lao sai sứ thần đến hiến phẩm vật bản xứ.

Tháng 8, ban tờ dụ cho cả nước rằng:

"Hiện nay quân giặc còn ở trong nước ta, dân ta chưa được yên, thì các người có yên lòng chăng? Xưa vì họ Hồ vô đạo, (từ 33b) cho nên giặc Minh nhân đó mà cướp nước ta, sự tàn ngược tưởng các người cũng đã đều thấy cả. Bây giờ hãy ra sức khó nhọc trong một năm, để hưởng cơ nghiệp thái bình muôn thuở, các người nên nghĩ cho kỹ, đừng để lưu mối họa về sau".

Sai bọn Lê Khắc Hải sang sứ nước Chiêm Thành.

Lê Khả Tham hiến 3 con voi, vua ban thưởng ngựa và lụa.

Ra lệnh cho nhân dân các lộ tới cả dinh Bồ Đề, để

⁽¹⁾ *Thổ Khôi*: ở tả ngạn sông Hồng, thuộc huyện Gia Lâm Hà Nội.

tuyển lấy hạng khoẻ mạnh, ghép thêm vào hàng ngũ quân đội.

Dụ tướng tá quân nhân lộ Tân Bình và lộ Thuận Hoá rằng: "Thời xưa, nước Chiêm Thành phản nghịch, xâm lấn biên thủy nước ta, lúc ấy, chính tổ tiên ông cha các người, đã tận trung với nước, góp sức đánh bại quân thù, lấy lại đất đai do chúng đã lấn cướp. Những công trạng hiển hách đó, hiện đã chép vào sử sách, lưu truyền đời sau. Hiện nay, người Minh vô đạo, trái nghịch lòng trời, hiếu chiến dùng binh, để mở thêm đất đai, khiến cho nhân dân ta đã chịu lắm than khổ hơn 20 năm, thế mà trong các lộ ta, chưa thấy có kẻ nào đem lòng trung nghĩa, chưa gắng sức lập công. (tờ 34a) Các người là bầy tôi nơi biên thủy, nên nghĩ đến công của ông cha các người ngày trước, phải tận trung với nhà vua, cố sức đánh giặc lập công. Những sự trung thành đó, rất đáng khen, và sẽ đặc cách phong tước vào hạng quan cao⁽¹⁾. Các người nên cố gắng".

Ngày mồng 8, tháng 9, Thái úy Trần Hãn, Tư mã Lê Sát và Thiếu úy Lê Lý, dẫn quân đánh phá được thành Xương Giang, quan Tri phủ nhà Minh là Lưu Tử Phụ và chỉ huy là Kim Dận, Lý Nhậm⁽²⁾ nhà Minh đều bị tử trận, ta thu chiến lợi phẩm⁽³⁾ đem cho quân sĩ.

Vua bèn sai các tướng dẫn quân qua sông, cướp lấy đê Vạn Xuân, đắp bức lũy lên, để uy hiếp thành Đông Đô.

⁽¹⁾ Nguyên văn là "Á đại liêu ban", tức "Á liêu ban" và "Đại liêu ban", tức là những chức quan cao (dịch thoát).

⁽²⁾ Theo *Toàn thư*: Kim Dận là chỉ huy, Lý Nhậm là tướng mới được nhà Minh bổ đến; bản A chép là Dận Lý Nhậm.

⁽³⁾ Theo *Toàn thư*: bắt được ngọc lụa và con gái, đem cho quân sĩ cả.

Quan tổng quản nhà Minh tước An Viễn hầu là Liễu Thăng, dẫn 10 vạn quân từ Quảng Tây tới nước ta; tước Kiểm quốc công nhà Minh là Mộc Thạnh, dẫn 5 vạn quân từ tỉnh Vân Nam tới nước ta, tin này từ biên thủy báo về rất gấp! Vua bèn sai Trần Hãn, Lê Sát và Lê Nhân Chú dẫn binh tượng (voi) tới phục tại ải Chi Lăng, để đợi chống đạo viện binh từ Quảng Tây tới; (sai Phạm Văn Xảo và Lê Khả dẫn binh tượng đóng giữ ải Lê Hoa thuộc Mông Tự, để đợi chống đạo viện binh từ Vân Nam tới)⁽¹⁾.

Lúc này, được tin đại binh nhà Minh sắp ồ ạt kéo đến, (từ 34b), các tướng phần nhiều xin vua đánh gấp ngay thành Đông Đô, để tuyệt quân nội ứng của chúng. Nhưng vua nói:

"Đánh thành, là kế sách kém nhất. Là vì nếu ta đánh vào thành kiên cố đó, phải mất mấy tháng hoặc hàng năm, chưa chắc đã hạ nổi, binh sĩ ta phải mỗi một chán nản. Đang khi ấy, viện binh của địch lại kéo đến, thế là ta bị địch đánh cả đằng trước, đằng sau, đó là thế nguy. Chi bằng ta hãy nuôi sức khỏe, chứa dũng khí để chờ đánh viện binh. Khi viện binh đã bị phá, tất nhiên quân trong thành phải hàng, thế là ta chỉ khó nhọc một phen, mà thu lợi gấp hai. Đó là kế vạn toàn". Sau đó, vua sai canh gác cẩn thận, tuần phòng ngày đêm.

*

* *

Hạ lệnh cho các lộ: Lạng Sơn, Bắc Giang, Tam Đới, Tuyên Quang và Quy Hoá, phải dời vợ con của quân dân đi xa, để lánh viện binh của địch tới.

⁽¹⁾ Bản A bỏ sót đoạn trong móc (...), đây xin bổ sung theo bản LML.

Vua họp các tướng bàn rằng:

"Quân giặc vốn khinh rẻ ta, cho là dân ta nhất, vốn sợ oai chúng, nay nghe tin mấy chục vạn quân chúng kéo đến, tất là phải kinh sợ. Và cái sự mạnh lẫn yếu, nhiều thắng ít, là sự thông thường. Nhưng chúng không tính đến hình thế được thua của mình và của người, lại không biết tới tác động qua lại của thời và vận. Vả lại dẫn quân đi cứu nguy, (tờ 35a) thường cần phải mau lẹ. Vậy tất nhiên chúng đang hành quân vội vàng. Binh pháp có câu: "Dẫn quân đi gấp khoảng đường 500 dặm để tới đích, sẽ què viên thượng tướng". Nay Liễu Thăng dẫn viện binh đi gấp, binh sĩ tất mệt mỏi, ta đem đạo quân thành thoi đánh quân mệt nhọc, nhất định sẽ thắng".

Bèn sai Trần Hãn và Lê Sát, dẫn quân đi đóng giữ nơi hiểm yếu để tranh lợi thế, hễ viện binh đến, lập tức đón đánh ngay tại nơi biên cảnh, đừng để cho chúng vào được Bình Thành.

Ngày 18, đạo quân của Liễu Thăng tới cửa ải Pha Lũy, viên tướng giữ cửa ải là Trần Lựu lui quân về đóng tại Ải Lưu, rồi lại lui về giữ Chi Lăng.

Ngày 20, Liễu Thăng thân tự đốc đạo quân tiên phong tiến tới, Trần Hãn và Lê Sát liền đem quân phục binh ra đánh, phá tan, chém đầu Liễu Thăng tại núi Mã Yên⁽¹⁾.

Ngày 25, vua sai Lê Lý và Lê Văn An dẫn thêm quân đến, hợp sức cùng với đạo quân Lê Sát đánh phá quân Minh, chém đầu Bảo Định bá Lương Minh.

Ngày 28, viên tham tán quân vụ nhà Minh, chúc

⁽¹⁾ Núi Mã Yên: núi ở phía Nam xã Chi Lăng.

Binh bộ Thượng thư là Lý Khánh chết bệnh⁽¹⁾ ở trong quân, phó tướng Thôi Tụ và Công bộ Thượng thư (*tờ 35b*) Hoàng Phúc, thu thập tàn quân, miễn cưỡng tiến vào, Lê Sát mở đường cho tiến, chờ đến chỗ phục binh, mới tung quân đón đánh, địch bị thua. (Tháng 10, Thôi Tụ kéo đến Xương Giang, đắp lũy ở ngoài cánh đồng, nhà vua sai các quân thủy bộ kéo đến bao vây)⁽²⁾, chia quân ngăn chặn các đường hẻm ở Mã Yên, Chi Lăng và Pha Luỹ.

Thôi Tụ xin hoà, vua không cho, sai Trần Hãn dẫn quân đánh úp vào đội quân vận tải lương thực của địch; Lê Ván và Lê Khôi đem thêm quân tiến đánh. Ngày 15, phá tan quân Minh, chém hơn 5 vạn tên, bắt sống Thôi Tụ và Hoàng Phúc cùng hơn 3 vạn quân, thu được quân tư khí giới nhiều vô kể.

Khi đạo quân của Mộc Thạnh đến cửa quan Lê Hoa, vua tính: Mộc Thạnh là viên tướng nhiều tuổi, từng trải, tất không dám tiến bừa, bèn mật báo Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả phải cố thủ, chờ vội giao chiến.

Sau khi Liễu Thăng thua trận, vua sai đem bốn tên chỉ huy, thiên hộ đã bắt được, và bằng sắc ấn tín của Liễu Thăng, đưa đến cho Mộc Thạnh, quân sĩ của Thạnh quá kinh hãi, tự tan rã, các ông Phạm Văn Xảo (*tờ 36a*) liền tung quân vào đánh, phá tan đạo quân đó ở ngòi Lanh Thủy (nước lạnh) và Đan Xá, chém đầu hơn vạn tên và bắt sống được rất nhiều.

Vua sai Thông sự Đặng Hiếu Lộc dẫn tướng Thôi Tụ và Hoàng Phúc do ta bắt, cùng với ấn tín cờ trống của

⁽¹⁾ *Cương mục*, q 14 chép là tự vẫn.

⁽²⁾ Bản *LML* thiếu đoạn văn trong móc (...).

chúng bảo cho thành Đông Đô biết, bọn Vương Thông trong thành trông thấy, vô cùng kinh sợ! Vua bèn sai các tướng sắm các rào gỗ và chiến cụ phá thành, dẫn quân tiến sát thành Đông Đô. Vương Thông mấy lần giao chiến đều thất lợi, lại bị ta vây hết đường hái củi và cỏ ngựa.

Tháng 11, vua ra lệnh cho các tướng tá dâng kế sách về thời sự, kế nào có thể dùng sẽ được thưởng hậu.

Vua sai đại tướng Nguyễn Lôi đem thư đến thành Cổ Lộng và thành Tây Đô dụ hàng, binh tướng hai thành này đều nghe theo ra hàng.

Vương Thông và Sơn Thọ sai viên thiên hộ họ Hạ đem thư giảng hoà tới, xin mở đường cho chúng về nước. Vua ưng cho.

Vương Thông lại đem hết quân trong thành ra đánh ta, các quân tướng đặt phục binh rồi chờ thua chạy, quân Minh đuổi theo, tới ổ phục binh, quân ta ra sức đánh tan quân giặc! Vương Thông ngã ngựa, suýt nữa bị bắt, may chạy vào thành được thoát, quan quân liền tiến thẳng đến cửa Nam thành, rồi đắp bờ lũy để chống cự. Vua thì thân đốc các tướng (từ 36b) đem quân đắp bức lũy từ phường Yên Hoa⁽¹⁾ thẳng tới cửa Bắc thành, chỉ trong một đêm đã đắp xong. Từ đấy quân Minh chỉ ở trong thành, không dám ra nữa.

Ghi chiến công của tướng tá vây cửa Nam thành Đông Đô, ban thưởng tùy theo từng hạng.

Vương Thông và Sơn Thọ bị bao vây khốn đốn, lại xin giảng hoà. Quốc dân đã bị cực khổ về chính sách tàn

⁽¹⁾ Yên Hoa: nay là phố Yên Phụ, Hà Nội (đời Thiệu Trị đổi ra tên này vì kiêng chữ Hoa tên húy của mẹ vua Thiệu Trị).

bạo của người Minh lâu năm, nên phần nhiều kéo quân đến xin vua đánh gấp và giết cho bằng hết để hả giận. Vua đáp:

"Việc dụng binh lấy sự toàn quân⁽¹⁾ là hơn cả. Nay hãy để cho lũ Vương Thông về nói với vua Minh, trả lại đất nước ta, không còn trở lại xâm lấn, thì ta còn cầu gì hơn nữa, hà tất phải giết hết, để kết mối thù với nước lớn".

Rồi ưng cho hoà, và ra lệnh cho lộ Bắc Giang và Lạng Giang, tu sửa lại cầu cống đường sá, sắm đủ ghe thuyền, để chở quân Minh về nước. Lại sai Hành khiển là Nguyễn Trãi soạn tờ biểu, lấy lời Trần Cảo là dòng dõi họ Trần, xin được dụng làm vua, đưa tờ biểu này nhờ tướng ở Vân Nam là Mộc Thạnh và tướng ở Quảng Tây là Cố Hưng Tổ chuyển tâu về vua Minh.

(Trước ta đã bắt được hai tướng nhà Minh là Thôi Tụ và Hoàng Phúc) nhưng Thôi Tụ đã chết bệnh, bèn sai lính hộ tống Hoàng Phúc về Quảng Tây.

Ta đưa thư trả lời Vương Thông, dùng Lê Quốc Trinh (tờ 37a) và Lê Nhữ Trì làm con tin.

Thái giám nhà Minh là Sơn Thọ và Mã Kỳ đến dinh Bồ Đề làm con tin, vua cũng sai con là Tư Tề và cháu họ là Nhân Chú vào thành Đông Đô làm con tin, để định hoà ước.

Vua ra lệnh ban lời dụ 6 điều cho tướng tá và quân sĩ:

1. Phàm làm người bề tôi, phải hết lòng trung, chớ làm việc lừa dối.

⁽¹⁾ Câu này chính bản chép "toàn quốc" có lẽ chép lầm. Đây xin dịch theo nghĩa chữ "toàn quân".

2. Phàm đối với mọi người cần phải ngay thẳng, chớ làm những sự gian phi.

3. Những người ra trận đánh giặc, khi chém giết hay bắt được quân địch, chớ cướp công nhau.

4. Trong quân dân, có kẻ nào gian ngược trái phép, thì quân dân khác nên báo bắt trị tội, và các người cũng nên lấy kẻ ấy làm gương, đừng để chính mình cũng bị phạt như vậy.

5. Những cận thân thị vệ, chớ nên cậy mình được yêu quý mà ngược ngạo với mọi người.

6. Những bầy tôi có bốn phận xông pha công việc, nên tự mình làm trước, để cho kẻ dưới bắt chước.

Ngày 22, vua cùng với các tướng nhà Minh: Tổng binh Thành Sơn hầu Vương Thông, Tham tướng Mã Anh, Thái giám Sơn Thọ và Mã Kỳ, Vinh Xương hầu Trần Trí, An Bình hầu Lý An (tờ 37b), Đô ty Phương Chính, Chuồng đô ty sự Trần Tuyên và Trần Hựu⁽¹⁾, Giám sát ngự sử Chu Kỳ Hậu, Cấp sự trung Quách Vĩnh Thanh, Hữu bố chính sứ Đặc Khiêm, Tả hữu tham chính là Hồng Bỉnh Lương, Lục Trinh⁽²⁾ và Lục Quảng Bình, Án sát sứ Dương Thời Tập và Thiêm sự Quách Đoan, hội thể ở cửa Nam thành Đông Đô. Vua ra lệnh cho các tướng giải vây thành này, kéo quân lui về, lại sai giải vây cho ba thành: Tây Đô, Cổ Lộng và Chí Linh, truyền cho quân ta hộ tống các tướng trong ba thành trên dẫn quân về cả thành Đông Đô, để sẽ cùng trở về Trung Hoa.

⁽¹⁾ Bản *LML* là Trần Tá.

⁽²⁾ Bản *H* chép là Lục Viên.

Ngày 29, vua sai Lê Thiếu Đình và Lê Cảnh Quang, đem tờ biểu cầu phong của Trần Cảo, cùng các vật phẩm cống hiến theo viên chỉ huy do Vương Thông sai, đi sang triều Minh.

Tháng 12, vua ra lệnh cho các tướng coi đường thủy, cấp 500 chiếc thuyền cho người Minh, giao cho Phương Chính và Mã Kỳ lĩnh; các tướng coi đường bộ thì cấp lương thảo, giao cho Sơn Thọ và Hoàng Phúc nhận lĩnh; đưa về hơn 2 vạn quân, cả đầu hàng và bị bắt, cùng 2 vạn con ngựa, giao cho Mã Kỳ⁽¹⁾ nhận lĩnh; Chính man (tờ 38b) tướng quân là Trần Tuyên thì dẫn quân trấn thủ đi theo y.

Ngày 12, Phương Chính và Mã Kỳ tới dinh Bồ Đề cáo biệt vua, ở lại đây suốt một buổi chiều, hai tướng mới ra về, vua sai sắm trâu, rượu⁽²⁾, trướng vẽ và lễ phẩm hậu tặng. Lúc ấy, các tướng sĩ và nhân dân ta, đều thâm thù sự tàn bạo của quân Minh, nên đều mật khuyên vua nhân dịp này giết chết cả đi. Nhưng vua dụ rằng:

"Việc phục thù trả oán, là thường tình của mọi người, nhưng không ưa giết người, là bản tâm của người nhân. Huống chi người ta đã hàng, mà mình lại giết chết, thì còn gì bất tường hơn nữa. Ví bằng giết đi cho hả giận một lúc, để gánh lấy tiếng xấu giết kẻ hàng mãi tới muôn đời, chỉ bằng hãy cho sống ức vạn mạng người, để dứt mối chiến tranh tới muôn thuở, công việc sẽ chép vào sử sách, tiếng thơm sẽ truyền mãi tới ngàn thu, há chẳng lớn ư!".

⁽¹⁾ Bản A chép là Mã Anh.

⁽²⁾ Bản LML chép là "ngưu dương" (trâu dê).

Các bầy tôi đều bái phục độ lượng khoan hồng của vua.

Khi Mộc Thạnh dâng tờ biểu cầu phong của Trần Cảo⁽¹⁾ lên vua Minh, thì lúc ấy vua Minh vẫn chưa biết việc Vương Thông đã ký hoà ước với ta, bèn ban lời dụ cho quần thần rằng:

"Những kẻ bàn tán, không hiểu ý (tờ 38b) muốn dứt việc can qua, tất cho rằng nghe theo thỉnh cầu của An Nam là không oai hùng. Nhưng nếu được nhân dân yên lành, thì trăm không e ngại những lời đó".

Bèn sai Công bộ Thượng thư là Nhữ Kính và Từ Vinh Đạt⁽²⁾, đem tờ sắc sang nước ta, phong Trần Cảo làm: "An Nam quốc vương", liền bãi đạo quân đánh phương Nam; triệu bọn Vương Thông về nước. Từ đấy, dứt nạn binh đao, thiên hạ thái bình.

⁽¹⁾ Bản *LML* là: "Thạnh ký tiến Thạnh biểu" - sai, đổi lại là "Thạnh ký tiến Cảo biểu".

⁽²⁾ Bản *LML* là Từ Vinh Viễn.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN II

ĐẾ KỶ ĐỆ NHỊ

THÁI TỔ (HẠ)

Năm Mậu Thân, niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1428), tức năm Tuyên Đức thứ 3 nhà Minh, ngày mồng 10 tháng giêng, mùa xuân, vua nhà Trần là Cảo ngự tại thành Cổ Lộng, tự cho mình không có công gì với thiên hạ, mà giữ ngôi vua, thường áy náy không yên, bèn cưỡi thuyền ra biển, lén vào châu Ngọc Ma. Khi Trần Cảo đến bến Ma Căng, quan quân đuổi kịp dẫn trở về, cho uống thuốc độc chết, vua sai làm tang lễ rất hậu.

Vua sai các quan tư đồ, tư mã, thiếu úy và hành khiển, cùng hợp bàn định phép cai trị quân dân, để cho người làm tướng biết phép trị quân, người làm quan các lộ biết phép trị dân, và sự răn dạy quân nhân, cũng biết có phép, để những người giữ việc gì, biết phép của việc ấy mà làm.

Vua ra lệnh cho tướng tá và quần thần rằng:

"Từ xưa đến nay, việc cai trị trong nước, tất phải có

phép, (tờ 39b), nếu không sẽ loạn. Bởi thế nên bắt chước đời xưa mà dựng phép, để dạy tướng tá, quan quân và thứ dân, khiến cho đều biết đâu là điều thiện điều ác. Điều thiện thì làm, điều ác thì lánh, không đến nỗi phạm pháp".

Tháng 2, quyết định phong chức tước cho các công thần: các viên hoả thủ⁽¹⁾ và quân nhân thuộc quân Thiết đột có công siêng năng khó nhọc trong trận Lũng Nhai⁽²⁾, chia ra các hạng gồm 221 người⁽³⁾, công đệ nhất được cho mang họ vua, là các ông Lê Quy, Lê Ê⁽⁴⁾ gồm 52 người, phong chức Vinh lộc đại phu tả Kim ngô vệ đại tướng quân tước Thượng Trí tự; hạng công thứ hai được cho mang họ vua là các ông Lê Bồ, Lê Liệt, Lê Khảo gồm 72 người, phong chức Trung lượng (đại phu)⁽⁵⁾ tả phụng thần vệ tướng quân tước Đại Trí tự; hạng công thứ ba được cho mang họ vua, là các ông Lê Lễ, Lê Hiến⁽⁶⁾ gồm 94 người, phong chức Trung vũ đại phu Câu kiểm vệ tướng quân tước Trí tự.

Bổ Đào Công Soạn chức Hoàng môn nhị lang.

Ngày 8 tháng 3, (tờ 40a) chánh sứ nhà Minh là Lý Kỳ, La Nhữ Kính, cùng phó sứ là Hoàng Ký, Từ Vinh Đạt mang tờ sắc tới Đông Kinh, sách phong Trần Cảo làm

⁽¹⁾ *Hoả thủ*: Bản *LML* lầm là đại thủ, hoả thủ như chức đội trưởng.

⁽²⁾ *Lũng Nhai*: sau đổi làm thôn Lũng Mi thuộc xã Lam Sơn, Lê Thái Tổ tổ chức hội thể và khởi binh ở đây (theo *Cương mục*, quyển XV).

⁽³⁾ Con số này *Cương mục* và *Toàn thư* đều chép là 221 người, nhưng cả hai bên đều không ăn khớp (với những số đã nêu ở dưới, vì: $52 + 72 + 94 = 218$. Có lẽ có sự kể sót hay chép lầm chăng?)

⁽⁴⁾ Bản *LML* chép là Lê Nhượng.

⁽⁵⁾ Bản *LML* mất chữ "đại phu", đây xin bổ sung theo bản A, H và *Toàn thư*.

⁽⁶⁾ *Cương mục* chép là Lê Nghiễn.

vua, sai bọn ông Khí⁽¹⁾ mang tờ biểu đi theo Lý Kỳ sang triều Minh tạ ơn.

Phong con trai thứ là Nguyên Long tước Lương quận công.

Vua họp tất cả các tướng văn võ và quần thần, để định công ban thưởng, tùy theo người có công lao nhiều ít, để phong cấp bậc trên dưới: phong Thừa chỉ Nguyễn Trãi tước Quan Phục hầu; Tư đồ Trần Hãn chức Tả tướng quân; Cơ mật đại sứ Phạm Văn Xảo chức Thái bảo, đều được cho mang họ vua.

Chia trong nước làm 5 đạo, mỗi đạo đặt một vệ quân, mỗi vệ quân một viên tổng quản, để cho các cấp lớn, nhỏ, trên, dưới, đều có sự liên hệ ràng buộc nhau. Lại đặt chức hành khiển các đạo, để giữ sổ sách về quân và dân. Sai quan tế thần sông núi, miếu xã các nơi, (và tế lăng tẩm các triều trước. Truy tôn tên thụy cụ tổ khảo đời thứ hai⁽²⁾).

Tháng 4, hoàng thượng tới thành Đông Kinh, bèn đóng kinh đô tại đây⁽³⁾. Quần thần làm biểu dâng tôn hiệu, vua khiêm nhường không nhận, ban lời dụ rằng:

"Những vị vua có công đức lớn, như các vua Vũ, Thang, Văn và Võ thời Tam đại, (tờ 40b) mà cũng chỉ xưng tước vương thôi. Huống trăm đức lượng mỏng manh, đâu dám nói đến hiệu hoàng đế. Nay chỉ xưng tước vương cũng đã là quá rồi".

⁽¹⁾ Tức Lê Quốc Khí, cháu gọi vua bằng chú, bác (theo *Toàn thư*).

⁽²⁾ Theo *Cương mục*, Lê Lợi truy tôn ông nội tên là Thịnh làm "Hiến Tổ Chiêu Đức hoàng đế"; cha là Khoáng làm "Tuyên Tổ Hiếu Văn Phúc hoàng đế", bà họ Nguyễn và mẹ họ Trịnh đều làm hoàng hậu.

⁽³⁾ Bản A thiếu đoạn văn trong móc (...), đây xin bổ sung theo bản H và bản LML.

Ngày 15, hoàng thượng lên ngôi vua tại điện Kính Thiên, xưng là "Thuận Thiên Thừa vận Duệ văn Anh vũ Đại vương", đặt tên nước là Đại Việt, đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ, ban lời cáo rằng:

(BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO)⁽¹⁾

*Thay trời hành hoá, hoàng thượng truyền rằng:
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân cứu nước trước cần trừ bạo.
Xét như nước Đại Việt ta,
Thật là một nước văn hiến.
Bờ cõi sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương.
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Mà hào kiệt không bao giờ thiếu.
Nên Lưu Cung tham công mà đại bại,
Còn Triệu Tiết hiếu đại⁽²⁾ chóng tan tàn.
Toa Đô bị bắt ở cửa Hàm Tử.
Ô Mã bị giết ở sông Bạch Đằng.
Xem xét việc xưa, chứng cứ còn rõ.
Vừa đây họ Hồ chính sự phiền hà,
Để đến nỗi nhân tâm oán, phản.*

⁽¹⁾ Theo bản dịch Nguyễn Trãi toàn tập, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.

⁽²⁾ Hiếu đại: muốn làm to.

Giặc Minh thừa dịp làm hại dân ta,
 Đãng nguy gian ác, mưu mô bán nước.
 Thui dân đen trên lò bạo ngược,
 Hãm con đỏ dưới hố tai ương.
 Dối trời lừa người, kẻ gian đủ muôn nghìn khoe,
 Cây bính gây hấn, ác chúa gần hai chục năm.
 Bại nghĩa thương nhân, trời đất tưởng chừng muốn dứt;
 Vết vợ thuế má, chằm núi chẳng còn tí gì.
 Khai mỏ vàng, thì xông pha lam chướng, phá núi đãi vàng;
 Mò ngọc trai, thì mặc kệ giao long, giòng dây quảng biển.
 Nhiều dân, đào hầm bẫy hươu đen.
 Hại vật, chẳng lưới bắt chim trả.
 Cỏ cây sâu bọ, không loài nào được thoả sống còn;
 Quan quả khốn cùng, chẳng một ai được hưởng yên ổn.
 Hút máu mủ sinh linh, quân tham ác miệng răng nhờn béo,
 Ra công xây dựng cho nguy nga những công thự công tư.
 Nơi châu lý bao tầng sưu dịch,
 Trong xóm làng lạng lẽ cửu canh,
 Tát cạn nước Đông Hải, không đủ rửa vết nhơ;
 Chặt hết trúc Nam Sơn, chẳng ghi hết tội ác.
 Thân người đều căm giận, Trời đất chẳng dung tha.
 Ta đây: phát tích Lam Sơn, nung thân hoang dã.
 Nghĩ thế thù khôn đội trời chung,
 Thề giặc nước khó cùng chung sống.
 Đau lòng nhức óc kẻ đã mười năm;
 Ném mật nếm gai phải đầu một buổi.
 Quên ăn vì giận, thường nghiền ngẫm những sách lược thao,
 Lấy xưa nghiệm nay, xét suy mọi cơ hưng phế.
 Chí ở phục thù, thức ngủ chẳng quên.

Chính lúc nghĩa binh mới nổi.
 Là lúc thế giặc đang hăng.
 Thế mà: nhân tài lác đác như lá mùa thu,
 Tuần kiệt lúa thừa như sao buổi sớm.
 Bôn tẩu trước sau đành đã thiếu người,
 Vạch kế bày mưu lại càng thiếu kẻ.
 Cứu dân mưu để dạ, chí háo hức chỉ muốn về Đông⁽¹⁾,
 Cho nên xe dãi hiên, vẫn luôn luôn chứa phía tả⁽²⁾.
 Tuy nhiên được người đâu dễ, mù mịt trông khơi.
 Gắng làm điều nhân, gấp hơn cứu đuối.
 Giận hùng đồ chưa giết hết, nghĩ việc nước còn gian truân,
 Khi Linh Sơn lương cạn mấy tuần.
 Lúc Khôi Huyện, quân không một lữ.
 Bởi trời muốn khôn ta để trao trách nhiệm,
 Nên ta càng cố chí để vượt gian nan.
 Nên ta càng cố chí để vượt gian nan.
 Dựng gậy làm cờ, dân chúng bốn phương tụ họp,
 Hoà rượu cùng uống⁽³⁾, binh sĩ một dạ cha con.
 Lấy yếu chống mạnh, thường đánh bất ngờ,
 Lấy ít địch nhiều, hay dùng mai phục.
 Rút cục, lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn,
 Lấy chí nhân mà thay cường bạo.
 Trận Bồ Đằng như sấm vang chớp giật,

⁽¹⁾ Lưu Bang nói với Tiêu Hà: "Ta muốn sang miền Đông, không muốn ở mãi đây".

⁽²⁾ Nước Ngụy Chiến quốc có ấn sĩ là Hầu Doanh, Ngụy công tử mang lễ vật đến mời không nhận. Công tử đặt tiệc rượu đi xe đến mời Hầu Doanh, để không chỗ ngồi bên tả để tỏ ý ân cần với họ Hầu.

⁽³⁾ Xưa nước Sở và nước Tấn đánh nhau, có người dâng vua Sở một vò rượu, vua cho đổ xuống sông để mọi người cùng uống, quân sĩ cảm động, hằng hái đánh bại quân Tấn.

Trận Trà Lân như trúc chẻ tro bay.
 Sĩ khí lại càng hăng,
 Quân thanh càng lừng lẫy.
 Bọn Trần Trí, Sơn Thọ nghe tin bỏ vía,
 Bọn Phương Chính, Lý An nín thở mong sống tàn.
 Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lấy;
 Dem quân thẳng tiến, Đông Đô đất cũ thu về.
 Ninh Kiều máu chảy thành sông, hôi tanh muôn dặm;
 Tốt Động thây phơi đầy nội, thối để nghìn thu.
 Trần Hiệp tâm phúc giặc phải bêu đầu,
 Lý Lượng sâu mọt dân phải bỏ mạng.
 Vương Thông gỡ rối mà lửa lại càng bùng,
 Mã Anh cứu nguy mà giận càng thêm dữ.
 Giặc cùng đường kiệt sức, chờ chết bó tay,
 Ta mưu đánh vào lòng, không chiến mà cũng thắng.
 Tướng giặc ăn năn mà nghĩ lại,
 Ngờ đâu vẫn hung ác để chuốc tai.
 Tham công nhất thời để mua cười cho thiên hạ,
 Làm cho Tuyên Đức⁽¹⁾ trẻ ranh "cùng binh" không chán.
 Liền sai Liễu Thăng tướng nhất, chữa cháy thêm dầu.
 Năm Đinh Mùi tháng chín, Liễu Thăng dẫn quân từ
 Khâu Ôn tiến sang,
 Cũng năm ấy tháng mười, Mộc Thạch chia đường từ
 Vân Nam kéo đến.
 Ta đã tuyển quân chọn điểm để bẻ gãy mũi dùi,
 Lại điều kỳ binh đón đường cắt lương thực.
 Ngày mười tám, Liễu Thăng bị đánh, đồng Chi Lăng
 mưu đồ đổ sụp;

⁽¹⁾ Tuyên Đức là niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh (1426 - 1435).

Ngày hai mươi, Liễu Thăng bị đại bại, núi Mã Yên phơi thây.
 Ngày hai mươi lăm, Lương Minh trận hãm phải bỏ mình.
 Ngày hai mươi tám, Lý Khánh kể cùng phải thất cố.
 Ta đưa mác là phăng cả;
 Chúng quan giáo tự đánh nhau.
 Rồi bốn mặt thêm quân để bao vây,
 Hẹn trung tuần tháng mười là tiêu diệt.
 Liền chọn những quân hùng hổ,
 Lại sai các tướng vuốt nanh.
 Voi uống nước cạn hết nước sông,
 Gươm mài đá mẻ mòn núi đá.
 Một tiếng trống ngạc kinh đứt đoạn,
 Hai tiếng trống chim muông sợ tan.
 Tổ kiến hồng làm toang đê vỡ.
 Trận gió rung rụng hết lá khô.
 Đò đốc Thôi Tự quỳ gối chịu tội.
 Thượng thư Hoàng Phúc trối mình nộp thân.
 Lạng Sơn, Lạng Giang xác chết đầy đường,
 Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước.
 Gió mây vì thế phải biến sắc,
 Nhật nguyệt thảm đạm đến lu mờ.
 Quân Vân Nam bị chặn ở Lê Hoa, kinh sợ mà trước đã vỡ mật,
 Quân Mộc Thạnh bị bại ở Cần Trạm⁽¹⁾, tan tác xéo lên
 nhau chạy để thoát thân.

⁽¹⁾ Cần Trạm: tức Kép, nay thuộc Bắc Giang. Quân Lam Sơn đánh Mộc Thạnh ở Lê Hoa tại miền Lào Cai. Như vậy sao lại có việc "quân Mộc Thạnh bị bại ở Cần Trạm" được? Chúng tôi đoán câu văn trên của *Bình Ngô đại cáo* phải như thế này mới đúng: "Kỳ Mộc Thạnh chúng văn Thăng quân đại bại ư Cần Trạm, toại lạn tạ bốn hội cận đắc thoát thân", nghĩa là: "Quân Mộc Thạnh nghe quân Thăng đại bại ở Cần Trạm, tan tác xéo lên nhau để chạy thoát thân".

Lãnh Cầu máu chảy thấm dòng, nước sông ảm ức;
Đan Xá thân chống thành núi, cỏ nội thấm hồng.
Cứu binh hai đạo, chưa trở gót mà đã bại.
Giặc Khốn các thành, theo nhau giải giáp để ra hàng.
Tướng giặc bị cầm, nó vẫy đuôi cầu sống,
Thần vũ không giết, ta thả lòng trời để tỏ hiếu sinh.
Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, được cấp
năm trăm chiếc thuyền, đã vượt biển về
mà còn hồn kinh phách lạc.
Tổng binh Vương Thông, tham chính Mã Anh, được cấp
mấy ngàn ngựa, đã về nước mà còn
ngực đập chân run.
Chúng đã sợ chết tham sống mà thực muốn cầu hoà.
Ta lấy toàn quân làm cốt mà cho dân được nghỉ.
Chẳng những mưu kế cực kỳ sâu xa,
Tướng cũng xưa nay chưa từng được thấy.
Xã tắc do đó được yên,
Non sông do đó đổi mới.
Càn khôn đã bĩ mà lại thái,
Nhật nguyệt đã mờ mà lại trong.
Để mở nền thái bình muôn thuở,
Để rửa nỗi sỉ nhục ngàn thu.
Ôi! Một gươm đại định tạo thành công nghiệp vô song.
Bốn biển lặng yên, rộng ban duy tân tuyên cáo.
Bá cáo thiên hạ, để mọi người nghe!"

*

* *

Ban chiếu bố cáo khắp thiên hạ: Các thứ thuế ruộng đất, (tờ 44b) đầm ao, bãi dâu, và trưng thu vàng bạc, đều được miễn thuế trong hai năm; ở các lộ, ai từ 70 tuổi trở lên, được miễn sai dịch; có người con hiếu, hoặc người vợ thủ tiết, thì quan đầu lộ tâu lên triều đình để ban khen thưởng; nhà có 3 người tòng quân, thì cho được miễn 1 người; huyện nào có lăng mộ hoặc miếu thờ các vị đế vương hoặc công thần thời trước, thì quan đầu huyện tâu lên triều đình, để cấp lương cho người phu trông coi nơi đó.

Ngày 20, ban tên huy của tông miếu⁽¹⁾ và tên huy của vua.

Tháng này sông Nhĩ Hà sản ra vàng, quần thần bèn dâng tờ biểu tâu mừng về việc này.

Tặng danh hiệu Trung Vũ đại vương⁽²⁾ cho Bình chương sự Lê Thạch; dùng Lê Tri Vận làm Tri tả hữu ban; phong chức Tổng tri⁽³⁾ vệ Xa kỵ cho Liệt hầu Nguyễn Lỗ.

Ra lệnh trị tội các nguy quan đã theo giặc.

Sứ thần Lê Thiệu Dinh sang sứ triều Minh trở về.

Tháng 4 nhuận, vua sai các đại thần, bàn định thể thức bổ các quan lộ, quan huyện, quan trấn thủ và quan giữ các nơi đầu nguồn cửa biển quan trọng, chọn những hạng tinh thông và có đức thanh liêm, chính trực, (tờ 45a) thì các quan tiến cử lên cho vua.

Đúc quả ấn "Thuận Thiên bảo tử".

⁽¹⁾ *Huy của tông miếu*: là các chữ tên của tổ tiên ông bà cha mẹ anh em vua và vua, ví như các chữ Thịnh, Quách, Khoáng, Thương, Lợi, Trần, Học. Trong công văn giấy tờ, gặp các chữ này phải viết tránh (quan hệ giữa các người này với vua Lê, xin xem ở đầu quyển I).

⁽²⁾ Bản LML là Trung Vũ đại thần (quan lớn) - sai.

⁽³⁾ Tả hữu ban thì coi kho tàng của nhà nước, tổng tri thì coi quân (theo *Toàn thư*).

Ngày 12 tháng 5, vua triệu các đại thần vào triều, bàn định luật lệ về các chức trách quan lộ, quan trấn thủ và quan luật lệnh cùng điển lệ về từ tụng, tước trật.

Tháng 6, vua sai khảo hạch các quan trong triều ngoài quận, chia làm 3 bậc. Lại ra lệnh cho các quan văn võ đại thần, ai tiến cử người hiền tài chính trực sẽ được thưởng, nếu vì tiền của hoặc vì thân thích, mà tiến cử người không xứng, sẽ bị tội.

Ngày 26, ban chỉ hỏi các đại thần văn võ rằng:

"Trẫm là người thế nào, mà được nhận mệnh trời? Và trẫm nhờ đâu mà dựng nên được nghiệp lớn? Hiện nay, công việc nơi triều đình rất phức tạp, việc gì nên làm trước, việc gì nên làm sau? Các tướng trong triều, ai có thể đảm nhiệm được nhiệm vụ trọng đại, có thể uỷ thác được mệnh lệnh ngoài nghìn dặm? Và ai có thể phụ đạo cho thái tử?"

Tháng 8, lấy ngày sinh nhật của vua làm tiết Vạn thọ hàng năm.

Tháng 10, định số ngạch cho mỗi đạo quân bao nhiêu cò quạt, nghi trượng, khí giới và thuyền; đổi chức hỏa đầu (*tờ 45b*) ra chánh đội trưởng và phó đội trưởng.

Tháng 9, ban chiếu định thẩm trật chức tước các quan văn võ; cho các vị công thần được đổi họ nhà vua (họ Lê).

Ngày 19, sứ thần nhà Minh là La Nhữ Kính sang nước ta, đòi ta tìm dòng dõi họ nhà Trần, để dựng làm vua; và xét sổ quan lại quân nhân Minh còn lại ở nước ta bao nhiêu, đưa trả hết thảy về nước. Vua sai Hà Lật sang sứ nước Minh.

Tháng 10, cử Đào Công Soạn được tham bàn chính sự.

Ngày 1 tháng 11, sai Đỗ Như Hùng sang sứ nhà Minh.

Ngày 24, giết hết đảng phản nghịch là bọn: Trần Phong, Lương Nhữ Hốt, An Vinh, Đỗ Duy Trung, tên Tồn, tên Sĩ Văn, tên Sùng Lệ và tên Xác. Ban chiếu bố cáo khắp nơi, cho biết tội của bọn này là: trước đã làm quan với giặc Minh, khi đã hàng triều ta, lại âm mưu định phản nghịch.

Ngày 25, lập sổ điền và sổ đinh.

Ngày 28, ban mệnh cho quan viên và quân nhân khắp thiên hạ, cho biết đến tháng 5 sang năm, tới Đông Kinh dự thi; ban văn thi về kinh sử, ban võ thi về võ kinh, cùng pháp lệnh và kỳ thư⁽¹⁾.

Tháng 12, (tờ 46a) xây cất điện Vạn Thọ; dựng hai điện tả và hữu; dựng điện Cần Chính và điện Kính Thiên. Tạo binh khí và thuyền. Đúc tiền "Thuận Thiên thông bảo".

Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Thuận Thiên thứ 2 (1429), mùa xuân tháng giêng, cấm dân không được cờ bạc, ai phạm sẽ bị phạt tội chặt tay, những kẻ tụ tập uống rượu sẽ bị phạt tội đánh 100 trượng, kẻ nào dung túng chứa chấp, bị tội kém một bậc.

Ngày 7, vua sai Nhập nội kiểm hiệu Bình chương sự Lê Văn, Đại tư mã Lê Ngân và Thiếu phó Lê Văn Linh truyền tờ kim sách dựng con trưởng Hữu tướng quốc Khai quận công Tư Tế làm Quốc vương, được tạm coi việc trong nước; lại sai Tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân

⁽¹⁾ Kỳ thư: giải nghĩa theo tự căn, chữ "kỳ" là "lạ", chữ "thư" là "sách". Đây chưa rõ là sách gì.

Chú, Tư mã Lê Lý và Thiếu úy Lê Quốc Hưng tuyên đọc tờ kim sách lập con thứ Lương quận công Lê Nguyên Long làm Hoàng thái tử.

Tháng 9, ban mệnh cho các quan: ban võ từ chức tổng quản trở lên, ban văn từ chức hành khiển trở lên, vị nào có con trai từ 9 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, (tờ 46b) thì được vào hầu Thái tử; ban võ từ chức đồng tri trở xuống, ban văn từ chức thượng thư trở xuống, vị nào có con trai từ 9 tuổi trở lên, 17 tuổi trở xuống, được vào trường Quốc Tử giám học tập.

Ngày 22, họp các đại thần văn võ bàn việc lớn của quốc gia:

Có những con em của các chiến sĩ đã từng chiến đấu ở ngoài trận, hiện không có một thước đất để ở. Thế mà những phường du thủ du thực, không làm một việc gì ích lợi cho nước, lại có rất nhiều ruộng đất; cả đến bọn trộm cướp cũng vậy. Bởi thế, ai cũng ham chuộng làm giàu, mà không có người tận tâm việc nước. Vậy ban sắc chỉ cho các đại thần, bàn định số ruộng cấp phát cho quân dân: từ hạng đại thần trở xuống, cho tới hạng già yếu, mồ côi, goá chồng, goá vợ, hạng nào đáng được cấp bao nhiêu ruộng đất, tâu rõ.

Ngày 21 tháng 2, lệnh cho các tướng hiệu quân sĩ các vệ trong 5 đạo, đến ngày 27, tập trận cả thủy binh và bộ binh. Sau khi tập trận, chia số quân sĩ làm 5 phiên, lưu lại 1 phiên còn 4 phiên cho về làm ruộng⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Bản LML chép là: "phân vì ngũ phiên, lưu sử tứ phiên quy". Câu tối nghĩa, và dịch là: lưu lại 4 phiên, còn cho về. Đây xin dịch lại theo *Toàn thư* và các bản khác là: "phân vì ngũ phiên, nhất phiên lưu sử, tứ phiên quy nông".

Ngày 26, (tờ 47a) ban chỉ dụ cho các đại thần và các quan hành khiển rằng:

"Các khanh như thấy mệnh lệnh của trẫm, hoặc có điều nào bất tiện trong việc quân việc nước, hoặc vô cớ bắt phục dịch, hoặc đánh thuế nặng, hoặc tà dâm, hoặc bạo ngược, lập tức phải tâu xin sửa chữa, không được bỏ xuôi.

Các ngôn quan (quan ngự sử), nếu thấy trẫm có chính sách hà khắc, đánh thuế nặng, bạo ngược dân lành, hoặc thưởng công phạt tội không công minh, không theo phép cổ, phải tâu ngay; thấy các đại thần, các tướng tá, các công chức, có ai không tôn trọng pháp luật, nhận hối lộ, nhiều hại dân lành, hoặc thiên vị kẻ trái, phải đàn hặc ngay. Nếu thấy ai phạm những điều trên, mà dung túng không nói, lại còn khen những việc nhỏ mọn, và nói những câu không căn cứ, sẽ bị phạt theo luật pháp. Còn lỗi của các quan khi vào sân điện có ai vận áo mũ giày dép không đúng phép, hoặc đi đứng ngang dọc không đúng lễ độ, v.v... đã có các tổng quản 5 đạo quân Thiết đột chỉ huy viện Nội mật xét hỏi. Các ngôn quan không được đàn hặc".

Ban chiếu bắt giam Thái úy (tờ 47b) Hữu tướng quốc Trần Nguyên Hãn, Hãn liên tự sát.

Định lệ thổ trạch cho các quan và quân dân.

Tháng 5, phong tước công thần cho 93 viên; thứ đến phong tước huyện thượng hầu, á hầu, hương hầu và đình hầu, tùy theo từng hạng.

Ban mệnh rằng:

"Những bậc hào kiệt có tài văn võ, mà còn bị bỏ sót

chưa có người tiến cử, hoặc bị thù hằn, kìm hãm, hãy tới ngay sở Thiếu phó Lê Văn Linh, tại đây sẽ xét thực về tài đức, sẽ tâu trình bổ dụng. Chỉ cốt được người có tài đức, chứ không câu nệ về sự đã ra làm quan với nhà Minh, hoặc kẻ sĩ thường".

Ngày 26, vua ban mệnh cho quân nhân các phủ, các lộ và những kẻ sĩ ẩn dật nơi sơn lâm, có ai thông kinh sử, giỏi văn học, ngày 28, hãy đều tới sảnh đường (trình diện), đợi đến ngày đã định sẽ vào thi. Ai trúng tuyển sẽ được bổ dụng.

Ngày 28, ban mệnh cho các quan văn võ, có ai tinh thông kinh sử, từ tứ phẩm trở xuống, hãy đều tới sảnh đường dự hội thi vào ngày 29 tháng này. (tờ 48a).

Ngày 20 tháng 6, khảo thí các vị tăng đạo tại sảnh đường.

Tháng 7, họp các vị đại thần và các quan trong triều ngoài quận hội bàn về tiền tệ. Vua ban chiếu rằng:

"Tiền là một thứ rất cần thiết, như huyết mạch của dân, không thể thiếu được. Nước ta vốn là nơi sản xuất đồng, lại vì số tiền đồng cũ của ta đã bị nhà Hồ tiêu huỷ, chỉ còn chừng một phần trăm thôi. Hiện nay, việc tiêu dùng về việc quân việc nước thiếu thốn. Muốn cho sự lưu thông tiền tệ dồi dào, lại được thuận lòng dân, há chẳng khó lắm ư? Ngày nọ, có kẻ dâng thư, xin dùng tiền "giấy" thay tiền đồng. Nhưng trầm nghĩ kỹ, như vậy chưa thoả đáng, nghĩa là tiền giấy là một thứ vô dụng, mà đem thi hành vào những sự hữu dụng trong dân gian, thực không phải là cách dùng tiền có ý thương yêu dân, như thời xưa

coi vàng bạc da lụa và tiền giấy không quan hệ, không đáng nào hơn⁽¹⁾.

Nay các đại thần, các quan, và các kẻ sĩ thông hiểu thời vụ, hãy đều bàn về thể lệ của đồng tiền, (từ 48b) thế nào cho thuận dân tình, ngõ hầu khỏi mang tiếng: đem ý muốn của một người, cưỡng ép ý muốn muôn nghìn người. Để làm phép hay của một đời, không thể không sớm bàn định tâu lên, trăm sẽ lựa chọn thi hành".

Ngày 16 tháng 9, vua chỉ huy đại thần và các quan rằng:

"Từ nay trở đi, quan nào trình bày về công việc, nên lấy việc quân việc dân làm cần thiết, không được lấy tình ý riêng làm trước. Trẫm thường nghiệm về tình lý các việc, như việc tiến cử, hoặc xử kiện, cùng các việc công tu, thấy đều có sự ẩn giấu cho nhau hoặc tự ý thay đổi, đủ biết các quan chức ít người trong sạch, phần nhiều như đục. Nay trẫm xét thấy hai việc xử tù phạm Mộng Vân và tù phạm Lương Châm, mới biết tình trạng thực hay giả của các quan, cho nên nói lời này. Vậy các bề tôi, nên dốc hết lòng trung thành để thờ vua, chớ có vì tư mà hại công, đến khi phát giác, sẽ hối không kịp! Nay ban chiếu răn bảo cho mọi người đều biết". (từ 49a)

Ngày 27, vua ban huấn thị cho đại thần và các quan: phải lưu ý về nghề nông của dân; về quân sự, cần chỉnh đốn hàng ngũ, tu sửa khí giới thuyền bè.

Ngày 1 tháng 10, vua ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ: Trị nước cần được người hiền, mà sự

⁽¹⁾ Toàn thư chép là: các vật ấy đều cân ngang nhau được, thế thì thứ gì là hơn?

được người hiền tất phải do có người tiến cử. Thế cho nên các vị đế vương đều lấy việc đó làm cần thiết trước nhất. Thời thịnh đời xưa, các quan tại triều rất nhiều, thường có ý nhường để người hiền tài lên địa vị cấp trên mình, cho nên trong dân gian, không còn người hiền nào bị bỏ sót, còn nhà nước thì không việc nào bị bỏ bê, sẽ trở nên một nền thái bình thịnh trị. Các bầy tôi nhà Hán nhà Đường, thấy đều biết tiến cử người hiền, nhường người giỏi, người nọ dẫn tiến người kia, như Tiêu Hà tiến cử Tào Tham, Ngụy Vô Tri tiến cử Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến cử Trương Cửu Linh và Tiêu Tung tiến cử Hàn Hưu, tuy tài của các người này, cao thấp không đều, nhưng thấy đều là cử được người xứng chức.

Nay trăm đảm nhiệm trọng trách này, sớm hôm lo sợ, như người gần vực sâu, (tờ 49b) chỉ vì một nỗi chưa tìm được người hiền tài phụ tá. Vậy hạ lệnh cho các văn võ đại thần, công hầu đại phu, từ tam phẩm trở lên, mỗi người đều phải tiến cử một người, bất luận người đã làm quan tại triều, hay người chưa làm quan, còn ở thôn dã, hễ có tài văn võ trí thức, có thể cai trị nhân dân, trăm sẽ tụy tài bổ dụng.

Kẻ tiến cử được người hiền tài sẽ được trọng thưởng, đó là đạo thông thường từ đời xưa: Nếu tiến cử người hiền trung bình, sẽ được thăng tước hai cấp. Nếu cử được người tài đức đều vượt bậc, sẽ được thưởng hậu.

Đã đành rằng, nhân tài trên đời, vốn không phải hiếm, nhưng cách cầu tài, đâu phải chỉ một lối nào. Hoặc có người có tài kinh bang tế thế, mà vẫn phải làm quan cấp dưới, không ai tiến cử, và những bậc hào kiệt, vẫn có ẩn dật ở nơi thảo dã, hoặc lẫn trong hàng ngũ quân

nhân. Những hạng này, nếu không tự tiến, làm sao trăm biết được. Vậy từ nay, các bậc hiền tài, nếu muốn theo giúp ta, hãy cứ tự tiến. Thời xưa, Mao Toại (tờ 50a) tự tiến theo Bình Nguyên Quân, Ninh Thích tự tiến giúp Tề Hoàn Công, mà đều có ai câu nệ về điểm vụn vặt đâu?

Kể từ ngày ban tờ chiếu này, các quan chức đều nên hết lòng thành thực tiến cử hiền tài; các bậc hiền tài hãy còn hàn vi ở nơi thôn xóm, hãy nên tự tiến, đừng lấy sự "đem ngọc bán rao" làm hổ thẹn, khiến trăm phải than thở về nỗi thiếu nhân tài".

Ngày 13, nhà Minh sai Lý Kỳ và Từ Vinh Đạt cùng đi với Hà Lật sang nước ta, lại đòi tìm dòng dõi vua Trần để dựng làm vua, và đòi binh sĩ cùng khí giới do ta đã bắt mà chưa trả về hết.

Này 18, vua ra lệnh cho các đại thần, và các cấp từ tổng quản, hành khiển trở xuống rằng:

"Cổ nhân có câu: "Quân bất trạch tướng, dĩ kỳ quốc dữ địch dã" (nếu vua không chọn được người phò tá giỏi, khác nào đem nước dâng cho giặc). Trẫm thường nghĩ vào câu này, không lúc nào quên, cho nên đem việc quân việc nước quan trọng giao phó cho các người, thế mà các người cứ diềm nhiên không để ý, trên phụ ý triều đình đã phó thác, dưới không hề thương đến quân dân! Sao mà trể nải bốn phận quá vậy?

(tờ 50b) Nay ban tờ chiếu này răn bảo, nếu các ông không đổi lỗi, vẫn cứ lơ đãng như thế, thì nước đã có pháp luật đấy. Lúc ấy đừng bảo trẫm phụ những bấy tôi cũ có công lao".

Ngày 29, vua sai bọn Đào Công Soạn theo bọn Lý Kỳ đi sang nhà Minh.

Tháng 11, vua đi thăm Tây Kinh, lễ yết lăng tiên tổ ở trên núi, và ban thưởng cho các tướng sĩ hộ tòng, mỗi viên được thăng tước một cấp; các tước thượng trí tự, đại trí tự, đều được thăng tước một tự. Những vị có con cháu đã được phong tước hầu, và những vị không có công lao, không được dự lễ này.

Ngày 19 tháng 12, ra lệnh cho các quan phủ, lộ, châu, huyện, xã:

"Xã nào có nhiều ruộng mà ít người, có ruộng bỏ hoang, thì quan bản hạt cấp số ruộng ấy cho những người xã khác không có ruộng đến cày cấy, những chủ điền xã ấy không được chiếm giữ. Nếu kẻ nào trái mệnh này, sẽ phạt về tội cưỡng chiếm".

Năm Canh Tuất, niên hiệu Thuận Thiên thứ 3 (1430), ngày 10 tháng 6, định ngạch các thứ thuế, ban các luật lệ; đổi Đông Đô (tờ 51a) gọi là Đông Kinh; Tây Đô gọi là Tây Kinh.

Ngày 24, vua ban tờ chiếu rằng:

"Chuộng nhà cửa cung đài cao đẹp, tất gây nên Khôi kiêu xa; theo ý mình mà trái lòng người, sẽ chuốc lấy mọi người oán ghét. Trẫm rất lo về điểm này, cho nên tự nghĩ, những cung điện huy hoàng tráng lệ đây đều là sức lao động của quân dân, trẫm được ngự yên, vẫn còn lo không xứng. Thế mà các quan văn võ, còn định sắm đủ những lễ nghi dâng mừng, thực là trái ý trẫm. Vậy từ nay, dù gặp ngày khánh tiết, các quan không được dâng biểu xưng tụng công đức viển vông và không được bày ra tiệc mừng yến ẩm xa hoa".

Sai Hành quân tổng quản là Lê Khôi đóng quân tại Hoá Châu, để trấn nước Chiêm Thành.

Ngày 17 tháng 10, ban chiếu rằng: "Trẫm nghe có câu: "Chính sách nước nào theo đạo trị, thì nước ấy tất hưng thịnh, nếu theo đạo loạn, sẽ diệt vong". Thế cho nên những bậc biết làm chính trị, thường chọn điều thiện để theo, điều bất thiện thì đổi. Truyện có câu rằng: "Điều thiện là thầy của người ta, điều bất thiện là bài học cho người ta"; *Kinh Thi (tờ 51b)* có câu: "Cái gương để nhà Ân soi, phải tìm đâu xa, ở ngay đời vua nhà Hạ". Vua tôi chúng ta, nên lấy câu này làm khuôn phép. Họ Trình⁽¹⁾ xưa cậy sự giàu có của mình, không nghĩ đến sự khốn cùng của dân, chuộng vẽ trang hoàng, ham bề tửu sắc, lúc nào cũng bày những trò chơi vô ích: đánh bạc đánh cờ, chọi gà thả chim, bôn nuôi cá vàng, chuồng nuôi bách thú, khoe khoang mẹo khôn, để tranh thua được; quên cả thiên hạ, chẳng hề để tâm. Những tội oan uổng, bị quan lại câu lưu, hàng hai ba năm chưa hỏi đến; những bậc thân sơ, bị kẻ hầu ngăn trở, hoặc hai ba tháng không tâu trình. Các tướng văn tướng võ lập thành bè đảng, triều đình không kẻ can ngăn. Đến nỗi con cháu chí thân bị hãm hại bởi kẻ bấy tôi gian xảo; quyền lớn trong nước, chuyển dời xuống tay xiểm nịnh. Lòng dân oán than mà không biết, ý trời (*tờ 52a*) khiển trách cũng không kinh, chính giáo suy đồi, kỷ cương rối loạn. Tuy rằng họ Hồ làm việc bất trung, nhưng cũng bởi lòng trời ghét (họ Trần) có đức xấu đó, cho nên mượn tay người khác vậy.

Sau khi họ Hồ đã dùng trí gian để cướp nước, lại đem trí gian ức hiếp dân. Đặt ra lệnh bảo sao⁽²⁾ thì dân đều

⁽¹⁾ Chữ "họ Trình" vốn là "họ Trần" vì kiêng tên húy hoàng hậu (của Lê Lợi) nên đổi.

⁽²⁾ *Bán sao*: là loại tiền giấy do Hồ Quý Ly ban hành năm 1395.

oán là thiệt thòi nguồn sống; ban ra lệnh di dân⁽¹⁾, thì dân đều oán vì phải bỏ quê hương. Thêm vào đấy, sưu cao thuế nặng, luật ngặt hình nghiêm, chỉ chăm ích mình, không lo nước hại. Người họ mạc, dù ti tiện cũng đều phong cho chức quan cao; kẻ tiểu nhân hay nịnh hót cũng đều ban ơn trọng dụng. Hễ thích thì khen thưởng, nhân giận mà gia hình, người trung trực ngậm tâm, kẻ ngay lành oan uổng. Thế mà vẫn kiêu ngạo tự tôn, không sợ mệnh trời giáng họa. Tuy rằng giặc Ngô tham tàn, nhưng cũng do lòng trời ghét kẻ nghịch, cho nên mượn (tờ 52b) tay người Ngô vậy.

Sau khi người Ngô đã lấy được nước ta, không dùng khoan thay ngược, lại càng tàn bạo hơn: ham giết người để thị oai, coi mạng người như cỏ rác, bắt vợ con dân nước ta, đào lăng tẩm vua nước ta. Cấm mắm muối khiến dân khốn về ăn, đòi vải vóc để dân khổ về mặc, bắt dân tìm vàng ngọc, bắt dân cống voi tê, chính sự phiền hà, hình phạt thảm khốc, dân hết đường sống. Kẻ mắc tội oan, chỉ vạch trời oán trách; những người trung nghĩa, đều nghiêng lợi cảm hờn! Ai ai cũng nguyện liều chết giết giặc thù. Thế cho nên ta vừa dựng cờ khởi nghĩa, tức thì hào kiệt bốn phương nổi dậy như ong, cùng đánh cho người Ngô tan rã. Đó là người Ngô chỉ biết dùng bạo lực để lấy nước, mà không biết đến ân huệ để an dân. Tuy vì trẫm có đại nghĩa mới được lòng dân, nhưng cũng do trời ghét sự tàn bạo đó, nên mượn tay trẫm vậy.

⁽¹⁾ *Di dân*: năm 1403 Hồ Hán Thương đem dân các lộ, người nào không có ruộng mà có cửa, dời vào lộ Thăng Hoa (đất mới chiếm được của Chiêm Thành) để khai khẩn. Năm sau lại bắt vợ con của dân di cư đem vào Thăng Hoa, nhưng di thuyền gặp bão bị chết rất nhiều.

Những sự kể trên, đều bởi các quan chức không biết thể lòng vua, thi hành chính trị tốt. (tờ 53a) Trong thì che giấu lỗi lầm đối với vua, ngoài thì lập thành đảng phái đối với dân chúng, không có lòng vì nước, chỉ chăm kể vinh thân. Đến nỗi nước mất nhà tan, vua tôi đều nhục! Chúng ta há chẳng lấy đó làm gương ư?

Trăm ngày đêm lo nghĩ chưa hề giây phút nào quên những nỗi niềm đó, là vì rất sợ xe trước đã đổ, xe sau cũng đổ theo. Cho nên luôn luôn nói đi nói lại, răn dạy các khanh, đã nói hàng nghìn vạn lời, đã ban hàng chín mươi dụ, thế mà các khanh vẫn coi như mở vãn sông, không hề tuân theo lời dạy, không hề thay đổi lỗi xưa, vẫn cứ làm điều trái phép, ngược dưới nhờn trên.

Những bấy tôi cũ đã từng dự phần khó nhọc, cày công mà kiêu hoạch, có phạm vào những sự nhầm lẫn, còn có thể tùy theo việc nặng nhẹ mà châm chước, hoặc tha hoặc không tha⁽¹⁾. Còn như hạng tân tiến, bởi thấy thế quân đã mạnh, việc nước đã xong, mới vin nhờ quyền thế mưu đồ công danh, (tờ 53b) đó là hạng theo khi việc đã thành. Thế mà phạm việc nhầm lẫn, há có thể trái luật pháp mà tha được ư?

Nay đã ban lời ngăn cấm răn dạy này, mà kẻ nào vẫn không nghe không đổi, thì chính kẻ ấy tự mang lấy tai vạ, chứ không phải là lỗi không răn của trăm.

Từ nay, các đại thần từ chức tổng quản, cho tới các cấp đội trưởng, cùng các quan ở sảnh, viện, cục, có chức

⁽¹⁾ Câu này, các bản A, B, C đều chép: "Hoặc khả nộ, hoặc bất khả nộ" (hoặc đáng giận, hoặc không đáng giận). Xét không hợp văn lý. Hoặc hai chữ "nộ" (giận) trong câu, đều do hai chữ "thứ" (tha) chép lộn ra chăng? Đây xin dịch theo nghĩa chữ "thứ".

trách quản quân trị dân, thấy đều nên theo phép công bằng, làm việc cần mẫn, thờ vua thì tận trung, với dân thì hoà nhã, bỏ thói tham ô, trừ nết ngạo mạn, dứt lối riêng tư bè đảng, đừng theo thói cũ lỗi lầm. Coi công việc của quốc gia là công việc của mình; mối lo của dân chúng tức là mối lo của mình, tận trung hết sức, phù trì nhà vua. Khiến cho xã tắc yên như núi Thái Sơn; cơ đồ vững như bàn thạch! Sẽ cùng hưởng tước lộc với trăm đời nay; sẽ cùng truyền (từ 54a) thanh danh về hậu thế. Đại nghĩa vua tôi, trước sau trọn vẹn. Như vậy há chẳng đẹp sao?

Ôi! Cầm sắt không hoà thì thay điệu đổi dây cho đúng. Xe trước đã đổ, thì đi lối khác kiếm đường bằng. Các kẻ quân tử có quan chức của ta, hãy soi vào đấy.

Nay bố cáo quần thần trong triều ngoài quận, đều nên biết rõ".

Mồng 1 tháng 8, vì có tai dị, nên vua ban chiếu tự nhận lỗi.

Ra lệnh cho quần thần dâng thư đựng trong phong bì kín.

Tháng 10, bổ Đào Công Soạn kiêm chức Thượng thư bộ Hộ, tham tri Đông đạo quân dân bạ tịch.

Tháng 11, vì thổ tù ở châu Thạch Lâm Thái Nguyên là Bế Khắc Thiệu và Nông Đắc Thái ở châu Thượng Lang, liên kết với Trần Hãn⁽¹⁾ làm phản, vua bèn hạ chiếu thân chinh, và tuyển bộ binh ở bãi Bồ Đề.

Năm Tân Hợi, niên hiệu Thuận Thiên thứ 4 (1431),

⁽¹⁾ Toàn thư chép rằng vì Thiệu và Thái tranh quyền nhau nên vua đi đánh, và không chép họ liên kết với Trần Hãn mưu phản.

ngày 1 tháng giêng, vua sai Lê Nhữ Lãm và Hà Lật sang sứ nhà Minh cầu phong.

(tờ 54b) Vua ban tờ chiếu rằng:⁽¹⁾

"Đạo kinh luân thiên hạ, phải tính ban đầu để yên lúc cuối, phải lập pháp luật để lưu về sau. Thế cho nên, cha làm con nối, đạo nhà tất hanh thông; anh truyền em tiếp, nền nước sẽ bền vững. Các bậc vua giỏi thời xưa, lo tính công việc rất sâu xa.

Trẫm thân mặc áo giáp, dầu dãi tuyết sương, mười ba năm trời, kể cũng khó nhọc. Nay trí lực kém dần, tuổi cũng đã cao, mà việc nước rất nhiều, khó lòng một mình liệu lý.

Xét thấy thời xưa, cũng có khi dùng "quyền" thay "kinh", mà hợp với đạo thánh hiền, dựng anh truyền em, mà ngôi vua dài vững. Vậy châm chước tùy thời, dựng làm phép tắc.

Như Tư Tế (con trưởng), hiện đã lớn tuổi, vào hạng thành nhân. Tuy liệu việc chưa chu đáo tinh vi cho lắm, nhưng mắt thấy tai nghe, cũng đã từng trải qua nhiều việc. Hãy cho tạm coi việc nước, để giúp đỡ trẫm. Nguyên Long (con thứ) tính tuy minh mẫn, nhưng tuổi còn non, hãy nên nuôi dưỡng dự trữ trong Thanh cung, chờ ngày đức tính đầy đủ. (tờ 55a) Khi nào Tư Tế lên ngôi chấp chính, thì lúc ấy Nguyên Long lại coi việc nước việc quân. Đó là theo việc đã làm của thời Triệu Tống xưa. Con cháu đời sau, cũng nên theo nghĩa truyền ngôi như vậy mãi

⁽¹⁾ Tư Tế là con trưởng của Lê Lợi. Ngày 7 tháng 1 năm Kỷ Dậu (1429), Lê Lợi chính thức lập Tư Tế làm Quốc vương, tạm quyền coi việc nước. Đến nay, (1431) ban tờ chiếu này.

mãi. Sau đây, hoặc có kẻ nào không theo lời trẫm, bàn luận trái lại, viện dẫn lời chê Triệu Phổ nhảm lẫn⁽¹⁾, để thay đổi phép nhất định trong tờ chiếu này, thì kẻ ấy chỉ là phường xiểm nịnh, chực đem mưu gian để tính kế Vương Mãng và Tào Tháo⁽²⁾, chứ không phải tận trung với nước, pháp luật tất không tha.

Nay ban tờ chiếu này cho quần thần văn võ, để được biết ý nghĩa truyền ngôi đã định, và giải mối nghi hoặc về bản luận bất nhất, hết thảy đều nên hiểu rõ".

Vua soạn bài: "Hậu tự huấn"⁽³⁾ để răn quốc vương Tư Tế và Thái tử Nguyên Long rằng:

"Ta thường nghe: Đế vương nhường ngôi, tất truyền cả phép hay và phép trị; đời vua truyền nối, thường lưu lại cả lời dạy và lời răn. Tuy cảnh ngộ mỗi thời một khác, (tờ 55b) nhưng việc làm thấy đều giống nhau. Ta đích thân phát hết gai góc, bừa phẳng bạo tàn, thường lấy áo giáp làm đồ mặc, nội cỏ làm cửa nhà, trải bao nơi nguy hiểm, xông pha trước giáo gươm, mới quét sạch phong trần, dựng nên cơ nghiệp, công cuộc kinh doanh thực là vất vả.

Nay các con, không có công lao như ta, mà được hưởng cơ nghiệp của ta. Vậy những điểm quan trọng về

⁽¹⁾ Khi Đỗ Thái Hậu nhà Tống bị bệnh nặng, vời Triệu Phổ vào nhận di mệnh, dặn vua Tống Thái Tổ sẽ truyền ngôi cho em trai là Quang Nghĩa, bảo Triệu Phổ ghi nhớ lời đó. Triệu Phổ xin tuân mệnh, bèn lập tờ ước thệ, rồi ký tên vào. Việc này Trịnh Bá Kiêu chê Triệu Phổ không biết giáng giải can ngăn, đến nỗi về sau sinh loạn. Như vậy không phải là bậc đại thần có tài kinh quốc.

⁽²⁾ Vương Mãng là gian thần, cướp ngôi nhà Tiền Hán; Tào Tháo là gian thần nhà Hậu Hán.

⁽³⁾ *Hậu tự huấn*: lời dạy người kế vị mình.

việc nước việc quân, đều phải để tâm suy nghĩ, cố gắng mà làm, đừng nên trễ nải. Đối với họ thân, nên hết tấm lòng thân ái; đối với dân chúng, nên ban chính sách khoan nhân. Đừng vì ơn riêng mà lạm thưởng; đừng vì cơn giận mà gia hình; đừng mưu sinh lợi để xa hoa; đừng gần con hát sinh dâm dăng. Đối với quần thần, cần nghe can gián. Một chính lệnh, một việc làm, đều noi lẽ chính, để làm phép thường. (từ 56a) Như vậy mới có thể trên thì hợp lòng trời, dưới thì thoả lòng tin của dân. Quốc gia sẽ được bình yên lâu dài. Nếu tự cậy thông minh, dùng kẻ thân cận, truất bầy tôi của ta, đổi chính sách của ta, biến cải gia pháp, sơ khoáng họ thân, xa người ngay thẳng, gần kẻ nịnh nọt, chỉ làm những việc vui đùa, chỉ ham những vật đẹp mắt, không theo thói cần kiệm, không nghĩ công gian lao, thì có khác gì cổ nhân đã nói: "Cha dựng ngôi nhà mà con không biết sửa sang; cha đã gieo mạ mà con không biết cấy gặt". Như vậy sao có thể nối được chí ta, hưởng được nghiệp ta, để truyền ngôi lâu dài được.

Và lại, người dân thường mến phục vua nhân đạo, mà chính người dân cũng có thể lật đổ vua. Ví như nước thường chở thuyền, mà thuyền đắm cũng vì nước; trời thường giúp người có đức, mà thay đổi bất thường cũng chính là trời vậy.

Tuy thánh triết đến như bốn vua Thuấn, Vũ, Thang, Văn, mà (từ 56b) vẫn tiết kiệm siêng năng, nơm nớp lo sợ, kính trời chăm dân, không phút nào ngừng, huống chi hạng tài đức kém các vua trên ư?

Phàm những vua nối ngôi, sinh dưỡng trong cung điện, thường được yên vui, không biết lập chí. Nếu không răn dạy ngay lúc ban đầu, cho biết sợ hãi cảm kích, thì

dâu có thể hết đạo nối ngôi, mà ban phúc cho thiên hạ. Bởi thế, không thể dừng được mà ban lời răn dạy này.

Ôi! Vua Khải, vua Vũ⁽¹⁾ thời xưa, đều làm trọn đạo nối ngôi, cho nên vua Khải tại vị lâu dài, vua Vũ lừng danh con hiếu.

Các con nên ghi nhớ lời nói ta đây, và theo đòi thánh hiền đời trước. Nay ban lời dạy".

Giết Thái úy Phạm Văn Xảo.

Nhà vua thân đi đánh đạo Thái Nguyên, tháng 2, đánh được châu Thạch Lâm⁽²⁾, Bế Khắc Thiệu thua chạy, rồi chết; bắt được Nông Đắc Thái, bèn kéo quân trở về.

Ngày 12 tháng này, ban tờ chiếu kể tội trạng Bế Khắc Thiệu cho trong ngoài đều biết.

Tháng 3 (tờ 57a) nhà vua trở về kinh đô.

Đặt ty Xá nhân trong nội giám và ngoại giám, do theo đề nghị của Ngô Văn Thông.

Ngày 4 tháng 8, ban tờ chiếu kể tội trạng Nông Đắc Thái⁽³⁾ khắp trong triều ngoài quận.

Ngày mồng một tháng 11, nhà Minh sai Chương Xưởng⁽⁴⁾ và Tư Kỳ, mang tờ sắc sang ban mệnh cho vua tạm quyền coi việc nước. Vua bèn sai Nguyễn Văn Huyền và Nguyễn Tông Chí⁽⁵⁾ làm sứ thần theo bọn Chương

⁽¹⁾ Khải là Đế Khải, con vua Vũ nhà Hạ; Vũ là Vũ Vương, con vua Văn Vương nhà Chu.

⁽²⁾ Bản LML thiếu chữ "Thạch".

⁽³⁾ Đoạn trên, *Toàn thư* và các bản khác đều chép là Nông Đắc Thái, bản LML là Nông An Thái.

⁽⁴⁾ Bản LML là Chương Kinh. *Minh sử* chép là Chương Xưởng.

⁽⁵⁾ Bản LML, chép là Nguyễn Văn Chí.

Xưởng sang nhà Minh tạ ơn, tặng 5 vạn lạng bạc.

Tháng 12, vua sai các vị nho thần soạn quyển "Lam Sơn thực lục", vua làm bài tựa.

Vì thổ tù Đèo Cát Hãn ở Mường Lễ⁽¹⁾ thông đồng với Phạm Văn Xảo làm loạn, lại liên kết với nghịch thần nước Ai Lao là Kha Lại⁽²⁾ xâm lấn đất Mường Mồi⁽³⁾, vua bèn sai Tư đồ Lê Sát và Quốc vương Tư Tề dẫn quân đánh Mường Lễ⁽⁴⁾, rồi vua lại thân chinh.

Năm Nhâm Tý, niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1432), mùa xuân tháng giêng, quan quân đánh được Mường Lễ, Kha Lại bị giết, Đèo Cát Hãn chạy trốn, quan quân bắt hết dư đảng, bèn đổi Mường Lễ làm châu Phục Lễ.

Ngày 3 tháng 3, vua kéo quân trở về, bèn ban tờ chiếu rằng: (từ 57b) "Thời xưa, rợ Miêu trái mệnh, vua Vũ nhà Hạ phát binh, nước Mật không kính, vua Văn Vương nổi giận.

Mường Lễ⁽⁵⁾ từ xưa vốn là một xứ lệ thuộc làm phiên thần của nước ta. Chỉ vì thời vua mới rồi, triều đình suy bại, chính trị tối tàn, nhà vua mất kỷ cương, biên thủy bỏ sơ khoáng. Bởi thế xứ ấy mới dăm cậy hiểm cậy xa, không nộp thuế nữa, lại cướp lấn biên thủy, tàn hại dân ta. Những nơi bị chúng tàn hại nhất, là các trấn: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quy Hoá và Gia Hưng.

Trẫm từ khi lên ngôi tới giờ, vẫn muốn tu đức để

⁽¹⁾ *Toàn thư* và các bản đều chép là Mường Lễ, bản LML là Triệu Lễ.

⁽²⁾ Bản A và H là Kha Lại, bản LML chép là Kha Đốn.

⁽³⁾ *Mường Mồi*: Bản B chép là Mường Động.

⁽⁴⁾ ⁽⁵⁾ Xem chú thích (1) ở trên. Bản H, A và B chép là dẫn quân đi đánh, không nói rõ là Mường Lễ.

nước xa tự phục, không hề kỳ thị. Tuy tù trưởng xứ ấy là Đèo Cát Hãn vẫn quen thói cũ, không lại triều cống, trăm đã nhiều lần đem lời tín nghĩa, giảng dụ ân cần, lại hứa sẽ phong cho tước cao, cho hưởng lộc hậu. Nhưng y vốn lòng lang dạ thú, vẫn giữ chí xưa, vong ân bội nghĩa, trở mặt thành thù, hợp sức cùng tên phản nghịch là thằng Hối Khanh Nam⁽¹⁾ và lũ thằng Đinh Quế, dụ dỗ dân biên thủy, mưu làm việc trái phép, tụ tập phường vong mạng, kể đã khá đông, lại (tờ 58a) kết đảng với nghịch thần nước Ai Lao là bọn thằng Kha Lại, cùng nhau đánh chiếm nước Ai Lao cho tới các xứ Mường Mỗi, nhân dân các sách đó đều bị chúng nhiều hại. Bàn Nhự nước Ai Lao bèn sai sứ thần đến nước ta, cầu xin cứu viện.

Trăm là cha mẹ dân, thay trời nuôi dân, dù là dân nơi nào cũng đều coi như con cả, đâu nỡ để cho dân một phương nào bị tai hại. Bèn sai tướng dẫn quân đánh giặc cứu dân, Cát Hãn liền xuất toàn quân chống lại quân ta, giao chiến một trận ở Mường Kiệt; Kha Lại bị thua, đầu mục của Cát Hãn là bọn Lãm Cương kinh hãi xô nhau chạy trốn. Thế mà Cát Hãn còn sai bọn đầu mục khác là Gia Hô, dẫn tù trưởng Mường Bồ là bọn Đinh Quế, kết hợp cùng bọn phản nghịch là thằng Hối Khanh, kéo quân thẳng vào xứ Gia Hưng và Đà Giang nước ta, hiếp dụ dân ngu, dám gây rối loạn.

Trăm xét, kẻ loạn thần tặc tử, thì ai ai cũng muốn giết chết. Năm ngoái, thằng Khắc Thiệu ở Thái Nguyên

⁽¹⁾ Hối Khanh Nam: tên người, các bản B, C và H, không chép chữ "thằng" và chép là "Hoàng Hối Khanh Nam", nên cũng có thể hiểu đó là con trai của Hoàng Hối Khanh (?) - ở dưới cùng thế.

mưu làm phản, (tờ 58b) đích là do thằng Hãn⁽¹⁾ âm mưu, năm nay Cát Hãn nổi loạn, là do âm mưu của Xảo⁽²⁾. Mầm mống hoạn loạn không thể không triệt cho hết. Trẫm bèn sai Tư đồ Lê Sát, dẫn quân do đường Đà Lãng tiến đánh trước, lại sai Quốc vương thống binh, do đường Bắc Quan tiến chặn phía sau, trẫm thì đích thân dẫn 6 quân, do đường Gia Hưng kế tiến. Bọn phản nghịch là thằng Đinh Quế hoảng sợ liền tan rã, quân ta đuổi thẳng tới dinh tướng Mường Bô. Bọn quân địch là thằng Hối Khanh Nam bị người Man Xá bắt giết, đem thủ cấp hiến trước cửa quân, quan quân bắt sống Đinh Quế cùng vợ con, lại bắt và giết rất nhiều đảng chúng. Ta bèn chia quân tiến cả đường thuỷ đường bộ, ngày 20 tháng giêng năm nay, tiến thẳng vào sào huyệt Cát Hãn.

Trước đây, nghịch thần nước Ai Lao là Kha Lại vẫn nương thân ở Mường Lự, khi Mường Lự nghe tin quân ta đến, liền giết Kha Lại đem thủ cấp ra đón hàng. Cát Hãn cũng bỏ bè đảng, vợ con lại (tờ 58a) chỉ chạy trốn thoát thân. Trẫm bèn sai tư đồ dẫn quân vào Mường Cồ⁽³⁾, Quốc vương thì đóng tại Mường Tô, cho quân vào rừng lùng bắt, lại sai các tướng cho quân vào các nơi mường hiểm lược soát, bắt được vợ con Cát Hãn cùng đồ đảng của y, tất cả trai gái hơn ba vạn người; hơn một trăm con voi; khí giới thuyền bè đồ vật nhiều vô kể. Bèn đặt đất đó thành châu huyện, ghi vào đồ bản nước nhà.

⁽¹⁾ Chỉ Trần Nguyên Hãn.

⁽²⁾ Chỉ Phạm Văn Xảo.

⁽³⁾ Bản A và H là Mường Dịch.

Nay dẫn quân khải hoàn⁽¹⁾ làm lễ hiến phù⁽²⁾ ở nhà Thái Miếu. Vậy ban cáo thị cho thần dân thiên hạ:

Phàm bấy tôi, nên lấy tên Hãn, tên Xảo làm răn; người giữ chức nơi phiên trấn, nên lấy bọn Khắc Thiệu, Cát Hãn làm răn, như vậy thì thần dân ta đều được hưởng phúc thái bình và có tiếng tới đời sau".

Tháng 11, Cát Hãn và con là Mạnh Vượng xin hàng, được nhà vua tha tội. Khi Cát Hãn tới Kinh tạ tội, được phong chức Tư mã.

Phong Trịnh Lỗi (tờ 59b) chức Nhập nội hành khiển tả bộc xạ; Lê Liệt và Lê Bôi đều chức Nhập nội tư mã, được tham dự triều chính⁽³⁾.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Thuận Thiên thứ 6 (1433), tức năm Tuyên Đức thứ 8 nhà Minh, mùa xuân, tháng giêng, tuyển con em các quan, và học sinh tuần tú trong ba lộ Quốc Oai, Tam Đái, Bắc Giang⁽⁴⁾ vào học trường Quốc Tử giám.

Tháng 4, sai Trần Thuần Du, Nguyễn Khả Chi và Bùi Cầm Hổ sang cống nhà Minh theo lệ thường.

Vua đi Lam Kinh, làm lễ bái yết lăng trên núi.

Tháng 8, trở về Đông Kinh.

Tháng 10, ban tờ sắc cho thiên hạ, đại thần, bá quan văn võ và quân dân:

⁽¹⁾ Bản LML phần chữ Hán in đảo ngược mất một đoạn, lẽ ra nội dung của đoạn ở tờ 70a phải để ở trước tờ 69a.

⁽²⁾ *Hiển phù*: lễ dâng tù binh và chiến lợi phẩm ở nhà Thái Miếu.

⁽³⁾ Bản LML chép thừa chữ "đình" trước chữ "chính".

⁽⁴⁾ Bản LML chép là "Quốc Oai, tam lộ. Bắc Giang nhị lộ" (ba lộ Quốc Oai, hai lộ Bắc Giang - sai).

"Làm tôi phải trung, làm con phải hiếu, thế mà con trẫm là Tư Tề, không trung hiếu với cha mẹ, ngược đãi quần thần, khinh nhờn trời đất, không theo đạo của các đấng tiên vương. Nay giáng Tư Tề xuống chức Quận vương. Vậy bố cáo thiên hạ".

Ngày 16, ban tờ chiếu rằng:

"Trẫm tư chất bạc nhược, vâng giữ mệnh trời, (từ 60a) đã 6 năm nay, già nua mỗi một. Thiên hạ rất rộng, công việc rất nhiều, bởi thế lo âu, tích thành bệnh tật, cố gắng sớm hôm, sợ không đương nổi.

Hoàng thái tử, tuy hãy còn trẻ tuổi, nhưng nổi tiếng hiếu nhân, ai ai cũng đều tin cậy, ngôi báu đang về tay. Vậy trao cho ấn kiếm, để trông coi việc nước thay trẫm".

Lại ban tờ sắc cho Thái tử rằng:

"Việc truyền ngôi báu, là việc lớn của quốc gia, lời cha dạy con, là chí tình trong thiên hạ. Vì quốc gia là việc lớn, cho nên khi trao nhận không thể không nói rõ; bởi chí tình phụ tử, cho nên lời răn dạy không thể không kỹ càng.

Trẫm gặp thời tao loạn, dựng nghiệp gian nan, hơn hai mươi năm, mới nên nghiệp lớn. Những nỗi đau khổ của nhân dân, thấy đều hiểu biết; những đường gian nan trong thế sự, thấy đều trải qua. Thế mà đến khi lên ngôi, lòng người thực hay giả, cũng chưa dễ gì tỏ tường; những việc nghi ngờ, cũng chưa dễ gì phán đoán. Như vậy, đạo làm vua (từ 60b) không khó ư?

Huống chi con, đương thời tuổi trẻ, nối nghiệp gian nan, nghe biết còn nông, tư lương chưa thấu. Vậy nên đốc lòng kính cẩn, như giẫm trên băng mỏng vực sâu, thờ trời đất nên hết lòng cung phụng tôn miếu nên tròn đạo

hiếu, thân ái anh em, hoà mục tông tộc, cho tới việc đối xử với trăm quan và muôn dân, thấy đều nên nghĩ sao cho phải đạo. Chớ đổi phép cũ của tiên vương; chớ bỏ cách ngôn của tiên triết; chớ gần thanh sắc mà chuộng tiền tài; chớ thích đi săn mà ham dâm dăng; chớ nghe lời gièm mà xa người cao thẳng; chớ dùng tân tiến mà bỏ kẻ cựu thần. Trời khó tin, mệnh không thường, phải nghĩ phép trị khi chưa loạn; công khó thành, việc dễ, hỏng, phải nghĩ giữ nước lúc chưa nguy. Khi được yên vui, phải nghĩ tới công lao khó nhọc của tiền nhân, khi hưởng cao sang, phải nghĩ tới công đức tích lũy của tiên tổ. (tờ 51a) Phải cẩn thận trước để toan việc sau, phải làm sự lớn từ ở việc nhỏ, phải theo chí trước mới có thể giữ được nghiệp trước, phải thuận lòng trời mới có thể hợp được lòng người. Một giây một phút chớ trễ, chớ quên.

Trao cho con ấn báu, coi việc nước thay ta, để bền vững quốc gia, để yên lòng dân chúng.

Òi! Truyền ngôi giữa vua Nghiêu vua Thuấn, cốt giữ được phép trung, đạo lớn của vua Vũ vua Văn, cần nói chí không bỏ".

Tháng 8 nhuận, có sao Chổi xuất hiện ở phương Tây.

Ngày 22, vua thăng hà ở Tẩm Điện, hưởng thọ 49 tuổi.

Ngày 24, Hoàng thái tử ban lệnh chỉ cho các quan trong ngoài, đều vận áo sớ gấu để tang, sau khi làm lễ tốt khốc (100 ngày), đều vận áo trắng làm việc; quân dân khắp thiên hạ đều vận áo trắng 3 tháng⁽¹⁾; cấm chỉ âm nhạc và yến ẩm trong 3 năm.

⁽¹⁾ Bản LML chép là "tam nhật" (ba ngày).

Ngày 8 tháng 9, Thái tử lên ngôi vua.

Ngày 21 tháng 11⁽¹⁾, làm lễ đặt tên thụy vua, rồi an táng ở Vĩnh Lăng tại Lam Sơn.

LỜI BẢN⁽²⁾

"Thời xưa, Trọng Huỷ⁽³⁾ xưng tụng vua Thang rằng: "Trời ban cho vua đức trí dũng, để làm tiêu biểu cho muôn nước". Đó là nói các bậc đế vương nổi lên đều có mệnh trời vậy.

Vua Thái Tổ ta, có tài dùng binh, khi mới dựng cờ khởi nghĩa, chỉ vắn vắn có 200 quân Thiết đột, 200 dũng sĩ, và với 300 nghĩa binh. Thế mà phía Tây, Ai Lao phải thần phục, phía Bắc dẹp hết giặc Ngô. Xét về kế mật mưu kỳ, phần nhiều là do tài thao lược. Vua lại tinh tường việc chính trị; khi mới đến hành doanh Bồ Đề, đã tuyển dụng hiền tài, đặt quan chia chức, trừ tàn cấm bạo, thương yêu quân dân, thu hút các bộ lạc, phòng bị nơi biên cương. Thực đã có ngay một quy mô đại định thiên hạ.

Đến khi thống nhất non sông thì phong công thần, trọng Nho giáo, chế lễ nhạc, định luật lệnh, đặt quân kỷ, lập hộ tịch, chỉnh đốn các ngạch thuế, bỏ phép tiêu tiền giấy. Thi hành chính sự rất là rộng lớn chu đáo. Cứ xem

⁽¹⁾ Bản A ghi là "thập nhất nguyệt nhị thập nhất nhật" (ngày 21 tháng 11).

⁽²⁾ Các bản A, B, C, D... đều chép là "luận viết", chỉ có bản LML chép là "dự viết", và dịch là "Bản tờ dự rằng". - Xem ý tứ đoạn này thì thấy đây là lời bản của sử thần Lê Quý Đôn chứ không phải là lời dụ. Vậy xin sửa lại.

⁽³⁾ *Trọng Huỷ*: bề tôi của vua Thang.

ngay những bài chiếu bài sắc ban ra thời ấy, đủ thấy lời răn dạy và phép trị bình rất là tường tận.

Vua khôi phục (tờ 62a) non sông, đem lại thái bình, công đức ban khắp đương thời, cơ nghiệp truyền cho hậu thế. Rực rỡ lắm thay!".

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN III (?)

NGHỆ VĂN CHÍ

TỰA

(từ 63a)

Kinh Dịch (quẻ Bí) có câu nói: "Xem thiên văn⁽¹⁾ để nhận xét sự biến chuyển của từng mùa (xuân, hạ, thu, đông); xem nhân văn⁽²⁾ để cảm hoá cả thiên hạ". Bàn về hai câu ấy, Lã Ôn đời Đường⁽³⁾ đã nói: "Xét về biến

⁽¹⁾ *Thiên văn*: hiện tượng thấy trên bầu trời, tức là xem khí âm, khí dương giao hoà ở khoảng giữa bầu trời và trái đất.

⁽²⁾ *Nhân văn*: tất cả cái gì thuộc về tổ chức đời sống, hoạt động xã hội của loài người như văn học, khoa học, nghệ thuật. v. v...

⁽³⁾ Lã Ôn: một nhà văn đời Đường, người đất Hà Trung, tự là Hoà Thúc và Hoá Quang, đậu Tiến sĩ đời Trinh Nguyên (785 - 802). Sau khi sang sứ Thổ Phồn (Tibet) về, được bổ thứ sử Hành Châu, nên có tập văn "Lã Hành Châu tập" (Xem *Cựu Đường thư* q. 137, tờ 4 và *Trung Quốc nhân danh đại từ điển*, tr. 341). Lã Ôn có bài: "Nhân văn hoá thành luận" chép trong sách. *Khâm định toàn Đường văn* q. 828, tờ 17 - 18.

chuyển trời đất, phải xây dựng đạo đức tốt để làm cho các hiện tượng được đúng mức. Cảm thông bằng giáo hoá, phải phổ biến lời nói (làm sách) để giúp đỡ công dụng ấy". Văn chương thật là vĩ đại! *Ngũ kinh*, *Tứ thư*⁽¹⁾ đều là tác phẩm lớn lắm, có thể phối hợp bổ sung cho cả trong ngoài, sau trước, cho công dụng của năm ngôi sao (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ)⁽²⁾ và bốn phương trời (Đông, Tây, Nam, Bắc)⁽³⁾.

Sau đó đời nào cũng có các bậc đại nho có tiếng, biên soạn sách vở. Đôi khi có lời bàn bạc, tuy chưa hẳn là thuần túy, nhưng chủ yếu cũng là những lời do tinh anh của trời đất hun đúc lại; gốc ở ý nghĩ sâu xa trong lòng mà ra. Mỗi người đều có nhận xét riêng, đã trở thành lời của một nhà: lời nói của người giỏi đem lại cho ta được nhiều kiến thức rộng, làm tăng thêm hiểu biết. Có thể nào coi đó là rườm rà mà bỏ qua không đọc hay sao?

Tôi thường (từ 63b) xét các thiên Nghệ văn chí trong sử các đời Hán, Tùy, Đường, Tống⁽⁴⁾, thấy những tên sách ghi trong đó, không kém hàng trăm vạn quyển. Thật là

⁽¹⁾ *Ngũ kinh*: năm bộ sách cổ điển Hán học: *Chu dịch*, *Thượng thư*, *Thi Lễ*, *Xuân Thu*. Tên *Ngũ kinh* bắt đầu có từ đời Hán. *Tứ thư*: Bốn bộ sách cổ điển Nho giáo: *Đại học*, *Trung dung*, *Luân ngữ*, *Mạnh Tử*. Tên *Tứ thư* mới xuất hiện từ đời Tống, khoảng năm Thuần Hy (thế kỷ XII) từ khi Chu Hy làm tập chú, chấm câu và chú giải.

⁽²⁾ Nguyên văn là Ngũ vĩ, tức là 5 ngôi sao: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ ở năm phương trong bầu trời (Đông, Tây, Nam, Bắc, trung ương).

⁽³⁾ Nguyên văn tứ cung: bốn vị trí của sao Thái Nhất và các sao phụ ở Đông, Tây, Nam, Bắc.

⁽⁴⁾ Tức là các thiên Nghệ văn chí. Kinh tịch chí trong các bộ đoạn đại sử: *Tiền Hán thư* của Ban Cố, *Tuỳ thư* của Ngụy Trưng, *Tân Đường thư* của Âu Dương Tu và Tống Kỳ, và *Tống sử* của Thác Khắc Thác đời Nguyên.

nhiều lắm, hay lắm. Về các thời đó, có các bí thư sảnh, sưu tập rất là tương tậm chỉnh đốn. Các nhà làm quan, nhà đi học, thu chứa sách lại càng cẩn thận, truyền bá ra lại càng rộng rãi hơn. Cho nên, tuy trải qua nhiều cuộc binh hoả mà cũng không tan nát mất nhiều.

Nước ta được gọi là nước văn hiến⁽¹⁾ (Nghĩa là nước có văn hoá, có sách vở), trên từ vua chúa, dưới đến các quan, cùng nhân dân, đều có biên soạn sách vở. Bây giờ họp chung cả lại, chẳng qua chỉ còn được ngoài trăm pho sách, so với các nhà làm sách Trung Hoa, khó lòng được một phần mười. Số lượng sách đã ít như vậy, mà các tổ chức chứa sách như gác Thạch Cừ⁽²⁾, gác Thiên Lộc⁽³⁾ (đời Hán) cũng rất sơ sài, không đặt hẳn các cục riêng coi về sách vở giấy tờ; không đặt riêng các quan chuyên trách việc thu tàng, coi giữ các sách. Đến việc so sánh từng bản và sao chép ra, việc phối sách chứa sách đều không được quy định thành phép riêng, lệ riêng. Các người đi học từng thời cũng chỉ mua chứa, tập hợp các sách học để đi thi, để cố thi đậu, thấy những sách lạ của đời trước để lại mà không liên quan đến môn học khoa cử, thì cũng làm lơ, không sao chép lấy. Gián hoặc có người chịu sao chép

⁽¹⁾ *Văn hiến*: hai chữ Văn hiến nguyên gốc ở sách *Luận ngữ*, thiên Bát dật. Văn nghĩa là sách vở, Hiến là người giỏi. Danh từ "văn hiến" dùng đây là gốc của câu "Ngã Việt tố xưng văn hiến" (nước Việt ta vốn xưng là nước văn hiến) trong bài "Bình Ngô đại cáo".

⁽²⁾ *Thạch Cừ*: tên một ngôi nhà lầu chứa sách đời Hán do Tiêu Hà xây trên một cái cừ dưới có nước chảy, để chứa các sách vở, giấy tờ thu được của nhà Tần. Thạch Cừ các hiện nay còn di chỉ tại phía Tây Bắc thành Tân An, huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây.

⁽³⁾ *Thiên Lộc các*: cũng là ngôi lầu chứa sách đời Hán, do Tiêu Hà sáng lập. Sau là nơi "Hiệu thư" của Dương Hùng và Lưu Hưởng.

thì cũng coi nhẹ việc hiệu thù (so sánh)⁽¹⁾. Hễ có người nào thích chứa sách cổ, thì người ấy (tờ 64a) lại giữ làm của riêng, cất kỹ không đưa cho mọi người xem. Cho nên việc đi tìm sách khó lắm. May ra, tìm thấy quyển sách nào thì viết lầm, viết sai, bỏ sót, bỏ thiếu, đến nỗi không thể làm sao đoán được thế nào là đúng. Đó là điều mà người có kiến thức một chút phải thở dài than tiếc!

Về thời toàn thịnh dưới triều Trần, văn học cực thịnh, luật lệ giấy tờ thật đầy đủ. Hồi đầu đời Nghệ Tông (1370 - 1372), Chiêm Thành đem quân đánh ta, đốt phá cướp bóc hầu hết⁽²⁾.

Sau đó các sách sổ giấy tờ dần dần thu thập lại được. Đến đời Nhuận Hồ mất nước, tướng nhà Minh là Trương Phụ (1406) lấy hết sách vở cổ kim của ta gửi theo đường sông về Kim Lăng (kinh đô nhà Minh)⁽³⁾. Triều ta (Lê) dẹp loạn, lập lại trị bình, các bậc danh nho như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Phan Phu Tiên cùng nhau sưu tầm các sách vở, giấy tờ, nhật nhạch từng tờ giấy còn sót lại; nhưng sau cuộc binh hoả, mười phần còn được bốn năm phần. Vua Thánh Tông (1460 - 1497) ham thích sách vở: hồi đầu năm Quang Thuận (1460 - 1469), hạ chiếu tìm

⁽¹⁾ Đoạn văn này dựa theo nhận xét của Bùi Sĩ Tiêm nói trong tờ sổ dâng triều đình, năm 1751, nói về tệ tục các nho sĩ thời đó (xem *Cương mục*, Ch. b... q.37, tờ 10).

⁽²⁾ Nghệ Tông: vua thứ 8 triều Trần (1321 - 1394), làm vua từ năm 1370 đến 1372. Năm 1371, niên hiệu Thiệu Khánh thứ 2, tháng 3 nhuận, quân Chiêm Thành đánh chiếm kinh đô, vua Nghệ Tông chạy sang Đông Ngàn (xem *Cương mục*, Ch.b., q.37, tờ 31b).

⁽³⁾ Xem: *Cương mục*, Ch.b., q.13, tờ 4, khoảng năm 1406 và 1407, vua Vĩnh Lạc hạ lệnh cho Trương Phụ sưu tầm tịch thu hết tất cả sách vở giấy tờ của người Việt Nam gửi về Kim Lăng, hoặc phá huỷ đi (xem thêm: *Việt kiều thư*, q.2, tờ 25 và 49).

tôi các dã sử (sử của tư nhân viết), thu thập những truyện ký cổ kim còn chứa ở các nhà riêng; hạ lệnh cho đem dâng lên tất cả. Khoảng năm Hồng Đức (1470 - 1497), nhà vua lại hạ chiếu cầu những sách còn sót lại đem chứa cất ở bí các. Trong dịp này, có người đem dâng những sách lạ, sách bí truyền, đều được khen thưởng nhiều. Do đó những sách của đời trước cũng dần dần (từ 64b) được đưa ra. Đến thời rối loạn do Trần Cảo gây ra⁽¹⁾, kinh thành bị mất, sĩ dân tranh nhau kéo vào nơi cung cầm lấy vàng, lấy lụa; giấy tờ sách vở rắc bỏ đầy đường. Đến đời Ngụy Mạc (1527 - 1591), dần dần những sách ấy cũng được thu thập biên chép lại; nhưng khi đến triều đình (Lê, Trịnh) lấy lại được kinh thành, các sách vở lại bị lửa cháy. Những sách do các quan và nhân dân còn chứa cất được cũng phần ít còn giữ được. Tan nát đến thế, đáng tiếc lắm thay.

Các bản chiếu, sách, sắc, lệnh, các bài ca, bài tụng, các tờ tâu, tờ biểu bàn bạc các điều lệ, điển chương của hai triều Lý (1010 - 1224), Trần (1225 - 1400), trong thời gian hơn ba trăm năm, kể sao xiết được, thì nay đều thiếu mất cả. Riêng sách *Thiên Nam dư hạ*, ghi chép những chế độ, luật lệ, thư từ điển cáo của bản triều (Lê) cũng giống như các bộ *Thông điển*, *Hội yếu*⁽²⁾ thì mười

⁽¹⁾ *Trần Cảo*: người huyện Thuỷ Đường (sau là Thuỷ Nguyên) năm Hồng Thuận thứ 8 (1516), nhân việc Trịnh Duy Sản đảo chính, đã khởi quân đánh vào Thăng Long (xem: ở phần dưới sách này và *Cương mục*, Ch.b. q.26, tờ 25).

⁽²⁾ *Thông điển*: 200 quyển, của Đỗ Huy đời Đường, ghi các điển chương, chế độ chính trị các đời từ Hoàng đế đến năm Thiên Bảo, sách chia làm 8 môn: Thực hoá, Tuyển cử, Chức quan, Lễ, Nhạc, Bình hình, Châu quận, Biên phòng.

Hội yếu: một loại sách ghi chép văn vật, lịch sử từng đời, theo từng môn loại, như sách *Đường hội yếu*, *Ngũ đại hội yếu* của Vương Phổ, đời Tống.

phần chỉ còn một hai phần. Các bậc học giả đứng đắn, xem nhiều biết rộng, tìm đâu ra được tài liệu? Ngay như sách *Trích diễm thi tập* của các danh hiền, đã được phổ biến khắp nơi mà nay chỉ còn được tên sách; thực ra thì không thể nào mà được xem hẳn quyển sách.

Than ôi! Đức Khổng Tử, khi muốn (tờ 65a) xem xét về đường lối chính trị của các đời Hạ, đời Ân, đã phải than rằng giấy tờ ở nước Kỷ, nước Tống (là dòng dõi các đời Hạ, đời Ân) không còn đủ để nghiên cứu. Đó chỉ là nói riêng về sách vở giấy tờ ghi chép của các đời trước mà thôi. Nhưng mà điển chương giấy tờ đầy đủ của đời Tây Chu thì vẫn còn nhiều lắm, rõ lắm. Khổng Tử vẫn còn có thể tra khảo được. Có đến nỗi đâu như những điển chương giấy tờ của triều ta (Lê) dưới thời từ Trung hưng về trước cũng đều không còn gì nữa, cùng chung số phận như sách của các thời Lý, Trần. Vì vậy, tôi trộm thấy cảm kích. Nay thiên hạ theo sử cũ đã chép, và theo sách riêng của các nhà còn truyền lại, sao lấy các tên sách, kể từ đầu đời (Lê) Trung hưng ngược lên đến triều Lý, chia làm bốn loại, một là *Hiển chương* (16 bộ sách), hai là *Thi văn* (66 bộ sách), ba là *Truyện ký* (19 bộ sách), bốn là *Phương kỹ* (14 bộ sách)⁽¹⁾, hãy tạm kê rõ số quyển và nói qua ý nghĩa của tác giả (tức là nội dung sách) để cho người đọc dễ hiểu. Trong đám mục lục sách ấy, có bộ chỉ còn tên sách mà thực ra thì không có sách, cũng xin ghi đủ.

⁽¹⁾ Tổng cộng các tên sách mà Lê Quý Đôn đã thu thập được là 16 + 66 + 19 + 14 = 115 bộ.

(tờ 65a)

LOẠI HIẾN CHƯƠNG

1. *Hoàng triều ngọc điệp*: 1 quyển, soạn năm thứ 17 đời Lý Thái Tổ (1026), nay không còn.
2. *Hoàng tông ngọc điệp*: 1 quyển, soạn năm Thiệu Long thứ 10 đời Trần Thánh Tông (1266), nay không còn.
3. *Hình thư*: 3 quyển. Đầu niên hiệu Minh Đạo (1042 - 1043) đời Lý Thái Tông, sai cơ quan trung thư biên soạn, có tham khảo châm chú (cho hợp) thời nghi, xếp theo môn loại, biên tập thành điều mục ban hành trong nước, nay không còn.
4. *Hình luật thư*: 1 quyển:
Đầu niên hiệu Thiệu Phong (1341 - 1357), vua Trần Dụ Tông sai Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn soạn định, nay không còn.

(tờ 66a)

5. *Quốc triều thông chế*: 20 quyển.
Đầu niên hiệu Kiến Trung (1225 - 1231), vua Trần Thái Tông khảo thể lệ đời trước, quy định làm phép tắc mãi mãi, nay không còn.
6. *Kiến Trung thường lễ*: 5 quyển.
Vua Trần Thái Tông sai các quan soạn định, nay không còn.

7. *Công văn cách thức*: 1 quyển.
Đời Trần Anh Tông, năm Hưng Long thứ 7 (1299) hiệu định và in ra, nay không còn.
8. *Hoàng triều đại điển*: 10 quyển.
Trần Dụ Tông sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên định, nay không còn.
9. *Hoàng triều quan chế*: 6 quyển.
(tờ 66b) Trong niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) bản triều (Lê) hiệu định và ban hành. Nhà vua làm tờ sắc dụ để ở đầu sách.
10. *Luật thư*: 6 quyển.
Do Nguyễn Trãi soạn trong niên hiệu Đại Bảo (1440 - 1442).
11. *Thiên Nam dư hạ*: 100 quyển.
Vua Thánh Tông (1460 - 1497) ngự chế bài tựa, các quan văn là Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận v. v... biên soạn. Đại khái phỏng theo lối sách "Hội yếu" của nhà Đường, nhà Tống.
12. *Nam Bắc phiên giới địa đồ*: 1 quyển.
Vua Lý Anh Tông năm thứ 10 (1147), đi tuần thú các cửa biển, vẽ lại hình thế núi sông và phong vật, nay không còn.
13. *Thiên hạ bản đồ*: 2 quyển.
(tờ 67a) Vua Thánh Tông triều ta sai quan bộ Hộ chép rõ.
14. *Sĩ hoạn châm quy*: ? quyển.
Soạn năm Hồng Đức (1470 - 1497) triều ta.

15. *Trị bình bảo phạm*:? quyển.
Vua Tương Dực để soạn.
16. *Ứng đáp bang giao*: 10 quyển.
Do Giáp Trùng soạn.

LOẠI VĂN THƠ

1. *Trần Nhân Tông thi tập*: 1 quyển.
Nay không còn. **Ở dưới cũng thế.**
2. *Trần Thánh Tông thi tập*: 1 quyển.
3. *Minh Tông thi*: 1 quyển.
4. *Thủy vân tùy bút*: 2 quyển.
Trần Anh Tông soạn.
5. *Trần Nghệ Tông thi tập*: 1 quyển.
6. *Sâm Lâu tập*: 1 quyển.
Uy Văn vương Trần Toại soạn.
7. *Lạc Đạo tập*: 1 quyển.
Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải soạn.

(từ 68a)

8. *Băng hồ Ngọc hác tập*: 10 quyển.
Trần Nguyên Đán soạn.
9. *Củng cực lạc ngâm tập*: 1 quyển.
Trần Ích Tắc soạn.

10. *Phi sa tập*: 1 quyển.
Hàn Thuyên soạn. Trong tập có nhiều thơ quốc âm (thơ nôm).
11. *Giới Hiền thi tập*: 1 quyển.
Nguyễn Trung Ngạn soạn.
12. *Tiểu Ấn thi tập*: 1 quyển.
Văn Trinh tiên sinh Chu An soạn.
13. *Quốc ngữ thi*: 1 quyển.
Văn Trinh tiên sinh Chu An soạn.
14. *Tứ thư thuyết ước*: 10 quyển.
Văn Trinh tiên sinh Chu An soạn.
15. *Hiệp Thạch tập*: 1 quyển.
Phạm Sư Mạnh soạn.
16. *Thảo*⁽¹⁾ *nhàn hiệu tân tập*: vài⁽²⁾ quyển.
Hồ Tông Thốc soạn.
17. *Cúc Đường di thảo*⁽³⁾: 2 quyển.
Văn Huệ Vương Trần Nguyên Đạo⁽⁴⁾ sáng tác,
Nguyễn Úc biên tập.

⁽¹⁾ Bản A là "thi nhàn" các bản khác là "thảo nhàn" sai - do tự dạng gần giống nhau.

⁽²⁾ Nguyên văn là "Can quyển", dưới đây có các chữ "can quyển", chúng tôi đều dịch là "vài quyển".

⁽³⁾ Bản A ghi là "Cúc Đường di thảo".

⁽⁴⁾ LTHCLC (Văn tịch chí II) chép là Trần Quang Triều; *Cương mục* quyển 13 chép là Trần Nguyên Đạo.

(tờ 69a)

18. *Ngộ đạo thi tập*: 1 quyển.

Sư Khánh Hỷ soạn. Khánh Hỷ là người ở Cổ Giao thuộc Long Biên.

19. *Viên Thông tập*: 2 quyển.

Sư Bảo Giác soạn. Bảo Giác là người ở Cổ Hiền.

20. *Quỳnh uyển cửu ca*: 1 quyển.

Vua Thánh Tông triều ta ngự chế, chọn 28 vị từ thần⁽¹⁾ hoạ lại.

21. *Văn minh cổ xúy*: 2 quyển.

Vua Thánh Tông ngự chế; hoàng thái tử, các tước vương và quần thần hoạ lại.

22. *Cổ tâm bách vịnh*: 10 quyển.

(tờ 69b) Vua Thánh Tông ngự chế, hoạ thơ vịnh sử của nhà nho đời Minh là Tiền Tử Nghĩa. Các từ thần là bọn Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận vâng hoạ.

23. *Xuân vân thi tập*: 1 quyển.

Vua Thánh Tông ngự chế.

24. *Minh lương cảm tú*: 1 quyển.

Khoảng đời Hồng Đức⁽²⁾, từ thần biên tập thơ của vua ngự chế và thơ các bề tôi hoạ lại.

25. *Việt âm thi tập*: 6 quyển.

Sử thần Phan Phu Tiên biên tập, Nguyễn Tử Tấn phê điểm.

⁽¹⁾ *Từ thần*: bề tôi chuyên về văn chương.

⁽²⁾ *Hồng Đức*: niên hiệu vua Lê Thánh Tông (1470 - 1497).

26. *Ức Trai thi tập*: 3 quyển.
(từ 70a) Nguyễn Trãi soạn, Trần Khắc Kiệm biên tập.
27. *Quân trung từ mệnh tập*: 1 quyển.
Nguyễn Trãi thảo, gồm thư từ qua lại với các tướng tá Bắc triều (nhà Minh), và văn răn bảo tướng sĩ. Trần Khắc Kiệm biên tập từ đời Hồng Đức (1470 - 1497).
28. *Chuyết Trai*⁽¹⁾ *văn tập*
Lý Tử Tấn soạn.
29. *Hu Liêu tập*: vài quyển.
30. *Ngũ nhàn tập*: vài quyển.
31. *Kinh nghĩa chư văn tân tập*: vài quyển
Nguyễn Trục soạn, học trò của ông biên tập.

(từ 70b)

32. *Lạc uyển thư nhàn*⁽²⁾: 1 quyển.
Kiến vương Tân soạn.
33. *Quang thiên thanh hạ*: 1 quyển.
Tương Dục hoàng đế soạn.
34. *Cổ kim thi gia tinh tuyển*: 15 quyển.
Dương Đức Nhan biên tập, Lương Như Hộc giám định.
35. *Quần hiền phú tập*: 6 quyển.
Hoàng Tuy Phu tuyển tập.

⁽¹⁾ Bản H ghi là "Chiết Am văn tập".

⁽²⁾ Bản A viết là "Lạc uyển thư bế", nhầm vì tự dạng gần giống nhau.

36. *Lã Đường di tập*: 4 quyển.
(tờ 71a) Thái Thuận soạn, con là Thái Khắc biên tập, Đỗ Chính Mô đề tựa.
37. *Đoạn sách lục*: vài quyển.
Sư Pháp Loa soạn. Pháp Loa là người huyện Nam Sách, vị sư tổ thứ hai của phái Trúc Lâm.
38. *Ngọc tiên tập*: vài quyển.
Sư Huyền Quang soạn. Huyền Quang người (trang) Vạn Tái huyện Vũ Ninh, lên 9 tuổi đã biết làm thơ văn, học theo lối cử nghiệp. 19 tuổi đi tu, trở thành vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm.
39. *Nhị Khê tập*: vài quyển.
Nguyễn Phi Khanh soạn.
40. *Tiền Sơn tập*: 4 quyển.
(tờ 71b) Nguyễn Vĩnh Tích soạn.
41. *Tiết Trai tập*: vài quyển.
Lê Thiếu Dĩnh soạn.
42. *Vong Hải tập*: 2 quyển.
Phùng Thạc soạn. Thạc tên chữ là Huyền Phủ, người xã La Giang, làm chức Chủ bạ ở phủ Kiến vương.
43. *Nham Khê thi tập*: 8 quyển.
Vương Sư Bá soạn, Sư Bá tên chữ là Trọng Khuông, người huyện Đông An, trong khoảng năm Diên Ninh, Quang Thuận (1454 - 1469) làm quan tới Tri phủ.
44. *Vân Biều tập*: 4 quyển.
(tờ 72a) Doãn Hành soạn. Hành tên chữ là Công

Thuyên, hiệu là Mặc Trai, người huyện Thượng Phúc, đỗ khoa bác học hoành từ, làm quan đến Quốc Tử giám Học sĩ.

45. *Phục Hiên tập*: vài quyển.

Trần Khả soạn. Khả tự là Triều Nam, hiệu là Vô Muộn Tấn, người xã Quế Dương, huyện Từ Sơn, làm quan đến chức Chính sự viện Tham nghị, sau về hưu.

46. *Tố Cầm tập*: 2 quyển.

Vũ Quỳnh soạn.

47. *Cưu Đài tập*: 2 quyển.

Nguyễn Húc soạn. Húc tên chữ là Di Tân, hiệu là Cúc Trang, người xã Kệ Sơn, huyện Đông Triều, làm quan đến (từ 72b) Tri phủ.

48. *Cổ kim chế từ tập*: 4 quyển.

Lương Như Hộc biên tập.

49. *Châu Khê thi tập*: 8 quyển.

Nguyễn Bảo soạn, học trò là Trần Cung Uyên biên tập và đề tựa.

50. *Việt giám vịnh sử thi tập*: 2 quyển.

Đặng Minh Khiêm soạn, có 13 điều phạm lệ, khen, chê, lấy, bỏ, ý tứ rất sâu, có thể gọi là danh bút.

51. *Quốc triều chương biểu*: 5 quyển.

(từ 73a) Trần Văn Mô biên tập.

52. *Thương côn châu ngọc tập*: 5 quyển.

Nguyễn Giản Thanh biên tập.

53. *Trích diễm thi tập*: 15 quyển.
Hoàng Đức Lương soạn, biên tập thơ của các danh nhân thời Trần và hồi đầu quốc triều Lê.
54. *Tiên hải minh châu*:?... quyển.
Các bề tôi thời Hồng Đức (1470 - 1497) biên chép.
55. *Tùng Hiên thi tập*: 5 quyển.
56. *Văn tập*: 2 quyển.
57. *Tứ lục bị lãm*: vài quyển.
Vũ Cán soạn, Nguyễn Văn Thái đề tựa.
58. *(tờ 73b) Khiếu vịnh thi tập*: 2 quyển.
Hà Nhậm Đại soạn, phỏng theo tập "Thoát Hiên vịnh sử thi" mà làm ra. Nhậm Đại là người xã Bình Sơn, huyện Lập Thạch.
- 59, 60. *Bạch Vân am tập*:? quyển, *Lại 1 bộ*... quyển.
Nguyễn Bình Khiêm soạn, tự đề tựa, tổng cộng có 1000 bài thơ, một bộ không có lời tựa, và lại so về thơ với nguyên văn chỉ có một phần mười, đây hẳn là do người đời sau soạn, nhưng không biết tên, họ.
61. *Bạch Vân quốc ngữ thi*: 2 quyển.
Nguyễn Bình Khiêm soạn.
62. *Tinh thiều kỷ hành*: 2 quyển.
(tờ 74a) Vũ Cận soạn, ghi các bài thơ làm khi đi sứ, qua các trạm dịch.
63. *Nghĩa Xuyên quan quang tập*: 1 quyển.
Đào Nghiễm soạn: ghi những bài đề vịnh khi đi sứ.
64. *Thi vận tập yếu*: 2 quyển.
Phạm Thiệu soạn.

65, 66. *Sử Bắc quốc ngữ thi tập*: 1 quyển.

Sử trình khúc: 1 quyển.

Hoàng Sĩ Khải soạn.

67. *Kim Lăng ký*: 1 quyển.

Đỗ Cận soạn, toàn dùng "quốc ngữ" ghi phong tục cảnh vật ở Nam Kinh, Trung Quốc.

LOẠI TRUYỆN KÝ

1. *Trung hưng thực lục*: 2 quyển.

Trần Nhân Tông soạn, ghi chép việc bình định giặc Nguyên.

2. *Di hậu lục*: 2 quyển.

Trần Thánh Tông soạn để dạy hoàng thái tử.

3. *Bảo Hoà điện dư bút*: 8 quyển.

Vua Trần Nghệ Tông sai văn thần là Nguyễn Mậu Tiên, Phan Nghĩa luân phiên nhau châu trực, vua hỏi các việc cũ, ghi chép theo ngày tháng để dạy vua Phế đế, sai Đào Sư Tích làm bài tựa.

4. *Lam Sơn thực lục*: 3 quyển.

Vua Thái Tổ triều ta ngự chế, ghi việc từ khởi nghĩa cho đến khi bình định xong giặc Ngô. Bản cũ hãy còn, nhưng các nhà (công thần) sao chép có nhiều chữ sai. Bản in ngày nay là trong năm Vĩnh Trị (1676 - 1680), các nho thần đã vâng mệnh vua đính chính, chỉ căn cứ vào hiểu biết của mình, lấy ý riêng mà sửa chữa, thêm, bớt, sai mất cả sự thực, không phải là toàn thư (nguyên bản sách cũ).

Lê Văn Hưu dời Trần soạn, bắt đầu từ Triệu Vũ đế (Triệu Đà) cho đến Lý Chiêu Hoàng, dâng lên vua trong năm Thiệu Long thứ 15 (1272), vua ban chiếu khen ngợi.

6. *Việt sử cương mục*: vài quyển.

Hồ Tông Thốc soạn. Ngô Thì Sĩ khen sách ấy thận trọng mà có phép tắc, bình luận sự việc thì thiết đáng (tờ 75b), mà không rườm, nhưng sau cơn binh hoả, sách ấy không còn.

7. *Sử ký tục biên*: 10 quyển.

Phan Phu Tiên soạn, chép việc từ Trần Thái Tông trở xuống cho đến khi người Minh về nước.

8. *Sử ký toàn thư*: 15 quyển.

Ngô Sĩ Liên soạn, lấy sách của Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên, tham khảo dã sử, biên tập ra sách ấy, tăng thêm một quyển ngoại kỷ, để lên trước kỷ Triệu Vũ đế; có 24 điều phạm lệ chép phụ ở đầu.

9. *Việt giám thông khảo*: 26 quyển.

Vũ Quỳnh soạn, thuật từ họ Hồng Bàng cho đến 12 sứ quân, tách làm ngoại kỷ (tờ 76a) từ Đinh Tiên Hoàng cho đến năm đầu vua (Thái Tổ) Cao Hoàng đế của triều ta bình định thiên hạ (1428) làm bản kỷ.

10. *Việt⁽¹⁾ giám thông khảo tổng luận*: 1 quyển.

Lê Tung ở triều ta soạn.

⁽¹⁾ Bản A là "Sử giám thông khảo tổng luận", - sai, chúng tôi theo các dị bản. Ngay bản in ở đầu cuốn *Toàn thư* cũng ghi là "Việt giám...".

11. *Trung hưng thực lục*: 1 quyển.
Tương Dục hoàng đế (1509 - 1516) soạn.
12. *Việt điện U linh tập*: 1 quyển.
Lý Tế Xuyên đời Trần soạn, ghi các sự việc linh dị của các đền thờ thần ở các nơi trong nước ta, rất là rõ ràng⁽¹⁾.
13. *Tăng già tạp lục*: 50 quyển.
(tờ 76) Sư Bảo Giác soạn.
14. *Thiền uyển tập anh*: 1 quyển.
Người thời Trần soạn. Ghi tông phái Thiền học và sự tích các nhà sư nổi tiếng ở nước ta từ đời Đường đời Tống trải đến các đời Đinh, Lê, Lý, Trần.
15. *Lĩnh Nam trích quái*: 3 quyển.
Không rõ ai soạn, tương truyền là Trần Thế Pháp. Nay bài tựa không thấy tên, chỉ có Vũ Quỳnh hiệu chính làm bài tựa. Hai quyển đều là sách cổ, một quyển sau là một nho sinh đời Mạc, họ Đoàn (nho sinh Đoàn...) làm ra ⁽²⁾, mới lấy U linh tập theo ý mình mà cắt gọt, phụ chép vào sau.
16. *Binh gia yếu lược*: vài quyển.
17. *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*: vài quyển.
(tờ 77a) Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn soạn, Trần Khánh Dư đề tựa.

⁽¹⁾ Bản B, C, và H, chỉ có đến hết tên sách này, các sách từ số 14 trở đi không có. Loại Phương kỹ cũng không có.

⁽²⁾ Nguyên bản bị mất vài chữ.

18. *Ô Châu cận lục*: 6 quyển.

Dương Văn An đời Mạc soạn, chép về núi sông, thành quách, phong thổ, nhân vật ở một xứ Thuận Hoá. Tuy lời văn phần nhiều là biền ngẫu, khen chê không đúng, nhưng cũng có thể bổ khuyết cho lịch sử của một địa phương.

19. *Truyền kỳ mạn lục*: 4 quyển.

Nguyễn Dữ soạn, đại khái mô phỏng sách *Tiên đăng tập* của nhà nho đời Nguyên.

LOẠI PHƯƠNG KỲ

1. *Tam tạng kinh*: 4826 quyển.

Sứ thần nhà Lý là Nguyễn Đạo Thanh sang nhà Tống xin được bộ kinh này về.

Vua bảo các nhà nho giảng đạo.

(tờ 77b)

2. *Đại tạng kinh*: 2565 quyển.

Trần Khắc Dụng sang sứ nhà Nguyên, xin được kinh này.

3. *Chư Phật tích duyên*: 30 quyển.

Lý Nhân Tông sai sư Bảo Giác tu soạn.

4. *Pháp sự tân văn*: 1 quyển.

Năm Hưng Long thứ 7 (1299), vua Trần Anh Tông sai nho thần hiệu đính và in ra.

5, 6. *Dược sư thập nhị nguyên văn*: 1 quyển.

Tham đồ hiển quyết: 1 quyển.

Sư Viên Chiếu soạn. Viên Chiếu người đất Long Đàm.

7, 8. *Thích đạo khoa giáo*: 1 quyển.

Nam Tông tự pháp đồ: 1 quyển.

Sư Thường Chiếu soạn. Thường Chiếu là (tờ 78a) người đất Minh Hương.

9. *Pháp sư trai nghi*:?... quyển.

Sư Huệ Sinh soạn. Huệ Sinh người ở Đông Phù Liệt.

10. *Đại thành toán pháp*: 2 quyển.

Vũ Quỳnh soạn định.

11. *Cao vương di cảo*: 1 quyển.

Tiết độ sứ nhà Đường là Cao Biền soạn, ghi chép những ngôi đất quý của An Nam.

12. *Hoàng Phúc cảo*: 1 quyển.

Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc soạn, bổ sung chỗ thiếu của sách địa lý của Cao Biền.

(tờ 78b)

13. *Hình thế địa mạch ca*: 1 quyển.

An phủ sứ đời Trần là Trần Quốc Kiệt soạn, Hồ Tông Thốc hiệu đính.

14. *Tả Ao địa lý luận*: 1 quyển.

Tả Ao tiên sinh là Hoàng Chiêm soạn, trong đó có 28 bản đồ.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỆN ĐỆ NHẤT⁽²⁾

TỰA HẬU PHI TRUYỆN

Kinh Dịch có câu: "Tuyệt vời thay đức đầu của quẻ Khôn, vạn vật nhờ đó mà sinh ra, bèn thuận theo trời"⁽³⁾. Các vị hậu phi là ứng với đức của quẻ khôn, lấy nhu thuận làm chính, không dự vào các việc bên ngoài. Trong thì tu sức hậu cung, ngoài thì dạy bảo con em trong hoàng tộc, rồi sau tiếng tốt phát huy lan truyền, phúc lộc dồn đến, con cháu giữ lấy, thiên hạ ca tụng. Người xưa quý đạo đức mà coi nhẹ sắc đẹp, vợ đích vợ thứ có sự

⁽¹⁾ Bản A ghi là "Tiền triều thông sử quyển nhị thập cửu" (quyển 29).

⁽²⁾ Bản B và H ghi là "Liệt truyện đệ nhất" bản A không có dòng này.

⁽³⁾ Nguyên văn: "Chỉ tại Khôn nguyên vạn vật tự sinh, mãi thuận thừa thiên" (lời "thoán từ" của quẻ Khôn, *Kinh Dịch*). Quẻ Khôn tượng trưng cho âm, cho đất, cho phụ nữ, quẻ có hai thuộc tính nổi bật (đức đầu) là: 1. sinh sản ra mọi vật, 2. nhu thuận (ngoan ngoãn, nghe theo) như đất phục tùng trời (?).

phân biệt, tiến kiến nhà vua có điều độ. Cư xử thì có lời dạy Bảo A⁽¹⁾, châm quy thì có sử đồng quán⁽²⁾.

Lễ nghĩa quy củ từ đây được chỉnh đốn, do đó mới có thể tuyên dương được sự giáo hoá ở bên trong⁽³⁾, tuổi nhũn công đức ra bốn biển.

Quốc thống của nước Việt ta nếu vẫn theo như ngày xưa, phong tục cũ chưa thay đổi, thì có vua Đinh Tiên Hoàng lập 5 hoàng hậu, vua Lê Đại Hành cũng lập 5 hoàng hậu, vua Lý Thái Tổ lập 6 hoàng hậu, lại lập thêm 3 hoàng hậu nữa, vua Thái Tông lập 7 hoàng hậu. Đều (từ 79b) là vì vương vấn tình dục, mà đề cao vị hiệu (của các bà vợ), bất chúc thói xấu của người đời Lưu Thông nhà Hán, Thiên Nguyên nhà Chu.

Đến như Ý Lan nguyên phi được vua con phong là "thần", đã phạm tội ác giết hại vợ đích, Cảm Thánh phu nhân có tội gian dâm trong cung⁽⁴⁾, Dương hậu khuyên mời vua Đại Hành⁽⁵⁾ và lại còn nhận danh hiệu Đại Thắng hoàng hậu⁽⁶⁾, Huệ hậu thất thân với Trần Thủ Độ mà vẫn

⁽¹⁾ Bảo A: chưa rõ nghĩa, có lẽ là tên một thiên sách để dạy các vợ vua.

⁽²⁾ *Đồng quán*: sách chép bằng bút quán đồ, ghi những gương tốt của phụ nữ và những lời giáo hoá đối với phụ nữ.

⁽³⁾ Nguyên văn: "tuyên minh nội giáo". Giáo hoá ở bên trong tức là sự dạy bảo các vợ vua. Xưa quan niệm việc giáo hoá của vua chúa phải bắt đầu từ gần rồi mới tới nơi xa, tức là nơi bắt đầu việc giáo hoá phải từ trong cung vua trước đã.

⁽⁴⁾ Nguyên văn: "Tịch dương bích y", có lẽ lấy điển Lã hậu nhà Hán tự thông với Tịch Dương hầu. Mụ đã dùng lụa làm vách ngăn phòng ở ra, nuôi giấu nhân tình ở bên trong. Thái hậu Cảm Thánh nhà Lý đã tự thông với Đỗ Anh Vũ và giết một loạt người tố cáo (*Toàn thư*, tập 1, trang 282).

⁽⁵⁾ Tức chuyện vợ vua Đinh Tiên Hoàng lấy áo long cổn mặc cho Lê Hoàn và mời ông lên ngôi vua (xem *Toàn thư*, tập 1, trang 161 - 162).

⁽⁶⁾ Danh hiệu này do Lê Hoàn phong cho bà.

điềm nhiên nhận danh hiệu Thiên Cực công chúa⁽¹⁾. Sự nhờ bản trong bụng the không còn gì hơn nữa.

Họ Trần lập hoàng hậu đều lấy chị em con chú con bác cùng họ làm vợ. Nhờ lễ loạn luân như thế mà vẫn điềm nhiên không coi là kỳ quái. Rồi việc đưa bà Thuận Thiên vào hậu cung⁽²⁾, gả Chiêu Hoàng cho Lê Phụ Trần⁽³⁾, đó là việc đời trước không hề có. Tuy rằng Khâm Từ hoàng hậu có tính dũng cảm, dám đối địch với hổ và voi⁽⁴⁾, Hiến Từ hoàng hậu có đức điều hoà công việc trong cung⁽⁵⁾, Thuận Thánh hoàng hậu⁽⁶⁾ có lòng công bằng, nhắc nhở vua chớ có ban ơn riêng, đức tốt trong cung rạng rỡ đáng chép. Nhưng làm sao có thể che được những điều xấu, kém xen lẫn vào.

Triều Lê ta gia pháp rất đúng, giáo dục luân thường rất rõ ràng: kén chọn phi (từ 80a) tấn, tất lấy trong con em các dòng họ công thần lớn và con nhà tử tế; mà lễ trật phân biệt, tôn ti rạch ròi, không có cái tệ bất chính trong

⁽¹⁾ Huệ hậu, vợ vua Lý Huệ Tông, mẹ Lý Chiêu Hoàng. Sau khi lập mưu chuyển ngôi vua từ họ Lý sang họ Trần, Trần Thủ Độ lại bày kế gả Huệ hậu xuống danh hiệu Thiên Cực công chúa rồi lấy làm vợ.

⁽²⁾ Vua Trần Thái Tông nghe mưu của Trần Thủ Độ, cướp vợ của anh ruột (Trần Liễu) là công chúa Thuận Thiên (*Toàn thư* tập II, trang 14).

⁽³⁾ *Sách đã dẫn*. tập II, trang 28.

⁽⁴⁾ Khâm Từ hoàng (thái) hậu không chạy trốn khi voi và hổ xông chuồng (*Toàn thư*. tập II, trang 69 - 70).

⁽⁵⁾ *Hiến Từ hoàng hậu* (cũng gọi là Hiến Từ, Tuyên Thánh hay Lê Thánh) là con gái Trần Quốc Chấn. Bà đã can ngăn vua Minh Tông không nên gây nghi kỵ trong nội bộ hoàng tộc, nhân có người yếm bùa trong cung. Bà cũng đã dàn xếp các vụ mâu thuẫn khác trong họ Trần (*Toàn thư*, tập II, các trang 114, 120, 153, 155).

⁽⁶⁾ *Thuận Thánh hoàng hậu*: vợ vua Trần Anh Tông, mẹ đích Minh Tông, bà của Hiến Tông. Bà đã khuyên vua không nên vì ơn riêng mà cho một người phụ nữ vào làm cung phi (*Toàn thư*, tập II, trang 124).

chốn buồn the của đời trước. Nhưng từ vua Thái Tổ không lập vương hậu, lại trải 5 đời vua, quen lấy đó làm phép thường. Các bà Cung Từ, Tuyên Từ, Quang Thục, Huy Gia⁽¹⁾ đều do các vị tự quân lên nối ngôi rồi mới dâng tôn hiệu, chứ chưa có ngôi vị trong cung từ trước. Việc giúp thiên tử để lo việc sửa trị bên trong, so với phép tắc của cổ nhân thì còn thiếu sót nhiều. Ngoài ra, các chức nữ quan đến đời Hồng Đức mới định phẩm trật một loạt có thứ tự, trong ngoài rầm rập êm hoà. Kỷ cương thể thống thật nghiêm, thực rất đáng khen. Cho nên nay xin nhặt chép làm thành một thiên.

(từ 80a)

1. HIỂN TỔ NGUYỄN HOÀNG HẬU (BÀ NỘI VUA THÁI TỔ)

Hiển Từ Gia Thục hoàng thái hậu họ Nguyễn, huý là Quách, là vợ cả của Hiển Tổ Chiêu Đức hoàng đế⁽²⁾. Cụ là người cần kiệm trong việc nhà, và rất mực hiền đức, có nhiều công lao trong việc giúp đỡ cụ ông trong việc nội trợ. Sinh hai người con: con trưởng tên (từ 80b) là Tông,

⁽¹⁾ *Cung Từ hoàng thái hậu*: mẹ vua Lê Thái Tông.

Tuyên Từ hoàng thái hậu: mẹ vua Lê Nhân Tông.

Quang Thục hoàng thái hậu: mẹ vua Lê Thánh Tông.

Huy Gia hoàng thái hậu: mẹ vua Lê Hiến Tông (cũng gọi là Trường Lạc hoàng thái hậu - xem phần dưới, mục 8).

⁽²⁾ Tức là Lê Thánh, Lê Thánh ông nội của Lê Lợi, khi Lê Lợi lên ngôi vua mới truy tặng Lê Thánh là hoàng đế.

con thứ tức là cụ Tuyên Tổ Phúc hoàng đế⁽¹⁾, ngày mất và nơi mất đã thất truyền. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), truy tôn là Hiến Từ Gia Thực hoàng thái hậu. Năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) gia thêm hai chữ Khâm Thuận.

2. TUYÊN TỔ TRỊNH HOÀNG HẬU (MẸ VUA THÁI TỔ)

Thánh Từ Ý Văn hoàng thái hậu họ Trịnh, tên huý là Ngọc Thương, người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, tổ tiên huý là Thạm, vốn là người sách⁽²⁾ Mộc Trưng phủ Thanh Hoa.

Cụ (Thạm) đi bắn chim qua đất Thuỷ Chú, mên cảnh nơi này rừng cây xanh tốt, ruộng đất màu mỡ, nên dời đến ở đây. Ông nội tên là Tám, làm quan đời Trần, khi đi đánh Chiêm Thành, có công bắt được con voi trắng, được trao chức Đại toát nữ (cũng như làm tướng).

Con trai tên là Sai, là cha sinh ra hoàng hậu. Sai nối chức cha làm Đại toát nữ, sinh được một trai một gái. Con trai tên là Thốn nối chức cha, con gái tức là cụ bà Ngọc Thương. Khi cụ về với cụ ông, ở làng Lam Sơn, thì các tù trưởng người man là Cẩm Lô, Cẩm Lạn cướp của dân địa phương. Cụ Tuyên tổ cùng với cụ bà (Thương) dời đến ở Thuỷ Chú, sinh ra Chiêu (tờ 81a) Hiếu đại vương Học và vua Thái Tổ, lại sinh ra ba gái là quốc thái trưởng công chúa Ngọc Tá, quốc trưởng công chúa Ngọc Vĩnh, quốc trưởng công chúa Ngọc Tiên.

(1) Tức là Lê Khoáng, bố đẻ Lê Lợi cũng truy tặng về sau.

(2) Sách: cũng như xã, thôn.

Hoàng hậu (cụ bà Thương) khéo giữ đạo làm vợ, thờ cha mẹ hết lòng hiếu kính, lấy ơn huệ đôi xử với họ hàng, dùng lễ nghĩa dạy con cháu, dốc hầu bao, nghiêng bồ thóc mà chu cấp cho người nghèo, xót thương kẻ cô cút, mọi người đều ca tụng đức tốt của hoàng hậu; có nhiều người quy phụ, gia nghiệp càng thêm thịnh vượng. Ngày mất, nơi táng của hoàng hậu đều không truyền lại. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), truy tôn là Trinh Từ Ý Văn hoàng thái hậu, tặng cụ tổ của hoàng hậu (cụ Thập) là Triệu Ý hầu; ông nội của hoàng hậu (cụ Tám) là Hiến quốc công; cha là Sai làm Hữu quốc công. Năm Thiệu Bình thứ 4 (1437), tôn thêm (cụ bà Thương) là Trinh Từ Văn Trang Hiến hoàng hậu.

(tờ 81a)

3. THÁI TỔ PHẠM HOÀNG HẬU (VỢ THÁI TỔ, MẸ THÁI TÔNG)

Cung Từ Tuyên Mục hoàng thái hậu họ Phạm, huý là Ngọc Trần, là người xã Quần Lai, huyện Lôi Dương. Vua Minh vương Cương Liệt (tờ 81b) Thái Tổ không lập chính thất (vợ cả), chỉ có mấy người là Quận vương mẫu Trịnh Thần phi và Phạm Huệ phi cùng hoàng hậu (bà Ngọc Trần) mà thôi.

Hoàng hậu sinh ra vua Thái Tông vào năm Quý Mão (1423). Lúc này, vua Thái Tổ chống nhau với giặc Minh, phải di chuyển luôn, không ở yên một chỗ nào, bà lận lộn theo hầu, trải nhiều gian khổ. Năm Ất Tị (1425), vua Thái Tổ vây Nghệ An, đến thành Tràو Khẩu ở Hưng Nguyên, nơi này có đền thờ thần Phổ Hộ. Ban đêm nhà

vua nằm mộng thấy có vị thần đến bảo rằng: "Tướng quân cho tôi một người thiếp, tôi sẽ xin phù hộ tướng quân diệt được giặc Ngô, làm nên nghiệp đế". Hôm sau vua gọi các bà vợ đến, hỏi: "Có ai chịu đi làm vợ vị thần không? Sau này khi ta lấy được nước sẽ lập con của người ấy làm thiên tử". Các bà không ai nói gì, chỉ có hoàng hậu khẳng khái quỳ thưa: "Nếu mình công giữ lời hứa, thì thiếp nguyện xả thân. Ngày sau làm nên nghiệp lớn chớ phụ con thiếp". Nhà vua khen ngợi và thương cảm, nói với các bề tôi, nhận theo lời hẹn đó. Lúc này hoàng hậu mới có con được ba tuổi, bèn giao cho người hầu bế ẵm nuôi nấng. Nhà vua sai làm lễ tế thần, dùng hoàng hậu làm vật tế. Hoàng hậu bèn mất. Đó là vào ngày 24 tháng 3. Khi vua đã bình định thiên hạ, lên ngôi hoàng đế, bảo rằng: "Bà ấy đáng làm chúa cả trăm vị thần của nước ta, không ai dám trái". Bèn sai người ở động Nhân Trầm là Lê Cố rước (từ 82a) quan tài về táng ở Thanh Hoa. Đi đến xã Thịnh Mỹ thì trời tối, chưa kịp qua sông, bèn ngủ trọ ở chợ. Đến đêm, mới đèn lên quanh quan tài một đồng rất cao, biến thành nấm mồ. Sứ giả thấy sự lạ, trở về tâu vua. Vua chợt hiểu ra, nói: "Đó là vị thần đã làm theo lời hẹn", bèn sai bảo cử để quan tài ở đó, dựng điện Hiến Nhân để thờ; đồng thời dựng miếu, đặt thần chủ⁽¹⁾ ở Lam Kinh để cúng tế.

Bấy giờ nhà vua còn cử quận vương Tư Tế⁽²⁾ làm giám quốc, quận vương mắc bệnh điên, không hợp ý vua. Vua nghĩ đến trách nhiệm nặng nề của người thừa kế. Một hôm giữa trưa vua nằm ngủ, chợt mộng thấy hoàng hậu than trách rằng: "Nhà vua phụ công của thiếp: từ

⁽¹⁾ Tức là bài vị ghi tên hiệu của bà.

⁽²⁾ Tư Tế là con của Lê Lợi, không phải do bà Ngọc Trần sinh - (Xem phần Đế hệ, mục 2: quận Ai vương).

hồi mới khởi nghĩa, đã đem thiếp cho vị thần. Nay được thiên hạ rồi, mà ơn thánh chẳng được hưởng". Vua tỉnh dậy, lòng bồi hồi xúc cảm, bèn lập Thái Tông làm con đích, cho nối ngôi. Tháng 6 năm đầu (1434) kể từ khi Thái Tông lên ngôi, truy tôn hoàng hậu làm Cung Từ quốc thái mẫu. Sai viên nguyên cứu Tri tả hữu ban Lê Vận và Trung thư thị lang Trần Thuần Du đem thần chủ mới vào thờ phụ ở nhà Thái miếu, và mang sách vàng dâng tôn hiệu. Ngày 8 tháng 7, sai Hữu bộc xạ Lê Nhữ Lãm đến Lam Kinh dựng miếu thái mẫu⁽¹⁾. Tháng 12, sai (từ 82b) Nhập nội thiếu bảo Lê Quốc Hưng, Nhập nội hữu bật Lê Văn Linh rước thần chủ của thái mẫu vào thờ phụ ở Thái miếu. Tháng 2 năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) truy tôn làm Cung Từ Quang Mục Quốc thái mẫu. Tháng 12 truy tôn làm Hoàng thái hậu.

4. TRỊNH THẦN PHI (VỢ THÁI TỔ, ME TƯ TÊ)

Thần phi Trịnh Thị Lữ, người trang Bái Đê, huyện Lôi Dương, sinh ra quận vương Tư Tề. Mất năm Thái Hoà (1443 - 1453), đời vua Nhân Tông.

5. PHẠM HUỆ PHI (VỢ THÁI TỔ)

Huệ phi Phạm Thị Nghiêu là vợ lẽ vua Thái Tổ. Từ lúc mới khởi nghĩa, bị nội quan nhà Minh là Mã Kỳ bắt, rồi được tha về. Khi vua Thái Tông lên ngôi, tôn làm Huệ

⁽¹⁾ Bản A chép là lập thái miếu, đây theo bản B và H.

phi. Phi không giữ trọn khí tiết, bị đảng gian lừa dối, dụ dỗ, muốn mưu đồ việc phế lập. Nhà vua (Thái Tông) thấy bà đã già, cho về Lam Kinh coi giữ Vĩnh Lăng⁽¹⁾, phi càng oán vọng, nói những lời không hay, kẻ hầu gái trong cung (tờ 83a) tố cáo tội đó, nhà vua nổi giận, giao cho đình thần luận tội, ban cho được chết!

6. THÁI TÔNG NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ THÁI TÔNG, MẸ NHÂN TÔNG)

Tuyên Từ hoàng thái hậu họ Nguyễn, huý là Anh, người xã Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, là người hiền dụ sáng suốt, hầu vua Thái Tông, làm Thần phi, sinh ra vua Nhân Tông. Khi vua Thái Tông mất, vua Nhân Tông lên nối ngôi, tuổi mới lên ba, nhân đó quần thần mời bà buông rèm coi chính sự, nắm quyền quyết định việc lớn. Tháng giêng năm Thái Hoà thứ nhất (1443), nhà vua (Nhân Tông) cùng quần thần mang kim sách dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu. Sách văn viết:

"Nay là năm Thái Hoà thứ nhất, Quý Hợi, ngày 1 tháng 2 đến ngày 3 là ngày Kỷ Sửu, chúng con kính dâng kim sách dâng lời rằng: Chúng con trộm nghĩ: tôn chỉ của *Kinh Dịch* thể hiện ở câu "Vạn vật đều nhờ đức quẻ Khôn"; nghĩa lệ của kinh *Xuân Thu* thể hiện ra câu "Mẹ vì con mà được quý hiển"⁽²⁾. Khảo trong điển cũ, kính dâng lời khen tốt đẹp.

⁽¹⁾ *Vĩnh Lăng*: lăng vua Lê Thái Tổ.

⁽²⁾ "Mẹ vì con mà được quý hiển": một đoạn trong lời giải thích kinh *Xuân Thu* của Công Dương truyện.

Nay thánh mẫu Thần phi diện hạ⁽¹⁾: Ôn nuôi dạy đã sâu, công sinh thành càng nặng. Lòng nhân từ thấm tới tôi con; khắp sáu viện ngâm câu (tờ 83b) Cù mộc⁽²⁾. Đức giáo hoá hài hoà gia đạo; nước tiếng thơm ngang sánh Hậu phi⁽³⁾.

Mới rồi, hoàng phụ châu trời, mẫu hậu theo lời di huấn. Điều hoà trong cung; trăm việc thấy đều mỹ mãn. Đình ninh lời dạy ở bên trong; tha thiết hướng con theo đạo nghĩa. Thêm nữa; nghiệp lớn nay đang buổi doanh thành, con trẻ đại đảm đương sao nổi. Nghĩ rằng: Sự khó khăn to lớn lúc này; lại cậy mẹ ra giúp rập. Nên trước hết phải chính đại danh; để thoả ý muốn dân trông ngóng. Vậy con là mỗ cùng đại thần, với trăm quan và thứ dân, khôn xiết mong chờ kính dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu, xin (mẫu hậu) buông rèm coi việc. Cúi mong mẫu hậu soi xét cho lời xin đó. Để cùng lòng phò giúp nước nhà; để chính lệnh có người ban phát. Sánh với Thái Nhâm, Thái Khương⁽⁴⁾ giúp thêm đạo đế. Đáng là vua Nghiêu vua Thuấn trong giới nữ lưu".

Thái hậu phê đáp không chấp nhận, quần thần lại dâng, biểu khuyên mời rằng:

"Cúi nghĩ: Điển lễ của nhà nước, không gì hơn việc chính danh; chí tình của tôi con, theo nghĩa trước cần quy mỹ⁽⁵⁾. Thể theo ý nguyện muôn dân; kính dâng danh

⁽¹⁾ *Diện hạ*: tiếng tôn xưng với vua và hoàng hậu (đại từ ngôi thứ hai số ít).

⁽²⁾ *Cù mộc*: tên bài thơ trong *Kinh Thi*, ca ngợi đạo đức bà Hậu phi, vợ vua Văn Vương nhà Chu là người khoan dung đối với các vợ thiếp của vua.

⁽³⁾ Nguyên văn là "Quan thư": tên một bài thơ trong *Kinh Thi*, cũng ca ngợi đạo đức bà Hậu phi.

⁽⁴⁾ *Thái Nhâm, Thái Khương*: Thái Nhâm là mẹ vua Chu Văn Vương. Thái Khương là vợ Chu Thái Vương, là hai người phụ nữ hiền đức thời xưa.

⁽⁵⁾ *Quy mỹ*: quy hết những vinh quang tốt đẹp cho người có công chi đạo.

hiệu tốt đẹp. Kính nghĩ: (tờ 84a) Thánh mẫu Thần phi điện hạ: công lớn như trời; đức sâu như biển. Biết chốn khởi đầu⁽¹⁾, dạy phong hoá phải từ khuê khố. Hiểu cơ mỗ vận⁽²⁾, xây phúc nhà cậy ở con ngoan. Mới đây, tự vương lên ngôi báu. Người ra chính điện để coi châu. Chốn cung đình ân cần câu huấn dụ; khắp thiên hạ hoà hợp ý muôn dân. Người đã ở ngôi cao; phải có danh hiệu lớn.

Chúng thần cùng sĩ thứ trong ngoài, khôn xiết trông mong. Đồng tâm khuyến tiến, xin dâng tôn hiệu là Hoàng thái hậu. Cúi mong ngài đặc giáng lời dụ, chấp thuận cho. Ngài lên ngôi trời, cho thần dân thoả lòng mong mỏi, giúp đỡ cho thiên tử để kéo dài phúc lộc nước nhà".

Thái hậu vẫn chưa chịu nhận. Quần thần lại dâng tờ biểu thứ ba rằng:

"Ngửa xem lời nói của trời ban xuống, vẫn còn cố ý khiêm nhường; chúng thần khôn xiết trông mong, lại xin dâng hiệu đẹp, kính dâng biểu khuyến mồi.

Kính nghĩ: có đức nên được ngôi được tiếng, đó là công lý của trời; suy tôn để hết nghĩa hết tình. Ấy chính lòng thành kẻ dưới. Nay lại gõ cửa cử trùg, cùng dâng lời xin (tờ 84a) lần nữa. Kính thấy: Thánh mẫu Thần phi điện hạ: sáng láng lớn lao; bao dung rộng rãi. Nuôi nấng muôn dân, đức càng sáng khi phò vua trẻ: công lao sinh dưỡng, dân càng ơn khi được nường nhờ. Đức nhân từ

⁽¹⁾ Theo quan niệm xưa: dạy phong tục tốt phải bắt đầu từ trong nhà mà ra. Do đó vua Nghiêu muốn biết Thuấn có tài trị nước hay không, đã đem gả cho Thuấn hai người con gái một lúc để xem Thuấn trị việc nhà ra sao.

⁽²⁾ Nguyên văn: "Hữu khai tất tiên" (trời mở vận thái bình thịnh trị cho thiên hạ, thì trước hết phải sinh ra người phò tá giỏi).

như thể mây che, lòng dân chúng thấy đều yêu kính. Cúi mong người sớm ban ý chỉ, chiếu cố theo lời chúng thỉnh cầu. Giúp đỡ nhà vua, đặt xã tắc vững như bàn thạch; nhận lấy hiệu đẹp, giữ phúc trời cho đến vô biên".

Thái hậu vẫn khiêm nhường không chịu nhận. Quần thần lại dâng tờ biểu thứ tư, mới chịu nhận.

Năm thứ 6 (1449), Thái hậu cùng với vua về Lam Kinh. Tháng 5 năm thứ 7 (1450), lúc đó trời đã lâu không mưa, sao Thái Bạch đi xuyên qua mặt trăng. Bọn Thái úy Lê Thụ, Lê Khả dâng sớ rằng:

"Xưa kia trong thời thịnh trị, khi trời sinh tai biến, thì vua phải xét mình, đại thần xung tội, cùng lòng kính sợ, may ra mới gỡ bớt được thiên tai. Mới rồi trong niên hiệu Thuận Thiên (1428 - 1433) thường được mùa luôn; cho đến năm Thiệu Bình, Đại Bảo, điềm tốt có nhiều. Bệ hạ chưa thân coi việc chính trị, cũng không có việc lầm lỗi gì, mà lụt hạn liên nhau, tai dị xảy ra luôn, hoặc giả là bọn thần không biết thể lòng thương dân (tờ 85a) yêu vật của bệ hạ, điều hoà trái lẽ, như lời trong chiếu đã nói. Cúi xin Thánh Từ đòi bọn thần đến Chính sự đường, hỏi bọn thần về việc quân, việc nước, việc gì nên làm, nên đổi, cốt ở thực hành, không chuộng hư văn".

Hoàng thái hậu có ý chỉ trả lời rằng:

"Sách xưa có câu: "Việc người làm tốt, thì trời hoà" nay quan gia⁽¹⁾ còn trẻ thơ, trăm rất lo sợ, cái tệ ngày nay, hoặc có người hùa đảng với nhau mà tiến cử không công bằng, hay cậy thế công thân ở tiếm đế⁽²⁾ mà cho vợ con chúc thác

⁽¹⁾ Quan gia: chỉ vua còn nhỏ tuổi.

⁽²⁾ Tiếm đế: nơi ở của thái tử khi chưa lên ngôi vua.

người quyền thế, hay cho gia nô làm hại lương dân, hoặc có kẻ ra vào nhà quyền thế để cầu khởi tội. Làm thế nào để đổi được những tệ ấy, cho vua tôi ta một lòng một dạ, để tiêu tai biến của trời, trên giúp quan gia giữ nghiệp của tông miếu, dưới thoả lòng thiên hạ và quân dân".

Tháng 8, Thái hậu ra ý chỉ bảo các đại thần rằng:

"Quả nhân từ khi coi chính sự đến nay, thấy rõ lòng trung ái của các đại thần giúp đỡ công việc, sửa trong dẹp ngoài, để yên thiên hạ, quả nhân vẫn sớm khuya nghĩ ngợi báo đền công lao ấy. Chỉ vì đức ít tài kém (từ 85a) thẹn mình không được giỏi bằng các thái hậu họ Mã họ Đặng và Tuyên Nhân⁽¹⁾ ngày xưa để làm hết đạo ưu đãi đại thần. Nay sắp sai các triều sĩ họp bàn công việc nên làm hiện nay, để làm điển hay của một đời, không có tệ nữa. Các khanh nên thể theo ý ấy mà hết đạo làm tôi, để bảo toàn tiết tháo trước sau, đừng để cho các ông Cao, Quý, Tắc, Tiết, Y, Phó, Chu, Thiệu⁽²⁾ được riêng tiếng khen ở đời trước, thế chẳng tốt đẹp ư?".

Lúc này nhà vua còn nhỏ tuổi, Thái hậu tận tâm bảo hộ, tín nhiệm đại thần, theo dùng phép sẵn có, trong

⁽¹⁾ *Mã hậu*: hoàng hậu của Minh Đế nhà Đông Hán, con gái của Mã Viện, tính cẩn kiem, hay đọc sách, bàn luận chính sự có nhiều điều hay... Chương Đế lên ngôi, tôn làm hoàng thái hậu.

Đặng hậu: hoàng hậu của Hoà Đế nhà Đông Hán, Thương Đế lên ngôi, tuổi còn bé, tôn làm hoàng thái hậu, coi chính sự có nhiều chính sách tốt.

Tuyên Nhân: hoàng hậu của Tống Anh Tông, họ Cao, Triết Tông lên ngôi, tuổi còn bé, thái hậu coi chính sự trong 9 năm. Được người đương thời gọi là Nghiêu Thuấn trong giới đàn bà.

⁽²⁾ *Cao*: Cao Dao; *Quý*: ông Quý; *Tắc*: Hậu Tắc; *Tiết*: ông Tiết (bốn bề tôi giỏi của vua Thuấn); *Y*: Y Doãn (bề tôi giỏi của vua Shang); *Phó*: Phó Duyệt (bề tôi giỏi của Ân Cao Tông); *Chu*: Chu Công Đán; *Thiệu*: Thiệu Công Thích (hai bề tôi giỏi của vua Chu Vũ Vương).

khoảng hơn mười năm trong nước bình yên.

Tháng 11, năm thứ 11 (1453), Thái hậu trả lại quyền chính cho vua và lui về ở cung riêng. Năm Diên Ninh thứ 6 (1459), Lạng Sơn vương (Nghị Dân) làm loạn, Thái hậu bị hại.

Tháng 6 năm Quang Thuận thứ nhất (1460), bọn đại thần là Lê Lăng, Nguyễn Xí, bình định nội nạn⁽¹⁾, tiểu trừ đảng phản nghịch, vua Thánh Tông lên ngôi, mới làm ma thái hậu, mang kim sách dâng tên thụy là Tuyên Từ Nhân Ý Chiêu Túc hoàng thái hậu.

7. NGÔ HOÀNG HẬU

(VỢ THÁI TÔNG, MẸ THÁNH TÔNG)

Quang Thục hoàng thái hậu, họ Ngô, huý là Dao, người xã Động Bàn, huyện Yên Định. Ông nội bà là Ngô Kinh, là gia thần của Tuyên Tổ⁽²⁾, về sau được phong là Thái phó. Cha bà là Ngô Từ, là gia thần của vua Thái Tổ. Có công trong việc cung cấp quân lương, được phong chức Thái bảo; chị gái hoàng hậu tên là Xuân, vào hầu vua Thái Tông ở hậu cung, hoàng hậu theo chị vào nội đình, nhà vua trông thấy gọi vào cho làm cung tần. Tháng 6 năm Đại Bảo thứ nhất (1440), sách phong làm Tiệp dư, ở cung Khánh Phương. Bà thường cầu tự, một hôm nằm mộng thấy thượng đế ban cho một vị tiên đồng, bèn có mang. Hôm sinh nở lại nằm mơ đến chỗ thượng đế, thấy

⁽¹⁾ Chỉ loạn Nghị Dân.

⁽²⁾ *Tuyên Tổ*: tức Tuyên Tổ Phúc hoàng đế là Khoáng, cha Lê Lợi.

thượng đế sai một tiên đồng xuống làm con trai bà, tiên đồng dùng dằng không chịu đi ngay, thượng đế giận, cầm cái hốt ngọc đánh vào trán chảy cả máu. Bà giật mình tỉnh dậy, bèn sinh ra vua Thánh Tông. Trên trán vua còn hằn rõ vết sẹo, giống như đã thấy trong mộng. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460), bà được tôn là Hoàng thái hậu. Vua sai dựng Thuần Mậu đường ở xã Động Bàng để thờ tổ tiên của bà. Năm Hồng Đức thứ 4 (1473), nhà vua về Lam Kinh có vào bái yết tổ tiên bên ngoài ở Thuần Mậu đường. Vua cất nhắc hai cậu ruột là Ngô Hễ (*tờ 86b*), Ngô Lan làm chức kiểm điểm. Năm thứ 27 (1496), bà cùng vua về Tây Kinh, rồi mắc bệnh ly. Vua cùng thái tử ngày đêm hầu hạ thuốc men cơm nước, không lúc nào rời, vua thường tự nếm trước rồi mới dâng mời. Và trong thì lễ cáo tông miếu, ngoài thì cầu khẩn các thần. Ngày 26 tháng 2, Thái hậu mất ở điện Thừa Hoa, thọ 76 tuổi. Nhà vua vô cùng thương xót. Mọi việc khâm liệm vào phạn hàm⁽¹⁾, vua đều thân làm. Vua lại tự làm bài văn tế để tỏ lòng đau xót của người con chí hiếu. Sau đó truy tôn là Quang Thục hoàng thái hậu.

8. LÊ NGUYỄN PHI⁽²⁾

(VỢ THÁI TÔNG)

Lê Nguyễn phi tên là Ngọc Dao, là con gái của quan Đại tư đồ Lê Sát. Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), bà

⁽¹⁾ *Phạn hàm*: bỏ một nhúm gạo vào miệng người chết.

⁽²⁾ Hai bà này đều là vợ vua Lê Thái Tông. Ở bản A không có hai truyện này, Bản B và H để sau truyện Ngô hoàng hậu. Chúng tôi thấy, về trật tự, ngôi thứ, nên để hai truyện này ở dưới truyện Ngô hoàng hậu là hợp lý.

vào cung, được phong làm Nguyên phi. Khi Lê Sát bị tội, bà bị phế làm dân thường⁽¹⁾.

9. LÊ CHIÊU NGHI⁽¹⁾

(VỢ THÁI TÔNG)

Lê Chiêu nghi tên là Lệ, là con gái của đô đốc Lê Ngân⁽²⁾. Lúc đầu bà được phong là Chiêu nghi⁽³⁾; tháng 7, mùa thu năm Thiệu Bình thứ 4 (1437), được phong làm Huệ phi. Khi Lê Ngân bị tội, bà bị giáng làm Tu dung⁽⁴⁾.

10. THÁNH TÔNG NGUYỄN HOÀNG HẬU

(VỢ THÁNH TÔNG, MẸ HIẾN TÔNG)

Huy Gia hoàng thái hậu họ Nguyễn, huý là Huyền, người ở trang Gia Miêu ngoại, huyện Tống Sơn, là con gái thứ hai của ông Nguyễn Đức Trung được tặng hàm Thái úy Trinh quốc công. Tháng 7 năm Quang Thuận thứ nhất (1460) được tuyển vào cung, phong là Sung nghi⁽⁵⁾ ở cung Vĩnh Ninh. Bà được vua yêu quý nhất trong số các cung nhân. Lúc này nhà vua chưa sinh thái

⁽¹⁾ Lê Sát can tội chuyên quyền, ganh ghét hãm hại người tài, buộc phải tự tử vào năm 1437 (xem *Toàn thư*, tập III, trang 119 - 120).

⁽²⁾ Lê Ngân can tội nuôi thầy đồng và Phật Quan âm trong nhà để cầu cho con gái được vua yêu (*Toàn thư*, tập III, trang 125).

⁽³⁾ *Chiêu nghi*: bậc thứ nhất trong 9 bậc cung tần (dưới loại phi) *LTHCLC*, tập II, trang 66).

⁽⁴⁾ *Tu dung*: bậc thứ năm trong chín bậc cung tần (dưới loại phi) *LTHCLC*, tập II, trang 66).

⁽⁵⁾ *Sung nghi*: bậc thứ ba trong chín bậc cung tần (dưới loại phi, *Sách đã dẫn*, cùng trang).

tử. Bà Quang Thục hoàng thái hậu sai ông Đức Trung (tờ 87a) cầu đảo ở am Từ Công núi Phật Tích, bà bèn chiêm bao thấy đến trước thượng đế, xin thượng đế ban cho có con nối ngôi. Thượng đế phán rằng: "Cho Thiên Lộc xuống làm con họ Nguyễn", rồi bế tới đưa cho. Nhân đó bà tỉnh dậy. Không bao lâu bà có mang. Thái hậu lại sai ông Đức Trung cầu đảo ở am Từ Công. Khi vừa mới làm lễ thì có hòn đá rơi xuống trước mặt. Ông Đức Trung cho là lạ, nhặt lấy, rồi sai thợ tạc một pho tượng, bỏ hòn đá vào trong. Lại làm riêng một cái am để thờ, và giấu kín việc ấy. Đến kỳ mãn nguyệt khai hoa, bà lại nằm mộng thấy rồng vàng từ trên trời hiện xuống, bay vào nơi bà ở. Trong chốc lát, bèn sinh hoàng tử, đó là vua Hiến Tông. Ba năm sau được lập làm hoàng thái tử. Năm Hồng Đức thứ nhất (1470), tấn phong bà làm quý phi; bà càng được hưởng ơn vua nhiều hơn. Nhà vua mấy lần muốn lập bà làm hoàng hậu, nhưng thấy dòng họ nhà bà có thế mạnh, sợ rằng các tần thiếp không ai dám gần vua nữa, nên lại thôi.

Năm thứ 28 (1497), vua Thánh Tông mất, vua Hiến Tông lên ngôi, tôn bà làm Hoàng thái hậu, ở điện Trường Lạc, và phụng dưỡng rất chu đáo. Năm Cảnh Thống thứ 3 (1500), trùng tu chùa Thiên Phúc⁽¹⁾, ban hiệu cho am Từ Công (tờ 87b) là am Hiến Thuy, dựng bia, sai Nguyễn Bảo soạn bài văn để ghi lại việc đó, ấy là theo lời di chúc của ông Nguyễn Đức Trung.

Năm thứ 7 (1504), vua Hiến Tông mất, vua Túc Tông lên ngôi, tôn thái hậu lên làm Thái hoàng thái hậu. Vua Túc Tông mất, không có con nối ngôi, nội thần là Nguyễn

⁽¹⁾ Chùa Thiên Phúc tức là chùa Thầy ở xã Sài Sơn thuộc tỉnh Hà Tây ngày nay.

Nhữ Vi và Kính phi họ Nguyễn muốn lập vua Uy Mục. Thái hậu cho rằng đó là con của người tỳ thiếp, không thể nối đại thống được, nhân đó đòi lập Lã Côi vương. Nhữ Vi vờ theo lệnh, lừa thái hậu ra đón Lã Côi vương, thái hậu tin là thực. Khi đi rồi, Nhữ Vi vào đóng các cửa thành lại, gọi các công khanh đại thần vào, giơ (tờ) di chúc của vua Túc Tông ra, lập Uy Mục làm vua. Thái hậu bèn dừng lại, quay trở về cung, không bằng lòng.

Ngày 22 tháng 3 năm Đoan Khánh thứ nhất (1505), vua Uy Mục sai người hầu ngấm giết Thái hậu. Sau bà được dâng tên thụy là Huy Gia Tĩnh mục Ôn cung Nhu thuận Thái hoàng thái hậu. Lập điện Quang Mỹ ở phường Lệ Viên thuộc huyện Quảng Đức để phụng thờ tổ tiên của bà.

11. PHÙNG HOÀNG HẬU (VỢ THÁNH TÔNG)

(*Tờ 88a*) Nhu Huy⁽¹⁾ Tích Quang hoàng thái hậu họ Phùng, trước tên là Thục Giang, nhà vua cho đổi là Diễm Quý, là người xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên. Ông nội tên là Phùng Nhậm, cha là Phùng Văn Đạt, làm chức Giám nghị đại phu thuộc Tả ty môn hạ sảnh; tri Tây đạo quân dân bạ tịch. Mẹ là họ Trần ở xã Bất Quả huyện La Giang, là con gái của quan chỉ huy Trần Công Diễn, vốn là tông thất nhà Trần. Hoàng hậu sinh ngày Bính Tý tháng 7 năm Thái Hoà Giáp Tý (1444)⁽²⁾ ở lộ Hoá Châu,

⁽¹⁾ Bản *B* và *H* chép là Nhu Ý (chữ "ý" nghĩa là tốt đẹp).

⁽²⁾ Bản *A* chép là "Giáp tý thất niên" - sai, theo bản *B* và *H* là "giáp tý thất nguyệt".

trong lúc cha là Văn Đạt làm quan ở đó. Khi bà 17 tuổi thì được tuyển vào làm cung tần, hầu vua Thánh Tông ở tiếm đế⁽¹⁾. Năm Quang Thuận thứ 2 (1461), tháng 7, ngày Mậu Dần, được phong là Tu viên⁽²⁾. Năm thứ 7 (1467), bà sinh ra Kiến vương. Tháng 7 ngày Tân Mùi, được phong là Sung viên⁽³⁾. Tháng 10 năm Hồng Đức thứ 20 (1489), nhà vua thương bà có bệnh, cho ra phủ Kiến vương để tiện tinh dưỡng. Tháng 12, ngày Bính Tuất bà mất, thọ 46 tuổi. Về sau, con của Kiến vương là vua Tương Dực lên ngôi, vào năm Hồng Thuận thứ nhất (1509), truy tôn là Nhu Huy⁽⁴⁾ Tích Quang hoàng thái hậu, được đưa vào thờ ở Thái miếu⁽⁵⁾. Năm thứ 3, lại dâng thêm tôn hiệu là Nhu Huy Tích quang Thuần Thánh Khâm thận Ôn mục Gia hoà Lương tín Đôn thực (*từ 88b*) Trình hiến Chương phúc hoàng thái hậu.

12. PHẠM MINH PHI (VỢ THÁNH TÔNG)

Minh phi họ Phạm, là cháu của quan tặg hàm Đô đốc đồng tri tên là Thánh, và là con của quan tặg Đô đốc Khang Vũ bá Phạm Văn Liêu. Bà được tuyển vào cung ngày Mậu Ngọ, tháng 7 năm Quang Thuận thứ 2 (1461). Tháng 9, ngày Đinh Mùi, được phong làm Tiệp

⁽¹⁾ Tiếm đế: đã chủ ở trang 152.

⁽²⁾ Tu viên: bậc thứ tư trong 9 bậc tần.

⁽³⁾ Sung viên: bậc thứ nhất trong 9 bậc tần.

⁽⁴⁾ Bản B và H chép là Nhu Ý.

⁽⁵⁾ Bản B và H thiếu đoạn văn từ đây cho đến hết bài.

du⁽¹⁾. Ngày Nhâm Dần, tháng 7, năm thứ 4 (1463) sinh ra Ý công chúa tên là Oánh Ngọc. Ngày Nhâm Tý tháng 11 phong là Uyển Dung, tháng 7 năm thứ 6 (1465) thăng là Tu viên. Ngày mồng một, Ất Ty, tháng 9 năm thứ 7 (1466) sinh ra Tống Vương tên là Tung. Ngày Kỷ Mão tháng 7, năm Hồng Đức thứ nhất (1470), sinh ra Lan Minh công chúa tên là Lan Khuê. Ngày Quý Sửu tháng 6, năm thứ 2, (1471) thăng là Chiêu viên. Ngày Bính Dần tháng 11 năm thứ 8 (1477), tiến phong lên là Minh phi, ở cung Thụy Đức. Năm thứ 28 (1497) vua Thánh Tông mất, năm Cảnh Thống thứ nhất (1498), vì bà là cung phi của triều trước, nên phụng sự ở cung Thiên An, không bao lâu thì bị bệnh. Ngày Giáp Ngọ, tháng 9 bà mất, thọ 50 tuổi, được vua ban (tờ 89a) số tiền an ủi là 27 vạn, và sai quan dụ tế, mang về an táng ở cánh đồng Linh Hoà thuộc Lương Giang.

13. NGUYỄN KÍNH PHI (VỢ THÁNH TÔNG)

Kính phi họ Nguyễn người xã Bát Căng, huyện Lôi Dương. Cha là Đức Nghị, giữ chức Đô đốc thiêm sự, đề đốc bốn vệ Thân Vũ. Mẹ họ Nguyễn, là người xã Đại Trung huyện Hoàng Hoá, là con gái quan Chuyển vận sứ Nguyễn Nhân Mỹ đã quá cố. Bà bị mồ côi cha từ thuở nhỏ, được quan Thái bảo Giản Cung hầu Lê Hiêu nuôi làm con, nhân đó bà nhập tịch ở làng Lam Sơn. Bà được tuyển vào cung từ tháng 7 năm Quang Thuận thứ nhất

⁽¹⁾ Tiếp dư: đứng bậc đầu trong 6 bậc nữ quan (thấp hơn cửu tần và tam phi).

(1460). Ngày Mậu Tý, 15 tháng 9⁽¹⁾ được phong là "Liệt vinh". Tháng 9 năm thứ 4 (1463) sinh ra hoàng nữ thứ ba là công chúa Thụy Hoà (hiệu là?) Minh Kính. Ngày Mậu Tuất tháng 12 năm thứ 5 (1464), thăng là Tiệp dư, Ngày Tân Mùi tháng 7, năm thứ 7 (1466) thăng là Sung dung⁽¹⁾ ở cung Xuân Trường⁽²⁾. Ngày Mậu Ngọ tháng 11 năm Hồng Đức thứ 2 (1471) được nhà vua sai nuôi hoàng tử thứ 8 tên là Táo làm con mình. Tháng 7 năm thứ 3 (1472) thăng là Tu dung⁽³⁾, ở cung Thọ Am. Ngày Bính Tuất tháng 6 nhuận năm thứ 5, bà sinh ra (tờ 89b) hoàng nữ thứ 11. Ngày Đinh Tị tháng 10 năm thứ 8 (1477) tiến phong làm Kính phi. Ngày Nhâm Dần⁽⁴⁾ tháng 3⁽⁵⁾ năm thứ 16 (1495), bà mất vì bệnh, thọ 41 tuổi, quản ở quê ngoại là xã Phúc Lâm, vua uỷ cho ông Đức Nghị chủ trì tang lễ. Vua đặc biệt ban cho 6 vạn đồng tiền. Nhà vua rất thương tiếc. Ngày Mậu Thân, sai quan trung sứ là Hoàng Lộc dụ tế. Lời văn đại khái nói:

"Người từ tuổi trẻ được kén vào cung, đức hạnh dung nghi thực không đáng then. Trời đã ban cho hạnh phúc xanh tươi, "thời" lại thêm vẻ sao ngời sáng. Đã hẳn nghiệp trị bình gốc ở tề gia, đúng lúc ta đang phu hoá⁽⁶⁾. Cớ sao cuộc thọ yếu gắn liền cùng số mệnh, vội vàng người đã lên tiên".

Tháng 5, vua lại sai quan trung sứ dụ tế và đem về

⁽¹⁾ Ở bản B và H, các mốc thời gian trong bài này đều không ghi ngày, chỉ ghi tháng và năm.

⁽¹⁾ *Sung dung*: bậc thứ 2 trong 9 bậc tần (dưới loại phi).

⁽²⁾ Bản B chép là Trường Xuân.

⁽³⁾ *Tu dung*: bậc thứ 5 trong 9 bậc tần.

⁽⁴⁾ Bản H chép là ngày mậu thìn, bản B là nhâm thìn.

⁽⁵⁾ Bản A sót chữ "tam nguyệt" (tháng 3).

⁽⁶⁾ *Phu hoá*: phát triển, mở mang giáo hoá.

mai táng ở xứ Tam Lư huyện Lôi Dương. Bà là người khiêm tốn dịu dàng, vui buồn không lộ ra nét mặt, nói năng với người khác thì nhẹ nhàng thân thiết. Mỗi khi vào hầu, được nhà vua sai khiến thì hết lòng yêu kính. Thỉnh thoảng khi vua bị se mình, bà hầu hạ rất ân cần chu đáo, sớm hôm không lúc nào trễ nải, khắp trong nội cung không ai hơn được. Bà lại ham đọc sách, hơi thông hiểu đại nghĩa (từ 90a), ăn mặc chỉ dùng tiết kiệm đạm bạc, không trang điểm xa hoa, người đương thời khen là hiền đức.

14. NGUYỄN TÀI NHÂN (VỢ THÁNH TÔNG)

Tài nhân⁽¹⁾ họ Nguyễn, người làng Thiên Mỗ huyện Từ Liêm. Ông tổ 5 đời là Nguyễn Văn Bình làm quan ở viện Xu mật. Tổ bốn đời tên là Thần, làm quan Nhập nội hành khiển kiêm Tri thẩm hình viện sứ. Ông nội tên là Văn Hiến, làm chức chủ bạ, đều là quan có tiếng thời Trần; cha là Đình Hy làm quan triều ta, giữ chức Thái Trung đại phu thượng thư tự khanh, Hộ bộ Tả thị lang. Mẹ họ Chu; bà được tuyển vào cung vua Thánh Tông. Ngày Nhâm Thìn tháng 3 năm Quang Thuận thứ 8 (1467), bà sinh ra Phúc vương Tranh. Bà mất ngày Giáp Tý, tháng 7 năm Kỷ Hợi⁽²⁾ niên hiệu Hồng Đức thứ 10 (1479), thọ 35 tuổi, đem về mai táng ở phía Bắc khe Tùng thuộc quê nhà.

⁽¹⁾ *Tài nhân*: bậc thứ 3 trong 6 bậc nữ quan.

⁽²⁾ Bản A chép là Ất Hợi - sai. Bản B và H chép là Kỷ Hợi, - vì niên hiệu Hồng Đức bắt đầu từ năm Canh Dần (1470) đến năm thứ 10 thì phải là năm Kỷ Hợi (1479), chứ không phải Ất Hợi.

15. NGUYỄN TU DUNG

(VỢ THÁNH TÔNG)

Tu dung họ Nguyễn, tên là Kính, người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai, là con gái quan Trung thư lệnh Nguyễn Trực. Tháng 11 năm Hồng Đức thứ 3 (1472) (từ 90b) được tuyển vào cung. Nhà vua đổi tên cho là Cẩm Kính. Tháng 8 năm thứ 22 (1491) thăng là Dung hoa. Tháng 11 năm thứ 23 (1492) có sách bạc phong làm Tiệp dư. Tháng 3 năm thứ 26 (1495) có chế phong là Tu dung, và ban sắc cấp cho đất đầm ao bãi dâu là 300 mẫu, cấp cho 30 người nô tỳ, miễn cung cấp 50 người⁽¹⁾. Bà không có con trai, nhà vua ban sắc cho lấy công chúa thứ 16 làm con nối.

16. NGUYỄN QUÝ PHI

(VỢ THÁNH TÔNG)

Bà là người xã Hoà Thược huyện Kim Trà⁽²⁾. Khi vua Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành dừng lại ở xã này, thấy bà gánh nước qua, có nhan sắc, vua đem lòng yêu, bèn cho vào cung, được nhà vua quý mến. Lần lần phong đến bậc phi, về sau sinh ra Triệu vương.

⁽¹⁾ Nguyên văn là "miễn cung cấp ngũ thập nhân", chúng tôi chưa hiểu rõ ý nghĩa của chế độ cung cấp là thế nào, chờ khảo sau - N.D.

⁽²⁾ Bản A chép là Kim Lai, bản H là Kim Hoa; bản B là Kim Trà. Theo *Nguyễn Trãi toàn tập* (Dư địa chí, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, trang 234 và chú thích 16 ở trang 630), thì thời đó, ở vùng Thuận Hoá có huyện Kim Trà... tức là khoảng huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay.

17. HIẾN TÔNG NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ HIẾN TÔNG, MẸ TÚC TÔNG)

Trang Thuận hoàng hậu họ Nguyễn, huý là Ngọc Hoàn, người xã Bình Lăng huyện Thiên Thi, vào hầu ở cung thái tử, sinh ra vua Túc Tông. Khi vua Hiến (tờ 91a) Tông lên ngôi, phong bà làm quý phi. Bà mất sớm. Tháng 9 năm Thái Trinh thứ nhất (1504) truy tôn là Trang thuận Minh Ý hoàng thái hậu.

18. NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ HIẾN TÔNG, MẸ UY MỤC)

Chiêu Nhân hoàng thái hậu họ Nguyễn, huý là Cẩn, người xã Phù Chấn huyện Đông Ngàn. Khi còn trẻ, bà mồ côi và nghèo khổ, tự bán mình đi ở cho người ta ở Phụng Thiên. Khi nhà ấy mắc tội, bà bị bắt làm nô tỳ cho nhà nước, cho nên được vào hầu hạ Quân Ninh hoàng hậu. Khi vua Hiến Tông còn là Thái tử vào hầu hoàng hậu, thấy bà có sắc đẹp, bèn yêu đem về làm phi. Bà sinh ra vua Uy Mục rồi mất sớm.

Năm Đoan Khánh thứ nhất (1505), tháng 2 ⁽¹⁾ truy tôn là Chiêu nhân Hoàng Ý hoàng thái hậu. Tháng 3 năm ấy thăng lên thờ phụ ở nhà Thái miếu, cung Minh Đức... Tháng 4 dựng điện Chân Nguyên và làm Thụy Bảo đường ở Phù Chấn để thờ phụng tổ tiên của bà. Bấy giờ người trong tông tộc nhà bà ta là bọn Khương Xung, Nguyễn Bá Thắng ý thể hoành hành, quyền (tờ 91b) nghiêng thiên hạ, làm rối loạn, như bản triều chính,

⁽¹⁾ Bản A bỏ sót một câu trong dấu móc. Đây chúng tôi theo bản B và H.

người ta không chịu nổi, vua Tương Dục khởi binh vào giết vua Uy Mục, bèn giết hết bọn này.

19. NGUYỄN KÍNH PHI
(VỢ HIẾN TÔNG, MẸ NUÔI UY MỤC)

Kính phi họ Nguyễn, người xã Hoa Lăng, huyện Thuỷ Đường, hầu vua Hiến Tông, không có con, nuôi vua Uy Mục làm con mình, ý muốn lập làm vua, lại sợ các quan đại thần không theo, mới đem vàng hối lộ cho Thượng thư Đàm Văn Lễ. Văn Lễ không nhận, quyết định sách lập vua Túc Tông. Khi vua Túc Tông mất, không có con nối, bà ở trong cung cấm, cùng với bọn nội thần là Nguyễn Nhữ Vi, quyết định sách lập vua Uy Mục. Khi Uy Mục đã lên ngôi, rất cảm ơn bà. Tháng 4 năm Đoan Khánh thứ nhất (1505), vua làm Tôn Tự đường ở Hoa Lăng để thờ tổ tiên bà, và cất nhắc người trong họ bà. Về sau vua Tương Dục khởi binh kéo vào kinh đô, cho rằng họ hàng nhà bà làm càn, hạ lệnh giết sạch.

(từ 92a)

20. MAI QUÝ PHI
(VỢ HIẾN TÔNG)

Quý phi họ Mai, tên là Ngọc Đình, người xã Biện Hạ, huyện Vĩnh Phúc, cha tên là Lũng, nhà nghèo, sinh sống bằng nghề buôn bán. Mẹ là Nguyễn Thị Tuyên người xã Đa Lộc, huyện Yên Định. Một hôm cha bà nằm mộng

thấy bà Nguyễn ôm mặt trắng sáng đi vào phòng, bèn cho đó là điềm phúc, tất sẽ sinh ra con gái quý. Bà Nguyễn có mang, tháng 6 năm Quý Mùi (1463) sinh ra bà. Khi lớn lên, bà xinh đẹp thông minh, người ở các làng xung quanh tới cầu hôn, bà đều không thuận. Năm 14 tuổi, bà tới kinh đô, vào hầu hạ bà Cao phi, rất chăm chỉ cung kính, được bà Cao phi yêu quý như con. Năm Hồng Đức thứ 10 (1479) dâng bà vào Đông cung hầu hạ vua Hiến Tông (lúc còn là thái tử). Bà rất được sủng ái, cho làm cung tần bậc thứ hai. Bà sinh ra hoàng trưởng tử tên là Tuân. Đến ngày 21 tháng 12 năm Thống Nguyên thứ 5 (1526) bà mất⁽¹⁾, tặng là Liêm hoàng hậu, thụy là Tử Trinh.

21. BÙI QUÝ PHI (VỢ HIẾN TÔNG)

Quý phi họ Bùi, người xã Định Công huyện Thanh Trì, là con gái của Thượng thư bộ Binh, Quảng quận công Bùi Xương Trạch. Mẹ (tờ 92b) họ Đào, người xã Khúc Thủy. Bà là người đức sắc kiêm toàn, hầu vua Hiến Tông, được vua yêu quý. Nhà vua sai lấy vàng dát ở cột điện, nơi bà đứng hầu, phân biệt với các cung tần khác. Bà được yêu quý như thế đấy! Bà sinh ra Thông vương tên là Dung.

22. ĐỨC TÔNG TRỊNH HOÀNG HẬU (VỢ KIẾN VƯƠNG TÂN, MẸ VUA TƯỜNG DỤC)

⁽¹⁾ Bản A viết sót chữ "hoảng" (nghĩa là mất). Đây chúng tôi theo bản B và H.

Huy Từ hoàng thái hậu họ Trịnh, huý là Tuyên, người xã Thuỷ Chú huyện Lôi Dương, là cháu gái của Dương Vũ công thần Ngọc quận công Trịnh Khắc Phục, con gái thứ 4 của quan Đô đốc thêm sự Trịnh Trọng Phong. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), bà 13 tuổi, được tuyển làm phi cho Kiến vương, bà sinh ra vua Tương Dực. Năm Đoan Khánh thứ 5 (1509), vua Tương Dực khởi binh ở Tây Đô. Vua Uy Mục giết hại anh em và giết luôn cả bà, vào ngày Tân Tỵ 13 tháng 11 năm ấy. Bà hưởng thọ 38 tuổi. Khi vua Tương Dực về tới Đông Kinh, nghe tin ấy rất đau xót, cảm phần, sai quan lo việc tang. Ngày 17 tháng 12, vua truy tôn Kiến vương là Kiến hoàng đế, truy tôn bà là Huy Từ Trang Huệ Kiến (tờ 93a) hoàng thái hậu. Sai quan Điện tiền đô kiểm Thuy Dương hầu Trịnh Hựu làm sơn lăng sứ, Thượng thư bộ Hộ là Trịnh Duy Đại làm phó, Điện quận công phò mã đô úy Lê Mậu Chiêu làm tổng hộ sứ, tổng binh thêm sự ở Thanh Hoa là các ông Nguyễn Bá Thuyên, Đàm Thận Huy làm phó. Ngày 19, dời về chôn ở làng Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên. Ngày 29 Ất Sửu, dựng bia, sai quan Thị độc là Lương Đắc Bằng soạn bài ký. Về sau truy tôn duệ hiệu cho Kiến hoàng đế, lại dâng thêm tên thụy cho bà là Huy Từ Trang Huệ Gia lượng Nhu thánh Hoà mục Tín khiêm Minh chính Ý thuần Phúc Khánh hoàng hậu.

23. UY MỤC ĐẾ TRẦN HOÀNG HẬU (VỢ UY MỤC)

Hoàng hậu họ Trần, huý là Tùng, người xã Nhân Mục huyện Thanh Trì, là con gái quan quản lĩnh họ

Trần, là cháu ngoại triều nhà Trần. Vua Uy Mục nghe nói bà có sắc đẹp, tuyển vào hậu cung, sinh ra hoàng tử, mất sớm. Mùa xuân năm Đoan Khánh thứ 2 (1506), lập (từ 93b) làm hoàng hậu. Về sau vua lại gọi ⁽¹⁾ em gái bà tên là Trúc vào hầu. Khi quân vua Tương Dục đánh chiếm kinh thành, bà trốn ra ngoài, nấu ở nhà dân trong xã Hồng Mai, rồi treo cổ tự tử ở miếu chùa.

24. LÊ PHI (VỢ UY MỤC)

Bà phi họ Lê, người xã Sa Lung, châu Minh Linh. Nhân vì gia đình mắc tội, bị sung làm nô tỳ của nhà nước. Khi vua Uy Mục còn ở tiềm ẩn, theo học quan vương phó ⁽²⁾, bà cũng đến đó học chữ, vua trông thấy, đem lòng yêu. Khi lên ngôi vua, liền đón bà vào cung. Bà là người khá thông minh, và hầu như độc chiếm tình yêu của vua; được sách phong làm phi. Khi vua Uy Mục bị giết, vua Tương Dục lên thay, ông Vũ Tá hầu lại cưỡng bức bà vào trong cung.

25. TƯƠNG DỤC ĐẾ NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ TƯƠNG DỤC)

Khâm Đức hoàng hậu họ Nguyễn, huý là Đạo, người

⁽¹⁾ Bản A chép sót các chữ "hậu đế phục triệu kỳ" (về sau vua lại gọi) ở trước chữ nữ; đây chúng tôi theo bản B và H.

⁽²⁾ Vương phó: thầy dạy hoàng tử.

huyện Văn Giang, là con gái viên quản lĩnh họ Nguyễn. Bà là người có đức hạnh. Khoảng năm Hồng Thuận (1509 - 1515) được lập (từ 94a) làm hoàng hậu. Sinh ra ba hoàng nữ. Con cả tên là Thọ Túc, phong là Bảo Phúc công chúa. Con thứ hai là Thọ Nguyên, con thứ ba là Thọ Kính, đều chưa kịp phong. Năm thứ 8, nhà vua bị Trịnh Duy Sản giết, đem thiêu ở quán Bắc Sứ, bà nghe có biến loạn, theo nghĩa không muốn sống thừa, bèn nhảy vào lửa ở điện Mục Thanh mà mất.

Quan quân đem hai quan tài về táng ở Nguyên Lăng thuộc xã Mỹ Xá huyện Ngự Thiên. Về sau truy tôn tên thụy là Khâm Đức Thuận Liệt Đôn hoàng hậu.

26. MINH TÔNG TRỊNH HOÀNG HẬU

(VỢ CẨM GIANG VƯƠNG,
MẸ VUA CHIÊU TÔNG VÀ CUNG HOÀNG)

Đoan Từ hoàng thái hậu họ Trịnh, huý là Loan⁽¹⁾, người xã Phi Quan⁽²⁾, huyện Thanh Đàm, được tuyển làm phi của Cẩm Giang vương Sùng⁽³⁾, sinh ra vua Chiêu Tông và Cung Hoàng. Mùa xuân năm Quang Thiệu thứ hai (1517) truy tôn vương làm Minh Tông Triết hoàng đế, tôn bà làm Hoàng thái hậu. Năm thứ 7 (1522), vua Chiêu Tông chạy về miền Tây, việc quá đột ngột, bà không biết trước, về sau mới nghe tin. Bà khóc nói rằng: "Đứa con thứ hai của ta ắt là phải làm vua, bà già này lại bị người

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "huý Loan". Đây theo bản B và H.

⁽²⁾ Phi quan: bản H là Phi Quả; bản B là Phi Tảo.

⁽³⁾ Bản A sót chữ "Sùng". Đây chúng tôi, theo bản B và H.

khác giả danh thác mệnh, bị người ta đàm luận. Nhưng còn xã tắc thì biết làm sao đây?".

Sau đó (từ 94b), Mạc Đăng Dung lập vua Cung Hoàng, rước bà về Hồng Thị ở Hải Dương. Năm Thống Nguyên thứ 2 (1523) thì về kinh đô. Năm thứ 5 (1527), Đăng Dung cướp ngôi, phế truất vua xuống làm Cung vương, giam vua và thái hậu vào cung Tây Nội, không cho ăn uống gì cả trong 7 ngày, đến nỗi phải xé áo mà nhai. Đăng Dung sai kẻ hầu đem tới một tấm lụa vàng bắt vua và Thái hậu phải tự thắt cổ. Thái hậu ngửa mặt lên trời mà than rằng: "Mạc Đăng Dung là bề tôi bất trung, đã được đội ơn tiên đế, lại quên lời thề với núi sông, đã làm việc thoán nghịch, lại giết mẹ con ta. Cầu cho con cháu của mày sau này cũng bị như thế". Nói rồi, Thái hậu cùng với vua tự thắt cổ chết. Đăng Dung đem thi hài về quán Bắc Sứ, phơi bày ra đấy, rồi đem về táng ở lăng Hoa Dương, huyện Ngự Thiên theo lễ tang hoàng hậu. Về sau, vua Thế Tông Nghị hoàng đế trung hưng, ban chiếu dựng điện Thừa Hư ở cạnh lăng để thờ cúng bà.

27. CHIÊU TÔNG PHẠM HOÀNG HẬU

(VỢ VUA CHIÊU TÔNG)

Gia Khánh hoàng thái hậu họ Phạm, huý là Ngọc Quỳnh là người sách Cao Trĩ, huyện Thụy Nguyên, hầu vua Chiêu Tông ở tiếm đế, sinh ra vua Trang Tông. Ngày mất và nơi táng không rõ. Đầu năm Nguyên Hoà (1533), truy tôn là Hoàng thái hậu.

28. CUNG HOÀNG NGUYỄN QUÝ PHI (VỢ VUA CUNG HOÀNG)

Quý phi họ Nguyễn, người xã Đa Ngưu, huyện Văn Giang, là con gái của Thông quốc công Nguyễn Thời Trung. Vua lên ngôi, đưa vào cung, cùng với con gái Lý quốc công Đào Đại La làm quý phi, đều không có con. Bà cùng với vua bị Đắc Dung giam lại rồi phế truất ở Tây cung. Bà theo vua cực kỳ gian khổ. Khi Đắc Dung sắp sửa cắt đứt không cho ăn uống, Lý quốc công biết được, giả vờ cáo bệnh, sai người đón con gái mình về. Thời Trung cũng thối bệnh, sai người đón bà. Bà không chịu, nói: "Cha ta trăm tuổi đã có anh em; ta hầu vua thì sống chết với vua, không có lý gì mà bỏ về". Đến đón lần nữa, bà cũng không về. Thời Trung sai người hầu gái theo bà, cứ bế bà lên vồng. Bà khóc to, trời đất tối sầm lại (*tờ 95b*), những người trông thấy đều thương cảm. Bà về tới nhà, không chịu ăn uống gì rồi chết.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỆN DỆ NHỊ⁽²⁾

THẦN ĐỒN soạn

TỰA ĐỂ HỆ TRUYỆN

Ôi! Quốc gia ở trong trời đất phải có đồng minh. Việc phân phong cho các người tông thân có lẽ là kế sách hay nhất để giữ nước chăng? Việc phân phong của nhà Chu, nhà Hán, nhà Tấn, nhà Ngụy hay dở ra sao, tạm để đó không bàn đến. Hãy lấy nước Việt ta mà nói: họ Lý đề phòng cái tệ của Ngoại Triều sát hại tông thất, phong cho các con mỗi người đều ở châu phủ, nắm quyền quân sự và dân sự ở một địa phương, thỉnh thoảng lại vào triều cận. Tuy sự quyền quá to nên mới có cuộc biến loạn của Tam vương⁽³⁾,

⁽¹⁾ Bản A ghi là *Tiền triều thông sử quyển tam thập* (30).

⁽²⁾ Câu "Liệt truyện đệ nhị" là theo ở bản B và H. Bản A không có câu này.

⁽³⁾ Loạn Tam vương: cuộc nổi loạn của ba con trai Lý Công Uẩn là Đông Chính vương, Dục Thánh vương và Vũ Đức vương gây ra sau khi Lý Công Uẩn chết, mưu chiếm ngôi vua, đã bị Lê Phụng Hiểu dẹp tan.

nhưng nguồn gốc rất sâu dày, cũng đủ để tiêu trừ lòng ngấp nghé của bọn gian đảng. Như Uy Minh ở Nghệ An, Phụng Càn ở châu Bình Văn, Ủy Đức vang xa, thực là những người giỏi trong hàng tông thân. Đến cuối đời Lý lại sơ bạc với cốt nhục, 24 lộ lại chia cho các công chúa ở, mà đem quân cấm vệ giao riêng cho Trần Thủ Độ. Vương hầu tuy đông, chỉ có danh suông mà (tờ 96b) thôi. Quân lính được cấp đi theo hộ vệ hầu hết đều già yếu, không thể dùng được. Cuối cùng hoá ra cầm gươm đằng lưỡi, đến nỗi bị họ Trần thoán đoạt.

Trần Thái Tông là con nhà võ tướng, tuổi còn thơ ấu, Trần Thủ Độ một sớm làm việc đen tối, đem quân đóng cửa thành rồi phò lập làm vua. Sáu quân cùng trăm quan và vạn dân đều im lặng không ai dám nói gì. Có lẽ vì quyền hành trong nước về tay họ Trần đã lâu, mà tông tộc nhà Lý đã quá suy yếu. Nhà Trần thấy nhà Lý mất nước mà mình được nước được dễ dàng, nhân đó phân phong cho các thân vương để mở rộng vây cánh. Hoàng trưởng là thái tử, các con thứ đều phong vương, thứ nữa phong thượng vị hầu. Con trưởng của các vương thì phong vương, con thứ đều phong thượng vị hầu. Vương hầu đều ở hương đệ (phủ đệ tại các hương), khi triều cận thì về kinh sư, việc xong thì về phủ đệ, đến khi vờ vào làm tướng mới gọi là quốc công, nắm giữ việc nước, như Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Quốc Chân ở Chí Linh, Chiêu Văn ở Thanh Hoá, Quốc Khang ở Diễn Châu, không ai không như thế. Tông tộc thời ấy, mỗi người đều được chia đất. (tờ 97a) Thế mà đều hoà mục, hoàn toàn không có xích mích gì. Cho nên đi ra thì

có sự thịnh vượng của Tấn, Trịnh, Lỗ, Vệ⁽¹⁾, vào thì có sự mạnh mẽ của Đông Mâu, Chu Hư⁽¹⁾. Khi giặc Hồ⁽²⁾ vào cướp, vương hầu đều đem gia đồng, hiệu triệu thổ hào hương binh xuống nghĩa cần vương lập lại an ninh cho xã tắc. Sự biến năm Đại Định⁽³⁾ họ lại đem thổ binh các thôn trang đi đón vua Nghệ Tông ở Long Đại... Không bao lâu lại khôi phục được ngôi vua nhà Trần. Sau đó tuy gặp tai biến vì nhuận Hồ⁽⁴⁾ và giặc Ngô hung bạo, mà vua Giản Định, vua Trưng Quang cũng còn vung gươm nổi nhau vùng dậy, để kéo dài thêm một chút dây rề của họ Đông A (họ Trần). Thế thì hiệu quả của các phiên vương cũng có thể thấy được.

Triều ta lúc mới dựng nước, thiên hạ vừa mới được bình định, anh em thì ít, các con thì còn bé. Các võ tướng ai có công thì được ban quốc tính⁽⁵⁾, chia nhau nắm binh mã, họ hàng liên kết chặt chẽ. Vua Thái Tổ không thể bắt chước việc cũ nhà Trần tức là phong tước cả cho người trong họ. Những người giỏi trong họ lúc bấy giờ như Lê Khôi, Lê Khang, để chỉ lấy tư cách là công thần, theo lệ

⁽¹⁾ Bản A thiếu chữ "Lỗ", xin bổ sung theo bản B và H. Đây nhắc đến các vua nhà Chu phân phong chư hầu, như Thành Vương phong em là Thúc Ngự ra đất Tân, Tuyên Vương phong em là Hoàn Công Hữu ra đất Trịnh, Vũ Vương phong em là Công Đán ra đất Lỗ, em khác là Khang Thúc ra đất Vệ. Đó đều là các chư hầu mạnh, làm vây cánh cho thiên tử nhà Chu.

⁽²⁾ Đông Mâu và Chu Hư là các huyện quốc đời Hán phân phong lập ra. Chu Hư hầu đã dẹp bọn họ Lã để khôi phục ngôi vua cho nhà Hán.

⁽³⁾ Nguyên văn: "Hồ lỗ", ở đây chỉ giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta vào thế kỷ XIII.

⁽⁴⁾ Bản A, B và H đều viết là Thiên Định - sai, vì năm Đại Định (1369 - 1370), Dương Nhật Lễ tiến ngôi nhà Trần.

⁽⁵⁾ *Nhuận Hồ*: chỉ triều đại nhà Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần lập nên.

⁽⁶⁾ *Quốc tính*: họ nhà vua, ở đây là họ Lê.

mà trao chúc, chứ không được phong tước chia đất. Mưu kế để lại đó có thể coi là còn sơ sài. Vua Thái Tông nghi kỵ anh mình, phế truất ruồng đuổi một cách ngang ngược⁽¹⁾, khi đi tuần thú miền Đông bỗng chết đột ngột, ba người con còn bé. (từ 97b) Vua Nhân Tông nối ngôi, mới lên ba tuổi, Thái hậu coi châu, lại vì xếp đặt sai lầm, điều hoà thất sách, cho nên có vụ biến loạn của Lạng Sơn vương⁽²⁾. Xét về mối hoạ thì có lẽ cũng vì không phân phong cho ra ngoài trấn thủ, cho ở tập trung tại kinh thành. Đất ở chật hẹp, nên sinh ra tham vọng bậy bạ. Đó là do tình thế xui nên như vậy. Vua Thánh Tông⁽³⁾ nối ngôi, giữ cơ nghiệp lớn, sáng lập quy chế làm khuôn phép cho con cháu muôn đời, mà riêng việc phân phong thì lại sơ sài. Trong đời Hồng Đức, quy định chế độ: các con của hoàng thái tử đều phong tước công, các cháu đều phong tước bá, con trưởng của thân vương được nối tước của cha. Các con khác đều phong là công, và lấy mỹ tự (chữ đẹp) làm hiệu; tập trung ở kinh sư cho ăn lộc, vua ban ruộng công cho làm ruộng thế nghiệp, chứ không cho ra cai trị phủ lộ, để có thể giao tiếp thân mật với dân. Nếu có vào tham dự triều chính thì cùng bàn bạc với các quan trong triều. Các bậc vương hầu phiên phụ bị tước bỏ quyền thế làm cho suy yếu. Tiếng gọi là thiên thặng⁽⁴⁾ nhưng chỉ ngang với kẻ sắt phu: đi thì không có giáp binh hộ vệ, ở thì không có đội quân hầu để sai khiến. Nếu

⁽¹⁾ Chỉ việc Thái Tông phế truất Tư Tế làm thường dân (xem truyện Quận Ai vương - số 2, đoạn cuối).

⁽²⁾ Chỉ việc biến loạn do Nghi Dân gây ra (xem truyện Nghi Dân, ở phần Nghịch thân).

⁽³⁾ Bản A chép là Thế Tông, đây chúng tôi theo bản B và H.

⁽⁴⁾ *Thiên thặng*: tức là vua chư hầu.

có tài nghệ như Hưng Đạo, đức lượng của Chương Túc⁽¹⁾ thì (từ 98a) cũng không được tự vào yết kiến, hướng hồ còn hy vọng gì để lập công phò giúp nhà vua được. Cho nên cái thế che chắn của vương hầu làm sao có nữa. Vua Uy Mục hôn bạo thất đức, bỏ tù các thân vương, tự mình chuốc lấy mối lo. Vua Tương Dực từ trong ngục tù ra, tự mình đảm đương ngôi trời, không lấy người trước làm răn, càng sinh hiểm nghi. Nghe theo hiệu úy Hữu Vĩnh⁽²⁾ vu cáo giết hại 15 vị vương công⁽³⁾, mà lại coi trọng tướng mạnh vũ phu, trao cho trách nhiệm tâm phúc. Người đáng thân thì lại sợ, người đáng sợ thì lại thân, sự trái ngược đến như thế. Cái vạ Chu Tước⁽⁴⁾ vốn là do vua tự chuốc lấy. Đến thời vua Chiêu Tông và vua Cung Hoàng, thiên tử còn trẻ thơ, chính quyền nắm trong tay các tướng. Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, Đặng Dung ở Hải Dương, đều là chiếm lấy địa thế hiểm yếu, nắm được binh quyền, nhân thời cơ mà thực hiện mưu riêng, thay nhau bức bách nhà vua. Sĩ dân do đó mất hết chí hướng, công khanh phải khoanh tay cúi đầu. Trông khắp bốn phía, không có một vị phiên vương nào có thể xưng nghĩa cần vương để cố kết lòng người trong nước. Cành lá đã hết, gốc rễ cũng đổ

⁽¹⁾ *Chương Túc*: (bản A chép là Chương Phủ, bản B và H chép là Chương Túc), xét ra tác giả đang dẫn chứng người giỏi ở đời Trần câu trên nói Trần Hưng Đạo, câu dưới nhắc là nói tới Trần Nguyên Đán, vì Trần Nguyên Đán, tước Chương Túc quốc thượng hầu là người giỏi đời Trần, ngoài ra không có ai là Chương Phủ cả, vậy xin sửa theo bản H.

⁽²⁾ *Toàn thư*, tập IV, trang 79 chép: "(tháng 5 năm 1514) vua Tương Dực nghe lời tâu vu cáo của hiệu úy Hữu Vĩnh (không rõ họ) giết người tông thất, có 15 vương công giết hết...).

⁽³⁾ Bản A chép là "công chúa", xin sửa theo bản B, H và *Toàn thư* là Vương công.

⁽⁴⁾ Chỉ việc Trịnh Duy Sản giết vua Tương Dực ở hồ Chu Tước phường Bích Câu năm 1516.

theo. Họ Mạc tha hồ thoán nghịch, không còn e sợ gì, thay đổi ngôi trời dễ như trở bàn tay. Các người họ hàng nhà vua (từ 98a) thấy đều làm mối cho nó. Từ xưa tới nay, những người dè dặt họ hàng để đến nỗi khuynh bại kể cũng nhiều, nhưng xét về tai hoạ diệt vong chưa từng thảm khốc đến như triều trước. Thật đáng than thở! Vì vậy làm ra truyện Đế hệ này.

(THẾ THỨ TỪ LÊ TRỪ ĐẾN VUA LÊ ANH TÔNG)

Tuyên Tổ hoàng đế⁽¹⁾ sinh ba con trai: con cả tên là Học, truy phong là Chiêu Hiếu đại vương; con thứ hai là Trừ truy phong là Lam quốc công, thụy là Cung Hoà, gia phong là Hoàng Dụ vương; con út là Thái Tổ Cao hoàng đế. Ông thứ hai tên là Trừ, sinh ra con là Khang, có công theo vua bình định giặc Ngô, đầu niên hiệu Thuận Thiên (1428) làm chức Đại tri phủ ở lộ Lạng Sơn. Năm thứ 6 (1433) thăng làm Nhập nội thiếu úy. Ông mất năm Quang Thuận thứ 7 (1466). Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng là Thái úy Quỳ quận công, gia tặng là Quỳ quốc công, tôn phong là Hiến Công vương. Con thứ là Khôi giữ chức Tư khấu, tước Tấn quận công, tặng là Chiêu Huy đại vương.

Ông Khang sinh ra ông Đường hàm Vinh tiến Tuyên Lộc đại phu, tước Diên Ninh nam, con thứ tên là Thọ tôn phong là Quang Nghiệp vương, thụy là Chính Tín. Thọ sinh ra Duy Thiệu, tôn phong là Trang Giản vương.

⁽¹⁾ *Tuyên Tổ hoàng đế*: tức Lê Khoáng, sinh ra Lê Lợi.

Thiệu sinh ra Duy Tiểu⁽¹⁾, tôn phong là Hiếu Tông Nhân hoàng đế, vào hầu vua Trung Tông⁽²⁾ nối dòng chính thống, mở nghiệp trung hưng, truyền ngôi đến muôn đời.

1. CHIÊU HIẾU ĐẠI VƯƠNG (HỌC)

Chiêu Hiếu đại vương, huý là Học, tính người ôn hoà, cương nghị, thông hiểu binh pháp. Tuyên Tổ hoàng đế mất sớm, đại vương nuôi nấng các em, dạy bảo đến nơi đến chốn; từng dạy binh thư cho vua Thái Tổ. Ông mất từ khi vua Thái Tổ chưa khởi binh, táng ở phía tây bắc lăng Lam Sơn. Khi vua Thái Tổ lên ngôi, truy phong là Chiêu Hiếu đại vương. Vợ là Trần Thị Ngọc Duẩn, mất sớm, táng ở trang Bái Đô, huyện Lôi Dương, truy phong là Từ Thận thái phi, được lập miếu thờ ở Tây Thất⁽³⁾ thuộc Tây Kinh, giáp với điện thờ ông Học. Học sinh ra con tên là Thạch, có truyện chép dưới đây⁽⁴⁾.

*

* *

Thái Tổ Cao hoàng đế có hai con trai, Trịnh Thần phi sinh ra Quận Ai vương, Phạm Hiền phi sinh ra vua Thái Tông.

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là Duy Khoáng.

⁽²⁾ *Đại Việt thông sử* (bản A, B, và H) đều chép là Thái Tông, sai. Thực ra vua Trung Tông mất, không có con trai nối, nên lập một người dòng dõi Lê Trừ lên ngôi, tức là Lê Anh Tông. Cho nên chữ ấy phải là Trung Tông mới đúng.

⁽³⁾ *Tây Thất*: nghĩa là nhà phía Tây, đây có thể cũng là tên riêng.

⁽⁴⁾ Xem ở phần "Chư thần truyện".

2. QUẬN AI VƯƠNG (TƯ TẾ)

(từ 99b) Quận Ai vương, tên là Tư Tế, là con của vua Thái Tổ, theo vua đi đánh giặc Ngô, tính dũng cảm, ham giết giặc. Năm Thiên Khánh thứ nhất, thời Trần Chủ Cảo (1426) được trao chức Thị trung. Tháng 6 năm thứ 2, Đinh Mùi (1427) gia thêm chức Tư đồ; tháng 11, vua sai ông đi với Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin để thực hiện hoà ước với Vương Thông, tháng 12 trở về triều. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), phong làm Hữu tướng quốc, tước Quận vương.

Nhà vua sai Nhập nội kiểm hiệu Bình chương sự là Lê Văn, nhập nội đại tư mã Lê Ngân, nhập nội thiếu phó Lê Văn Linh mang kim sách lập làm quốc vương, tạm coi việc nước; mà lập con thứ là Lương quận công làm hoàng thái tử. Hôm sau, vua chỉ huy cho văn võ bá quan và các phủ, lộ, huyện; châu, trấn: hễ ai có việc gì đến trình bày với quốc vương và hoàng thái tử thì dùng chữ "khai", không được dùng chữ "tấu", và xưng hô là "quốc vương điện hạ", "thái tử điện hạ". Nếu quốc vương có tuyên cáo hiệu lệnh thì dùng chữ "quốc vương chỉ huy", không được dùng chữ "sắc". Năm thứ 5 (1432) vua sai quốc vương (Tư Tế đem quân đi đánh châu Phục Lễ, bức hàng (từ 100a) tù trưởng châu ấy là Đèo Cát Hãn và con y là Đèo Mạnh Vượng, rồi đem quân về. Lúc bấy giờ nhà vua nhiều bệnh, chính sự lớn của nhà nước đều giao cho vương quyết định. Nhưng vương mắc chứng điên cuồng, giết bừa các tỳ thiếp, dần dần không hợp ý vua.

Năm thứ sáu (1433), vua gọi Thiếu úy Lê Khôi vào điện riêng hỏi về việc lập người nối ngôi. Khôi bàn nên lập Thái Tông (Nguyễn Long), bấy giờ ý nhà vua mới quyết.

Tháng 8, vua giáng vương xuống tước Quận vương, ban chiếu lấy con thứ là Nguyên Long kế thừa đại thống.

Tháng giêng mùa xuân năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), có ba người thị nữ chạy đến tâu với vua Thái Tông rằng: Quận vương nói nhiều điều cần bậy quái gỡ, tỏ ra không thuận. Nhà vua (Thái Tông) nổi giận, bảo các văn võ đại thần và bá quan không được vắng lai tới nơi ở của Quận vương. Còn Quận vương nếu không có người tới gọi thì không được vào triều. Nếu ai dám tư tình dẫn vào cửa hoặc trăm quan có ai dám tự ý đến nhà Quận vương thì bị tội nặng. Tháng 5 năm thứ 5 (1438) phế truất làm thường dân, sau đó ông mất. Truy phong là Quận Ai vương.

(CÁC CON VUA THÁI TÔNG)

Vua Thái Tông Văn hoàng đế có bốn người con trai. Bà Chiêu nghi họ Dương sinh ra Lê Đức hầu Nghi Dân. Bà Thân phi họ Nguyễn sinh ra vua Nhân Tông (tờ 100b). Bà Tiệp dư họ Ngô sinh ra vua Thánh Tông. Một bà khác sinh ra Cung vương Khắc Xương. Lê Nghi Dân sẽ chép vào truyện nghịch thần.

3. CUNG VƯƠNG (KHẮC XƯƠNG)

Cung vương Khắc Xương, tháng 12 năm Đại Bảo thứ 2 (1441) phong làm Tân Bình vương. Khi Lê Nghi Dân tiếm ngôi cải phong là Cung vương. Tính vương phong nhả đậm bạc, ăn mặc chi dùng dè sẻn, chất phác như một nho sinh. Cuối năm Diên Ninh (1549), đại thần là bọn Lê Lăng sau khi đã truất Nghi Dân rồi, muốn rước ông lên

ngôi vua, sai người tới báo, ông cố từ chối, họ bèn rước vua Thánh Tông. Thánh Tông hơi nghe thấy chuyện này giận lắm; về sau vua nghe lời gièm, bèn giết Lê Lăng, và trong lòng ghét vương. Năm Hồng Đức thứ 7 (1476), có người tố cáo vương mưu đồ làm phản. Vua bèn hạ chiếu tới bắt. Ngày 6 tháng 8, vương lo mà chết.

(CÁC CON VUA THÁNH TÔNG)

Vua Thánh Tông Thuần hoàng đế có 14 người con trai. Nguyễn Quý phi sinh ra Hiến Tông. Vũ Tài nhân sinh ra Lương vương Thuyên. Phạm Minh phi sinh ra Tống vương Tung. Một bà phi khác sinh ra Đường vương Cảo. Phùng Sung viên sinh ra Kiến vương Tân. Nguyễn Tài nhân sinh ra Phúc (*tờ 101a*) vương Tranh. Các hàng hầu khác sinh ra Diễn vương Khâm⁽¹⁾, Quảng vương Tác, Lâm vương Tương, Ung vương Chiêu, Nghĩa vương Cảnh, Trấn vương Huyền, Triệu vương Thoan, Kinh vương Kiện và 20 công chúa. Ngày mất, nơi táng và tên thụy của các vương, sử cũ đều không chép.

4. KIẾN VƯƠNG TÂN

Kiến vương Tân là con trai thứ 5 của vua Thánh Tông. Mẹ là Sung viên họ Phùng, sinh ngày Mậu Dần mồng 8 (tháng?) năm Quang Thuận thứ 7 Bính Tuất (1466). Ngày Tân Tỵ tháng 7 năm Hồng Đức thứ 2

⁽¹⁾ *Cương mục* quyển 26 lấy *Đại Việt thông sử* ra chú, lại ghi Diễn vương tên là Thông. Chưa rõ *Cương mục* dựa theo bản nào.

(1471), vua sai Thái bảo Lê Cảnh Huy⁽¹⁾ mang kim sách lập làm Kiến vương. Ngày Bính Ngọ tháng 10 năm Cảnh Thống thứ 5 (1502) đời vua Hiến Tông, ông mất, thọ 35 tuổi, nhà vua nghỉ chầu ba ngày, ban thụy là Trinh Tĩnh. Vương phong tư cao nhã, hơn hẳn người đời, ham học, có tài văn chương, có làm sách "Lạc uyển thư nhân". Mỗi khi vua Thánh Tông có ngự chế thơ ca, phần nhiều sai ông họa lại. Ông sinh 4 người con, con trưởng là Cẩm Giang vương Sùng, con thứ là Oanh tức là vua Tương Dục, thứ ba là Tĩnh Lượng công tên là Vinh. Con út tên là Quyên chưa được phong. Cuối năm Đoan Khánh (1509) (tờ 101b), vua Tương Dục khởi binh ở Tây Đô, các ông Sùng, Vinh và Quyên đều bị vua Uy Mục giết. Khi vua Tương Dục lên ngôi, tháng 12 năm đầu, truy tôn vương là Phối thiên Dụ thánh Kiến hoàng đế, miếu hiệu là Đức Tông, đưa vào nhà thờ ở nhà Thái miếu và tặng ông Vinh làm Mục Ý vương, ông Quyên làm Dục Cung vương. Về sau tôn thêm cho Kiến vương Tân là Phối thiên Dụ thánh Ôn lương Quang minh Văn triết Chương tín Tuy phúc Di hưu Mục hiếu Kiến hoàng đế. Tháng 3 năm thứ 5, tôn thêm 6 chữ là Hiển nghiệp Khải tường Tuý đức. Đầu năm Quang Thiệu đời Chiêu Tông (1516), dâng thêm miếu hiệu.

5. CẨM GIANG VƯƠNG (SÙNG)

Cẩm Giang vương Sùng là con trưởng của Kiến vương, và là anh của vua Tương Dục. Cuối năm Đoan

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "Huy", đây chúng tôi theo bản B và H.

Khánh (1505 - 1509), vua Uy Mục giết hại tông thất, vua Tương Dực trốn ra ngoài khỏi binh, không kịp báo cho ông biết. Khi tới Tây Đô lại giả xưng là ông có mặt trong quân, dựng lá cờ "Cầm Giang vương" để chiêu an. Vì thế ông bị vua Uy Mục giết hại. Khi vua Tương Dực đã lên ngôi, rất thương tiếc ông, truy phong là (tờ 102a) Trang Định đại vương, tặng tuất rất hậu. Ông sinh hai người con, con trưởng là vua Chiêu Tông, con thứ là vua Cung Hoàng. Khi vua Chiêu Tông lên ngôi, truy tôn ông là Minh Tông Triết hoàng đế, đưa vào thờ ở Thái miếu.

6. PHÚC VƯƠNG (TRANH)

Phúc vương Tranh là con thứ 6 của vua Thánh Tông. Mẹ là Tài nhân họ Nguyễn, sinh ngày Nhâm Thìn 27 tháng 3 năm Đinh Hợi⁽¹⁾ Quang Thuận thứ 8 (1467). Năm Hồng Đức thứ 2, Tân Mão⁽²⁾ 1471), nhà vua sai Đại tư mã Đông quân tả đô đốc chuồng phủ sự là Lê Huy Cát mang kim sách và bảo chương phong làm Phúc vương, cho lập phủ ở phường Đông Tác huyện Vĩnh Xương tại kinh đô. Ngày Kỷ Tị tháng 12 năm thứ 17 (1486) ông cưới bà Thục Tuân⁽³⁾, con gái quan Thượng thư bộ Binh Trịnh

⁽¹⁾ Bản A chép là Tân Hợi - sai, năm Quang Thuận thứ nhất (1460) là Canh Thìn, thì năm thứ 8 (1467) phải là Đinh Hợi. Bản B và H không chép năm can chi.

⁽²⁾ Bản A chép là Tân Tị - sai. Cũng tính theo can chi và niên hiệu như trên, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) phải là Tân Mão. Bản H chép là tháng 7 ngày Tân Tỵ.

⁽³⁾ Bản H chép là Châu Tuân; bản B chép là Uyển Tuân.

Văn Lượng về làm phi. Năm thứ 19 (1488)⁽¹⁾ bà phi ấy mất. Tháng 12 năm thứ 26, lại cưới bà Châu Hạp, con gái quan Mậu ân sử Lưu Cảnh Đức về làm phi. Ngày Giáp Ngọ tháng 6 năm Canh Thống thứ 3 (1500) ông mắc (tờ 102b) bệnh. Ngày Quý Mão, ông sai quan phụng ngự là Phạm Thế Tứ thái y biện nghiệm⁽²⁾ là Nguyễn Sĩ đến thăm bệnh. Ngày tháng 7 lại sai Tế sinh đường khám chẩn Nguyễn Huy Hàn điều trị. Ngày Bính Tuất tháng 8 thì bệnh nặng lên, lại bảo quan phụng ngự Lê Biểu và Thái y đại sử là Lý Thủ Nhượng chẩn bệnh, vẫn không đỡ. Ông gắng gượng ngồi dậy, gọi các viên chức trong phủ dặn bảo việc tang phải tiết kiệm, không làm lễ Phật, và chỉ theo lễ cổ. Ngày Mậu Tý, ông mất, thọ 34 tuổi. Có ba con trai còn nhỏ. Nhà vua (Hiến Tông) rất thương xót, bãi triều ba ngày, hạ sắc cho các vương thân và công chúa để trở theo thứ bậc khác nhau. Ngày Canh Dần, ban 28 vạn 2 ngàn tiền an ủi. Ngày Quý Sửu, tháng 9, lại sai Tả đô đốc Bắc quân tước Mậu Lâm bá Trịnh Quý Thuật tới dự tế⁽³⁾. Tháng 10, ngày Quý Dậu, đem về táng ở đồng Hạnh Hoa Khê thuộc Tây Mỗ, tức là quê mẹ. Ban tên thụy là Ý Khang.

Vương tính người giản dị, thanh đạm, ôn hoà, đứng đắn, thực thà⁽⁴⁾, ít nói, giữ mình theo lễ nghĩa phép tắc, ham mê sách vở, thích nhất là *Kinh Dịch*, cũng hiểu được

⁽¹⁾ Bản A, B và H chép là "cửu niên" (năm thứ 9) - sai, vì năm thứ 17 mới cưới, năm thứ 9 đã chết sao được.

⁽²⁾ Bản A chép là thái y hiệp nghiệm, bản B và H là Thái y biện nghiệm. Xét trong quan chức về ngành y đương thời, chỉ có chức Thái y biện nghiệm.

⁽³⁾ *Dụ tế*: tế thay vua.

⁽⁴⁾ Bản B và H còn thêm hai chữ "kiêm ước" (tiết kiệm).

ý nghĩa lớn của sách, giỏi viết chữ thảo; rất hay thơ (tờ 108a), phong cách thơ thanh cao hùng tráng. Đã từng theo xe vua về thăm Lam Kinh, ứng chế thơ phú, được vua Thánh Tông Thuần hoàng đế đặc biệt khen ngợi, ban cho thú vải mùa hè của Cao Ly. Vua Hiến Tông gọi vào điện đưa ra thơ cho hoạ, và giáng chỉ khen ngợi, lại ban cho vải vóc tơ lụa cùng hài trắng. Vua bảo ông cứ nên lấy việc đọc sách và làm việc thiện làm vui. Ông được nhà vua coi trọng như thế đấy!

Người đương thời thường sánh ông với Đông Bình và Hà Gian đời xưa⁽¹⁾.

7. TRIỆU VƯƠNG THOAN

Triệu vương Thoan là con thứ 13 của vua Thánh Tông. Mẹ là người xã Hoà Thược huyện Kim Trà⁽²⁾. Vương từ nhỏ đã thông minh quả cảm. Có người ở quê mẹ ông tới Kinh làm việc, đi đến ngoài cửa Đại Hưng, một viên tiểu hoàng môn vừa đi đến, thấy người ấy áo quần lam lũ, lại tranh đường, bèn hỏi rằng: "Mày ở đâu?". Người ấy đáp: ở Thuận Hoá. Viên hoàng môn ấy mắng rằng: "Loại sâu bọ này lại dám vô lễ à?". Lúc ấy vương từ chỗ cửa cung cấm đi ra, nghe thấy thế, chợt nổi cơn (tờ

⁽¹⁾ *Đông Bình*, tức Đông Bình vương, con trai của vua Hán Quang Vũ, ham thích làm việc thiện. Có câu nói nổi tiếng: "Làm việc thiện là điều vui sướng nhất" (vì thiện tối lạc).

Hà Gian: tức Hà Gian Hiến vương tên là Đức, con vua Hán Cảnh đế ham học tập và sưu tầm sách cổ. Hai người đều là thân vương đời Hán, đều ham học, có kiến thức cao.

⁽²⁾ *Kim Trà*: đã chú ở trang 171.

103b) giận, lấy gậy đánh chết viên ấy. Rồi ông đi tắt vào tàu vua rằng: "Tôi là con của thiên tử, mẹ tôi là người Thuận Hoá. Viên tiểu hoàng môn nói phạm đến tôi, tôi không nén được cơn giận, trót đã giết mất nó rồi. Như thế là đã mắc tội tự tiện giết người, xin nạp tiền riêng để đền mạng nó". Nhà vua thương hại tấm lòng của ông, lại cho là có nghĩa khí, cuối cùng không bắt tội.

8. KINH VƯƠNG KIẾN

Vương là con út vua Thánh Tông, mẹ ông được vua yêu, ông cũng được vua yêu quý hết mức. Vua Uy Mục nghi ngờ tông thất, chỉ nghĩ chuyện làm hại. Ông là bậc chú vua, địa vị cao, danh vọng lớn, nên sợ vạ lây, bèn bỏ trốn, không biết kết cục ra sao?

(Xét: mục này căn cứ theo chính văn của quốc sử. Còn sách *Khiếu vịnh thi tập* chép rằng vì Vương được vua Thánh Tông yêu quý, mà bị vua Hiến Tông giết, là sai).

9. AN VƯƠNG TUÂN

An vương Tuân là con trưởng vua Hiến Tông, mẹ họ Mai, có mang 11 tháng, sinh ngày Canh Thìn 21 (tờ 104a) tháng 5 năm năm Hồng Đức thứ 13 (1482). Hôm ấy trời mây tối sầm, mưa to gió lớn, đến sáng hôm sau mới hết.

Vương thông minh dĩnh ngộ, học rộng, khí lực hơn hẳn người khác. Nhưng tính khí nóng nảy, thích mặc áo con gái, lúc bé đã từng vì trái ý mà dùng thuốc độc định

giết mẹ, bị vua Hiến Tông ghét, nên đã bỏ cả thứ bậc, lập hoàng tử thứ ba tên là Thuần. Năm Cảnh Thống thứ 7 (1504), vua mất, bà phi họ Cao muốn lập vương lên ngôi, nhưng đại thần không theo, vẫn lập Túc Tông (Thuần). Vương có ý oán giận, chỉ thờ mẹ hết đạo hiếu, sớm hôm thăm hỏi, đổi hết nết xưa. Lại tự cho rằng mình là ngôi trường để bị hiềm nghi nên tìm mọi cách giấu mình; ông sống trong thời vua Uy Mục mà riêng không bị nghi kỵ. Ngày 20 tháng 9 năm Hồng Thuận thứ 4 (1512) thì mất, thọ 31 tuổi, tặng là An Đại vương, đem về táng ở quê ngoại là xã Biện Hạ, bao phong là phúc thần. Sau đời trung hưng, nhiều lần gặp tai vạ, phúc thần đã ngầm giúp quan quân đánh diệt nguy Mạc thu phục kinh thành. Được gia phong là Chiêu cảm Linh ứng Phù quốc Hiến hựu Tế công Trợ thuận Quảng hoá Hoàng phu Hoàng đức Hậu Trạch đại vương, và cấp phu quét dọn (từ 104b), lại ban điển tế lễ, để biểu dương sự linh dị. Vợ là Trịnh Thị Chuyên, người xã Biện Thượng. Năm Cảnh Thống thứ 3 (1500) cưới làm phi, lúc ấy bà 20 tuổi. Đến tháng 10 năm Nhâm Thìn (1532) thì mất, về sau truy tặng là Thanh Tiết quận phu nhân, thụy là Từ Hoà. Con tên là Ky, sinh tháng 3 năm Đoan Khánh thứ 2 (1506), khi lớn lên chỉ thích uống rượu nghe nhạc, vui với ruộng vườn, không thích làm quan. Trải qua thời nguy Mạc, tuy là người trong họ gần của vua Lê, nhưng cũng không bị nghi kỵ. Mất ngày 10 tháng 9 năm Đinh Mùi, Chính Trị thứ 2 (1559) đời vua Anh Tông, thọ 55 tuổi, thụy là Thuần Hậu.

Ky lấy ca nữ Trịnh Thị Phi làm vợ, sinh con trai là Bật, Năm Ất Sửu lên 18 tuổi, vào hầu vua Anh Tông. Thái sư Trịnh Kiểm thấy là người thông minh, cho làm

chức chánh đội trưởng. Đánh giặc lập được công, ban hiệu là Dương Vũ uy dũng công thần, thăng là Vệ úy, tước Văn Bát nam. Mất tháng 4 năm Quang Hưng thứ 21 (1598), thọ 51 tuổi, thụy là Thuần Nghĩa.

Tính ông hiền hoà chất phác, yêu người thương vật, rất ham đạo Phật, sinh con tên (*tờ 105a*) là Xích, có dũng lược, tính khoan hậu, theo hầu Bình An vương (Trịnh Tùng) và Thanh vương (Trịnh Tráng) đánh giặc có công, làm quan đến chức Dương vũ Uy dũng Tán trị công thần tham đốc thần Tứ vệ quân vụ sự, tước Văn Tuấn hầu. Mất năm Dương Hoà thứ 6 (1640), thọ 73 tuổi, thụy là Thuần Chính, đến nay con cháu đông đúc không kể xiết.

(1)

⁽¹⁾ Phần đế hệ này, so với sách *Hoàng Lê ngọc phả* ở Thư viện Khoa học xã hội (ký hiệu VN. V. 241) thì còn thiếu. Theo *Hoàng Lê ngọc phả* thì Lê Hiến Tông có 6 con trai, trừ hai người là vua Túc Tông, vua Uy Mục không nằm trong phần này mà ở phần *đế kỷ* đã bị mất, thì ở đây cũng mới chép hai truyện. Vậy còn sót 2 người nữa là Ninh vương Trị và Ân vương Mỹ.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN ...

LIỆT TRUYỆN ĐỆ TAM⁽¹⁾

THẦN ĐÔN *soạn*

(từ 106a) [CHƯ THẦN TRUYỆN]

1. LÊ THẠCH

Lê Thạch là con trai của Chiêu Hiếu đại vương Học, là cháu của Cao Hoàng đế⁽²⁾. Khi vua Thái Tổ còn nhỏ, được Chiêu Hiếu đại vương nuôi nấng, cho nên vua yêu Lê Thạch hơn cả con mình. Ông tính người nhân ái, ham đọc sách, dũng lược hơn người, khéo nuôi sĩ tốt. Ông theo vua khởi binh ở Lam Sơn đánh giặc Ngô, thường được vua sai đi tiên phong, đánh đâu thắng đấy. Năm Mậu Tuất (1418), bọn Mã Kỳ đem quân vây đánh nhà vua,

⁽¹⁾ Bản A để là "Tiền triều thông sử quyển chi tam thập nhất". Bản B thêm là "Liệt truyện đệ tam".

⁽²⁾ Bản A chép là Cao Hoàng hậu chi diệt (cháu của Cao hoàng hậu) - sai. Theo bản B và H chép là "Cao Hoàng đế chi diệt" (cháu gọi Cao Hoàng đế (Thái Tổ) là chú).

vua rút về Lạc Thủy đóng đồn đặt phục binh để đợi. Khi giặc tới, ông cùng các ông Đinh Bồ, Lê Lý, Lê Ngân xông lên trước đánh giặc, chém được hơn 3.000 tên, thu rất nhiều chiến lợi phẩm. Sau đó, vua về Mường Thú⁽¹⁾ đánh trại Nga Lạc, và tiến đến trại A Đà, đánh nhau ở Mỹ Canh⁽²⁾, bắt được tên chỉ huy của giặc là Nguyễn Sao, chém 300 đầu giặc, đều là công đứng đầu⁽³⁾ ba quân. (từ 106b) Mùa đông năm Tân Sửu (1421), Trần Trí tiến đánh sách Ba Lãm⁽⁴⁾ ải Kinh Lộng⁽⁵⁾, nhà vua khích lệ các tướng tập kích đại phá quân giặc. Trần Trí lại mở đường núi mà tiến, nhà vua đặt phục binh ở Ứng Ai⁽⁶⁾, đánh lui giặc. Ông thường đi tiên phong, có công lao nhiều nhất. Gặp lúc Ai Lao đem 3 vạn quân giả vờ đến giúp, rồi bất ngờ đánh úp trại vua. Nhà vua thân đốc chiến, chém được hơn 1 vạn địch, thừa thắng đuổi theo suốt bốn ngày đêm, đến thắng sào huyệt địch. Tù trưởng Man Sát xin hoà, nhà vua biết nó giả trá, không cho. Các tướng cho rằng sĩ tốt mệt mỏi đã lâu, nên cho nghỉ một chút, ông không nghe, đem quân đánh thành, bị trúng tên ngầm mà chết. Nhà vua rất thương xót. Lê Thạch làm tới chức Thứ thủ⁽⁷⁾ vệ quân Thiết kỵ, tước Lương Nghĩa hầu. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), ghi chép các công thần, truy tặng ông là "Nhập nội kiểm hiệu thái úy Bình

⁽¹⁾ Có lẽ là Mường Nanh, viết lầm (bản B và H không có câu trong móc).

⁽²⁾ Bản A là Nghĩa Canh, đây theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là "Bội công tam quân", - vô nghĩa. Bản H chép là "giai công quán tam quân" (đều công đứng đầu ba quân).

⁽⁴⁾ Ba Lãm: Bản A chép là Bi Lãm, đây theo bản B và H; Cương mục chép trận này xảy ra năm Tân Sửu (1421).

⁽⁵⁾ ⁽⁶⁾ Kinh Lộng, Ứng Ai: tức Đèo Ống. Xem Để kỷ, năm 1421, chú thích về Kinh Lộng.

⁽⁷⁾ Thứ thủ: xét theo tự căn, có thể hiểu là cấp chỉ huy.

chương quân quốc trọng sự", lại phong là Trung Vũ đại vương, được thờ phối ở tấm miếu. Năm Đại Bảo thứ nhất (1440) đời vua Thái Tông tặng là Lương quận Trung Vũ vương. Năm Diên Ninh thứ nhất (tờ 107) đời vua Nhân Tông (1454), gia tặng là Quận công Trung dũng Anh nghị Chân Hiến đại vương. Năm Hồng Đức thứ 8 (1487), tặng là Lương quốc công, gia thụy là Chân Hiến Túc vương.

2. LÊ LAI

Ông người thôn Dạng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang, cha tên là Kiều, nối đời làm phụ đạo, sinh hai con trai, con trưởng tên là Lạn, con thứ tên là Lê Lai. Lạn theo vua Thái Tổ khởi nghĩa binh có nhiều công lao. Năm Ất Tỵ (1425) đánh ở ải Khả Lưu, ông bị hy sinh, sau tặng là thái phó Hiệp Trung hầu, gia tặng là Hiệp quận công.

Lê Lai tính cương trực, dung mạo khác thường, chí khí cao cả lắm liệt, lo việc hậu cận cho vua Thái Tổ rất chu đáo, công lao rõ rệt⁽¹⁾. Mùa đông⁽²⁾ năm Bính Thân (1416) vua Thái Tổ cùng 18 vị tướng thân cận của nhà vua, liên danh hội thề, nguyện sống chết có nhau, ông cũng dự trong số đó, ông được trao chức Tổng quản phủ Đô tổng quản, tước Quan nội hầu. Năm Mậu Tuất (1418), lúc vua mới dựng cờ khởi nghĩa, tướng ít, quân thiếu, bị tướng nhà Minh vây đánh ở Mường Một, vua chạy thoát, về đóng ở Trịnh Cao, nơi hẻo lánh, không dân ở, tướng

⁽¹⁾ Bản A chép là "bị trừ công huân" (công lao rõ rệt). Bản B và H chép là "bị trừ trung cần" (nổi tiếng trung cần).

⁽²⁾ Bản A chép sót các chữ trong dấu móc, đây xin bổ sung theo bản B và H.

Minh chia quân chặn những chỗ hiểm yếu (*tờ 107b*), tình thế rất cấp bách, nhà vua hỏi các tướng: "Ai dám đổi áo, thay ta đem quân ra đánh giặc, xưng danh hiệu của ta, bắt chước như Kỷ Tín⁽¹⁾ đòi Hán, để cho ta có thể giấu tiếng, nghỉ binh, tập hợp tướng sĩ, mưu tính cuộc nổi dậy về sau". Các tướng đều không ai dám hưởng ứng. Riêng Lê Lai đứng dậy nói: "Tôi xin đi"⁽²⁾. Sau này lấy được nước thì nghĩ đến công lao của tôi, khiến cho con cháu muôn đời được nhờ ơn nước, đó là nguyện vọng của tôi". Nhà vua rất thương cảm. Ông nói: "Bây giờ nguy khốn thế này, nếu ngồi giữ mảnh đất nguy hiểm, vua tôi đều bị tiêu diệt, sợ sẽ vô ích, nếu theo kế này, may ra có thể thoát được. Kẻ trung thần chết vì nước nào có tiếc gì". Nhà vua vái trời mà khấn rằng: "Lê Lai có công đổi áo, sau này tôi và con cháu tôi, cùng con cháu các tướng tá công thần, nếu không nhớ đến công lao ấy, thì xin cho cung điện biến thành rừng núi, ấn báu thành cục đồng, gương thần biến thành dao cùn". Ông bèn dẫn hai con voi và 500 quân kéo thẳng tới trại giặc khiêu chiến. Giặc dốc hết quân ra đánh, ông cưỡi ngựa tốt, xông thẳng vào giữa trận, hô to lên rằng: "Chúa Lam Sơn chính là (*tờ 108a*) ta đây", rồi đánh chết được rất nhiều quân giặc. Khi đã kiệt sức, ông bị địch bắt, xử cực hình. Sau đó giặc lui quân về thành Tây Đô, việc phòng bị của chúng mới hơi sơ hở, ta vừa có thời cơ, nghỉ binh, nuôi chứa nhuệ khí, để có thể trăm trận trăm thắng, và lấy được thiên hạ.

Vua cảm động vì lòng trung nghĩa của ông, trước hết

⁽¹⁾ *Kỷ Tín*: xem chú thích ở phần Đế kỷ, năm 1418.

⁽²⁾ Bản A thiếu chữ "vâng" (xin đi), đây xin bổ sung theo bản B và H. Việc Lê Lai đổi áo. *Cương mục* chép vào năm 1419.

sai người ngấm tìm di hài ông, đem về mai táng ở Lam Sơn. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), phong ông là công thần hạng nhất, tặng là "Suy trung Đồng đức Hiệp mưu Bảo chính Lũng Nhai công thần", hàm Thiếu úy, thụy là Toàn Nghĩa. Tháng 12 năm sau, nhà vua sai Nguyễn Trãi (viết)⁽¹⁾ hai bản lời thề ước trước và lời thề nhớ công⁽²⁾ của Lê Lai, để vào trong hòm vàng, lại gia phong cho ông làm Thái úy. Năm Thái Hoà thứ nhất (1443) ban tặng là Bình chương quân quốc trọng sự, ban cho túi kim ngư, ấn vàng (kim phù), tước Huyện thượng hầu. Đầu niên hiệu Hồng Đức (1470), tặng là Diên Phúc hầu, đến năm thứ 15 (1484), truy tặng là Thái úy Phúc quốc công, về sau gia phong là Trung Túc vương.

Ông có ba con trai, con trưởng là Lư, con thứ là Lộ, con út là Lâm, đều có tài năng, Vua Thái Tổ hết sức chăm sóc chẳng khác con mình. Lư trong năm Ất Ty (1425) (*từ 108b*) vây thành Nghệ An, cùng các tướng chia quân đánh các nơi, bị chết tại trận, năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), tặng là Thiếu úy, năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng là Kiến Tiết hầu, về sau gia tặng là Kiến quận công.

Lộ, từ năm Tân Sửu (1421), trong trận đánh ở sách Ba Lãm⁽³⁾, ải Kinh Lộng, đã dẫn phục binh đánh bại Trần Trí, thắng là Tả trung quân tổng đốc⁽⁴⁾ chư quân sự. Năm Giáp Thìn (1424), theo vua đi đánh châu Trà Lân, đánh ở Bồ Lạp, phá được quân của Phương Chính và Sư Hựu, thắng là Thái bảo. Tháng 10 năm ấy, đánh nhau với giặc,

⁽¹⁾ Bản A thiếu chữ "tái" (chép, viết), đây xin bổ sung theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép chữ "công" lầm tự dạng. Đây xin sửa theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là Pha Nguyên, sai, đây xin sửa theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Bản B và H chép là "đô đốc".

bị trúng tên mà chết. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) tặng là Thái úy. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), tặng là Chiêu Công hầu, về sau gia tặng là Chiêu quận công.

Lê Lâm, theo vua bình định giặc Ngô, lập được công tích. Năm Thuận Thiên thứ nhất, ban chiếu trao cho chức Thứ thủ quân Thiết đột. Trong những người theo vua khó nhọc từ Lũng Nhai lập nên công trạng, Lâm đứng hàng thứ ba, được trao hàm Trung Lượng đại phu Câu kiêm vệ tướng quân, tước Thượng Trí tự Suy trung Đồng đức Hiệp mưu Bảo chính công thần. Năm thứ 3 (1430) làm tiên phong đi đánh Ai Lao, đuổi theo phá giặc, đuổi đến (từ 109a) động Hồng Di, bị trúng chông độc mà chết, tặng là Thiếu úy. Đầu năm Quang Thuận (1460) vì con là Niệm có công phò lập vua Thánh Tông, nên gia tặng Lê Lâm là Đô đốc. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), tặng là Trung Lễ hầu, gia tặng là Thái úy Trung quốc công, ban thụy là Uy Vũ.

Lộ, sinh ba con trai, là Tích, Tung, Dững, đều có công trạng, được phong hầu. Tích sinh ra Dực, Dực lại sinh ra ba con trai, là Liệp, Hiệp, Quy, đều được tập tước.

Lâm sinh con trai tên là Niệm.

3. LÊ NIỆM

Phụ: LÊ CHÍ

Lê Niệm, từ nhỏ đã thông minh, chí khí hơn người, văn võ đều giỏi, nhà nghèo, quê ở xã Duy Tinh huyện Thuần Hựu. Năm Thiệu Bình thứ 6 (1439)⁽¹⁾, nhờ tập ẩm

⁽¹⁾ Bản B chép là "Thuận Bình ngũ niên" (năm Thuận Bình thứ 5 (1438).

cha, nên làm chức Cận thị cục⁽¹⁾ chánh chương. Năm Thái Hoà thứ 4 (1446) thăng là Thiêm tri nội phiên viện sự, theo Lê Thu đi đánh Chiêm Thành, làm chức Kỷ lục⁽²⁾. Khi quân trở về, làm chức đồng tri. Năm thứ 7 (1449), lại làm chức An phủ phó sứ Tây đạo, sau thăng làm An bang trấn Tuyên úy đại sứ. Lê Niệm dâng biểu tạ như sau:

"Chia mối lo mặt bắc, bố phòng đã kém tài năng. Lên phiên trấn miền Đông, lại được vua ban sắc mệnh. Ôn ban quá hậu, mừng sợ khôn lường.

Thần lạm dự con cháu công thần; được làm quan do đường tập ấm, hầu Tiên hoàng trong khi nhàn rồi đã được yêu riêng; nay thánh hoàng vừa mới lên ngôi, lại được cất nhắc. Mấy năm làm việc trong tướng phủ; hai lần giúp mưu trong việc quân. Kho nội sai coi, không nên công trạng; việc thuế kinh đô, chẳng chút tài năng. Mới rồi vì ngoại trấn thiếu người, bèn đề cử ra làm tuyên phủ. Việc rồi như tơ, đã không thi thố được gì. Ăn gió nằm sương, bôn tẩu càng thêm khó nhọc. Hôm sớm vẫn mơ màng cửa khuyết, bỗng kẻ thù gấp lửa bỏ tay. Dạ thường lo lữ ác gièm pha; dầu ngay thẳng tránh sao khỏi tội. May nhờ ơn trên soi xét; lại được thăng lên. Như vùng Hải Đông, gần kề Trung Quốc. Đồng chưa nước mặn, cấy cày không tác đất màu; dân thạo bán buôn, phong tục khó bề giáo hoá. Dân có nghề mò châu dưới nước; thực là nơi ngoại quốc dòm nom. Đây là chỗ khác nhau, nên chọn người lão luyện.

⁽¹⁾ Bản A viết thiếu chữ "cục", đây chúng tôi theo bản B và bản H.

⁽²⁾ Bản A và H chép là: "Vì kỷ lục quân hoàn chuyển đồng tri", chúng tôi chưa hiểu nên ngắt câu sau chữ "quân" hay trước chữ "quân", và chưa hiểu nghĩa chữ "kỷ lục" là gì, nên tạm dịch như trên.

Trộm thấy: việc quân dân ở nơi trọng đại; trao cho thần là kẻ bất tài.

Nay gặp bề hạ: đương khở vận thịnh; làm rạng công xưa. Giữ quyền binh trong khi cải cách, đối xử nghiêm trang; dùng nhân tài phốt kẻ gièm pha, tự mình quyết đoán. Sáng suốt giống như Văn Vương; cầu hiền theo như Đại Thuấn. Đã thương thân là kẻ cơ hàn trợ trợ, ít cùng thế tục hoà hài; Lại thương ông cha thần vì nước bỏ mình, nối tiếp mấy đời trung nghĩa.

(Bề hạ): hay dở chẳng lầm nghe người nói, tin dùng chỉ quyết đoán ở mình.

Thần được may mắn này, lòng càng lo sợ lắm. Dám đâu không thể lòng vua. Cố gắng làm cho nước thịnh. Làm phen làm giàu, mong cho nơi biên trấn vững vàng. Phải hiếu phải trung, ngõ hầu để tiếng nhà tổ rạng".

(tờ 110a) Khi Lạng Sơn vương Nghi Dân làm việc thí nghịch, lúc đó ông giữ chức Xa kỵ đồng tổng tri chư quân sự vụ, ông cùng với bọn đại thần là Lê Lăng, Lê Xí, Đinh Liệt hợp mưu nắm lấy cấm binh, dẹp cuộc nổi loạn đó, giết bọn Phạm Đôn, Phan Ban, phế truất (tờ 110b) Nghi Dân, rước vua Thánh Tông lên ngôi.

Ngày 26⁽¹⁾ tháng 6 năm Quang Thuận thứ nhất (1460) bàn luận công lao, phong là Suy trung⁽²⁾ Bảo Chính công thần Tân An trấn thủ quân thượng tướng quân Sùng tiến nhập nội tứ mã, tham dự triều chính, tri ngự tiền các quân, ban túi kim ngư, ngân phù (ấn bạc),

⁽¹⁾ Bản B và H chép là: "nhị thập tứ nhật" (ngày 24).

⁽²⁾ Bản B và H có thêm hai chữ: "Suy trung" trước chữ "Bảo chính".

tước Đình Thượng hầu, ban quốc tính (họ vua). Lời chế văn viết rằng:

"Lê Niệm là người khí độ trăm hùng, thông minh sáng suốt. Dòng dõi công huân, đáng nòi trung nghĩa. Rực rỡ bảy cánh hoa vườn quý, thơm ngát hương danh. Võ cùng văn giỏi cả đôi đường, tuy trên sử dụng. Trấn thủ cõi nam phiên; xây dựng thành căn cứ vững.

Toàn gia trung hiếu, ông người trước đã hy sinh, tiếng tốt mấy đời, hầu tước nay người kế tập.

Mới đây vận nước nguy nan; bỗng khiến miếu đường nghiêng đổ. Kỷ cương rối loạn, đất trời hầu muốn vỡ tan. Chúc tước cho bữa, cuồng bạo tha hồ ngang dọc. Trung thần bao độ giận phải nghiêng răng. Tráng sĩ mấy phen khí xung lên mũ⁽¹⁾. Gối đồng⁽²⁾ lo việc (tờ 111a), với thù không đội trời chung. Kêu gọi giết thù⁽³⁾ dốc sức đánh loài phản nghịch. Khiến cho: ngôi vua lại vững; nhà nước thanh bình. Công trung hưng đã lớn; lễ báo đáp phải cao.

Vậy nay: vinh phong cho người làm Á tướng; ban thêm cho người tước Nguyên hầu⁽⁴⁾. Kiêm quyền lớn chỉ huy quân Cấm vệ. Sánh ngang với công thần trong họ vua. Để tỏ rõ đãi ngộ đặc biệt; để tỏ rõ đền công phi thường.

Than ôi! Có vua ấy, có tôi ấy, nhân duyên kia ắt bởi

⁽¹⁾ Nguyên văn là "xung quan". người tráng sĩ thấy chuyện bất bình, nổi giận, tốc dựng đứng chạm lên mũ. *Sử ký* - Kinh Kha truyện.

⁽²⁾ Gối đồng: người chăm việc vua, gối đồng nằm đợi sáng để đánh giặc (đồng: vũ khí cổ: là một mũi nhọn bằng sắt, có cán dài, dùng để đâm).

⁽³⁾ Nguyên văn bản A là "phân kích đại hồ" - vô nghĩa. Bản H là "phân tỵ đại hồ" (vung tay thét lớn). Ở đây chúng tôi dịch thoát.

⁽⁴⁾ Nguyên hầu: đứng đầu tước hầu.

trời xui? Trao chức võ trao chức văn, hy vọng công người thêm lớn".

Về sau, ông được thăng đến chức Thái bảo, phong tước Kỳ Sơn hầu. Tháng 10 bàn định công lao đưa vua lên ngôi⁽¹⁾, thăng tước Kỳ quận công, cấp cho 200 mẫu ruộng thế nghiệp.

Năm thứ 3 (1462) gia hàm Nhập nội đô đốc đồng Bình chương sự tri Đông đạo chư vệ quân kiêm sung Quốc tử giám tế tửu, về sau lại trao chức đề điệu Quốc tử giám. Bấy giờ con trai Nguyễn Xí là Đô đốc Nguyễn Sư Hồi, tính người giáo quyết thâm hiểm, làm thơ⁽²⁾ nặc danh vút ở ngoài đường, cho truyền đến tai vua, muốn lật đổ Lê Niệm và (từ 111b) Nguyễn Lỗi⁽³⁾. Thơ ấy chưa kịp lưu truyền thì mưu gian bị lộ. Mọi người xin trị tội Hồi; nhà vua cho rằng cha Sư Hồi là Nguyễn Xí có công to, nên cũng không bắt tội, nhưng ban sắc an ủi bọn Lê Niệm. Năm thứ 4 (1463), ông sung vào chức Đề điệu thi Hội. Sau nhà vua ban sắc dụ rằng:

"Trước đây, Hoàng Thái Tổ ta khai sáng cơ nghiệp, cha người tên là Lâm, rong dong ruổi tây, vì nước bỏ mình, đến khi vua Thái Tông nối ngôi giữ nghiệp, nghĩ tới công lao của cha người, lúc ấy người còn nhỏ tuổi, chưa làm quan được, vua Nhân Tông giao cho bọn tế

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "công" trong câu: "Luận định sách công" (bàn luận công lao đưa vua lên ngôi) - theo bản H.

⁽²⁾ Bản A chép là "nặc danh thư" (*thư nặc danh*); bản B và H chép là "nặc danh thi" (*thơ nặc danh*).

⁽³⁾ Theo nội dung bài thơ chép ở truyện Nguyễn Xí trong sách này thì Sư Hồi nhằm vu cáo lật đổ bốn người là: Lê Niệm, Nguyễn Lỗi, Lê Thọ Vực và Trịnh Công Sái; bản A chỗ này lầm Nguyễn Lỗi ra Nguyễn Lai, đây xin sửa theo bản B và H.

thần, ra trấn giữ nơi hùng phiến, bèn đến nổi biển loạn xảy ra ở kẻ nách, người hết lòng mưu việc phục hồi, gươm sắc một lần vung lên mà kẻ gian tà phải nộp đầu, ngói báu lại về chính vị, và tông miếu xã tắc vững yên. Khanh đã lập công không gì lớn hơn, nên giữ mãi nghiệp không ai sánh kịp. Trên thì nghiệp của tổ tông ta càng thêm sáng tỏ; dưới thì công lao của cha con người ngày càng rõ ràng, há chẳng tốt ư?"

Năm thứ 8 (1467) vua về Tây Kinh, sai ông làm chức lưu thủ Đông Kinh⁽¹⁾. Ít lâu thăng chức Bình chương quân quốc trọng sự. Năm thứ 9 (*từ 112a*) (1468) ông hộ tòng⁽²⁾ nhà vua về Tây Kinh.

Năm Hồng Đức thứ nhất (1470), nhà vua thân đi đánh Chiêm Thành, cử ông làm Chinh lỗ phó tướng quân, cùng với Đinh Liệt chỉ huy quân thủy tiến trước, đánh được thành Đồ Bàn, bắt được Trà Toàn. Khi quân trở về, bàn luận công lao, vua ban cho thực phong 300 hộ, lại sai làm chức Bình khấu tướng quân⁽³⁾, cùng phó tướng là Trịnh Công Lộ, thống lĩnh việc quân, và lĩnh 3 vạn quân ở Thanh Nghệ, Thuận Hoá tiến vào Quảng Nam, đánh giết bọn giặc cướp⁽⁴⁾, bắt được Trà Toại của Chiêm Thành đem về kinh đô⁽⁵⁾.

Năm thứ 10 (1479), sai làm tướng quân, đem binh

⁽¹⁾ Tức là ở lại giữ Đông Kinh (Thăng Long).

⁽²⁾ Bản A chép sót chữ "tùng" trong "hộ tòng", đây xin sửa theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là "phục vi bình sai tướng quân" - sai, xin sửa theo bản B và H là "phục mệnh vi bình khấu tướng quân".

⁽⁴⁾ Bản A chép là "tiểu sát tặc khấu", xin sửa theo bản B và H là "tiểu sát tặc khấu" (giết bọn giặc cướp).

⁽⁵⁾ *Toàn thư* chép về việc này vào năm 1471.

đánh Bôn Man, đại phá được giặc. Vua nước ấy là Cầm Công chạy trốn, ta tiến quân đến sông Trường Sa, giáp nước Miến Điện thì trở về.

Năm thứ 13 (1482), gia phong là Suy trung Bảo chính Minh nghĩa Hồng đức Thuần Tín công thần khai phủ Thái phó Tĩnh quốc công.

Tháng 3 năm thứ 16 (1485), ông mất, tặng là Thái úy, thụy là Trinh Ý.

Lê Niệm vì là dòng dõi công thần⁽¹⁾, có công từ triều trước, làm chức phụ tướng, nắm quyền ngôn luận của nhà nước trong 30 năm. Mấy lần đem quân đi đều lập công lớn, uy đức danh vọng nổi bật. Là một người thanh danh trọn vẹn, hưởng phúc đầy đủ trong triều đình, được cả đương (tờ 112b) thời khen ngợi. Ông có học vấn, giỏi thơ. Vua Thánh Tông mỗi khi có làm thơ để vịnh, thường bảo ông họa lại. Nhà ông ở gọi là Thuyền Hiên, là có chí hâm mộ phong cách của Đào Chu⁽²⁾. Thân ở lang miếu mà nếp sống thanh đạm phơi phơi thoát trần. Người ta phục sự thanh cao của ông. Lương Như Hộc tuyển thơ có chép 25 bài của ông.

Ông có 25 người con, trong đó 15 người con trai, 3 người tước hầu, 2 người tước bá, 2 người làm tả đô đốc, 1 người làm thượng thư. 10 người con gái thì 1 người làm hoàng hậu, 1 người là cung tần. Con trai thứ tư là Lê Khủng làm chức Tham đốc, theo đi đánh Chiêm Thành

⁽¹⁾ Bản A chép sót hai chữ "thế thân" (dòng dõi công thần) trước chữ "tiên", đây xin theo bản B và H.

⁽²⁾ Đào Chu: Tức Phạm Lãi, giúp Câu Tiễn lấy được nước rồi không làm quan, trốn về đi chơi Ngũ hồ, có hiệu là Đào Chu Công.

bị chết, tặng là Thái bảo Thuần quận công. Nay cháu ông tên là Duật còn ở Ngọc Thôn thuộc huyện Hoàng Hoá. Họ ông ta có hơn 100 đình. Con trai thứ 5 tên là Lê Ý, tước Diên Trực hầu, theo đi đánh Chiêm Thành có công, phong là Thuần chính Tuyên lược công thần Tả đô đốc, Chương phủ sự Diên quận công. Con thứ hai tên là Lê Chí.

(Phụ: LÊ CHÍ)

Lê Chí, tính nết trầm tĩnh kiên nghị, trí lực hơn người⁽¹⁾, làm chức Tả đô đốc, theo đi đánh Chiêm Thành, xông lên trước phá giặc, bắt được chúa giặc là Trà Toại. Khi quân về, phong tước Bình Lương bá. Năm Hồng Đức thứ 18 (1487) vua sai cùng với Kinh Dương hầu⁽²⁾ Lê Quyền và các quan trong năm phủ, sáu bộ (từ 113a) ngự sử đài, sáu tự soạn dùng Minh lệnh⁽³⁾ gồm 145 điều. Sau đó tiến phong tên tước Bình Lương hầu.

Năm thứ 27 (1496), nhà vua về Lam Kinh, Lê Chí và Lê Vĩnh đi theo⁽⁴⁾, nhà vua nghĩ tới công nghiệp của cha ông Chí và Vĩnh là Lê Sao và Lê Thọ Vực, bèn làm thơ ban cho. Lại đem cho Chí 30 lạng bạc kim, cho Vĩnh 25 lạng để khao mừng thân quyến. Khi vua Thánh Tông mất, lúc đó Lê Chí làm chức Thái bảo, đứng đầu bách

⁽¹⁾ Bản A chép là "Chí, hữu tư lực trầm nghị", đây xin sửa theo bản B và H là "Chí, tư tính trầm nghị, trí lực xuất quần".

⁽²⁾ Bản A chép sót chữ "hầu" đây xin sửa theo bản B và H.

⁽³⁾ Nguyên văn là "Minh lệnh", có lẽ là dựa theo luật lệnh nhà Minh trích soạn ra mà dùng.

⁽⁴⁾ Bản A sót chữ "tùng" (đi theo), đây xin bổ sung theo bản B và H.

quan, cùng với Trịnh Công Đán, Lê Vĩnh phò vua Hiến Tông lên ngôi, được tiến phong là Quỳnh quận công, rồi mất. Đến đầu niên hiệu Đoan Khánh (1505) tặng là Hoài quốc công.

Ông có 5 người con trai, 1 người được phong tước công, 2 người phong tước hầu, 1 người tước bá, 1 người làm phò mã, gia đình quý hiển không ai sánh kịp.

Cháu xa đời là Nhân Lương hầu Lê Công Thái, Tín quận công Lê Công Từ, thờ vua Trang Tông và Thế Tổ Thái vương⁽¹⁾, nhiều lần lập công, đều làm đến chức Thái bảo, phong là Tuyên Lực công thần. Đến các ông Nghĩa Lộc hầu Công Trừng, Hoàng Lễ hầu Công Giới, thờ vua Thần Tông và Văn Tổ Nghị vương⁽²⁾, thường đi theo hộ vệ, và ra sức đánh dẹp, đều được phong là Dương Vũ (tờ 113b) Uy dũng Tán trị công thần. Năm Chính Hoà thứ 13 đời vua Hy Tông (1692), vua sai quan lưu thủ là Nguyễn Thời Vân, dựa theo nền cũ ở thôn ấy, xây dựng từ đường thờ Trung Túc vương Lê Lai và cấp ruộng tế tự để biếu dương công lao xưa. Ngày nay con cháu dòng dõi rất đông.

Cháu ba đời là Lê Đăng Doanh, Lê Đăng Trụ, cũng dự trong hội thị nhưng hầu duyệt⁽³⁾ thêm tổng tri. Tờ thế vua phong cho Lê Niệm tước Đình Chỉ hầu từ đời Quang Thuận nay vẫn còn.

⁽¹⁾ Thế Tổ Thái vương tức Trịnh Kiểm, bản A chép là "đại vương" - sai, đây xin sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Văn Tổ Nghị vương: tức Trịnh Tráng.

⁽³⁾ Nguyên văn ở cả 3 bản A, B và H là "dự thị nhưng tích hầu duyệt thêm tổng tri" - chưa hiểu nghĩa thế nào, xin tạm dịch như trên.

4. LÊ LỄ

Lê Lễ, người sách Thuý Cối⁽¹⁾ thuộc Lam Sơn, vốn họ Đinh, được ban quốc tính (họ vua); là cháu ngoại gọi vua Thái Tổ bằng cậu. Ông tính người anh nghị quả cảm, nhiều mưu lược, võ nghệ hơn người, lúc còn trẻ đi hầu cận hộ vệ nhà vua. Trung cuộc loạn do "thằng Ái"⁽²⁾ gây ra, ông cùng vua náu ở núi Chí Linh, ném đủ mùi gian khổ. Năm Giáp Thìn (1424) vua cùng tướng Minh đánh nhau to ở ái Khả Lưu, ông cùng Lê Sát xông lên hãm trận trước, các quân sĩ đua nhau tiến lên, quân giặc thua to, ta bắt được Chu Kiệt, chém được Hoàng Thành⁽³⁾, đuổi dài Trần Trí. Sơn Thọ, bắt sống không biết bao nhiêu mà kể. Do đó ông được phong là Tư không. Mùa xuân năm Ất Tỵ (1425) nhà vua vây Lý (tờ 114a) An và Phương Chính ở thành Nghệ An, tháng 5 năm ấy vua sai ông đi tuần ở Diễn Châu, ông phục binh trước ở ngoài thành, quân giặc không biết, đúng lúc viên Đô ty nhà Minh là Trương Hùng, lĩnh hơn 300 thuyền lương từ Đông Quan tới, quân trong thành rất mừng, mở cửa ra đón, quân phục của ta bỗng nhiên vùng dậy tấn công chém được viên thiên hộ họ Tưởng và hơn 300 quân sĩ. Trương Hùng thua chạy, ông cướp được thuyền lương, thừa thế đuổi theo đến tận Tây Đô. Vua lại sai các ông Lê Sát, Lê Triện đem quân tiếp ứng, đi gấp đường đến tập kích, chém được 500 đầu giặc. Giặc chạy vào thành. Ông chiêu phủ dân cư, thu dùng những người tài giỏi khoẻ mạnh, tiến

⁽¹⁾ Bản B và H chép là "Thuý Sách".

⁽²⁾ Loạn "thằng Ái": xem phần Đế kỷ.

⁽³⁾ Bản A chép sót chữ "trảm" (chém). đây xin theo bản B và H.

lên vây thành. Tên chỉ huy là Đả Trung và Tham chính là Lương Nhữ Hốt đóng cửa thành chống cự. Năm Bính Ngọ (1426) tháng 8⁽¹⁾ nhà vua chia quân ra các nơi chiếm đất: Phạm Văn Xảo, Lê Triện, Trịnh Khả đi tuần ở các xứ Thiên Quan, Quảng Oai, Quốc Oai, Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, Tam Đái, Tuyên Quang; Lê Bị, Lê Khuyển⁽²⁾ đi tuần ở Khoái Châu, Bắc Giang, Lạng Giang; vua sai ông và Lê Xí đem quân tinh nhuệ cùng với bọn các ông Phạm Văn Xảo⁽³⁾ theo sau (từ 114b) tiếp ứng; bọn ông Lê Triện đánh thắng giặc Ngô ở Ninh Kiều, đóng ở phía Tây sông Ninh. Lúc này Tổng binh nhà Minh là Thành Sơn hầu Vương Thông dẫn quân từ Yên Kinh mới tới, khí thế đang hăng, đem cả 10 vạn quân chia làm ba cánh kéo ra khỏi thành. Vương Thông tự đóng đồn ở bến Cổ Sở, làm cầu phao muốn qua sông, còn Phương Chính sang đóng đồn ở Sa Đội, Sơn Thọ đóng đồn ở cầu Thanh Oai, doanh trại tiếp liền tới vài mươi dặm. Lê Triện đánh bại quân Sơn Thọ, còn bọn Vương Thông thì đặt phục binh để chẹn quân ta. Lê Triện bèn thu binh chiếm giữ chỗ hiểm, cấp báo với Lê Lễ. Lê Lễ cùng với Lê Chiến, Lê Xí lúc này đã bí mật phục tinh binh ở Thanh Đàm để đợi. Được tin Lê Triện báo tới, bèn đang đêm đem hơn 3.000 quân tinh nhuệ và 2 con voi tới cứu, hội ở Cao Bộ, chia quân phục ở chỗ hiểm yếu. Ta bắt được gián điệp của giặc, hỏi biết được bọn Vương Thông định đặt pháo ở phía sau quân ta. Ông và Lê Triện bàn rằng: "Nay muốn dụ chúng vào ổ

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "bát nguyệt" (tháng 8), đây xin theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là Lê Đại, đây xin theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A là "tương binh vi Văn Xảo đẳng" - vô nghĩa, đây xin sửa theo bản B và H là: "tượng tinh binh dữ Văn Xảo đẳng".

mai phục của ta, không gì bằng tương kế tựu kế". Bèn bảo các tướng: hễ nghe tiếng pháo thì cứ mai phục bất động. Vương Thông nghe súng pháo nổ cho rằng đó là cánh quân của y và đi đường tắt đã đến sau lưng ta mà bắn (tờ 115a).

Khi toàn bộ quân địch đã vào sâu và qua sông, chỉ cách sông Yên Duyệt vài dặm, thì phục binh ba mặt⁽¹⁾ đều nổi dậy, thả sức xông ra đánh giặc tại các xứ Tốt Động (nay thuộc Mỹ Lương) và Chúc Động (nay thuộc Chương Đức). Ta đại thắng giặc, chém được Thượng thư của giặc là Trần Hiệp và nội quan Lý Lương, cùng 5 vạn quân sĩ, số giặc bị chết đuối rất nhiều. Nước sông Ninh Giang tắc không chảy được. Ta bắt sống được hơn 1 vạn tên, thu được quân tư khí giới nhiều vô kể. Phương Chính, Vương Thông, Mã Kỳ đều chạy về Đông Đô. Ông thừa thắng bao vây thành, rồi dâng thư về báo cho vua Thái Tổ biết. Lúc này vua đã từ Nghệ An tiến ra đóng ở hành doanh Lối Giang tại Tây Đô. Nhân được thư báo tiếp của ông, lập tức vua tự thống suất đại quân thủy bộ cùng tiến. Bọn ông đón vua ở Lũng Giang. Trước đó quan quân tuy luôn đánh thắng, nhưng vẫn dựa vào Hoan Ai (Thanh Nghệ), chưa dám tiến ra Đông Đô đánh địch. Các ông Lê Triện và Trịnh Khả vì quân đơn độc cứ đi lại ở vùng Thiên Quan, Quảng Oai, Tam Giang, rồi áp sát vào đô thành. Người trong nước còn sợ oai giặc Ngô, chưa quy phục nhà vua hết thảy. Từ sau chiến thắng Tốt Động, quân ta bèn vây Đông Đô. Sĩ dân ở các phủ huyện (tờ 115b) hưởng ứng rầm rộ. Những người hào kiệt trí dũng

⁽¹⁾ Bản A thiếu chữ "tam diện" (ba mặt), đây xin bổ sung theo bản B và H.

theo về như đi chợ. Thành trì giặc các nơi lần lượt bị phá hoặc xin hàng, mà 3 ty nhà Minh phải đóng cửa thành tự thủ, thế cùng bức bách buộc phải xin hoà. Trong khoảng một năm, cả nước được bình định. Đó đều là công của bọn các ông Lê Lễ, Lê Triện.

Nhà vua tới Tây Phù Liệt, tự chỉ huy đánh phía Nam thành, sai Trần Hân đem thuỷ quân theo sông Hát kéo xuống. Vua sai ông Lễ đem quân từ cầu Tây Dương, nhân lúc ban đêm bí mật tiến vào. Ba mặt hợp lực tiến công, phóng lửa đốt nhà cửa ở bên ngoài thành; khói lửa ngút trời; lính đóng đồn của Phương Chính tranh nhau chạy vào thành, đè lên nhau mà chết, ta bắt sống được rất nhiều. Vương Thông dựa vào thành cố thủ. Mùa xuân năm Đinh Mùi (1427) nhà vua tiến quân lên phía Bắc sông Lô, đối diện với thành. Chia các tướng giữ⁽¹⁾ chặn các cửa, vua sai ông đóng đồn ở cửa Nam thành, Lê Triện đóng ở cửa Bắc thành, đây là hai nơi xung yếu nhất. Tháng 2, Lê Triện đánh nhau với địch, bị chết ở động Từ Liêm. Tháng 3⁽²⁾, Vương Thông đem hết quân tinh nhuệ trong thành ra đánh Thái giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Lê Nguyễn giữ vững thành chống cự giặc⁽³⁾. Nhà vua nghe tin Lê Nguyễn nguy cấp, bèn giục ông và Nguyễn Xí đem hơn 500 quân Thiết đột (từ 116a) tới cứu. Giặc Minh thua chạy. Ta đuổi tới Mỹ Động. Vương Thông thấy ông ít quân lại không có tiếp ứng, bèn ép lại đánh. Ông và Nguyễn Xí cuội voi cố sức đánh, bị sa xuống vũng

⁽¹⁾ Bản A thiếu các chữ "phân" (chia), "thủ" (giữ); đây xin sửa theo bản H.

⁽²⁾ Bản B và H chép là "ngũ nguyệt" (tháng 5); *Cương mục* chép việc này vào tháng 3.

⁽³⁾ Bản A chép là "kiên bích *báo* tặc", vô nghĩa, đây xin sửa theo bản B và H là "*cự chiến*" (chống cự giặc).

lấy⁽¹⁾, bị quân Minh bắt được, đem về thành Đông Quan. Ông không chịu khuất, bèn bị hại, Nguyễn Xí bị tù, về sau trốn thoát được.

Trước đây, mỗi khi ông ra trận, nhà vua thường răn ông về thói khinh địch, đến khi thắng trận Tốt Động, mọi người ai cũng cho là giỏi, nhà vua bảo rằng: "Trăm trận đánh được cả trăm trận không phải là tốt đâu, hấn cạy lanh giỏi quen mũi được luôn, thất bại có thể đứng trông thấy ngay", đến đây quả nhiên như thế. Người đương thời không ai không thương tiếc ông. Nhà vua vô cùng thương xót, cho em ông là Đinh Liệt làm Nhập nội thiếu úy, tước Á hầu, các vợ lẽ của ông là bọn Hà Ngọc Dung gồm 5 người được làm tông cơ⁽²⁾. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), tặng ông là Nhập nội kiểm hiệu tư đồ. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), gia tặng là Thái sư Bán quốc công, về sau tấn phong là Hiến Khánh vương.

Em ông là Đinh Liệt.

5. ĐINH LIỆT

Đinh Liệt và Đinh Lễ cùng thờ vua Thái Tổ, được vua coi làm tâm phúc, luôn cho theo hầu bên cạnh, vượt núi leo đèo, trải bao gian khổ, chiến công rất nhiều. Năm Giáp Thìn (1424), vua đã chiếm được châu Trà Lân, sắp đánh thành Nghệ An, gặp lúc tướng Minh đem đại quân thủy bộ cùng đến. Vua bèn chia hơn 1.000 quân cho Đinh

⁽¹⁾ Bản A chép là "hãm trận trung" (rơi vào giữa trận) - không hợp - đây xin sửa theo bản B và H là "hãm náo trung" (sa xuống vùng lầy).

⁽²⁾ *Tông cơ*: tức là danh hiệu quận chúa (theo chế độ nhà Tống).

Liệt, sai theo đường tắt chiếm trước huyện Đỗ Gia (nay là huyện Hương Sơn). Quân Minh quả nhiên đến ải Khả Lưu. Vua chờ cho giặc vào ổ mai phục, rồi sai Đinh Lễ đem quân ra đánh, còn Đinh Liệt đánh tập hậu, quân giặc thua to.

Khi nhà vua đã bao vây Đông Đô, Đinh Lễ (anh Đinh Liệt) đánh giặc, bị hy sinh ở My Động. Nhà vua rất thương xót, phong cho Đinh Liệt làm Nhập nội thiếu úy Á hầu. Đến khi Liễu Thăng kéo quân sang, vua sai ông theo Tư mã Lê Sát, đem quân lên Chi Lăng chống cự. Ông cùng các tướng góp sức tiêu diệt địch, chém được Liễu Thăng, bắt hết cả cánh quân của y. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), xếp ông vào chức Thứ thủ quân Thiết đột. Trong số những người có công theo vua từ Lũng Nhai thì Đinh Liệt dự ở hạng đầu, được phong là Suy trung Tán trị Hiệp mưu Bảo chính công thần Vinh lộc đại phu Tả kim ngô đại tướng quân, tước Thượng trí tự. Tháng 5 năm thứ 2 (1429), khắc biển công thần, ông được phong là Đinh Thượng hầu. Năm thứ 5 (1432), tiến phong là Nhập nội tư mã, tham dự triều chính. Năm Thiệu Bình (tờ 117a) thứ nhất (1434), ông cùng các vị tể tướng⁽¹⁾ tuyển chọn đình tráng làm lính. Tháng 5, vì người Chiêm Thành vào cướp phá, sai ông thống lĩnh các quân ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá, đến địa phận Tân Bình, Thuận Hoá tuần tiểu và hạ lệnh các tướng hiệu, quân nhân khi ra trận mà trái lệnh hoặc rút lui phản bội, thì cho phép ông được chém trước tâu sau. Ông

⁽¹⁾ Bản A chép là "lệnh chủ tể tướng". chữ "lệnh" là chỉ vua ra lệnh, bản B và H chép "dữ chủ tể tướng", tức là Đinh Liệt cùng với các quan có trách nhiệm phò tá khác..., đây xin sửa theo bản B và H.

đến Hoá Châu, vua Chiêm Thành là Bố Đê nghe tin trong nước ta vô sự, rút quân về. Ông muốn về, gặp lúc người man ở Hoá Châu là Đạo Thành bị tên Đạo Dụ đánh, đến xin cứu viện, ông bèn dẫn quân tới đánh giúp, bắt được hơn 1.000 tên giặc và vài chục con ngựa đem về. Tháng 7 năm Thái Hoà thứ 2 (1444) đời vua Nhân Tông, có kẻ vu cáo, Thái hậu sai giam ông dưới hầm. Người trong họ vua là các ông Lê Khắc Phục và công chúa Ngọc Lan vào tàu rất khẩn thiết, xin Thái hậu rộng ơn, nới phép, đến tháng 6 năm thứ 6 ông mới được tha ra. Tháng 3 năm thứ 8, mới đều tha cả vợ con ra. Trong niên hiệu Diên Ninh (1454 - 1459), ông làm chức Thái bảo. Khi Lạng Sơn vương Nghi Dân làm chuyện thí nghịch, ông cùng với các ông Lê Lăng, Nguyễn Xí cầm đầu các quan xướng nghĩa (từ 117b), giết bọn phản nghịch, và rước vua Thánh Tông lên ngôi. Tháng 6 năm Quang Thuận thứ nhất (1460), tiến phong chức Khai phủ Nghi đồng tam ty, Bình chương quân quốc trọng sự. Nhập nội thái phó Á quận hầu.

Chế văn như sau:

"Trẫm nghĩ: Vận nước nhà gặp biến phi thường, hoạ không phải nhỏ; Kẻ thần tử lập nên công lớn, đền đáp phải to. Đâu phải ơn riêng, phép công vốn thế. Xét Đinh Liệt đây: Sớm đem tình ruột thịt, ra ứng hội phong vân. Tiếng sáo thổi lên tiếng kèn liên hoa⁽¹⁾, anh em tài giỏi hoà hai.

Kẻ giữ biên ải, người trong miếu đường, văn võ kiêm tài làm tướng. Tiến lui với nước; cùng vui cùng lo. Tròn một tiết, giữa gian nan nguy hiểm, càng tỏ trung trinh;

⁽¹⁾ Tiếng sáo tiếng kèn: chỉ tình anh em giữa Đinh Lễ và Đinh Liệt.

trải hai triều, giữ cố mệnh được trao, nhiều công phò giúp. Xứng đáng là bề tôi xâ tắc; lại trao thêm trách nhiệm cầm cân⁽¹⁾. Địa vị công lao càng lớn; gần xa ai cũng trông vào. Dẫu lời gièm vo ve không dứt, khác nào những tiếng nhặng xanh? Biết đức âm chẳng có vết nhơ, người vẫn ung dung giày đỏ⁽²⁾. Trời muốn cho nước trị bình; lẽ phải há đâu khuất mãi. Nước vừa gặp cơn (tờ 118a) truân bĩ; hoạ sinh ngay ở trong nhà. Khen thay lòng trung trinh của người; xứng đáng làm cột đá chống đỡ. Một sớm xướng lên việc phục thù, giường mỗi hết thảy đều chấn chỉnh; ba quân cùng hết lòng giúp sức, đảng ác đều bị dẹp yên. Làm cho vua được tốt; nên thưởng chức quan to. Được vinh hạnh mở phủ; lên ngôi cao sư thần. Giữ việc quân quốc là trách nhiệm long trọng; cho lên quận hầu là tước phẩm vẻ vang. Để nêu rõ công lao to lớn; để tỏ ơn đãi ngộ cao dày. Than ôi! Quyết định sách lớn⁽³⁾, hoàn thành việc to, thực xưa nay là chuyện khó; đem đức có một, giúp cho một người⁽⁴⁾, mong sau trước chẳng đổi thay.

Hãy kính theo mệnh trẫm; là phúc tốt cho người!"

Sau đó cải phong là Lân Tường hầu. Tháng 10, bàn định công lao phò vua lên ngôi, tiến phong ông lên tước Lân quận công. Tháng 12, vua sai ông cùng Lê Lăng đi đánh giặc Man là họ Cầm⁽⁵⁾ (Cầm Man), tiến vị tên là Thái sư phụ chính. Năm Hồng Đức thứ nhất (1470), vua

⁽¹⁾ *Cầm cân*: chức Bình chương (như tể tướng mà Lê Liệt được phong).

⁽²⁾ *Giày đỏ*. Chu Công Đán đời xưa làm nhiếp chính giúp vua Thành Vương nhà Chu, khi bị gièm pha, ông lánh ra ở riêng một nơi, và ngày ngày vẫn lẹp kẹp đi đôi giày đỏ tỏ vẻ ung dung vô tư lự.

⁽³⁾ Chỉ việc lập vua Thánh Tông.

⁽⁴⁾ *Một người*: chỉ nhà vua.

⁽⁵⁾ *Họ Cầm*: tức là họ Lư Cầm, tù trưởng của Bồn Man (*Cương mục*, quyển 19).

thân chinh đi đánh Chiêm Thành, ông sung chức Chinh Lỗ tướng quân, cùng Lê Niệm chỉ huy quan thuyền đi trước, đánh chiếm được thành Đồ Bàn, bắt được Trà Toàn đem về kinh sư. Năm thứ 2 (1471)⁽¹⁾ thì ông mất, sau đó truy phong là Trung Mục vương⁽²⁾. Ông là người có công đầu giúp vua (từ 118b), mở nước (khải quốc nguyên huân), trải thờ bốn triều vua, lại là công thần trung hưng⁽³⁾ số một, địa vị và danh vọng đều rất cao. Từ năm Quang Thuận thứ 6 (1465), sau khi Nguyễn Xí mất, ông làm thủ tướng khoảng 10 năm, quyết định những việc lớn của nhà nước, được nhà vua hết sức tin tưởng, và trong triều ngoài quận rất tôn trọng.

Con ông tên là Công Nhiếp, thờ vua Thánh Tông, làm quan đến chức Thị lang bộ Binh, tước Văn Thắng hầu, tặng là Thượng thư bộ Binh. Cháu ông là Phúc Vận, thờ vua Anh Tông, vua Thế Tông và chúa Thành Tổ Triết vương (Trịnh Tùng) tiêu trừ giặc Mạc, thu phục kinh sư, lập được công, được thưởng kim bài, phong là Uy dũng Tuyên lực Kiệt tiết công thần Thái tổ Nam quận công.

Con của Phúc Vận tên là Thừa Cậ, cũng theo đi đánh dẹp có công, làm quan đến Thái tổ Thuý quận công⁽⁴⁾.

Con của Thừa Cậ là Phúc Diên, thờ vua Thần Tông và chúa Văn Tổ Nghị vương (Trịnh Tráng), đánh giặc lập được công, được ban kim bài, làm quan đến Tả đô đốc Đông quân thiếu úy Dương quận công.

⁽¹⁾ Bản A chép là "nhị nguyệt" (tháng 2), sai - theo các bản B, H và LTHCLC, là năm thứ hai.

⁽²⁾ LTHCLC chép là Mục vương.

⁽³⁾ Chỉ việc giành lại ngôi vua từ tay Nghi Dân.

⁽⁴⁾ Bản A chép là "quận vương", đây xin sửa theo bản B và H là "quận công".

Con của Phúc Diên là Phúc Tiến thờ chúa Hoàng Tổ Dương vương (Trịnh Tạc), làm Chánh đội trưởng, tước Khuông Cầu hầu.

Con của Phúc Tiến là Phúc (tờ 119a) Đạt, thờ vua Hy Tông, vua Dụ Tông và chúa Khang vương (Trịnh Căn), làm chức Chánh đội trưởng Phan Lộc hầu. Con thứ là Phúc Liên, tước Trí An hầu.

Con Phúc Đạt là Văn Chất, tước Triệu Vũ hầu. Cháu (gọi bằng ông) là Văn Giám, làm chức Quản đội Phố Cát, tước Diên Phương bá. Cuối niên hiệu Vĩnh Hựu (1735 - 1740) bị chết trận. Nay con ông ta là Văn Chuyên, nhờ di ẩm của cha là tước hầu⁽¹⁾, cho được xuất thân ở xã Thanh Nê huyện Nông Cống.

Con cháu của Phúc Liên ở riêng ra tại xã Ý Đồn huyện Thần Khê.

Dòng dõi của Đình Liệt lại còn một chi ở xã Đội Phục huyện Nông Cống, đều sinh con đẻ cháu rất đông.

6. LÊ TRIỆN⁽²⁾

Lê Triện người trang Bái Đô huyện Lôi Dương, cha tên là Lê Ba Lao. Lê Triện tài năng và dũng lược hơn người. Lúc đầu theo vua Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, từng trải gian nan nguy hiểm. Năm Canh Tý (1420), Lý Bân và Phương Chính đem quân qua vùng đất của thổ tù

⁽¹⁾ Bản A chép là "đi tư ẩm hậu duyệt đặc xuất thân", bản B và H chỉ khác chữ "hậu" đổi là "hầu" chưa rõ nghĩa.

⁽²⁾ *Cương mục* chép là Lý Triện.

Quỳ Châu là Cẩm Lạn vào Mường Thôi⁽¹⁾ để đánh quân ta. Lê Triện cùng với các ông Lê Lý, Lê Văn đem vài nghìn khinh binh chặn giặc. Nhà vua thì phục binh ở Bồ Mộng để đợi, đánh phá được quân giặc. Tháng 10, mùa đông năm Nhâm Dần (1422) nhà vua đã (từ 119b) đánh đuổi được quân Ai Lao rồi, tiến về đóng ở đồn Quan Gia. Quân Ai Lao và quân Minh hẹn nhau cùng đánh kẹp lại, nhà vua bèn lui về đóng ở sách Khôi. Người Minh đem lực lượng lớn đến bao vây. Vua ra lệnh cho tướng sĩ quyết tử chiến đấu, ông và Lê Linh, Lê Văn... xông thẳng vào trận, chém được tham tướng địch là Phùng Quý, và hơn 1.000 quân giặc, bắt được 100 con ngựa. Mã Kỳ và Trần Trí chạy về kinh sư, quân Ai Lao cũng bỏ chạy. Nhà vua nghỉ binh ở Linh Sơn, bị tuyệt lương mất hơn hai tháng. Ông cùng các tướng tuần tra vỗ về quân sĩ, và vẫn theo sát bên vua không hề trễ nải. Mùa xuân năm Ất Tị (1425), vua vây thành Nghệ An, sai⁽²⁾ Lê Lễ đi tuần ở Diễn Châu đánh úp Tây Đô, sai Lê Triện làm hậu viện, đi gấp theo đường tắt đánh úp phá quân giặc, rồi kéo tới vây Tây Đô; ông được phong lên Thiếu úy. Tháng 8, mùa thu năm Bính Ngọ (1426), nhà vua tăng thêm lính và voi, sai Phạm Văn Xảo cùng Lê Triện đem 3.000 quân, 1 thớt voi, đi tuần ở các xứ Thiên Quan, Quảng Oai, Quốc Oai, Quy Hoá, Gia Hưng⁽³⁾, Đà Giang, Tam Đái, Tuyên Quang. Ông đi tắt đến đánh Đông Đô, Tham tướng⁽⁴⁾ nhà

⁽¹⁾ Bản A chép là Mường Nhai, bản B, H và *Toàn thư* chép là Mường Thôi (III,1b).

⁽²⁾ Bản A chép sót chữ "mệnh" (vua sai), đây xin theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép lầm là Gia Hoá, đây xin sửa theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Bản A sót chữ "tham" trong "tham tướng", đây xin sửa theo bản B và H.

Minh là Trần Trí (tờ 120a) hoảng sợ, thấy ông ít quân lại từ xa đến, đem hết quân ra đánh. Đến địa phương Ninh Kiều⁽¹⁾ thuộc phủ Ứng Thiên (nay thuộc Chương Đức), ông và Trịnh Khả, Đỗ Bí ra sức đánh phá được giặc, tiến tới đắp lũy ở phía tây Ninh Giang. Trần Trí mới tăng thêm lũy, đào hào làm kế giữ thành, và đưa thư cáo cấp tới Lý An, Phương Chính bảo chúng bỏ Nghệ An kéo về cứu nơi cỗi rễ. Phương Chính, Lý An vội vàng vượt biển rút về⁽²⁾ Đông Đô. Vua Thái Tổ thừa thế đuổi theo, rồi kéo ra đóng ở thành Tây Đô. Dân các phủ huyện nghe tin vua đã về tới Thanh Hoa, bèn đua nhau tới cửa quân xin ra sức tỏ lòng trung nghĩa. Thanh thế của quân ta càng nổi, đó là do công của ông đánh Đông Đô trước vậy. Tháng 9, ông và quân Minh đánh nhau ở cầu Nhân Mục, chém được hơn 1.000 đầu giặc, bắt được Đô ty Vi Lượng.

Viên tổng binh⁽³⁾ nhà Minh là Thành Sơn hầu Vương Thông, Tham tán Binh bộ Thượng thư Trần Hiệp từ Trung Hoa đem 5 vạn quân và 5.000 ngựa⁽⁴⁾ sang, tháng 10, chúng tới Đông Đô, nhân khí hăng khi quân vừa mới sang, chúng đem toàn bộ quân số, chia ra ba đường đánh quân Lê Triện. Vương Thông qua (tờ 120b) cầu Tây Dương, đóng ở bến đò Cổ Sở, còn Phương Chính, Lý An đóng đồn ở cầu Sa Đôi⁽⁵⁾. Sơn Thọ, Mã Kỳ ra lối Nhân

⁽¹⁾ Bản B và H chép là Thiên Kiều.

⁽²⁾ Bản A sót các chữ "phù hải thoái" (vượt biển rút).

⁽³⁾ Bản A chép là "tổng quản quan", đây xin sửa theo bản B và H là tổng binh quan.

⁽⁴⁾ Bản A chép là tượng mã (voi ngựa), xét ra quân dịch chỉ đem ngựa (mã) sang, nên xin sửa theo bản B và H, bỏ bớt chữ "tượng".

⁽⁵⁾ Sa Đôi: Cương mục chưa; có lẽ là Bài Sa Đôi thuộc huyện Từ Liêm.

Mục, đóng đồn ở cầu Thanh Oai. Dinh lũy giặc nổi liền vài chục dặm. (Cờ quạt rợp đồng, binh khí sáng chói, tự cho rằng chỉ một nhát quét là quân ta tan tác)⁽¹⁾. Ông cùng Đỗ Bí phục binh tượng ở cánh đồng Cổ Lâm⁽²⁾, đem quân du kích tới khiêu chiến, đánh trước vào dinh trại Mã Kỳ, Sơn Thọ, rồi giả vờ thua chạy. Quân Minh đuổi theo, qua mé cầu Tam La⁽³⁾ đến vùng ruộng lầy, phục binh trời dậy chặn đánh. Quân giặc bị rơi vào đồng lầy, bèn thua. Ta chém được hơn 1.000 đầu giặc, thây chết ngổn ngang suốt mấy dặm, ta bắt sống hơn 500 địch. Ông thừa thế định chặn hậu dinh của Phương Chính, nhưng Phương Chính đã rút chạy từ trước, đến chiều mới trở về. Hôm sau lại kéo thẳng tới đánh trại ngoài của Vương Thông ở Cổ Sở, giặc đã phục binh, đan tre làm lá chắn, bên trong chúng gài chông sắt, giả vờ bỏ chạy, vút ra đường để cho voi của ta dẫm phải chông. Quân ta bị bắt lợi, hơi chùn lại, ông bèn phá huỷ dinh trại cũ, thu quân về giữ chỗ hiểm, cấp báo với Tư không Lê Lễ. Lê Lễ đem quân đến cứu, họp ở Cao (tờ 121a) Bộ⁽⁴⁾, cùng bàn mưu. Nghe tin Vương Thông định đặt pháo bắn vào phía sau quân ta, các ông bèn nhân đó tương kế tựu kế; dụ cho địch qua hết sông Ninh, mới đến các xứ Tốt Động, Chúc Sơn, ta tung quân mai phục ra, ba mặt xông vào đánh, làm cho giặc thua rất to, giết được Trần Hiệp, Lý Lượng.

⁽¹⁾ Bản B và H thiếu một đoạn trong móc.

⁽²⁾ *Cổ Lâm*: *Cương mục* chưa: tên xã, nay là xã Thăng Lâm (sau đổi là Phú Lâm, tục gọi là Sớm) thuộc huyện Thanh Oai.

⁽³⁾ *Tam La*: theo *Cương mục* tức là chỗ Ba La ở giáp giới giữa Từ Liêm và Thanh Oai (nay thuộc thị xã Hà Đông tỉnh Hà Tây).

⁽⁴⁾ *Cao Bộ*: *Cương mục* chưa: thuộc Thanh Oai (Hà Tây ngày nay).

Phương Chính qua dò Cổ Sở trốn về. Vương Thông, Mã Kỳ, Sơn Thọ đều chỉ cốt thoát lấy thân, chạy vào Đông Đô. Ta chém được 5 vạn quân, bắt sống được hơn 1 vạn, thu được rất nhiều quân tư khí giới, ngựa chiến cùng sổ sách giấy tờ. Rồi bèn vây thành. Vua Thái Tổ từ Tây Đô kéo ra bao vây Đông Đô.

Mùa xuân năm Đinh Mùi (1427), đóng quân ở phía Bắc sông Lô. Nhà vua sai các tướng chia nhau tuần phòng. Lê Triện lĩnh 2 vạn quân giữ cửa phía Bắc⁽¹⁾ là cửa ngõ xung yếu nhất. Tháng 2, Phương Chính ngầm đem quân ra đánh động Quả⁽²⁾ thuộc Từ Liêm. Lê Triện và Đỗ Bí ra sức đánh nhưng bị thua, Lê Triện hy sinh, Đỗ Bí bị tù ở trong thành, về sau Vương Thông rút về mới được trao trả.

Vua Thái Tổ cho rằng Lê Triện có công lớn, nhiều lần đánh tan giặc mạnh, lại chết vì việc nước nên rất thương xót, trao cho cha ông là Lê Ba Lao chức Quan sát sứ, tước Thượng phẩm, cấp 400 mẫu ruộng. Con là Lê Lăng làm Phòng ngự sứ, tước Thượng trí tự, tước Phục hầu, ban cho 2 ngựa. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), tặng (Triện) là Nhập nội tư mã. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460), vì con là Lê Lăng có công, nên gia tặng ông chức Hữu⁽³⁾ tướng quốc. (Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng là Thái bảo)⁽⁴⁾ Kỳ quận công, về sau gia phong là Tây Kỳ⁽⁵⁾ vương.

⁽¹⁾ Bản A chép là "bắc phương" (phương bắc), nghĩa không rõ, đây xin sửa theo bản B và H là "bắc môn (cửa phía Bắc).

⁽²⁾ Bản A không có chữ "Quả", theo bản B và H, *Toàn thư*, chép là Quả Động, theo Đào Duy Anh chú giải suy đoán đó có lẽ là Tảo Động chép lầm. Tảo Động là vùng xã Nhật Tảo huyện Từ Liêm ngoại thành Hà Nội ngày nay.

⁽³⁾ Bản A sót chữ "Hữu", đây xin sửa theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Bản B và H sót một đoạn trong móc.

⁽⁵⁾ Bản B và H chép là Tây Phá vương.

7. LÊ LĂNG

Lê Lăng lúc đầu vì cha là Lê Triện⁽¹⁾ có công nên được vua dùng, ra vào hàng trện cũng có chiến công. Thời vua Nhân Tông, năm Thái Hoà (1443 - 1453) làm chức Nhập nội thiếu úy, tham gia chính sự. Khi Lạng Sơn vương Nghi Dân giết vua chiếm ngôi, lúc ấy Lê Lăng làm chức Nhập nội thiếu úy Bình chương quân quốc trọng sự, tước Á Thượng hầu. Ông cùng với các ông Thái phó Đinh Liệt, Nguyễn Xí, Xa kỵ vệ⁽²⁾ tổng tri Lê Niệm mưu việc khởi nghĩa, đánh giết bọn Phạm Đôn, Phan Ban, truất Nghi Dân, rước vua Thánh Tông lên ngôi. Năm Quang Thuận thứ nhất (1460), vì có công đưa vua lên ngôi, nên được gia hàm Thái bảo, ban cho 300 mẫu ruộng thế nghiệp. Về sau vua sai ông cùng với⁽³⁾ Đinh Liệt đánh Man Cầm⁽⁴⁾. Năm thứ 2 (1461), vua sai quan Chánh chưởng là Nguyễn Lỗi đem bạc lạng ban cho (*từ 122a*) và sắc dụ rằng: "Người nên cẩn thận, sau cũng như trước, phải thanh liêm, phải công bằng". Sau lại ban sắc dụ: "Tính khí của người cứng xẵng quá, mặt thì kiêu căng mà trong lòng thì xu nịnh, vì thế cho nên người nào mình không bằng lòng thì đẩy xuống suối, người nào chiều ý mình thì đặt trên đầu gối. Mọi người không ưa, chẳng phải vì thế hay sao?". Về sau tiến phong làm Thái úy.

⁽¹⁾ Bản A chỉ chép: "Lăng sơ dĩ phụ công đặc tự dụng" (Lê Lăng lúc đầu vì cha có công nên được dùng, - sót chữ "Triện" sau chữ "phụ"), đây xin bổ sung theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "vệ", đây xin sửa theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A sót chữ "dữ" (cùng với), đây xin theo bản B và H.

⁽⁴⁾ *Cầm*: tức họ Lu Cầm, tù trưởng Bốn Man - theo *Cương mục*, quyển 19.

Năm thứ 3 (1462) tháng 8⁽¹⁾, có người tố cáo Lê Lăng cùng với Đỗ Công Thích⁽²⁾ ngầm mưu làm phản và tố cáo Á hầu Lê Nhân Thuận lập đảng che mắt nhà vua. Vua rất giận, đem giết hết; tịch thu gia sản, lại đem tội trạng của bọn Lê Lăng bố cáo khắp trong ngoài. Trước kia, khi Lê Lăng đánh bọn nghịch đảng, vì thấy Cung vương Khắc Xương là đứng đầu trong số các con thứ, nên muốn lập làm vua, Nguyễn Xí không bằng lòng, bèn rước lập vua *Thánh Tông*. Về sau vua hơi nghe biết chuyện đó, sinh ra ghét Lê Lăng. Lăng là công thần phụ chính, tính vốn cứng xẵng, nhà vua cũng ngại, vua thường nói: "Ta thấy (thái úy trong lòng thường sợ sệt" cho nên mới giết đi. Sau đó nghe nhiều người không phục, vua bèn viết tờ thủ chiếu bảo bọn thái bảo Nguyễn Lỗi (từ 122b) đem tội trạng kiêu xa của bọn Lê Lăng)⁽³⁾ và Lê Nhân Thuận kể cho quần thần biết rõ. Nhưng mọi người vẫn cho là oan, không ai dám nói ra. Cháu xa đời của Lê Lăng là Lê Diên, đến nay còn được di ẩm, đợi duyệt để lục dụng.

8. NGUYỄN XÍ

Nguyễn Xí, người xã Thượng Xá huyện Chân Phúc, cha là Hội, anh là Biện, làm nghề nghề buôn muối. Năm Ất Dậu (1405) từng tới Lam Sơn yết kiến vua Thái Tổ. Lúc này Thái Tổ còn làm phụ đạo, đãi ông rất hậu, rồi

⁽¹⁾ Bản A chép là "tam nhật bát nguyệt" (ngày 3 tháng 8), theo bản B và H và *Toàn thư* là "tam niên bát nguyệt".

⁽²⁾ Bản A chép là Đỗ Công Sảng, đây xin sửa theo bản B, H và *Toàn thư*.

⁽³⁾ Bản B và H thiếu một đoạn trong dấu móc, từ chữ "thái úy".

ông trở về nấu muối ở xứ Côn Xuân (tại quê hương)⁽¹⁾. Hội bị con hổ đã thành tinh cắp đi và vùi ở phúc địa tại xứ đồng Lam, rồi cắm cây xung quanh mộ, hôm sau người nhà đến, tìm thấy⁽²⁾, đem về chôn ở chỗ khác. Đêm hôm sau, con hổ⁽³⁾ lại tới gầm thét vang cả núi, bối xác lên, rồi vút bỏ quan tài, cắp đi, lại đem về vùi ở chỗ cũ. Bấy giờ người nhà mới biết là trời cho (chỗ táng). Lúc này Nguyễn Xí lên chín tuổi. Biện cùng em đến Lam Sơn, theo vua Thái Tổ, làm gia thần, được theo họ vua, khi tuổi hơi lớn, thì vũ dũng hơn người, vua quý như con đẻ. Vua sai Nguyễn Xí nuôi một đàn chó săn, gồm hơn 100 con, sớm chiều chia cơm cho chó ăn, ông đều dùng chuông làm hiệu để gọi chó về, bầy chó theo sự điều khiển của ông (từ 123a) tiến thoái răm rắp. Nhà vua rất quý trọng, cho là ông có tài làm đại tướng, sai quân đội Thiết đột thứ nhất.

Năm Mậu Tuất (1418), ông 22 tuổi, theo quân khởi nghĩa, trước sau không rời, lòng trung thành tỏ rõ. Khi có loạn thẳng Ái⁽⁴⁾, ông cùng với Lê Lễ theo vua nương náu ở núi Chí Linh, hết sức hầu hạ bảo vệ vua. Sau đó có nhiều phen đi trận. Đánh ở Quỳnh Châu và Ai Lao đều lập được chiến công. Khi vua tới Nghệ An vây khốn quân Minh⁽⁵⁾,

(1) Bản A thiếu chữ "quê hương" (tại quê hương ông), theo bản B và H.

(2) Bản A chép là "kiến tị diện" (thấy mũi, mặt), bản B, và H chép là "kiến, dư hồi" (thấy, đem về), có lẽ bản A chép lầm do dạng chữ gần giống nhau. Phải như bản B và H mới đúng.

(3) Bản A sót chữ "hổ" (con hổ), theo bản B và H.

(4) *Thẳng Ái*: phụ đạo ở trại Nguyệt Ấn, năm 1418 dẫn quân Minh lên đến đánh úp quân khởi nghĩa, - theo lời chú ở LTHCLC Hà Nội, 1960, tập 1, trang 255.

(5) Bản A chép lầm là "đế tại khốn vi" (vua bị vây khốn) - sai, xin sửa theo bản B và H là "đế chí Nghệ An, vi khốn Bắc bình".

chia sai các tướng đi kinh lược (các nơi) để uy hiếp Đông Đô. Phạm Văn Xảo và Lê Triện đi tuần phía Tây Nam. Lê Bị, Lê Khuyển⁽¹⁾ đi tuần ở phía Đông Bắc. Vua phong ông làm đại tướng quân, sai ông cùng Lê Lễ lĩnh tinh binh, đi tiếp ứng cho các ông Phạm Văn Xảo... Lúc ấy ông 30 tuổi⁽²⁾. Ông cùng Lê Triện hợp sức đánh Thành Sơn hầu Vương Thông nhà Minh ở Ninh Kiều, Tốt Động, đại thắng quân Minh: chém thượng thư của giặc là Trần Hiệp và sĩ tốt hơn 5 vạn tên. Rồi tiến lên vây Đông Đô. Thế quân ta rất mạnh. Ông sai người về Thanh Hoa báo tin thắng trận và rước vua ra dinh Bồ Đề. Nhà vua sai các tướng chia giữ các nơi. Sai ông cùng Lê Lễ đóng trại giữ ở cửa phía Nam thành. Tháng 2 năm Đinh Mùi (1427), Phương Chính đánh úp quân của Lê Triện ở Quả Động thuộc Từ Liêm⁽³⁾. Lê Triện bị chết, chúng bèn thừa thắng định phá các đồn vây. Tháng 3, Vương Thông kéo ra đánh thành lũy của Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt. Nhà vua sai ông và Lê Lễ lĩnh 500 quân Thiết đột đến tiếp viện, đánh phá được giặc, đuổi tới My Động. Hậu quân ta không tới kịp; Vương Thông thấy ta ít quân, giáp lại đánh, hai tướng cưỡi voi ra sức chiến đấu, bị sa xuống đầm lầy; đều bị giặc Minh bắt về, Lê Lễ không chịu khuất, bị hại; ông bị tù. Về sau, nhân đêm mưa gió, ông dùng kế lừa quân gác ngục, trốn thoát, về yết kiến vua. Vua mừng lắm, kêu lên rằng: "Thực là sống lại". Lại sai

⁽¹⁾ Bản A chép là Lê Đại, đây xin sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là "tam thập tứ" (34 tuổi), đây xin sửa theo bản B và H là "tam thập" (30), vì năm 1418 ông 22 tuổi, thì năm 1426 ông 30 tuổi là phải.

⁽³⁾ Bản A không có chữ "Quả Động", chỉ có chữ Từ Liêm Động, bản B và H chép Quả Động, đây xin sửa theo *Toàn thư* (đã chú ở phần Để kỷ).

cầm quân. Trong trận đánh Xương Giang, ông chỉ huy các quân tiếp ứng cho bọn ông Lê Sát. Đánh bắt được Thôi Tụ, Hoàng Phúc. Do đó người Minh xin giảng hoà, rút quân về nước, thiên hạ đại định.

Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), ông được phong là Long Hồ tướng quân Suy trung Bảo chính công thần. Năm thứ 2 (1429) có việc khắc biển công thần, khi bàn công, ông đứng ở hàng (*tờ 142a*) thứ 5, được phong là Huyện hầu.

Anh ông tên là Biện, bị chết trận trong hồi mới khởi nghĩa, được tặng tước hầu.

Nguyễn Xí trải thờ vua Thái Tông, ra vào đánh giũ, nhiều phen có công lao. Năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) làm chức Tham tri chính sự, kiêm Tri từ tụng. Khi vua Thái Tông mất, ông cùng Trịnh Khả, Lê Thụ nhận di chiếu phò vua Nhân Tông. Năm Thái Hoà thứ 3 (1445) làm Nhập nội đô đốc. Tháng 6, ông vâng mệnh cùng với Bình chương tư đồ Lê Thận đem quân đi đánh Chiêm Thành, nhưng chưa đi⁽¹⁾, lúc ấy vua còn bé, trong số bọn quyền thần hãnh tiến có kẻ tố cáo tội trạng của ông. Các đại thần cho rằng ông là người có công lao cũ, nên phải đem ra đình nghị, rồi bãi chức. Tháng 4 năm thứ 6 (1448) khôi phục lại cho làm Thiếu bảo, coi việc quân dân. Tháng 10 năm Diên Ninh thứ 6 (1459), Lạng Sơn vương (Nghị Dân) giết vua cướp ngôi, tiếm hiệu là Thiên Hưng năm đầu. Các bậc cự thần tể tướng như bọn các ông Lê Bí, Lê Ê, Lê Ngang, Lê Thụ, v. v... mưu tính lật đổ Nghị Dân nhưng vì việc tiết lộ, nên đều bị hại. Mẹ Nghị Dân quê ở Chi Cối thuộc

⁽¹⁾ *LTHCLC*, tập 1, trang 255 chép là đánh Chiêm Thành và phá được.

Vĩnh Lại, dựa vào bọn Phạm Đôn, Phan Ban, người ở Thanh Lâm làm tâm phúc, cho chúng giữ những chức quan trọng, cùng với các đại thần ở tam (*tờ 124b*) sảnh và Mật viện cùng bàn bạc chính sự; quyền thế rất cao. Lê Xí lúc ấy làm Thái bảo, cùng với Lê Lăng, Lê Niệm bàn mưu kín. Ngày 6 tháng 6 năm Canh Thìn, sau khi lui chầu, cùng ngồi ở nghị sự đường, bên ngoài cửa Sùng Vũ, riêng ông đề xướng trước tiên việc khởi nghĩa, rồi lập tức chém bọn nghịch đảng Đôn, Ban trước nhà ấy, nhân đó nắm lấy Cấm binh, đóng chặt cửa thành, sai Lê Nhân Thuận bắt giết bọn nghịch đảng Trần Lăng gồm hơn 100 tên, truất Nghi Dân làm Lê Đức hầu, rước con trai thứ của vua Thái Tông là Gia vương lên ngôi, tức là vua Thánh Tông.

Ngày 24 tháng 6 năm Quang Thuận thứ nhất (1460), tiến phong ông là khai phủ⁽¹⁾ nghị đồng tam ty, Nhập nội kiểm hiệu Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự Á quận hầu, giúp việc chính sự.

Bài chế rằng:

"Trẫm nghĩ⁽²⁾: Xướng đại nghĩa để trừ kẻ hung tàn, người đã có công như công yên được nhà Hán⁽³⁾; lấy ngôi thượng công mà ban phong thưởng, người đáng được cái vinh dự cất đất phân phong. Bói được giờ tốt lành⁽⁴⁾; ban sắc mệnh rục rờ.

⁽¹⁾ Bản A chép sót chữ "phủ" sau chữ "khai" và lộn chữ "phong" xuống chữ "khai", đây xin sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "trẫm duy" (trẫm nghĩ), đây xin theo bản B và H.

⁽³⁾ Chỉ việc Chu Bật giết họ Lã để lập Hán Văn Đế.

⁽⁴⁾ Bản A là "mục mục đương thời" - vô nghĩa, đây xin sửa theo bản B và H là "mục bốc cương thời".

Xét Nguyễn Xí đây: khí độ trầm hùng, tính người cương đại. Giúp Cao hoàng khi mở nước, trăm trận (tờ 125a) gian nan; phò tiên khảo lúc thủ thành⁽¹⁾, hết lòng giúp rập. Ra vào hết chức phận tướng văn tướng võ; trước sau giữ trọn tiết làm tôi làm con. Giữ mình có đạo, hồn nhiên như ngọc chẳng khoe tươi; nghiêm mặt ở triều, lẫm liệt như thanh gươm mới tuốt. Các quan đều tưởng mộ phong thái; bốn biển đều ngưỡng vọng uy danh. Tiên đế mất trong lúc Nam tuần, người ân cần nhận tờ di chiếu. Ta lên ngôi mặt trời mới mọc, người hết lòng bày tỏ mưu mô. Tôn miếu xã tắc được vững vàng; trung châu man di đều thuận phục. Mới rồi: vì trong nước yên tĩnh lâu ngày; nên việc võ dân sinh trễ nải. Giặc cướp phạm vào trong cung; biến cố sinh từ kẽ nách. Lúc nước có biến phi thường chỉ người mưu lo cứu vãn. Cha con người một nhà, cùng một lòng diệt phường gian ác; nghĩa vua tôi nghìn thuở, đỡ mặt trời mà đặt lên cao. Công kém gì đình thần nhà Hán⁽²⁾, việc hơn cả các quan nhà Đường⁽³⁾.

Ba mối rường đã đứt lại được nối, vắng nhật nguyệt đã tối lại sáng ra. Công lao như thế; đâu dám coi thường. Vì vậy: đưa người lên ngôi sư phó (tờ 125b); tấn phong tước Á quận công⁽⁴⁾. Lại cho người được khai phủ kiêm giữ chức trọng Binh chương, để mọi việc sáng tỏ; để giúp đỡ mình ta.

Than ôi! bình nội nạn, chính ngôi vua, trong đời công

⁽¹⁾ Thủ thành giữ cơ nghiệp đã có sẵn.

⁽²⁾ Chỉ việc Chu Bột giết họ Lã để lập Hán Văn Đế.

⁽³⁾ Chỉ bọn Dịch Nhân Kiệt đánh Võ Hậu để đưa Lưu Lý vương lên ngôi.

⁽⁴⁾ Bản A chép là Quận hầu, bản B và H là Á quận công.

lao hơn cả. Thay việc trời, giúp hoàng đế, nên hết lòng với nước nhà.

Người thực bề tôi trung ái: không cần phiên toái nhiều lời".

*
* *
*

Tháng 10, bàn đến công lao, ông ở bậc nhất, được phong Sái quận công. Các ông Lê Lăng, Lê Nhân Thuận, trong khi phế truất Nghi Dân lại bàn rước lập anh vua là Cung vương, vì thế bị gièm rồi bị giết, mà Nguyễn Xí, Lê Niệm, Lê Liệt riêng được vua tin dùng. Tháng 3 năm thứ 3 (1462), con trai ông là Sư Hôi làm thơ vút ra đường⁽¹⁾. Thơ rằng:

*"Nhân hữu nhị tâm ưu khả nghi,
Tư lai chung cánh hiếu vi phi.
Thổ biên hữu hoặc chân hung bạo,
Thủy tại tây bàng xã tắc nguy".*

(Người có hai lòng rất đáng nghi, giống như chữ "lai" hay làm điều phi pháp; "thổ" bên chữ "hoặc" thực hung bạo; "thủy" cạnh chữ "tây" xã tắc nguy).

(Nghĩa là: Người hai lòng là chữ "niệm" tức là Lê Niệm. Giống chữ "lai" là chữ "lỗi" tức là Nguyễn Lỗi. "Thổ" bên chữ "hoặc" là chữ "vực" tức là Lê Thọ Vực. "Thủy" bên chữ "tây" là chữ "Sái" tức Trịnh Văn Sái).

Ý muốn lật đổ các công thần. Mọi người xin trị tội, nhưng nhà vua dụ rằng:

⁽¹⁾ Nguyễn Sư Hôi vì không ăn ý với bọn Lê Lăng, Lê Niệm, Trịnh Văn Sái và Lê Thọ Vực, nên làm bài thơ nặc danh vua cho bọn họ âm mưu làm loạn, nhưng chưa truyền ra thì việc đã lộ. (Xem ở truyện Lê Niệm).

"Sư Hồi vì có công phò giúp trong buổi trung hưng. Cùng với cha là Xí, có công lớn trong thời khai quốc nên tha cho tội (tờ 126a) chết".

Về sau vua dụ Tả đô đốc Lê Thọ Vực rằng: "Bài thơ yêu quái ấy vị tất là do Sư Hồi làm, trong chỗ nghi ngờ thì có thể vu oan được. Câu nói về Lê Niệm, Nguyễn Lỗi, Trịnh Văn Sái, thì ngờ cũng là phải, còn Thọ Vực thì chỉ nói là hung bạo, thực ra chưa chỉ rõ là phản nghịch. Sao lại đổ cho Sư Hồi làm? Nếu nó đáng chết nữa thì cũng là trời hại nó; người sao lại nên có lòng báo thù?" Thọ Vực đều trần tình từ tạ.

Tháng 6, Nguyễn Xí từng tâu xin thăng làm Trấn phủ sứ, nhà vua không nghe, ban sắc trả lời rằng: "Các người vốn là quan võ làm trấn phủ, nghĩa chữ "trấn phủ" người quan võ có thể biết được không? Như Tang Văn Trọng còn bị Khổng Tử chê là trộm ngôi¹⁾, huống chi là người, bịt đường của người hiền tài, khơi nguồn cho kẻ cầu may".

Năm ấy, gia phong cho ông chức Nhập nội hữu tướng quốc. Tháng 6 năm thứ 4 (1463) nhà vua xuống dụ rằng: "Tông miếu yên hay nguy, chỉ ở mấy người các khanh thôi, các khanh nên nghĩ cho kỹ, tính cho chín, tâu việc chính trị cho trăm nghe, trăm cố gắng quyết đoán ở trong, các khanh thừa hành bên ngoài. Về sau, ông được thăng đến chức Thái úy (tờ 126b). Con của Nguyễn Xí là Sư Hồi, không biết giữ gìn cẩn thận, vua cũng khoan dung cho, ban sắc dụ rằng:

¹⁾ Khổng Tử nói: "Tang Văn Trọng chẳng phải là người trộm ngôi ư? Biết Liễu Hạ Huệ là người hiền mà không cho cùng làm quan với mình" (*Luận ngữ*, thiên "Vệ linh công").

"Dương Quốc Minh bảo là Ngô Tây lấy 30 lạng bạc giao cho Nguyễn Hồ đến dứt lót cho bốn người, người sai vợ lẽ của người nhận tiền. (Trước đây nó dứt lót cho)⁽¹⁾ cha người 50 lạng, (nay nó chuyển sang dứt lót cho người, cộng 80 lạng)⁽²⁾, hiện còn ở nhà người, người lại không biết ư? Nay đặc sai tư⁽³⁾ lễ giám Nguyễn Áng đem sắc chỉ đến bảo người và đòi lấy số 80⁽⁴⁾ lạng bạc dứt lót ấy mang về. Người có lỗi, không lấy việc sửa lỗi làm ngại, thì sau tất không có tai vạ".

Lúc ấy có thư nặc danh ở trên mái nhà, nói Sư Hôi sắp làm phản, nhà vua ban sắc an ủi rằng:

"Ta thể theo lòng mọi người, lên nhận ngôi báu, nhờ các bậc huân hiền cùng lòng giúp đỡ, đến nay đã bốn năm, cha con nhà người một nhà trùng điệp ngọc khuê giải ấn, có thể gọi là thịnh lắm rồi. Ta đương tin người, tuy có thư ấy cũng không tổn hại gì; sau khi được thư ấy, tất người có chỗ không yên lòng, người lại không nghĩ cách để giữ mình ư?"

Tháng 11⁽⁵⁾ năm thứ 5 (1464), Nguyễn Xí mắc bệnh, nhà vua ban dụ rằng:

(từ 127a) "Ngày xưa trầm làm phiên vương, tiêu dao ở chỗ chu đế⁽⁶⁾, vốn không có ý làm vua. Vì các khanh cùng lòng suy tôn, giết bầy phản nghịch, trầm lên ngôi

^{(1) (2)} Bản A bị sót hai đoạn ở trong dấu móc; đây theo bản B. H và *Toàn thư*, xin thêm hai đoạn ấy.

⁽³⁾ Bản A chép lầm chữ "tư" ra chữ "nhân" đây xin sửa theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Bản A chép đảo là "thập bát" (18), đây xin sửa theo bản B và H là "bát thập" (80).

⁽⁵⁾ *Toàn thư* chép việc này vào tháng 12.

⁽⁶⁾ *Chu đế*: chỉ phủ đệ của phiên vương, cửa sơn màu đỏ.

báu, đến nay đã 5 năm. Thú ca nhi vũ nữ thì người chưa bằng họ Thạch họ Cao⁽¹⁾ nhà Tống; mà khổ tú lao tâm thì khanh lại hơn họ Phòng họ Đỗ⁽²⁾ nhà Đường. Công của khanh trăm chưa báo đền, bệnh của khanh sao đã trầm trệ? Khanh nghĩ đến nước, cơm cháo phải cố ăn; khanh nên lo cho ta, thuốc thang phải cố chữa. Sư Hồi, người phải hết lòng thành kính, người đời xưa cúng trời tế quỷ để trừ tai dị, người thử nghĩ xem".

Ông được sủng ái chú ý đến như thế đấy!

Ngày Giáp Thìn, tháng 10 năm thứ 6 (1465)⁽³⁾, ông mất, thọ 69 tuổi, nhà vua rất thương xót, tặng hàm Thái sư⁽⁴⁾, thụy là Nghĩa Vũ.

Năm Hồng Đức thứ 15 (1848) tặng thêm là Cương quốc công, về sau lại phong làm phúc thần, sắc phong là Hiển Uy Chính nghị Anh liệt Trung trinh đại vương, lập miếu thờ ở làng quê ông.

*

* *

Ông có 16 người con, con trưởng là Sư Hồi, có công phò lập vua, làm quan đến (tờ 127b) Thái úy. Con thứ hai

⁽¹⁾ Họ Thạch tức là Thạch Thủ Tín, họ Cao tức là Cao Hoài Đức, là hai người công thần nhà Tống, trước kia theo Tống Thái Tổ họ đã có quân riêng, họ đều cố nắm binh quyền không chịu bỏ. Trong một bữa tiệc, Tống Thái Tổ giải thích cho hai người rằng nên bỏ binh quyền mà vui thú với ca nhi vũ nữ cho thoả thích. Hai người nghe theo, mới tự xin bỏ binh quyền.

⁽²⁾ Tức là Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối, hai người hết lòng giúp Đường Thái Tông.

⁽³⁾ Bản A chép là "lục nguyệt thập nhất giáp thìn", theo bản B và H (chép là lục niên thập nguyệt giáp thìn).

⁽⁴⁾ LTHCLC chép là Thái phó, t. I, 286.

là Xưởng, làm chức Tổng quản vệ Nghiêm võ, hành Thuận Hoá tổng binh sứ. Thứ nữa là Huyền, làm chức Đồng tri Tổng binh sứ quân Thần giáp ở Hoá Châu. Con thứ nữa là Bá Kiệt, làm chức đồng tri ở vệ Phấn võ. Con thứ nữa là Kế Sai, làm Tổng binh ở Hoá Châu, tặng là Thái bảo. Con thứ nữa là Phùng Thìn, chức Tổng binh sứ Thanh Hoa. Con thứ nữa là Thúc Ngu, làm chức Đồng tri ở vệ Ninh quốc. Con thứ nữa là Cảnh Vệ, làm chức Chỉ huy sứ ở vệ Thanh trung. Con thứ nữa là Trọng Đạt. Con thứ nữa là Phúc Xà. Con thứ nữa là Hữu Lượng, làm Quán lĩnh vệ Tuyên vũ. Con thứ nữa là Đồng Dĩ, làm quán lĩnh vệ Ngọc kiếm. Con thứ nữa là Nhân Bảo, làm quán lĩnh Tiền sở thuộc vệ Nghiêm dũng. Con thứ nữa là Văn Chính, làm Tổng binh ở Thanh Hoa. Con út là Duy Tân⁽¹⁾.

Ông còn có 8 người con gái...

Kế Sai sinh 9 người con trai, con trưởng là Đình Quang, con thứ là Đình Quả⁽²⁾, làm chức Thái bộc Tự khanh. Con thứ nữa là Đình Bảng, làm chức Tả hiệu điểm; thứ nữa là Đình Trang; thứ nữa là Đình Phú, làm Tả đô đốc, Bá Châu hầu. Thứ nữa là Đình Bính, làm Thống chế vệ Thủy quân. Thứ nữa là Đình Điển, Đình Kính, Đình Soạn. Đình Quang có con là Đình Lô, tước Thiêm Lộc hầu.

Đình Phú sinh 6 người con trai.

Con trưởng là Đình Bảo, thời nguy Mạc, kiên trì

⁽¹⁾ Ở trên chép là 16 người con, đây mới kể 15 người, không rõ còn sót người nào nữa.

⁽²⁾ Bản A chép là Đình Bộc Khanh, đây xin sửa theo bản B và H là Đình Quả thái bộc khanh.

nghĩa khí, lo việc cần vương, thờ vua Anh Tông, làm chức Đô chỉ huy sứ vệ Kim ngô, tước Quỳnh (tờ 128a) Sơn hầu. Theo Thế Tổ (Trịnh Kiểm) đánh phương Nam. Khi đánh nhau với Kính Diễn ở sông Giao Thủy, hy sinh tại trận. Con thứ là Đình Nghi, chức tướng quân ở vệ Phấn võ, tước Thọ Khê hầu. Con thứ nữa là Đình Sủng, tước Vạn Thắng hầu. Con thứ nữa là Đình Gia, Đình Hựu, Đình Liêu (tước Dược Nghĩa hầu).

Đình Bảo sinh 3 người con trai.

Con trưởng là Đình Kinh, tước Phúc Giang hầu. Con thứ là Kế Hưng, thờ vua Thế Tông và Thành Tổ (Trịnh Tùng), lập được nhiều chiến công, thăng đến chức Tả đô đốc Hoằng quận công, vâng mệnh đi khắp các đường đê ở huyện Quỳnh Côi và Thụy Anh. Năm Canh Tý, niên hiệu Thận Đức⁽¹⁾ thứ nhất đời vua Kính Tông (1600), Đình Kinh bị bọn bề tôi làm phản là Phan Ngạn, Ngô Đình Nga giết chết, tặng là Thiếu bảo. Con thứ nữa là Phụng Minh, làm chức Tả hiệu điểm, tước Lan Châu hầu.

Đình Kinh sinh 2 người con trai.

Con trưởng là Trọng Thường, thờ vua Kính Tông và Thần Tông, cùng chúa Thành Tổ (Trịnh Tùng) và Văn Tổ (Trịnh Tráng), lập được chiến công, thăng tới chức Tả đô đốc, phong là Phụ quốc Thuần tín Dương (vũ, Uy)⁽²⁾ dùng Dục vận Tân trị công thần, thụ Cẩm y vệ Trinh quận công. Con thứ là Kế Đại, chức Hữu hiệu điểm, tước Hoà Thắng hầu.

⁽¹⁾ Bản A, B và H đều viết lầm là Thuận Đức, đây xin sửa theo *Toàn thư*.

⁽²⁾ Bản A sót hai chữ trong móc, đây xin sửa theo bản B và H.

Con của Trọng Thường (tờ 128b) là Trọng Lương, làm chức Hữu hiệu điểm, tước Tiên Nhạc hầu, con thứ là Trọng Chất, tước Thịnh Toàn hầu.

Các chi phái của ông ta, con cháu rất đông. Nay cháu xa đời của ông là Liêm Thọ bá Đình Tú, Cán Thọ bá Kế Nhật, Thát Võ bá Đình Trì, v. v... còn nhờ di âm mà được bổ dụng.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

· *QUYỂN...*⁽¹⁾

(*LIỆT TRUYỆN ĐỆ...*)⁽²⁾

THẦN ĐÔN soạn

9. TRẦN NGUYỄN HÃN

Trần Nguyễn Hãn người huyện Lập Thạch, là dòng dõi Tư đồ Trần Nguyên Đán, có học thức, giỏi binh pháp. Khi nhà nhuận Hồ mất ngôi, giặc Ngô xâm chiếm nước Nam, trăm họ lâm than, ông nuôi chí cứu đời giúp dân. Một đêm ông đến lễ thần ở đền Bạch Hạc, thấy thần ở đền núi Tản Viên bảo với thần ở đền Bạch Hạc rằng trời đã sai Lê Lợi người ở Lam Sơn làm vua nước An Nam. Vì thế ông mới vào Thanh Hoa tìm Thái Tổ, một lòng theo vua. Vua cũng biết tài lược của ông, đãi ngộ rất hậu, cho được dự bàn mưu kín, ông theo đi đánh giặc luôn lập công, được lên chức Tư đồ. Năm Ất Tỵ (1425), vua sai các

⁽¹⁾ Bản A chép là *Tiền triều thông sử quyển tam thập nhị (Tiền triều thông sử, quyển 32)*.

⁽²⁾ Bản B và H chép là *Liệt truyện đệ tử*, bản B thêm: *Chư thần liệt truyện*.

tướng vây thành Nghệ An. Vua nghi các xứ Tân Bình, Thuận Hoá với Nghệ An. Đông Đô đã lâu không thông tin tức, nên sai ông cùng các ông thượng tướng Lê Nỗ, chấp lệnh Lê Đa Bồ (*tờ 129b*) đem hơn 1.000 quân và một con voi đi kinh lược. Ông đến sông Bồ Chính, gặp quân giặc, bèn dẫn chúng đến chỗ hiểm và đặt quân mai phục ở Hà Khương để nhử địch. Tướng Minh là Nhậm Năng đốc hết quân ra đánh.

Ông đánh rồi giả vờ thua chạy, Năng đuổi theo, phục binh nổi dậy đánh kẹp lại, chia cắt quân địch ra làm đôi, đánh cho chúng thua to. Giặc bị chém và bị chết đuối rất nhiều. Vì quân của ông ít mà quân giặc còn đông, nên ông sai người về trước cấp báo, xin đem quân đến giúp. Vua sai các ông Lê Ngân, Lê Bôi đem quân thuyền đến tiếp viện. Bèn hợp binh đánh chiếm được hai thành Tân Bình và Thuận Hoá. Quân dân hai xứ ấy thấy đều quy thuận. Ông thu được mấy vạn quân tinh nhuệ bổ sung cho quân vua, nên thế quân càng to. Tháng 9⁽¹⁾ năm Bính Ngọ (1426) vua nhận được thư báo tiếp của Lê Lễ, bèn đem quân vây Đông Đô. Đến Tây Phù Liệt, vua thân chỉ huy cánh quân đánh cửa phía Nam thành. Vua sai ông cùng Lê Bị lĩnh hơn 100 thuyền thủy quân theo dòng sông Hát xuôi xuống đến bến Đông Bộ của sông Lô⁽²⁾. Lê Lễ đem bộ binh di chuyển đến cầu Tây Dương. Ba mặt đánh giáp lại, phá được quân của tướng nhà Minh là Vương Thông (*tờ 130a*), thu được hơn 100 chiếc thuyền

⁽¹⁾ Bản A chép là "Bính ngọ cửu niên". - sai, đây xin sửa theo bản B và H là "cửu nguyệt" (tháng 9).

⁽²⁾ Bến Đông Bộ thuộc sông Lô: tức khoảng gần bến ô tô Long Biên, trên bờ sông Hồng ngày nay.

và vô số khí giới. Rồi vây chặt Đông Đô. Mùa thu năm Đinh Mùi (1427), ông được thăng Thái uý. Vua sai ông cùng bọn các ông Lê Sát lên phía Bắc đánh Xương Giang. Bọn chỉ huy nhà Minh là Kim Dận giữ thành này để bảo vệ con đường rút về, cùng với Lý Nhậm là tên mới nhậm chức, ra sức cố thủ. Qua hơn 6 tháng, đánh nhau với quân ta ở Khoái Châu, Lạng Giang, nhưng chẳng không phân thắng bại. Quan quân không lên được thành. Vua thấy viện binh của giặc sắp đến, mới sai bọn ông ra đánh gấp. Ông đến nơi, sai đào đường ngầm, dùng câu liêm, giáo, nỏ cứng, hoả tiễn, hoả pháo, bốn mặt cùng đánh, không đầy một giờ đã hạ được thành. Dận và Nhậm⁽¹⁾ tự sát. Ông thu được vàng lụa và con gái đều đem cho quân sĩ cả. Vương Thông nghe tin thua trận phải làm văn tế. Hơn mười ngày sau⁽²⁾ viện binh của Thôi Tụ quả nhiên kéo đến, nhưng thành đã bị mất, nên chúng hoảng hốt không nơi nương tựa. Vua sai các cánh quân Lê Nhân Chú⁽³⁾, Lê Sát chặn phía trước, lại sai ông chặn đường tải lương, hai bên hợp lại đánh, phá được giặc. Trận ấy chém được Lương Minh, Thôi Tụ, bắt được Hoàng Phúc và bắt tù hầu hết sĩ tốt. Khi vua ước hoà với Vương Thông, cùng thể ở phía Nam thành Đông Quan. Trong tờ hoà ước có kê tên những người đầu mục cả nước, thì Trần Nguyên Hãn (tờ 130b) ở thứ nhì, liền với tên vua. Đủ thấy vua coi trọng ông như thế nào. Năm Mậu Thân, Thuận Thiên

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "Dận", đây xin sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là "thập nguyệt" (tháng 10), đây xin sửa theo bản B và H là "thập dư nhật" (hơn 10 ngày).

⁽³⁾ Bản A sót chữ "Nhân", và chữ "Chú" viết lằm ra thụ, đây xin sửa theo bản H. Theo *Toàn thư*, trận này cả hai tướng Lê Thụ và Lê Nhân Chú cùng tham gia (tập 3, trang 43).

thứ nhất (1428), vua đại hội các quan văn võ, luận công ban thưởng, phong ông làm Tả⁽¹⁾ tướng quốc và cho theo họ vua. Ông nói riêng với người thân: "Nhà vua có tướng như Việt vương⁽²⁾, không thể cùng sung sướng được". Ông xin về hưu. Nhà vua bằng lòng cho, nhưng bảo mỗi năm 2 lần về châu. Ông về làng làm nhiều nhà cửa, xây bằng gạch hoa, và đóng thuyền chở binh khí. Có người tố cáo là ông mưu phản. Vua sai lực sĩ xá nhân bắt về hỏi tội. Thuyền đến bến dưới xã Đông Sơn, ông phản uất khấn trời rằng: "Tôi với vua cùng mưu cứu dân. Nay việc nghĩa lớn đã hoàn thành, vua lại muốn giết tôi, hoàng thiên có biết xin soi xét cho". Nói xong, bỗng nhiên trời nổi gió lật thuyền, 42 lực sĩ xá nhân và ông đều chết đuối cả. Chỉ có hai gia đồng của ông trôi vào bờ được thoát chết. Việc ấy tâu lên, vua xuống chiếu tịch thu tất cả vợ con, ruộng đất của cải của ông. Triều Nhân Tông, năm Diên Ninh thứ 2 (1455), nhân đại xá, nhà vua thương ông vô tội, ban chiếu trả lại ruộng nương của cải, để biểu dương người có công lao cũ. Sau khi ông chết, (từ 131a) cũng trở nên linh dị, dân địa phương lập đền thờ, hàng năm cầu đảo. Thời nguy Mạc, truy tặng là Hữu tướng quốc, Trung Liệt đại vương, đến nay hương khói chưa dứt. Huyện ấy lại thờ làm thần cai quản các núi⁽³⁾.

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "tả" đây xin sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Việt vương tức Câu Tiễn vua nước Việt thời Chiến Quốc. Văn Chung bảo Phạm Lãi (cùng là tướng của Câu Tiễn): "Vua ta có tướng cổ dài, mép quạ. Có thể cùng ở với nhau trong lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng ở với nhau trong lúc yên vui".

⁽³⁾ Bản A chép là "Quốc chủ thần" (thần chủ trì cả nước), bản B, H chép là "Nhạc chủ thần" (thần cai quản các núi).

10. PHẠM VĂN XẢO

Phạm Văn Xảo người miền Kinh Lộ, là người tài trí. Thờ vua Thái Tổ, làm chức Khu mật đại sứ. Năm Bính Ngọ (1426) vây thành Nghệ An. Mùa thu năm ấy, vua sai ông cùng các ông Thái uý Lê Triện, thái giám Lê Khả, đem quân đi tuần các lộ Quảng Oai, Quốc Oai, Thiên Quan, Gia Hưng, Quy Hoá, Đà Giang, Tam Đái, Thao Giang, để chặn đường dịch tiếp viện từ phía Vân Nam. Nhân đó ông chia quân với Lê Triện tiến đến đóng đồn ở phía tây Ninh Giang để uy hiếp Đông Đô. Ông cùng với Lê Khả chiếm đất Tam Giang, qua lại tiếp ứng cho nhau, để làm thanh thế viện trợ lẫn cho nhau⁽¹⁾. Viên đô ty Vân Nam là Vương An Lão đem hơn vạn quân, đến cầu Xa Lộc thuộc Tam Giang. Ông và Lê Khả chặn đánh, phá tan được. Chém hơn 1.000 tên, giặc chết đuối rất nhiều. Số còn lại chạy vào thành Tam Giang. Lê Triện và Lê Lễ, Lê Xí cũng đánh tan (từ 131b) quân Vương Thông ở Tốt Động, thế quân rất mạnh. Nhà vua từ Nghệ An tiến ra vây Đông Đô, khen thưởng công lao của ông. Tháng 4 năm Đinh Mùi (1427), nghe tin nhà Minh cử viên trấn thủ Vân Nam là Kiểm quốc công Mộc Thạnh đem 5 vạn quân⁽²⁾ sang tiếp viện, sắp kéo tới nơi. Vua bèn sai ông cùng với Lê Khả đem quân lên trước trên ải Lê Hoa thuộc Tuyên Quang, giữ chỗ hiểm để chặn quân giặc. Mộc Thạnh tới nơi, bọn ông thu quân lại cố thủ, chống nhau với giặc. Liễu Thăng từ đường Quảng Tây kéo qua

⁽¹⁾ Bản A chép là "hình viện" đây xin sửa theo bản B và H là "thanh viện": làm thanh thế viện trợ lẫn cho nhau.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "sư" (quân) đây xin sửa theo bản B và H.

Lạng Sơn, bị thua, chết. Vua sai đem các thứ bắt được cùng sắc ấn của Liễu Thăng đưa tới chỗ quân Mộc Thạnh. Mộc Thạnh trông thấy vô cùng hoảng sợ, bỏ chạy. Ông cùng Trịnh Khả thừa thế bèn chúng hoang mang, tung quân ra đánh. Phá địch ở Lân Cầu, Đan Xá, chém⁽¹⁾ hơn 1 vạn địch, bắt hơn 1.000 người và ngựa, thu được quân nhu khí giới rất nhiều. Mộc Thạnh một người một ngựa chạy thoát lấy thân. Hai đạo cứu binh đã tan vỡ, Vương Thông bèn xin hoà, rút quân về nước, thiên hạ được thái bình.

Tháng 3 năm Mậu Thân (1428) Thuận Thiên thứ nhất, luận công ban thưởng, thăng ông lên chức Thái bảo, ban cho theo họ vua (*lời 132a*). Tháng 5 năm thứ 2 Kỷ Dậu⁽²⁾, khắc biển ghi tên công thần, ông được phong là Huyện thượng hầu, tên ông được xếp vào hạng thứ ba, thăng là Thái phó⁽³⁾. Không bao lâu có người tố cáo ông ngầm mưu phản. Vua ban cho được chết, tịch thu di sản của ông. Thời vua Nhân Tông năm Diên Ninh thứ nhất (1454)⁽⁴⁾ đại xá, trả lại di sản cho con cháu ông. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời vua Thánh Tông, truy phong là thái bảo Thăng quận công⁽⁵⁾.

Nguyên là khi vua Thái Tổ tuổi già, nhiều bệnh. Con trưởng là Quận vương (Tư Tê) thì điên cuồng bậy bạ, vua

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "trảm" (chém) sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là Ất Dậu - sai, theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là "lũy thiên thái úy" (lần lượt thăng lên tới chức Thái úy) theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Bản A chép là "Cửu niên" (năm thứ 9) - sai, vì Diên Ninh chỉ có 6 năm, sau đó bị Nghi Dân lật đổ, đổi niên hiệu là Thiên Hưng, theo bản B và H.

⁽⁵⁾ Bản A chép là Thăng quận hầu, theo bản B và H.

Thái Tông thì còn nhỏ, mà Trần Nguyên Hân và Phạm Văn Xảo đều là các bề tôi mở nước, có công đầu, rất được người đương thời trọng vọng. Nguyên Hân lại là con cháu tông tộc nhà Trần, mà Văn Xảo cũng là người Kinh lộ. Vua Thái Tổ⁽¹⁾ lo rằng ngày sau chúa nhỏ cầm quyền, những người này sẽ có chí khác. Nên bề ngoài thì lấy lễ ý tôn sùng trọng vọng, nhưng trong lòng vẫn nghi ngờ. Bọn Đinh Bang Bản, Lê Quốc Khí, Trình Hoàng Bá, Nguyễn⁽²⁾ Tông Chí, Lê Đức Dư⁽³⁾ đón biết ý vua, tranh nhau dâng mật sớ khuyên vua nên sớm quyết ý trừ đi. Những người mà bọn Lê Quốc Khí không bằng lòng đều bị vu cho là bè đảng của hai nhà ấy, bị án xử tử và tù giam rất nhiều. Các quan đều sợ (từ 132b) miệng chúng. Sau này vua Thái Tông hối hận, thương hai người bị oan. Lại biết bọn Lê Quốc Khí đều là hạng tiểu nhân xảo quyết, nên rất ghét chúng. Về sau, bọn chúng đều có việc bị đuổi, nhà vua xuống chiếu bảo cho các quan rằng: bọn Lê Quốc Khí, Trình Hoàng Bá, Lê Đức Dư đều có tài cũng không được dùng lại nữa, mà trong thần hạ có kẻ mưu phản cần phải tố cáo cũng không cho bọn ấy được tố cáo. Dư luận không ai không thỏa lòng. Đầu niên hiệu Thiệu Bình (1434) đời vua Thái Tông, Đại tư đồ Lê Sát muốn dùng lại bọn Hoàng Bá, nhưng bị bọn Nguyễn Thiên Tích, Bùi Cẩm Hổ tố cáo và triều đình can ngăn, bèn thôi không dùng chúng nữa.

⁽¹⁾ Bản A và H đều chép là Thái Tông, sai, sửa theo bản B là Thái Tổ mới đúng.

⁽²⁾ Bản A sót chữ Nguyễn, đây xin theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản B và H sót tên Lê Đức Dư.

11. LÊ SÁT

Lê Sát người làng Bĩ Ngũ ở Lam Sơn, trí dũng đều hơn người, theo Thái Tổ khởi nghĩa binh trải bao gian hiểm, có nhiều chiến công. Năm Canh Tý (1420), vua tiến công tướng giặc là Tạ Phượng và Hoàng Thành ở trại Quan Du⁽¹⁾, sai ông là Lê Triện đi đánh và phá được, chém hơn nghìn tên, làm cho thế giặc ngày một suy. Năm Giáp Thìn (1424), trong trận đánh ở ải Khả Lưu, ông cùng với bọn ông Lê Lễ, Lê Văn tranh đi trước xông đánh phá được quân Trần Trí, Sơn Thọ, bắt được Đô ty nhà Minh là Chu (tờ 133a) Kiệt, chém tướng tiên phong là Hoàng Thành, đuổi thẳng đến thành Nghệ An, vây đánh bốn mặt. Từ đó thế quân lừng lẫy. Nhà vua đã đề tướng ở lại đánh thành, chia sai ông cùng Lê Lễ đem 2.000 tinh binh theo đường tắt đến vây đánh Tây Đô. Mùa thu năm Bính Ngọ (1426), nhà vua tiến quân vây Đông Kinh, chia quân đi lấy các thành, ông cùng Lê Nhân Chú lên phía Bắc đánh Xương Giang, được tiến phong Thiếu úy. Mùa xuân năm Đinh Mùi, ông được gọi về đóng đồn giữ ở cửa Nam thành Đông Kinh. Đến tháng 6 tháng là Tư mã, được vua sai cùng Thái úy Trần Nguyên Hãn đánh gấp thành Xương Giang. Tháng 9 hạ được thành ấy. Khi đại tướng nhà Minh là An Viễn hầu Liễu Thăng đem 10 vạn quân sang xâm lược; chúng sắp tới, vua sai ông cùng Lê Nhân Chú, Lê Linh phòng giữ các ngả. Bọn ông đem 2 vạn quân và 5 thớt voi đến ải Chi Lăng mai phục để đợi. Liễu Thăng trước làm phó tướng cho Trương Phụ, khi đuổi Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương

⁽¹⁾ Nay thuộc huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

ra vùng biển đều đi tiên phong, có công lớn. Y vốn thuộc hết nơi nào hiểm nơi nào dễ ở nước ta⁽¹⁾. Liễu Thăng thấy người nước ta yếu ớt, trong lòng thường coi khinh. Lúc này y đem quân tới, khí thế đang hăng; (tờ 133b) ông bày mưu để cho giặc thấy mình yếu, dễ sinh kiêu, sai viên tướng coi giữ Lạng Sơn là Lê Lựu nhử giặc vào sâu. Lê Lựu lúc đầu giữ ải Pha Luỹ, thấy giặc đến, lui về giữ ải quan. (Giặc tiến vào tranh nhau cướp cửa quan)⁽²⁾. Lê Lựu lại lui về đóng đồn ở Chi Lăng. Giặc đuổi tới, ông cùng Lê Nhân Chú đem quân bản bộ ra đánh, giả thua chạy. Liễu Thăng thấy cờ hiệu của Lê Lựu, rất mừng, tự thân đốc thúc quân tiên phong đuổi theo. Khi vào đến chỗ mai phục, bọn ông tung quân bốn mặt nổi dậy. Quân Minh thua to. Ta chém Liễu Thăng ở núi Mã Yên cùng hơn vạn tên giặc. Đó là vào ngày 20 tháng 9. Vài ngày sau lại đánh, lại phá được, chém tướng giặc là Bảo Định bá Lương Minh. Ông cho rằng quân tiên phong của Liễu Thăng tuy bại, nhưng lực lượng phía sau của địch hãỵ còn nguyên, nên không muốn chặn phía trước, mà chia quân chặn ở các đồn ải thành lũy bên cạnh núi tại vùng Chi Lăng, cắt đứt đường về, chỉ mở cho địch lối ra Xương Giang. Ông tự đem tinh binh dựa vào thế hiểm, mai phục để chặn. Bọn Thôi Tụ không còn kế gì hơn, bắt buộc phải dẫn quân lui⁽³⁾ vừa đánh vừa chạy, lo thoát thân cũng không kịp. Hôm sau ông lại đánh (lại phá tan, chém được)⁽⁴⁾ hơn 2 vạn (tờ 134a) tên. Trâu bò, lừa ngựa và

⁽¹⁾ Bản A thiếu chữ "ngã quốc" (ở nước ta), đây theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A sót đoạn văn trong dấu móc, sửa theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là "tiến", sửa theo bản B và H là "thoái" (lui).

⁽⁴⁾ Bản A chỉ chép có chữ "phá", bản H chép là "phục phá chi, trăm" (ta phá tan, chém được).

quân khí thu được nhiều vô kể. Nhà vua cũng sai các cánh quân của Lê Lý, Lê Văn An nối nhau kéo đến, thủy bộ cùng bao vây. Quân Ngô, phải đắp lũy ở giữa cánh đồng Xương Giang, bốn mặt đều bị ta đánh. Đến tháng 10, bọn ông tấn công phá tan được, chém hơn 5 vạn thủ cấp, bắt sống Đô đốc Thôi Tự, Thượng thư Hoàng Phúc và hơn 3 vạn quân địch, còn quân nhu thu được nhiều vô kể. Có lẽ từ triều Trần bắt được Tích Lệ Cơ, Ô Mã Nhi cho đến lúc ấy, nước Nam thắng giặc phương Bắc, chưa có trận nào lớn như vậy. Ta nhân đó đem những thứ bắt được, bảo cho quân địch trong thành Đông Kinh biết. Vương Thông sợ mất mật, mới xin giảng hoà, thu quân về nước. Thế là thiên hạ đại định. Trong chiến dịch này, công của ông đứng đầu các tướng.

Năm Mậu Thân, Thuận Thiên thứ nhất (1428), có phong thưởng lớn cho các công thần, ông được ban hiệu là Suy trung Tán trị Hiệp trung mưu quốc công thần Nhập nội Kiểm hiệu Tư khấu Bình chương quân quốc trọng sự. Tháng 5 (tờ 134b) năm thứ 2 (1429), khắc biển tên 93⁽¹⁾ công thần, tên ông đứng thứ nhì, được phong Huyện thượng hầu⁽²⁾. Năm thứ 6 (1433) gia phong là Dương vũ Tĩnh nạn công thần, thăng Đại tư đồ, chịu cố mệnh giúp vua Lê Thái Tông.

Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), do là bậc có công đầu, ông được làm thủ tướng. Ông hăng hái lấy việc giúp vua sửa chính sự làm trách nhiệm của mình, năng can gián cũng có giúp ích cho vua. Nhưng ông là người vô

⁽¹⁾ Bản A chép là "cửu thập nhị" (92), sửa theo bản B và H là "cửu thập tam" (93).

⁽²⁾ Bản A thiếu câu "phong huyện thượng hầu", sửa theo bản B, H và LTHCLC.

tướng không hiểu đại thể, các việc thường theo ý riêng, tính thẳng hay làm bừa, không nghĩ đến về sau. Lại là người nóng nảy. Ông ghét T ư khấu Lê Nhân Chú nên đã vua cáo để giết đi, đuổi⁽¹⁾ em ông ta là Lê Khắc Phục từ chức Hành khiển Nam đạo ra làm phán đại lý chính. Do đó các công thần đều ghê sợ. Lại thêm ông dùng hình phạt quá nghiêm khắc tàn bạo. Như giám sinh Nguyễn Đức Minh theo gia đình đến trường giám, thấy có lá thư nặc danh dán ở trên tường ngôi chùa bên đường, có nói đại tư đồ Sát và đô đốc Ván cùng lập mưu giết ông phán quan Sĩ (tức Lê Nhân Chú). Anh ta bô bô gọi mọi người đến xem rồi xé bỏ đi, vứt xuống nước. Có người đến tố cáo chuyện đó. Ông ngờ rằng chính tên giám sinh ấy viết, đem tra khảo (từ 135a) y cũng không chịu nhận. Khi sắp đem chém, hình quan cho là tội trạng chưa rõ ràng, bèn giảm tội chết, bắt đi đày, và tịch thu gia tài. Uy⁽²⁾ Viễn quân nhân Nguyễn Bẩm, trung quân thiết đột Trình Thọ Lộc, chuyên làm nghề rủ trộm những kẻ nô tì nhà nước để ban cho (các quan?), Tư mã Lê Liệt bắt được, đem tâu. Lúc này các nô tì của nhà nước bỏ trốn nhiều. Ông giận lắm, sai hình quan lập tức tra tấn ngay giữa điện đình, rồi đem chém. Lại điều các cục thợ sơn đến⁽³⁾ làm chùa Báo Thiên, việc thổ mộc nặng nề, có người thợ tên là Cao Sư Đãng phải làm khó nhọc, nói vụng rằng: "Thiên tử thì

⁽¹⁾ Bản A viết lầm chữ "xuất" (đuổi ra) thành ra "suất" (dẫn dắt) sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản B, H là "truy viên quân nhân" (?)

⁽³⁾ Bản A là: "hựu điều tất các tượng cục" bản B và H là: "hựu điều tất tác tượng các cục" (tất tác là thợ sơn).

không có đức để đến hạn hán, đại thần thì ăn của đút, cử dùng người không có công lao, có gì là thiện đâu mà làm chùa to thế?". Bị người cáo giác. (Lê Sát giận lắm)⁽¹⁾. Quan thẩm hình viện là Nguyễn Đình Lịch⁽²⁾ nói: "Nó dám nói can đến việc nước, theo luật nên chém". Nguyễn Thiên Hựu và Bùi Cầm Hổ tâu xin miễn tội chết cho người này. Vua sắp nghe theo, Lê Sát nói: "Trước đã nghe lời bọn Thiên Hựu, không biết Nguyễn Đức Minh⁽³⁾, đến nỗi chúng bỏ thư nặc danh vu nhau, nay lại muốn tha người này thì (từ 135b) làm sao cho người khác răn sợ"⁽⁴⁾. Thiên Hựu không dám nói nữa. Bèn chém. Ngày hôm ấy vừa gặp có mưa nhỏ. Hôm sau Lê Sát nói ở trong triều rằng: "Nếu nghe lời của ngôn quan thì làm gì có trận mưa ấy". Lê Ngân cười nói: "Giết nhiều kẻ ác thì mưa nhiều, nhưng xương người đầy đường khó đi thôi". Những chuyện ông ta thẩm khắc đều theo kiểu như thế. Quan đồng tri Bắc đạo là Bùi Ư Đãi xin chọn những bậc kỳ lão vào hầu để khuyên răn nhắc bảo vua, và bên ngoài thì đặt chức sư phó để chỉ huy trăm quan. Lê Sát thấy sợ giận lắm, xin giao Ư Đãi cho ngục quan xét hỏi, ghép vào tội ly gián vua tôi. Nhà vua không nghe. Lê Sát tâu đi tâu lại vài bốn lần, vua đều không nghe. Bọn Thiên Hựu, Cầm Hổ và Hữu bật Lê Văn Linh đều nghe theo lời của Lê Sát. Nhà vua bắt đắc dĩ phải lưu đày Bùi Ư Đãi ra nơi

⁽¹⁾ Bản A sót câu trong dấu móc, sửa theo bản B và H là "sát nộ" (Lê Sát giận lắm).

⁽²⁾ Bản A là Nguyễn Đình Chính, bản B và H là Nguyễn Đình Hoàn, *Toàn thư* là Nguyễn Đình Lịch.

⁽³⁾ Bản A sót chữ Nguyễn, theo bản B và H và *Toàn thư*.

⁽⁴⁾ Bản A là "vô sở trừng" sửa theo bản B và H và *Toàn thư* là "hà sở trừng".

xa, nhưng lòng vua đã bắt đầu ghét Lê Sát. (Việc này có chép ở truyện Bùi UĐài).

Lê Sát làm xong chùa Thanh Đàm và Chiêu Độ⁽¹⁾ gồm hơn 90 gian, rất là tráng lệ. Nhà vua thấy Lê Sát là người có công lớn, truy phong⁽²⁾ hai đời (cha và ông nội) của Lê Sát.

Tháng 6 năm thứ 2 (1435), bọn Lê Sát thấy vua mới 13 tuổi, hàng ngày cùng với bọn hầu cận (từ 137a) chơi đùa ở trong cung, muốn chọn những kẻ tức nhỏ vào để khuyên bảo vua nên cùng nhau tâu xin cử Hành khiển thừa chỉ Nguyễn Trãi, Trung thư thị lang Trình Thuần Du và văn thần năm, sáu người cùng với vài ba đại thần chia phiên nhau vào hầu Kinh diên⁽³⁾. Vua sai Đình Phúc trả lại tờ tâu không nhận.

Vua yêu dùng bọn hoạn quan Nguyễn Cung. Lê Sát tâu xin giết đi, vua không nghe, do đó Lê Sát cáo ốm không vào chầu. Phan Thiên Tước lại lấy cớ đó mà tâu nhắc, nhưng vua cũng không nghe. (Việc này có chép ở truyện Phan Thiên Tước).

Vua ở sau điện, sai người cưỡi voi đấu với sơn dương⁽⁴⁾, sơn dương bị cùng quẫn, lấy sừng húc bừa vào voi, voi sợ chạy, ngã xuống giếng chết. Ông cùng với Lê Ngân và Phan Thiên Tước tới can vua, vua lặng im. Khi vua đã lớn, có óc hiểu biết phán đoán, ông vẫn tham

⁽¹⁾ Nguyên văn (bản A và Toàn thư): "Thanh Đàm Chiêu Độ tự" có thể hiểu là chùa Chiêu Độ ở Thanh Đàm. Bản B và H chép là "... Chiêu Nghĩa tự".

⁽²⁾ Bản A sót chữ "phong", sửa theo bản B và H.

⁽³⁾ Kinh diên: giảng sách cho vua học.

⁽⁴⁾ Bản A chép là "dữ sơn dương đoàn" (đoàn là tròn, vô nghĩa) theo bản B và H chép là "dữ sơn dương đấu" (đấu với sơn dương).

quyền cố vị, tính khí cứng xẵng; không biết nhún nhường, vua càng thêm ghét, bên ngoài vẫn tỏ ra bao dung, mà ông không biết.

Tháng 6 năm thứ tư (1437) nhà vua cùng tả hữu bàn mưu, cho rằng: Điện tiền đô kiểm điểm Lê Ê, Hữu quân tổng quản Lê Hiêu, là thân thích của ông, mà Trịnh Khả giữ chức đồng tổng quản lại có hiềm khích với ông từ trước. Bèn cho bọn Lê Ê, Lê Hiêu ra ngoài mà gọi Khả về cho làm chức Hành quân tổng quản, nắm giữ Cấm binh, ông còn chưa biết nguy cơ, nên tâu xin lưu Lê Hiêu ở lại, và nói: "Nếu Khả được vào hầu trong cung cấm, thì sợ sẽ làm hại thân". Vua không trả lời, đứng dậy đi vào cung. Vài hôm sau, vua sai người bảo với thị⁽¹⁾ ngự sử là Đinh Cảnh An rằng: "Đại tư đồ Lê Sát cho thăng chức mà không nhận, ta muốn cho Lê Văn An làm đồng đô đốc tổng quản Hải Tây mà Lê Sát ngăn trở". Đinh Cảnh An và Nguyễn Vĩnh Tích theo ý vua, làm tờ tâu hạch rằng: "Lê Sát chuyên quyền quá lắm, tội ấy khó dung thứ được". Tờ tâu ấy dâng lên, vua giao cho hình quan xét hỏi. Ông bỏ mũ ra tâu rằng: "Nay buộc cho thần cái tội chuyên quyền, thế là tội của thần do tiên đế ban cho". Bấy giờ bọn Lê Văn Linh, Lê Ngân đều bênh gỡ cho ông, nhưng nhà vua không nghe, hạ chiếu nói rằng:

"Lê Sát tự chuyên giữ quyền binh, ghen người tài, giết Nhân Chú để ra oai của mình (tờ 137a), truất Trịnh Khả để người ta phục, bãi chức tước của U Đài, khiến đình thần không ai dám nói, đuổi Cẩm Hổ ra nơi biên thủy để gián quan phải ngậm miệng. Xem những việc

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "thị", sửa theo bản B và H.

làm ấy đều không phải đạo làm tôi. Nay muốn khệp vào luật hình để tỏ rõ phép nước, song vì là đại thần cố mệnh, có công với nhà nước, đặc cách khoan tha, nhưng phải bãi chức tước". Vua cho người cùng phe cánh của Lê Sát là tham tri Tây đạo Đặng Đắc ra làm An phủ sứ trấn Lạng Sơn, rồi hạ ngục, cho Bùi Ư Đãi được phục chức, cử Tư khấu Lê Ngân thay Lê Sát chấp chính.

Lê Sát đã bị bãi chức rồi, bọn tiểu nhân còn oán giận chưa thôi, càng vu cáo theo. Còn muốn cho ông phải chết. Nhà vua cũng giận ông. Tháng 7 năm ấy, phế con gái ông là Nguyên phi Ngọc Dao làm dân thường. Xuống chiếu rằng:

"Tội của Lê Sát đáng phải giết, không thể dung thứ được, nên chém để răn, nhưng trăm đặc ân miễn cho không giết. Duy Đặng Đắc là kẻ bày mưu cho Sát định hại xã tắc thì chém bêu đầu. Nguyễn Gia Mô biết chuyện mà không tố cáo⁽¹⁾ thì phải lưu đày ra nơi xa. Còn bọn Lê Văn Linh, (tờ 137b) Lê Linh, Lê Thu, Lê Ê, Lê Hiều đều nên theo luật trị tội. Nếu gặp⁽²⁾ ân xá cũng không được tha. Lê Bang là con rể của Sát, ra vào nhà nó, nên lưu đày ra nơi xa".

Về sau lại ban chiếu rằng: "Lê Sát nay lại ngầm nuôi bọn võ sĩ, mưu hại người trung lương, mưu kế hiểm giảo, dấu tích gian phi ngày càng lộ ra, đáng chém để răn". Đô đốc Lê Ngân, Trung thừa Bùi Cẩm Hổ đồng thanh tâu rằng: "Tội của Sát đáng xử tử, nhưng đã là đại thần mà

⁽¹⁾ Theo *Cương mục*, q.17, thì Lê Sát nuôi bọn Lê Thảo làm thích khách để mưu giết Lê Ngân, vua giận mới trị tội Lê Sát.

⁽²⁾ Bản A chép lầm chữ "ngộ" (gặp) ra chữ "quá", sửa theo bản B và H.

lại đem xác đi rao làm nhục, sợ rằng dễ tiếng chê cười cho đời sau". Vua bèn cho ông tự tử ở nhà. Vợ con và di sản đều tịch thu, còn tài vật khí dụng thì đem ban cho các quan.

Ông là người có công đầu mở nước, bị chết không đáng tội, thiên hạ cho là oan. Năm Thái Hoà thứ 11 (1453), có đại xá, đổi niên hiệu, vua Nhân Tông mới nhớ lại công của ông, cấp cho con cháu ông 100 mẫu quan điền. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), tặng là Thái bảo Cảnh quốc công.

12. LÊ NGÂN

Lê Ngân người xã Đàm Di thuộc Lam Sơn, theo Cao Tổ khởi binh. Lúc tướng Minh là Mã Kỳ vây khốn vua ở Lạc Thuỷ, ông cùng bọn ông Lê Thạch lên trước đánh phá được địch. Trong trận ở cửa ải Khả Lưu, ông cùng bọn ông Lê Sát đều làm tiền phong⁽¹⁾ phá tan quân giặc. Ông lập chiến công rất nhiều. Mùa thu năm Ất Tỵ (1425), nhà vua đương vây Nghệ An, sai bọn Tư đồ Trần Nguyên Hãn đánh Tân Bình, Thuận Hoá. Kế đó sai ông và Lê Văn An đem 70 chiến thuyền vượt biển làm hậu viện cho Trần Nguyên Hãn. Sau đó bình định được hai xứ ấy, lấy thêm được binh và voi để giúp cho quân vua. Vua gọi bọn ông về bảo ở lại vây thành Nghệ An, còn mình thì tiến đánh Đông Đô⁽²⁾. Nghe tin Lê Lễ đánh nhau với Vương Thông ở Tốt Động, giành thắng lợi lớn, vua bèn tiến quân

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "tiền" trước chữ "phong". Sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là Tây Đô, bản B, H và LTHCLC chép là Đông Đô.

ra Đông Kinh, (đánh lấy được các thành, chém đầu Liễu Thăng, buộc Vương Thông phải hàng, bình định được thiên hạ. Trong khi đó)⁽¹⁾ Lê Ngân đã đánh chiếm được thành Nghệ An, bắt hàng được viên chỉ huy Thái Phúc, rồi gặp vua ở Đông Kinh. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), ông được phong Suy trung Tán trị Hiệp mưu công thần, Nhập nội tư mã, tham dự triều chính. Tháng 5 năm thứ 2 (1429) khắc biển công thần 93 người, ông đứng hàng (tờ 158) thứ tư, được phong Á hầu⁽²⁾.

Đầu niên hiệu Thiệu Bình đời Lê Thái Tông (1434), ông làm chức Tư khấu, Đô tổng quản hành quân ở Bắc đạo, cùng Đại tư đồ Lê Sát cùng phụ chính. Tính ông cứng xẵng hẹp hòi. Người cùng làng với ông là Phạm Mẫn vì có tranh ruộng với nô tỳ của ông, có nói bậy mấy câu. Tên nô tỳ giận⁽³⁾, nói rằng lúc Thái Tổ khởi binh, Mẫn theo quan quân đi đánh sách Cối, đã trốn vào đầu hàng giặc, nói cho chúng biết cách bố phòng trang bị, làm cho quân ta không đánh được, phải quay về. Nhà vua giao cho hình quan tra hỏi, khép vào án chém. Lê Sát nói: "Nay chúng ta có quyền có thế, mà đi thù người làng, thì muốn làm gì chẳng được⁽⁴⁾. Sau này lỡ ra ta bị thất thế, thì làm sao mà gỡ được tai họa oán thù đến với con cháu mình?" Lê Ngân to tiếng bảo: "Nếu con cháu nó gây thù thì lẽ nào con cháu ta lại không báo phục?". Lâu về sau Mẫn lại được giảm tội chết, chỉ bị đày ra nơi xa.

⁽¹⁾ Bản B và H không có đoạn văn trong dấu móc.

⁽²⁾ LTHCLC chép là Á Thượng hầu.

⁽³⁾ Bản B và H chép là "Ngân nổi" (Lê Ngân nổi giận).

⁽⁴⁾ Bản A chép là "ngã diệt hà cầu" (ta cũng cần gì) nghĩa không hợp. Theo bản B và H là "hà cầu bất đắc" (muốn làm gì chẳng được).

Mùa thu năm thứ 4 (1437), nhà vua bãi chức Lê Sát, rồi cho ông lên làm thủ tướng⁽¹⁾, phong là Nhập nội đại đô đốc, phiêu kỵ thượng tướng quân ở trấn Quy Hoá; đặc tiến khai phủ nghị đồng tam ty, Thượng trụ (tờ 139a) quốc Quốc thượng hầu⁽²⁾.

Bài chế văn rằng:

"Trẫm nghĩ: quyền giữ việc quân là quyền lớn của nước nhà: Trách nhiệm tướng phủ phải chọn người tin cậy được. Phải có người hiền; mới xứng chức trọng. Xét... (Lê Ngân)... đây: là khí thiêng liêng của sông núi; là tài lớn của triều đình. Lúc trời đất tối tăm, đã biết có thánh nhân xuất hiện; khi giáo gươm ngang dọc, đã biết vì thiên hạ tiên ưu⁽³⁾. Đối với thù nước, chẳng đội trời chung; thấy dân đắm chìm, coi như mình chịu. Gan trung dạ nghĩa, mãi chẳng mòn mà bôi cũng chẳng nhơ; đánh đông dẹp tây, tiến quân là thắng mà công thành là hạ⁽⁴⁾. Giữ tiết bền trong lúc nguy nan; từng nếm trải mọi mùi gian khổ. Khi bị vây ở Ai Lao thì dùi vế khinh thường giáo mác, khi hết lương ở Linh Sơn, như cây tùng dạn với tuyết sương. Rồi thì quét sạch đàn ong ở Bồ Đằng⁽⁵⁾, Khả Lưu; sau lại phá tan lũ kiến ở Nghệ An, Thuận Hoá. Trận đánh bên Tây Việt⁽⁶⁾ mấy chục năm cây cỏ còn ghi; công khôi phục Đông Đô, (tờ 139b) nghìn muôn thuở sử xanh vẫn chép. Giúp nên nghiệp lớn ngày

⁽¹⁾ Bản A chép là "tiên tướng", bản B là cựu tướng. - sai, sửa theo bản B và H.

⁽²⁾ LTHCLC chép là "thượng trụ quốc, thượng sử".

⁽³⁾ Tiên ưu: lo trước (thiên hạ).

⁽⁴⁾ "Công thành là hạ": đánh phá thành nào cũng hạ được thành ấy.

⁽⁵⁾ Bản A, B và B. H chép là "Mộng Thắng" có lẽ là Bồ Đằng chép lầm.

⁽⁶⁾ Có lẽ chỉ vào chiến dịch đánh giặc Minh trên đất Lào.

nay; là nhờ công lao đặc biệt. Trải những ngày tham dự việc nước, làm khuôn mẫu cho trăm quan. Lại thăng lên coi giữ việc quân, bọn gian phi phải khiếp sợ. Sửa sang trong nước, chính sự được hoà; đánh dẹp ngoài biên, man di đều phục.

Mới đây: hoàng thiên giáng hoạ, tiên đế châu trời. Người đã: nhật cung rơi ở Đỉnh Hồ⁽¹⁾, thân chịu cố mệnh; ôm vũng hồng dưới vực thẳm đặt lên mây xanh⁽²⁾. Khá nên phụ đạo chuyên cần. Nay uỷ cho việc tâm phúc. Sung vào suý phủ; lên đến ngôi cao. Để vỗ về trăm họ, trị nước yên nhà; để cai quản trăm quan, nắm giữ then chốt.

Than ôi! Cho ngôi cao, cho lộc trọng, trăm đã uỷ người làm tướng văn tướng võ trong ngoài. Trên vì vua, dưới vì dân, người phải gánh đáng trách nhiệm an nguy của xã tắc".

Tiến phong con gái ông từ Chiêu nghi lên làm Huệ phi⁽³⁾. Tháng 12 mùa đông, có người cáo giác nhà Lê Ngân thường thờ Phật Quan âm (từ 140a) để cầu cho con gái được vua yêu. Nhà vua ra cửa Đông thành⁽⁴⁾, sai thái giám Đỗ Đại đem 50 võ sĩ đến lục soát nhà ông. Bắt được tượng Phật và các thứ vàng bạc vải lụa. Hôm sau Lê

⁽¹⁾ Chỉ việc Lê Thái Tổ mất. Do điển vua Hoàng Đế cuối rồng lên trời, rơi cung xuống, các bệ tôi muốn theo không được, mới nhật lấy cung. *Đỉnh Hồ*: nơi Hoàng đế lên trời.

⁽²⁾ Nguyên văn: "Ngu uyên" (vực Ngu). "Mặt trời xuống vực Ngu" là chỉ lúc hoàng hôn. Đây nói "đưa mặt trời ở dưới vực lên cao" là chỉ vào việc phò vua Thái Tông lên ngôi.

⁽³⁾ Bản A chép là "vi phi Lê thị" (làm phi họ Lê). Theo bản B và H chép là: "vi Huệ phi".

⁽⁴⁾ Bản A sót chữ "môn" (cửa) sau chữ "thành".

Ngân vào châu, bỏ mũ tạ tội. Vua sai bắt nô tỳ nhà ông tra hỏi. Lê Ngân bỏ mũ ra tâu rằng: "Trước đây thần từng theo vua khởi nghĩa Lam Sơn, ngày nay tuổi già nhiều bệnh, nghe thầy bói nói: trong nhà thần ở, trước là miếu thờ Phật, nhân vì làm ô uế nên sinh ra yêu quái, (tai ương)⁽¹⁾ nên phải sửa lại để cầu cho khỏi tai hoạ. Người thiếp của thần là họ Nguyễn bị thần đuổi đi, và người thiếp họ Trần của Lê Sát mà thần được ban cho; hai người ấy đều là kẻ có thù với thần, cùng với bọn gia nô ương ngạnh, thù dệt cho nên chuyện. Tiên đế biết rõ lòng thần, thường vẫn ưu đãi bao dung. Nay thần gân sức mệt mỏi, xin được cho về với ruộng vườn quê hương để sống hết tuổi tàn. Nếu nghe các người tả hữu mà tra tấn người nhà của thần, bị đánh đau tất nhiên sinh ra lời khai khác, thì thân thần sợ không giữ được, xin bệ hạ nghĩ lại cho". Nhà vua không nghe. Hình quan chiêu ý nhà vua và phụ hoạ thêm vào thành tội. Tờ trạng trình lên, vua bắt ông tự chết và tịch thu gia sản, giáng con gái ông từ Huệ phi xuống làm Tu dung, mẹ thấy đồng họ Nguyễn thì bị đày ra nơi xa, thấy phù thủy là Trần Văn Phương⁽²⁾ thì phạt làm lính ở chuồng voi.

Ông là một công thần mở nước, mà chết không đáng tội. Con ông là Nho Tông⁽³⁾ bị chìm đắm ở quân ngũ lâu ngày, các đại thần nhiều người thương xót, nên năm Thái Hoà thứ 6 (1448) tâu cho làm đại đội trưởng Bảo ứng⁽⁴⁾ quân.

⁽¹⁾ Bản A là "tác yêu", bản B và H là "tác ương".

⁽²⁾ Bản B và H chép là Trần Văn Xảo - sai, theo bản A và *Toàn thư*.

⁽³⁾ Bản A chép là (Tông) Nho - sai, theo bản B, H và *Toàn thư*.

⁽⁴⁾ Bản H chép là Bảo ứng quân đội trưởng (thiếu chữ đại); bản A chép là "ứng bảo quân đại đội trưởng". Sửa theo *Toàn thư*.

Năm thứ 11 (1453) đại xá⁽¹⁾, nhà vua cấp trả cho con ông 100 mẫu ruộng. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), truy tặng là Thái phó Hoàng quốc công⁽²⁾.

13. LÊ NHÂN CHÚ⁽³⁾

Lê Nhân Chú người xã An Thuận thượng⁽⁴⁾ huyện Đại Từ, nguyên trước họ Lưu sau được ban họ vua. Lúc trẻ nghèo khổ, làm nghề buôn bán. Một đêm ông ngủ trọ ở đền thờ thần, nằm mộng được điềm tốt. Sau đó ông vào Lam Sơn, thờ Thái Tổ (làm Thứ thủ ở vệ kỵ binh (?) trong quân Thiết đột. Ông xông pha tên đạn, ra vào trận mạc, đem hết sức ra giúp. Năm (tờ 141a) Bính Thân (1416)⁽⁵⁾, Thái Tổ⁽⁶⁾ cùng tướng văn tướng võ 18 người - liên danh thể ước cùng vui cùng lo có nhau, ông cũng được dự. Năm Giáp Thìn (1424), trong trận đánh ở ải Khả Lưu, ông xông lên trước hãm trận, thu được toàn thắng, nổi tiếng một thời. Năm Ất Ty (1425), ông cùng các ông Lê Lễ, Lê Sát, Lê Triện đánh úp phá quân Minh ở thành Tây Đô, được phong tước Thông hầu. Mùa thu năm Bính Ngọ (1426), vua đang vây Nghệ An, sai các tướng đi tuần các nơi, và sai ông cùng Lê Sát, Lê Bị, Lê Khuyển, Lê Nanh,

⁽¹⁾ *LTHCLC* chép là "Năm thứ 12 (1454) nhân kỳ đại xá".

⁽²⁾ *LTHCLC* chép là "Trưởng quốc công" bản *H* chép là "Hoàng quận công".

⁽³⁾ Chữ "Chú" cũng đọc là Thụ. Bản *B* và *H* chép là Lưu Nhân Chú. Bản *A* là Lê Nhân Chú.

⁽⁴⁾ *Cương mục* chép là An Thuận.

⁽⁵⁾ Bản *A* chép là Bính Ngọ - sai, vì năm Lê Lợi tổ chức hội thể là năm Bính Thân (1416).

⁽⁶⁾ Bản *B* và *H* sót đoạn văn trong dấu móc, từ chữ "làm thứ thủ...".

đem 2.000 quân đi đến các lộ Trường Yên⁽¹⁾, Thiên Trường, Tân Hưng, Kiến Xương để chặn đường về của bọn Phương Chính, Lý An. Khi chiếm được các đất ấy, bèn chia người lưu thủ. Lại hội quân với các ông Lê Bị, Lê Bôi, Lê Vị Tẩu, tiến sang địa giới các lộ Khoái Châu, Lạng Giang, Bắc Giang lược định⁽²⁾ các châu huyện để chặn viện binh từ Khâu Ôn sang. Tháng 3 năm Đinh Mùi (1427), ông được thăng là Hành quân đô đốc tổng quản⁽³⁾, Nhập nội đại tư mã, lĩnh bốn vệ Tiền, Hậu, Tả, Hữu, kiêm coi việc quân Tân vệ. Tháng 6 thăng chức Tư không. Vua dặn ông rằng:

(từ 141b) "Chức tước đã cao, nên sớm hôm chăm chỉ, không được trễ biếng bỏ phí công lao" và ban cho ông một cái tán. Mùa thu năm ấy, vua nghe tin đại tướng Liễu Thăng nhà Minh kéo quân sang, nên sai ông cùng bọn Lê Sát đem 1 vạn tinh binh và 5 thớt voi đực, lên trước trên ải Chi Lăng mai phục để đợi. Ông cùng Lê Sát hợp mưu chung sức, sai Lê Lựu giả thua nhử giặc, rồi tung quân ra đánh úp, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên, sau đó lại chém được Bảo Định bá Lương Minh tại trận. Thôi Tự, Hoàng Phúc đem tàn quân gắng gượng tiến lên. Ta lại đánh phá được, chém được 2 vạn tên. Và khi được các cánh quân Lê Lý, Lê Văn An, Lê Khôi lục tục kéo đến, bèn lại đánh, phá địch ở Xương Giang, bắt sống được Hoàng Phúc, diệt toàn bộ cánh quân đó của giặc. Mộc Thạnh rút chạy không dám tiến xuống nữa, mà Vương Thông thế cùng cũng phải xin hoà. Vương Thông cử Sơn

⁽¹⁾ Bản A sót chữ Trường Yên, theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A thiếu chữ "lược", theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản B. H chép là "hành quân đốc quản".

Thọ, Mã Kỳ sang phía ta làm con tin. Vua cũng sai con là Tư đồ Tư Tế cùng Nhân Chú vào thành làm (tờ 142a) con tin, để cho lời ước được chắc chắn. Sau đó phong ông làm Suy trung Tán trị Hiệp mưu Dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự.

Bài chế rằng:

"Trẫm nghĩ: vua tôi một thể, chân tay giỏi thì đầu được tôn⁽¹⁾. Giúp đỡ có người, rường cột chắc thì nhà mới vững. Người là người phò tá có tài; là bề tôi tận trung của nước. Nên trẫm cho vinh hạnh ở ngôi Tế tướng, và vẫn giữ trách nhiệm coi nắm binh quyền. Nay ban cho tờ chiếu chỉ; để nêu rõ bậc quan sang.

Xét... (Lê Nhân Chú)... đây: Tài năng như cây tùng cây bách; chất người như ngọc "phan" ngọc "dư". Thấy nước nhà trong cơn hoạn nạn; nghĩ nghiệp vua không thể thiên an⁽²⁾. Núi Linh Sơn đối khổ mấy tuần, người hằng lo lắng; xứ Ai Lao muôn phần vất vả, người chẳng tiếc thân. Cứu nguy phù suy, giành lại cơ đồ trong những ngày cháo rau cơm hầm; trừ hung dẹp bạo, quét thanh trời đất khỏi tai ương ngựa sắt gươm vàng. Trận đánh ở Bồ Đằng⁽³⁾, Khả Lưu như trúc chẻ tro bay; trận đánh ở Xương Giang, Chi Lăng như băng tan, ngói lở. Giúp nên nghiệp (tờ 142b) lớn, càng rõ công to sáng nghiệp là khó khăn, người đã lấy võ công mà dẹp nạn; thủ thành không phải dễ, nước cần có hiền tài để giúp phò. Vậy cho người: đứng đầu hàng võ trong triều:

⁽¹⁾ Bản A chép là "cổ quang lương nhi nguyên thủ khang" (chân tay giỏi thì đầu được yên lành). Bản B, H chép là "nguyên thủ tôn", (đầu được tôn).

⁽²⁾ Nguyên văn: "thiên an" tức là triều đình có vua mà chỉ trốn lủi nấp náu ở một xó, không thống trị được cả nước.

⁽³⁾ Bản A, B và H đều chép là Mộng Thắng, có lẽ Bồ Đằng là chép nhầm.

kiêm coi chính sự nhà nước. Trên thì phải trung với vua, cha⁽¹⁾, dưới thì phải thương đến dân, lính. Than ôi! Làm thuyền, chèo mong vượt sóng to, nay đã qua cơn sóng gió; viết đơn thư cất vào nhà đá⁽²⁾, mong chớ quên lời thề xưa".

Tháng 5 năm thứ 2 (1429) khắc biển công thần; ông được phong Á Thượng hầu, tên đứng thứ năm. Năm thứ 4 (1431) được chuyển làm Nhập nội tư khấu. Năm thứ 6 vua Thái Tổ mất, Thái Tông còn nhỏ, Đại tư đồ Lê Sát ghen ghét ông, ngầm⁽³⁾ đánh thuốc độc giết chết. Về sau vua Thái Tông mới hiểu nỗi oan của ông, cuối cùng trị tội Lê Sát. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), tặng là Thái phó Vinh quốc công.

14. TRỊNH KHẢ

Trịnh Khả người xã Sóc Sơn, huyện Vinh Ninh⁽⁴⁾, được ban họ vua. Tổ tiên ông làm quan triều Trần, theo

⁽¹⁾ Bản A chép: "thượng dĩ trung quân *thượng*" - sai, sửa theo bản B và H: "thượng dĩ trung quân phụ".

⁽²⁾ *Đơn thư*: do chữ "đơn thư thiết khoán" (thư son khoán sắt): xưa vua Hán Cao Tổ hứa hẹn ưu đãi các công thần, dùng sắt làm khoán ước (cam kết) dùng son để viết lời văn có ý để bảo tồn lời cam kết được lâu bền. Việc cất vào nhà đá cũng để bảo tồn được lâu.

⁽³⁾ Bản A chép: đại tư Sát *dương* kỵ tật, *tử* trảm sát chi". Bản B và H chép: "Đại tư đồ Sát *âm* hoài kỵ tật, *tử* trảm sát chi". Theo bản H và sửa chữ *tử* (ban) thành chữ *âm* (ngầm).

⁽⁴⁾ Bản B và H chép "Lê Khả, Vinh Ninh huyện, Kim Bôi nhân" (Lê Khả người xã Kim Bôi, huyện Vinh Ninh) và chú rằng: "Vinh Ninh nay là Vinh Phúc, Kim Bôi trước thuộc hương Sóc Sơn". Theo *Đất nước Việt Nam qua các đời*, của Đào Duy Anh, Nhà xuất bản Khoa học, 1964, thì huyện Vinh Ninh thời Lê sơ đến thời Lê trung hưng đổi là Vinh Lộc vì kiêng tên húy vua Lê Trang Tông (Đuy Ninh), nay vẫn là huyện Vinh Lộc tỉnh Thanh Hoá.

đánh giặc Nguyên có công, cha là Quyện làm chánh tổng: sinh 4 người con trai, Khả là con út (sinh năm Quý Mùi⁽¹⁾ (1403?)). Lúc này người Minh biến nước ta thành quận (từ 143a) huyện, chia đặt các ty. Ông 16 tuổi⁽²⁾, đi cày ruộng chăn trâu ngồi nghỉ ở cổng chùa trên núi⁽³⁾. Có viên tướng nhà Minh từ thành Tây Đô đến, thấy vẻ mặt ông thì ưa, bèn dẫn về nuôi làm nô. Ít lâu sau y xem tướng bảo rằng: "Đứa bé này hình rồng mắt hổ, khoẻ nhất ba quân, ngày sau tất cầm cờ mao tiết⁽⁴⁾". Chợt lại bảo ông: "Ngày sau đuổi chúng ta tất là mày! Phải giết ngay đi, nếu không sẽ để lo ngại về sau".

Ông sợ trốn đi, qua sông Mã, ẩn ở nhà bà cô thuộc xã Diên Phúc. Người Minh đuổi bắt không được, mới bắt giam bố ông là Quyện để buộc ông phải đến, nhưng cũng không được. Chúng liền đem quăng bố ông xuống sông. Đến đêm ông lên về vớt xác đem chôn. Ông thương xót cảm giận, lòng thiết tha nghĩ việc báo thù. Nghe tin Thái Tổ náu mình ở Lam Sơn ngầm nuôi binh mã, ông mới mang gươm đi theo, ngày càng được vua biết đến, và cất nhắc lên cho làm Thứ thủ quân Thiết đột.

Năm Bính thân (1416) vua cùng 18 người bề tôi thân, liên danh thề nguyện, ước hẹn cùng vui cùng lo có nhau; ông cũng được dự. Năm Mậu Tuất (1418)⁽⁵⁾, có việc giặc

⁽¹⁾ Bản A và B, H chép là Kỷ Mùi, xét ra Kỷ Mùi là năm 1439, có lẽ là Quý Mùi 1403 thì đúng hơn, vì sau đó giặc Minh chiếm nước ta cho đến khi ông theo Thái Tổ khởi nghĩa cũng khoảng 16 tuổi.

⁽²⁾ LTHCLC chép là 16 tuổi. Bản A và B, H là 18.

⁽³⁾ Câu này nguyên văn là: "vãng canh mục phai sơn tự môn ngoại", có thể hiểu là: đi cày ở cửa chùa cạnh núi Mục Phai (?)

⁽⁴⁾ Ý nói làm tướng.

⁽⁵⁾ Bản A chép là Mậu Thân, sửa theo bản B, H và LTHCLC là Mậu Tuất.

đào mả tổ nhà vua (từ 143b), ông cùng Bùi Bị đội có bơi đến thuyền giặc lấy trộm được hài cốt mang về.

Khi vua khởi nghĩa binh, ông cùng bọn Lê Văn Linh cùng làm tướng văn tướng võ, trước sau chống giữ. Vua thấy ông đã từng cùng Trương Lô đi đón voi của Trịnh Đồ, nên thông hiếu tiếng Ai Lao, bèn sai ông mang thư sang nhờ vua Ai Lao giúp quân⁽¹⁾ và giúp 5 tháng lương, và cấp khí giới, voi chiến. Vua Ai Lao nhận lời. Vua nhờ có sự giúp đỡ ấy, dùng để chống quân Minh. Từ đó đánh nhau với địch lớn nhỏ hàng mấy mươi trận, và kinh lược các lộ Nghệ, Diễn, ông đều xưng phong hãm trận, nổi tiếng lập công to, mấy lần phong đến Thái giám.

Năm Bính Ngọ (1426), nhà vua vây Nghệ An, chia các tướng đi tuần ở các nơi. Ông cùng các tướng Phạm Văn Xảo, Lê Triện, Đỗ Bí đem 2000 quân ra Thiên Quan đi tuần ở 5 lộ là Quảng Oai, Gia Hưng, Tam Đái, Lâm Thao, Tuyên Quang, chiếm đất, chiêu binh, để cắt đường quân tiếp viện từ hướng Vân Nam xuống. Đi đến đâu là thu được đấy. Sau đó ông đem một cánh quân lẻ (từ 144a) tiến thẳng đến sát Đông Đô. Tướng Minh chợt thấy ông từ xa đến, rất sợ, đem quân ra chống cự ở Ninh Kiều. Bọn ông đánh thắng quân Minh, đóng lại ở phía Tây Ninh Kiều. Đô ty Vân Nam là Vương An Lão đem hơn 1 vạn quân đến cứu viện. Ông để Lê Triện ở lại chống giữ, tự mình cùng với Văn Xảo đem quân bản bộ đón đánh giặc ở cầu Xa Lộ, đánh tan được quân giặc⁽²⁾. Chợt lại nghe tin Tổng binh nhà Minh là Vương Thông đem 5 vạn

⁽¹⁾ Bản B, H không có chữ binh (quân).

⁽²⁾ Về trận Trịnh Khả đánh quân Vương An Lão ở cầu Xa Lộ, LTHCLC không chép.

quân theo đường Quảng Tây kéo sang đã tới Đông Đô, còn một cánh ở Vân Nam có 1 vạn quân, đã tới trước Tam Giang, xuôi dòng mà xuống. Ông sợ quân giặc hai đường hợp lại được, bèn vội từ Ninh Kiều đi gấp đường lên đón giặc ở cầu Xa Lộ, phá được giặc, bắt và chém hàng nghìn tên. Còn Lê Triện, Đinh Lễ cùng hợp mưu mai phục, đánh tan quân địch ở Ninh Kiều, Tốt Động. Thanh thế quân ta rất lừng lẫy. Lúc bấy giờ ông cùng các ông Văn Xảo, Lê Triện và Lê Lễ, đều là danh tướng một thời, đồng tâm hiệp lực, khi thì bí mật bất ngờ, khi thì đường đường chính chính, ứng biến vô cùng mà đánh giặc, thừa cơ tùy tiện: nhanh như cắt nhào, mạnh như tên bắn, vì thế hễ đánh là được. (từ 144b) Vua từ Thanh Hoa ra Đông Đô điều khiển quân, chia ra đi tuần các châu huyện⁽¹⁾, sai ông đánh thành Tam Giang, rồi phong ông làm Thiếu úy. Mùa xuân năm Đinh Mùi (1427), vua đóng ngự dinh ở phía Bắc sông Lô, ông vây giữ cửa phía Đông thành Đông Đô. Vừa gặp khi đại tướng nhà Minh là Liễu Thăng, Mộc Thạnh chia quân theo hai ngã tiến sang. Mộc Thạnh từ Vân Nam đem 5 vạn quân thẳng xuống Tuyên Quang. Ông cùng với Phạm Văn Xảo đem quân chống giữ ở cửa ải Lê Hoa, vâng theo mật chỉ của vua rằng: "Mộc Thạnh là viên tướng già, từng trải đã nhiều, lại vốn biết uy danh của ta, tất nhiên hấn ngồi đợi xem Liễu Thăng thắng bại thế nào, chứ không khinh xuất tiến quân, ta phải giữ chỗ hiểm yếu, không nên ra đánh nhau với hấn ngay". Ông bèn giữ vững đồn trại chống cự với giặc. Không bao lâu Liễu Thăng chết trận, Mộc Thạnh thất thế thu quân rút chạy. Ông cùng Phạm Văn Xảo thừa thế phá tan quân

⁽¹⁾ Bản A chép là "tuyển binh" (tuyển quân), bản B và H chép là "khiển quân phân tuần châu huyện".

giặc ở Lãnh Cầu, Đan Xá, chém hơn 1 vạn tên, bắt được hàng nghìn người ngựa, quân tư nhiều vô kể. Sau đó Vương Thông xin hoà rút quân về, thiên hạ đại định.

Năm Thuận Thiên thứ nhất, bàn định công lao, phong cho ông hàm Kim tử Vinh lộc đại phu tả Lân hồ (tờ 145a) Vệ tướng quân⁽¹⁾, ban cho túi kim ngư⁽²⁾, ngân phù, thượng khinh xa đô úy⁽³⁾. Năm thứ 2 (1429), khắc biển công thần, phong cho ông là Liệt hầu, được coi việc trong điện và giữ chức Đô thái giám 4 đạo, cai quản mọi việc quân trong ngoài, kiêm trấn phủ sứ ở Tuyên Quang, Lại gia chức Hành quân tổng quản xa kỵ chư quân sự đồng tổng quản, lĩnh các đội Thiết đột⁽⁴⁾.

Lúc này Bàn Nhự (cũng như gọi quốc vương) nước Lào là Côn Cô mới lên ngôi, có bảy tôi tên là Kha Lại làm phản. Côn Cô dâng voi để cầu viện. Nhà vua sai ông đem quân sang giúp, bèn⁽⁵⁾ diệt được Kha Lại, bình định nước ấy⁽⁶⁾. Khi khải hoàn, vua khien ngôi công lao của ông. Năm thứ 6 (1433), thăng Bảo chính công thần gia Kim tử

⁽¹⁾ Bản A chép là "tả lân lộc hồ vệ tướng quân", theo bản B, H và LTHCLC.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "ngư", theo bản B, H và LTHCLC chép đổi chữ "đại" (cái túi) ra chữ "trang" dịch là "cho kim ngư trang kim phù", và chữ là "con so cá vàng nạm bạc", ở đoạn dưới cũng thế.

⁽³⁾ Bản A và B là "kỵ đô úy", theo bản H và LTHCLC.

⁽⁴⁾ Bản A sót chữ "tổng quản" sau chữ đồng, và chữ "đẳng" trước chữ đội, theo bản B và H.

⁽⁵⁾ Bản A viết lầm chữ "toại" (bèn) ra chữ "đạo" (đường), theo bản B và H.

⁽⁶⁾ *Cương mục* chép tên thủ phạm là Nữu Tại, và *Cương mục* cùng *Toàn thư* chép sự việc có khác. Côn Cô bị Nữu Tại làm phản, xin cứu viện, triệu đình nhà Lê cho người đến hoà giải. Sau Côn Cô lại đến cống và xin quân, vua sai Thiếu úy Xa Miên đem lính Mường Mãn đi cứu. Lúc đến thì Nữu Tại đã giết Côn Cô và lập một người họ Côn Cô là Dụ Quán làm vua. Họ mang voi và vàng bạc sang cống. Nhà Lê không hỏi nữa mà rút quân về. (Theo lời chú của bản dịch LTHCLC).

Vinh lộc đại phu Lương Giang trấn, quán⁽¹⁾ quân tướng quân, nhập nội thiếu bảo tham tri quân sự các vệ thuộc đạo Hải Tây, và chức thái giám coi các việc trong ngoài, trụ quốc, ban kim ngư ngân phù.

Bài chế có câu:

"Trận đánh ở Nhân Mục, Tam Giang, Vương Thông mất mật; trận đánh ở Lê Hoa, Lãn Thủy, Mộc Thạnh (từ 145b) hết hồn".

Đó là khen gộp cả công trước của ông.

Đầu năm Thiệu Bình (1434) đời vua Thái Tông, ông cho mình là danh vị đã quá đầy đủ, xin về. Vua cho ra làm Tuyên úy đại sứ ở trấn Lạng Sơn, coi việc quân dân, lại làm Đồng tổng quản vệ Nam Sách hạ. Năm thứ 4 (1437), vua bãi chức Đại tư đồ của Lê Sát, thấy ông là người mà triều trước tín nhiệm, gọi về cho làm chức Tổng quản hành quân, coi việc quân vệ xa kỵ thuộc Tây đạo, quản lĩnh quân Thiết đột Thánh dực hậu đội, chức thái giám sáu quân ngự tiền; coi việc các đội Thiết đột Trung quân. Về sau lại gia thêm chức Thiếu bảo, tham tri chính sự, rồi lại gia chức Thiếu⁽²⁾ úy.

Khi vua Thái Tông đi tuần phía Đông, mắc bệnh nguy kịch; ông hầu hạ thuốc men không rời lúc nào. Vua mất, ông nhận cố mệnh, rước quan tài về kinh sư, phò lập Nhân Tông, ông được trao thêm chức Nhập nội tư mã.

Năm Thái Hoà thứ nhất (1443)⁽³⁾, thái hậu coi triều.

⁽¹⁾ Bản B và H chép chữ "quán" trước chữ "quân".

⁽²⁾ Bản A là "thái úy", bản B, H và LTHCLC là "thiếu úy".

⁽³⁾ Bản A sót câu "Thái Hoà nguyên niên", sửa theo bản B, H và LTHCLC.

phong ông làm Nhập nội Suy trung Tá lý Dương vũ công thần, kiêm Lỗi Giang trấn phủ quân Thượng tướng quân. cai quản việc quân các vệ ở Tây đạo, Quận thượng hầu.

Lúc này chúa Chiêm Thành là Bí Cai hai lần (từ 146a) vây châu Hoá, triều đình bèn đem quân hỏi tội. Sai ông đem một cánh quân đi trước, còn Bình chương Thụ⁽¹⁾, và Thiếu uý Lê Khắc Phục, thống lĩnh quân các đạo tiến sau. Đại quân kéo tới lũy Chiêm Thành. Ông tiến trước phá được thành Thi Nại, dụ được cháu nội của vua ấy là Tả Quý Lai đến ăn thề, bảo y đi bắt Bí Cai đem ra hàng, rồi sau đó lập Quý Lai⁽²⁾ làm vua. Khi quân về vì có công, ông được trao chức Suy trung Tán trị Dương vũ Tĩnh nạn công thần, Thái Nguyên trấn Phiêu kỵ thượng tướng quân, đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ty, Nhập nội thiếu⁽³⁾ uý. Kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự, Thượng trụ quốc, ban túi kim ngư, kim phù⁽⁴⁾, Quốc thượng hầu.

Ông cùng với Lê Thụ⁽⁵⁾ cùng là bậc tể phụ đứng đầu. Tĩnh người (thủ tín thẳng thắn)⁽⁶⁾, giữ phép công hết chức phận, lấy việc sửa lỗi cho vua, nhận lời chỉ bảo làm trách nhiệm của mình; hề biết được điều gì đều bày tỏ. Tháng 6

⁽¹⁾ *LTHCLC* bản dịch là "Lê Nhân Chú" (hay Nhân Chú) có lẽ sai. Vì Nhân Chú đã bị Lê Sát giết từ trước năm 1434 rồi. (Xem *Toàn thư*, III, tr.82). Đây có lẽ là Lê Thụ, một công thần khác cũng sống đương thời.

⁽²⁾ Tả Quý Lai (ở câu này và câu trên): bản *A* chép là Tả Quý Cầu, bản *B* và *H* là Tả Quý Lai. *Cương mục* chép, và dẫn Minh sử chép là Ma-ha Quý Lai. Việc đánh Chiêm Thành này thì *Cương mục* chép vào năm 1446 (trang 944).

⁽³⁾ *LTHCLC* là "thái uý".

⁽⁴⁾ Túi kim ngư: xem chú thích ở đoạn trên; Kim phù: bản *A* chép là "ngân phù", theo bản *B, H* và *LTHCLC*.

⁽⁵⁾ Lê Thụ: xem chú ở đoạn trên.

⁽⁶⁾ Bản *A* sót đoạn trong móc, sửa theo bản *B, H* và *LTHCLC*.

năm thứ 6 (1448) trời đại hạn, ông dâng sớ tự hạch tội mình và xin từ chức, nhà vua và thái hậu an ủi vỗ về không cho. Tháng 9 năm ấy sai ông tới Lam Sơn đón đốc các cục thợ⁽¹⁾ làm miếu. Năm thứ 7 (1449) vì tai hoạ đại hạn luôn luôn xuất hiện, ông lại cùng ông Thụ dâng sớ nhận lỗi (*tờ 146b*) xin vua gọi vào hỏi. Có chỉ cho ông trình bày các việc quân việc nước nên làm. Thái hậu ra ý chỉ an ủi khích lệ ông. Một hôm ông thoái chầu, thấy có đám đông tụ tập ở trước công đường, trong đó có người mang cái lưới săn⁽²⁾, ông vội bảo phải cất ngay đi, không được để nhà vua trông thấy, sẽ khơi mào ra cái tính ham chơi săn bắn của nhà vua sau này. Ông ta phòng xa ngăn trước cẩn thận đến như thế đấy. Ông lại dùng pháp luật quá nghiêm, không ai dám thỉnh thác điều gì. Viên chủ bạ Nam đạo là Đàm Thảo Lư ẩn lậu 4 quan tiền thuế, theo luật không đến nỗi xử tử, nhưng y đã từng vu hãm Nguyễn Thiên Tích, nên ông ghét lắm, bèn quyết định ghép vào tội chết. Viên chuyển vận phó sứ huyện Văn Bàn là Tương Tông Ký ăn hối lộ, việc phát giác (án xong sắp đem chém), tả hữu xin tha, ông nói: "Ăn trộm của một nhà còn không tha được huống hồ ăn trộm của một huyện sao?". Lại giao xuống tra xét, xử tội chết. Các quan liêu thời bấy giờ, không ai không run sợ. Ông cứ theo lý làm hết chức trách, trong khoảng vài năm trong nước yên ổn.

Tháng 7 năm thứ 9 (1451), có kẻ gièm rằng cha con ông kết đảng, thái hậu cả giận, ông cùng con là Quát bị hại. Thiên hạ cho là oan. Đến năm thứ 11 (1453), nhà

⁽¹⁾ Bản A sớt chữ "công" trong câu "công tác chư cục" (các cục thợ) - theo bản B và H.

⁽²⁾ Nguyên văn: cương liệt: cái lưới dùng để săn hay bẫy chim thú.

vua bắt đầu coi việc triều chính, mới khôi phục lại quan tước và ban cho 100 mẫu ruộng tể:

Thời vua Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 15 (*từ 147a*) (1484) truy tặng là Thiếu phó⁽¹⁾ Liệt quốc công. Về sau truy phong là Hiến Khánh vương, cho thờ ông ngay ở miếu trong làng.

Khi Quang Thục hoàng thái hậu còn là Tiệp dư đã từng vì trái ý, bị vua Thái Tông bỏ tù ở Vườn hoa. Ông cứu bà thoát nạn. Cho nên vua Thánh Tông nhớ lại ơn trước, nhắc dùng con cháu ông, có ưu đãi hơn các bề tôi khác.

Ông có 22 người con: 13 trai, 9 gái. Con trưởng là Trịnh Bá Quát, làm chức Đô chỉ huy sứ, bị hại; con thứ là Trịnh Công Lộ, tước Đoan Vũ hầu; thứ nữa đến Công Đán, tước Định Công hầu; thứ nữa đến Công Tá, làm chức Đô chỉ huy sứ, tước Thuần Mỹ hầu; thứ nữa đến Công Khản, làm Tả đô đốc, tước Đoan quận công; thứ đến Công Phú, tước Tùng Linh hầu; thứ nữa đến Công Ngô làm Thượng thư bộ Hộ, tước Dương Đường hầu; thứ nữa đến Quý Dịch, tước Diên Phúc bá; thứ nữa đến Công Diễn, làm Thái bảo, tước Bảo quốc công; thứ nữa là Hữu, làm Thái phó, tước Thọ quận công.

Vua Thánh Tông làm thơ nhớ lại công nghiệp của hai vua⁽²⁾ có câu: "Anh em họ Trịnh mười người thầy đều quý hiển", là có ý (*từ 147b*) rất khen ngợi nhà ấy có phúc lộc.

Các ông Công Lộ, Công Đán, Công Tá, Công Hữu, đều có truyện chép riêng⁽³⁾.

⁽¹⁾ Bản A là thái phó, theo bản B, H và LTHCLC.

⁽²⁾ Tức là vua Thái Tổ và Thái Tông.

⁽³⁾ Các truyện này hiện nay đã mất.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỀN ĐỆ⁽²⁾...

CHƯ THẦN TRUYỆN

15. PHẠM VẤN

Phạm Vấn người thôn Nguyễn Xá huyện Lương Giang, được ban họ vua. Ông theo vua Thái Tổ khởi binh, trước sau lúc nào cũng ở bên cạnh, hết sức giúp rập. Năm Canh Tý (1420), vua đóng quân ở Mường Thôi⁽³⁾, có thổ tù Quý Châu là Cẩm Lạn dẫn bọn Lý Bân, Phương Chính vào đánh. Ông cùng Trương Lôi, Lê Triện đem mấy nghìn khinh binh đi chặn, mai phục ở Bồ Mộng⁽⁴⁾ để đợi giặc đến; nhân địa thế cao, tung quân xuống đánh phá tan địch, chém được hơn 3.000 tên giặc.

^{(1) (2)} Bản A là quyển 33, bản B và H không ghi số quyển và đề thêm là "Liệt truyện đệ ngũ", "Chu thần liệt truyện".

⁽³⁾ Bản A chép là Mường Nhai, sửa theo bản B, H và LTHCLC.

⁽⁴⁾ Cương mục chép là Thi Lang.

Đến năm Nhâm Dần (1422), quân Minh hẹn với quân hai mặt giáp công, vua lui về đóng đồn ở sách Khôi. Quân địch lại đến đánh, tình thế rất nguy cấp. Vua khích lệ các tướng sĩ ra sức chiến đấu. Ông cùng bọn các ông Lê Hào, Lê Linh cố sức liều mình, lên trước phá trận, chém tướng giặc là Phùng Quý và hơn nghìn tên giặc. Mã Kỳ và Trần Trí đều chạy thoát lấy thân (*tờ 148b*), ta thu được hơn trăm con ngựa. Vua thu quân về đóng ở núi Chí Linh, bị hết lương trong 2 tháng. Ông võ về đội ngũ, giúp đỡ ở bên cạnh, nhà vua được nhờ cậy rất nhiều; phong cho ông làm thượng tướng quân.

Năm Giáp Thìn (1424), vua đánh châu Trà Lân. Khi đến Bồ Đằng, tướng giặc là Sư Hựu, Phương Chính chặn đường trước sau, ông cùng các tướng cố sức đánh, phá được. Khi đã đánh được châu Trà Lân, bức hàng viên phụ đạo là Cầm Bành. Sắp sửa đánh thành Nghệ An thì viên tướng nhà Minh đánh mạnh ở cửa Khả Lưu, ông cùng⁽¹⁾ các tướng giỏi là bọn ông Lê Sát gồm hơn 10 người⁽²⁾ xông lên phá trận, đánh tan được giặc, bắt sống Chu Kiệt, chém Hoàng Thành, cắt được mấy nghìn tai, quân giặc chết đuối đầy sông, bỏ lại quân nhu chất cao như núi. Bọn Phương Chính chạy vào Nghệ An, quân ta đuổi đến cùng, vây thành 3 ngày. Bấy giờ thanh thế lừng lẫy, các châu huyện ra hàng, do sức của bọn ông cả. Vua phong ông chức Thiếu úy.

Mùa xuân năm Đinh Mùi (1427), nhà vua tiến quân vây thành Đông Đô, ông đóng đồn cửa Đông thành; đến

⁽¹⁾ Bản A mất chữ "dữ" (cùng với), theo bản B, H và LTHCLC.

⁽²⁾ Bản A chép là "thiên dư nhân" (hơn 1.000 người), theo bản B, H và LTHCLC.

tháng 6 được thăng chức Tư mã. Nhà vua dặn rằng: "Chức vị đã cao, nên hôm sớm chuyên cần, không được trễ nải (tờ 149a) mà bỏ công lao trước" và ban cho một cái tán.

Khi bọn ông Lê Sát đã phá giết được Liễu Thăng, hội các tướng⁽¹⁾ vây Thôi Tụ, Hoàng Phúc ở Xương Giang, tháng 10, vua lại sai ông cùng Lê Khôi đem 3.000 tinh binh⁽²⁾ trợ chiến, phá được giặc, chém 5 vạn tên, bắt sống Thôi Tụ, Hoàng Phúc và 3 vạn quân, ta được toàn thắng. Mộc Thạnh nghe tin, thu quân rút chạy. Vương Thông cũng xin hoà, rút quân về nước, thiên hạ đại định.

Tháng 2 năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), vua xuống chiếu cho những người lĩnh⁽³⁾ chức hoả⁽⁴⁾ thủ quân Thiết đột, có công khó nhọc từ hồi ở Lũng Nhai được chia ra thứ bậc: ông được công đầu, trao chức Vinh lộc đại phu, tả Kim ngô vệ đại⁽⁵⁾ tướng quân, tước Thượng trí tự, phong là Suy trung Tán trị Hiệp mưu Bảo chính công thần, được ít lâu lại thăng lên Nhập nội kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự, và làm tể phụ đứng đầu.

Bài chế văn rằng:

"Trẫm nghĩ: chống kẻ thù của vua, phải nhờ ở tài đánh dẹp; giữ cân cân của nước, nên dùng (tờ 149b) người cũ có công. Người là kẻ nguyên thần trọng vọng; thăng cho chức tể tướng tôn vinh. Bá cáo khắp triều đình, thoả lòng của dân chúng.

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "tướng" sau chữ "chư" (các), theo bản B, H và LTHCLC.

⁽²⁾ Bản H chép là "khinh binh".

⁽³⁾ Bản A chép lầm chữ "lĩnh" ra chữ "loại", theo bản B, H và LTHCLC.

⁽⁴⁾ Bản A chép lầm là "hoả bình thủ", theo bản B, là "hoả thủ".

⁽⁵⁾ Bản A chép là "thượng tướng quân" theo bản B, H và LTHCLC.

Xét... (Phạm Ván)... đây: Ngay thắng mà có tiết tháo; quyết đoán mà nhiều mưu hay. Đương lúc mới dấy nghĩa quân; là ngày đổi hết vận bĩ. Nằm gai nếm mật, cố chí lo toan; cướp đất đánh thành, nhiều công khôi phục. Trận ở Ba Lãm⁽¹⁾, Bồ Đằng, thế như đập cành khô củi mục. Trận ở Khả Lưu, Xương Giang, bày ra cách quyết thắng, mưu kỳ. Cho nên: trừ được bọn hung tàn chó lợn lâu năm; rửa được mối sỉ nhục nước nhà muôn thuở. Như gió, sét lướt qua nhanh, trời đất chuyển sang vận mới; cho nhật nguyệt càng thêm tỏ, non sông bền vững muôn đời. Công nghiệp như thế; sao chẳng ngợi khen.

Vì vậy: cất lên chúc Tế phụ; dự vào việc cầm cân. Để vững thế nước như ao nóng thành vàng; để trọng quan chiêm như núi cao đá vững. Than ôi! Vua tôi nhờ cậy, trăm mối giao cho trách nhiệm như chân tay; mơ muối vừa chùng, người phải kéo nếm canh trong đỉnh vạc⁽²⁾.

Năm thứ 2 (1429) khắc biển công thần, phong ông tước Huyện thượng hầu; tên đứng (từ 150a) thứ nhất. Năm thứ 4 (1431), ông được thăng Nhập nội kiểm hiệu Đô đốc quận hầu⁽³⁾. Năm thứ 6, Thái Tổ mất, ông và Tư đồ Lê Sát nhận di chiếu lập Thái Tông và phụ chính. Năm Thiệu Bình thứ 3 (1435), ông mất, được tặng Thái phó, cho tên thụy là Tuyên Vũ. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), truy tặng Thái phó, tước Trấn quận công⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Tên một sách thuộc về huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

⁽²⁾ Ý cả câu nói làm tròn trách nhiệm Tế tướng. (Xưa Ân Cao tông nói với Phó Duyệt rằng: "Ví như nấu canh, người làm mơ và muối" (để điều chỉnh cho vừa mặn, nhạt). Sau người ta dùng "mơ muối" để nói địa vị của Tế tướng, giúp vua điều hoà công việc trong nước.

⁽³⁾ LTHCLC chép là "quận công".

⁽⁴⁾ Bản A là Thận quốc công, theo bản B, H và LTHCLC.

16. LÊ LÝ

Lê Lý người thôn Dao Xá thuộc Lam Sơn, theo vua Thái Tổ khởi nghĩa binh, làm Thứ thủ vệ kỵ binh trong quân Thiết đột⁽¹⁾. Trải bao khó khăn gian khổ, ông hết lòng giúp vua. Khi vua cùng 18 người bề tôi thân cận liên danh hội thề, ông cũng có trong số đó.

Năm Mậu Tuất (1418) quân Minh tới đánh, vua rút lui về đóng đồn ở Lạc Thủy (nay là Cẩm Thủy), đặt phục binh để đợi. Khi địch đến, ông cùng bọn ông Lê Thạch xông lên trước hãm trận, đánh lui quân giặc, sau đó ông theo vua về náu ở núi Chí Linh. Nhiều lần đánh địch ông đều lập công. Mùa xuân năm Canh Tý (1420), vua đóng ở Mường Thôi⁽²⁾, quân địch lại tới đánh. Ông cùng Lê Văn đem quân chặn đánh, phá giặc ở Bồ Mộng. Từ đó về sau, giữ Lam Sơn, đánh Trà Lân (từ 1506), tấn công cửa Khả Lưu, bao vây Nghệ An; trải qua mấy chục trận, ông đều có công lớn, lần lượt thăng đến Thiếu⁽³⁾ úy.

Năm Bính Ngọ (1426), nhà vua tiến ra vây Đông Đô, sai ông cùng với Lê Sát lên phía Bắc đánh thành Xương Giang. Tháng giêng năm Đinh Mùi (1427), vua gọi ông về, dùng quân bản bộ đóng đồn giữ cửa Nam thành Đông Đô. Đến tháng 8 lại sai ông theo Trần Hãn lên đánh Xương Giang, đến tháng 9 thì phá được thành ấy. Lúc này các cánh quân của Lê Sát đã giết được Liễu Thăng, nhưng chưa đánh tan hoàn toàn đạo quân ấy. Vua lại sai

⁽¹⁾ Bản A chép là "thiết đột kỵ quân vệ" (vệ kỵ binh trong quân Thiết đột).

⁽²⁾ Bản A và B chép là "Mường Nhai", sửa theo bản B.

⁽³⁾ Bản A chép là "thái úy", theo bản B và H.

ông cùng Lê Văn An đem 3 vạn quân đến tiếp ứng. Đến núi Mã Yên đánh chém được tướng giặc là Lương Minh, rồi liên tiếp đánh bại chúng. Thôi Tự, Hoàng Phúc thu thập tàn quân gắng gượng tiến lên, đến Xương Giang, bọn ông bao vây bốn mặt, hợp sức tiến công, phá tan quân giặc, bắt sống Thôi Tự, Hoàng Phúc và 3 vạn quân địch. Sau đó thiên hạ đại định.

Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), ông được phong là Nhập nội tư mã, tham⁽¹⁾ dự triều chính, Suy trung Tán tri Hiệp mưu công thần.

Năm thứ 2 (1429), khắc biển công thần, tên ông đứng hàng thứ 6, được phong là Hương thượng hầu.

Năm thứ 3 (1430) thăng là Nhập nội (từ 151a) kiểm hiệu tư không. Đầu niên hiệu Thiệu Bình (1434), ông bị tư đồ Lê Sát ghét, đẩy ra làm Đô tổng đốc lộ⁽²⁾ Thanh Hoa. Tháng 6 năm thứ 4 (1431), đổi làm đồng tổng quản ở lộ Bắc Giang hạ. Ít lâu sau, Lê Sát bị bãi chức Tế tướng, ông lại được gọi về làm Nhập nội thiếu úy, tham tri việc quân ở các vệ thuộc Tây đạo. Năm Thái Hoà thứ 3 (1443), ông mất. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), truy tặng là Thái bảo Phúc quốc công.

17. LÊ VĂN AN

Lê Văn An người sách Mục Sơn, theo Thái Tổ khởi nghĩa bình, làm Thứ thủ vệ kỵ binh quân Thiết đột. Khi

⁽¹⁾ Bản A là "tán dự triều chính", theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "tổng" và chữ "lộ", theo bản B và H.

nhà vua cùng với 18 người bề tôi thân cận liên danh hội thể, thì ông đứng tên thứ ba. Trải qua hơn 100 trận đánh lớn nhỏ, hoặc tấn công hoặc phòng thủ, ông đều lập nhiều công tích. Trong trận đánh ở cửa Khả Lưu năm Giáp Thìn (1424), ông xông lên trước hãm trận, đánh lui quân địch. Khi nhà vua vây Nghệ An, sai Trần Hân đánh Tân Bình, Thuận Hoá, sai ông cùng với Lê Ngân, Lê Bôi đem quân thuyền đi tiếp ứng, liền đánh được hai thành. Khi nhà vua tiến về (từ 151b) Tây Đô, lưu ông lại bao vây chỉ huy của địch là Thái Phúc ở Nghệ An. Khi Phúc đã hàng, ông bèn dẫn quân ra Đông Đô. Ra tới nơi, vua lại sai ông cùng Lê Lý đem 3 vạn quân lên hỗ trợ Lê Sát làm thế ỷ giốc. Ông liên tục đánh phá quân của Thôi Tụ, Hoàng Phúc và vây chúng ở Xương Giang, rồi cùng các tướng hợp lực đánh phá địch, bắt sống được Thôi Tụ, Hoàng Phúc và 3 vạn quân địch, sau đó thiên hạ đại định.

Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), trao cho ông chức Nhập nội tư mã, tham dự triều chính, phong là Suy trung Bảo chính công thần. Năm thứ 2 (1429) khắc biển công thần, ông được phong Đình hầu. Năm thứ 5 (1432) gia phong là Tán trị Hiệp mưu công thần, Nhập nội kiểm hiệu đại tư không, Bình chương quân quốc trọng sự. Tháng 2 năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), ông được cử làm Tư mã Bắc đạo, đánh viên trấn quản Lạng Sơn là Hoàng Nguyên Ý. Hoàng Nguyên Ý là phụ đạo ở Lạng Sơn, cùng với Hoàng Văn Ngạc, Nguyễn Thế Ninh, Nguyễn Công Đình trước vì có công quy thuận, nên đều được phong là quản lĩnh thượng tướng quân, vẫn cho giữ đất cũ. Bọn Tuyên (từ 152a) úy (sứ Lê Đồ, Lê Lộng)⁽¹⁾ không biết võ

⁽¹⁾ Bản A sót chữ sứ Lê Đồ, Lê Lộng, theo bản B và H.

về, bọn Nguyên Ý đều mang lòng oán giận. Quận vương Tư Tế có người vợ lẽ, nhân có lỗi bị đuổi đi, Nguyên Ý vào chầu, trông thấy thích lắm, ngầm đem về trăn, đến nỗi lộ việc. Lại có gia nô của Ý tên là Phi Báo, vì bị Ý đánh, chạy đến chỗ bọn Đồ, Lộng tố cáo rằng Nguyên Ý đã dấy binh làm phản. Việc tâu lên, vua liền sai ông đem quân đi đánh⁽¹⁾. Đến nơi thì Văn Ngạc đã bị trăn binh giết chết, bọn Nguyên Ý đều bỏ vợ con trốn sang đất nhà Minh⁽²⁾. Ông bèn sai quân lùng bắt thân thuộc, nô tỳ, súc sản của bốn người ấy, cùng là vợ con chúng, và trăn binh gồm hơn 1.000 người đem về dâng nộp. Vua tha hết dân, chỉ đem gia thuộc của bốn người cấp cho các quan. Khi về, ông được gia phong là Nhập nội Đại tư mã, đô đốc đồng tổng quản Bắc đạo.

Tháng 6 năm thứ 4 (1437) ông mất, được truy tặng chức Tư không, ban thụy là Trung Hiến.

Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), tặng là Thái phó Khác quận công.

Ông là người hoà nhã, giản dị trong số võ thần, ông thường lấy lễ để tiếp đãi các bậc sĩ đại phu. Riêng trận hành quân lên Lạng Sơn lại bắt bó trăn lan, thành ra quấy nhiễu quân dân, bị dư luận đương thời chê trách.

18. LÊ THẬN

Ông người sách Mục Sơn, gần làng với vua Thái Tổ. Ông giao du với vua từ sớm, vua thường qua lại nhà ông.

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là đem quân Ngự tiền thiết đột và quân Bắc đạo đi đánh.

⁽²⁾ Nguyên văn là "vong nhập Bắc cảnh" (trốn sang đất Bắc), bản A chép lầm chữ "cảnh" ra chữ "lũng", đây theo bản B và H và *Toàn thư*.

Ông làm nghề đánh cá: thường đẩy bè quãng chài ở sông Lam. Một đêm trông thấy ở dưới đáy nước có ánh sáng như bó đuốc, ông không biết đó là vật gì. Hôm sau quãng chài được một thanh sắt⁽¹⁾ dài hơn một thước, hình như con dao, ông đem về nhà, để ở góc tối. Hôm đó vua tới nhà ông, ông đi vắng, vua thấy ở chỗ ấy có ánh sáng, vào xem, thì thấy thanh sắt.

Vợ ông kể rõ chuyện cho vua nghe. Vua lấy đem về nhà, không mài mà sáng, nhận thấy có các chữ triện, biết rằng đó là thanh gươm thần trời cho. Hôm sau vua lại bắt được chuôi gươm ở gốc cây đa, sai người rửa đi, thì thấy có hình rồng hình hổ, đem lắp vào gươm, thì vừa vặn không sai một ly nào. Vua càng thấy là nghiệm; ông cũng dốc lòng tin phục. Khi vua khởi binh, ông là người theo trước nhất. Được vua trao chức Thứ thủ kỵ binh trong quân Thiết đột⁽²⁾. (tờ 153a) Ông cùng với các ông Lê Văn An, Lê Văn Linh cùng làm tướng văn tướng võ⁽³⁾, luôn đi sát bảo vệ vua, ông nổi tiếng là người có công lao.

Khi vua cùng 18 người bề tôi thân cận liên danh hội thề, nguyện cùng vui cùng lo có nhau, thì tên ông đứng thứ ba⁽⁴⁾, sau Lê Lai. Tháng 2 năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), xếp hạng những người có công lao theo vua từ hồi ở Lũng Nhai, ông được xếp thứ hai, phong là Trung Lượng đại phu, coi các vệ quân tả hữu Phụng thần, tước Đại trí tự. Năm thứ 2 (1429) khắc biển công thần, ông

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "thiết" (sắt) trước chữ "phiến" (thanh) theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "thiết" trước chữ "đột", theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép: "đồng vi tướng quân", theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Truyện Lê Văn An cũng chép tên An đứng thứ 3, không rõ bản nào đúng?

được phong Á hầu⁽¹⁾.

Đời vua Thái Tông, trong niên hiệu Thiệu Bình (1434 - 1439), phong là Nhập nội thiếu uý⁽²⁾ tham tri việc quân các vệ thuộc Tây đạo. Tháng 6 năm thứ 4 (1437) đổi sang tham tri⁽³⁾ Bắc đạo. Ít lâu sau, Tư đồ Lê Sát bị tội, ông được cử làm Tư mã, coi các vệ ở Bắc đạo, tham tri chính sự. Tháng 8, vua sai ông cùng Đỗ Đại, Lê Xí, Lê Thụ coi việc từ tụng⁽⁴⁾. Đời vua Nhân Tông, đầu niên hiệu Thái Hoà (1443), thăng lên chức Nhập nội kiêm hiệu tư đồ Bình chương sự. Năm thứ 3 (1446) vua sai ông cùng với Nhập nội Đô đốc Lê (từ 153b) Xí đi đánh Chiêm Thành.

Năm thứ 6 (1448), nhà vua về Lam Kinh, ông ở lại làm chức Lưu thủ kinh sư. Tháng 7 năm ấy ông mất, truy tặng là Bình chương quân quốc trọng sự, tước Huyện thượng hầu, ban thụy là Trung Tiết, cho hưởng lễ thái thường⁽⁵⁾.

Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), được tặng là Thái phó Hoàng quận công.

19. TRỊNH LỖI

Trịnh Lỗi người thôn Cự Lại xã Sơn Lạc huyện Gia Viễn, được ban họ vua. Ông theo vua Thái Tổ khởi nghĩa binh; cùng các ông Lê Lễ, Lê Khang, v. v... làm tướng văn

⁽¹⁾ Bản A thừa chữ "công" H trước chữ "á", theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A là "thái uý", theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A sót chữ "tri", theo bản B và H.

⁽⁴⁾ Nguyên văn: "tri từ tụng sự" (tức xét xử việc kiện cáo).

⁽⁵⁾ Bản B và H là "cấp thái thượng lệ", bản A là "cấp thái thường tự" (chữ "tự" là cúng lễ chứ không phải "tự" là chùa).

tướng võ; trước sau chống giữ, trải bao gian lao nguy hiểm, mấy lần phong lên đến chức Thiếu úy. Tháng giêng năm Đinh Mùi (1427), bao vây thành Đông Đô, vua chia các tướng tuần tra các nơi, ông đóng đồn giữ ở cửa thành phía Nam. Khi đã bình định xong giặc Ngô, vào năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), phong ông là Nhập nội thị trung. Năm thứ 2 (1429), khắc biển công thần, ông được phong Đình thượng hầu. Năm thứ 5 (1432), thăng là Nhập nội đại hành khiển Tả bộc xạ, tham dự triều chính. Ngày 7 tháng 11 năm Thiệu Bình thứ nhất (1434), ông mất, tặng là Bảo Chính công thần, phụ quốc thượng tướng quân (*từ 154a*) nhập nội trung thư lệnh, Hương hầu, ban thụy là Trung Giản. Năm Hồng Đức thứ 15 tặng là Tuyên Hy hầu⁽¹⁾, lại gia tặng là Thái úy Đạo quốc công⁽²⁾. Nay cháu ông là bọn Hữu Dật, Hữu Do⁽³⁾ làm chánh đội trưởng Tuỳ quân.

⁽¹⁾ Bản *B* và *H* là "Tuyên Chiêu" *B H*.

⁽²⁾ Bản *B* là Thọ quốc công.

⁽³⁾ Bản *A* là Hữu Điển, theo bản *B* và *H*.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN...⁽¹⁾ LIỆT TRUYỆN ĐỀ...

THẦN ĐÔN soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN

1. TRẦN PHONG

Trần Phong người xã Ma Lộng, huyện Chí Linh phủ Tân An. Cuối thời nhuận Hồ, Trương Phụ (nhà Minh) sang xâm lược, Phong đem bộ thuộc hàng giặc, được phong chức Chỉ huy đồng tri thuộc Giao Châu⁽²⁾ Hữu vệ. Y dốc sức phục vụ người Minh chiêu phủ quân dân ta, rồi dò la tin tức. Hễ có người Việt nào yêu nước khởi binh

⁽¹⁾ Bản A chép là "quyển chỉ tam thập" (quyển thứ 30?). Chúng tôi thấy nếu theo trật tự như ở bài tựa và phạm lệ, lại thấy các truyện công thần đã đánh số đến quyển thứ 33, thì số của quyển này ít ra cũng phải đánh từ số 34 trở đi, không thể là 30 được. Dưới đây ở bản A, các truyện nghịch thần đều đánh số trùng lặp với số quyển của phần công thần, cho nên có thể thấy là do đời sau đánh số lộn xộn.

⁽²⁾ "Giao Châu", để chỉ người bản địa (tức người Việt Nam).

chống lại nhà Minh thì y liền đánh bắt. Năm Vĩnh Lạc thứ 10 (1412) y được thăng chức Đô chỉ huy, thêm sự Giao Chỉ⁽¹⁾. Khi quân nhà vua vây thành Đông Quan, quân Minh bị nguy khốn, đưa thư xin hoà, muốn được bảo toàn quân số trở về nước. Nhà vua bằng lòng cho, đã có lời đoan ước đầy đủ, nhưng bọn Trần Phong và Nhữ Hốt xúi bầy Vương Thông rằng: "Trước đây quân của Ô Mã Nhi bị thua ở sông Bạch Đằng, đem toàn quân quy hàng, Hưng Đạo Vương bằng lòng cho. Nhưng lại dùng kế lầy (tờ 155b) thuyền to chở quân⁽²⁾ cho về, rồi sai người bơi giỏi sung vào làm phu chở thuyền. Ra tới ngoài biển, đang đêm, rình lúc quân Ô Mã Nhi ngủ say, lặn xuống đục đáy thuyền, làm cho những người đã quy hàng đều bị chết đuối, không một ai sống sót trở về được". Bọn Thông tin lời ấy, lại sinh lòng khác, đóng chặt cửa thành không ra. Đến khi Vương Thông cùng kế, buộc phải xin hoà, dẫn quân về nước, bọn Trần Phong mới chịu ra hàng. Nhà vua đã tha tội cho, nhưng bọn Phong vẫn chưa chịu yên, lại kết bè đảng với nhau, sai người đi tấ sang đưa thư cho tướng nhà Minh ở biên giới yêu cầu (quân Minh) gây sự, còn bọn Phong bí mật làm nội ứng. Thư ấy bị viên thượng tướng quân ở trấn Thái Nguyên là Hoàng Nguyên Ý⁽³⁾ bắt được. Nhà vua muốn cho yên lòng dân mới quy phục, bèn giết kẻ đưa thư ấy, mà giấu kín việc

⁽¹⁾ "Giao Chỉ" để chỉ người bản địa.

⁽²⁾ Bản A sót vài chữ, không biết là chữ gì, vì các dị bản đều không có truyện này.

⁽³⁾ Bản A chép là Hoàng Nguyên Xá, sửa theo truyện Lê Văn An ở đoạn trên sách này, và theo *Toàn thư*.

này đi. Tháng 8 năm thứ nhất⁽¹⁾ lại có người trong đảng y đến cáo giác, nhà vua mới bắt Trần Phong giết đi và ban chiếu bảo cho trong ngoài rằng chỉ giết kẻ cầm đầu, những người còn lại thì không hỏi đến.

(Xã Ma Lộng nguyên có 4 thôn: Đông, Tây, Nam, Bắc, về sau phân ra làm 3 xã là Điền Trì, Hộ Xá, Lương Giản. Trần Phong có bài vị được thờ phụ ở đền thờ tại xã Hộ Xá. Con cháu y hãy còn. Sau loạn Nguyễn Cừ⁽²⁾ không biết kết cục ra sao).

2. LƯƠNG NHỮ HỐT

Lương Nhữ Hốt người xã Trác Vĩnh huyện Cổ Đằng phủ Thanh Hoa. Khi nhà Hồ mất, y hàng quân Minh, nhận chức Tri phủ Thanh Hoa, có sang châu Yên Kinh, được nhà Minh thăng chức Hữu tham chính và ban sắc khen ngợi. Hơn một năm sau, Hoàng Phúc đưa thư bảo bọn Lương Nhữ Hốt và Nguyễn Duy Trung, Nguyễn Động đem gia thuộc tới Yên Kinh cảm ơn và giúp việc xây dựng cung điện. Vua Minh thấy chúng ở nơi xa xôi tới vất vả, nên ban thưởng ưu đãi rồi cho về. Khi Thái Tổ khởi nghĩa binh ở Lam Sơn, Nhữ Hốt giữ đồn Đa Căng, nhà vua sai quân đánh úp phá được, Nhữ Hốt chạy

⁽¹⁾ Bản A chép là "Cửu niên bát nguyệt" (tháng 8 năm thứ 9) xét ra việc này xảy ra năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) nên sửa là nguyên niên. Và lại niên hiệu Thuận Thiên chỉ có đến năm thứ 6 là hết, không thể có "cửu niên" được. *Toàn thư* cũng chép việc này vào năm đầu Thuận Thiên.

⁽²⁾ Nguyễn Cừ bản A chép là Nguyễn Già. Xét thời Lê - Trịnh ở vùng Hải Dương có cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Cừ là lớn, có lẽ người chép đã lầm chữ "Cừ" ra "Già".

thoát, lại chiếm cứ thành Tây Đô, ta không hạ được. Vua nhiều lần viết thư dụ bảo y bỏ giáp ra hàng. Y không chịu. Đến khi Vương Thông kế cùng phải xin giảng hoà, Nhữ Hốt mới chịu ra hàng. Nhà vua tha cho. Nhưng Nhữ Hốt sợ không được dung thứ, lại đồng mưu với Trần Phong. Việc lộ ra nên bị giết⁽¹⁾. (Cổ Đằng nay là huyện Hoàng Hoá, xã Trác Vĩnh sau này là xã Hội Trào).

3. ĐỖ DUY TRUNG (từ 156b)

Đỗ Duy Trung người xã Nhuệ Chiết, huyện Ma Khê, phủ Tam Giang, làm quan triều Trần, giữ chức Chủ bạ ở huyện ấy. Khi giặc Minh sang xâm lược, y đem quân ra hàng, được giặc trao chức Tri phủ Hoá Châu, vì có công giữ dân trừ trộm cướp, giữ gìn đất đai, nên được thăng là Tri phủ Tam Giang.

Khi vua Giản Định khởi binh, lấy danh nghĩa khôi phục nhà Trần, nhân dân và bề tôi cũ không ai không hưởng ứng, riêng Duy Trung không theo, tự tập hợp tráng sĩ, mộ dân binh, cố thủ nhằm bảo vệ chính quyền nhà Minh. Quân nhà Trần đánh không được. Vua Minh Thành tổ đã từng ban tử thư và vải lụa để khen thưởng. Năm Vĩnh Lạc thứ 14 (1416) y sang châu ở Yên Kinh, được thăng chức Hữu tham chính ở ty Bố chính Giao Chỉ, vẫn coi việc phủ Tam Giang. Khi vua Thái Tổ bình định thiên hạ, Duy Trung cùng kế mới chịu hàng, y lại cùng

⁽¹⁾ Việc bọ Hốt, Phong làm phản, xem ở truyện Trần Phong.

bọn Trần Phong, Nhữ Hốt mưu phản, liền bị giết ngay.
(Huyện Ma Khê nay là huyện Cẩm Khê).

4. LÊ NGHI DÂN

(từ 157a)

Nghi Dân là con của Thái Tông Văn hoàng đế, do bà phi Dương Thị Bí sinh ra, sinh ngày... tháng 6 năm Thiệu Bình thứ 6 (1439). Tháng 3 năm sau được lập làm Hoàng thái tử. Bà phi được vua đặc biệt yêu quý, nên có ý kiêu căng. Vua Thái Tông rất ghét, giáng xuống làm Minh nghị, bà oán vọng ra mặt. Vua giận, cho rằng người mẹ có tính như vậy thì con đẻ ra chưa chắc đã hiền, bèn giáng bà xuống làm thứ phụ, nhân đó ban chiếu bá cáo thiên hạ, để mọi người biết rằng ngôi Thái tử chưa xác định. Ít lâu sau vua Nhân Tông ra đời. Vua Thái Tông rất mừng, bèn lập làm Thái tử, truất Nghi Dân làm Lạng Sơn vương. Khi Nghi Dân lớn lên, ngầm nuôi chí khác, nhòm ngó ngôi vua. Vua Nhân Tông coi là chỗ thân tình cho nên không nghi ngờ gì. Ngày 3 tháng 10 năm Diên Ninh thứ 6 (1459), Nghi Dân ngầm xin viên Đô chỉ huy sứ chỉ huy vệ binh là Lê Đắc Ninh làm nội ứng, cùng với (từ 157b) đồng bọn là Phạm Đôn, Phan Ban, Trần Lăng tụ tập hơn 100 tên võ lại, ban đêm chúng bắc thang chia làm ba lối trèo qua thành, vào cung cấm, giết vua ở tấm điện. Hôm sau chúng lại giết Hoàng thái hậu. Rồi tiếm ngôi, ban ơn cho văn võ bá quan mỗi người được thăng một "thứ"⁽¹⁾. Ban tờ "đại xá" nguy, lời văn rằng:

⁽¹⁾ Thứ cũng như "tư", một bậc nhỏ trong thang bậc quan lại, chưa bằng một "trật".

"Trẫm là con trưởng của Thái Tông Văn hoàng đế, trước đã ở ngôi Hoàng thái tử. Không may tiên đế đi tuần ở miền Đông, bỗng băng ở ngoài. Nguyễn thái hậu muốn vâng quyền vị, ngầm sai bọn nội quan là Tạ Thanh dựng Bang Cơ làm vua, cho trẫm làm phiên vương. Đến sau Tạ Thanh tiết lộ việc ấy, việc lây đến Thái úy Trịnh Khả, Tư khấu Lê Khắc Phục, họ bị đem giết cả đi để hết người nói ra. Cho nên từ đó đến giờ, hạn sâu liên tiếp, tai dị xảy luôn, đói kém lan tràn, nhân dân cũng khổ. Diên Ninh⁽¹⁾ tự biết không phải là con của Tiên đế, vả lại lòng người lìa tan, ngày mồng 3 tháng 10 (tờ 158a) năm nay khiến trẫm thay ngôi. Trẫm nhờ trời yêu mến, tổ tông giúp đỡ, các vương và đại thần cùng các quan văn võ trong ngoài đồng lòng suy tôn, xin trẫm lên nối đại thống, hai ba lần khuyên mời, trẫm không thể đừng, ngày mồng 7 tháng 10⁽²⁾ năm nay lên ngôi, đổi niên hiệu làm Thiên Hưng".

Tháng ấy, Nghi Dân sai Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ, Hoàng Thành, Nguyễn Nghiêu Tư sang nhà Minh nộp cống hàng năm. Ngày 20 lại sai bọn Trần Phong, Lương Như Hộc, Trần Bá Linh sang vua Minh xin phong. Tháng giêng, mùa xuân năm Canh Thìn (1460) phong Bình Nguyên vương là Trung Thanh làm Gia vương Kinh, Bình vương Khắc Xương làm Cung vương, xây dựng cung tiếm đế⁽³⁾ tại bên phải điện. Tháng hai⁽⁴⁾ bàn

⁽¹⁾ Diên Ninh: Tức vua Nhân Tông.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "thập nguyệt" (tháng 10), theo *Toàn thư*.

⁽³⁾ Nơi ở của Hoàng thái tử.

⁽⁴⁾ Bản A chép là Chính nguyệt, xét ra câu tháng giêng (chính nguyệt) đã chép rồi, đây phải là tháng hai (nhị nguyệt) mới đúng. *Toàn thư* cũng chép việc này vào tháng 2.

đặt phủ huyện, lại đặt 6 bộ, 6 khoa và các quan ở phủ, huyện châu. Tháng ấy sao Bọt⁽¹⁾ xuất hiện ở khu vực sao Dục. Tháng 5, sao Xuy vưu⁽²⁾ xuất hiện ở phương Đông dài như lá cờ toả sáng ngang trời, lòng người chấn động vì sợ hãi. Các quan tể tướng đại thần là bọn Đỗ Bí, Lê (tờ 158b) Ê, Lê Ngang, Lê Thụ bí mật bàn việc lật đổ, nhưng việc bại lộ, đều bị giết. Lúc này Nghi Dân cướp ngôi mới được 7-8 tháng. Y đồ cao và tín nhiệm bọn gian trá, giết hại các cựu thần. Các pháp chế của tổ tông đều bị thay đổi lung tung, mọi người oán giận. Đến tháng 6, các vị đại thần có công lao cũ là các vị khai phủ nghi đồng tam ty nhập nội kiểm hiệu thái phó Bình chương quân quốc trọng sự Á quận hầu, Thái bảo Nguyễn Xí, Đinh Liệt, Nhập nội kiểm hiệu thái úy Bình chương quân quốc trọng sự Á thượng hầu Lê Lăng, Xa kỵ tổng tri Lê Niêm, tổng tri ngự tiền Hậu quân Á hầu Lê Nhân Thuận, Tổng tri ngự tiền Trung quân⁽³⁾ quan nội hầu Lê Nhân Quý⁽⁴⁾, Tổng tri ngự tiền Thiện trạo các quân, Quan phục hầu Trịnh Văn Sái, Thiêm tri Bắc đạo quân dân bạ tịch Trịnh Đạc⁽⁵⁾, Điện tiền ty đô chỉ huy Nguyễn Đức Trung, Thiết đột Hữu quân hoả đội trưởng Nguyễn Yên⁽⁶⁾, Nhập nội đại hành khiển Lê (tờ 159a) Vĩnh Trường, Điện tiền đô chỉ huy Lê Yến, Lê Giải, cùng bí mật bàn nhau rằng:

⁽¹⁾ *Bọt tinh*: tức sao Chổi.

⁽²⁾ *Xuy vưu*: giống như sao Chổi nhưng đuôi cong như lá cờ. Theo *Cương mục*, q.19.

⁽³⁾ Bản A chép đảo lộn là "quân trung".

⁽⁴⁾ Bản A chép là chữ Gọi (chữ nôm) theo *Toàn thư* là Lê Nhân Quý.

⁽⁵⁾ Trịnh Đạc, bản A chép lầm là Trịnh Dịch, theo *Toàn thư*.

⁽⁶⁾ Bản A và *Cương mục* chép Nguyễn Yên, *Toàn thư* chép là Lê Yên.

"Nghị Dân cùng đồng đảng là bọn Phạm Đồn, Phan Ban giết vua và quốc mẫu⁽¹⁾, tội ác không gì lớn hơn. Chúng ta xấu hổ làm kẻ bề tôi có công lao cũ, phải chứng kiến việc đó, phải nên cùng nhau dốc lòng trung nghĩa, không phù xā tặc. Nếu lại chịu ở dưới quyền kẻ bội nghịch, đứng trong triều đình của kẻ thoán chí, làm kẻ có tội muôn đời, thì còn mặt mũi nào trông thấy Tiên đế ở dưới đất nữa?".

Ngày mồng 6, Tân Hợi, có buổi chầu sớm, khi tan chầu, họ cùng ngồi ở ngoài cửa Sùng Vũ nơi Nghị sự đường. Nguyễn Xí đột nhiên chỉ huy các tướng cùng làm việc xướng nghĩa, đánh bọn giặc cướp ngôi. Lập tức chém ngay nghịch đảng là bọn Đồn, Ban ở trước Nghị sự đường. Lê Nhân Thuận chém Trần Lăng, nhân đó giữ chặt quân cấm binh, đóng các cửa thành, chia nhau đi bắt đảng giặc, được hơn 100 người đem giết hết. Rồi họ sai đem Nghị Dân ra khỏi cung, truất làm Lệ Đức hầu, trao cho một dải lụa bắt phải thắt cổ...⁽²⁾ (tờ 159b). Lúc ấy Nghị Dân mới 22 tuổi.

5. TRỊNH DUY SẢN

(tờ 159b)

Trịnh Duy Sản người xã Thuỷ Chú huyện Lôi Dương, cháu nội của Thái úy Trịnh Khả, là ngoại thích của vua Tương Dục. Khi vua mới lên ngôi, bàn định công lao tham gia quân khởi nghĩa⁽³⁾, phong Duy Sản là Mỹ Huệ

⁽¹⁾ Quốc mẫu: mẹ vua.

⁽²⁾ Bản A sót một đoạn, không rõ là những chữ gì.

⁽³⁾ Tức là theo vua Tương Dục nổi lên đánh vua Uy Mục năm 1510.

hầu⁽¹⁾. Khi Trần Tuân "nổi loạn" ở Sơn Tây, vua Tương Dực sai Duy Sản thống lĩnh quan quân đi đánh, bị thua chạy, thủ hạ chỉ còn hơn 30 người. Họ xé áo làm dấu hiệu, thể cùng nhau đánh giặc, bí mật đến trại giặc, chiêu tối bỗng đến trại của Tuân, đột nhập vào trại đâm chết được Tuân, đồ đảng của Tuân đều tan chạy. Duy Sản nhân đó thừa thế nổ 3 tiếng pháo, quân tướng của bọn Nguyễn Văn Lang và Vinh vừa kéo đến, nổi trống hò reo tiến đánh phá tan được bọn này. Sau khi dẹp xong Trần Tuân, bàn định công lao, thăng Duy Sản tước Nguyên quận công, giao cho coi vệ Cẩm y. Năm sau, khi Lê Hy, Lê Minh Triệt nổi loạn ở Nghệ An, Thanh Hoa, Khang quận công⁽²⁾ đi đánh bị thua, chết. Nhà vua sai Duy Sản (tờ 160a) thống lĩnh quan quân đi đánh, phá được giặc.

Năm thứ 7 (1515), vua lại sai Duy Sản làm đô tướng đánh phá được giặc Phùng Chương ở núi Tam Đảo.

Từ khi nắm binh quyền, Sản nhiều lần lập được công, và chuyên chỉ huy cấm binh, từ đó càng sinh kiêu rông. Khi Nguyễn Văn Lang chết rồi, Duy Sản lại có lòng khinh thường họ Nguyễn.

Nhà vua làm nhiều việc thất đức, Duy Sản nhiều lần can gián trái ý vua, bị phạt trượng. Sản ngấm ngấm cùng với Thái sư Lê Quảng Độ⁽³⁾, Thượng thư Trình Chí Sâm đồng mưu bỏ vua này lập vua khác.

⁽¹⁾ *Cương mục*, q.26 chép là Mỹ Huệ hầu, bản A chép thừa chữ "đại" trước chữ "mỹ".

⁽²⁾ Theo *Cương mục*, q. 26, Khang quận công tên là Trần Nghi.

⁽³⁾ Bản A chép là Lê Quảng Nghĩa, theo *Toàn thư* và *Cương mục* là Lê Quảng Độ.

Họ nhân chuyện Trần Cảo⁽¹⁾ nổi loạn đánh phá ở Bắc Giang, bèn chuẩn bị binh thuyền khí giới ở bến Thái Cực⁽²⁾ nói phao lên là đi đánh giặc. Ngày mồng 6 tháng 4, vào lúc canh hai mờ sáng, Sấn đem hơn 3.000 quân Kim ngô hộ vệ vào cửa Bắc thần. Nhà vua nghe tin, ngỡ là giặc kéo đến, bèn ra cửa Bảo Khánh, đến Cầu Dừa⁽³⁾ rồi lại về cửa Nam thành. Đi đến hồ Chu Tước phường Bích Câu thì gặp Duy Sấn. Vua hỏi: "Giặc ở phía nào"? Duy Sấn không trả lời, quay mặt đi cười âm lên. Nhà vua quay ngựa chạy sang hướng Tây, Duy Sấn (từ 160b) sai võ sĩ đều giờ giáo ra chặn lại⁽⁴⁾, giết vua, rồi đem thi hài về quán Bắc Sứ, dùng lửa thiêu xác. Đồng thời y giết cả Thừa chỉ Nguyễn Vũ. Sau đó y cùng bọn Lê Nghĩa Chiêu lập vua Chiêu Tông rồi đưa về Tây Đô.

Khi Trần Cảo trộm chiếm kinh thành, vua Chiêu Tông tập hợp nghĩa binh để đánh dẹp Cảo, có sai Duy Sấn thống lĩnh quân thủy và bộ theo đường Thiên Quan, Ứng Thiên tiến ra. Khi tới Đông Kinh, các tướng đều hội binh, hợp vây bốn mặt. Duy Sấn chuyển đánh từ bến Thái Cực đến bến Đông Hà⁽⁵⁾, bọn giặc thua to. Bèn vây góc Tây thành. Lúc này có bọn giặc ở Sơn Tây là Hà Công Chân⁽⁶⁾ nhân thừa cơ đem quân vây thành, muốn đánh Trần Cảo và tranh ngôi với vua, Duy Sấn ra sức đánh,

⁽¹⁾ Bản A chép là Trần Tung, theo *Toàn thư* và *Cương mục*.

⁽²⁾ Thái Cực: khoảng gần phố Hàng Đào, Hà Nội ngày nay.

⁽³⁾ Nguyên văn là Da Kiêu (B, H), có lẽ là Ô Chợ Dừa, Hà Nội ngày nay.

⁽⁴⁾ *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép là Sấn sai võ sĩ tên là Hạnh cầm giáo đâm vua ngã ngựa rồi giết đi.

⁽⁵⁾ Bản A chép lầm Đông A, ngờ rằng do chữ Đông Hà chép sai; Đông Hà là phố Hàng Chiếu, Hà Nội ngày nay.

⁽⁶⁾ Bản A chép lầm là Hà Công Trục, theo *Cương mục*.

Công Chân thua chết. Viên Tả kiểm điểm là Lê Liên cũng chết trận ở Dịch Vọng. Các cánh quân bày trận nối tiếp với thành, hết sức đánh giặc. Cảo chạy sang Lạng Nguyên⁽¹⁾, nhà vua trở về kinh sư.

Tháng 8 năm ấy, vua sai Sảo nắm quyền tiết chế các doanh thuỷ bộ, lược định các huyện ở Hải Dương. (tờ 161a)

Tháng 11, vua sai Duy Sảo cùng với Nguyễn Hoàng Dụ dẫn bọn Minh Vũ hầu Trịnh Hồng⁽²⁾, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhuận thống lĩnh quan quân đi đánh Trần Cảo ở chùa Sùng Nghiêm trên sườn núi xã Trâu Sơn, huyện Chí Linh. Duy Sảo thấy quân sĩ mệt mỏi đã lâu, mà giặc Cảo chưa bị diệt, bèn làm bài văn để an ủi tướng sĩ rằng:

*"Từng nghe: Thánh chúa lập đàn phong tướng,
hằng mong thu phục giang sơn;
Nam nhi kết tóc tòng quân, chí hân coi thường tên đạn.
Phải đâu nay mới đặt bày;
Minh chứng đời xưa đã có.
Ba năm chinh phạt Tây Nhung⁽³⁾, chiến sĩ nhà Ân
đâu từ lao khổ;
Mấy bận đánh miền Đông Thổ⁽⁴⁾, quân Chu thiên tử
nào ngại đi về.
Vì chưng cùng đức cùng lòng: nên đã hoàn thành
việc lớn.*

⁽¹⁾ Lạng Nguyên: Cương mục chưa: không rõ ở đâu, có lẽ là ở Lạng Sơn.

⁽²⁾ Bản A chép là Trịnh Cung, theo Cương mục.

⁽³⁾ Nguyên văn là "Bắc phạt quý phương": Ân Cao Tông đánh rợ Tây Nhung (cũng gọi là quý phương) ở phương Bắc.

⁽⁴⁾ Nguyên văn: đông chinh Thúc phụ: đời vua Thành Vương nhà Chu, hai người chủ của vua là Quan Thúc và Thái Thúc nổi loạn ở phía Đông kinh đô nhà Chu, Chu Công đem quân đi đánh.

Kính nghì: Thánh triều ta vua Thái Tổ Cao hoàng:
 thừa thời mở vận: diệt giặc cứu dân.
 Hai mươi năm gọi gió tắm mưa, cứu thiên hạ khỏi
 tay giặc dữ⁽¹⁾.
 Bốn mươi nước trèo non vượt biển, sai sứ thân mang
 lễ tới châu.
 Gốc rễ vững bền, ngọn nguồn càng sâu rộng;
 Sáng nghiệp công lớn, thể thống hẳn dài lâu.
 Quy mô sắp đặt lớn lao:
 Ngôi vị lưu truyền vô tận.
 Nào Thái Tông, Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông,
 trải mấy đời thái bình thịnh trị;
 Nào Thiệu Bình, Diên Ninh, Quang Thiệu, Cảnh
 Thống⁽²⁾, chín chục năm đạo nghĩa lưu hành.
 Nơi nơi vui sống cảnh thanh bình;
 Chốn chốn cùng chung niềm hạnh phúc.
 Ôn huệ của tiên vương chưa cạn;
 Sao ngày nay việc nước đa đoan?
 Vua Đoan Khánh⁽³⁾ dùng hình thảm khốc, chìm
 trong đầm cũng chẳng ngủ yên;

⁽¹⁾ Nguyên văn: "ư cuồng Minh chi thủ" (từ trong tay giặc Minh điên cuồng).

⁽²⁾ *Thiệu Bình*: niên hiệu thời vua Lê Thái Tông (1434 - 1439). *Diên Ninh*: niên hiệu thời vua Lê Nhân Tông (1454 - 1459). *Quang Thuận*: niên hiệu thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1469). Bản A chép lầm Quang Thuận thành Quang Thiệu tức là niên hiệu của vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1526), lúc này trong nước đã loạn to không còn là nước "có đạo lý" nữa. *Cảnh Thống*: niên hiệu đời vua Lê Hiến Tông (1498 - 1504).

⁽³⁾ *Đoan Khánh*: vua Uy Mục.

Vua Hồng Thuận xây dựng triều miên⁽¹⁾, vạ lang sói
 xây ngay trước ngõ⁽²⁾.
 Đến nỗi: giặc Cảo mạnh tâm; dấy thành họa loạn.
 Giả danh con cháu nhà Trần, toan muốn lừa dân
 ngu ngốc.
 Ngâm chứa mưu gian Vương Mãng⁽³⁾, những mong
 chiếm đoạt ngai vàng.
 Hợp đồ đảng đến hàng trăm bọn; chiếm Đông Đô
 gần (từ 162a) chặn một tuần.
 Vì tội bọn nghịch thần không ai dung được;
 Nên toàn dân trong nước hợp sức tiêu trừ.
 Kim thượng hoàng đế ngày nay:
 Ra tay tái tạo; điểm ứng ngôi trời.
 Như Thiếu Khang⁽⁴⁾ rộng ban đức chính, bày đặt mưu
 mô, quân một đội mà dẹp tan phản nghịch;
 Như Quang Vũ⁽⁵⁾ giỏi liệu thời cơ, tính toán khởi nghĩa,
 rủ mười đời mà thoát chuyển thành may.
 Chính truyền lại nối nghiệp tổ tông;
 Trải chiếu để kính mời hiền sĩ.
 Đoái nghĩ chúng ta:
 Thẹn sinh ra làm con nhà tướng;

⁽¹⁾ Chỉ việc Lê Tương Dực bắt dân xây dựng Cửu trùng đài và cung điện.

⁽²⁾ Chỉ những cuộc nổi dậy của nông dân đương thời ở ngay gần kinh kỳ.

⁽³⁾ Vương Mãng: một bề tôi gian, đã cướp ngôi nhà Hán.

⁽⁴⁾ Thiếu Khang là con vua nhà Hạ, bố bị Hàn Xúc giết, cướp ngôi, lúc đó mẹ ông có mang ông trong bụng, phải trốn tránh. Sau ông lớn lên, cùng bề tôi cũ là My nổi dậy diệt Hàn Xúc giành lại ngôi vua.

⁽⁵⁾ Quang Vũ vốn là thân vương nhà Hán, tên là Lưu Tú, cháu 9 đời của Hán Cao Tổ, đã nổi dậy lật đổ Vương Mãng giành lại ngôi vua nhà Hán.

Làm được trao nắm giữ binh quyền.
Thiệu Thích⁽¹⁾ bốn đời phò thiên tử mong sao dốc hết
dạ trung trinh;
Thần My một dạ giúp Thiếu Khang, nguyện giữ trước
sau lòng không đổi.
Dưới là mong: cứu dân đen thoát khỏi tai ương;
Trên là muốn: đặt xã tắc vững như bàn thạch.
Cùng giúp việc diệt trừ hung bạo;
Phải có người chung sức lo toan.
Các tướng sĩ lớn nhỏ trong bản doanh!
Là những người tài năng kỳ lạ;
Là những người vì nghĩa sẵn lòng.
Hoặc xuất thân từ dòng võ tướng;
Hoặc xuất thân từ cửa văn thần (tờ 162b).
Hoặc là tam phủ nghĩa binh⁽²⁾ thói quen nhanh mạnh,
đánh giặc Thương⁽³⁾ như chim cắt bổ nhào;
Hoặc là các ty vệ sĩ, dũng cảm có thừa, trận Hàn Tín
như hùm beo vỗ cánh⁽⁴⁾.
Cho đến các anh hào tử chiến⁽⁵⁾; cùng anh em binh sĩ
mười phương.

⁽¹⁾ Thiệu công Thích là con của Văn Vương, bản thân ông và con cháu mấy đời đều phò giúp nhà Chu.

(2) *Tam phủ nghĩa binh*: quân Tam phủ, tức là quân tình nguyện tuyển người trong 3 phủ ở quê hương vua Lê, quân này được đặc biệt ưu đãi.

¹⁹⁾ Nguyên văn là "Cổ Mộc dã chi ứng dương": trở tài nhanh mạnh như chìm ứng trong trận đánh ở Mộc Dã (Mộc Dã là chiến dịch xảy ra ở ngoại ô kinh đô nhà Thương do Vũ Vương đánh vua Trụ diệt nhà Thương).

⁽¹⁾ Nguyên văn là "Đăng Hoài Âm chi hổ hám" (phát huy sự dũng mãnh như hổ của rừng sĩ Hoài Âm. Hoài Âm hầu chỉ Hàn Tín, danh tướng thời Hán).

(5) *Tử chiêng*: vốn là tử chính, chỉ bốn trấn lớn thời Lê là Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc.

Quế Dương, Vũ Ninh, thôn xóm muôn nhà, đều đã
theo về giáo hoá;
Bảo Lộc, Yên Thế, núi rừng vạn dặm, xông pha nào
sợ hiểm nguy.

Dẫu mấy bận hết lương nhìn đói;
Vẫn hăng say đánh giặc không ngơi.
Tuyết đổ rừng sâu, năm sáu tháng trên đường lao khổ;
Uy linh lừng lẫy, hơn trăm trận bình định non sông.
Đảng gian giờ tay chịu trời;
Giặc Cảo phủ phục đợi hình.
Đã bẻ gãy mũi tiên phong, phá tan quân giặc dữ;
Đáng thiết rượu ở Thái miếu, ghi công vào thẻ tre.
Nhưng đảng giặc vẫn chưa trừ sạch;
Nên việc vua đâu dám thư nhân.
Việc binh hung thế không dừng được, phải gắng
công rong ruổi xe quân;
Công lớn lao chưa kịp đền bù, nào ai dám phụ lời
thề trước (tờ 163b).

Nhắc tới chuyện này; lòng vui sao được.
Huống hồ: ngày tháng dễ trôi qua; núi sông sao
khó vượt.

Ngắm cảnh làng quê, gợi nỗi nhớ nhà da diết;
Nhìn bao bà cụ, chạnh lòng thương xót mẹ cha.
Ngựa trần ùn ùn⁽¹⁾...

Xe quân rầm rập, ôi sao xúc động lòng ta.
Tình thương nhà dẫu rằng tha thiết;
Nghĩa vì nước vẫn sáng ngời ngời.

⁽¹⁾ Bản A sót 1 đoạn thành ra câu không đối, ý không rõ.

Nay khuyển các tướng sĩ:
 Tiết tháo phải như tùng như trúc;
 Can trường phải là thép là gang.
 Công phu ta đường đắp non cao, non đã cao chỉ cần
 sọt đất.
 Sự nghiệp ta khác chi đào giếng, giếng đã sâu gần
 chạm mạch ngầm.
 Chớ nhát sợ mà bỏ dở chừng;
 Nên cố gắng để giành hậu quả.
 Kiếm Tang Mã⁽¹⁾, tên Giang Quý⁽²⁾, mâu Uất Tri⁽³⁾,
 hãy tôi luyện cho sáng ngời chớp lửa.
 Đòng Phương Thúc⁽⁴⁾, mộc Phàn Khoái⁽⁵⁾, giáo Lưu Kỳ⁽⁶⁾,
 hãy đánh, đâm cho gió nổi mây bay.
 Lấy dùi cảm của người nghĩa khí, để làm thuyền
 làm chèo khi qua sông;
 Lấy trung tín của kẻ chí nhân, để làm đòng làm
 mộc khí chiến đấu.
 Ởn vua ta như trận gió mát lành, thổi tới đâu dân
 đều yên ổn;
 Oai quân ta như cơn mưa đúng lúc, gội tới đâu cây
 héo lại tươi.
 Thế mạnh hùng beo vừa mới trở;
 Cả bảy cáo chuôt phải tan tành.

¹¹⁾ *Tang Mã*: chưa tra ra.

¹²⁾ *Giang Quý*: chưa tra ra.

¹³⁾ *Uất Trì Kính Đức*: danh tướng nhà Đường.

¹⁴⁾ *Phương Thúc*: bề tôi giỏi của Chu Tuyên Vương đã có công đánh Sở.

⁽⁵⁾ *Phàn Khoái*: võ tướng đời Hán từng đi hô về Hán Cao Tổ.

⁽⁶⁾ *Lưu Kỳ*: một danh tướng đời Tống.

Đặt sinh linh vào nơi êm ấm, dưới đệm trên chăn;
 Giữ miếu đường phúc lộc bền lâu, thành vàng ao nóng.
 Khi tướng sĩ đã lập nhiều công tích;
 Thì triều đình đâu có tiếc ban ơn.
 Chỉ thấy: Luôn báo công cao, bèn cho chức trọng.
 Nhỏ thì chỉ huy, hiệu úy, phó cũng nên mà chánh
 cũng nên;
 Lớn thì đô đốc, thượng thư, võ cũng được mà văn
 cũng được.
 Há chỉ có ghi tên tre lụa;
 Lại thêm còn phúc để cháu con.
 Khấu, Đặng xưa⁽¹⁾ hình vẽ ở đài mây, danh lưu
 sử Hán;
 Anh, Vệ⁽²⁾ trước, tượng treo trên gác khố, nổi tiếng
 đời Đường.
 Dương thời ghi chép công đâu;
 Hậu thế xưng là vọng tộc.
 Thiên hạ ấy xưa nay vẫn vậy, nếu mình sinh thời
 đó há thua ai;
 Họ trượng phu ta cũng trượng phu, ai có chí công
 danh đều phải thế".

Bài văn ấy lại được diễn ra quốc ngữ (văn nôm), để
 cho mọi người đều hiểu, lời lẽ rất thống thiết, bậc thức
 giả cho là lạ.

⁽¹⁾ Khấu là Khấu Tuân. Đặng là Đặng Vũ, 2 trong số 28 danh tướng có công
 khôi phục nhà Hậu Hán, được vua Hán Minh để cho vẽ hình để trên đài
 cao, gọi là Vân Đài để ghi công.

⁽²⁾ Anh, Vệ: chưa rõ sự tích.

Nhưng các tướng hung dữ, nhiều người cậy có công, hoành hành ở kinh sư, thả cửa hiếp dân, giết người. Duy Sản nghe tin, sai con nuôi là Trần Chân trở về kinh đô đánh bắt bọn này. Bấy giờ có ngôi sao sa xuống doanh trại, lòng quân run sợ. Khi đến Chí Linh, đánh nhau giáp lá cà với quân Trần Cảo ở Nam Giản, viên tỳ tướng tên là Hạnh bị quân Cảo giết chết. Duy Sản thấy giặc khiêu chiến, định ra đánh, các tướng can ngăn, Sản không nghe, giặc lại đến khiêu chiến, Duy Sản nổi giận, chia đường tiến đánh, tự mình đi tiên phong, giặc đem kỳ binh đánh úp, quan quân vỡ chạy, Duy Sản và Nguyễn Thượng đều bị Cảo bắt được, đem về hành quán ở Vạn Kiếp giết chết.

6. TRỊNH DUY ĐẠI⁽¹⁾

Trịnh Duy Đại là cháu nội của Thái úy Trịnh Khả, làm quan đến chức Thượng thư bộ Hộ. Thời vua Tương Dực (1509 - 1516) thăng là Văn⁽²⁾ (tờ 165a) quận công. Khi vua bị giết, Trịnh Duy Sản cùng các tôn thất đại thần bàn mưu muốn lập con của Mục Ý vương⁽³⁾ là Quang Trị làm vua. Vũ Tá hầu Phùng Mại tranh luận muốn lập con của Cẩm Giang vương là Y. Tường quận công Phùng Dĩnh sai lực sĩ dùng dùi sắt giết chết Phùng Mại ở trong cung cấm, chỗ Nghị sự đường, rồi bèn lập Quang Trị, lúc

⁽¹⁾ *Trịnh Duy Đại: Toàn thư*, tập IV, tr. 83. 86 chép là Duy Nhạc.

⁽²⁾ *Cương mục* chép là Lại quận công.

⁽³⁾ Mục Ý vương: tên là Doanh, con của Kiến vương Tân, và là em của Cẩm Giang vương Sùng (theo lời chua của *Cương mục*).

này mới lên 8 tuổi. Mới được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu thì Duy Đại đem về Tây Đô. Khi nghe tin vua Chiêu Tông đã lên ngôi, bèn giết Quang Trị cùng cả 2 người em.

Năm Quang Thiệu thứ nhất (1516), Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Duy Sản mâu thuẫn nhau. Chú của Hoàng Dụ là Văn Lự ngầm hẹn với Duy Đại cùng vào trước mặt vua tâu xin hoà giải⁽¹⁾ mâu thuẫn giữa 2 người. Khi Duy Đại vào, Văn Lự bèn rút từ tay áo ra một tờ tâu mật⁽²⁾, nói rằng Duy Đại cùng với Trịnh Tuy muốn đem con Nguyễn Trinh⁽³⁾ là Nguyễn Tùng lập làm nguy chủ, định làm việc bạo nghịch lớn. Rồi bắt lấy Duy Đại đem chém, bêu đầu ở ngoài cửa... Trần Chân⁽⁴⁾...

7. TRẦN TUÂN

Trần Tuân người xã Quang Bị huyện Bất Bạt. Ông tổ bốn đời là Văn Huy, đỗ Tiến sĩ năm Thái Hoà⁽⁵⁾, làm quan đến Tả thị lang. Ông nội tên là Cẩn đỗ Tiến sĩ đời Hồng Đức (1470 - 1497), làm quan đến Thượng thư bộ Lại. Tuân tính khí hung hãn. Y dựa vào vùng ven núi

⁽¹⁾ Bản A chép là tư giải, có lẽ lầm chữ "hoà" ra chữ "tư".

⁽²⁾ Bản A chép là "mật chiếu tấu ngôn" thừa chữ "chiếu".

⁽³⁾ Nguyễn Trinh, theo *Toàn thư* tập IV, tr. 79 là Lễ bộ Thượng thư Chuồng bộ sự, phò mã đô úy, tước Hưng quận công.

⁽⁴⁾ Có lẽ sách còn thiếu một đoạn nữa. Vì chữ Trần Chân hẳn không phải là tên một cái của. *Cương mục* chép Trần Chân là một đô lực sĩ đã dấy quân đánh Trần Cảo nhưng không được (q, 26, t 30), sau đó lại đánh Nguyễn Hoàng Dụ (q. 26, tr. 36). Cũng xem thêm truyện Trần Cảo ở dưới.

⁽⁵⁾ Theo sách *"Đại Việt lịch triều đăng khoa lục"* và bia tiến sĩ ở Văn Miếu, Hà Nội thì Trần Văn Huy đỗ Tiến sĩ năm Đại Bảo thứ 3 (1442) chứ không phải năm Thái Hoà.

Hung Hoá có địa thế hiểm trở, chiêu mộ vài nghìn tên vô lại, cũng ngầm đặt ra bộ thụ, khởi binh làm phản ở Sơn Tây, dân theo y rất nhiều, đông tới hàng vạn người. Tuân kéo thẳng tới vào huyện Từ Liêm. Trịnh Duy Sản đem quan quân ra đánh, bị thua, phải lui về đóng ở Đông Ngạc và Nhật Chiêu. Kinh sư không được phòng bị, lòng người sợ hãi kinh hoàng. Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang sai tập trung thợ ở các xưởng của bộ Công, bày làm kỳ binh ở xứ Đông Hà để giữ; đến đêm chúng hoảng sợ bỏ trốn hết. Vua sai Minh Luân bá Lê Niệm⁽¹⁾, Tổng thái giám Lê Văn Huy đem các lực sĩ ở 2 ty Hải Thanh và Hà Thanh chèo 2 chiếc thuyền nhẹ đi về địa phương Từ Liêm để dò xét tình hình địch. Niệm đi trước đến chợ An Gia, thấy phố xá cháy hết (từ 166a), quan quân đã thua, qua sông vào xã Quả Hối. Niệm lại vội về tâu trước mặt vua. Bấy giờ cả trong ngoài chấn động. Gặp lúc Duy Sản bị địch đánh bại, thủ hạ chỉ còn hơn 30 người, đi liều lĩnh, lạc vào doanh trại của Tuân. Chúng thấy Tuân mặc áo đỏ ngồi trên giường; thừa cơ Tuân không đề phòng, bèn đâm chết. Đồng đảng của Tuân ở chỗ khác chưa biết Tuân đã chết, vẫn đóng đồn như cũ. Nhà vua sai Nguyễn Văn Lang đem các tướng sĩ, ngựa voi các dinh đi đánh. Nghe Duy Sản nổ pháo hiệu, các quân hợp sức tiến đánh, phá tan được quân của Tuân, đuổi tới xã Thụy Hương, Tảo Động Đông Ngạc⁽²⁾, quân Tuân bị đâm và chết đuối rất nhiều.

Năm sau nhà vua trở lại ngôi, kinh lược các địa phương Sơn Tây, Hưng Hoá, đánh dẹp dư đảng của Tuân

⁽¹⁾ Chú ý: đây không phải là Lê Niệm cháu Lê Lai đã đổi áo bào cứu Lê Lợi khỏi nghĩa Lam Sơn, và có truyện ở phần trên. Lê Niệm ấy đã chết từ năm 1485, còn việc đánh Trần Tuấn ở đoạn này xảy ra năm 1511.

⁽²⁾ Có thể hiểu là Tảo Động (Nhật Tảo ngày nay) và Đông Ngạc.

là bọn Nguyễn Nghiêm, bình định được hết, xá tội cho họ. Dòng dõi của Trần Tuấn dời đến xã Yên Quyết Thượng huyện Từ Liêm, đổi họ đi để tỏ ra là khác biệt.

8. TRẦN CẢO

Trần Cảo người trang Dưỡng Chân huyện Thủy Đường, làm chức giám ở điện Thuần Mỹ⁽¹⁾. Trong năm Hồng Thuận (1509 - 1516), triều chính (từ 166b) rối ren, bọn phản nghịch liên tiếp nổi lên. Cảo thấy lời sấm truyền trong dân gian rằng phương đông có khí thiên tử, bèn rủ rê tụ tập bọn vong mạng⁽²⁾, giả xưng là cháu năm đời của vua Trần Thái Tông, và là ngoại thích của Quang Thục hoàng thái hậu. Tháng 3 năm Hồng Thuận thứ 8 (1516), y cùng với con tên là Thăng⁽³⁾ và đồng đảng là bọn Phan Ất⁽⁴⁾ người Chiêm Thành, Đình Ngạn, Đình Nghệ, Công Uẩn, Đình Bảo, Đoàn Bối, dấy binh làm phản ở chùa Quỳnh Lâm, chiếm cứ huyện Thủy Đường và Đông Triều. Cảo mình mặc áo đen, quân lính đều cạo trọc đầu, tự xưng là Đế Thích giáng sinh, để mê hoặc lòng người, tiếm xưng nguy hiệu, lấy niên hiệu là Thiên Ứng. Một vùng Hải Dương đều rạp xuống như cỏ gặp gió, không ai chống cự nổi. Chúng tụ tập được đến hàng hơn vạn người. Tháng tư, Cảo đem binh ở Tiên Du, Quế Dương,

⁽¹⁾ Nguyên văn: Thuần mỹ điện giám. *Minh sử* chép Cảo giữ chức "Xã đường thiêu hương quan", chưa rõ có đúng không.

⁽²⁾ Tức là bọn bỏ làng trốn tránh.

⁽³⁾ *Cương mục* các đoạn đều chép tên con Trần Cảo là Cung (q. 26, t. 26).

⁽⁴⁾ *Cương mục* chưa: Phan Ất còn có tên là Đồng Lợi, vốn là gia nô của Trịnh Duy Đại.

Gia Lâm, xâm phạm thẳng vào bến Bồ Đề. Nhà vua mới nghe tin báo, xuống chiếu thân chinh. Sai Lại Thúc Mậu đem quân qua sông, đóng ở Gia Hạ⁽¹⁾ ra lệnh nổ 3 tiếng pháo, các quân tiến đánh, đại phá quân của Cảo. Cảo chạy về Trâu Sơn⁽²⁾. Vua sai (tờ 167a) Phùng Trấn, Trịnh Khổng Chiêu, Trịnh Ngạc đem quân đuổi đánh. Phùng Trấn và Khổng Chiêu đều bị chết trận, Ngạc bị Cảo bắt được. Cảo muốn trao chức quan cho Ngạc, nhưng Ngạc không chịu khuất phục, mắng chửi âm ỉ, rồi bị giết. Nhà vua lại sai Nguyễn Hoàng Dụ tới đánh, Hoàng Dụ đem quân đến đóng ở Bồ Đề. Gặp lúc Nguyên quận công Trịnh Duy Sản nổi loạn, nhà vua (Tương Dục) bị giết. Hoàng Dụ bèn phóng lửa đốt và cướp kinh thành, rồi dẫn quân quay về phía Nam.

Vua Chiêu Tông lên ngôi, vội vàng lật đặt dời về Tây Đô. Thiệu quốc công Lê Quảng Độ đầu hàng Trần Cảo, Cảo bèn qua sông, đánh chiếm kinh thành; cho Quảng Độ coi việc nước. Đô lục sĩ Trần Chân khởi binh ở chợ Hoàng Hoa⁽³⁾ để đánh Cảo. Cảo sai đồ đảng là Phan Ất, từ xã Bảo Đà huyện Thanh Oai tiến ra đánh lại. Đánh nhau ở cồn tập bắn⁽⁴⁾, quân của Chân bị thua, bèn đem lui về giữ chợ Hoàng Hoa. Khi vua Chiêu Tông về Tây Kinh, sai các tướng tập hợp nghĩa quân tam phủ⁽⁵⁾ để thu phục

⁽¹⁾ *Cương mục* chép là Lâm Hạ, và chưa là tên xã, thuộc huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Hà Nội).

⁽²⁾ *Cương mục* chưa: Trâu Sơn thuộc xã Trâu Cầu huyện Quế Dương phủ Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

⁽³⁾ *Chợ Hoàng Hoa*: *Cương mục* chưa: thuộc trại Ngọc Hà, huyện Vĩnh Thuận phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội.

⁽⁴⁾ Bản A chép là "Xạ tri", *Cương mục* là Xạ đôi (mô đất để tập bắn).

⁽⁵⁾ *Tam phủ*: tức 3 phủ Thiệu Thiên (nay là Thiệu Hoá), Hà Trung và Tĩnh Gia thuộc trấn Thanh Hoa (nay là tỉnh Thanh Hóa).

kinh sư. Vua Chiêu Tông sai Hùng quốc công Lê Nghĩa Chiêu, đem hịch đi dụ thiên hạ rằng:

*"Theo đạo của trời đất, kẻ thuận hưởng phúc,
kẻ nghịch tiêu vong;
Đội quân của thiên tử trừ diệt hung tàn, cấm ngăn
bạo loạn.*

*Vì thiên địa chẳng dung gian đảng;
Nên cổ kim không chứa nghịch thân.
Hàn Xúc cướp ngôi nhà Hạ⁽¹⁾ chẳng bao lâu phải
chịu cực hình;
Chu Thư bội phản nhà Đường⁽²⁾ không mấy chốc
cả bầu bị diệt.*

*Gương cũ rành rành;
Phép xưa còn đó.
Kính nghĩ:
Đức Thái Tổ Cao hoàng đế ta: thuận thời mở vận;
có số làm vua.*

*Ơn ban khắp như mưa hoà gió ngọt; oai thi hành
như sét nổ sấm vang.
Hai mươi năm vũ trụ tối tăm; một sáng sớm nhục
hồn rửa sạch.*

*Cứu nhân dân trong lửa bỏng nước sôi; đặt con đồ
trên nệm êm chăn ấm.*

*Cho ức vạn sinh linh Đại Việt được muôn năm vui
hưởng hoà bình.*

Đức trạch thấm khắp gần xa;

⁽¹⁾ Hàn Xúc cướp ngôi nhà Hạ, sau bị vua Thiệu Khang tiêu diệt.

⁽²⁾ Chu Thư cướp ngôi Đường Đức Tông, sau bị hộ tướng giết chết.

Nhân chính chép đầy sử sách.
 Sáng nghiệp đang hoàng, cháu con dài dặc, xưa nay
 chưa có thể bao giờ;
 Khơi nguồn rộng lớn, cắm gốc vững vàng, đất nước
 đáng gọi là thịnh trị.
 Đến các thánh nói dòng chính thống.
 Theo phép hay gìn giữ nước nhà. (tờ 168a).
 Khoảng Thái Hoà, Đại Bảo, Diên Ninh⁽¹⁾, dân đông
 của lắm;
 Đến Quang Thuận, Hồng Đức, Cảnh Thống⁽²⁾,
 bể lặng sông trong
 Mấy triều đại ban ơn nuôi nấng;
 Khắp dân gian hưởng phúc thái bình.
 Đạo đức sáng ngời, nhân dân kính sợ, ai dám ho he;
 Kẻ gian bị diệt, kẻ nghịch bị tan, không đâu không phục.
 Mấy đứa mang lòng bội quốc;
 Thầy đều không thoát lưới trời.
 Bọn hung đồ như giặc Tuân⁽³⁾, giặc Tung,
 giặc Ngự, xác bỏ vạc dầu;
 Lũ phản phúc như tên Hy⁽⁴⁾, tên Vị, tên Phong,
 thầy bày giữa chợ.
 Giặc dù đông như lũ kiến họp đàn;
 Đường sao nổi sức cá kình quấy sóng.
 Nghịch Cảo nay:

(1) (2) Tên các niên hiệu thời Lê sơ.

(3) Trần Tuân dấy quân ở Sơn Tây (xem truyện Trần Tuân).

(4) Lê Hy dấy quân ở Nghệ An bị đàn áp năm 1512. Các tên khác có lẽ là đồng bọn của Tuân và Hy.

Thực loài chó lợn,
 Mang dạ sài lang⁽¹⁾.
 Quên ơn nuôi nấng của quốc gia, bột vong đại nghĩa,
 Thừa cơ hội phiên hà thổ mộc, lừa dối dân lành.
 Tu hạp bấy trộm cướp ở sơn lâm;
 Rủ rê bọn đào vong nơi làng xóm.
 Đình Ngạn⁽²⁾, một tên dua nịnh, nó dựa vào, cho được
 cầm đầu; (tờ 168b)
 Công Uẩn⁽³⁾ là sư hổ mang, nó sử dụng để gây yêu quái.
 Tên Thọ Sơn⁽⁴⁾ thêm nọc cho mãng xà;
 Tên Đình Tá⁽⁵⁾ trở tài làm ứng khuyến.
 Chuột thối thầy là bọn Công Chính⁽⁶⁾ nổi giáo cho giặc,
 Chó ăn vụng là tên Đình Bảo⁽⁷⁾ rước voi giày mổ.
 Bảo thiên hạ có thể dùng lực để mưu đồ;
 Bảo quốc gia có thể dùng mưu mà chiếm đoạt.
 Can danh phạm phận, xưng bừa là cháu chất
 nhà Trần,
 Tác quái tác oai, hại đến cả tôi con thiên tử.
 Vạn vật vì thế mà đảo lộn,
 Chín miếu⁽⁸⁾ vì chúng mà thất kinh.
 Cửa cải trong thương lẫm kho tàng, chúng thiêu ra
 tro bụi;
 Tính mệnh của trẻ già trai gái, chúng coi như cỏ rơm.
 Tội ác tày trời;
 Ngông càn hết nước

⁽¹⁾ Nguyên văn là *kiêu cảnh*: Kiêu là giống chim dữ. Cảnh là giống thú dữ, tương truyền 2 loại này thường ăn thịt cha mẹ chúng; ở đây dịch thoát.

⁽²⁾ ⁽³⁾ ⁽⁴⁾ ⁽⁵⁾ ⁽⁶⁾ ⁽⁷⁾ Đều là đồ đảng của Trần Cao.

⁽⁸⁾ *Chín miếu*: chỉ thiên tử, vì nhà vua thường lập 9 miếu để thờ.

Xuy vuơ⁽¹⁾ sao Chối bời bời, báo hiệu hoàng thiên
giáng hạ;
Đom đóm ma trời lấp ló, dăm tranh sáng với mặt trời.
Ác quá Lộc Sơn khi phạm khuyết⁽²⁾;
Tội hơn Tô Tuấn lúc dấy binh⁽³⁾
Thờ vua này lại lật vua này, nó đã nỡ tâm làm vậy;
Ra nhờ đấy lại phản ngay đấy, tội này đáng giết
không tha, (tờ 169a)

Nay bọn Lê Nghĩa Chiêu:
Mấy đời chịu ơn của thánh tổ thần tông,
Cùng mang ý chí của trung thần nghĩa sĩ.
Với giặc thù chẳng đội trời chung, những lăm tiêu diệt;
Thấy ngôi báu không thể đem nhượng, quyết chí
bảo tồn.

Gắng nối bước *Trình Anh* giúp *Triệu⁽⁴⁾*,
Quyết noi gương *Phương Thúc* phò *Chu⁽⁵⁾*.
Vào ngày 6 tháng 4 năm *Bính Tý*, rước cháu bốn đời
của *Thánh Tông Thuần Hoàng đế*, tức là cháu đích
tôn của *Đức Tông Kiến hoàng đế* và là con trưởng của
Cầm Giang đại vương, vào nối đại thống⁽⁶⁾.
Ngày 15 tháng này, xuất phát từ *Tây Đô*.

⁽¹⁾ *Xuy vuơ* hay *Sâm thương* đều là sao chổi. Quan niệm mê tín xưa cho rằng sao chổi xuất hiện là báo hiệu có tai họa chiến tranh loạn lạc.

⁽²⁾ *Lộc Sơn*: tức An Lộc Sơn, kẻ đã nổi loạn, chiếm kinh đô, làm cho vua Đường Huyền Tông phải bỏ chạy.

⁽³⁾ *Tô Tuấn*: làm quan đời Tấn Thành đế, cũng dấy quân chống lại triều đình.

⁽⁴⁾ *Trình Anh*: là người bề tôi trung của họ Triệu nước Tấn đã cứu sống con cháu Triệu Thái (*Đông Chu liệt quốc*).

⁽⁵⁾ *Phương Thúc*: bề tôi của Chu Tuyên vương, đã đánh dẹp vùng Kinh man vì vùng này chống lại thiên tử.

⁽⁶⁾ Đại thống tức nối ngôi vua, ở đây là vua Chiêu Tông.

Thống suất đội quân con em⁽¹⁾ trong ba phủ;
 Chiêu mộ dũng sĩ hào kiệt khắp bốn phương,
 Nguyên quân công Trịnh Duy Sản thống lĩnh ức vạn
 quân hùng sói, từ các phủ Thiên Quan,
 Ứng Thiên kéo ra.
 An Hoà hầu Nguyễn Hoảng Du, chỉ huy muôn vạn đội
 cạp beo, từ các phủ Thiên Trường, Lý Nhân xóc tới.
 Chính dinh có Phú Bình hầu⁽²⁾ uy lực sấm rền sét nổ;
 Phó dinh thì Bình Hoà hầu⁽³⁾ thế quân thác đổ
 triều dâng.

Đội ngũ điệp trùng, cuộn cuộn tựa trên trời đổ xuống;
 Quân đông nghìn nghịt, ùn ùn như dưới đất chui lên.
 Quân có danh nghĩa, hễ đánh là giặc tan;
 Mưa có thần bày, hễ dùng là chắc thắng.
 Giặc Cao, giặc Uẩn chơi vơi như tổ yến trên màn⁽⁴⁾,
 hẹn được lúc chúng bêu đầu ngoài đường phố;
 Giặc Sơn, giặc Ngạn, loay hoay như cá bơi trong chậu,
 tính được giờ chúng nát thịt trước búa rìu.

*

* *

Hồi quan viên và trăm họ ở các xứ Sơn Tây, Kinh Bắc,
 Hải Dương, Sơn Nam, Thái Nguyên, Tuyên Quang,
 Hưng Hoá, Lạng Sơn, An Bang;

⁽¹⁾ Nguyên văn: tử đệ chi binh: quân tâm phúc của nhà vua. *Ba phủ*: đã chú ở trên (Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia).

⁽²⁾ Phú Bình hầu tức Nguyễn Văn Lự, con Nguyễn Văn Lang (Bản A chép lầm là Bình Phú hầu).

⁽³⁾ *Bình Hoà hầu*: chưa tra ra.

⁽⁴⁾ *Tổ yến trên màn*: ý nói không chắc chắn, dễ bị diệt.

Đã gọi ơn ưu sủng của triều đình;
Đều mang lòng trung cần của liệt sĩ.
Trời không thể có hai mặt trời, dân không thể thờ hai
vị vua, phải sáng suốt nhận chân điều đó:
Làm tôi quý nhất một chữ trung, làm con quý nhất một
chữ hiếu, chớ manh tâm theo giúp đảng gian.

Phải nên:

Thấy việc nghĩa, dũng cảm mà làm;
Việc cần vương, xung phong hưởng ứng.
Hết lòng hết sức, giúp cho quân đội nhà vua;
Dẹp bạo trừ hung, quét sạch chông gai như bần.
Kéo Ngân Hà mà rửa sạch giáp binh.
Mở hoàng đạo cho mặt trời lại sáng.
Đặt thế nước muôn năm vững như bàn thạch;
Đem nhân dân bốn phương đến cõi thanh bình.
Sự nghiệp sẽ khắc vào chuông đỉnh;
Công danh được ghi ở sử xanh.
Thân với danh đều được hanh thông, mãi mãi làm bề
tôi trung nghĩa;
Nước và nhà đều chung hạnh phúc, giữ gìn nhau vui
hưởng thái bình.

Làm được như vậy;
Chẳng tốt lắm sao?
Ví bằng:
Bụng dạ tối tăm;
Lương tâm mờ ám
Quên ơn nước, phụng thờ quân giặc, nỡ nhân tâm sắp
mặt mà làm;

*Theo phép vua, cứ chiếu luật hình, thì cần rốn ăn năn
sao kịp?*

*Hoạ phúc đó hãy cân nhắc kỹ;
Công danh kia thành được bởi ta.
Hịch đến như bay;
Khá nên gắng sức".*

Sau đó các quận đều hội, rồi ở dinh Chiêu An (từ 1706) Sơn Nam, có phó tướng An Tín bá Trịnh Hy và đề sát Lê Sạn, tán lý Lê Dục và ký lục Trương Huyền Linh cùng nổi dậy trước, đem quân đến vây ngoài cửa Đại Hưng. Cảo đem quân lên cái lầu ở ngoài cổng vây cò bắn súng để chống lại quan quân. Quân Cảo từ cầu Mộng tiến vào cung Thụy Quang⁽¹⁾. Quân của Hy hơi lùi lại, sắp rút về giữ động Hồng Mai, gặp lúc quân của Nguyễn Hoàng Dụ kéo tới, bèn chặn chính đội ngũ rồi lại tiến vào ngoài cửa Đại Hưng. Trịnh Duy Sản đốc các quân bốn mặt vây thành. Cảo đóng cửa thành tự giữ. Quan quân đánh phá, Cảo không chống nổi bèn chạy qua sông trốn về Lạng Nguyên.

Tháng giêng năm Quang Thiệu thứ nhất (1516), nhà vua quyết định treo giải thưởng cho ai bắt được cha con Trần Cảo. Đến tháng 8, quan quân bắt được Phan Ất ở Đông Triều, đóng cũi đem về Kinh chém. Vua Chiêu Tông sai Trịnh Duy Sản nắm quyền tiết chế các dinh, bình định Hải Dương, Trịnh Tuy cũng đem bộ binh bình định Kinh Bắc. Trịnh Tuy tiến đến đóng ở phía bắc Thị Cầu.

⁽¹⁾ Bản A chép là Đoan Quang - sai, vì tự dạng gần giống nhau. Đây theo Cương mục.

Mùa đông, nhà vua sai bọn Trịnh Duy Sản, Nguyễn (từ 171a) Hoàng Dụ tiến đánh Trần Cảo ở chùa Sùng Nghiêm trên sườn núi xã Trâu Sơn, huyện Chí Linh. Quân của Duy Sản bị thua, Sản bị Cảo giết, các quân đều tan. Quân của Trần Cảo xâm phạm thẳng vào Bồ Đề. Vua sai Trần Chân đem quân qua sông đánh, phá tan được giặc, đâm chết rất nhiều. Trần Cảo bèn trốn về chiếm cứ Lạng Nguyên, không dám ra nữa: lấy sông Minh Nguyệt làm ranh giới. Trần Chân chống nhau với Trần Cảo dằng dai không phân thắng bại. Gặp lúc các tướng chuyên quyền, nghi ngờ lẫn nhau, Hoàng Dụ và Trịnh Tuy đều trở về kinh đô, sửa soạn binh lính để đánh lẫn nhau. Trần Chân lại đem quân về đánh đuổi Hoàng Dụ. Thấy nhà vua giết bọn Trần Chân⁽¹⁾, Nguyễn Kính bèn đem quân đánh lại. Trịnh Tuy cũng làm phản ở Sơn Tây.

Xe vua phải bốn tẩu long đông, triều đình có nhiều biến cố, chưa rồi để bình định bên ngoài, cho nên Cảo có cơ hội trộm chiếm được mấy huyện ở Lạng Sơn, Hải Dương trong 5 năm. Rồi y đem ngôi nguy mà truyền cho con là Thăng, tiếm hiệu là Tuyên Hoà, tự cạo đầu làm sư, giấu tên lẫn trốn, thoát được. Không biết cuối cùng ra sao...⁽²⁾.

Năm thứ 6 (1521), nội loạn mới dẹp hết, vua sai Nhân quốc công Mạc Đăng Dung đem đại quân đi đánh, phá tan quân của Thăng ở Phượng Nhãn và Bảo Lộc, tiến đến Lạng Nguyên, Thăng chạy lên châu Thất Nguyên. Về sau quân tuần tiễu bắt được, bỏ cũi giải về kinh sư giết chết.

⁽¹⁾ *Cương mục* chép: vì thấy thế lực Trần Chân ngày một to, lại có câu sấm truyền rằng y sẽ làm vua, nên có người xui vua giết Chân.

⁽²⁾ Bản A bỏ cách một đoạn, có lẽ bị sót.

9. NGUYỄN KÍNH

(tờ 171b)

Nguyễn Kính người xã Dị Nậu huyện Thạch Thất, tính hung hãn, vô lại. Trong loạn Trần Cảo, y tụ tập con em, theo Thiết Sơn bá Trần Chân đi đánh Trần Cảo, được làm tỳ tướng. Năm Quang Thiệu thứ 3 (1518), Trần Chân bị giết vì lời gièm pha, Nguyễn Kính, Nguyễn Áng và Hoàng Duy Nhạc nghe tin đều đem lòng oán giận, bèn đánh ba hồi chiêng rồi đột nhập vào cửa Đại Hưng. Cửa đã bị đóng, chúng bèn kéo thang tới ty Địch vạn thuộc vệ Cẩm y, người giữ cửa chống lại chúng không vào được. Nhà vua đem quân đi tuần, ở trong thành, mang đầu của Trần Chân giơ cho bọn Kính xem, chúng bèn tan chạy. Ba ngày sau, bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Áng và Nguyễn Hiêu, Cao Xuân Thìn tụ họp bàn mưu ở chùa Yên Lãng, rồi đem quân vào xâm (tờ 172a) phạm kinh sư. Đường đêm nhà vua phải chạy ra chùa Bồ Đề lánh nạn. Từ đó quân Sơn Tây thả sức cướp bóc tàn phá kinh thành trống rỗng. Nhà vua sang Gia Lâm, vời viên trấn thủ Hải Dương là Mạc Đăng Dung về cứu viện. Khi Đăng Dung tới, y đóng thuyền ở sông Nhị, sai người tới dụ bọn Kính và Áng. Chúng đều nói: "Việc giết chết Thiết Sơn bá Trần Chân là do lời gièm pha của Chủ Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bính. Nay nếu giết 3 người ấy đi, thì vua tôi lại như cũ, không dám có mưu toan gì khác cả". Nhà vua nghe mưu của Đàm⁽¹⁾ Cử, bèn giết bọn Chủ Khải cho chúng bằng lòng, nhưng bọn Kính, Áng càng hoành hành dữ, nắm lấy binh quyền không chịu giải tán. Gặp lúc

⁽¹⁾ Bản A chép là Trần Cử - sai, sửa theo *Cương mục*.

Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy lập Lê Do⁽¹⁾ ở Từ Liêm, Kinh và Áng cho rằng Tuy là người của phe Trần Chân, bèn đem quân đến theo. Sau đó Nguyễn Hoàng Dụ từ Thanh Hoa ra, vua sai Hoàng Dụ cùng Đãng Dung chia đường tiến đánh. Hoàng Dụ thua to, bỏ chạy xuống thuyền, quân chết rất nhiều. Hoàng Dụ tự liệu không thể thắng được, dẫn (từ 172b) quân trở về, chỉ để một mình Đãng Dung ở lại chống nhau với địch.

Mùa thu năm thứ 4 (1519) quan quân đã phá được Lê Do, Nguyễn Áng phục tội, Trịnh Tuy chạy vào Thanh Hoa, bọn Nguyễn Kinh sợ, cũng xin hàng, Đãng Dung thu nạp, xin vua tha tội cho, rồi dùng làm tay chân đắc lực. Về sau Nguyễn Kinh làm quan thời Ngụy Mạc, đến chức Thái sử, tước Tây quốc công, chuyên nắm chính sự của nhà nước, Nguyễn Kinh đã khích động gây ra vụ biến Phạm Tử Nghi. Khi chết, được truy tặng là Tây Kỳ vương.

Con của Nguyễn Kinh tên là Nguyễn Nguyên, được ban họ Mạc, làm quan đến Thái bảo Phú quốc công; Nguyễn Liễn là phò mã nhà Mạc, làm quan đến Thái bảo Đà quốc công Chương phủ sự. Khi họ Mạc thất bại, Liễn chạy sang Long Châu Trung Quốc rồi chết ở đó.

Hoàng Duy Nhạc cũng hàng Mạc Đãng Dung, được Đãng Dung thu dùng làm tâm phúc, đến khi vua ra

⁽¹⁾ Bản A viết Dụ hay Duu (theo *Từ nguyên*). *Cương mục* phiên là Do và chép việc này như sau: "Trịnh Tuy và Nguyễn Sĩ giao thông với giặc là bọn Nguyễn Kinh, cùng nhau lập tên Bạng là con của Tĩnh Tu công Lộc, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Đức, rồi lại truất bỏ đi mà lập Lê Do, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Hiên, dựng hành điện ở xã Miêu Nha, huyện Từ Liêm, chia đặt quan thuộc". *Toàn thư* cũng chép tương tự, chỉ khác niên hiệu Thiên Đức là Đại Đức và xã Miêu Nha là Do Nha.

Mông Sơn⁽¹⁾, Đãng Dung sai Duy Nhạc đuổi kịp vua ở Thạch Thất. Vua đem quân chống lại, bắt giết Duy Nhạc. Còn bọn Hiêu và Xuân Thìn thì không biết kết cục ra sao.

10. NGUYỄN KHẮC HÀI (từ 173a)

Nguyễn Khắc Hải không rõ quê quán ở đâu, được vào cung làm thái giám, hơi được vua Tương Dực thân quý khi mới lên ngôi. Lúc đó lòng người chưa yên, Khắc Hải ngầm có chí khác. Vào canh 3 đêm 25 tháng 4 năm thứ 2 (1510), Khắc Hải đem đồng đảng làm loạn, bắt ép vua ra chơi cung Trùng Hoa, rồi lại đến chơi các điện Vạn Thọ, Cẩn Đức, Kính Thiên. Nhà vua tỏ ý muốn nhân hạ để cho y yên chí, bèn làm thơ quốc ngữ⁽²⁾. Đại thần văn võ vào hầu hoạ thơ. Đêm khuya có nội thần là Nguyễn Linh rước vua ra hồ sen. Khắc Hải lên ra, lấy cái xe riêng của vua đi, để rước Hoa Khê vương⁽³⁾ lập làm vua giả. Vua sai Thọ quận công Trịnh Hựu đem quân đuổi đến Đông Hà, bắt giết được quá nửa đồng bọn của Hải, bắt được cả Khắc Hải, dư đảng của y trốn lên núi Tam Đảo, quan quân đuổi đánh, dẹp được.

11. VŨ HỘ

Vũ Hộ tên tự là Trung Phụ, người xã Cung Hiệp huyện Nghi Dương, lúc trẻ có dũng lực. Năm Đoan

⁽¹⁾ Chỉ việc vua Chiêu Tông trốn thoát khỏi tay Đãng Dung, về với Trịnh Tuy tháng 7 năm 1522 (*Cương mục*, q. 27, tr. 3, 4).

⁽²⁾ *Thơ quốc ngữ*: có lẽ là chỉ thơ nôm.

⁽³⁾ *Cương mục* nói rõ Hoa Khê vương tên là Tùng.

Khánh thứ ba (1507) vào làm quân túc vệ, được trao chức Hiệu úy. Năm Quang Thiệu thứ nhất (1516), việc nước có nhiều khó khăn, vua Chiêu Tông mới khôi phục kinh thành, Vũ Xuyên bá Mạc Đăng Dung trấn thủ ở Sơn Nam, Hộ đem quân theo y, được làm thuộc tướng, nhiều lần lập chiến công, mấy lần thăng tới Đô đốc đồng tri, Chỉ huy sứ ở vệ Thiên vũ. Được ít lâu chuyển về làm Tả đô đốc thự vệ sự, ban hiệu Đồng Đức công thần.

Năm thứ 5 (1520), Vũ Nghiêm Uy nổi loạn ở Đại Đồng, vua sai Vũ Hộ đem quân đi đánh, Nghiêm Uy chạy trốn vào động núi. Khi trở về, nhà vua thấy xứ Sơn Tây mới được bình định, cử Vũ Hộ tổng trấn địa phương này, và phong tước Quỳnh Khê bá. Năm thứ 6 (1521) tiến phong là Quỳnh Khê hầu.

Vũ Hộ tuy đội ơn ưu sủng trọng dụng của triều đình, nhưng bí mật hướng theo Đăng Dung, tập hợp tay chân, thu thập hương binh làm bè đảng để viện trợ Đăng Dung.

Năm thứ 7 (1522) vua Chiêu Tông chạy ra Mộng Sơn⁽¹⁾, trưng tập quân lính trong nước để đánh Mạc Đăng Dung; lúc này các tướng như bọn Hà Phi Chuẩn đều theo tờ mật chiếu cần vương đến tiếp viện cho kinh sư, hợp (từ 174a) binh đánh giặc; riêng Vũ Hộ không theo tờ chiếu, đem toàn bộ quân của Sơn Tây gồm hơn 3.000 người làm phản, theo Mạc Đăng Dung.

Khi Đăng Dung đã lập vua Cung Hoàng, sai Vũ Hộ đem quân bản bộ chuyên giữ xứ Sơn Tây. Vũ Hộ chiêu dụ quân lính, binh lực của y dần dần mạnh lên, y bèn kéo

⁽¹⁾ Mộng Sơn: tên xã thuộc huyện Minh Nghĩa trấn Sơn Tây (theo *Toàn thư* tập IV, tr. 106).

đến xâm phạm vùng bến sông Nhị Hà, quan quân tiến đánh, không được. Gặp khi vua Chiêu Tông bị Trịnh Tuy bắt ép dời về Thanh Hoa ở phía Tây, Đặng Dung chiếm cứ kinh thành, y sai bọn Mạc Quyết, Vũ Như Quế⁽¹⁾ đánh Trịnh Tuy ở Đầu nguồn⁽²⁾, phá được. Đặng Dung bèn bắt hiếp vua trở về phía Đông.

Năm Thống Nguyên thứ 4 (1525), Vũ Hộ được trao chức Tả đô đốc Tây quân, sau đổi làm Thượng thư bộ Binh chưởng bộ sự, gia phong là Đồng đức Tán trị Công thần Thiệu bảo, phong là Từ quận công.

Khi Đặng Dung cướp ngôi, tiến xưng niên hiệu là Minh Đức năm thứ nhất (1527), phong chức tước cho phe đảng y. Vũ Hộ vì có công đầu suy tôn y, nên được ban họ Mạc, tên là Bang Hộ, thăng là Thiệu bảo Tĩnh quốc công, ngoài ra các phẩm hàm khác vẫn giữ như cũ.

Mùa xuân năm Mậu Tý (1528) thêm hàm Thiệu bảo (tờ 174b) phụng triều đình⁽³⁾.

Năm Đại Chính thứ 5 (1531) dời Mạc Đăng Dung, vì có việc quân Minh đe dọa⁽⁴⁾, Vũ Hộ được cử làm Tả đô đốc Tây quân Chưởng phủ sự, vẫn giữ các chức tước cũ, cho tới triều đường bàn bạc chính sự và xét xử các vụ án.

⁽¹⁾ Bản A chép là Nguyễn Như Quế, theo *Toàn thư* và *Cương mục*.

⁽²⁾ Nguyên văn là "Nguyên đầu" chưa rõ là tên địa điểm hay danh từ chung; tạm dịch là Đầu nguồn. *Toàn thư* (IV, 110) chép là Vũ Như Quế, đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoá. Tuy đưa vua về đầu nguồn. *Cương mục* chép là Tuy đưa vua về châu Lang Chánh.

⁽³⁾ *Phụng triều đình*: chưa rõ là chức gì.

⁽⁴⁾ Vì có bọn Trịnh Duy Liêu người Việt sang tố cáo Mạc Đăng Dung với nhà Minh, nên nhà Minh sai đem quân tới biên giới đe dọa "hỏi tội" (*Toàn thư*, IV, tr. 130).

Ngày tháng 9 năm ấy, Vũ Hộ bị bệnh, mất, thọ 54 tuổi. Lúc này Mạc Phúc Hải ngụ xưng là Hoàng thái tử giám quốc, thấy Vũ Hộ có tình nghĩa thân gia lại có công lao, ban cho 500 quan tiền tuất. Tháng 11 năm ấy, Đăng Doanh lại ban cho 1.000 quan tiền, tặng tên thụy là Đăng Lượng.

Vũ Hộ vì là người cùng huyện với Mạc Đăng Dung, lại có con trai là Bang Huấn lấy em gái Đăng Dung (về sau ngụ xưng là Tú Hoa trưởng công chúa) cho nên dốc lòng báo đáp, hết sức giúp đỡ kẻ phản nghịch.

Trong khoảng những năm Quang Thiệu, Thống Nguyên (1516 - 1527), Vũ Hộ chiếm giữ một trấn quan trọng, nắm giữ đội quân mạnh, chống lại chiếu mệnh của thiên tử, cùng với Mạc Đăng Dung liên quân chống đối triều đình. Cho nên việc giặc Mạc cướp ngôi (từ 175a) thực là do Vũ Hộ gây ra.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

[từ 176a]

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỆN ĐỀ... (?)

THẦN ĐÔN soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN (HỌ MẠC)

1. MẠC ĐĂNG DUNG

Mạc Đăng Dung quê ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương. Cụ tổ 7 đời tên là Đinh Chi, ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, tức là Lũng Động, huyện Chí Linh bây giờ, đậu T rạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) thời vua Anh Tông nhà Trần, làm quan đến chức Nhập nội hành khiển thượng thư môn hạ tả bộc xạ, kiêm trung thư lệnh, tri quân dân trọng sự, ông làm quan thanh liêm, giữ mình thận trọng, tiếng tăm lừng lẫy cả hai nước (nước ta và nước Trung Hoa).

Đinh Chi sinh ra Dao, làm quan tư hình viện đại phu.

⁽¹⁾ Bản A ghi là quyển 31.

Dao sinh 4 con trai là: Dịch⁽¹⁾, Thoan, Thuý và Viễn, người nào cũng có tài năng sức lực, cuối thời Nhuận Hồ, vì bất đắc chí, đều đem con em đón hàng nhà Minh. Lúc ấy quân họ Hồ đóng giữ phía Bắc sông Phú Lương, tướng nhà Minh là Trương Phụ không biết hư thực thế nào, nên không dám qua sông. Thuý bèn từ phủ Nam Sách cùng với Tri châu Tam Đái là Đặng Nguyên, vẽ bản đồ địa hình (*tờ 176b*) xin làm hướng đạo, dẫn quân Trương Phụ qua sông đánh úp phá thành Đông Kinh; Thuý lại sai thủ hạ là bọn đầu mục Nguyễn Như Khanh bắt Hán Thương ở núi Cao Vọng. Người Minh thưởng công, phong cho Thuý chức Tham chính ở ty Bố chính Giao Chỉ, phong cho Dịch chức Chỉ huy sứ, cho Viễn chức Diêm thiết sứ. Sau Thuý dẫn quân vào Lạng Sơn đánh Nông Văn Lịch⁽²⁾, bị trúng tên độc chết.

Thuý sinh ra Tung, di cư đến làng Lan Khê, huyện Thanh Hà. Khi ấy vua Thái Tổ Cao Hoàng đế đã bình định thiên hạ, nghiêm trị bọn nguy quan, cho nên Tung không dám ra làm quan, chỉ ẩn nấu nơi thôn xóm.

Tung sinh ra Bình, lại di cư đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương.

Bình sinh ra Hịch. Ba đời này đều không hiển đạt.

Hịch lấy con gái Đặng Xuân người cùng làng, tên là Đặng Thị Hiếu, sinh 3 con trai, con trưởng tức là Đăng Dung, con thứ là Đốc, tước Trào quận công, sau Đăng Dung tiếm ngôi, nguy phong cho tước Từ vương, con thứ ba là Quyết, tước Đông quận công, nguy phong tước Tín vương, sau khi chết, nguy truy phong Uy Tín đại vương.

⁽¹⁾ Bản A chép là Biên, theo các bản B, D, H và LML.

⁽²⁾ Bản LML là Nùng Phản Lịch, bản D là Nông Phản Hoán.

Đặng Dung sinh giờ Ngọ ngày 23 (tờ 177a) (Nhâm Tý)⁽¹⁾ tháng 11 năm Quý Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ 14 (1483). Tuổi còn trẻ đã có sức khỏe, nhà nghèo, làm nghề đánh cá. Thời vua Uy Mục, tuyển dũng sĩ, Đặng Dung dự thi môn đánh vật, trúng Đô lực sĩ xuất thân, được sung vào đội túc vệ, giữ việc cầm dù theo xe vua. Khoảng thời Doan Khánh, thăng bổ chức Đô chỉ huy sứ vệ Thiên vũ. Năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), tiến phong tước Vũ Xuyên bá, năm ấy Đặng Dung 29 tuổi. Năm thứ 7 (1515), cha là Hịch chết. Đầu năm Quang Thiệu (1516) triều đình sai Đặng Dung làm trấn thủ Sơn Nam, gia phong chức phó tướng Tả đô đốc.

Đặng Dung trong lòng chứa mưu gian, nhưng bề ngoài làm ra vẻ thực thà ngay thẳng, để mua danh. Thời ấy có Cù Khắc Xương và Trần Công Vụ, mượn đạo Thiên vũ, Thiên bổng, để mê hoặc dân ngu. Đặng Dung dâng sớ xin trị tội, lại hạch luôn cả quan Thừa, Hiến Lê Toàn và Đỗ Thao về tội mê tín tà thuyết. Tờ sớ đại lược rằng:

"Hạ thần thiết nghĩ: nhân, nghĩa, trung, tín⁽²⁾ là 4 điều thánh nhân thường làm luôn; quái, lực, loạn, thần⁽³⁾ là 4 điều thánh nhân không nói tới. Xét việc đời xưa, chứng minh có đủ. Vua Hoàng Đế định thời khắc để phân ngày đêm, vua Cao Dương⁽⁴⁾ dựng thái cực để thông trời

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "tý" sau chữ "nhâm", theo bản D và LML.

⁽²⁾ Bản A là "nhân, nghĩa, trung, chính". Bài sớ này, bản B và H không có, theo bản D và LML.

⁽³⁾ *Quái*: việc quái đản, *lực*: việc dùng bạo lực, *loạn*: việc nổi loạn, *thần*: việc quỷ thần (chữ sách *Luận ngữ*).

⁽⁴⁾ *Vua Cao Dương*: theo truyền thuyết, tức là vua Chuyên Húc trong cổ sử Trung Quốc, dựng nước ở miền Hồ Nam.

đất. Đã dựng cái nêu cho thời bấy giờ, và để đời sau làm gương soi vào đấy.

Hoàng thượng là bậc thánh nhân, mở nền trung hưng rực rỡ! Vừa là vua vừa là thầy, đủ trách nhiệm chăn nuôi dạy bảo; hoá bằng đạo, hoá bằng đức, mong được tới hoà mục thái bình. Cả trong thiên hạ, đều được ấm no.

Nay quân nhân là Cù Khắc Xương ở làng Nhân Vũ, huyện Thiên Thi, và quân nhân là Trần Công Vụ ở làng Phạm Tùng, huyện Gia Phúc, vốn là lính thường, cũng như dân vậy. Đáng lẽ phải noi đạo vua, đường vua, và tuân theo lời dạy, lại giả xưng là Thiên vũ, Thiên bồng, để dụ dỗ ngu dân. Mượn chùa thờ Phật làm chợ đổi trá; mượn đền thờ Thần làm ổ chứa gian. Thuật nghiền than làm thuốc⁽¹⁾, khiến già trẻ đua nhau; phép phun nước phi bùa, làm ngã nghiêng làng xóm.

Bọn yêu quái đã làm như vậy, các quan trên đáng phải bài trừ (từ 178a). Các quan Thừa, Hiến, đã từng đọc sách thánh hiền, đều là chức trách sư tướng. Đáng lẽ phải như Địch Nhân Kiệt phá đền dâm ở tỉnh Hà Nam để trừ mê hoặc, như Hồ Đình đánh nhà sư ở tỉnh Quảng Đông để bài dị đoan. Thế mà các quan này lại như bọn phạm phu, không hiểu lẽ phải. Lê Toàn, Văn Vận mê tín điều xằng bậy mà tâu can; Tử Ký, Đỗ Thao phụ hoạ vào thuyết tà. Cùng nhau theo tả đạo, mê đắm thói cốt đồng. Lấy quái dẫn lừa nhau, lấy quỷ thần doạ nhau, đã làm những trò gian dối; răn gì bằng hình phạt, chữa gì bằng pháp luật, sao không nghiêm đặt cấm điều?"

⁽¹⁾ Theo *Toàn thư*, Cù Khắc Xương xưng là Thiên Vũ, xin 9 học cơm ăn hết, rồi lấy lá bọc cơm đốt cháy làm thuốc chữa giúp cho những người không có con, mà đòi gà rượu, chữa cho người nào là hiệu nghiệm ngay (t IV, tr 89)

Vua nghe theo lời sớ trên, ra lệnh giết Khắc Xương và Công Vụ.

Thiệu quốc công Lê Quảng Độ hàng giặc Cảo, Trấn tướng quân bắt được, điệu về Kinh sư. Đặng Dung lại dâng biểu đàn hặc, xin giết Quảng Độ về tội bất trung. Bài biểu lược rằng:

"Tam cương⁽¹⁾ ngũ thường⁽²⁾, là rường cột chống đỡ trời đất, là cột đá yên vững nhân dân. Nếu nước mà không có các điều đó, thì tuy là nước văn minh, nhưng chính là loài cầm thú. Từ xưa tới nay, chưa từng có ai bỏ các điều đó mà có thể đứng trong khoảng trời đất.

Nay Lê Quảng Độ, nhờ phúc ảm tổ phụ, đội ơn triều đình, thờ qua bốn triều, ngôi tới nhất phẩm, mà vẫn dận dờ, chỉ toan nhòm ngó. Chiều vua thì theo ý đón đưa; chuyên chính thì múa may nhiều quẻ. Tội ác chứa chấp đã lâu, đâu có phải một sớm một chiều? Hoạ đã gây mầm từ thời Đoan Khánh, Hồng Thuận.

Mấy năm nay, giặc Cảo khởi binh, tiếm xưng vị hiệu. Thế mà Quảng Độ tham sống sợ chết, nhẫn nhục thờ kẻ thù, mượn danh vị đi lừa dối dân ngu hoặc giặc Cảo, làm đầu mục đi nước ngoài cầu phong cho giặc Cảo, hạnh kiểm như chó lợn, lòng dạ tựa cảnh, kiêu⁽³⁾. Người người đều mắng nhiếc, Quảng Độ vẫn trơ trơ! Ý không nghĩ đến

⁽¹⁾ Tam cương là 3 đạo: vua tôi, cha con và vợ chồng.

⁽²⁾ Ngũ thường là 5 điều: nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.

⁽³⁾ Kiêu là một loại chim dữ. Loài chim này thường ăn thịt cha nó. Cảnh là một loài thú dữ. Giống thú này thường ăn thịt mẹ nó. Trong bản D có nguyên chủ chữ Hán viết thành 2 dòng chữ nhỏ.

hậu ân của quân phụ⁽¹⁾, đại nghĩa (từ 179a) về cương thường. Thật mang tội với trời đất, mang tội với tổ tông và thiên hạ, tội y không thể tha thứ được"⁽²⁾.

Vua bèn ra lệnh giết Quảng Độ. Từ đấy vua tin Đăng Dung là trung trực, càng thêm ân sủng.

Lúc bấy giờ, Vinh Hưng bá Trịnh Tuy là cháu họ Duy Sản, tranh quyền với An Hoà hầu Nguyễn Hoàng Dụ, kéo quân đánh nhau.

Họ Thuỷ Chú (Trịnh) và họ Tống Sơn (Nguyễn) đều là họ công thần hạng nhất, danh vọng trên đời, mà bỗng sinh hiểm khích, nhà vua (Chiêu Tông) hoà giải cũng không yên. Hoàng Dụ cử binh đánh Trịnh Tuy, Tuy chạy về Lôi Dương. Trần Chân là con nuôi Duy Sản, nên bên Trịnh Tuy, bèn cử binh đánh Hoàng Dụ. Hoàng Dụ chạy về Tống Sơn. Thế là chỉ còn một mình Trần Chân lưu lại triều đình làm phụ chính.

Vua thấy hai họ đánh nhau, chưa phân đảng nào phải trái, lại nghe theo lời Trần Chân, sai Đăng Dung dẫn thuỷ quân đuổi đánh Hoàng Dụ ở Thanh Hoa. Hoàng Dụ đưa tờ thư và bài thơ cho Đăng Dung, Đăng Dung bèn án binh bất động, nên Hoàng Dụ được chạy thoát.

Năm Quang Thiệu thứ 3 (1518), Đăng Dung được thăng tước Vũ Xuyên hầu, ra trấn thủ (từ 179b) Hải Dương. Tại đây Đăng Dung thu thập hương binh, chỉnh đốn đội ngũ, quân số ngày thêm nhiều.

Lúc này, chỉ có một mình Thiết Sơn bá Trần Chân

⁽¹⁾ Quân: vua: phụ: cha.

⁽²⁾ Theo *Toàn thư*, bài tấu còn có thêm một đoạn dài nữa, ở các bản A, B, D và LML chỉ có đến đây thôi.

nắm quyền bính trong Kinh sư, Đãng Dung sợ Chân, bèn cưới con gái Chân cho con trai mình là Đãng Doanh, để làm vây cánh.

Vua Chiêu Tông nghe lời gièm pha, giết Trần Chân. Đồ đệ Trần Chân là bọn Nguyễn Kính, đều thuộc hạng tướng mạnh vùng Sơn Tây, liền đem quân đánh vào Kinh đô, vua chạy sang Xúc Ý đường ở huyện Gia Lâm, Trịnh Tuy đóng đồn ở Sơn Nam, có chừng hơn vạn quân, được tin trên, quân bèn tan cả⁽¹⁾. Vua triệu Hoằng Dụ về dẹp giặc cứu vua, nhưng Hoằng Dụ không chịu đến; các tôn thất và đại thần chạy theo vua cũng không có bao người; lính cấm vệ quá ít, không biết cậy vào tướng nào, vua bèn sai Hà Văn Chính và Lê Đại Đồ đi triệu Đãng Dung. Ý vua muốn cậy binh lực của Đãng Dung để khôi phục kinh sư. Nhưng Đãng Dung thấy triều đình rối loạn, bèn nảy ra mưu đồ khác.

Sau khi vào yết kiến vua, Đãng Dung đóng thuyền quân ở sông Nhị Hà, và cho là chỗ Xúc Ý đường hơi xa, bèn tâu xin vua dời về Thuận Mỹ đường ở Bồ Đề, để tiện theo hầu.

Đãng Dung muốn mượn (tờ 180a) thế giặc để giết đại thần, chặt hết vây cánh nhà vua, bèn lập ra kế: vờ cho người đi dụ bọn Kính, Áng hàng, rồi mạo lời chúng yêu sách, ức hiếp triều đình giết Đoan quận công Ngô Bính, Thọ quận công Trịnh Hựu và bọn Chủ Khái để vừa lòng giặc.

Đãng Dung cho là vua ở điện Thuận Mỹ, hơi gần với

⁽¹⁾ Bản A, B, H và *Toàn thư* đều chép là "nghe tin quân đều tan cả" (văn nạn đào tán). Bản D và *LML* chép là "văn nạn phó cứu" (nghe tin đem quân đến cứu).

nơi thủy quân của bọn con em Trần Chân, định xin vua dời đến Bảo Châu, nhưng Đô ngự sử Đỗ Nhạc và Phó đô ngự sử Nguyễn Dữ can ngăn, không đồng ý. Đãng Dung bèn sai người trong đảng là Đinh Mông bắt Đỗ Nhạc và Nguyễn Dữ, đem giết tại vườn dâu phía cửa Bắc hành doanh Xuân Xã⁽¹⁾. Quân thần đều run sợ Đãng Dung bèn rước vua tới Bảo Châu. Từ đây, đại quyền trong triều ngoài quận đều thuộc về tay Đãng Dung.

Không bao lâu sau, Nguyễn Hoàng Dụ đem quân về cứu nạn, vua sai Đãng Dung và Hoàng Dụ, đều dẫn quân đánh bọn Kính và Áng ở Sơn Tây. Hoàng Dụ dẫn quân bản bộ, tiến đánh trước, bị thua trận. Đãng Dung thì án binh không tiến, nên vẫn được toàn quân, rồi Hoàng Dụ dẫn quân về, Đãng Dung bèn giữ hết binh quyền một mình. Ít lâu, Hoàng Dụ chết (tờ 180b) ở Thanh Hoa, Đãng Dung lại càng tung hoành, không còn phải sợ một ai nữa. Mùa đông năm ấy, vua cho Đãng Dung chức Đề thống các doanh thủy quân và bộ binh⁽²⁾.

Năm Quang Thiệu thứ 4 (1519), vua sai Đãng Dung thống lĩnh các quân đánh phá giặc Lê Do ở Từ Liêm, bắt được Lê Do, lại chiêu dụ đảng giặc Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc đầu hàng. Quân lực của Đãng Dung ngày càng nhiều, công danh ngày càng thịnh, triều đình ai cũng phục.

Khi vua trở về Kinh đô, tiến phong Đãng Dung tước Minh quận công.

⁽¹⁾ Bản A chép là Xuân Đỗ, theo các bản B, D, H và LML.

⁽²⁾ Bản A, B và H: "đề thống chư quân sự", bản D và LML là, "đề thống thủy bộ chư doanh sự".

Niên hiệu Quang Thiệu thứ 5 (1520), Đãng Dung bàn với người thông gia là Lễ bộ Thượng thư Phạm Gia Mô, tính kế nắm trọn binh quyền, để đánh dẹp giặc cướp. Bọn Gia Mô cũng nghĩ: từ xưa, quyền ở 5 phủ, các văn thần kỳ cựu cũng không được dự. Chỉ bằng bây giờ để cho Đãng Dung làm quan tiết chế, thì việc gì cũng có thể làm được. Bèn cùng nhau ký tên vào tờ bảo cử. Nhà vua ứng theo, cho Đãng Dung chức tiết chế các doanh thủy lục quân 13 đạo; Gia Mô chức Tán lý quân vụ ở bản doanh. Thế là tất cả binh mã tinh nhuệ trong thiên hạ, đều thuộc quyền Đãng Dung.

Niên hiệu Quang Thiệu thứ 6 (1521), Đãng Dung tự phong lên tước Nhân quốc công (*tờ 181a*) Tiết chế các doanh thủy lục trong 13 đạo.

Đãng Dung giữ binh quyền đã lâu, tướng tá đều quy phục. Vua cũng biết y chuyên quyền, nhưng còn trông mong ở lòng trung nghĩa của y, hy vọng thu công sau này, vua thân đến phủ Đãng Dung và phong thêm cho chức Thái phó. Mùa đông năm ấy, vua đến điện Quỳnh Vân⁽¹⁾ ụy lạo Đãng Dung, và sai dẫn quân đi Bắc Giang đánh giặc Trần Thăng, sau khi Đãng Dung đã đi, lại ban cho tờ sắc rằng⁽²⁾:

"Trẫm thường nghe: Vì nước trừ bạo tàn, xông pha nơi nguy hiểm. Đó là chức trách của người làm tướng. Cho nên Điện Đan nước Tề, xông pha nơi tên đạn mà nước địch quy hàng; Lý Tố nhà Đường, xông pha gió

⁽¹⁾ Bản A chép là Quỳnh Vân uyển (vườn Quỳnh Vân), theo bản B, D, H và LML.

⁽²⁾ Bài sắc này ở bản B và H đều không có, chỉ có ở các bản A D, và LML.

sương, mà bình định Hoài Sái⁽¹⁾, các tướng ấy đều bảo vệ xã tắc, và có công lớn với thiên hạ.

Khanh là người trăm trông cậy. Nay giặc Thăng tụ tập dư đảng, chiếm vùng Thái Nguyên, Lạng Sơn, triều đình phong cho khanh làm Đô tướng, tiết chế các doanh thủy lục trong thiên hạ, chia đường đi đánh dẹp, vượt sông núi, gọi gió mưa, phá quân giặc ở huyện Phượng Nhãn và Bảo Lộc, những nơi khanh dẫn quân đi qua, binh sĩ không hề (từ 1816) xâm phạm của dân một mảy may, các dân xã đó đều đã hàng phục. Đã mấy lần nhận được thư tâu thắng trận, trăm rất khen ngợi.

Nay sai Thiếu bảo Binh bộ Thượng thư Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, Tư lễ giám Tổng thái giám kiêm tài dụng khố sự Lê Khoái, và Tả thị lang Đông các Đại học sĩ Nguyễn Quýnh, đem tờ sắc chỉ này uỷ lạo khanh cùng tướng sĩ các doanh, và 100 lạng bạc để khanh thưởng cho kẻ có công.

Khi nhận tờ sắc này, khanh nên thể theo ý trăm: lấy điều trung nghĩa khích lệ tướng sĩ, đồng tâm hiệp lực, lập kế bắt giặc. Chỉ cốt bắt cho bằng được chính tên giặc Thăng, còn những kẻ a tòng, đều tha hết cả. Quét sạch tận sào huyệt bọn giặc ẩn núp đã lâu năm; cứu vớt dân một phương khỏi lầm than, được an cư lạc nghiệp như trước, để thông đường đi sứ, để trọn vẹn chiến công. Như vậy thì công danh của khanh sẽ vang lừng vũ trụ, tước lộc của khanh sẽ lưu truyền mãi mãi tới con cháu đời sau".

Đặng Dung tiến quân đến Lạng Nguyên, Trần

⁽¹⁾ Lý Tổ đánh Hoài Tây, trong đêm mưa tuyết vào châu Sái bắt được Ngô Nguyên Tổ.

Thắng thua chạy, quan quân đuổi bắt được (tờ 182a), bèn kéo quân trở về.

Niên hiệu Quang Thiệu thứ 7 (1522), Lê Bá Hiếu nổi loạn ở Đông Ngàn, Đãng Dung dẫn các tướng đánh dẹp, nhưng không được. Đột sau lại dẫn quân đánh phá, bắt được Bá Hiếu.

Sau khi Đãng Dung một mình giữ binh quyền, từng bình được nhiều giặc lớn, uy quyền ngày càng thịnh, mà đạo quân nhà vua thì yếu ớt, lòng người ai cũng hướng về Đãng Dung, nên y càng lưu tâm mưu việc phản nghịch.

Thông gia với Đãng Dung là Phạm Gia Mô, làm chức Lễ bộ Thượng thư, nắm giữ chính quyền trong triều; em rể Đãng Dung là Vũ Hộ, làm chức Hữu đô đốc, Tổng trấn Sơn Tây, đều là bè đảng thông đồng. Thượng thư Trình Chí Sâm, Nguyễn Thi Ung, đều phụ hoạ thêm. Y lại tiến vua một mỹ nhân, giả danh là con gái của y, vào làm cung tần, để dò la tin tức nhà vua; y sai em là Đông quận công Mạc Quyết giữ đạo binh túc vệ; sai con trai là Dục Mỹ hầu Đãng Doanh giữ điện Kim Quang.

Khi Đãng Dung đi đường bộ, thì dùng lọng phượng bông vàng; khi đi đường thủy, thì dùng thuyền rồng dây lụa⁽¹⁾. Tự do ra vào nơi cung cấm, không hề nể sợ. Lại giết hết những người tâm phúc của vua là bọn thị vệ Nguyễn Cấu, đô lục sĩ Minh Sơn bá Nguyễn Thọ và Đàm Cử. (tờ 182b).

Vua thấy tình thế ngày một nguy cấp, bèn ngầm bàn với Nguyễn Hiến và Phạm Thứ, định bỏ kinh đô đi ra

⁽¹⁾ Long phượng và thuyền rồng, đều là nghi trượng của vua thiên tử. Đây chép Đãng Dung tiến dùng.

ngoài, để hiệu triệu các tướng 4 phương hởi tội Đãng Dung. Bèn sai ngay người đi trước, mang tờ mật chiếu đến Tây Kinh, dụ viên cựu thần Trịnh Tuy đem binh đến đón vua.

Mùa thu năm ấy, vào trống canh hai đêm 23 tháng 7, Nguyễn Hiến và Phạm Thứ vào cung dự hầu yến, rồi đón vua ra đi, tới Mộng Sơn huyện Minh Nghĩa⁽¹⁾. Trong lúc vội vàng, không kịp báo cho Thái hậu và hoàng đệ.

Ngày hôm sau, Đãng Dung mới biết, bèn sai quân ngăn chặn các ngã đường quan trọng, rồi dựng cờ điểm binh⁽²⁾; ra lệnh các phố phường không được náo động; sai người trong đảng là Hoàng Duy Nhạc dẫn quân đuổi kịp vua ở huyện Thạch Thất, nhà vua dùng quân (Thạch Thất)⁽³⁾ chống đánh, bắt chém được Duy Nhạc.

Hôm ấy, Đãng Dung vào Kinh đô, thả ngay Thượng thư Trình Chí Sâm và Nguyễn Thị Ung do vua bắt giam ở điện Quỳnh Lâm rồi bàn với các đại thần là Lê Phụ, Lê Chu, lập Hoàng đệ Xuân lên ngôi vua.

Vua triệu Vũ Hộ dẫn quân đến giúp. Nhưng Vũ Hộ lại làm phản, (từ 183a) dẫn 3000 quân quy phụ Đãng Dung, Đãng Dung rất mừng, sai Vũ Hộ đóng quân ở Giang Bắc, rồi sai Lê Chu và Nguyễn Như Quế rước Hoàng đệ Xuân tới Hồng Thị (Hải Dương), làm nơi hành điện; sai quân dân đắp gấp lũy Cẩm Giang để phòng thủ.

Lúc này, Hà Phi Chuẩn (Nghiem Bá Ký, Nguyễn Xí,

⁽¹⁾ Minh Nghĩa tức huyện Tùng Thiện, Sơn Tây đời sau.

⁽²⁾ Bản *LML* chép là: "trương kỳ điểm..." (dựng cờ và điểm...) có lẽ là điểm binh, bản *D* là "trương tộc điểm thành" (?).

⁽³⁾ Bản *B*, *H* và *LML* có thêm chữ Thạch Thất, bản *D* là Thạch Sùng (?).

Phạm Tãi nhận được mật chiếu của vua đều phủ dụ quân dân, rồi đem con em ở vùng Bắc Giang đến đóng ở phía Tây cầu Đông Ngạn. Hà Phi Chuẩn⁽¹⁾ chống nhau với Đàng Dung, dụ Phạm Tãi làm hướng đạo, còn bọn Bá Ký đều chạy về phía Bắc.

Tháng 8, Đàng Dung suy tôn Hoàng đệ Xuân lên ngôi vua, nhưng vì sợ vua Chiêu Tông ở ngoài hiệu triệu binh mã thiên hạ về đánh nên không dám đóng tại kinh thành, Đàng Dung đón Hoàng đệ Xuân về Gia Phúc (Hải Dương) và vận tải hết của báu trong thành về, rồi phong quan tiến tước cho các quan. Văn thần là bọn Vũ Cán, Nguyễn Văn Thái, đều được phong làm Chính dinh để sát thủy bộ quân vụ.

Ít lâu sau, vua Chiêu Tông trưng tập được khá nhiều binh lính, dẫn quân từ Mộng Sơn về, ngự tại hành điện Thụy Quang, trăm quan tới chầu, bốn phương hưởng ứng. Nhân đó sai (từ 1836) bọn Nguyễn Kính cả thấy 4 viên tướng, chia làm 4 đạo quân tiến đánh Đàng Dung, quân nhà vua đóng tại các huyện: Gia Lâm, Văn Giang, Đường Hào, Cẩm Giang, Lương Tài và Gia Định, chống nhau với Đàng Dung một tháng, không phân được thua.

Lúc này, các xứ ở 3 mặt Tây, Nam và Bắc, đều đã thuộc về vua Chiêu Tông, còn Đàng Dung, tuy mượn tiếng dựng hoàng đệ, nhưng chỉ giữ được một góc ở xứ Hải Dương thôi.

Sau đó, Đàng Dung chia quân 2 đường thủy bộ, tiến đánh các xứ Đông Hà⁽²⁾, nhà vua sai các tướng: Lại Thúc

(1) Bản LML sót một đoạn trong dấu móc (...), bản D không sót, nhưng chữ Hà Phi Chuẩn chép ra Hà Phi Phụ.

(2) Đông Hà: phố Hàng Chiếu, Hà Nội ngày nay.

Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định⁽¹⁾ và Đàm Khắc Nhượng, chia đóng các doanh trấn giữ. Hai bên đang cầm cự, thì Đặng Dung dùng thủy quân đánh úp vào ban đêm, phá được các doanh, y liền dẫn quân qua sông. Thúc Mậu và Dư Hoan⁽²⁾ thua chạy. Có 4 tên lính giặc vác khiên mác, từ phường Phục Cổ xông vào diệt Thủy Quang, nhưng lính hộ vệ cản được, vua hoảng hốt chạy lánh đến đình làng Nhân Mục Cựu. Trăm quân tan rã, mấy ngày mới tụ tập lại.

Tháng 9, vua lại đốc quân về Kinh đô, Đặng Dung vì còn vướng với các tướng ở miền Bắc Giang, cho nên không dám nhòm ngó Đô (từ 184a) thành.

Mùa đông năm ấy, Trịnh Tuy đem toàn bộ quân tam phủ, từ Thanh Hoa về cứu xe vua. Nhưng vì nghe lời ly gián, đem lòng nghi ngờ, thành ra ngăn trở, rồi ép vua bỏ Đông Kinh về Thanh Hoa, giải tán hết các đạo binh. Từ đây, không còn chiếu lệnh nhà vua nữa, thiên hạ thất vọng, các tướng khởi nghĩa đều giải tán. Việc nước không gượng lên được.

Sau khi nhà vua (Chiêu Tông) bỏn ba, kinh thành trống không, quân Đặng Dung ngày càng mạnh, chúng bình định được vùng Kinh Bắc, rồi sai tỳ tướng đánh phá Giang Văn Dụ ở Thanh Oai, đuổi tận đến chân núi. Đặng Dung bèn đón vua Cung đế⁽³⁾ về ngự tại Bồ Đề, để điều khiển 4 phương, quan lại quân dân đều quy phục thêm.

⁽¹⁾ Bản D và LML thêm Nguyễn Định.

⁽²⁾ Chữ "Hoan" này do viết sai, cho nên khác mặt chữ, nhưng chính là "Nguyễn Dư Hoan" ngay dòng trên. Không phải là tên một người khác.

⁽³⁾ Cung đế hay Cung hoàng, tức là Hoàng đế Xuân, em vua Chiêu Tông, do Mạc Đăng Dung dựng lên.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 2 (1523), Đãng Dung sai em là Đông Sơn hầu Mạc Quyết, cùng Vũ Hộ, Vũ Như Quế⁽¹⁾, đem quân đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa.

Tháng 7, Đãng Dung mạo tờ chiếu của vua Cung đế, phế bỏ vắng mặt vua Chiêu Tông, xuống tước Đà Dương vương.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 3 (1524), Đãng Dung tự thăng mình lên tước Bình chương quân quốc trọng sự Thái phó Nhân quốc công. Sai em là Mạc Quyết dẫn quân đánh Trịnh Tuy ở Đầu nguồn, chiếm hết các quận huyện ở Tây Đô (từ 184b). Trịnh Tuy bị chết bệnh.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 4 (1525), tháng 10, Đãng Dung tự làm đô tướng, dẫn tất cả thủy quân và bộ binh các doanh trong thiên hạ vào Thanh Hoa. Vua Chiêu Tông bị quân lính bức bách, chạy vào động An Nhân núi Cao Trĩ châu Lang Chánh, Đãng Dung đến cướp vua đưa về kinh sư. Tướng đóng ở Bắc Giang là bọn Hà Phi Chuẩn đều tan rã và bị giết cả. Đãng Dung lại giết hết các quan văn theo vua Chiêu Tông mà không theo mình. Tiến quận công Nguyễn Lĩnh lấy em gái Đãng Dung tên là Huệ, lại lấy thêm 10 thiếp. Thị Huệ ghen, tố cáo là Nguyễn Lĩnh lập đảng phái, Đãng Dung cũng giết luôn Nguyễn Lĩnh. Đãng Dung giữ hết quyền thưởng phạt hoặc thăng giáng các quan lại cùng tướng sĩ, vua chỉ là hư vị mà thôi. Đãng Dung lại giả bộ lánh quyền hành, lui về ở Cổ Trai, nhưng thực tế vẫn chế ngự triều chính.

Tháng 12, niên hiệu Thống Nguyên thứ 5 (1526), Đãng Dung sai Bái Khê bá Phạm Kim Bảng bí mật giết

⁽¹⁾ Bản A không có tên Vũ Như Quế, theo bản B, D, H và LML.

vua Chiêu Tông ở chỗ bị giáng⁽¹⁾.

Niên hiệu Thống Nguyên thứ 6 (1527), Đãng Dung tự thăng lên tước Thái sư An Hưng vương, gia cửu tích⁽²⁾.

Vua (Cung hoàng) sai Tùng Dương hầu Vũ Hữu, Lan Xuyên bá Phan Đình Tá và Trung sứ (từ 185a) Đỗ Hiếu Để cầm cờ tiết đem kim sách, áo mào thêu rồng đen, đai dất ngọc, kiệu tía, quạt vẽ và lọng tía, đến Cổ Trai tuyên bố mệnh vua ban cho Đãng Dung, Đãng Dung đón tiếp tại bến đò An Sáp hạt Tiên Minh.

Tháng 5 ngày mồng 5, Đãng Dung từ Cổ Trai tới kinh bái yết Hoàng thượng, rồi từ cửa Đông Hoa ra cửa Đại Hưng trở về Cổ Trai.

Tháng 6, Đãng Dung vào kinh sư ép vua nhường ngôi cho y. (Lúc này thần dân phần nhiều xu hướng về Đãng Dung, đều ra đón y về kinh đô.

Ngày 15, là ngày canh thân, sau khi các quan yên vị trong triều, bèn tuyên tờ chiếu rằng:

"Vua Thái Tổ ta, thừa thời cách mệnh, bèn có bốn phương, các thánh truyền ngôi, đã nhiều lịch số. Đó là lòng người hợp với ý trời xui nên vậy.

Từ cuối thời Hồng Thuận, gặp lúc quốc gia nhiều nạn, Trần Cao bắt đầu gây loạn; Trịnh Tuy lập kẻ nghịch lên ngôi, lòng người lìa tan, trời cũng không giúp. Lúc ấy thiên hạ đã không phải của nhà ta vậy.

⁽¹⁾ *Cương mục* chép là ở phường Đông Hà.

⁽²⁾ Cửu tích gồm: 1. xe ngựa. 2. y phục. 3. nhạc khí. 4. cửa sơn son. 5. nập bê (đặt bê riêng ở trên điện cho ngồi). 6. hồ bốn (quân hộ vệ). 7. cung tên. 8. phủ việt. 9. rượu Cự xướng (rượu ngon dùng để tế thần); biểu hiện sự ưu đãi đặc biệt của vua đối với đại thần.

Ta bạc đức nổi ngôi, không thể gánh nổi. Mệnh trời và lòng người hướng về người có đức. Vậy nay Thái sư An Hưng vương (từ 185b) Mạc Đăng Dung, là người tư chất thông minh, đủ tài văn võ, bên ngoài đánh dẹp, bốn phương đều phục, bên trong trị nước, trăm họ yên vui, công đức rất lớn lao, trời người đều quy phục.

Nay theo lẽ phải, nên nhường ngôi cho. Nên cố sửa đức, lâu giữ mệnh trời, để yên nhân dân. Mong kính theo đó".

Bài chiếu này là lời của Nguyễn Văn Thái.

Sau khi tuyên chiếu⁽¹⁾, Đăng Dung bèn xưng là hoàng đế, ban lệnh đại xá thiên hạ, dùng ngay năm này làm niên hiệu Minh Đức thứ nhất, phế truất vua làm Cung vương, rồi giam cùng với Thái hậu ở cung Tây Nội, sau đó giết chết.

Tháng này Đăng Dung vào kinh thành, ngự nơi chính điện, tế trời ở đàn Nam Giao, dựng tôn miếu, lấy Hải Dương làm Dương Kinh, lập cung điện ở Cổ Trai, truy tôn ông tổ 7 đời là Mạc Đĩnh Chi làm "Kiến thủy Khâm minh Văn hoàng đế". (Đăng Dung lại dựng ngôi điện gọi là điện Sùng Đức vào nền nhà cũ của Đĩnh Chi ở xã Lũng Động. Sửa mộ của cha y thành lăng, cho nên ngày nay trong làng gọi nơi ấy là xứ Mả Lăng. Lại đắp mộ gò lớn tại bờ sông, ở phía Bắc mặt trước điện Sùng Đức, để làm nơi lễ bái, các quan nhà nguy Mạc ai đi qua nơi đây, đều lễ vọng vào điện Sùng Đức. Nay nền điện và gò này hãy còn, điện thì ở xã Lũng Động nơi gần sông (từ 186a), gò thì ở bờ sông xã Đông Đôi, gọi là gò Mã Thảo.

⁽¹⁾ Các bản B, H... bỏ sót cả tờ chiếu và đoạn trong dấu móc. Từ chữ "Lúc này"... đến chữ "tuyên chiếu".

Nhà giảng học cũ của Đinh Chi: một ở nền huyện trị cũ tại xã Cao Đồi; một ở chùa Quất Lâm xã Tống Xá. Những di tích này vẫn hầy còn rành rành, có thể khảo sát); Đấng Dung truy tôn ông tổ 6 đời tên là Dao làm "Hoàng cơ Đốc thiện Tuyên hựu hoàng đế"; ông tổ 5 đời là Thuý làm "Dụ tổ Triệu phúc Hoàng đạo Tích đức hoàng đế"; ông tổ 4 đời là Tung làm "Ý tổ Hồng khánh⁽¹⁾ Uyên triết Anh duệ hoàng đế"; ông nội tên là Bình làm "Hoàng tổ Thuần hiến Tuy hựu Đốc cung hoàng đế"; các bà tổ trên đều là hoàng hậu; thân phụ tên là Hịch làm "Chiêu tổ Quang liệt Cơ mệnh hoàng đế"; thân mẫu Đặng thị làm hoàng thái hậu.

Đấng Dung dựng thêm một ngôi điện để ở, gọi là điện Phúc Huy, tại phía Tây điện Hưng Quốc ở Dương Kinh.

Lập con trai là Đấng Doanh làm Thái tử, phong em trai là Quyết làm Tín vương, truy phong em trai là Đốc làm Từ vương, 3 em gái đều phong công chúa: em gái trưởng tên là Ngọc phong làm "Trang Hoà trưởng công chúa", em gái thứ là Ngọc Huệ phong làm "Khánh Diệm công chúa", em gái út là Ngọc Di⁽²⁾ phong làm "Tú Hoa công chúa". Phong Vũ Hộ làm Tĩnh quốc công, cho đổi sang họ Mạc; (từ 1866) phong Trung quan Nguyễn Thế An người làng Ngọc Lâm huyện Tú Kỳ làm Ly quốc công.

Lấy ngày sinh nhật của mình làm ngày "Càn Ninh thánh tiết".

Lúc này, thần dân thất vọng, thiên hạ nôn nao, Đấng

⁽¹⁾ Bản A chép lầm là hồng độ, theo bản B, D, H, LML.

⁽²⁾ Bản LML là Ngọc Anh, bản D là Ngọc Quyết (chữ Anh và chữ Quyết hơi giống nhau).

Dung sợ lòng người còn nhớ vua cũ, có thể sẽ sinh biến, bèn phải tuân theo pháp độ triều Lê, phủ dụ quần thần, trấn áp nhân dân. Để che mắt thế gian, trưng cầu con cháu các vị công thần thế gia, giả danh là trưng dụng, nhưng kỳ thực cốt để kiểm chế quản thúc họ. Bởi thế nhiều người trốn vào rừng núi, hoặc ẩn giấu tên tuổi không chịu ra, hoặc tụ họp nhau làm đảng cướp, hoặc bỏ đi ra ngoại quốc để cầu yên, không biết theo vào đâu cả. Đấng Dung lại muốn thu nhân tâm, bèn phong tặng tất cả các vị tiết nghĩa cựu thần như bọn các ông Vũ Duệ, Đàm Thận Huy; sai quan tu sửa lầu điện ở Lam Kinh, mỗi năm hai lần tế lễ vào mùa xuân và mùa thu; lại 4 kỳ tế lễ nơi lăng Mỹ Xá. Đó là giả nhân nghĩa để thuận lòng dân.

Năm Mậu Tý (1528), mùa xuân, tháng giêng, Đấng Dung muốn đổi làm chính lệnh mới, bèn sai đúc loại tiền Thông bảo (tờ 187a) hình tròn⁽¹⁾ theo kiểu niên hiệu trước, nhưng phần nhiều không thành, cho nên lại phải đúc loại tiền "gián" mới bằng kẽm, để ban bố cho các xứ tiêu dùng.

Tháng 2, Đấng Dung phong cho bảy tôi là Nguyễn Quốc Hiến làm phò mã đô úy Thái bảo Lâm quốc công, và cho đổi là họ Mạc; Mạc Quốc Trinh làm Thái sư Lân quốc công; Mạc Đình Khoa làm Tả đô đốc Kiêm quốc công; Mạc Bang Hộ tức Vũ Hộ làm Thái bảo Tĩnh quốc công; Nguyễn Thị Ung làm Thiếu bảo Thông quốc công; cho bọn Khuất Quỳnh Cửu tước Thuần Khê hầu; Nguyễn Bình Đức tước Khánh Khê hầu; Phạm Gia Mô tước Hoàng Lễ hầu; Phan Đình Tá tước Lan Xuyên bá;

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "hình tròn", theo các bản B, D, H, và LML.

Nguyễn Văn Thái tước Đạo Xuyên hầu; Nguyễn Mậu tước Văn Đạt bá; Hà Cảnh Đạo tước Sùng Lễ bá; Mạc Ích Trưng tước Nghi Xuyên bá; Nguyễn Tuệ tước Hưng Giáo bá; Nguyễn Dịch tước Lộc Hiến hầu; Phạm Chính Nghị tước Văn Trường bá; Nguyễn Chuyên Mỹ tước Văn Đẩu hầu; Nguyễn Độ tước Hà Phần bá⁽¹⁾; Lê Quang Bí tước Tô Xuyên hầu; Nguyễn Điển Kính tước Văn Ninh hầu; và bọn Nguyễn Hậu Liêm chức trung quan chưởng giám. Tất cả có 56 người đều (từ 187b) được thăng trật và phong tước theo thứ bậc khác nhau.

Đặng Dung do cướp ngôi mà được nước, cho nên sợ nhà Minh hỏi tội, bèn sai sứ thần sang Yên Kinh dâng biểu nói: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự, cho nên di chúc cho đại thần họ Mạc tạm quản việc nước, để yên nhân dân. Người Minh biết đó là giả dối, không tin, bèn mật sai người sang thăm dò tin tức, gạn hỏi căn do. Đặng Dung cùng bọn bày tội thường bày đặt lời lẽ để đối đáp, lại dùng vàng bạc đút lót những viên tướng nhà Minh giữ biên thủy, để nhờ họ che chở.

Tháng 2, Bích Khê hầu Lê Công Uyên, người huyện Lô Dương, là cháu viên công thần cũ Lê Văn Linh, cùng với Nguyễn Ngã, Nguyễn Thọ Trường, cùng khởi nghĩa binh, đánh vào cửa Chu Tước, bị thua, chạy vào Thanh Hoa, rồi chiêu tập dân chúng, dựng cờ chiêu an. Nhưng ra quân không có niên hiệu gì cả. Đặng Dung sai quân đến đánh. Dục Nghĩa hầu Lê Thiệu người châu Thuý Thuận, sai thủ hạ ngầm giết Công Uyên, các tướng Văn Thông bá và Thái Sơn bá đều tan vỡ. Xứ Thanh Hoa và

⁽¹⁾ Bản D và LML là Hà Ngung bá.

xứ Nghệ An (từ 188a) bị nạn binh hoả liên mấy năm, nhân dân lưu tán, ruộng vườn bỏ hoang.

Mùa đông, tháng 10, sau khi đã tạm ổn định, Đăng Dung cho là pháp luật lỏng lẻo, bèn sai bọn Quốc Hiến họp bàn đổi định phép binh, phép điền, phép lộc; đặt 4 vệ Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y, Kim ngô; các vệ, sở nội ngoại trong 5 phủ; đặt tên các ty, sở thuộc; tên quan chức và viên số trong các nha môn, theo như quan chế triều trước, y lệ biên chép bổ sung cho đủ. Lấy trấn binh xứ Hải Dương thuộc vào (vệ Hưng quốc, trấn binh xứ Sơn Nam thuộc vào vệ Chiêu vũ, trấn binh xứ Sơn Tây thuộc vào⁽¹⁾) vệ Cẩm y, trấn binh xứ Kinh Bắc thuộc vào vệ Kim ngô, chia bổ các Ty, mỗi Ty đặt 1 viên chỉ huy sứ, 1 viên chỉ huy đồng tri, một viên chỉ huy thiêm sự, 10 viên trung hiệu, 1100 trung sĩ. Số lính này chia làm 22 phiên, thay phiên túc trực. Như trung sĩ nào có công lao thì được thăng bổ các chức: Thiên hộ, Thống chế, Quản lĩnh và Trung uý. Mỗi vệ đặt 1 viên (từ 188b) thư ký, dùng hạng ký lục xuất thân, như bổ các chức thủ lĩnh mục dân. Lính trung sĩ chiếu theo lệ chia thành phiên, mỗi phiên chia làm 5 giáp, mỗi giáp đặt 1 viên giáp trưởng, quan đầu ty chọn trong hàng trung hiệu, lấy người xứng đáng làm bản kê đưa lên để thăng bổ.

Năm Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529), hai anh em Trịnh Ngung và Trịnh Ngang, là cựu thần nhà Lê, chạy sang triều Minh tố cáo Đăng Dung cướp nước, và xin viện binh để đánh dẹp. Vì Đăng Dung hối lộ bấy tôi nhà Minh ở nơi biên thủy để cầu ngăn trở, nên việc

⁽¹⁾ Bản A và bản LML bỏ sót đoạn trong móc, theo bản B, D, H và Toàn thư.

không thành công, hai ông đều chết già ở đất Thanh Hoa.

Hữu vệ Điện tiền tướng quân An Thanh hầu Nguyễn Kim⁽¹⁾ ở Thanh Hoa, là em Nguyễn Hoàng Dụ, một vị vốn có danh vọng, đem con em chạy sang nước Ai Lao, có chí mưu đồ khôi phục.

Tháng 3, Đăng Dung mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Đỗ Tông⁽²⁾, cộng 27 người trúng tuyển.

Tháng 12, Đăng Dung thấy nhân tâm trong nước chưa yên, bèn truyền ngôi cho con là Đăng Doanh, rồi tự xưng là Thái (tờ 189a) thượng hoàng, ra ở điện Tường Quan.

Năm Canh Dần (1530), tháng giêng, ngày Đinh Hợi mồng 1, Đăng Doanh tiếm hiệu Hoàng đế, ban lệnh đại xá thiên hạ, đổi năm ấy làm niên hiệu Đại Chính thứ nhất, nguy tôn Đăng Dung làm Thái thượng hoàng, dựng điện nguy nga để Đăng Dung ở, mỗi tháng vào ngày mồng 8 và ngày 22, Đăng Doanh dẫn quần thần tới điện triều yết.

Đăng Dung về Cổ Trai ở, là để trấn vững nơi căn bản, và làm ngoại viện cho Đăng Doanh, nhưng vẫn định đoạt các việc quốc gia trọng đại.

Soạn 59 điều Cáo ban hành.

Chưa bao lâu, Lê Ý là con công chúa An Thái, khởi binh ở châu Gia⁽³⁾, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, nhân dân đều hưởng ứng.

⁽¹⁾ Bản A chép theo cách xưng hô của nhà Nguyễn: gọi Nguyễn Kim là "Triệu tổ Tĩnh hoàng đế triều ta" (ngà Triệu tổ Tĩnh Hoàng đế). Bản B, bản LML gọi thẳng tên Nguyễn Kim, bản H có dòng chữ son viết kẹ vào cũng chừa theo như bản A. Bản D chép lầm chữ "Kim" ra chữ "Đô".

⁽²⁾ Bản A chép lầm là Đỗ Thái, theo bản B, D, H, LML và Toàn thư.

⁽³⁾ Gia: tức châu Quan Gia, sau là châu Quan Hoá tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 4, Đãng Dung đích thân đốc mấy vạn thủy lục quân đánh Lê Ý ở sông Mã, qua mấy trận đều bị thua, bèn lui quân về Đông Kinh.

Đãng Doanh lại dẫn binh vào Thanh Hoa, đánh Lê Ý ở Động Bàng, bị thua to, bèn kéo quân về, lưu Mạc Quốc Trinh ở lại chống cự với Lê Ý. Quốc Trinh biết Lê Ý cậy thắng trận luôn, không phòng bị, bèn tuyển quân đánh úp, phá tan doanh trại, bắt được Lê Ý, đem về Đông Kinh giết chết.

Mùa xuân năm Tân Mão (tờ 189b) (1531), An Thanh hầu Nguyễn Kim⁽¹⁾ dẫn quân từ nước Ai Lao về Thanh Hoa, Đãng Dung sai quân đi đánh, bị thua to.

Mùa xuân năm Quý Tỵ (1533), các cựu thân nhà Lê: An Thanh hầu Nguyễn Kim, Lý quốc công Trịnh Duy Thuân, Phúc Hưng hầu Trịnh Duy Duyệt và Tả đô đốc Trịnh Duy Liệu, dựng vua Trang Tông lên ngôi vua tại nước Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hoà. Quốc thống phân minh, danh nghĩa chính đáng. Sau khi phong các tướng, vua sai Duy Liệu vượt biển sang nhà Minh, tâu cáo tội trạng của Đãng Dung, và xin nhà Minh đánh dẹp. Duy Liệu là người có tiết tháo, giỏi văn chương, soạn tờ tâu kể hết tội tiếm nghịch của Đãng Dung. Ông lại tự ví như Thân Tư, Dự Nhượng và Trương Lương⁽²⁾, lời lẽ rất

⁽¹⁾ Bản A viết là "ngã Triệu tổ" (Triệu tổ triều ta).

⁽²⁾ Thân Bao Tư bầy tôi nước Sở thời Chiến Quốc. Khi nước Sở bị Ngũ Tử Tư dẫn quân nước Ngô đánh phá đô thành, vua Sở phải chạy, rất nguy ngập. Bao Tư sang Tần cầu cứu, vua Ai Công nước Tần do dự không muốn xuất quân, Bao Tư bèn quỳ tại sân triều, gào khóc thảm thiết, ròng rã 7 ngày không hề ăn uống. Vua Tần cảm động, sai tướng dẫn quân cứu nước Sở, nước Ngô phải lui quân.

• Dự Nhượng, gia thần của Trí Dao là tước bá nước Tấn thời Chiến Quốc.

lâm ly bị đất! Vua Minh nhận tờ tấu, giao xuống đình nghị, định cất quân sang hỏi tội Đãng Dung.

- Trương Lương, tổ phụ 5 đời làm tướng nước Hàn. Sau khi nước Hàn bị nước Tần diệt, Trương Lương bán hết gia tài để mộ lực sĩ, đón giết vua Tần Thủy Hoàng trong khi đi qua đất Bắc Lãng. Nhưng lực sĩ chỉ đập tan cái xe giả dạng, vua Tần thoát nạn. Trương Lương lại theo Hán Cao Tổ, bày mưu đánh phá nước Tần, báo thù cho vua nước Hàn.

Đãng Dung được tin đó, liền sai người trong đảng là Phạm Chánh Nghị mang tờ thư đến tỉnh Vân Nam. Trong thư đại ý nói:

Trước kia, Quốc vương tôi là Lê Trửu bị tên nghịch thần Trần Cao giết, không có con trai, Đãng Dung cùng người trong nước dựng em Trửu là Huệ lên ngôi vua, Huệ lại bị gian thần Đỗ Ôn (tờ 190a) và Trịnh Tuy dụ dỗ đưa vào Thanh Hoa, Đãng Dung bèn dựng em Huệ là Khoáng lên ngôi, rồi vào Thanh Hoa đón Huệ về. Sau Huệ và Khoáng đều chết bệnh, họ Lê không có con nối. Khi Khoáng sắp chết, có bàn với quần thần rằng: "Cha con Đãng Dung, đều có công với nước, vậy giao ấn tín cho y để giữ nước". Bởi thế cả nước suy tôn Đãng Dung lên ngôi

Sau khi Trí Dao bị Triệu Vô Tuất giết chết luôn cả 3 họ, Dự Nhượng bèn thay đổi họ tên, thủ một con dao nhọn, trà trộn vào đám quân hầu trong dinh họ Triệu, ẩn trong phòng vệ sinh, định giết Vô Tuất. Vô Tuất bắt được, vặn hỏi. Dự Nhượng nói thực là định trả thù cho Trí Dao. Vô Tuất cho là nghĩa sĩ, tha cho về. Nhưng Dự Nhượng vẫn chưa thoải chí, lại cạo đầu; bôi sơn vào mình, làm hình dạng người hủi; nhai nuốt than cho khỏi nhận ra tiếng quen thuộc, rồi đến phục trong cầu Xích Kiều. Khi Vô Tuất đến khánh thành cầu, lại bắt được. Hình dạng tuy biến đổi, Vô Tuất vẫn nhận ra được, sai lính chém đầu.

vua. Sở dĩ không dâng biểu xưng thần và nộp cống hiến, là vì: Năm trước thì bị Trần Thăng chiếm cứ tỉnh Lạng Sơn, nghẽn đường không qua được; về sau lại bị các quan giữ cửa ải của thượng quốc, đóng cửa không cho qua. Còn như Lê Ninh, là con của tên loạn thần Nguyễn Kim, mạo xưng họ Lê, chứ không phải là con trai của Huệ. Nguyên do là như thế.

Viên tướng trấn thủ của nhà Minh là Mộc Triều Phụ chuyển đạt lời trên lên vua Minh, triều đình nhà Minh cho lời đó là dối trá, không đúng sự thực. Còn đạo quân của tướng Cửu Loan, tuy đã kéo đến biên giới nước ta, nhưng vẫn do dự chưa tiến.

Năm Kỷ Hợi, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 7 (1539), tháng 5 ngày Canh Ngọ, mẹ Đặng Dung là Đặng thị chết, thọ 82 tuổi. Sùng An vương Mạc Nhân Trí coi việc hộ tang, Đặng Dung để tang 3 năm. Đặng Doanh và quần thần đều để tang (từ 190b) 1 năm, người trong kinh thành và trong ấp thang mộc đều để tang 100 ngày, toàn dân thiên hạ để tang 27 ngày. Đó là theo phép đời xưa vậy. Ngụy tôn tên thụy bà ta là "Chiêu từ Sùng hựu Hiến thành hoàng thái hậu", ngày Bính Ngọ tháng 9 làm lễ an táng, phần mộ gọi là Thuy lăng.

Năm Canh Tý, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 8 (1540) tức niên hiệu Đại Chính thứ 11 nhà Ngụy Mạc, ngày Mậu Ngọ tháng giêng, Đặng Doanh chết, Đặng Dung lại trở về Đông Kinh, dựng cháu nội là Phúc Hải lên nối ngôi vua.

Sợ nhà Minh đem quân đánh, Đặng Dung mật sai người hối lộ viên tướng giữ châu Liêm là Trương Nhạc. Trương Nhạc yêu cầu xin cắt đất nộp nhà Minh và bỏ đế hiệu.

Viên tham chính nhà Minh là Vạn Đạt, sai bọn Vương Lương Phụ đem tờ sức đòi Đặng Dung phải đích thân đến cửa quân, nộp đất dựng mốc; bỏ đế hiệu đã tiếm xưng, và vâng lĩnh lịch, theo đúng ngày tháng của Trung Quốc.

... Năm Tân Sửu (1541), tháng 8 ngày Nhâm Tuất, Đặng Dung bị bệnh, Phúc Hải sai Thái bảo Bàn quốc công Đặng Văn Trị, Thái bảo Dương quốc công Đặng Côn Cẩn, và Thiếu bảo Liêm quận⁽¹⁾ công Mạc Ninh Bang tới Cổ Trai hầu bệnh, rồi Phúc Hải cũng đích thân vào thăm.

Khi Đặng Dung bệnh nặng, truyền mệnh Phúc Hải phải kíp về kinh sư, để trấn an nhân tâm, và coi xã tắc là trọng. Phúc Hải bèn trở về kinh sư. Ngày 22, tức ngày Ất Hợi⁽²⁾, Đặng Dung chết, tiếm ngôi vua 3 năm (từ 191b) truyền ngôi rồi ra ở ngoài 12 năm, thọ 59 tuổi. Có di chúc: không làm đàn chay cúng Phật⁽³⁾.

Ngày Mậu Dần, ở kinh sư nhận được tin báo tang, Phúc Hải dẫn quần thần đến điện Quảng Đức, sai Sùng An vương Mạc Nhân Trí làm Tổng hộ sứ⁽⁴⁾, Tả đô đốc Kỳ quận công Mạc Ninh Nghệ làm phó, Lương quận công Phạm Kim Bảng làm Sơn lăng sứ, Tổng thái giám Vũ Cảnh Hành làm phó.

Tháng 9, ngày Mậu Thân, Phúc Hải sai Thái úy Trung Quốc công Mạc Như Quế, Thái bảo Dương quốc công Đặng Côn Tín vào phụ chính. Đông các đại học sĩ

⁽¹⁾ Bản D, LML là quốc công.

⁽²⁾ Bản A chép là Ất Dậu, theo bản B, D, H và LML.

⁽³⁾ Bản D, LML chép là "cụ tác phật sự" (có làm đủ lễ Phật).

⁽⁴⁾ Bản D, LML là tổng đốc sứ.

Thiếu bảo Liêm quận công Mạc Ninh Bang dâng tờ sách đặt nguy thủy Đăng Dung là "Nhân minh Cao hoàng đế", miếu hiệu là Thái Tổ. Tháng 10 ngày Canh Thân, an táng tại Long Sơn, mộ hiệu là An lăng. Lại sai Hình bộ Thượng thư Ngô Miếu Thiệu, Thị thư là Giáp Hải soạn văn bia.

Mạc Ninh Nghệ và Mạc Như Quế đều là tướng của vua Chiêu Tông, vì thờ Đăng Dung nên đều đổi ra họ Mạc.

Còn Mạc Ninh Bang tức là Nguyễn Bình Đức⁽¹⁾ (tờ 192a), đỗ khoa Giáp Tuất thời Hồng Thuận. Khi thiếu thời, Bình Đức chơi với Đăng Dung rất thân, đến khi làm chính trị, ngầm giúp nhiều mưu kế về việc thoán nghịch cho Đăng Dung, nên Đăng Dung rất sủng ái tin dùng. Sau bị quyền thần⁽²⁾ giết.

Bọn Miễn Thiệu soạn văn bia, nhiều câu xưng tụng quá đáng.

Sau Bình An vương giúp vua Thế tông Nghị hoàng đế khôi phục kinh sư, giết hết bọn nguy đảng; đem quân phá hết cung điện ở Cổ Trai; huỷ bia đá ở mộ; chặt hết cây trồng trong lăng. Đó là tỏ sự truy phạt vậy.

Đăng Dung có 10 con trai, con trưởng tức là Đăng Doanh, con thứ 2 là Chính Trung, nguy phong Hoàng vương, thứ 3 là Phục Sơn, nguy phong Định vương, thứ 4 là Nhân Phủ, phong Khang vương, thứ 5 là Quang Khải, phong Quảng vương, thứ 6 là Nhân Quảng, thứ 7 là

⁽¹⁾ Bản A chép là Nguyễn Khang Đức - sai.

⁽²⁾ Bản A chép là quần thần, theo các bản B, D, H và LML.

Đại Độ⁽¹⁾, 2 người này đều còn nhỏ tuổi, chưa được phong tước. Con gái là Ngọc Thộ tiếm phong Thụy Ninh công chúa, Ngọc Châu tiếm phong Thái An công chúa, còn Ngọc Quang và Ngọc Tư đều còn nhỏ tuổi chưa được phong tước. Các con trai là Gia Vương, Đại Dụng, cùng con gái là Hồng Ngọc, Đoan Túc và Ngọc Lan thấy đều chết non.

⁽¹⁾ Bản *LML* là "Đại Khánh", bản *D* là "Đại Độ".

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

[từ 193a]

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỆN ĐỀ...

THẦN ĐÔN soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN (HỌ MẠC)

2. MẠC ĐĂNG DOANH

Đăng Doanh là con trưởng của Đăng Dung, buổi đầu thời Quang Thiệu, được phong tước Dục Mỹ hầu, giữ điện Kim Quang, khi Đăng Dung cướp ngôi vua, được dựng làm Thái tử. Sau khi Đăng Dung tiếm ngôi được 3 năm, vì sợ nhân tâm chưa ổn định, bèn truyền ngôi cho. Năm Canh Dân (1530) tháng giêng, ngày mồng một là ngày Đinh Hợi, Đăng Doanh tiếm ngôi vua, đổi niên hiệu là Đại Chính, tôn bà nội Đăng thị làm Hoàng thái hậu; Đăng Dung làm Thái thượng hoàng.

Lúc này, Lê Ý con trai An Thái công chúa, khởi binh

⁽¹⁾ Bản A chép là *Tiền triều thông sử*, quyển 31.

ở Da Châu⁽¹⁾, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, hiệu triệu tướng sĩ trong các xứ Thanh Hoa, Nghệ An, hợp binh đánh giặc (Đặng Doanh). Đặng Dung đích thân cầm quân đánh Lê Ý ở sông Mã (từ 193b), mấy trận đều thua, phải kéo trở về.

Ngày 23 tháng 8, Đặng Doanh vào Thanh Hoa, hội binh ở sông Hoàng Hoá, rồi chia làm 2 đạo, sai Mạc Quốc Trinh lĩnh đạo chiến thuyền tiến trước, bị Lê Ý đánh phá, Đặng Doanh lại đốc thúc các tông thất nhà Mạc tiến binh tới Động Bàng, Lê Ý đón đánh phá tan, quân Mạc bị bắt rất nhiều. Đặng Doanh bèn lui binh cố thủ.

Mùa đông, tháng 11, Đặng Doanh để Quốc Trinh ở lại cầm cự với Lê Ý, rồi trở về Kinh sư, Lê Ý cậy thắng trận luôn, không phòng bị, lui về Da Châu, bị Quốc Trinh bắt được, giải về Kinh sư giết chết.

Tháng 12, cựu thân của nhà Lê là An Thanh hầu Nguyễn Kim⁽²⁾, nhân lánh loạn sang ở châu Sầm Thượng, Sầm Hạ bên nước Ai Lao, chiêu tập các người trung nghĩa, nuôi dưỡng binh tướng, gồm vài nghìn người, 30 con voi và 300 con ngựa. Đến đây, theo thỉnh cầu của các tướng, bèn dẫn quân về kinh lược xứ Thanh Hoa. Ông đóng quân ở Lôi Dương, bị phục binh của Ngọc Trục hầu là tướng của Đặng Doanh đánh phá tan.

Thời ấy, cha con Đặng Doanh do thoán nghịch (từ 194a) cướp nước, cho nên hào kiệt phần nhiều không phục. Lê Ý tuy bị thất bại, nhưng rất nhiều thổ tù các nơi

⁽¹⁾ Bản A chép là Lang Châu, theo bản B, D, H và LML.

⁽²⁾ Bản A chép là "Ngã Triệu tổ" (Triệu tổ triều ta) từ đây trở xuống các chỗ có tên nói đến Nguyễn Kim, bản A đều chép như thế.

khởi binh, Nguyễn Kim đóng ở nước Ai Lao: Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chiếm cứ xứ Thái Nguyên; Vũ Văn Uyên chiếm cứ xứ Tuyên Quang, các tướng này đều nêu danh nghĩa phục quốc. Suốt một dải ven núi các xứ Thanh, Nghệ, Tuyên, Hưng, đều không theo lệnh họ Mạc.

Mùa xuân năm Tân Mão (1531), Đăng Doanh sai tướng Tây⁽¹⁾ quốc công Nguyễn Kính vào đánh Nguyễn Kim ở xứ Thanh Hoa, Nguyễn Kim đón đánh phá tan quân Nguyễn Kính, rồi chia tướng sĩ đóng các huyện. Nguyễn Kính lại đánh vào Đông Sơn, Nguyễn Kim lại đánh phá được, vừa chém giết, vừa bắt sống được mấy trăm quân, rồi dẫn quân ra Gia Viễn, Diêm Độ chiêu dụ và chiếm đất⁽²⁾.

Mùa thu, tháng 9⁽³⁾ năm ấy, trời đổ mưa nhiều, nước sông dâng tràn, họ Mạc dùng chiến thuyền tiến đánh, quan quân tán loạn, thế không thể cố thủ, Nguyễn Kim lại trở về Ai Lao, để dưỡng sức đợi thời, Đăng Doanh cũng không dám tiến sâu vào nữa. Lúc này xứ Thanh Hoa bị đói to, một đấu gạo phải mua với giá một tiền (60 đồng tiền kẽm).

Có người ở Sơn Đông là Hùng Sơn (từ 194b) hầu, lại đem mấy trăm con em vào xứ Thanh Hoa, dựng trại chiếm cứ, được mấy tháng thì Đăng Doanh sai tướng vào đánh, đóng trại ở thôn⁽⁴⁾ Ngọc Huân. Hùng Sơn hầu chết bệnh, quân đều tan rã.

⁽¹⁾ Bản *LMI* chép là Đăng quốc công.

⁽²⁾ Bản *A* chép là Mường Độ, bản *B*, *H* chép là Diêm Độ (có lẽ là bến đò Diêm ở huyện Gia Viễn ngày nay), bản *D* chép là "chiêu *biển* lược địa" (?).

⁽³⁾ Bản *D*, *LMI* là tháng 7.

⁽⁴⁾ Nguyên văn là "xá ư Ngọc Huân thôn". chữ xá có lẽ là doanh trại.

Mùa xuân năm Nhâm Thìn (1532). Đãng Doanh mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Nguyễn Thiến gồm 27 người trúng tuyển.

Đãng Doanh thấy trong nước còn nhiều trộm cướp, bèn ra lệnh cấm nhân dân các xứ, không được mang gươm giáo, dao nhọn và các đồ binh khí đi ngoài đường. Nếu kẻ nào trái lệnh, cho pháp ty bắt trị tội. Từ đấy, những người đi buôn bán chỉ đi tay không, không phải đem khí giới tự vệ, trong khoảng mấy năm, trộm cướp biệt tăm, súc vật chăn nuôi, tới đến không phải dón vào chuồng, cứ mỗi tháng một lần kiểm điểm thôi. Mấy năm liền được mùa, nhân dân bốn trấn đều được yên ổn.

Mùa đông tháng 10, Đãng Doanh dùng trung quan Trung Hậu hầu làm đại tướng quân, lãnh binh thống quản tất cả binh dân 3 phủ và quan 3 ty trong xứ Thanh Hoa, toàn quyền tổng trấn một phương. Tây An bá Lê Phi Thừa gièm rằng:

"Châu Ái (Thanh Hoa) là một nơi núi sông (từ 195a) hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương đầy đủ. Quyền hành không nên để một người nắm giữ. Nếu người bấy tôi được chuyên quyền, tất sẽ dẫn tới họa loạn. Nay đem nơi trọng địa đó giao phó cho một người tổng quản, nếu xảy ra biến cố, sợ khó bề chế ngự, mà nơi đó sẽ không còn là của triều đình nữa. Xin xét kỹ lại, đừng để hối hận về sau".

Đãng Doanh bèn chia xứ Thanh Hoa làm đôi, giao 7 huyện; Thụy Nguyên⁽¹⁾, An Định, Vinh Phúc, Đông Sơn, Thạch Thành, Cẩm Thủy và Quảng Bình⁽²⁾ cho Phi Thừa

⁽¹⁾ *Thụy Nguyên*: nay là huyện Thiệu Hoá tỉnh Thanh Hoá.

⁽²⁾ *Quảng Bình*: nay là vùng Tây Bắc huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá.

quản thống, cùng với Trung Hậu hầu khống chế lẫn nhau. Sau khi Phi Thừa được bình quyền, lại càng kiêu căng phóng túng.

Tháng này có sao Chối xuất hiện ở phương Đông.

Đặng Doanh dùng An Bang Thừa chính sứ Trần Phi làm Lại bộ Tả thị lang.

Tháng 12, An Thanh hầu Nguyễn Kim và cựu thần triều Lê là Lý quốc công Trịnh Duy Thuận, Phúc Hưng hầu Trịnh Duy Duyệt, Tả đô đốc Trịnh Duy Liệu⁽¹⁾, dựng con trưởng vua Chiêu Tông lên ngôi vua ở nước Ai Lao (tức là vua Trang Tông).

Mùa xuân năm Quý Ty (1533), vua Trang Tông lên ngôi Hoàng đế ở sách Thuý Thuận, đặt niên hiệu là Nguyên (*từ 195b*) Hoà năm thứ nhất, phong tước cho các tướng, luyện binh để mưu đồ khôi phục. Sai Trịnh Duy Liệu sang nhà Minh xin quân.

Năm ấy, Hiệu úy Nguyễn Nhân Liễn⁽²⁾ khởi binh ở Thuận Hoá, Đặng Doanh sai tướng đánh, nhưng không được.

Năm Giáp Ngọ, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 2 (1534), vua Minh sai Hàm Ninh hầu Cửu Loan và Bình bộ Thượng thư Mao Bá Ôn, dẫn quân đến biên giới nước ta, tuyên bố là đến đánh họ Mạc. Đặng Doanh rất sợ. Liên tu sửa trại sách, luyện tập thuỷ quân; trưng cầu hết thầy các cựu thần lão tướng để cùng bàn việc nước; phục chúc

⁽¹⁾ Bản A thiếu tên An Thanh hầu Nguyễn Kim, bản D và LML thiếu tên Trịnh Duy Duyệt và Tả đô đốc Trịnh Duy Liệu.

⁽²⁾ Bản D, LML là Nguyễn Nhân Tị.

cho Thái bảo Vũ Hộ làm Tây quân Tả đô đốc Chuông phủ sự, với tới triều đình bàn luận chính sự. Tháng 9 năm ấy, Vũ Hộ bị bệnh chết.

Mùa xuân năm Kỷ Mùi, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 3 (1535), Đãng Doanh mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Nguyễn Bình Khiêm cộng 32⁽¹⁾ người trúng tuyển.

Mùa xuân năm Bính Thân, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 4 (1536), Đãng Doanh sai Đông quân Tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa tu sửa lại trường Quốc Tử giám.

Tháng giêng, mùa xuân năm Đinh Dậu, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 5 (1537), Đãng Doanh đến trường Thái học làm lễ Thích điện tế tiên thánh, tiên sư.

Mùa hạ, tháng 4, có trận gió bão (*từ 196a*), làm đổ gãy cây, tốc mái nhà, nước biển dâng tràn, rất nhiều người và súc vật chết đuối.

Trần thủ Thanh Hoa Tây An hầu Lê Phi Thừa đánh phá tam ty nhà Mạc, rồi sang Ai Lao quy thuận hoàng đế (vua Lê), được thăng tước Tây quận công.

Mùa xuân năm Mậu Tuất, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 6 (1538), Đãng Doanh mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Giáp Hải cộng 36 người trúng tuyển. Bỏ Trần Phỉ làm Thượng thư bộ Lễ⁽²⁾, kiêm Thừa tuyên sứ Hưng Hoá. Tuyển trai tráng sung vào ngạch quân.

Lúc bấy giờ, triều Minh tuy có hạ chiếu sai tướng sang hỏi tội họ Mạc, nhưng vẫn còn chần chừ để xem xét,

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là "22 người".

⁽²⁾ Bản *D*, *LML* sót chữ bộ Lễ.

thực ra chưa dám phát binh, chỉ hư trương thanh thế để đe dọa thôi. Cha con Đặng Doanh rất sợ, không biết làm thế nào. Sai Nguyễn Văn Thái đem tờ biểu đến Quảng Tây xin hàng, tình nguyện theo lệnh triều Minh phân xử, lời lẽ rất là thảm thiết! Lại hối lộ rất hậu các quan 3 ty thuộc Lương Quảng và các tướng hiệu dưới quyền họ, các quan trấn thủ châu Khâm, châu Liêm. Các viên này nhận hối lộ, hứa sẽ chuyển tâu về triều đình xin tha cho. Bởi thế thời kỳ tiến quân được tạm hoãn.

(Mùa xuân năm Kỷ Hợi, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 7 (1539), vua Trang Tông phong Đại tướng (từ 196b) quân Dục Nghĩa hầu Trịnh Kiểm, tước Dục quận công. Dục Nghĩa hầu người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc⁽¹⁾, có tài lược anh hùng và sức khoẻ hơn người, theo Thái sư Nguyễn Kim đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công. Nguyễn Kim thấy ông có tài, bèn gả con gái cho. Đến đây Hoàng đế phong cho tước công, coi là một đại tướng tâm phúc. Công nghiệp trung hưng bắt đầu từ đây.

Vua lại phong tước cho các tướng: phong tước Tuyên quận công cho Trịnh Công Năng, Hoà quận công cho Lại Thế Vinh, Thụy Sơn hầu cho Hà Nhân Chính. Ngoài ra như: Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trấn quận công, Tây quận công, Dương quận công và Bảo quận công, mỗi vị đều được ban một quả ấn tướng quân. Sai họ đem quân bản bộ chia đường tiến binh, thanh thế rất hùng dũng! Đánh vào vùng Lôi Dương, nơi nào quân Đặng Doanh cũng bị thua)⁽²⁾.

⁽¹⁾ Bản A chép là Lê Phúc, sửa theo bản B, D, H và LML.

⁽²⁾ Bản B, H bị sót một đoạn trong dấu móc từ chữ "mùa xuân"... đến "bị thua", theo bản A, D, và LML.

... Đãng Doanh cho Trần Phỉ làm Thượng thư bộ Lễ; phong cho Lê Bá Ly tước Khiêm quận công. Bá Ly nguyên quán xã Cổ Phạm hạt Đông Sơn, đến ở tại làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, nổi tiếng là người tài dũng, khi làm quan dưới thời vua Chiêu Tông, được phong tước Mai Xuyên bá, là bạn thân cũ với Đãng Dung. Khi Đãng Dung tiến ngôi, sai Bá Ly giữ vệ Kim ngô, tiến phong tước hầu, lại gả cho em gái là Lương Thượng công chúa. Đến đây Đãng Doanh càng thêm tín nhiệm Bá Ly, thăng cho chức Đông quân đô đốc, tước quận công.

Mùa hạ, bị nạn đại hạn. Mùa đông, tháng 10 động đất.

Năm Canh Tý, niên hiệu Nguyên Hoà tháng 8 (1540), tức là niên hiệu Gia Tĩnh thứ 19 triều Minh, mùa xuân, tháng giêng, ngày 25 là ngày Mậu Ngọ, Đãng Doanh chết, tiến vị 11 năm, Đãng Dung dựng con Đãng Doanh là Phúc Hải lên ngôi, nguyên đặt tên thụy cho Đãng Doanh là "Thái Tông Khâm triết Văn hoàng đế". Có 7 con trai, con trưởng là Phúc Hải, thứ 2 Phúc Tư, nguyên phong Ninh vương, thứ 3 Kính Diển, nguyên phong Khiêm vương, thứ 4 Lý Tường⁽¹⁾, thứ 5 Lý Hoà, thứ 6 Hiệp Cung⁽²⁾, thứ 7 Đôn Nhượng nguyên phong Ứng vương.

3. MẠC PHÚC HẢI (từ 200a)

Phúc Hải là con trưởng của Đãng Doanh, trước tên là Đức Nguyên, nguyên lập làm Hoàng thái tử, tiến ngôi vào

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* là Lý Thiển.

⁽²⁾ Bản *D* và *LML* là Hiệp Thái.

tháng 2 năm Nguyên Hoà thứ 8 (1540), đổi năm Tân Sửu làm năm Quảng Hoà thứ nhất (1541), phong Lê Bá Ly làm Phụng quốc công.

Năm Tân Sửu, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 9 (1541), mùa xuân, Phúc Hải mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Nguyễn Kỳ gồm 30 người trúng tuyển.

Mùa thu, tháng 8, ngày Ất Hợi, Đặng Dung chết ở Cổ Trai, Phúc Hải đưa linh cữu an táng tại Long Sơn, nguyên xưng là An lăng.

...

Tháng 9, Lại bộ Tả thị lang Trình Tuyên hầu⁽¹⁾ Nguyễn Bình Khiêm xin trí sĩ, để về làng hưu dưỡng điền viên. Phúc Hải ưng cho.

Năm Nguyên Hoà thứ 11 (1543), mùa xuân, vua Trang Tông thân chinh đánh Phúc Hải, lấy được Tây Đô, phá tan quân cánh của nguy Hoàng vương Mạc Chính Trung, Tổng trấn Thanh Hoa đại tướng quân Trung Hậu hầu dẫn quân đầu hàng.

Mùa hạ, tháng 5, Phúc Hải bổ nhiệm Trần Phỉ chức Thượng thư bộ Lễ.

Thiếu sư Mạc Ninh Bang xin bàn định phép cấp lộc điền cho hiệu sĩ như sau:

"Năm Quảng Hoà thứ 3, đã ra lệnh: Xã nào ngoài số ruộng đất tư, mà có ruộng quan và ruộng chùa, thì tùy theo số ruộng đó, chiếu cấp: hạng nhất trung hiệu mỗi người 2 phần ruộng; hạng nhất trung sĩ mỗi người 2 phần ruộng (*tờ 212a*). Xã nào không có ruộng thì mỗi người 1

⁽¹⁾ Bản *LML* là Trình Xuyên hầu - sai.

phần. Như xã nào tuy số ruộng nhiều đáng được 2 phần, thì 2 phần ấy cũng không được quá 2 mẫu, rồi tùy theo cấp bậc giảm dần, còn bao nhiêu ruộng sẽ theo nhân số trong xã mà chia đồng đều.

Như vậy đủ thấy triều đình ưu đãi trung hiệu, trung sĩ rất hậu. Nhưng hạ thần thiết nghĩ: trong bọn trung hiệu, trung sĩ, tất nhiên có kẻ hăng hái, có kẻ lười biếng, đâu có nhất luật như nhau, thế mà cấp phát ruộng đất một cách đồng đều không phân biệt, thì sao có thể khuyến khích lòng người được.

Vậy xin cho các quan tướng bản doanh, ra lệnh cho các quan bản huyện lấy công tâm lựa chọn bảo cử người nào tinh tráng khoẻ mạnh và thiện chiến, làm hạng nhất, chia loại, lấy thực số làm thành sổ cấp điền. Đồng thời các quan phủ huyện xã trưởng chiếu theo sổ cấp điền nói trên mà lập làm quyển sổ thứ hai, rồi đem ruộng nhất đẳng cấp cho hạng này trước, để khuyến khích chiến sĩ".

Phúc Hải nghe theo.

Niên hiệu Nguyên Hoà thứ 12 (1544) mùa xuân, Phúc Hải (tờ 212b) mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Vũ Kính 17 người trúng tuyển.

Niên hiệu Nguyên Hoà thứ 13 (1545), thưởng công đi sứ nhà Minh, phong Trần Phỉ tước Vinh Dự tử, các người khác trong phái bộ sứ thần này, cũng đều được phong.

Lúc này, vua Trang Tông tự làm tướng cầm quân đánh Phúc Hải, đóng quân tại hạt Yên Mô, Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim bị hàng tướng Trung Hậu hầu bỏ thuốc độc chết. Trung Hậu hầu liền trốn đi, rồi lại trở về với Phúc Hải.

Tháng 8, Phúc Hải sai tướng là Thái tử Ninh quốc công, xuất quân ngũ phủ và các trấn, thừa cơ vào đánh cướp doanh trại của vua. Khi chúng đến bến sông Phù Chấn, vua bèn thân chinh, Đế thống ngự doanh Dục quận công Trịnh Kiểm⁽¹⁾ đốc quân tiên phong ra đánh phá tan quân Mạc, Ninh quốc công trốn về, quân Mạc chết vô kể.

Vua bổ nhiệm Dục quận⁽²⁾ công Trịnh Kiểm làm chức Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh, phong tước Lượng quốc công⁽³⁾, được độc quyền nắm giữ việc binh, và tổng tài chính sự; trị dân dạy người, tuyên bố uy đức. Quốc thế ngày thêm thịnh vượng, châu Ái tạm yên, các vị hào trưởng trong 4 châu: Hoan, Diễn, Ô và Quảng, đều đua nhau đến (từ 213a) của quân xin ra sức đánh giặc. Cơ nghiệp hoàng gia, bắt đầu tiến bộ từ đây. Còn thế của Phúc Hải thì càng ngày càng xuống.

Năm Bính Ngọ, niên hiệu Nguyên Hoà thứ 14 (1546), ngày 8 tháng 5 là ngày Quý Hợi, Phúc Hải chết, tiếm ngôi được 6 năm, ngụy đặt thụy là "Hiển Tông Hiến hoàng đế", con là Phúc Nguyên nối ngôi.

⁽¹⁾ Bản A sót chữ Trịnh Kiểm.

⁽²⁾ Bản A chép lầm là Dục quốc công.

⁽³⁾ Bản D và LML chép là Lượng quận công - sai.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỆN ĐỀ...

THẦN ĐÔN soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỆN

4. MẠC PHÚC NGUYÊN

Phúc Nguyên là con trai trưởng của Phúc Hải, tiến ngôi vào tháng 5 năm Nguyên Hoà thứ 14 (1546), đổi năm Đinh Mùi sau đó (1547) làm niên hiệu Vĩnh Định thứ nhất.

Lúc này, Phúc Nguyên còn nhỏ tuổi, chưa biết quyết đoán việc gì, bao nhiêu công việc lớn nhỏ, đều uỷ cả cho thúc phụ là Khiêm vương Kính Điển phân xử.

Ngụy tôn tổ mẫu họ Phạm làm Thái hoàng thái hậu.

Khi Phúc Hải chết, tướng là Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi bàn rằng:

⁽¹⁾ Bản A chép là quyển thứ 32 - sai.

"Hiện trong nước đương lúc nhiều nạn, nên lập vua lớn tuổi. Hoàng vương Chính Trung⁽¹⁾ đã nhiều phen cầm quân và thường thắng trận. Vậy xin dựng lên nối ngôi".

Nhưng các tôn vương họ Mạc và đại thần là bọn Kính Diễn, Nguyễn Kính đều không theo, bàn định (tờ 214b) dựng Phúc Nguyên lên ngôi. Bởi thế Tử Nghi không toại nguyện, bèn ngầm sinh lòng khác, bí mật tụ họp các tướng bộ khúc, rồi cùng với Thành quốc công khởi loạn. Phúc Nguyên phải qua sông chạy về miền Đông vào ban đêm, bọn Kính Diễn, Nguyễn Kính và Trần Phi xuất quân đón cứu Phúc Nguyên.

Phạm Tử Nghi bèn đem Chính Trung về chiếm cứ Hoa Dương⁽²⁾, rồi tiếm xưng tôn hiệu, nguy lập triều đình. Các bầy tôi văn võ nhiều người theo.

Phúc Nguyên sai Kính Diễn và Nguyễn Kính phát binh đánh Tử Nghi, nhưng Tử Nghi vốn là một kiện tướng, lại thêm quân sĩ đều gắng sức, bởi thế Kính Diễn đánh mấy trận đều bị thua.

Tử Nghi đưa tờ bố cáo cho các trấn, kể tội phản nghịch của Nguyễn Kính, lại kể cả chiến công ở sông Hy và bến Lục. Tuyên bố là sẽ đánh thẳng vào Đông Kinh làm cho miền Đông Nam rung động! Tờ bố cáo rằng:

"Thuận đức thì thịnh, đó là lẽ của trời; vì nghĩa động binh, để dương oai vô địch. Tội kẻ nghịch tặc không thể dung tha: người trong thiên hạ (tờ 215a) ai cũng được

⁽¹⁾ Chính Trung là con thứ của Mạc Đăng Dung.

⁽²⁾ Hoa Dương: Cường mục chú rằng sau là xã Trác Dương thuộc huyện Hưng Nhân, phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên. (nay thuộc tỉnh Thái Bình).

đánh. Giết Hàn Xúc để giữ gìn tôn miếu nhà Hạ, tướng binh nhờ kế Thần Mỹ⁽¹⁾; diệt giặc Hồ để khôi phục kinh đô nhà Đường, xuất tướng nhờ sức Phần Dương⁽²⁾. Hội đồng không sai, xưa nay cùng hợp.

Nước ta từ vua Thái Tổ mở nền, thực trời cao sinh đức. Được danh, được vị và được lộc, lịch số nổi truyền; thống nhất cả phong tục cõi bờ, xuân thu tổng quát. Kẻ nào không phục, liền đánh dẹp ngay: giặc Như Bích rong ruổi phương Nam, quan quân kéo đến, thế như sét đánh; giặc Văn Uyên xưng hùng phương Bắc, thần vũ dương oai, mạnh tựa sấm vang. Các châu Khâm, Liêm, sợ hãi không dám liên can; các nước Đồ Bàn, xưng thần mà tới cống hiến. Việc định công thành sự, được nước tựa Tam Đại trước; thánh truyền thần nối, hưởng ngôi tôn hơn 20 năm. Mưu mô không thiếu, quốc gia thái bình. Triều đình vững chãi (*từ 215b*) chẳng lung lay, bấy tôi sợ thấy đều tuân mệnh.

Tên nghịch Kính kia, vốn là tướng giặc. Nhờ vua Thái Tổ, lòng nhân trời che đất chở, coi như con đẻ; được các vua sau, tỏ đức bể bọc xuân nuôi, ân thêm cố kết. Nào là cho đổi họ lại cho ruộng vườn; phong tước cho con trai lại phong con gái.

Đáng lẽ y phải ghi dạ khắc xương, tỏ tình khuyên mã; thế mà y lại sinh ra hung ác, như hổ vào nhà. Lật lọng trái nghĩa bấy tôi, ngấm ngấm chứa lòng phản

⁽¹⁾ *Hàn Xúc*: bấy tôi Đế Tướng nhà Hạ, giết Đế Tướng, tự lập làm vua, sau đó, Thiếu Khang là con của Đế Tướng, nhờ mưu của bề tôi là Thần Mỹ đã diệt được Hàn Xúc, giành lại ngôi vua.

⁽²⁾ *Phần Dương*: tức Quách Tử Nghi tướng nhà Đường, được phong là Phần Dương vương, có công khôi phục nhà Đường.

ngịch. Hấn khích rõ ràng, đối vua quá đáng. Đánh vào kinh khuyết, ngầm nuôi chí Lộc Sơn⁽¹⁾; hộ giá tuyên ngôn, vờ theo thói Chu Thư⁽²⁾. Chúng khoe công lại hung hãn, dương báo oán trả thù riêng. Triều đình đáng tôn, mà y chuyên quyền rộng rãi; lão thần đáng trọng, mà y (tờ 216a) lại dám khinh nhờn. Mũ giày đảo lộn, phép tắc đổi thay. Những việc y làm, không hề sợ hãi. Giặc Khải Khang chưa ráo máu đầu, y tựa làm tay tả hữu; giặc Hữu Mệnh mồm còn hơi sữa, y dùng làm binh cha con. Hữu Trảo một tên thất phu, y đồng đảng cho giữ nơi xung yếu; Tử Nha như kẻ thất phụ, y viện binh để làm thế phô trương. Thậm chí hành quân vô kỷ luật, chỉ tàn bạo để dương oai: coi người như cỏ rác, quân kéo qua dân chết đầy đường; bạo ngược hơn nước lửa, quân đến đâu nhà đốt hết sạch. Những việc đó y nỗ lòng làm, thì ai cũng có quyền đánh.

Hiện nay, Thánh thượng long hưng, chính ngôi nam diện; mưu mô hùng đoán, quyết kế tây chinh.

Tôi, tự thẹn tài ngu, nhờ ơn vua mến. Vì nước bỏ nhà (tờ 216b), tỏ chút lòng trung tướng Hấn⁽³⁾; tập binh nhiều trí, thẹn với tài giỏi tôi Tề⁽⁴⁾. Kế mưu đều theo thành toán; hiên ngang xin nhận tiền phong. Thủy bộ tiếp liên, bày ra trận đường đường chính chính; can qua chỉ thẳng, dương oai vũ sát khí đằng đằng. Ba quân như tự trời

⁽¹⁾ *Lộc Sơn*: bầy tôi vua Huyền Tông nhà Đường, cướp ngôi, tự xưng là Đại Yên hoàng đế.

⁽²⁾ *Chu Thư*: bầy tôi vua Đức Tông nhà Đường, nhân gặp loạn, loạn quân suy tôn làm chủ, rồi xưng đế.

⁽³⁾ *Tướng Hấn*: chỉ các bề tôi trung thành với nhà Hán như Trần Bình, Chu Bật, v. v... đã diệt phe cánh Lã Hậu.

⁽⁴⁾ *Tôi Tề*: chỉ danh tướng nước Tề xưa là Điền Kỵ.

xuống; thắng trận tựa cuốn chiếu đi. Thuyền binh tới bến Lục, quân giặc vỡ tan; binh sĩ tới sông Hy, quân giặc hãi sợ. Chúng tuy nhiều quân và dũng mãnh; thấy đều quay giáo xin quy hàng. Đã chém kinh dựng quán, dân trở lại vui tươi. Đó là: trời giúp thì nên, đúng với kỳ thịnh trị; binh hoà thì thắng, đã định kế vạn toàn. Sẽ thấy: nhật nguyệt chói chang, giặc binh rửa sạch; nước nhà thịnh vượng, cơ nghiệp vững bền".

Mạc Kính Điển họp binh đánh Tử Nghi, hẹn với Phụng quốc công (tờ 217a) Lê Bá Ly giúp sức. Bá Ly bèn sai con trai giữ việc trong phủ, sai Phủ quận công Lê Khắc Thận (con của Lê Bá Ly) truyền hịch cho Quảng quận công Nguyễn Khải Khang và Phú quận công Mạc Hữu Mệnh ở phương Tây; Khổng Toàn hầu và Khang Phụ hầu ở phương Bắc, hợp các đạo quân cả thuỷ bộ đều tiến, đánh phá tàn quân của Chính Trung ở Ngự Thiên.

Hữu Mệnh là con trai Nguyễn Kính và là anh Ngọc Liễn.

Tử Nghi đem Văn Minh, Chính Trung và ngự Định vương Mạc Phúc Sơn rút chạy, chiếm cứ An Quảng.

Phúc Nguyên lại trở về Đông Kinh.

Lúc này, xứ Hải Dương bị nạn binh hoả luôn luôn, rất nhiều người phải lưu vong.

Mùa xuân năm Nguyên Hoà thứ 15 (1547), mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Dương Phúc Tư cộng 30 người trúng tuyển.

Phúc Nguyên thường văn thần có công trong việc cần vương, thăng cho Trần Phỉ lên tước Đông Lai hầu.

Mùa hạ, tháp Báo Thiên không vì cố gì tự nhiên đổ lở.

Mùa thu, tháng 7, Trần Phỉ xin về trí sĩ, Phúc

Nguyên không ứng, bèn thẳng cho chức Thiếu phó.

Sau khi Mạc Chính Trung thất thế, bèn cùng Văn Minh và Phúc Sơn đem (tờ 217b) gia quyến chừng hơn trăm người chạy sang Khâm Châu, vào cửa quân Lương Quảng tố cáo: kể hết tội trạng Nguyễn Kính chuyên quyền và ruồng bỏ các cựu thần quốc thích. Đề đốc quân vụ Trương Nhạc, bèn tâu về triều Minh, xin cứu trợ cho bọn Chính Trung, vua nhà Minh bèn ra lệnh quan phủ Thiều Châu và Thiệu Khánh thu xếp cho bọn Chính Trung an cư vào xứ Thanh Viễn và hằng năm chiếu theo cấp bậc phát gạo cho.

Niên hiệu Nguyên Hoà thứ 16 (1548), vua Trang Tông Dụ hoàng đế thăng hà, vua Trung Tông lên nối ngôi ở xứ Thanh Hoa, đổi niên hiệu, lấy năm sau làm Thuận Bình thứ nhất⁽¹⁾.

Phúc Nguyên đổi niên hiệu Vĩnh Định thứ 2 làm niên hiệu Cảnh Lịch thứ nhất (1548).

Phúc Nguyên phong Trần Phỉ chức Binh bộ Thượng thư kiêm Đô ngự sử. Tháng 4, lại gia thêm cho Trần Phỉ kiêm tri quán cục, tham dự triều chính, sau thăng tước Lai quận công.

Phong Phạm Quỳnh tước Vinh quận công, phong con trai Quỳnh là Phạm Dao tước Phú Xuyên hầu.

Phạm Quỳnh nguyên quán ở làng Đặng Xá, huyện Thanh Lâm, đến ngụ cư tại thôn Bùi Tây xã Thịnh Liệt, nhà nghèo, làm nghề bán trà⁽²⁾. Khi Kính Điển lên 2 tuổi,

⁽¹⁾ Bản A chép là Thiệu Bình - sai, sửa theo các bản khác và *Toàn thư*.

⁽²⁾ Bản A chép là mại thái (bán rau), theo các bản B, H và LML.

thường đau ốm quặt quẹo luôn, muốn tìm người vú nuôi, Lê Bá Ly bèn sai vợ Phạm Quỳnh vào cung làm vú sữa nuôi Kính Điển. Đến đây, Kính Điển giữ chính quyền, nghĩ tới tình nghĩa nuôi dưỡng của vợ Quỳnh, cho nên trọng dụng cả hai cha con Phạm Quỳnh: sai Phạm Quỳnh giữ quyền tiết chế Đông đạo; cho Phạm Dao trấn thủ xứ Sơn Nam, gia hàm Thái bảo, rồi thăng đến tước Văn quận công.

Thời vua Trung Tông, niên hiệu Thuận Bình thứ nhất (1549), tức niên hiệu Gia Tĩnh thứ 28 triều Minh, Mạc Chính Trung đã chạy vào châu Khâm, bèn đến viện Đốc phủ nhà Minh, tố cáo (tờ 218b) tội trạng Nguyễn Kính chuyên quyền, bức hiếp đuổi bọn Chính Trung. Người nhà Minh ngờ Phúc Nguyên không phải là dòng dõi Đặng Dung, bèn đưa văn thư đòi tra khám. Lúc này là thời kỳ Kính Điển vừa dẹp dư đảng của Tử Nghi xong, nên xứ Hải Dương và xứ Sơn Nam được tạm yên. Kính Điển bèn hộ vệ Phúc Nguyên đến cửa quan Trấn Nam, bảo Phúc Nguyên lấy tên giả là Hoàng Dục làm tờ trạng cam kết rằng không có giả dối, xin được tập phong chức Đô thống sứ. Lại sai kỳ mục là bọn Lê Bá Ly đi theo, và cũng làm tờ văn biện bạch rõ rệt, xin chiếu theo lệ trước, tâu lên triều đình, cho Phúc Nguyên được tập phong. Quan ở quân môn Lương Quảng bằng lòng nhận cho.

Mùa hạ, ngày 11 tháng 4, vào giờ Mùi ở các phủ Nam Sách, Thượng Hạ Hồng, Lý Nhân, Khoái Châu và Trường An, đương lúc ban ngày, trời bỗng tối sầm, không gian bỗng nổi lên tiếng động âm âm, rồi mưa đá đổ xuống sầm sập! Có hạt mưa to bằng hòn đạn, có hạt to bằng quả trứng gà, cũng có hạt to bằng cái đầu hoặc học đá, làm hư hại lúa má ngoài đồng, cây cối trong vườn; phá hoại

nhà ở; chết chim ngoài đồng; người và súc vật bị thương rất nhiều.

Thượng thư Văn Dương bá Tạ Đình Quang dâng tờ sớ (tờ 219a) rằng:

"Kính xét sách *Xuân Thu khảo dị* và sách *Văn hiến thông khảo*, đều nói rằng: "Mưa đá là cái tượng khí âm lấn hiếp khí dương vậy". Đó là ứng về sự bấy tôi có thể lực chuyên quyền, và cũng bởi những sự: người hiền bị dìm; chỉ dùng người gian; nghe lời gièm; sưu cao thuế nặng; pháp lệnh đổi thay, cho nên mới có tai dị đó.

"Nay bệ hạ tuy đã lớn tuổi, nhưng chưa đích thân điều khiển chính sự, thì cái tai dị mưa đá kia, chưa có thể đổ cả vì lỗi của vua. Vị hoàng thúc thân vương, không thể coi việc này làm thường được, và các vị đại thần cùng bá quan văn võ, há không tự nhận lỗi mà tìm phương cứu chữa ư? Kính mong bệ hạ, ngày ngày chăm học theo các bậc vua thánh để làm nên nghiệp thánh; lúc nào cũng tôn mệnh trời và sợ oai trời.

"Về phần Khiêm vương, nên hết sức thành khẩn tự xét mình (làm hết bốn phạm của kẻ phò tá)⁽¹⁾. Đừng cho thiên hạ tạm định tạm yên làm đáng mừng; nên lấy công việc khó thành dễ bại làm đáng sợ. Xử quyết công việc, thăng giáng các quan liêu, đừng sợ méch lòng (tờ 219b) người, mà không quyết đoán; chinh đồn cấm binh, nén hãm kẻ quyền quý, đừng cho là việc khó mà chỉ thờ ơ. Những kẻ gièm pha có hại đến người hiền tài, và những kẻ xiểm nịnh, chỉ chức cầu ơn, đều nên ruồng bỏ hết thảy, để cho tà không lấn chính, âm khởi lướt dương. Sẽ

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* sót các chữ trong dấu móc.

có thể chuyển tai hoạ thành điềm lành".

Phúc Nguyên nhận tờ sớ này, nhưng không theo nôi.

Mùa thu, Phúc Nguyên phong tước Thiệu quốc công cho viên tướng Đông đạo là mỗ; đổi phong tước Khiêm quốc công của Mạc Đình Khoa ra tước Gia quốc công; bổ chức Thái uý cho 2 tướng Tây đạo Tây quốc công Nguyễn Kính và Đoan quốc công Nguyễn Khải Khang, đều cho đổi sang họ Mạc; thăng tướng Nam đạo Phụng quốc công Lê Bá Ly lên chức Thái tử; ra lệnh duyệt tuyển quân 4 vệ nội ngoại.

Bá Ly là một vị lão tướng trọng thần, chuyên giữ binh quyền, tham dự triều chính, ai cũng tôn phục. Sau khi đánh phá Phạm Tử Nghi, uy danh càng thêm lừng lẫy! Con trai là Phổ quận công Lê Khắc Thận (tờ 220a), lấy trưởng công chúa Cẩm Hương, lại giữ quyền tiết chế lộ Sơn Nam Thượng, được gia thêm chức Chuông phủ sự; (cháu ông là Vạn An hầu, nguyên lấy nguy Hiến Nghi Thái trưởng công chúa gia thăng chuông Kim ngô vệ sự)⁽¹⁾, con rể là Văn Phái hầu Nguyễn Quyện giữ vệ Phù nam, con nuôi là Tả Ngự⁽²⁾ hầu giữ vệ Cẩm y; con trai thứ là Thuần Lương hầu cũng quản đội Cẩm binh; thông gia là Thư quận công Nguyễn Thiến, giữ chức Thượng thư bộ Lại, Đồng⁽³⁾ Giang hầu Bùi Trụ giữ chức Tán lý quân vụ. Thân đẳng kết liên, khí thế rực rỡ, bao nhiêu hùng binh trọng trấn, đều nắm trong tay, bao nhiêu bầy tôi văn võ, đều ra từ cửa nhà Bá Ly. Phạm Quỳnh và Phạm Dao,

⁽¹⁾ Bản *LML* bỏ sót một đoạn trong móc (...).

⁽²⁾ Bản *A* chép là Tả Ngự hầu, các bản *B*, *D*, *H* và *LML* là Tả vệ.

⁽³⁾ Bản *A* chép là Kiêm Giang hầu, theo bản *B*, *D*, *H* và *LML*.

nguyên trước xuất thân trong hàng đầy tớ nhà Bá Ly, bây giờ chúng được hiển đạt, lại đem lòng oán ghen, muốn tính sự hãm hại Bá Ly.

Mùa xuân, niên hiệu Thuận Bình thứ 2 (1550), Phúc Nguyên mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Trần Văn Bảo cộng 25 người trúng tuyển.

Tháng 10, Trần Phỉ xin trí sĩ, Phúc Nguyên thăng cho hàm Thiếu sự, cho về làng (*tờ 220b*).

Năm Tân Hợi, niên hiệu Thuận Bình thứ 3 (1551), mùa xuân. lúc này con trai Thái tử Bá Ly là Khắc Thận trấn thủ xứ Sơn Nam, đóng đồn ở Vân Sàng, Thận đương tuổi thanh niên, chỉ ham chơi bởi ca hát, ít khi làm việc, lại cất nhà cửa lộng lẫy, sắm kiệu son, lọng vàng. Phạm Quỳnh và Phạm Dao bèn gièm với Kính Điển, báo Khắc Thận có âm mưu phản nghịch. Kính Điển ngạc nhiên mà rằng:

"Quốc gia trông cậy vào tướng phụ (Bá Ly) như quả núi cao, các ông không nên nói những lời như vậy".

Phạm Quỳnh, Phạm Dao lại đem ý trên gièm pha với Phúc Nguyên.

Ngày 12 tháng 2, Phạm Quỳnh, Phạm Dao tự ý sai quân vây Bá Ly ở trại Hồng Mai vào lúc nửa đêm, chúng lại ngờ cả người thông gia với ông ta là Đô ngự sử Nguyễn Thiến đồng mưu, bèn sai quân vây bắt. Nhưng lúc ấy Thiến đương đi dự họp, Bá Ly thì ở trong trại quân, cho nên đều không bắt được. Đến lúc gà gáy sáng, người đầy tớ nhà Bá Ly tên là Đồi Mồi ra ngoài, thấy có quân vây, vội trở vào báo, Bá Ly bèn thu thập người nhà và các quân sĩ, đóng cửa cố thủ, để chờ con em tới cứu viện. Một lát, Vạn An hầu, Văn Phái hầu và Tả Ngự hầu (*tờ 221a*)

mỗi người mang 3000 cấm binh tới hộ vệ, giao chiến ác liệt với quân Quỳnh, Dao. Quỳnh, Dao thua chạy, Vạn An hầu bèn đem quân đón Bá Ly về đóng tại Thịnh Liệt. rồi Khắc Thận cũng từ đồn Vân Sàng kéo về hội binh.

Bá Ly cùng các tộc thuộc bèn dẫn quân chiếm giữ cửa Chu Tước, kinh thành cực kỳ náo loạn! Phúc Nguyên thấy thế bức bách, hoảng sợ, bỏ thành chạy qua sông, di cư đến Bồ Đề, rồi sai sứ thần dụ Bá Ly bãi binh, Bá Ly không nghe, bảo phải bắt cha con Quỳnh, Dao, giải đến mới chịu bãi binh.

Phúc Nguyên bèn sai tướng Sơn Tây: Vạn Đồn hầu, Anh Duệ hầu, Phù Long hầu⁽¹⁾ và Văn Giáp hầu, hợp binh tiến đánh Bá Ly, Bá Ly chia quân chống cự, cố thủ. rồi sai tướng dưới trướng là Văn Tê bá đem thư tới xin Thuy quốc công Nguyễn Khải Khang cứu viện. Thuy quốc công nhận lời, liền sai gia thần Đông Khang hầu dẫn quân giúp Bá Ly, Bá Ly bèn đánh Phúc Nguyên, quân Phúc Nguyên thua chạy, Bá Ly liền tiến quân đến Cầu Hà, rồi lạy vọng sang và tuyên ngôn rằng:

"Cha con hạ thần thực không (từ 221b) dám mưu tích sự gì, chẳng qua chỉ vì kẻ gian thần bức bách, vu cho hạ thần là phản nghịch, chúng định hãm hại, cho nên hạ thần phải dùng binh tự vệ. Xin bệ hạ bắt cha con Quỳnh, Dao, giải đến để ứ dụ ba quân, thì hạ thần xin bãi binh ngay".

Phúc Nguyên không nghe lời yêu cầu của Bá Ly, liền dẫn quân đi về phương Đông, Bá Ly nổi giận, mắng nhiếc Phúc Nguyên, rồi trở về kinh thành. Bá Ly bảo các tướng rằng:

⁽¹⁾ Bản A thiếu chữ Phù Long hầu, theo bản B, D, H và LML.

"Ta có chút tài mọn, nguyên thờ Quang Thiệu hoàng đế, vì bất đắc dĩ bèn làm bày tôi họ Mạc, chính tay dựng 4 đời vua, hao phí biết bao tâm lực. Nay gặp hôn quân, không biết mình đoán, chỉ nghe lời kẻ gièm pha, khiến cho bao nhiêu nghĩa biển tình non, đều thành băng tan ngói trút! Sự thế đã như vậy, thôi còn nói gì.

Ta nghe vua Lê, lên ngôi ở xứ Thanh Hoa, có Thái sư họ Trịnh là một vị anh hùng tài lược, chuyên ý phò tá, ra quân có danh, bốn phương quy phục. Đó thực là vị chúa trung hưng vậy.

Nay ta muốn dẫn quân quy thuận, tiểu trừ giặc nghịch, tán trợ triều Lê, dựng nên nghiệp lớn, để rửa lỗi trước, mà cũng không mất sự giàu sang. Các ông nghĩ thế nào?" (tờ 222a).

Tất cả các tướng đồng thanh thưa:

"Kính theo tôn mệnh!"

Bá Ly được các tướng đồng ý, rất mừng. Lúc ấy đang thời kỳ hiếm gạo, bèn mở kho thóc phát chẩn cho dân nghèo, rồi sai nội thân Văn Ấp hầu cùng với tán lý Đồng Giang hầu Bùi Trụ, đem văn thư tới hành điện vua Lê ở Ngạc Khê xin hàng, đem theo bức họa địa hình tiến dâng. Vua Lê nhận rồi ban tờ sắc khen ngợi Bá Ly.

Tháng 3 năm Tân Hợi (1551) Thuận Bình thứ 3⁽¹⁾, Bá Ly đem 1 vạn 4 nghìn quân các đạo Tây Nam cùng với Nguyễn Thiến, Nguyễn Quyện và con trai là Khắc Đôn, Khắc Thận, tới bãi yết nơi cửa khuyết, rồi đón vua Lê tới đóng tại sách Vạn Lại.

⁽¹⁾ Bản *LML* chép là tháng 2, bản *B* và *H* chép là tam niên Tân Hợi tam nguyệt, bản *D* chỉ chép là "tam nguyệt".

Vua rất mừng! Ủy lạo và nhận cho hàng, thăng Bá Ly chức Thái tử tước Phụng quốc công⁽¹⁾.

Lúc này Bá Ly đã 77 tuổi⁽²⁾, triều thần thấy là một vị kỳ lão, có danh vọng, ai cũng tôn kính. Khi vào yết kiến Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm, Bá Ly giữ hết lễ, rất cung kính, Thái sư tiếp đãi cũng rất kính cẩn tận lễ.

Sau khi Bá Ly quy thuận, thì bao nhiêu mưu thần mãnh tướng đều ùa theo, kéo cả vào phương Tây (từ 222b), cháu rể Bá Ly là Khổng Lý bá Đặng Huấn, người xã Lương Xá huyện Chương Đức, cũng theo vào bái yết Thái sư ở cửa quân, Thái sư (mới nhìn thấy đã cho là giỏi, lập tức dâng biểu xin thăng là Khổng Lý hầu, sai quản tinh binh, sung làm tướng tiên phong, Nguyễn Quyên và em tên là Miễn đều có sức khỏe, giỏi võ nghệ, có tài làm tướng, Thái sư)⁽³⁾ đều hậu đãi; tướng Tây đạo là Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Khải Khang, khi trước sai tướng đem quân giúp Bá Ly, đến đây cũng dẫn 3000 quân dưới trướng quy thuận, tới yết kiến vua ở hành điện Vạn Lại, vua ủy lạo ban thưởng, cho giữ chức tước cũ.

Khi Khải Khang tới bái yết Thái sư, Thái sư kính nể trước vị cao, nên tiếp đãi rất nồng hậu.

Con trai người cậu Khải Khang là Nguyễn Hữu Liêu, quán làng Tây Đàm phủ Từ Liêm, là một người tài dũng siêu quần, vua triệu vào yết kiến và cho đem binh lệ vào chính doanh theo Thái sư đánh giặc.

⁽¹⁾ Bản A, *Toàn thư* và *Cương mục* chép là Phụng quốc công, các bản B, D, H và LML là Diễn quốc công.

⁽²⁾ Bản D và LML chép là 70 tuổi.

⁽³⁾ Bản LML chép thiếu một đoạn trong móc (...).

Từ đấy, thanh thế quân nhà vua rất là lừng lẫy! Phúc Nguyên thấy vậy, lấy làm lo sợ, bao nhiêu binh quyền uỷ cả cho Kính Điển, để tính kế bảo vệ (tờ 223a) trong kinh đô cho tới các xứ miền Đông.

Tháng 4, vua thấy Phúc Nguyên đang bị vây tới lìa bỏ, ngoài thì phản loạn, trong thì tan rã, bèn bàn nên thừa lúc địch suy yếu xuất quân tiến đánh, liền xuống chiếu cử Thái sư đốc các tướng đánh Phúc Nguyên: sai Phụng quốc công Lê Bá Ly ra Sơn Nam; Đoan quốc công Nguyễn Khải Khang ra Sơn Tây; Gia quốc công Vũ Văn Mật ở Tuyên Quang kéo xuống, cùng hội tại Đông Kinh. Bá Ly làm tờ quốc thư (bằng quốc âm) để chiêu dụ các tướng nhà Mạc rằng⁽¹⁾:

Các chức văn võ ở Sơn Nam, Sơn Tây, kính đạt tới dưới cờ các tướng quân Kinh Bắc:

Từng mắng⁽²⁾ rằng: Dứt loạn có trị⁽³⁾, xét cổ kim biết thừa⁽⁴⁾ phế hưng; trở nguy làm yên, hay⁽⁵⁾ thời thế bởi chưng tuần kiệt. Lý thông chẳng mất, gương để khá soi. Bui⁽⁶⁾ nhà ta, tự Đinh Lê Lý Trần đặng có phong cương, cùng Hán Đường Tống Nguyên đều làm quân trưởng. Đến nhần⁽⁷⁾ Nhuận Hồ mặt vận, mười ba thu được chính

⁽¹⁾ Các bản A, B, G và H không có bài văn *nôm* này. đây theo bản LML và bản D.

⁽²⁾ *Mắng*: nghe.

⁽³⁾ *Dứt loạn có trị*: hết thời loạn đến thời thái bình.

⁽⁴⁾ *Thừa*: của nó (đại từ, tiếng cổ).

⁽⁵⁾ "*Hay thời thế bởi chưng tuần kiệt*": chỉ có người tuần kiệt (tài giỏi) là biết thời thế.

⁽⁶⁾ *Bui* = Duy (phát ngữ từ mở đầu một luận đoán).

⁽⁷⁾ *Nhần*: tới.

phiên hà; cho nên ngoại quốc cất binh, dư 2 kỷ⁽¹⁾ châu thành chiếm cứ. Nước xảy phải mỗ⁽²⁾ khi truân bĩ, trời nau⁽³⁾ sinh có chúa thánh minh. Vua Thái Tổ dấy nghĩa dẹp loạn, dân được thoát cơn đồ thán; vua liệt tổ lấy nhân là đức, người đều nhuận ở cơ phu⁽⁴⁾. Số truyền ước quá lịch Chu⁽⁵⁾, gặp biến phút nhân ách Hán. Thác thiên nhường⁽⁶⁾ mà lấy thiên hạ, sự chẳng bình⁽⁷⁾ tại mặt khôn che; còn duy trì bởi đức tiên vương, dân đoái cảm ơn hào nữ phụ⁽⁸⁾. Xem nhân tâm khá hay thiên ý⁽⁹⁾ suy thiên ý thực ở nhân tâm.

"Chúng ta nay, chịu vóc trượng phu⁽¹⁰⁾, tấm ơn Đại Việt. Có kẻ tự tài⁽¹¹⁾ tướng suý, lâu học thao kiếm⁽¹²⁾; có người dựng nghiệp thi thư, ra đường khoa mục. Văn vũ tài dùng há mượn, kinh quyền đạo phải chẳng nề⁽¹³⁾. Hoặc đẹp duyên gặp phải Lê triều, có quan có lộc; hoặc

⁽¹⁾ *Kỷ*: mỗi kỷ là 12 năm.

⁽²⁾ *Mỗ khi*: khi ấy.

⁽³⁾ *Nau sinh*: sinh ra.

⁽⁴⁾ "*Vua liệt tổ... nhuận ở cơ phu*": cả câu nghĩa là: các vua trị dân bằng nhân nghĩa, mọi người đều đội ơn sâu như thấm vào da thịt.

⁽⁵⁾ "*Số truyền ước quá lịch Chu*": lẽ ra nhà Lê phải làm vua lâu ngang với nhà Chu ở Trung Quốc (nhà Chu làm vua hơn 900 năm). *Ách Hán*: nhà Hán bị Vương Mãng cướp ngôi.

⁽⁶⁾ *Thiên nhường*: nhường ngôi (chỉ việc Mạc Đăng Dung bắt chước Vương Mãng ép buộc vua đương quyền phải nhường ngôi cho mình).

⁽⁷⁾ *Sự chẳng bình*: sự bất bình, bất công.

⁽⁸⁾ *Câu này ý nói*: dân vẫn còn nhớ ơn vua Lê.

⁽⁹⁾ *Thiên ý*: ý trời.

⁽¹⁰⁾ "*Chịu vóc trượng phu*": mang thân làm kẻ trượng phu.

⁽¹¹⁾ *Tự tài*: chữ tự nghĩa là nổi, chữ tài nghĩa là tài năng.

⁽¹²⁾ *Thao kiếm*: sách binh pháp xưa (gồm có *Lục thao* và *Ngọc kiếm thư*) - Câu này ý nói các người con nhà võ tướng.

⁽¹³⁾ "*Kinh quyền đạo phải chẳng nề*": cứ theo đạo phải mà làm, không câu nệ là giữ nguyên tắc (kinh) hay linh động (quyển).

đội nghĩa phò nhà Mạc thị, chịu tước chịu ơn. Hưởng
minh tuy nhần chẳng cùng, xử biến cho hay có khác⁽¹⁾.
Chứng thuở trước⁽²⁾, thầy tớ Tử Nghi⁽³⁾ làm dữ, ta đã cùng
lòng cùng sức dẹp yên; đến khi rầy, cha con Phạm Quỳnh
mống gian⁽⁴⁾, nó lại cải sách cải lèo⁽⁵⁾ gây loạn.

Làm uy phúc muốn về ở nghỉ⁽⁶⁾, kết tội danh hoà hãm
ép người. Xui ác đảng tuôn thổi phù ngôn⁽⁷⁾, vua chuồng
phả mống lòng⁽⁸⁾ tự lập. Đô đài⁽⁹⁾ làm quan nhĩ mục, ở
doanh thành mà đón bắt làm sao; thái tể bàn việc miếu
đường, về kẻ chợ nở khua vạy mà dám⁽¹⁰⁾. Lật mặt, sự
làm nhần bầy, đầy triều, ai có tông đâu⁽¹¹⁾. Chúa Cảnh
Lịch⁽¹²⁾ luống giữ giống hũ, chúc nào khả chế; lòng
Khiêm vương⁽¹³⁾ dễ nghe lời xiêm, trách⁽¹⁴⁾ ấy khôn từ.

(1) "Hưởng minh... có khác": tuy sự hưởng theo có khác nhau, nhưng xử trí khi gặp biến cố cho phải lẽ ("hay") đâu có khác nhau, (ý: vẫn hết lòng vì chúa).

(2) *Chứng thuở trước*: trong thời gian trước.

(3) *Tử Nghi*: tức Phạm Tử Nghi, kẻ đã nổi dậy chống Mạc Phúc Nguyên.

(4) *Mống gian*: mọc ra mầm mống gian tà.

(5) *Cải sách cải lèo*: thay đổi thái độ, giở mặt (sách và lèo đều là dây lái buồm ở thuyền).

(6) "*Làm uy phúc muốn về ở nghỉ*": muốn cho quyền hành (làm uy làm phúc) về tất cả tay nó.

(7) *Phù ngôn*: lời phao vu, bịa đặt.

(8) *Chuồng phả*: chưa rõ, có lẽ là người giữ sổ sách gia phả nhà vua, đã theo Bá Ly. *Mống lòng*: manh tâm.

(9) *Đô đài*: quan ngục sử. Ở đây chỉ Nguyễn Thiến, thông gia với Lê Bá Ly, đã bị bọn Quỳnh, Dao vây bắt.

(10) *Thái tể*: tức Lê Bá Ly, bị bọn Quỳnh. Dao vây bắt.

(11) *Tông*: biết rõ.

(12) *Cảnh Lịch*: niên hiệu của Mạc Phúc Nguyên.

(13) *Khiêm vương*: tức Mạc Kính Điển, kẻ thân tín, phụ chính của Phúc Nguyên.

(14) *Trách*: trách nhiệm.

Phép quốc gia chưa sáng hình chương; loài gian ác càng đông bạo ngược. Kinh ấp hai phường phố xá, đốt hết lằng lằng; quan cư mọi chốn nha môn, cướp không thấy thấy. Hòm đồ tịch⁽¹⁾ đầy voi hoại hết; cửa kho tàng nhiều ít chờ đi. Nỗ quét không dây quế buồng tiêu⁽²⁾, nào kiêng danh phận; tư dờn hiếp xe rồng liễn phượng, bỏ lễ thành trì⁽³⁾.

Thống tốt đồ⁽⁴⁾ đầy việc can qua: đẩy sinh linh tới nản thủy hoả. Những thói chuột quen nường xã, xã đã mất khôn nường⁽⁵⁾, nào cóc nước hay lật thuyền, thuyền chẳng ngừa dễ lật⁽⁶⁾. Éch dưới giếng cho khoe xưng lớn, én trên ruộng rúc rích còn ăn...⁽⁷⁾ nó lấy làm chơi, biến cả⁽⁸⁾ ai hầu chịu thác.

Ấu cây thấp ắt là bỏ rẽ⁽⁹⁾, thương (vay) tộ Mạc mau dờn⁽¹⁰⁾ đến vận lành thực hệ ở trời, mừng thấy chúa Lê lại dấy. Vua Thuận Bình, thực dòng đế trụ⁽¹¹⁾ dưỡng sức Lam

⁽¹⁾ *Hòm đồ tịch*: hòm sách vở giấy tờ.

⁽²⁾ *"Quét không dây quế buồng tiêu"*: vớ vết sạch của cái trong cung cấm. Chữ "quét" trong nguyên bản viết lầm ra chữ phù.

⁽³⁾ *"Tư dờn... thành trì"*: theo ý riêng bức bách xe vua bỏ kinh thành ra đi.

⁽⁴⁾ *"Thống tốt đồ"*: thống suất quân lính.

⁽⁵⁾ *"Những thói... khôn nường"*: chuột quen nấp ở hang lỗ trên nền xã (nền đất đắp để vua tế trời).

⁽⁶⁾ *"Nào cóc... dễ lật"*: cóc = biết; cả câu: nào biết rằng nước thể lật thuyền, nếu thuyền không phòng ngừa thì dễ bị lật.

⁽⁷⁾ *"Én trên ruộng rúc rích còn ăn"*: con én làm tổ trên xã nhà, nhà đã cháy mà vẫn không biết nguy hiểm, còn riu rít mớm mồi cho con. Sau chữ "ăn", bản *D* và *IML* bỏ trống một khoảng, có lẽ thiếu 3 chữ, chưa tra ra là chữ gì.

⁽⁸⁾ *Biến cả*: tại biến lớn lao.

⁽⁹⁾ *"Ấu (lo) cây thấp ắt là bỏ rẽ"*: cả câu này chưa rõ nghĩa.

⁽¹⁰⁾ *"Thương vay tộ Mạc mau dờn"*: thương thay ngôi vua của nhà Mạc mau bị nguy vong.

⁽¹¹⁾ *Vua Thuận Bình*: vua Lê Trung Tông. *Đế trụ*: dòng dõi nhà vua.

Sơn. Nối dấu Thiếu Khang, bởi Luân áp Ngu áp đặt đồ tái tạo; hết ngay Thần Mỹ⁽¹⁾ có Lương quốc⁽²⁾ Gia quốc⁽³⁾ phò vận trung hưng. Được thời được chúa được tôi; có đất có người có của. Cối Hoan Châu, cối Ô Lý, trông đức giáo thuyền bể lội thông; trấn Thuận Hoá, trấn Tuyên Quang, mang ngọc bạch thê non⁽⁴⁾ sum họp. Bình ứng viện đã dẹp tan Ninh Sóc⁽⁵⁾, thư quy phụ rầy nhặt thấy⁽⁶⁾ Lạng Sơn. Quận huyện đòi chôn hết trừ, thủy bộ hẹn ngày thắng tới. Ngựa làm cơ, voi làm trận, sáu quân đua khí mãnh hăm hăm; bầu đem nước, giỏ đem cơm, muôn họ dốc lòng về số số⁽⁷⁾. Quan nghi cũ người đều mừng thấy, anh hùng nhiều ai chẳng phục đời⁽⁸⁾. Đây đà biết thừa hưởng mình, đấy khá toan bề quy thuận. Mưa cày⁽⁹⁾ trường giang, có phân Nam Bắc, mà lấy làm bên; dù mất đông ngu, còn thu tang du⁽¹⁰⁾, nào rằng đã muộn. Gặp cơ hội đã đành chẳng lỡ, luận công danh chín thực phải thâu⁽¹¹⁾. Nhược lo nghĩa cả tông quân, bao chẳng⁽¹²⁾ tông

⁽¹⁾ *Hết ngay Thần Mỹ*: dịch chữ "tận trung" (hết lòng trung với vua), Thần Mỹ; bề tôi nhà Hạ giúp vua Thiếu Khang (đã chú ở trên).

⁽²⁾ *Lương quốc*: có lẽ là Lương quốc viết lầm, Lương quốc công là tước của Trịnh Kiểm.

⁽³⁾ *Gia quốc công*: tước phong của Vũ Văn Mật.

⁽⁴⁾ *Thê non*: trèo non (núi).

⁽⁵⁾ *Ninh Sóc*: tức Thái Nguyên.

⁽⁶⁾ *Nhặt thấy*: thấy luôn luôn.

⁽⁷⁾ *Cả câu*: nhân dân đem cơm nước đón tiếp quân vua Lê.

⁽⁸⁾ *Cả câu*: mọi người đều vui mừng thấy quân nhà Lê, và theo vua Lê (phục đời: phục theo).

⁽⁹⁾ *Mưa cày*: chở (tiếng cổ).

⁽¹⁰⁾ *"Dù mất đông ngu còn thu tang du"*: dù thời trẻ đã trót sai lầm thất bại, cũng còn hy vọng sẽ thu được thành công vào lúc tuổi già.

⁽¹¹⁾ *"Gặp cơ hội... phải thâu"*: chưa rõ nghĩa cả câu (chữ thâu có thể đọc là thua).

⁽¹²⁾ *Bao chẳng*: có lẽ là "bao giờ chẳng".

quân, nếu thuở Quang Thiệu, thuở Thống Nguyên⁽¹⁾ cho phải nghĩa; *tua*⁽²⁾ ắt học xưa trạch chúa⁽³⁾, bao chẳng trạch chúa, bằng⁽⁴⁾ người Lý Thông⁽⁵⁾ người Mã Viện⁽⁶⁾ mới nên hiền. Khuyên mưa hồ nghi, kíp nên quyết đoán. Kìa Trương Lương⁽⁷⁾ làm tôi Cao Tổ⁽⁸⁾ bút sử thần tay chép còn khen; nọ Phạm Chất⁽⁹⁾ lại thờ Nghệ Tổ⁽¹⁰⁾, nhân Cơ Tử ai rằng có kém⁽¹¹⁾.

Nhìn thư điển chẳng toan nẻo trước, dù sự nào ai trách chung sau. Oai sấm dậy bởi trời, binh khoẻ nở hùng bi ai địch⁽¹²⁾; ngọn lửa lan khắp núi, thế cháy âu ngọc thạch đâu phân⁽¹³⁾. Nhớ nghĩa xưa cùng muốn về

⁽¹⁾ *Quang Thiệu*: niên hiệu vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1526). *Thống Nguyên*: niên hiệu vua Cung Hoàng (1526 - 1527). Hai vua này đều bị Mạc Đăng Dung giết.

⁽²⁾ *Tua*: nên.

⁽³⁾ *Trạch chúa*: chọn chúa (mà theo).

⁽⁴⁾ *Bằng*: như.

⁽⁵⁾ *Lý Thông*: người đời Hán. Trước theo Vương Mãng, sau lại bỏ Vương Mãng theo Hán Quang Vũ, lập được nhiều chiến công, được vẽ tượng kỷ niệm trên Đài mây (Vân đài).

⁽⁶⁾ *Mã Viện*: danh tướng thời Hán. Lúc đầu theo Ngōi Hiêu làm loạn, sau lại về với Hán Quang Vũ, đánh tan Ngōi Hiêu, được Quang Vũ trọng dụng. Mã Viện đã từng xâm lược Giao Chỉ.

⁽⁷⁾ *Trương Lương*: đã chú thích ở trên.

⁽⁸⁾ Cao Tổ tức Hán Cao Tổ, tên là Lưu Bang, vua sáng lập ra nhà Hán.

⁽⁹⁾ *Phạm Chất*: người đời Tống, thi đỗ và làm quan từ thời Ngũ đại (trước Tống) nhưng khi Tống Thái Tổ nổi lên, Chất đi theo và vẫn được trọng dụng.

⁽¹⁰⁾ *Nghệ Tổ*: ở đây chỉ Tống Thái Tổ.

⁽¹¹⁾ "*Nhân Cơ Tử ai rằng có kém*": có ai bảo rằng ông ta kém ông Cơ Tử về đức "nhân đâu". (Cơ Tử là bề tôi nhà Thương, vì can vua Trụ mà bị tù... được người xưa coi là bậc thánh).

⁽¹²⁾ "*Binh khoẻ nở hùng bi ai địch*": ai dám địch lại đội quân khoẻ như hùm gấu.

⁽¹³⁾ "*Ngọn lửa... đâu phân*": ý nói nếu không sớm liệu, khi quân Lê kéo tới thì có chết oan đừng trách.

lành⁽¹⁾, ngổ lòng thực xá tin nhắc bảo⁽²⁾.

Tháng 5, Thái sư xuất quân từ Hưng Hoá qua đò sông Thao đến An Lạc, cùng với Văn Mật tiến đóng tại núi Hy⁽³⁾ rồi đánh phá quân Kính Điển, bèn kéo thẳng tới Xuân Canh, Lâm Hạ, thắng luôn mấy trận nữa. Bá Ly, Khải Khang⁽⁴⁾ và Văn Mật chia làm 3 đường tiến đánh, cũng đều phá được các tướng họ Mạc khác. Thế quân rất mạnh, Phúc Nguyên sợ hãi, đang đêm bỏ kinh đô chạy tới Kim Thành, gọi trụ sở của y là Đãng (từ 223b) Long điện, chỉ lưu Kính Điển ở lại làm Đô tổng suý, chống giữ ở Bồ Đề, bờ bắc sông (Nhị). Quân vua Lê bèn khôi phục Đông Kinh, sĩ dân hào kiệt nối tiếp quy phục. Thái sư cùng các tướng hội cả ở kinh sư, mở đại yến khao thưởng tướng sĩ, tùy theo cấp bậc.

Lúc này quân nhà vua thắng trận luôn luôn, một dải núi phía Tây Nam, và các phủ Thường Tín, Ứng Thiên, Lý Nhân, Quốc Oai và Quảng Oai, đều đã thuộc về bên ta. Bên giặc Mạc chỉ có 2 đạo Đông và Bắc. Chúng gọi bắt hết hương binh ở hai đạo ấy cho lệ thuộc vào các doanh. Từ bến Bồ Đề⁽⁵⁾ trở lên phía Bắc, chúng đắp lũy đất, đặt thuyền chiến, quân thủy quân bộ đóng xen kẽ nhau, phòng thủ rất nghiêm!

Bọn Bá Ly và Nguyễn Khải Khang tính rằng: hiện

⁽¹⁾ Muốn về lành: muốn theo điều tốt (về lành: dịch chữ quy thiện).

⁽²⁾ Bài văn này, bắt đầu từ câu "Từng mảng rằng" đến câu "ngổ lòng thực xá tin nhắc bảo" này, nguyên bản là chữ Nôm.

⁽³⁾ Bản *LML* sót chữ Hy trước chữ Sơn.

⁽⁴⁾ Bản *LML* chép lầm chữ Khải Khang ra thành Khải Hoàn.

⁽⁵⁾ Bồ Đề: nay thuộc đầu cầu Long Biên, bên phía Gia Lâm.

Phúc Nguyên đã chạy lên Kim Thành, thì khí thế đã xuống lắm, dù có lưu quân phòng thủ, cũng không đáng làm ta phải lo ngại. Nếu bây giờ đón về ngự tại kinh thành, thì nhân tâm tất hưởng ứng, hào kiệt sẽ đều quy phụ, nhân đó giữ lấy trung châu mà hiệu lệnh bốn phương, quét hết bọn giặc tàn, thì công khôi phục, sẽ có thể tính (tờ 224a) từng ngày. Bèn sai người tâu báo thẳng trận, và dâng tờ biểu đón vua ra Đông Kinh.

Thái sư thì tính rằng: hiện đảng giặc hãy còn khá nhiều, chúng có thể gọi đông đảo viện binh các nơi kéo đến. Nếu quân ta vào sâu nơi trọng địa, nhờ chúng đón đánh chặn ngang, thì dù có lấy được Đông Kinh, cũng khó lòng giữ nổi. Vả chẳng lúc này nhân tâm cũng chưa phải hướng về mình hết. Chi bằng hãy giữ vững nơi căn bản đã, chưa nên khinh động. Bởi thế Thái sư không ký tên vào tờ biểu trên.

Khi vua xem tờ biểu của các tướng, không thấy chữ ký của Thái sư, vua biết ngay Thái sư tất có ý kiến khác, bèn hạ tờ chiếu cho các tướng kéo quân về.

Trước khi ta lui binh, Phúc Nguyên đã sai tướng nguy Khánh quốc công, dẫn thủy quân từ Đông Nam ngược dòng tiến lên, đóng sẵn tại núi Nam Công, định đánh ngang vào hậu quân ta. Nhưng Thái sư quay về tiến đánh, phá tan, rồi cùng bọn Bá Ly trở về Thanh Hoa, Văn Mật thì trở về Tuyên Quang.

Sau khi ta đã lui binh, Phúc Nguyên lại chiếm thành Đông Kinh, nhưng còn đóng ở Bồ Đề. Kính Điển sai bộ binh đóng đồn tại Yên Mô, thủy binh đóng đồn ở Thần Phù. Các xứ Sơn Nam, Sơn Tây lại thuộc về họ Mạc.

Mùa xuân năm Thuận Bình thứ 5 (1553), Thái sư (từ 224b) lập hành tại ở An Trường⁽¹⁾.

Phúc Nguyên mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Nguyễn Lượng Thái, cộng 20 người trúng tuyển⁽²⁾.

Tháng 6 năm ấy, các bầy tôi của Phúc Nguyên là Trần thảo doanh Tổng đốc Hưng quận công Nguyễn Quý Liêm, và Hùng tiệp doanh Ký lục⁽³⁾ hiệu lý Nguyễn Ngạn Hoảng dâng tờ sớ rằng:

"Quốc gia phải có kỷ cương, kỷ cương có nghiêm thì thiên hạ mới định. Thời xưa, vua nhà Chu chấn chỉnh kỷ cương mà nên danh trung hưng; vua nhà Đường chấn củ kỷ cương mà nên nghiệp trung thiên. Đó là do trên vua giữ kỷ luật, cho nên bầy tôi không dám chuyên quyền vậy.

Gần đây, gặp lúc quốc gia có biến, tướng ngạo binh kiêu, không tuân hiệu lệnh, triều đình hồ hững chẳng chịu hỏi tra. Nay kỷ cương đã phấn chấn, như việc binh, việc ngục tụng, là việc lớn, đều có người cai quản, nếu người không phải phận sự, thì không được thiện tiện. Thế mà hạ thần thấy: các phủ huyện lấy lính, tuy đã chiếu đủ số, mà mỗi khi sai làm việc gì, thì người nọ lừa cho người kia (từ 225a), cố ý lánh việc, tướng quân không cấm nổi, để cho cái tệ quấy nhiễu càng ngày càng nhiều. Đến như việc ngục tụng, là trách nhiệm của quan hữu ty, thế mà các nha phủ, các quan trong doanh trại, và các quan đô ty vệ sở, đều lập nha môn xử kiện ngay trong

⁽¹⁾ *Cương mục* chưa: An Trường là tên xã, thuộc huyện Thụy Nguyên phủ Thiệu Hoá tỉnh Thanh Hoá.

⁽²⁾ *LTHCLC* chép là 21 người.

⁽³⁾ Bản *LML* sót chữ ký lục.

nhà, có người kiện về việc hộ, việc giá thú, điền sản và các việc khác, các viên ấy đều tự tiện nhận đơn, rồi bắt tới tra khảo, hạch sách tiền của, tự ý phân xử, mà các quan hữu ty cũng không can thiệp. Thậm chí có viên đích thân đem thuyền đi bắt con gái lương dân! Những mối tệ như vậy, mà bỏ qua không hỏi tới, thì còn lấy gì để đè nén người quyền quý, bảo vệ kỷ cương của triều đình?

Hạ thần là Quý Liêm, lạm dự việc bình, tuy không phải chức ngôn quan. Nhưng nếu biết mà không nói, sợ không tròn nghĩa vụ của kẻ bầy tôi.

Vậy xin giao cho triều thần họp bàn, rồi thông sức cho các quan phủ doanh và đô ty, không được nhiều dân như trước, để cho trên dưới được yên, kỷ cương lại đứng đắn".

Phúc Nguyên cho tờ sớ này là phải.

Bọn Thái bảo Hồng (tờ 225b) quốc công Nguyễn Phú Xuân, và Chung Mỹ hầu Đoàn Duy Hưu xin sao tờ sớ trên của Quý Liêm, gửi cho các doanh và truyền lệnh: Nếu kẻ nào vẫn dám làm bậy như trước, thì cho các viên tán lý, ký lục và bản đạo thừa hiến doanh ấy, được xét tâu để trị tội. Lại truyền lệnh cho toàn dân thiên hạ: hễ có ai đến nộp đơn kiện (thì nha môn ấy xử đoán như lệ, nếu)⁽¹⁾ nhân viên nào không phải là người có trách nhiệm về ngục tụng của nha môn, lại thiện tiện đòi hỏi tra xét, thì nên xét tâu để trị tội.

Niên hiệu Thuận Bình thứ 6 (1554), Phúc Nguyên đổi niên hiệu Cảnh Lịch thứ 7 làm niên hiệu Quang Bảo thứ nhất.

⁽¹⁾ Bản *LML* thiếu đoạn văn trong móc.

Thái sư Trịnh Kiểm lập hành doanh tại Biên Thượng. Lúc này khí thế quân sĩ đang lên, bèn sai các tướng kinh lược Hoá Châu. Ngụy Viên Đàm bá là Hoàng Bôi, chiếm cứ Đầu nguồn, chống giữ. Quan quân bình định các huyện, các thổ hào và các quan từ Đông Kinh bổ nhiệm tới đều hàng phục, cả Hương Dương bá Phạm Đức Trung⁽¹⁾ cũng quy thuận, liền thêm binh đánh gấp, phá tan quân chống cự, giết chết Hoàng Bôi, bình định cả hai xứ Thuận, Quảng. Tham tướng (từ 226a) Phạm Khắc Khoan lại xuất quân chống cự quân ta, nhưng cũng bị thua và chết trận. Sau khi bình định 2 xứ này, Thái sư thu thập các hào mục và sinh viên trong xứ, bổ nhiệm vào các chức. Cả vùng này được yên.

Vua bắt đầu mở chế khoa, cho Đinh Bạt Tụy trúng tuyển hạng "xuất thân". Từ đây nhân tài các phương, không ngại đường xa ngàn dặm, đều đua nhau vào Thanh Hoa ứng thí, mong được sử dụng, vua bèn tùy tài từng người, bổ nhiệm các chức. Thế nước càng trở nên thịnh vượng.

Tháng 6, ngụy Thiếu sư trí sĩ Trần Phi chết, thọ 76 tuổi. Vì lúc này Phúc Nguyên đang gặp nhiều biến cố, cho nên không sắm lễ nghi đầy đủ, chỉ cấp tiền phúng điếu 20 quan và 57 mẫu ruộng "thế nghiệp".

Niên hiệu Thuận Bình thứ 7 (1555), tháng 8, lúc này Phúc Nguyên đã tập hợp đủ tướng sĩ chống cự quân vua, phòng thủ các nơi hiểm yếu, trong cõi tạm yên, bèn sai chú là Kính Điển đem quân vào đánh cướp (Thanh Hoa), sai Thọ quận công tiết chế quân Nam đạo, dẫn hơn 100 chiến

⁽¹⁾ Bản D và LML là Nguyễn Đức Trung.

thuyền⁽¹⁾ làm quân tiên phong, thẳng tới cửa biển Thần (từ 226b) Phù. Ngày hôm sau, Kinh Điển hội quân ở sông Đại Lại, sai Thọ quận công tiến quân đóng tại Kim Sơn.

Phía quân nhà vua, thái sư đã đặt phục binh trước ở núi Bạch Thạch phía Bắc sông, lại tuyển binh tượng hùng mạnh mai phục dưới Kim Sơn; sai trung quan Thái úy Đinh Công, Thượng tể Lê Bá Ly và Thái úy Nguyễn Khải Khang, phục binh ở phía Nam sông; còn từ núi Yên Định cho tới núi Quân An, thì sai Phạm Đốc và Nguyễn Quyên, dẫn thủy quân chiếm cứ thượng lưu từ sông Hữu Cháp đến sông Kim Bôi, để làm thế "ỷ giốc". Khi binh thuyền họ Mạc đi qua Kim Sơn, đến chợ Ông Tập, chúng tự cho là hùng mạnh, không đề phòng, trong quân nổi tiếng đàn sáo ca hát, như vào chỗ không có người.

Đinh Công và Bá Ly (trước hết nổ pháo làm hiệu, hai bên bờ sông nổ liền 7 tiếng pháo, phục binh của quan quân đều trỗi dậy)⁽²⁾, quân và voi ngựa từ hạ lưu qua sông, đánh chặn ngang vào hậu quân bên địch; thủy quân ở thượng lưu thì đánh vào (từ 227a) mặt tiền; rồi 4 mặt quân dồn đánh ập cả vào, phá tan quân Mạc, Thọ quận công phải nhảy xuống sông, bị quân ta bắt được, còn Vạn Đồn hầu và vài mươi tướng tá khác, đều bị chết đuối. Kinh Điển thu thập tàn binh chạy về kinh sư.

Mùa xuân năm Thuận Bình thứ 8 (1556), Phúc Nguyên mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Phạm Trấn, cộng 14 người trúng tuyển⁽³⁾.

⁽¹⁾ Bản *LML* chép là 300 chiến thuyền, bản *A, B, D, H, Cương mục* và *Toàn thư* đều chép là hơn 100.

⁽²⁾ Bản *D* và *LML* sót đoạn văn trong dấu móc.

⁽³⁾ *LTHCLC* chép là 24 người.

Năm ấy, vua Trung Tông hoàng đế thăng hà, Thái sư đón cháu huyền tôn của Lam quốc công là Thự vệ sự Mai Sơn hầu Duy Bang ở làng Bồ Vệ xứ Đông Sơn vào lên ngôi vua. Đó là vua Anh Tông.

Năm Đinh Ty, niên hiệu Thiên Hựu thứ 1 (1557), tức niên hiệu Quang Bảo thứ 4, triều Phúc Nguyên, mùa xuân, Phúc Nguyên dùng Kính Điển kiêm chức Tổng nhân lệnh.

Lê Bá Ly, sau khi đem con em họ hàng về Thanh Hoa quy thuận, lần thăng tới chức "đặc tiến khai phủ Bình chương quân quốc trọng sự, chưởng triều đường chính", đến ngày 1 tháng 4 năm ấy thì chết, hưởng thọ 82 tuổi, triều đình ban tước tằng tước Nghĩa huân công, và ban tên thụy là Trung Hựu.

Mùa thu, tháng 7, Phúc Nguyên lại sai Kính Điển vào đánh cướp Thanh Hoa (từ 227b); Phạm Quỳnh và Phạm Dao đánh cướp xứ Nghệ An. Kính Điển đến địa phương Tống Sơn, Nga Sơn nơi sông Thần Phù, đốt phá hết cầu nổi của ta. Thái sư sai thuộc tướng Thanh quận công đóng đồn quân tại Nga Sơn; Thuy quận công Hà Thọ Tường đóng đồn quân tại Tống Sơn để chống cự, nên quân giặc không tiến được. Thái sư đích thân đốc suất binh tượng, đi ngầm theo chân núi Yên Mô thẳng tới cửa biển, phóng quân đánh vào sau lưng quân địch, lại sai thuộc tướng Vũ Lăng hầu Phạm Đức Kỳ người ở Hoàng Hoá làm tiên phong, xông lên thuyền quân Mạc mà đánh, Đức Kỳ gặp thuyền Kính Điển, liền nhảy vọt sang, tuốt gươm chém tên vác dù đứt làm 2 đoạn, rơi xuống sông! Kính Điển không kịp trở tay, liền nhảy xuống sông trốn. Quân Mạc đều tan rã chạy vào rừng núi, quan quân ta bắt được rất nhiều thuyền và khí giới.

Sau khi Kính Điển nhảy xuống sông, bơi vào ẩn nấp tại hang núi xã Trị Nội, trong 3 ngày⁽¹⁾ rất đói khát. Một đêm, nhân thấy cây chuối trôi qua cửa lạch, bèn ôm vào cây chuối (tờ 228a) tìm lối bơi về, mấy ngày sau mới tới bến Trinh Nữ hạt Yên Mô, gặp người đánh cá ở xã Trà Tu, cứu thoát. Khi Kính Điển về tới kinh đô, tâu phong cho người đánh cá Tước Phù Nghĩa hầu.

Sau khi Thái sư đã đánh phá quân Kính Điển, liền dùng ngay chiến thuyền của Kính Điển chở tinh binh, cắm cờ hiệu của nguy Mạc trên thuyền, rồi sai Phạm Đốc dẫn chiến thuyền tới cửa biển Đan Nhai⁽²⁾. Phạm Quỳnh và Phạm Dao đang đóng đồn ở Tả Ao hạt Nghi Xuân, trông thấy chiến thuyền, tưởng là quân tiếp ứng của chúng nên không đề phòng. Phạm Đốc thẳng tới đánh úp, phá tan quân địch! Bọn Phạm Quỳnh bỏ thuyền chạy về.

Tháng 8, Thượng thư bộ Lại, Thư quân công Nguyễn Thiến chết ở Thanh Hoa, con trai là Quyện và Miễn, đều trốn đi, trở về hàng Phúc Nguyên, Phúc Nguyên uỷ lạo, khôi phục tước Văn Phái hầu cho Nguyễn Quyện; tước Phù Hưng hầu cho Nguyễn Miễn và gả con gái tôn thất cho. Sai hai anh em xuất binh chống cự quân vua ta.

Tháng 9, Thái sư đem 5 vạn thủy lục quân đánh họ Mạc, ra trung lộ xứ Sơn Nam⁽³⁾, đến sông Phượng Si, làm cầu nổi (tờ 228b) để qua sông, rồi tiến đánh phá tan quân giặc, bắt được tướng Mạc là Khánh quốc công, quân giặc tan vỡ, ta thu được khá nhiều chiến thuyền.

⁽¹⁾ Bản D, LML chép là "3 tháng".

⁽²⁾ Đan Nhai: Cương mục chưa: ở xã Cổ Đan, chỗ giáp giới 2 huyện Nghi Xuân và Chân Lộc.

⁽³⁾ Bản LML chép là "Sơn Tây" - sai.

Sau khi Khánh quốc công bị bắt, Thái sư cho ngói trên lưng voi để theo quân hiến kế. Nhưng y lại mưu phản, bị tiết lộ, bèn đem giết chết.

Quan quân lược định hạ lộ xứ Sơn Nam, đến hạt Giao Thủy, thì họ Mạc sai Nguyễn Quyện xuất quân chống cự ở sông Hồ Trì.

Nguyễn Quyện nguyên là hàng tướng, ở Thanh Hoa đã lâu, nên biết rõ tình hình binh tướng và thực hư về sức mạnh yếu của ta, vả chăng y lại mới hàng họ Mạc, muốn lập công để chuộc tội, cho nên đánh rất hăng. Thái sư nghe biết tên Quyện ở trong trận này, thì giận lắm! Liền đích thân thống lĩnh bộ binh, sai bọn Phạm Đốc chỉ huy thủy binh; sai Vũ Lăng hầu Phạm Đức Kỳ làm tiên phong đem thủy quân tiến đánh Nguyễn Quyện. Đang khi Nguyễn Quyện và Đức Kỳ ác chiến kịch liệt, Đức Kỳ vươn mình nhảy sang đầu thuyền Nguyễn Quyện, (Nguyễn Quyện xông ra chém, Đức Kỳ nhảy vọt xuống nước, Nguyễn Quyện nhảy sang thuyền Đức Kỳ)⁽¹⁾ chém người cầm lọng, rồi hô to lên rằng:

"Đã chém được đầu Vũ Lăng hầu (tờ 229a) đây rồi! Chúng mày làm sao địch nổi ta".

Quan quân nghe đều tan vỡ, bỏ thuyền chạy cả lên bờ.

Thái sư vội ra lệnh thu quân trở về, sai Hoàng Đình Ái đi chặn hậu. Nhưng bị quân giặc chặn đường về, quan quân phải hết sức chiến đấu, mới qua được, bị chết mất vài chục tướng tá, bao nhiêu thuyền mảng khí giới phải bỏ hết! Từ đây, các huyện xứ Sơn Nam lại thuộc về họ

⁽¹⁾ Bản LML chép thiếu một đoạn trong dấu móc, nên nhầm lẫn quân Mạc và quân Lê Trịnh.

Mạc. Phúc Nguyên bèn phong tước Thạch quận công cho Nguyễn Quyện.

Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chính Trị thứ nhất (1558). Thái sư dẫn quân ra trung lộ xứ Sơn Nam, đánh bất thành linh khi bên địch không để ý, bắt được tướng bên địch là Anh Nhuệ hầu, giết chết.

Tháng 9, Thái sư lại xuất quân đánh thượng lộ xứ Sơn Nam, lược định vài huyện, rồi về, lưu Thái úy Nguyễn Khải Khang trấn thủ các huyện, để chiêu tập dân địa phương.

Nguy Đà quận công Mạc Ngọc Liễn là con trai Nguyễn Kính và là cháu gọi Khải Khang bằng cậu, sai thổ dân ở Mỹ Lương trá hàng Khải Khang, rồi lừa bắt Khải Khang giải về triều Mạc, Phúc Nguyên xử tử Khải Khang bằng cực hình: dùng xe kéo xé xác. Triều đình ta nghe được tin này, Thái sư thương Khải Khang (tờ 229b) là người có nhiều công lao, bèn tâu xin truy tặng tước Hiến Trung công và bổ dùng cháu họ ông là Nguyễn Hữu Liêu.

Tháng 10, Thái sư châu vua ở nơi hành tại, bàn về kế sách đánh giặc Mạc, tâu rằng:

"Xứ Thuận Hoá là một kho tinh binh trong thiên hạ, buổi đầu, quốc triều ta bắt đầu gây dựng cơ nghiệp, cũng đã dùng dân xứ ấy để dẹp giặc Ngô. Xứ ấy, địa thế hiểm trở, dân khí cương cường, lại có nhiều nguồn lợi trên rừng dưới biển, là vùng trọng yếu, không xứ nào hơn. Gần đây, quan quân kinh lược hàng mấy chục năm mới lấy được. Vậy nên hết sức bảo vệ, để làm một bức bình phong vững chắc.

Còn như vùng đất từ xứ Nghệ An vào, thì vì đường

thủy đường bộ xa cách, có thể khỏi phải để ý lo ngại.

Duy từ Hải Dương và xứ Quảng Yên, khi thuận gió, giặc phóng thuyền ra biển, thì chỉ vài ngày có thể đến địa phận ta, sợ binh giặc dễ thừa cơ xâm lược ta bằng nẻo đường này.

Hạ thần xét thấy con trai thứ của Chiêu Huân Tĩnh công là Nguyễn Hoàng, là một người trầm tĩnh cương nghị, lại có mưu lược, đối với quân sĩ có độ lượng khoan dung giản dị. Vậy xin bổ ông làm trấn thủ, để trị an (từ 230a) nơi biên thủy và chống giặc ở miền Bắc kéo vào; và lại cùng Trấn quận công ở xứ Quảng Nam, cùng làm thế cứu viện lẫn nhau. Hết thấy các việc to nhỏ ở địa phương ấy, xin đều để ông được tùy nghi định đoạt; lại xin uỷ cho ông thu các sắc thuế, nộp về triều đình đúng kỳ hạn, để thêm vào sự chi tiêu trong nước. Như vậy, thì một vùng Ô Châu, khỏi phải để ý lo tới, hạ thần sẽ khỏi phải phân tâm, mà chỉ dốc hết ý chí về việc đông chinh: bắt đầu kinh lý xứ Sơn Nam và xứ Sơn Tây, rồi thứ đến khôi phục kinh đô cũ, tiêu trừ thoán nghịch. Nghiệp trung hưng sẽ có thể sớm thành công".

Vua Anh Tông thi hành theo ý kiến này, từ đấy Mạc Phúc Nguyên không dám nhòm ngó tới hai xứ Thuận, Quảng.

Mùa xuân năm Chính Trị thứ 2 (1559), Phúc Nguyên mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Đặng Thi Thố cộng 19 người trúng tuyển⁽¹⁾.

Lúc này, quân vua ta ra đánh liên miên, năm này

⁽¹⁾ LTHCLC chép: lấy đỗ 20 người.

qua năm khác, quân Mạc bị thua luôn, bởi thế Phúc Nguyên sợ, không dám ở trong kinh thành, bèn từ Bồ Đề di cư vào phía ngoài cửa Nam kinh thành, dựng điện lợp tranh để quần thần châu.

Cũng thời kỳ này, Thái sư đã vỗ trị quân dân, luyện tập tướng sĩ, thu dụng nhân tài, tích trữ đầy đủ khí giới lương thực, chuẩn bị tất cả, muốn (từ 230b) mở một trận tấn công đại quy mô ra miền Đông, để khôi phục cơ đồ, bèn mật bàn với các tướng rằng:

"Con đường xứ Sơn Nam, mỗi khi quan quân ta đông chinh, đều đi lối ấy, cho nên Phúc Nguyên đem nhiều tinh binh, cả thủy lục quân bố trí phòng thủ các chỗ hiểm yếu. Ta khó bề tung hoành.

Chỉ có thượng lộ xứ Sơn Tây và các xứ Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, phần nhiều là rừng rậm bao la, đường hẻm quanh quất, chúng không để ý phòng bị. Và nơi đó có tướng doanh An Bắc Gia quốc công trấn thủ ở Đại Đồng, vẫn hết lòng trung thành với vua ta. Một khi ta tới đây hội hợp với quốc công, thì khi tiến quân có thể đánh phá, khi lui quân sẽ có lối về.

Vậy nay nên xuất quân lối Thiên Quan, đi qua xứ Hưng Hoá; qua dò sông Thao, hội hợp với Gia quốc công, thu dụng các phiên mục thổ tù nơi đó, để tăng cường thế quân, rồi đi theo đường chân núi, lược định hai xứ Thái Nguyên và Lạng Sơn, phủ dụ dân biên thủy, chiêu tập các hào kiệt, để cắt vây cánh quân giặc, rồi sau mới dẫn quân xuống xứ Kinh Bắc, chia quân đánh vào Hải Dương, Sơn Nam, làm cho rung cành lá và lay (từ 231a) cõi rể quân địch, thì thiên hạ sẽ chấn động, thế giặc sẽ xuống ngay. Lúc ấy Phúc Nguyên chỉ còn giữ bốn bức tường kinh thành mà thôi, ta sẽ đem đại quân đánh vào

ba mặt, còn lo gì không thắng".

Trong số tướng hiệu có vị thưa rằng:

"Xuất quân con đường ấy, thì sự vận tải lương thực sẽ vòng vèo, vả lại cách nội địa quá xa, nếu bị chúng đánh chặn thì lui quân cũng rất khó khăn".

Thái sư nói rằng:

"Đâu phải thế! Nơi đó, bốn xứ: Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên và Lạng Sơn, nhân dân giàu có, tiền thóc dư thừa, ta đến đâu sẽ lấy lương thực ngay nơi đó, còn lo gì về sự thiếu ăn. Vả đây có dãy núi quanh co dài hàng ngàn dặm, ta đem tinh binh và voi ngựa hùng mạnh, rải vào những khoảng rừng rậm đó, thì còn ai có thể lường được là nhiều ít hư thực thế nào. Mỗi khi ta đánh chiếm được một xứ nào, thì ta lưu một viên mãnh tướng ở lại, rồi dùng thêm phiên thần cùng trấn thủ các nơi quan yếu. Như vậy thì đầu đuôi liên lạc, cứu viện tiếp liên, tức là cái thế "Thường Sơn xà" (con rắn núi Thường Sơn) đó. Nếu chúng đánh chặn, chỉ tổ cho ta bắt hết.

Ta chỉ lo về các huyện xứ Thanh Hoa, các cửa biển đều là then khoá cốt yếu của nội kỳ, cần phải canh phòng rất cẩn mật, để quân giặc khỏi nhòm ngó (tờ 231b). Chỉ cốt giữ cho nội kỳ vô sự, thì đại sự sẽ thành".

Bàn định xong, bèn dâng biểu lên vua, xin xuất quân đông chinh. Bảo cử viên tướng trong họ là Phong quận công Trịnh Quang làm Đề thống ngự doanh, Phù quận công Lê Chung⁽¹⁾ làm trấn thủ đạo Thanh Hoa, Trào

⁽¹⁾ Bản A chép là Lê Tống, bản B và H bỏ cách một chữ vì kiêng tên húy của Nguyễn Ánh (là Chung). Bản LML có viết, nhưng bớt nét để tỏ ý kiêng tránh, bản D viết thẳng chữ Chung, không kiêng.

quận công Vũ Sư Thuộc và An quận công Lại Thế Khanh, cùng lĩnh tinh binh trấn thủ cửa biển. Thái sư dặn hai viên tướng này: phải sửa sang thành lũy; cẩn thận do thám, liên lạc chặt chẽ mau chóng phục kích ngăn chặn, để phòng quân giặc đến đánh.

Mùa đông tháng 10 ngày Giáp Tuất, Thái sư cùng tướng sĩ thống suất 6 vạn quân bắc phạt, nói phao lên là 12 vạn quân, dùng Hoàng Đình Ái làm tướng tiên phong do đường Thiên Quan tiến ra các huyện Mỹ Lương và Bất Bạt thuộc Sơn Tây, quân đi qua nơi nào đều không lấy của dân một mảy may, nhân dân các nơi ấy đều được yên ổn như thường. Khi quân tới Hưng Hoá, thì tướng Tây đạo Định quận công dẫn binh lại hội, các đồn quân giặc đều bị phá và đều ra hàng. Khi lược định đến địa giới Tuyên Quang, thì Vũ Văn Mật ra đón Thái sư, (từ 232a) nhân đó bàn kế tiến quân qua sông, để lược định các đạo Thái Nguyên, Lạng Sơn và Kinh Bắc. Thái sư cử Văn Mật trấn thủ Đại Đồng như cũ, Định quận công trấn thủ xứ An Tây, để giữ nơi xung yếu, rồi Thái sư đem dân phu dọc đường đi theo, để khai phá đường lối, từ Thiên Quan nối liền tới (Hưng Hoá, Tuyên Quang, thông xuống)⁽¹⁾ Kinh Bắc, để tiện vận tải lương thảo. Thái sư sai các tướng chia đi đánh các châu huyện thuộc các phủ: Phú Bình, Trường Khánh. Nơi nào cũng tan vỡ và ra hàng. Thái sư bèn đích thân đốc suất đại binh từ Lạng Sơn kéo xuống, đóng quân tại doanh Thuận An⁽²⁾ cùng cầm cự với quân Phúc Nguyên. Sau lại đóng đồn quân trên núi Tiên Du.

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* sót các chữ trong dấu móc.

⁽²⁾ Bản *LML* thiếu chữ An sau chữ Thuận.

Tháng 11, Thái sư đem quân đánh các phủ: Siêu Loại, Văn Giang và Khoái, Hồng, quân nhà vua kéo đến dẫu, quân giặc đều tan chạy.

Tháng 12, Thái sư sai tướng khác đánh phá các phủ huyện Khoái, Hồng và Nam Sách, quân địch hễ thấy bóng quân ta là bỏ chạy.

Năm Chính Trị thứ 3 (1560), tháng giêng, Thái sư lại chia quân qua lối của phủ Khoái, Hồng tiến về phía Nam, đánh phá hạt Tiên Hưng; qua Nam Sách tiến về phía Đông, đánh phá hạt Kinh Môn, hạ hết các huyện: Đông Triều (*từ 232b*), Giáp Sơn, Chí Linh và An Dương. Phúc Nguyên kinh sợ, bèn sai chú là Kính Diển đóng đồn tại Kinh Bắc, để chống cự đại quân ta; chúng sai các tướng khác chia giữ Đông Kinh, đóng đồn binh khắp phía ngoài thành. Một dải sông phía Tây, trên từ Bạch Hạc, dưới đến Nam Xương, doanh trại tiếp liền, thuyền mảng san sát, trại nọ liên kết với trại kia, ban ngày thì bằng ngọn cờ tiếng trống, về ban đêm thì bằng bó đuốc cây đèn. Phúc Nguyên thì di cư về huyện Thanh Trì.

Tháng 3, Thái sư sai Hoàng Đình Ái trấn thủ Lạng Sơn, Lê Khắc Thận trấn thủ Thái Nguyên, Vũ Văn Mật trấn thủ Tuyên Quang, 3 trấn này liên lạc và cứu viện lẫn nhau, đồng thời ngày đêm đánh phá các châu huyện chưa hạ được ở Phú Bình và Văn Lan⁽¹⁾; lại sai Định quận công trấn thủ Hưng Hoá, để chiêu tập nhân dân các châu Mai, Mộc và Hoa⁽²⁾, Việt, cung cấp lương thực cho quân lính. Sự liên lạc của quan quân từ Thiên Quan tới Kinh

⁽¹⁾ Bản A và H là Văn Quan, bản B, D và LML là Văn Lan.

⁽²⁾ Hoa: có lẽ là huyện Phù Hoa, tức là Phù Yên đời sau.

Bắc không bị gián đoạn. Binh uy lừng lẫy!

Tháng 4, Thái sư đóng quân tại phía Nam Lãm Sơn, sai các tướng (từ 233a) chia nhau tiến về phía Đông, đánh phá các huyện: Đường An, Đường Hào, Thanh Miện và Gia Phúc⁽¹⁾, các đồn binh ở các nơi này đều tan vỡ.

Tháng 10, Kinh Diển dẫn quân qua sông, tiến tới huyện Vũ Ninh, để chống đại quân ta. Có viên tướng khác của Thái sư sai là Đặng Huấn, thừa tiện lên ra đánh quân Kinh Diển, bị Kinh Diển đánh cho bại trận, dưới cờ chỉ còn hơn 200 quân. Đặng Huấn thu thập tàn quân, dẫn lên đồi cao nghỉ ngơi, sai quân sĩ bỏ yên ngựa và tắm cho voi, tỏ ra vẻ nhàn hạ ung dung. Quân giặc kéo tới vây kín mấy vòng, Đặng Huấn truyền lệnh quân sĩ: không được huyên náo! Chờ đến khi thấy quân địch có vẻ trễ nải, lúc ấy mới dẫn quân ồa xuống, hết thấy đều dốc sức chiến đấu, vượt ra khỏi được mấy vòng vây, quân giặc đều chạy dạt ra cả, không tên nào dám vào. Đặng Huấn bèn dẫn quân về Lãm Sơn⁽²⁾, hội với đại quân của Thái sư.

Năm ấy được mùa to, Thái sư sai thổ dân đã quy thuận ở các huyện, cung cấp lúa mùa để thêm quân nhu.

Tháng 3, năm Chính Trị thứ 4 (1561) có người hiến kế với Phúc Nguyên rằng:

"Quân nhà Lê xâm lấn ta rất gât! Ta sở dĩ kiên thành cố thủ, để (từ 233b) cầm cự lâu dài, là có ý muốn chờ khi họ thiếu lương sẽ bị bại. Nhưng hiện nay đường

⁽¹⁾ Bản D và LML chép là Gia Cốc - sai.

⁽²⁾ Bản A chép là Lãm Thượng, theo các bản B, D, H và LML.

vận tải của họ rất thuận tiện, tiếp tế lương thảo liên tiếp đầy đủ, họ hoành hành đã hai năm nay, thanh thế rất mạnh. Thì còn chờ đến lúc nào mới thừa cơ đánh phá? Chi bằng dùng cách xuất kỳ bất ý, ngầm dẫn quân tiến thẳng vào Thanh Hoa, đánh ngay vào nơi tâm phúc, thì đạo quân đang vây ở Kinh Bắc và Hải Dương, ta không cần đánh cũng sẽ tự giải. Đó là cái kế "đánh nước Ngụy để cứu nước Hàn"⁽¹⁾ của Tôn Tử vậy".

Phúc Nguyên nghe theo lời trên, bèn sai viên tướng khác thay Kính Điển trấn thủ Kinh Bắc, rồi ngầm với Kính Điển về kinh sư.

Tháng 7, Kính Điển dùng chiến thuyền vào cướp Thanh Hoa, đánh vào các cửa biển. Các tướng trấn thủ cửa biển là Vũ Sư Thuộc và Lại Thế Khanh, không phòng bị, trong khi hoảng hốt, vội lui quân về giữ sách Vạn Lại. Thái sư được tin trên, bèn gấp rút truyền lệnh cho Hoàng Đình Ái bí mật dẫn quân về trấn thủ Thanh Hoa.

Tháng 9, Kính Điển đánh vào cửa quan An Trường, tiến tới sách Vạn Lại, sách sắp bị chiếm, thì phục binh của Sư Thuộc trỗi dậy, cố sức chiến đấu, đánh bại đạo quân tiên phong của địch, chém đầu hơn trăm tên. Kính Điển lại được tin viện binh của Đình Ái sắp đến, bèn lui quân về (tờ 234a) Đông Kinh.

Thái sư cũng triệt hết quân ở các doanh, lui về Thanh

⁽¹⁾ Bản LML chép "công Hàn cứu Hàn" - sai. Điển này như sau: thời Chiến Quốc, vua nước Ngụy sai Bàng Quyên dẫn quân đánh nước Hàn, Hàn bị nguy cấp, cầu cứu nước Tề, nước Tề sai Tôn Tẫn làm quân sư dẫn quân cứu nước Hàn. Nhưng Tôn Tẫn không đến nước Hàn để giải vây, hạ lệnh quân sĩ tiến thẳng vào nước Ngụy, tuyên bố sẽ đánh vào kinh đô nước Ngụy. Bàng Quyên được tin cấp báo, vội vàng kéo quân về cứu bản quốc. Thế là nước Hàn được thoát nạn.

Hoa, dâng công chiến thắng lên nhà vua ở nơi hành tại, rồi dừng quân tại phía Nam thành Tây Đô, thăng thưởng cho các tướng sĩ có công chiến thắng, lại dùng mưu thần là Phùng Khắc Khoan làm ngụ doanh Ký lục tri Tứ vệ.

Tháng 12, Phúc Nguyên sai Thái bảo Nguyễn Phú Xuân và Lại bộ Tả thị lang Giáp Trưng, dẫn quân đánh xứ Lạng Sơn. Lúc này, tướng giữ thành Lạng Sơn là Hoàng Đình Ái, đã theo đường núi trở về Thanh Hoa trước rồi, viên tướng do Đình Ái lưu lại giữ thành bị thua trận, tan vỡ. Phú Xuân bèn chiếm cứ thành, rồi đưa thư sang nhà Minh, xin ban lịch Trung Hoa⁽¹⁾. Nhà Minh hỏi: Quân chiếm thành Lạng Sơn vừa rồi, là quân họ Mạc hay quân họ Lê? Giáp Trưng phúc đáp: "Quân chiếm thành Lạng Sơn vừa rồi là quân giặc".

Năm Nhâm Tuất, niên hiệu Chính Trị thứ 5 (1562), Phúc Nguyên mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Phạm Duy Quyết cộng 18 người trúng tuyển.

Tháng 2, vua Anh Tông sai Lộc quận công, Nhân Khê hầu đem quân lược định 10 châu thuộc xứ Hưng Hoá.

Tháng 3, Phúc Nguyên cho Giáp Trưng giữ chức Thượng thư bộ Lại, phong tước Tô Khê hầu (*từ 234b*).

Tháng 9, Thái sư tiến binh ra Sơn Nam, đi tuần các địa phương Thanh Trì và Thượng Phúc, lập đại doanh tại Sơn Minh.

Tháng 11, vương sư trở về.

Tháng 2 niên hiệu Chính Trị thứ 6 (1563), vợ Phúc Nguyên là Bùi thị sinh ra Mậu Hợp.

⁽¹⁾ Bản *LML* chép lầm chữ "lịch" ra chữ "hoàn".

Ngày mồng 7 tháng 2 niên hiệu Chính Trị thứ 7 (1564). (Phúc Nguyên bị bệnh đậu chết, tiếm ngôi 19 năm, nguy thủy là Tuyên Tông Anh Nghị hoàng đế, Mạc Mậu Hợp nối ngôi)⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Bản *LML* sót đoạn trong dấu móc và sót "ngày 7". Bản *B* và *H* sót các chữ "Mậu Hợp nối ngôi" ở cuối cùng. Bản *D* các chữ ấy mới được bổ về sau. *Toàn thư* chép Mạc Phúc Nguyên chết vào tháng 12 năm Tân Dậu, tức tháng giêng năm 1561.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

[tờ 235a]

QUYỂN...⁽¹⁾

LIỆT TRUYỀN ĐỀ...

THẦN ĐÔN soạn

NGHỊCH THẦN TRUYỀN (HỌ MẠC)

5. MẠC MẬU HỢP

Mạc Mậu Hợp là con trai đích⁽²⁾ của Phúc Nguyên, tiến ngôi tháng 2 năm Giáp Tý niên hiệu Chính Trị thứ 7 (1564). Lúc này Mậu Hợp mới lên 2 tuổi, các việc do các ông chú là bọn Mạc Kính Điển và Mạc Đôn Nhượng phụ tá, đổi năm sau làm niên hiệu Thuần Phúc thứ nhất.

Thái sư sai biệt tướng Đặng Huấn ra vùng Hoài An, Sơn Minh⁽³⁾ bảo ông đốc thúc các dân đã hàng trong hạt

⁽¹⁾ Bản A chép là quyển thứ 33.

⁽²⁾ Bản A sót chữ đích, theo các bản B, D, H và LML.

⁽³⁾ Bản LML sót chữ "sơn" trước chữ "minh", nên dịch sai.

Trường An và Thiên Quan, tu sửa con đường từ Phố Cát tới Bình Lương, để tiện vận tải lương thảo. Từ đây, các huyện về phía Tây hạ lưu sông Xương Giang trong xứ Sơn Nam đều yên ổn.

Tháng 9, Thái sư tiến quân ra trung lộ xứ Sơn Nam, đánh các huyện (thuộc phủ) Trường Yên, đến tháng 11 mới dẫn quân về.

Năm Chính Trị thứ 8 (1565), Mậu Hợp (*từ 235b*) mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Phạm Quang Tiến cộng 16 người trúng tuyển.

Tháng 4, Thái sư xuất quân đánh phủ Trường Yên, phá hết các huyện trong phủ.

Mùa thu, tháng 9, Thái sư lại đốc đại binh đánh thượng lộ xứ Sơn Nam, đánh nơi nào cũng thắng.

Kính Điển bảo các tướng dưới quyền rằng:

"Lúc này binh sĩ của chúng (chỉ Thái sư Kiểm) rất tinh nhuệ, khó lòng đối địch, nếu đánh nhau với chúng, sợ không thắng nổi. Hiện chúng đang thân đốc đại binh đến đây đánh phá vùng Sơn Nam, nhưng chưa dễ gì đã qua được sông mà thẳng tiến đâu. Thanh Hoa là nơi căn bản của chúng, dù có lưu binh ở lại chia giữ các nơi, chẳng qua cũng chỉ có một vài tướng hiệu thôi. Vậy ta nên sai một vài đại tướng, đem binh cầm cự với chúng ở đây, để cầm chân chúng, rồi sau đem vài vạn quân, do đường thủy ngày đêm tiến gấp tới địa phận Thanh Hoa, xuất kỳ binh bắt lấy những tướng phòng thủ nơi đấy. Đó là kế "xả kiên công hà, xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị" (bỏ nơi kiên cố, đánh vào nơi đối phương không phòng bị), mà là yếu điểm tất thắng đấy".

Tháng 11, Kinh Điển bèn đem (tờ 236a) chiến thuyền vượt biển vào cửa Linh Trường⁽¹⁾, đánh phá các huyện Thuần Hựu⁽²⁾ và Hoàng Hoá. Tướng phòng thủ nơi đây là bọn Vũ Sư Thuộc cấp báo với Thái sư, Thái sư bèn sai Lộc quận công đem quân về cứu, hợp sức với binh tướng phòng thủ, đánh nhau với quân Kinh Điển ở Du Trường. Kinh Điển đặt phục binh nơi hiểm yếu, rồi đem kỵ binh ra khiêu chiến, vờ thua chạy, quan quân đuổi theo, gặp phục binh giặc trở dậy, quan quân bị thua to! Bọn Vũ Thuộc chạy thoát, Lộc quận công tử trận.

Thái sư được tin báo bại trận, bèn dẫn quân về, khi về đến Thạch Thành, Kinh Điển nghe tin, cũng dẫn quân lui về Đông Kinh.

Mùa xuân, năm Chính Trị thứ 9 (1566)⁽³⁾, vua Thế Tông nhà Minh chết, vua Mục Tông lên ngôi.

Mậu Hợp đổi năm Thuần Phúc thứ 2 (1566) làm năm Sùng Khang thứ nhất. Năm ấy Mậu Hợp di cư ra hành quán Bồ Đề (sai Giáp Trưng cùng Đông các hiệu thư Phạm Duy Quyết đi đến biên giới Lạng Sơn, đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về kinh đô.

Quang Bí đi sứ sang nhà Minh lo việc cống hiến thường niên, từ năm Mậu Thân, niên hiệu Gia Tĩnh thứ 27 (1548) ông đến Nam Ninh, bị nhà Minh ngờ là quan giả mạo, bắt phải chờ để tra xét mình bạch đã, rồi mới cho dâng lễ phẩm. Thế rồi họ gửi văn thư đi tra xét, nhưng chẳng có hồi âm, Quang Bí cứ phải lưu tại sứ

⁽¹⁾ *Linh Trường*: tức là cửa Lạch Trường ngày nay.

⁽²⁾ *Thuần Hựu*: nay là huyện Hậu Lộc.

⁽³⁾ Bản *LML* chép "cửu nguyệt xuân" tháng 9 mùa xuân - sai.

quán chờ mệnh lệnh, Phúc Nguyên thì vì lúc ấy trong nước nhiều nạn, bỏ khiếm khuyết việc cống hiến đã mấy năm liền, nên cũng không dám tâu xin. Đến năm Quý Hợi, niên hiệu Gia Tĩnh thứ 42 (1563), quan quân Lương Quảng nhà Minh mới sai người đưa Quang Bí tới Bắc Kinh. Nhân dịp đó Phúc Nguyên cũng sai quan hầu mệnh gửi cho Quang Bí 25 lạng bạc để thưởng lao. Khi Quang Bí tới kinh đô, lại bị lưu ở sứ quán. Đến lúc này, viên Đại học sĩ nhà Minh là Lý Xuân Phương, thương hại Quang Bí (bị giữ lâu ở quán đợi, mà vẫn kính cẩn giữ được mệnh của chúa, nên tâu lên vua Minh nhận cống phẩm và cho về. Quang Bí⁽¹⁾ ở trong nước (từ 237a) Minh đã 18 năm. Lúc ra đi tóc mây xanh mượt, khi trở về râu tuyết bạc phơ! Người Minh ví ông như Tô Vũ đi sứ khi xưa đến lúc bạc đầu mới được trở về⁽²⁾.

Khi Quang Bí trở về tới Đông Kinh, Phúc Nguyên bỏ lời an ủi, thấy việc đi sứ của ông giống hệt Tô Vũ, bèn phong cho tước Tô quận công⁽³⁾.

Tháng 9, Thái sư lại ra đánh xứ Sơn Nam, đánh đến hạt Gia Viễn và Phụng Hoá, thì dẫn quân về.

Năm Đinh Mão, niên hiệu Chính Trị thứ 10 (1567), là niên hiệu Long Khánh thứ nhất triều vua Mục Tông

⁽¹⁾ Bản *LML* chép sót đoạn văn trong dấu móc (...).

⁽²⁾ Tô Vũ, tên tự là Tử Khanh, chức Trung lang tướng thời vua Hán Vũ Đế, phụng mệnh đi sứ sang nước Hung Nô, bị lưu lại, phải đi chăn dê, 19 năm mới được về nước.

⁽³⁾ Các bản *A*, *B* và *H* chép việc đón Lê Quang Bí (từ chỗ "sai Giáp Hải... đến chỗ phong cho tước Tô quận công") vào sau chỗ "17 người trúng tuyển", tức là việc đi đón Lê Quang Bí xảy ra vào năm 1568. Bản *D*, bản *LML* và *Toàn thư* đều chép việc này vào năm 1566, chúng tôi theo các bản kể sau.

nhà Minh, lúc này Thái sư xuất quân bình định vùng Tây Nam, quân Mậu Hợp bị thua luôn luôn.

Mùa xuân, năm Chính Trị thứ 11 (1568), Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân (từ 236b), lấy bọn Vũ Hữu Chánh cộng 17 người trúng tuyển⁽¹⁾.

Tháng 3, Trấn quận công trấn thủ xứ Quảng Nam chết, vua bổ nhiệm Nguyên quận công⁽²⁾ Nguyễn Bá Quỳnh thay.

Tháng 4, Thái sư bị bệnh vẫn gắng gượng xuất quân ra đánh xứ Sơn Nam, phá các huyện: Yên Mô, Yên Khang, Gia Viễn và Phụng Hoá, thu lúa thóc các nơi này, rồi dẫn quân về.

Tháng 2 niên hiệu Chính Trị thứ 12 (1569), nhà vua gia phong Thái sư lên tước "Thượng phụ thượng tướng Thái quốc công".

Tháng 10 ngày Giáp Tý, ban đêm có động đất, làm cho núi lở.

Lúc này, thượng tướng Thái quốc công Trịnh Kiểm đau bệnh đã lâu, bèn xin trao lại binh quyền, vua ưng cho, bèn hạ chiếu mệnh con trai Thượng tướng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối, đốc lĩnh các doanh quân thủy bộ; Phúc Lương hầu Trịnh Tùng chức Bình đông đại tướng quân, nối giữ trọng trách của Thái quốc công, để đánh dẹp Mậu Hợp.

⁽¹⁾ Các bản A, B và H chép việc đón Lê Quang Bí (từ chỗ "sai giáp Hải... đến chỗ phong cho tước Tô quận công") vào sau chỗ "17 người trúng tuyển", tức là việc đi đón Lê Quang Bí xảy ra vào năm 1568. Bản D, bản LML và Toàn thư đều chép việc này vào năm 1566, chúng tôi theo các bản kể sau.

⁽²⁾ Bản LML chép lầm là Nguyên suý công.

Năm Chính Trị thứ 13 (1570) (*từ 237b*), vua triều Nguyễn Bá Quýnh về giữ chức Trấn thủ xứ Nghệ An, (và sai Nguyễn Hoàng⁽¹⁾) kiêm chức Trấn thủ cả 2 xứ Thuận và Quảng.

Tháng 2, Thượng tướng Thái quốc công chết. Con trai trưởng của quốc công là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối⁽²⁾ làm nhiều sự thất nhân tâm, Phúc Lương hầu cùng tướng bèn tới cửa khuyết tâu tội trên của Trịnh Cối. Khi vua tới sách Vạn Lại, thì Trịnh Cối đem binh đánh vào chỗ vua, Phúc Lương hầu dẫn quân chống cự mất vài tháng⁽³⁾, sau Trịnh Cối lui quân về doanh Biện Thượng.

Tướng giữ châu Bố Chính là Lập quận công⁽⁴⁾ thấy tình thế bên ta tướng sĩ không hoà, bèn dẫn con em đầu hàng họ Mạc, và đem hết tình hình quân sự bên ta báo cho họ Mạc biết. Kính Điển rất mừng, bèn phong cho Lập Bạo tước Tiên quận công, và sai lĩnh quân đi trước dẫn đường, rồi Kính Điển đem 10 vạn quân trong bốn trấn cùng 700 chiến thuyền kéo vào đánh ta. Ngày 16 tháng 8, Kính Điển đốc các tôn thân và tướng sĩ các đạo, vượt biển vào đánh cướp xứ Thanh Hoa. Khi tới đất Thanh Hoa, Kính Điển chia quân: Mạc Đôn Nhượng cùng với tướng Bắc đạo là Thái bảo Gia quốc công Mạc Đình Khoa, phó tướng (*từ 238a*) Mậu quận công lĩnh quân giữ

(1) Bản *B* và *H* không có câu "và sai Nguyễn Hoàng". Bản *A* chép là: "mệnh ngã Thái tổ hoàng đế" (sai Thái tổ hoàng đế triều ta). Đó là cách xưng hô của đời Nguyễn sau khi triều Nguyễn truy phong tổ tiên mình. Cũng như gọi Nguyễn Kim là "ngã Triệu tổ" - đây theo bản *LML*.

(2) Trịnh Cối, bản *LML* chép lầm là Trịnh Kiểm.

(3) Bản *D* và *LML* chép là vài ngày.

(4) *Cương mục* chép Lập quận công là Lập Bạo.

cửa bể Thân Phù, còn các đạo quân khác tiến theo thứ tự: tướng Bắc đạo Hoàng quận công làm đội quân thứ nhất; tướng Nam đạo Thạch quận công Nguyễn Quyện làm đội quân thứ nhì; tướng Tây đạo Ngạn quận công Mạc Ngọc Liên làm đội quân thứ ba; tướng Đông đạo Hoa quận công và Kỳ quận công⁽¹⁾ làm đội quân thứ tư; Kinh Điển thân tự đốc quân trung doanh làm đội quân thứ năm; các tôn vương họ Mạc thống lĩnh quân vệ Triều đông và quân các đội Nội vệ làm đội thứ sáu, chia ra các ngả, vào các cửa bể Linh Trường, Chi Long và Hội Triều, cùng hội quân ở xã Bút Cương, đóng doanh trại ở hai bên bờ sông Hà Trung. Khói lửa trong các trại bốc lên nghi ngút tới hơn 10 dặm. Trịnh Cối tự liệu không thể đương nổi, bèn dẫn hơn vạn quân và các bộ tướng: Lại Thế Mỹ, Nguyễn Sư Doãn, Trương Quốc Hoa, Vương Trân, Vũ Sư Thước cùng gia quyến ra hàng họ Mạc, Kinh Điển thu nạp, phong tước Trung Lương hầu cho Trịnh Cối, phong tước (tờ 238b) Khánh quận công⁽²⁾ cho Lại Thế Mỹ, phong tước Lý quận công cho Nguyễn Sư Doãn, phong tước Sơn quận công cho Vương Trân, phong tước Thủy quận công cho Vũ Sư Thước⁽³⁾, và sai họ đều dẫn quân bộ thuộc của mình tiến đánh quân nhà vua.

Ngày 25, Kinh Điển tổng động binh, các đạo đều tiến, con sông Mã từ bến Ứng trở xuống; sông Lam Giang tự bến Bồng⁽⁴⁾ trở xuống, khói lửa ngất trời, bóng cờ rợp

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* chép sót chữ Kỳ quận công.

⁽²⁾ Bản *LML* chép là Hương quận công, bản *D* là Khanh quận công.

⁽³⁾ *Toàn thư* chép: Vũ Sư Thước muốn quay về theo vua Lê, nhưng bị các tướng đã hàng Mạc cố giữ lại.

⁽⁴⁾ Bản *LML* chép là Bồng Tân, các bản khác chép là Bồng Luật.

đất! Nhân dân xứ Thanh Hoa cũng già dất trẻ, chạy trốn lưu ly, ngoài đường vang tiếng kêu khóc! Kính Điển đánh vào lũy An Trường rất gấp, ngày đêm không ngừng.

Lúc này vua Anh Tông đã phong tước Trưởng quận công cho Phúc Lương hầu (Trịnh Tùng), cho được toàn quyền điều khiển tất cả các doanh. Trưởng quận công đặt yển thết đãi các tướng và uỷ lạo quân sĩ. Võ thần thì có Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô, Nghĩa quận công Đặng Huấn và Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu... tất cả là 30 viên. Văn thần thì có bốn các ông Thượng thư bộ Lại Hưng Lễ hầu Nguyễn Đình gồm 12 viên. Các quan văn võ dung hoà sum họp, ngày đêm bàn định kế sách, chia quân giữ các đồn trại, đào hào đắp (từ 239a) lũy, làm kế cố thủ. Bốn ông Lê Cáp Đệ dùng kế sai quân lính đắp thêm một bức thành giả tại vòng đai ngoài bức thành chính, vào lúc ban đêm, bao quanh hơn 10 dặm. Họ dùng tre nứa kên thành hình bức thành, rồi trát bùn đất bên ngoài, trên mặt thành thì cắm chông tre vót nhọn, chỉ trong một đêm mà hoàn thành một bức thành giả, ngày hôm sau Kính Điển trông thấy ngỡ là bức thành thực, rất kinh ngạc! Không dám tới gần. Y bảo các tướng rằng:

"Không ngờ binh sĩ nhà Lê, ngày nay vẫn còn có kỷ luật, pháp lệnh rất nghiêm minh! Chỉ đắp trong một đêm, mà hoàn tất một bức thành đồ sộ! Tất là họ còn có nhiều binh sĩ liêu chết cố giữ, cho nên công việc mới mau chóng như vậy, khiến lòng ta không yên. Chuyến này mà không thành công, thì sau đây chưa dễ gì bình định được. Nếu không đánh gấp, quyết kế tiểu trừ, tất sẽ lưu lại mối lo về sau".

Kính Điển bèn thân tự đốc tướng sĩ ngày đêm tiến

đánh. Miền tả ngạn từ châu Gia, châu Tầm trở xuống; miền hữu ngạn từ Đầu nguồn, huyện Lôi Dương, huyện Nông Cống, đều thành chiến trường. Nhân dân các huyện trong xứ Thanh Hoa đều chạy trốn, rất nhiều người chết đói.

(từ 239b) Tháng 10, Kính Điển đem quân giao chiến với quân nhà vua, hai bên chống nhau ở sông Long Sùng và Bảo Lạc⁽¹⁾. Các tướng bên ta dùng kỳ binh: ban ngày thì cố thủ trong thành, ban đêm thì dẫn quân cướp trại, làm cho quân giặc không được yên nghỉ. Phủ tiết chế⁽²⁾ ra lệnh: người nào chém đầu một tên giặc, sẽ được thưởng một hốt bạc. Bởi thế binh sĩ phần nhiều xả thân chiến đấu! Quân giặc nôn nao sợ hãi, bỏ trốn rất nhiều.

Kính Điển thấy đánh mãi không thắng, bèn lui quân đóng doanh tại Hà Trung và cấm các người buôn muối không được chở muối lên mạn Đầu nguồn để bán. Y có ý định đánh dằng dai lâu ngày, để cho quân ta mỏi mệt.

Lúc này nhân có viên tướng cũ của ta là Vũ Sư Thuộc, nguyên đã hàng họ Mạc, ngầm sai người tâu xin trở về quy thuận triều đình, vua Anh Tông bèn đại hội các tướng, quyết kế tiến binh, chia quân làm 3 đạo: Lại Thế Khanh xuất quân ra đường bên tả, tiến về huyện Yên Định, đánh vào huyện Tống Sơn; Hoàng Đình Ái xuất quân ra đường bên hữu, tiến về huyện Lôi Dương, đánh vào huyện Quảng Xương; vua phong Trưởng quận

⁽¹⁾ Long Sùng và Bảo Lạc, Cương mục chưa thuộc huyện Thụy Nguyên, nay ở tả ngạn sông Chu.

⁽²⁾ Phủ tiết chế: ở đây chỉ Trịnh Tùng, trở xuống đoạn sau Lê Quý Đôn lại dùng để chỉ Trịnh Tráng, sau khi Trịnh Tráng được thay cha giữ chức tiết chế (tổng tư lệnh).

công Trịnh Tùng chức Tả tướng, có quyền điều khiển tất cả các tướng sĩ thủy quân và lục quân các xứ; vua tự làm chức Đô tướng (từ 240a), thống lĩnh đại quân ra trung lộ, tiến về huyện Thụy Nguyên, huyện Yên Định.

Khi vua tiến quân đến đóng tại huyện Đông Sơn, thì Vũ Sư Thước dẫn 500 quân bản bộ tới hàng, quân ta lại trở nên hùng mạnh. Kính Điển bèn lui quân về giữ sông Bút Cương. Vua bèn sai bắc cầu phao, rồi cùng với tả tướng vượt qua sông An Liet⁽¹⁾, đến huyện Kim Tử, qua huyện Thuần Hựu, đánh vào các đồn họ Mạc. Sai Vũ Sư Thước dẫn hơn nghìn quân bản bộ⁽²⁾ làm đạo quân tiên phong, giao chiến với quân nhà Mạc ở huyện Lôi Tân, thu được chút ít thắng lợi. Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ, đánh chiếm được huyện Tống Sơn và huyện Nga Sơn. Quan quân kéo đến đâu, quân giặc đều bỏ chạy tán loạn.

Tháng 12, Kính Điển thấy đánh mãi không được, bèn bảo các tướng rằng:

"Chúng ta đánh dẹp bọn giặc mạnh, đã trải qua 9 tháng trời, mà không thu được thành công. Hiện nay là mùa đông, khí trời rét mướt, nước sông cạn nông, lại thêm những khí độc lam chướng sắp bốc lên, mà lương thực cho binh sĩ của ta không được đầy đủ, lòng người mất tin tưởng, thì còn ai đồng tâm hết sức cùng ta đánh giặc. Binh sĩ ta đã trễ nải rời rạc. Chỉ bằng hãy tạm (từ 240b) lui quân, để sẽ tính chuyên sau".

Kính Điển bèn bỏ các trại sách, dẫn quân về. Trịnh Cối⁽³⁾

⁽¹⁾ Bản D và LML chép là An Lưu.

⁽²⁾ Chữ này, chính bản chép "bản huyện quân" có lẽ do chữ "bản bộ quân" chép lộn ra chăng? Xin dịch theo chữ "bản bộ quân".

⁽³⁾ Bản A sót chữ "Cối", theo các bản B, H và LML...

đã đầu hàng họ Mạc, nên cùng với Lại Thế Mỹ, Trương Quốc Hoa, dẫn hơn nghìn quân bản bộ cùng gia quyến, theo Kinh Điển tới Đông Kinh. Nguyễn Sư Doãn cũng đầu hàng Mậu Hợp.

Năm Chính Trị thứ 14 (1572), vua thăng Tả tướng Trưởng quận công Trịnh Tùng lên chức Thái uý Trưởng quốc công, các tướng khác cũng đều được thăng thưởng theo thứ tự, để cùng dốc lòng đánh giặc.

Vua sai Phùng Khắc Khoan đi các nơi chiêu tập nhân dân lưu tán.

Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Nguyễn Miễn gồm 17 người trúng tuyển.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kinh Điển dẫn quân đánh cướp xứ Nghệ An, quan quân bên ta vì xa cách nên không cứu được, bởi thế khu vực tự sông Cả⁽¹⁾ trở về phía Nam, đều bị quân giặc chiếm. Viên thổ tướng là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quynh, vừa nghe tin quân giặc kéo đến, đã vội vàng chạy trốn trước. Xứ Thuận Hoá và xứ Quảng Nam cũng dao động. Nhưng viên tướng trấn thủ hai xứ này là Nguyễn Hoàng, sẵn có danh vọng uy tín, lại nhiều mưu lược quyền biến, không chế trong hạt bằng quân luật nghiêm khắc, có viên bộ tướng nào định hàng giặc ông đều bắt giết hết (tờ 241a). Bởi thế quân họ Mạc không thể phạm tới 2 xứ này.

Tháng 9, Tấn quận công⁽²⁾ Trịnh Mô và Lai quận công⁽³⁾ Phạm Công Tích, dẫn quân đến cứu viện xứ Nghệ

⁽¹⁾ Nguyên văn là Đại Hà, tức là sông Lam.

⁽²⁾ Bản A sót chữ "Tấn quận công".

⁽³⁾ Bản A không có chữ "Lai quận công".

An, Kính Điển phải lui quân, xứ Nghệ An lại yên ổn.

Năm Hồng Phúc thứ nhất (1572) mùa thu, tháng 7, Kính Điển lại xuất quân đánh Thanh Hoa và Nghệ An, cướp phá các huyện ven sông, nhân dân các nơi này phải lưu tán, làng xóm trống không.

Tướng trấn giữ xứ Hải Dương là nguy Lập quận công, đem thủy quân gồm hơn 70⁽¹⁾ chiến thuyền, (dùng nguy Tiên⁽²⁾ quận công làm hướng đạo)⁽³⁾, do đường biển vào đánh cướp xứ Thuận Hoá và xứ Quảng Nam, thả dân nhiều người ra hàng. Viên trấn thủ là Nguyễn Hoàng, bày kế đánh lừa Lập quận công tới, rồi chém y ngay giữa sông⁽⁴⁾, quân họ Mạc liền tan vỡ, theo đường biển chạy trở về, đều bị chết đuối. Tiên quận công (Trịnh Cối) thì trốn chạy về châu Bố Chính, rồi lại trở về với Mậu Hợp.

Từ đấy, quân họ Mạc không dám nhòm ngó tới hai xứ Thuận và Quảng.

Mùa thu, Thái phó Vị quận công Lê Khắc Thận, lại vượt lũy ra đầu hàng Mậu Hợp.

Tháng 9, Lại Thế Khanh, Trịnh Mô⁽⁵⁾ và Phan Công Tích, dẫn binh ra tiếp viện giữ xứ Nghệ An, quân nhà Mạc bèn rút về.

Vua Anh Tông thăng hà, vua Thế Tông lên ngôi.

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* chép là hơn 7 nghìn (thất thiên dự).

⁽²⁾ Bản *D* và *LML* chép là Cửu quận công, theo các bản *B* và *H*.

⁽³⁾ Bản *A* chép sót các chữ trong dấu móc, theo các bản *B*, *D*, *H* và *LML*.

⁽⁴⁾ Theo *Cương mục* thì Nguyễn Hoàng dùng kế mỹ nhân và tiền của đút lót mời Lập Bạo đến ăn tiệc rồi phục binh giết chết.

⁽⁵⁾ Bản *LML* chép là "Lê Mô".

Năm Quý Dậu, niên hiệu Gia Thái thứ nhất (từ 241b) (1573), vua phong Tả tướng Trưởng quốc công làm Đô tướng tiết chế các xứ thủy lục chư doanh, kiêm tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự, phong Nhân quốc công Vũ Công Kỷ là con trai Gia quốc công Vũ Văn Mật chức Hữu tướng; các vị công thần và các tướng khác đều được thăng cấp theo thứ tự, trên dưới đồng tâm hiệp lực, để hởi tội quân tiếm nghịch, và tu sửa thành quách hào lũy, để phòng quân Mậu Hợp nhòm ngó.

Tháng 7, Kính Điển lại dẫn quân đánh cướp xứ Thanh Hoa, khi chúng đánh vào An Trường, thì quan quân ta rút cả vào bên trong lũy, để cho chúng tưởng là binh lực ta kém yếu. Chúng lại tiến vào lũy Phúc Bồi, đang sắp qua sông Đoạn Trạch, thì quan tiết chế đốc suất thủy quân chia đánh các ngã, phá tan quân giặc. Kính Điển bèn dẫn quân rút lui.

Mùa đông năm ấy, vua bàn với quan tiết chế sai Vũ Công Kỷ về trấn thủ đồn Đại Đồng ở xứ Tuyên Quang, để vững phen giậu phía Tây⁽¹⁾ để phòng quân của Mậu Hợp.

Tháng 10, lúc này Mậu Hợp mới 12 tuổi, từ bến Bồ Đề qua sông về Đông Kinh, đắp bức thành ở phía bên ngoài cửa Nam, rồi dựng ngôi điện lớp tranh để ở.

Nam Gia Thái thứ 2 (1574), mùa xuân (từ 242a), Mậu Hợp⁽²⁾ mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Vũ Văn Khuê gồm 17 người trúng tuyển⁽³⁾.

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "Tây" (phía Tây), theo các bản B, D, H và LML.

⁽²⁾ Bản A sót chữ Mậu Hợp.

⁽³⁾ Bản A chép 24 người. LTHCLC và "Đại Việt lịch triều đăng khoa lục" chép có 17 người.

Tháng 6, Mậu Hợp sai Nguyễn Quyện dẫn quân vào đánh cướp xứ Nghệ An, các thành bên ta từ sông Đại Hà trở về Bắc đều bị chúng chiếm. Chúng bắt được viên tướng trấn thủ là Hoàng quận công.

Tháng 7, Phan Công Tích và Trịnh Mô dẫn quân cứu viện xứ Nghệ An, Nguyễn Quyện chống cự với các tướng này vài tháng, rồi thu quân trở về.

Mậu Hợp phong tước Hưng Lễ vương cho Mạc Kỳ là con trai Lý vương Mạc Lý Tốn.

Năm Gia Thái thứ 3 (1575), ngày 6 tháng giêng, Kính Điển đem quân đánh cướp xứ Thanh Hoa; Nguyễn Quyện đem quân đánh cướp xứ Nghệ An. Lúc này, họ Mạc quân nhiều thế mạnh, cho nên chúng kéo đến đâu, nhân dân ta đều như cỏ lướt.

Khi Kính Điển đánh huyện Thuy Nguyên, huyện Yên Định, chia quân cho Mạc Ngọc Liên đánh Đông Sơn là Lôi Dương.

Tháng 8, phủ tiết chế sai Hoàng Đình Ái dẫn quân cứu Lôi Dương, đắp thành ở núi Tiên Mộc Sơn, (quan tiết chế thì) đích thân thống lĩnh đại quân, đóng tại núi Chiêu Sơn, chống cự với quân Kính Điển.

Khi Kính Điển giao chiến với quan quân ta ở Đông Lý hạt Yên Định, thì bọn Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu, xuất các đạo kỳ binh đánh cho Kính Điển phải bỏ chạy.

Bọn Lại Thế Khanh, Trịnh Mô và Phan Công Tích (từ 242b) dẫn quân cứu các xứ Nghệ An, cùng với quân Nguyễn Quyện cầm cự chừng vài tháng, Nguyễn Quyện đặt phục binh trước, rồi dẫn quân ra đánh, thắng luôn mấy trận, bắt được Phan Công Tích giải về Kinh sư, giết chết.

Mùa đông, Kính Điển kéo quân trở về.

Niên hiệu Gia Thái thứ 4 (1576), tháng 7, Kính Điển lại dẫn quân vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, đánh vào núi Lam Sơn thuộc huyện Thụy Nguyên, sai Ngọc Liên đánh vào sông Đông Cổ, thuộc huyện Yên Định, lại chia quân cho Nguyễn Quyện đi đánh cướp xứ Nghệ An, Nguyễn Quyện đánh nhau với quân Trịnh Mô ở đây chừng vài tháng. Trịnh Mô thua luôn mấy trận, trốn về xứ Thanh Hoa, trong khi ấy, Nguyễn Quyện tự liệu rằng:

"Trịnh Mô thua trận, phải kéo quân trở về, thì đang khi "quân hồi vô lệnh", ta quyết bắt cho bằng được".

Bèn dẫn quân đuổi theo, đuổi tới núi Ngọc Sơn, bắt được Trịnh Mô giải về Kinh sư.

Từ đấy, uy danh của Nguyễn Quyện càng thêm lừng lẫy! Được đương thời coi là danh tướng.

Năm Gia Thái thứ 5 (1577), mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân, lấy bọn Vũ Giới gồm 18 người trúng tuyển.

Tháng 4, Mậu Hợp sai thu binh các huyện, tất cả hạng nhất hạng nhì và hạng ba, người nào cũng phải dự trữ đủ lương thực ăn trong 3 tháng, để chuẩn bị vào cướp xứ Thanh Hoa.

Về phần phủ tiết chế ta, cũng tính rằng: Mậu Hợp thường cậy sở trường về thủy quân, mà nay là mùa thu, nước sông dâng cao (tờ 243a), tất nhiên chúng sẽ tới lấn cướp. Cho nên cũng di tản trước nhân dân ở các ven sông, bắt đem theo hết cả cửa cải và gia súc vào rừng núi, và chặn chính quân đội để chờ nghênh chiến với quân Mạc.

Tháng 7, Kính Điển dẫn quân vào cướp.

Tháng 8, Kính Điển đánh vào sông Đồng Cổ, quan tiết chế đích thân dẫn đại quân ra cửa lũy Khoái Lạc⁽¹⁾ chống cự.

Kính Điển đánh phá doanh Hội Thượng, Hoàng Đình Ái đem kỳ binh khiêu chiến; Nguyễn Hữu Liêu dẫn quân đánh chặn ngang, quân Kính Điển phải chạy lui.

Kính Điển lại tiến quân đến sông Hà Đô, sai Nguyễn Quyện phục binh ở bên ngoài đê bờ sông, rồi sai Hoàng quận công, cùng với viên hàng tướng Lại Thế Mỹ làm đội tiên phong ra khiêu chiến; đánh sát tới cửa lũy Khoái Lạc. Quan quân bên ta dùng súng bắn chết tên Thế Mỹ, binh sĩ ta rất vui mừng, reo hò dậy đất! Quân Mạc bèn tan vỡ.

Tháng 9, Kính Điển dẫn quân trở về.

Tháng này có sao chổi xuất hiện ở tinh phận của các sao Đẩu, Cơ, Ngưu, Nữ, kéo dài vài chục ngày mới tắt.

(Tháng 11, sao chổi lại xuất hiện ở tinh phận của các sao Đẩu, Cơ, Ngưu, Nữ, đuôi sáng dài tới 40 trượng, đến tháng 12 mới tắt)⁽²⁾.

Viên Thượng thư bộ Hộ (từ 243b) kiêm Đô ngự sử là Giáp Trưng, dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Hạ thần xét trong truyện có chép rằng:

Sao Chổi là một loại sao yêu quái! Khi có hiện ra vừa to vừa dài, thì trong nước sẽ có tai biến nặng nề mà thời kỳ ứng nghiệm còn xa ngày, trái lại, nếu hình nó nhỏ và ngắn, thì trong nước sẽ có tai biến xoàng thôi, mà thời kỳ ứng nghiệm rất gần.

⁽¹⁾ Khoái Lạc thuộc xã Khoái Lạc huyện Yên Định (theo *Cương mục*).

⁽²⁾ Bản *LML* chép sót một đoạn trong dấu móc.

Hiện nay, chính sự càng ngày càng suy đồi, mà suy đồi không phải chỉ một vài điểm mà thôi. *Kinh Thư* có câu rằng: "Dĩ thừa thượng đế thần kỳ, vãng bất chỉ túc" (lễ vật dùng dâng tế thượng đế, các thần nơi xa tắc, và cúng tổ tông ở trong nhà tôn miếu, không nơi nào là không thành kính rất mực). Thế mà những lễ phẩm dùng để tế ngày nay, thì con lợn cổ xôi⁽¹⁾ quá đơn giản, đồ lễ cầu thả không thành kính. Đó là điểm đáng sợ thứ nhất.

Sách *Mạnh Tử* có câu: "Quân nhân mạc bất nhân" (nếu vua có lòng nhân, thì bề dưới không kẻ nào không nhân). Nay những kẻ cận thần ở bên nhà vua, chỉ toàn nịnh nọt, bày sự chơi bời, mong thoả chí vua. Trong cung là nơi rất tôn nghiêm, thế mà chúng thường ra vào tự do không ai ngăn cấm; tuyên nạp⁽²⁾ là việc thận trọng, thế mà chúng làm cho bề tắc, trên dưới không thông. Đó là điểm đáng sợ thứ hai.

Sách *Mạnh Tử* lại có câu: "Thượng hạ giao chinh lợi, nhi quốc nguy hĩ" (nước nào, cả vua tôi trên dưới đều chạy theo mỗi lợi, thì nước ấy sẽ nguy vong). Nay các quan cấp trên cũng như cấp dưới, những người không ham lợi, chỉ chừng hai, ba phần mười, ngoài ra hết thấy đều chăm chăm về lợi, quan tước nhùng lậm, ruộng đất bị chiếm (từ 244a), phiên trấn trưng cầu, những sự buôn quan bán tước, không việc gì là không làm. Đó là điểm đáng sợ thứ ba.

Tả truyện có câu: "Quốc gia chi bại do quan tà dã"⁽³⁾

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "tư tình" (lợn xôi).

⁽²⁾ *Tuyên nạp*: tuyên là tuyên bố ý chỉ của nhà vua. Nạp là tâu bày ý kiến của thần dân lên nhà vua.

⁽³⁾ Bản A thiếu các chữ "quốc gia chi bại" ở trước chữ "do" và thiếu chữ "dã" ở sau chữ "tà", theo các bản B, D, B và LML.

(quốc gia suy bại, là do các quan chức quắt quéo). Nay các bầy tôi trong triều ngoài quận, những người ngay thẳng chỉ độ một, hai phần mười mà thôi, ngoài ra đều là hạng tà tâm quắt quéo. Sắc chỉ tổng đạt cho các ty, quan lại thăng bổ vào các cấp, việc từ tụng lớn nhỏ, thấy đều đòi hỏi lộ, không còn cách nào là không dùng. Đó là điểm đáng sợ thứ tư.

Đường sử có câu: "Quốc y ư dân" (nước nương tựa vào dân). Nay việc công việc tư, sách nhiễu dân phu, làm cho nhân dân vất vả khốn khổ về sự sống, thì nước còn nương tựa vào đâu? Đó là điểm đáng sợ thứ năm.

Truyện có câu rằng: "Sư khắc tại hoà" (quân muốn thắng trận thì các tướng phải hoà hợp với nhau). Nay tướng suý chống đối nhau, thì quân còn lấy gì để thắng. Đó là điểm đáng sợ thứ sáu.

Ngoài ra còn rất nhiều điều trái lẽ và phương hại đến đạo đức, không thể kể xiết. Bởi thế cho nên trời ra tai biến, sao Chổi xuất hiện để báo trước, không phải là sự ngẫu nhiên.

Vậy kính mong bệ hạ, tự răn mình lo sợ, thay đổi hết chính sự thối nát. Một khi lòng người đã hoà, thì ý trời sẽ hợp. Nếu cứ vui thoả theo ý muốn (*tờ 244b*), mà không hối cải, thì ngày bại vong khó mà tránh được".

Mậu Hợp không thể làm theo ý tờ số này.

Niên hiệu Quang Hưng thứ nhất (1578) triều ta, tức niên hiệu Sùng Khang thứ 13 triều Mậu Hợp. (Lúc này, quan tiết chế Trường quốc công⁽¹⁾ giúp chính sự, nắm giữ

⁽¹⁾ Bản A chép là "Thái quốc công" sai, sửa theo bản LML.

toàn bộ binh quyền, chăm lo tiến thủ, vua tôi hoà thuận, chính sự chỉnh đốn, quân sĩ tinh nhuệ, khí thế đang lên. Mà)⁽¹⁾ Mậu Hợp thì chỉ ham chơi bời, say đắm tử sắc⁽²⁾, không để ý tới việc nước.

Ngày 21 tháng 2, Mậu Hợp ở trong cung, bị sét đánh vào cung, thành chứng "bán thân bất toại", sau chữa thuốc lại khỏi, bèn đổi niên hiệu năm ấy làm niên hiệu Diên Thành thứ nhất, và phong thêm hàm Thiếu bảo cho Thượng thư bộ Lại Luân quận công Giáp Trưng, Giáp Trưng cố từ không nhận, nhưng Mậu Hợp không cho từ.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kính Điển lĩnh quân vào đánh cướp các huyện ven sông trong xứ Thanh Hoa. Khi giao chiến với quan quân ta ở cầu Phụng Công (thuộc huyện Vĩnh Lộc), gặp ổ phục binh, bị thua trận, bèn kéo quân trở về Kinh Ấp.

Tháng 10, tướng Tây đạo Mạc Ngọc Liên dẫn quân đánh vào châu Thu Vật thuộc Tuyên Quang (từ 245a), cũng bị viên trấn thủ châu này là Nhân quốc Công Vũ Công Kỷ đánh bại.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 2 (1579), tháng 3, Mậu Hợp thăng Giáp Trưng lên chức Bình bộ thượng thư, Chương bộ sự⁽³⁾.

Tháng 7, Mậu Hợp sai Kính Điển dẫn quân vào đánh cướp xứ Thanh Hoa, quấy phá các huyện ở ven sông, khi chúng đến sông Tống Sơn, đánh vào cửa Chương Các⁽⁴⁾,

⁽¹⁾ Bản B và H chép thiếu đoạn văn trong dấu móc (...).

⁽²⁾ Bản A chép là "say đắm thanh sắc".

⁽³⁾ Bản D và LML chép là "chưởng lục bộ sự" (coi việc sáu bộ).

⁽⁴⁾ Bản LML chép là "Chương Quyết".

phủ tiết chế sai Thái phó⁽¹⁾ Đặng Huấn dẫn quân chống cự. Đặng Huấn sai Diên quận công Trịnh Văn Hải⁽²⁾ đem quân giao chiến với chúng tại núi Kim Âu⁽³⁾, Đặng Huấn thì dẫn quân từ Tống Sơn ra Mục Sơn ở sông Bình Hoà⁽⁴⁾ đánh chặn hậu, phá tan quân Kính Điển. Kính Điển bèn dẫn quân trở về.

Năm Quang Hưng thứ 3 (1580), mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Đỗ Cung⁽⁵⁾ gồm 17 người trúng tuyển⁽⁶⁾.

Tháng 7, Mậu Hợp lại sai Nguyễn Quyện, Mạc Ngọc Liễn và hàng tướng là Hoàng quận công, dẫn quân vào đánh xứ Thanh Hoa, chúng cướp bóc tài sản của nhân dân các miền ven sông, rồi kéo quân trở về.

Tháng 10, Kính Điển chết.

Kính Điển là ông chú của Mậu Hợp, tước vị gồm cả chức tướng văn và tướng võ, giữ binh quyền trong hơn 20 năm. Sớm có uy vọng, tiếp đãi quan liêu có lễ độ, đối với quân sĩ thì có ân nghĩa (*tờ 245b*) từng trải gian hiểm, vẫn cần lao trung thành, thời bấy giờ nhà Mạc dựa vào y làm trọng. Khi Kính Điển chết, lòng người trong cõi đều dao động!

Mậu Hợp bèn dùng chú là Ứng vương Mạc Đôn

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* chép là "Thái úy".

⁽²⁾ Bản *A* chép là "Đặng Văn Hải", theo các bản khác và *Toàn thư*.

⁽³⁾ *Kim Âu*: xã thuộc huyện Vinh Lộc ở tả ngạn sông Lèn.

⁽⁴⁾ *Mục Sơn* là núi ở xã Bình Hoà huyện Tống Sơn, nay là huyện Hà Trung.

⁽⁵⁾ Bản *B* và *H* chép là "Đỗ Chu".

⁽⁶⁾ Bản *A* và *D* chép là 24 người - sai, sửa theo *LTHCLC* và *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục*.

Nhượng thay Kính Điển làm chức "trung doanh tổng suý"⁽¹⁾ (thống lĩnh binh quyền).

Tháng 12, ngày mồng 3, Mậu Hợp sai Lương Phùng Thi, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vịnh⁽²⁾, Nguyễn Kính, Đỗ Ưông, Vũ Hoàng⁽²⁾, Nhữ Tống, Lê Đình Tú, Vũ Cẩn và Vũ Tĩnh, chia làm bốn bộ đi sang sứ triều Minh, để nộp bổ túc cống phẩm còn thiếu trong mấy năm qua.

Năm Quang Hưng thứ 4 (1581), ngày 27 tháng 6, Đô cấp sự trung 6 khoa bên ngự là: Nguyễn Phong, Ngô Vỹ, Mạc Đình Dự, Nguyễn Tự Cường, Phạm Như Giao, Nguyễn Ích Trạch, Lê Viêt Thắng và Nguyễn Quang Lượng, cùng ký tên vào tờ sớ dâng lên Mậu Hợp rằng:

"Hiện nay, thời sự gian nguy, có những điểm đáng lo: kỷ cương rối loạn, chính sự hững hờ; hình ngục oan uổng; pháp lệnh sai lầm; tướng chưa hoà hợp; binh chưa chỉnh tề. Khi quân địch mạnh kéo đến đánh phá phía Tây Nam, nhân dân địa phương bị khốn khổ (tờ 246a), tao nhiều cả đến kinh thành. Thế mà lúc ấy, triều đình không đặt một phương lược hoặc một kế hoạch gì để chống địch, mặc cho chúng tự do tiến, tự do lui, tha hồ thi thố hết các mưu kế, rình lúc sơ hở mà làm hại ta, khiến cho dân ta ở miền chân núi rất là khốn đốn, không được yên ổn. Lại thêm trời ra tai biến luôn luôn. Ôi! Thời sự như vậy, thiên ý như vậy, thật là nguy ngập! Nếu ngay bây giờ biết nghĩ phương kế để cải cách tệ chính;

⁽¹⁾ Bản D và LML chép là "đốc suý".

⁽²⁾ Bản A sót chữ "Vĩnh".

⁽²⁾ Toàn thư chép là Vũ Cẩn.

biết sợ cơn giận của trời, chinh đồn binh bị để chinh phạt giặc thù, thì cũng chưa muộn, vẫn có thể kịp. Khốn nỗi vua tôi trên dưới, cứ vui chơi ngạo nghễ, vẫn hơn hớn tự cho là thái bình vô sự. Về phần bề hạ, hiện chưa tự thân điều khiển chính sự, các bản tấu chương của đình thần, hết thầy đều uỷ cho vị phụ chính Ứng vương quyết đoán, mà Ứng vương lại thường về Dương Kinh luôn. Bởi thế các công việc trong triều đều bê bối, quân sự cũng theo đà đó mà trễ nải, quan bản doanh có việc đến yết kiến thường không được gặp, vị tướng (từ 246b) các doanh không biết bẩm báo xin lệnh ở đâu. Bậc công bảo đại thần⁽¹⁾ như Lễ quận công Trần Thị Thâm, thì e sợ hiềm nghi, thường né tránh không chịu quyết đoán; Luân quận công Giáp Trưng, thì lấy sự quá thịnh làm răn, thường luôn luôn xin giải chức; đốc phủ trưởng quan Ngạn quận công Mạc Ngọc Liên và Thạch quận công Nguyễn Quyện, thì hoặc thoái thác không tới công đường, hoặc tránh né không chịu bàn việc, cho nên các quan tả hữu không dám bàn bạc; văn thần trọng trách như Nghĩa Sơn bá Trần Văn Nghi⁽²⁾, Vĩnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải, An Khê bá Mai Công, Đàm Xuyên bá Nguyễn Triệt, thì đều giữ vẻ khoan hậu, không cần nghĩ tới việc sâu xa. Bởi thế các liêu thuộc nhân đó mà trễ nải. Có viên về thăm quê hương đến hàng tuần, hoặc có cuộc bàn luận mà chỉ có một viên họp, hoặc có viên hiện có mặt ở Kinh mà không tới họp, hoặc có viên dự họp mà không phát

⁽¹⁾ Công bảo đại thần: tức là đại thần cỡ "tam công" (Thái sư, Thái phó, Thái bảo) đều là loại quan đứng đầu trong triều đình, có trách nhiệm phụ tá, thân cận với nhà vua.

⁽²⁾ Bản *D* và *LML* đều chép là "Trần Văn Tuyên" (xuống dưới cùng thế).

biểu ý kiến. Ngày nay thảo luận, ngày mai bàn tán, chỉ toàn những việc lật vật ở các nha môn, còn việc chính trị trọng đại của triều đình (từ 247a), không hề nói tới. Như vậy, việc nước sẽ một ngày một suy đồi, đó là cái cơ nguy loạn không thể không cấp cứu. Những người giữ việc nước, biết mà không chịu nói, hoặc nói mà không hết lời, một khi triều đình đã thất kế, thì thiên hạ quốc gia sẽ như thế nào?"

Mậu Hợp khen những lời này rất thiết đáng. Nhưng rốt cuộc vẫn không thay đổi được những tể chính đó.

Ngày mồng 9 tháng 7, Đô ngự sử Đặng Vô Cạnh⁽¹⁾ xin từ chức, Mậu Hợp không cho.

Đêm hôm 21, có trận mưa bão rất dữ, mà tại kinh đô càng mạnh hơn, từ cung điện trong triều, đến Giao đàn, Thái miếu, Văn miếu và dân Xã tắc, cả đến nhà cửa cùng đình thự, thấy đều đổ nát gần hết! Ở hương thôn các xứ thì cây bốc rễ, lúa ngã rạp, nhà đổ, thuyền đắm, người chết rất nhiều!

Ngày 23, Mậu Hợp triệu Trần Văn Nghi làm Thượng thư bộ Lại, vào hầu Kinh diên. Lúc này Giáp Trưng vào triều yết kiến xin về quê.

Thiên đô ngự sử Lại Mậu dâng (từ 247b) tờ sớ lên Mậu Hợp, cực lực nói về thời sự tể hại, đại lược rằng:

"Sự thế hiện nay, chính là thời kỳ cực bĩ! Kỷ cương bỏ bê mà không chấn hưng, chính sự thối nát mà không tu sửa; trộm cướp hoành hành, giặc mạnh xâm lấn; lòng người nao núng, thế nước lung lay. Như muốn chuyển bĩ

⁽¹⁾ Bản A chép lầm là "Trịnh Vô Cạnh".

làm thái, thì phải trên dưới hợp chí đồng tâm, mới có thể được. Thế mà nay chỉ trang sức hư văn, mà không lo thực sự, trên dưới trong ngoài đều vẫn theo thói cũ, các số tấu của triều thần, hoặc chỉ phê như mấy lần trước. Như thế không gọi là (biết tiếp thu lời nói trung trực, người làm quan ở ngoài cầu cạnh xin xỏ, có khi cũng đều cho được về kinh đô, như thế không thể, gọi là)⁽¹⁾ ngăn được con đường tư tình vậy. Ở các điện, phủ, giám, ty, bộ, tự, khoa, đạo, nội vệ tam ty, đô thừa hiến tam ty, hết thảy các tể lộ chưa cải cách hết. Ngoài ra còn nhiều việc trái lẽ hại đạo, khác thường loạn tục, không thể kể xiết.

Hạ thần thiết nghĩ: Lúc này, bệ hạ (từ 248a) chính nên thân cận người hiền, đồng tâm với người phụ tá, tu sửa cải cách các chính sách, ngõ hầu có thể cứu vãn cơ nguy loạn trước khi phát sinh.

Tại sao phụ chính Ứng vương vẫn yên vui ngạo nghễ, nhu nhược, trễ nải, không cứu sửa chính sự sai lệch, không chỉnh đốn quân sự phân tán, không sửa chữa sai lầm của mình, lại thêm các vị đại thần đều muốn trốn lánh, không chịu quyết đoán lẽ phải, các vị trọng thần, nối tiếp xin từ chức, triều đình trễ nải như vậy, việc nước nhân thế mà bề bộn, trăm việc rối ren, lòng dân tan rã, một khi hoạ loạn xảy tới, còn có thể cứu được ư?

Thời xưa, Y Doãn dạy vua Thái Giáp có câu: "Vô an quyết vị duy nguy" (đừng cho ngôi vua là yên, phải nên nghĩ tới sự nguy). Ôi! cổ nhân đang lúc thịnh trị, mà còn tha thiết lấy điều nghĩ tới sự nguy làm răn. Huống chi

⁽¹⁾ Bản *LML* bỏ sót một đoạn văn trong dấu móc (...).

hiện nay là thời kỳ rất nguy, mà không biết nghĩ tới sự nguy, hạ thần sợ nguy vong sẽ tới ngay.

Kinh Thi có câu: "Thiên chi phương nạn, vô nhiên hiến hiến" (gặp khi trời giáng tai nạn, đừng nên hơn hơn yên vui).

Kinh Thi lại có câu (tờ 248b): "Đa tương cao cao, bất khả cứu được" (vui chơi nồng nhiệt như lửa, không còn phương thuốc cứu chữa). Há không nên lấy đó làm răn ư?

Kính mong bệ hạ chăm lo chính trị, săn sóc thời cơ, ban sắc lệnh cho Ưng vương phải: để ý đến tôn miếu xã tắc, đảm nhiệm lấy việc thiên hạ, về việc tu sửa chính trị bên trong, tất phải xử công bằng, các chiếu lệnh như: quyền ban tước lộc, truất phế hay bổ nhiệm, cho được sống hay bắt phải chết, cần phải biết rõ người chính kẻ tà, phân biệt người có công kẻ có tội, khiến cho thưởng phạt đúng mức, thì còn công việc gì mà không làm nổi. Về quân sự bên ngoài, tất phải có tiết chế, sai bản doanh và các doanh đông tây nam bắc, phải tuyển dụng những người dũng cảm, quen chiến đấu, khiến cho binh sĩ hùng mạnh, thì còn lo gì đánh dẹp không thắng trận.

Đòi hỏi Thiếu bảo Lễ quận công Trần Thì Thâm phải: kính theo mệnh trước, chủ trì về công luận trong nước, chấn chỉnh kỷ cương, đừng có hiềm nghi mà lánh quyền sợ việc.

Lại ban chỉ dụ gọi thiếu bảo Luân quận công Giáp Trưng lại ra nhận chức và tham bàn (tờ 249a) chính sự trong triều, giúp quyết đoán cơ mưu quân sự, cần phải nghĩ yêu nước quên nhà.

Lại ban sắc dụ cho Hộ bộ Thượng thư, Đô ngự sử Miện Dương bá Đặng Vô Cạnh, phải tuân mệnh giữ chức, duy trì công luận, kính cẩn mọi việc, để cho phong thái

triều đình được tôn nghiêm. Đó đều do vài ba vị chấp chính đại thần cùng các vị sư bảo, ngày đêm bàn tính ở nơi triều đình, hiệp sức cùng mưu, để cải cách tệ chính, khiến cho các nha môn trong ngoài, có chỗ tuân theo làm mẫu mực, ai ai cũng đều làm tròn chức vụ, thì mới có thể mong trị bình thiên hạ được.

Nếu đang thời kỳ nguy ngập, mà vẫn cho là bình yên, dựa vào tai biến để trục lợi, ham vui chơi quên hết thấy. Hạ thần sợ một khi biến loạn xảy tới bất ngờ, lúc ấy thì dù có bậc trí giả cũng không có thể văn hồi được".

Trong bài sớ có tới ngàn câu, Mậu Hợp xem xong phê rằng: "Những lời này rất thiết đáng, đáng được thi hành". Nhưng vẫn không làm theo.

Thiếu bảo Giáp Trưng dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Trận (tờ 249b) mưa bão vừa rồi, là một tai biến lạ thường! Ôi! Tai biến xảy ra không phải là vô cớ, đều do nhân sự xui nên. Hiện nay giặc giã chưa yên, quân dịch nặng nề, cả đến việc thu thuế và cho dân vay thóc cũng rất phiền phức, sớm mới buông tha, chiều đã thôi thúc, suốt năm không ngày nào yên, cứ đếm đầu người mà thu, rồi lại tính lời từng phân từng ly. Từ niên hiệu Sùng Khang thứ 6 tới nay, trong khoảng 9 năm đó, các xứ thu vét sưu thuế để chi dùng chỉ đòi hỏi ở dân nghèo; đến chi dùng trong điện cũng đòi hỏi đám dân ấy. (Các quân Thần vũ, Hiệu lực cũng đòi hỏi ở đám dân ấy, các quân Uy nỗ, Thần tý cũng gọi bắt ở đám dân ấy, các vệ sở châu huyện trưng thu cũng ở đám dân ấy)⁽¹⁾... Ngoài ra, còn có

⁽¹⁾ Bản *LML* bỏ sót một đoạn trong dấu móc (...).

khi tăng gấp đôi số thuế đã định, làm cho dân phải khánh kiệt phá sản. Dân tình ngao ngán, không còn muốn sống!

Kinh Thi có câu: "Vô viết cao cao tại thượng, trắc giáng quyết thỏ" (đừng tưởng trời quá cao xa, vẫn thường lên xuống soi xét dưới đất). Dưới đất tức là nhân sự vậy.

Kinh Thư có câu: "Thiên thông minh tự ngã dân thông minh, thiên minh uy tự ngã dân minh uy" (thông minh của trời cũng là thông minh của dân, uy sáng của trời cũng là uy sáng của dân). Đó là nói: lòng dân xu hướng vào đâu, tức đấy là lẽ trời vậy.

Nay nhân sự đã suy đồi đến như thế, nhân dân đã khốn đốn như thế, cho nên trời ra tai biến bằng trận bão (từ 250a) để cảnh cáo.

Kinh Dịch có câu: "Chấn lai khích khích, hậu tiểu ngôn ách ách. Cát" (đông tới ngậm ngập run sợ, rồi sau nói cười sảng sặc. Tốt). Lời tiểu tượng trong quẻ Chấn này giải rằng: Đó là lo sợ mà được phúc vậy.

Nay muốn dẹp tai biến, mà không lo sợ tu tỉnh, thì làm sao có thể được phúc.

Vậy kính mong bệ hạ, coi thiên tai là điều tất phải sợ, coi nhân sự là điều tất phải sửa, kính cơn giận của trời, không nên vui chơi, kính cơn biến của trời, không nên nhàn nhã; không nghe kẻ hầu nịnh, không mưu cầu lợi tài. Dạy bảo trăm quan, chấn hưng trăm việc, ban sắc cho triều thần bàn làm những điều luật thương dân, rộng ban ân điển, tha thứ kẻ vô tội oan uổng. Những dân bị nạn lụt, thì ra lệnh cho quan sở tại nâng đỡ vỗ về, ngô hầu ân huệ nhà vua thấm nhuần xuống dưới. Một khi lòng người đã vui thoả, thì thiên tai tự dẹp hết.

Hạ thần lại nghe có câu: "Thiên hạ tuy an, vong chiến tắc nguy" (mặc dù trong thiên hạ bình an mà quên lãng việc quân sự, tất sẽ nguy vong). Huống chi hiện nay là lúc nguy ngập, thế mà không có vũ bị, thì sao có thể giữ nước được.

Hiện nay, những lính mới tuyển (*từ 250b*) vào các doanh, phần nhiều khí giới chưa tinh nhuệ, kỹ thuật chiến đấu chưa tinh, thuyền bè chưa chỉnh đốn, lại gặp thiên tai cảnh cáo, chính là lúc đáng lo sợ nhất. Cho nên những chính sách trị an và tu chính, không thể không rất cẩn thận. Nên nghiêm minh pháp lệnh, thu vén kỷ cương, giữ vững nơi bờ cõi, tu sửa các thành quách, luyện tập binh mã, chỉnh bị khí giới, đóng thuyền dựng trại, định phiên thường trực, đúng kỳ phải tới, ban hiệu lệnh, hằng ngày tập luyện, cốt cho thật giỏi, chờ thời cơ sẽ phát động. Lại cần bồi dưỡng gốc nước, cố kết nhân tâm, hậu đãi dân mà không bắt dân khốn, giúp đỡ dân mà không bắt dân mệt, không nên dùng hết sức dân, nên giảm bớt sự phục dịch của nhân dân. Đó là kế sách trị bình vậy".

Mậu Hợp xem xong tờ sớ này, liền ban lời ủy dụ Giáp Trưng và triệu tới Kinh sư để làm việc tại triều đường.

Ngày 3 tháng 8, Hộ bộ Thượng thư Miện Dương bá Đặng Vô Cảnh, dâng tờ sớ lên Mậu Hợp rằng:

"Hạ thần là một kẻ hèn, đội ơn nhà nước, lạm dự cấp bậc quan cao (*từ 251a*), lại được bồi hầu Kinh diên. Tự xét trí nông tài mọn, không đủ xứng chức, cho nên đã hai lần khẩn thiết xin được giải chức vụ nặng nề, mà vẫn chưa được bề hạ ứng cho.

Hiện nay, đạo trời chưa thuận, gió bão ra tai, chính là lúc trên dưới cần hợp chí tu tỉnh, để đáp lại ý trời, cho

nên hạ thần không dám tránh né, kính xin vâng giữ chức cũ. Hạ thần thiết nghĩ: nhân sự sai lầm ở bên dưới, thì trên trời thiên biến xuất hiện. Năm ngoái có những thiên tai như: núi tự nhiên lở, sắc nước hoá đỏ; sao Chổi hiện ra mưa đá đổ xuống. Năm nay cũng núi tự nhiên lở, mưa trút xuống thứ nước đen như tro than và sấm động trái mùa. Bao nhiêu tai biến xảy ra luôn luôn, đó là nhân sự sai lầm, cho nên hoàng thiên đem lòng nhân ái mà ân cần cảnh cáo vậy. Bệ hạ thấy thế, nên lấy làm sợ hãi tu tỉnh, đốc thúc quần thần cùng bàn luận, để cải cách những kỷ cương không hợp lý. Hạ thần không biết lòng quả cảm ấy đã thực thi chưa? Hay chỉ là mớ văn suông thôi. Tại sao những tờ sớ tâu các điều trước đây, hoặc có điều bệ hạ cho là phải mà vẫn không làm theo, hoặc có điều bệ hạ nghe theo mà vẫn không cải cách, hoặc có sớ bệ hạ lại cự tuyệt không nhận (tờ 251b). Các vị đại thần sư bảo cùng các quan công khanh, đều chưa thể tất ý bệ hạ, không tu chỉnh chức nghiệp, không cải cách tể chính, không giữ đạo trung bình. Bởi thế trời lại cảnh cáo bằng trận gió bão vừa rồi. Điều đó không có gì lạ.

Cúi mong bệ hạ, trên kính mệnh trời, trong sửa đức vua, quyền bính tất phải từ trên ban ra, chính lệnh chớ để trong cung ban phát; quyết nghe lời can gián trung trực, ngăn lấp mọi đường tà vẹo, ban sắc lệnh cho tổng suý phụ chính Ứng vương, phải hằng ngày tới triều, để cùng các vị đại thần và công khanh đại phu cùng bàn chính trị, tu chỉnh việc quân. Biết việc gì là trái, thì nên bỏ ngay đi, đừng bảo rằng "cái đó có hại gì?"⁽¹⁾; biết việc gì

⁽¹⁾ Câu này bản *LML* chép lầm là "vô nhật hồ hại" (không ngày sao hại).
Chính là câu: "vô viết hồ hại".

là phải thì nên làm tức khắc, đừng cho rằng điều đó rất là nhỏ mọn. Mỗi khi bàn luận, tất phải sửa sai, đừng tự cho mình phải cả; mỗi khi can ngăn, tất phải theo lẽ, đừng cam chịu là nịnh thần. Như vậy trên giữ đạo ngay, dưới giữ pháp luật, tự nhiên tai qua phúc lại, sẽ chuyển loạn thành trị, chuyển nguy làm yên. Nếu trên dưới vẫn cứ nhân tuần cầu thả, tự cho việc thiên hạ là (tờ 252a) không thể làm gì được nữa; không thể cứu vãn được nữa, thì nguy vong sẽ tới ngay tức khắc.

Kinh Dịch có câu: "Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bào tang"⁽¹⁾.

Hạ thần xin lấy câu *Kinh Dịch* này làm gương cho ngày nay".

Mậu Hợp ngợi khen những lời trong số này, nhưng vẫn không thể làm theo.

Ngày mồng 7, Lại bộ Thượng thư Nghĩa Sơn bá Trần Văn Nghi, tới triều yết cáo xin về cố hương, cũng dâng tờ số lên Mậu Hợp để tự hạch mình và từ tạ mệnh mới⁽²⁾, đại lược tờ số rằng:

"Trong khoảng trời với người giao cảm, đều ứng vào cùng loại với nhau, như nhân sự hay thì trời ứng điềm lành, nhân sự dở thì trời ứng điềm dữ.

Chính sự thời nay, rất nhiều việc hại đạo trái lẽ, không thể kể xiết.

Những tờ số của các vị đình thần trước sau đã tâu

⁽¹⁾ Câu trong *Kinh Dịch*, nghĩa đen là: "Này mất ngày mất, phải buộc vào cây dâu to kia". Ý: người có địa vị và trách nhiệm phải luôn luôn lo tính và cảnh giác như sợ mất vật gì.

⁽²⁾ Ngày 23 tháng này, Mậu Hợp cử Trần Văn Nghi làm Lại bộ Thượng thư, và hầu Kinh diên. Mệnh mới tức là mệnh này.

bày, đều nói thẳng những sự sai lầm, có thể như những liều thuốc hay, rất đáng cứu xét để tu tỉnh. Bệ hạ tuy đã ban chỉ dụ khen ngợi, mà vẫn chưa thấy mở rộng lượng theo lời can gián, như bệ hạ dạy rằng: lời này có thể làm theo, mà sao vẫn chưa thấy thi hành thực sự; như việc nọ (tờ 252b) đã qua bàn luận rất nên chăm chú thi hành, mà sao vẫn không thi hành; như văn bản kia lưu ở trong cung, rất nên truyền ra, mà sao vẫn chưa phát ra... Không biết đó có phải do ý định của bệ hạ mà tạo ra tình trạng đó hay là hoặc có kẻ làm mờ ám thông minh, lừa dối bệ hạ chăng?

"Những việc như thế, rất trái với đường lối trị nước. Cho nên thể thống triều đình, ngày càng rối loạn, những lời công luận, ngày càng bế tắc. Trong nước không có chính trị hay, cho nên trời ra điềm dữ để cảnh tỉnh, như là sao Chổi xuất hiện; núi tự nhiên lở, cùng là nhật thực nguyệt thực. Nay lại phạt bằng trận mưa bão dữ dội ngay tại kinh sư, đó là tai dị rất lớn.

Thời xưa vua Cảnh Công chỉ nói một lời thiện, mà sao Chổi phải lui; nước Trịnh vì có chính trị hay, mà khỏi tai hoạ về sau. Đó đều là điềm đã nghiệm về người thắng trời, đức giải hạn, mà cũng đủ làm tấm gương soi tỏ cho ngày nay.

Kính mong bệ hạ, sợ oai trời, sửa đức mình, ban sắc lệnh cho phụ chính Ứng vương phải hết sức tu tỉnh, giúp việc triều đình, để tâm vào việc giữ yên hoàng gia, nằm gai nếm mật (tờ 253a), lấy việc diệt quốc thù làm trách nhiệm của mình. Lại cần đòi hỏi các vị đại thần, tin dùng những lời can gián trung trực; cải cách các điều lỗi, sắp đặt hết mọi việc. Như vậy là nhân sự đã hoàn thiện, thì

thiên ý tự khắc văn hồi, và thiên hạ quốc gia sẽ ngày một thịnh vượng thái bình. Nếu không thì thời kỳ bại vong khó tránh được.

Hạ thần không xứng chức, tự hạch xin miễn chức và tới trước cửa khuyết để đợi tội, hoặc biếm hoặc truất, kính theo mệnh bệ hạ".

Mậu Hợp xét trong tờ sớ này, liền ban sắc uỷ dụ Trần Văn Nghi và buộc phải nhận chức.

Ngày 16, Lại bộ Hữu thị lang kiêm Đông các học sĩ Đạo Phái bá Nguyễn Năng Nhuận, dâng tờ sớ bày tỏ rằng:

"Hiện nay, khí âm khí dương không hoà, cho nên phát sinh tai dị. Trận gió bão tháng trước, kinh sư bị tai hại nhất, mà nơi triều điện lại càng hại hơn. Đó không phải là một tai dị tầm thường.

Ngôi điện lợp tranh dựng lên, là để hành lễ vào ngày rằm và ngày mồng một hàng tháng, nay bị trời mưa bão, làm cho trong triều ban ướt át, đó là cái triệu chứng khí âm cực thịnh đã phát hiện vậy. Vậy nên định ngay nơi ngự sở, không nên cố chấp theo những ý kiến tầm thường và theo những lời bàn nông cạn. Vua tôi trên dưới (tờ 253a) nên cùng nhau hết sức tu tỉnh, nghĩ phương pháp dẹp tai biến.

Hiện nay, các công việc bị bỏ bê, trăm tề phát sinh. Nói ngay như trách nhiệm bộ Lại của hạ thần, mỗi khi thăng chức cho quan lại, trừ những người được lệnh chỉ nhà vua truyền cho, ngoài ra chỉ toàn những người có thân tình và có thế lực, còn những kẻ hàn sĩ viễn thần, thì chỉ độ một hai phần trăm được dự mà thôi. Việc này cả thiên hạ ai ai cũng biết, không thể bưng bít được công

luận. Chức nhiệm của hạ thần, biết là bậy đấy, mà vẫn cứ làm, đã cam chịu tội không xứng chức vụ. Xin trình bày mấy điểm rất quan hệ về sự trông vào của thiên hạ như sau:

Thiếu bảo Lễ quận công Trần Thì Thâm, là một vị chương phủ đại thần, có bốn phen quyết đoán mệnh lệnh đã bao năm. Thế mà gần đây, những lời ông tâu đối bệ hạ, thường cứ rụt rè từ tốn hai ba lần. Đó không phải là việc mà vị thể quốc đại thần được phép né tránh. Ôi! Chức phận vị đại thần, là cầm đầu các thuộc hạ, đem sự chính trực can ngăn vua. Nếu chính mình né tránh không chịu đảm nhiệm công việc đó thì làm sao có thể đôn đốc các quan cấp dưới can ngăn sửa chữa cho nhà vua?

Luân quận công Giáp Trưng, là một vị văn thần (tờ 254a) trọng chức, triều trước cũng đã trọng dụng. Thế mà gần đây, chỉ vì có sự trắc trở của con cái trong gia đình, mà mấy lần ông dâng sớ xin ở nhà. Như vậy không phải là điều một vị đại thần lịch duyệt thế sự đáng làm. Ôi! Các vị lão thần thường chung vui chung lo với quốc gia, nước còn thì thân còn, nước nguy thì thân nguy. Đâu có thể cứ ở nhà mà không biết tới việc triều đình được?

Nghĩa Sơn bá Trần Văn Nghi, nguyên là chức bộ trưởng, mới được mệnh triệu vào Kinh diên. Thế mà khi nhận được mệnh lệnh, không chịu tới nhận chức, lại còn dâng sớ tự hạch.

Miền Dương bá Đặng Vô Cạnh, được cất đặt lên đầu hàng dài các, đã từng tham dự ở phòng kinh sách. Thế mà thường từ tạ là không có tài, hàng tháng không chịu đến giảng kinh sách hầu vua.

Sự thể hiện nay như vậy. Các vị ấy đều có ngôi tước,

mà không chịu làm tròn nhiệm vụ. Hay là bảo thời nay không thể làm gì được chăng?

Hạ thần ngu dại trộm cho rằng: việc thờ trời chỉ cần thực, chứ không dùng văn; việc can vua cũng cần thực không cần dùng văn; việc khuyến khích người ta cũng cần thực không cần dùng văn. Nếu mọi việc, việc gì cũng không cốt sự thực, mà chỉ chuộng hư văn, hạ thần sợ việc trong thiên hạ (tờ 254b) sẽ dồn cả tới số không hết thấy, mà không còn cứu vãn được nữa.

Cúi mong bệ hạ, kính sợ mệnh trời, không nên yên vui, dung nạp lời can ngay thẳng, ngăn lấp mọi đường tà tất.

Về phần phụ chính Ứng vương, nên đốc suất các vị sư bảo đại thần, đô đốc năm phủ, thượng sư sáu bộ, cùng các vị ngự sử trọng thần, nhận lời can gián của mọi người để can gián vua; ngay thẳng mình trước để làm gương cho kẻ khác, cùng nhau cứu giúp việc nước, cho hết chức phận bấy tôi. Như vậy nhân sự ở dưới đã hoàn hảo, sẽ vẫn hồi được tai biến tự trời ra.

Hạ thần lại nghĩ: Ở đạo Thanh Hoa, thế bên địch rất mạnh, mà chúng rất giỏi về môn bộ binh. Hiện nay là thời gian tháng 7 tháng 8, quân ta vẫn im lặng, dường uy sức để chờ thời sẽ động, cái đó cũng là phải. Nhưng hạ thần nghe tình báo cho biết: Bên địch trồng cọc gỗ ở các lòng sông, cửa sông, đã tập thủy chiến, lại luyện bộ binh. Đó là chúng phòng bị quân bên ta vậy. Không biết về phần bên ta phòng bị chúng, thì quân sĩ đã chỉnh tề chưa? Khí giới đã tinh nhuệ chưa? Hai đạo Tây Nam xung yếu (tờ 255a), đã lập thêm giậu lũy để phòng thủ chưa?

Cúi mong bệ hạ, đòi hỏi quan tổng soái phải chú ý về

việc binh, ban hiệu lệnh cho các doanh, không tuyển nhiều binh lính non yếu, quan lại các cấp không được dùng những người không xứng đáng. Bệ hạ lại ra lệnh cho hai vị đại tướng hai đạo Tây Nam, là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liên và Thạch quốc công Nguyễn Quyện, phải xét những phương pháp chiến thủ, làm dụng cụ đánh phá, khiến cho quân địch không vượt tới được, mà bên ta đánh là sẽ thắng. Lúc ấy mới đại cử hùng binh, tiến thẳng tới thành lũy bên địch, xuất đạo kỳ binh tiến đánh, sẽ thu được thắng lợi hoàn toàn".

Mậu Hợp cho lời số này là phải.

Tháng 9, thự Cẩm y vệ Mạc Kính Trực và thự Kim ngô vệ Định quận công Vũ Nhân Hậu, cho là những lời trình bày về tể đoan trong tờ số của Thiêm đô ngự sử Lại Mẫn⁽¹⁾ tâu hồi trước, có ý chỉ trích mình, bèn cùng nhau làm tờ trạng tự biện bạch dâng lên Mậu Hợp.

Binh khoa Cấp sự trung Nguyễn Tự Cường, thấy Lại Mẫn tâu bày tể đoan về sự tuyển dụng quan lại, cũng làm tờ tâu lên Mậu Hợp để tự thanh minh.

Lại Mẫn thấy các người (tờ 255b) nghị luận lung tung nên cũng làm tờ số trình bày lý do tâu lên Mậu Hợp. Đại lược rằng:

"Hồi trước, hạ thần có dâng lên bệ hạ một bản số "tư nguy", nói về đức nhà vua và chính sự hiện thời, trình bày hết thấy mọi tình tể của các nha môn trong triều cũng như ngoài quận, là có ý mong muốn các vị quan liêu đồng tâm hiệp lực, cùng làm việc nước, để cải cách hết sạch các mối tể ngày trước. Không ngờ nghị luận đình

⁽¹⁾ Bản A chép lầm là "Lại Kính".

thần quá nghiêm, phỉ báng sôi nổi! Nếu bây giờ hạ thần chỉ rõ tên các viên nhũn lạt ở các ty đã kê trình trước, và nói rõ viên nào ở vệ nào, đã nhận của người nào bao nhiêu tiền, để làm bằng chứng cụ thể, sẽ liên lụy đến những viên đã nhận biểu, và các viên phụng mệnh tra xét, lại liên lụy cả đến người đã nói cho biết. Như vậy không phải là đạo trung hậu của người bấy tôi trong triều đình. Bởi vậy, hạ thần đành cam chịu cái lỗi nói không hết lời. Nay xin bày tỏ ý nghĩa về tờ sớ của hạ thần tâu bày tình tệ hồi trước".

Mậu Hợp trao tờ sớ này xuống các đình thần. Không khiển trách Lại Mẫn, cũng không cứu xét về việc của bọn Kính Trục có sự thực hay không. Ấy đại để sự hàm hồ không có quyết đoán, đều như vậy cả.

(tờ 256a) Ngày 10 tháng 9, Mậu Hợp sai phụ chính Ứng vương Mạc Đôn Nhượng, hợp quân các đạo vào đánh xứ Thanh Hoa, dẫn quân vượt biển tiến tới núi Đường Nang⁽¹⁾, giao chiến với Hoàng Đình Ái, bị thua nặng, trốn về. Trận này Đôn Nhượng tổn thất rất nhiều tướng sĩ.

Năm ấy, Mậu Hợp bị chứng "thông manh", mắt mờ không trông rõ, y sai mời các thầy thuốc giỏi trong thiên hạ tới chữa, trong vài năm, con mắt lại bình phục như thường.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 5 (1582), ngày 29 tháng riêng, Mậu Hợp dựng một ngôi điện thường, gọi là điện giảng học, nhưng kỳ thực là để làm nơi yến tiệc chơi bời. Vừa mới hoàn thành, thì tối hôm ấy bị hoả hoạn cháy

⁽¹⁾ Đường Nang: Cương mục chưa là núi ở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương.

trụi, Trần Văn Tuyên bèn dâng tờ sớ rằng:

"*Kinh Thư* có câu: "Duy cát hung bất tiếm tại nhân, duy thiên giáng tai tường tại đức" (Sự lành dữ xảy ra không lộn, tại người, trời giáng tai ương hay điềm lành, đều bởi đức).

Nay bệ hạ mới ngụ ngôi điện mới dựng, đáng lẽ là lúc bắt đầu ban bố chính sự và giáo hoá, thế mà lại tới đây để thoả vui yến tiệc, không có đề phòng, đến nỗi ngôi điện bị cháy, việc này không thể đổ cả cho trời được, đó chính là bởi nhân sự xui nên vậy. Nếu người không có cơ sở, thì tai biến đâu có xảy ra. Ý trời hẳn bảo đã rõ ràng như vậy, chính là lúc bệ hạ nên lo sợ (*tờ 256b*) chăm chỉ.

Kính mong bệ hạ, kính sợ lời răn của trời, nghĩ tới vương đạo, đừng cho lời nói của hạ thần là viễn vông.

Đến như sự sửa sang lại kinh thành, trừ hoạch quy củ, dự định dựng ngôi điện, để bệ hạ tới ngụ, cũng là một cơ hội trung hưng thứ nhất. Vậy trên mong bệ hạ quyết đoán: giữa mong Ứng vương tán trợ; dưới mong tất cả văn võ bá quan hoà mục, để cùng bàn tính kinh doanh, dựng lên một ngôi điện nguy nga giữa trời".

Mậu Hợp khen lời này là thiết đáng và phán rằng: "Trẫm đang suy nghĩ".

Tháng 2, Mậu Hợp thăng Giáp Trưng lên tước Sách quốc công. Giáp Trưng dâng sớ hết sức từ rằng:

"Hạ thần là một kẻ thư sinh, không phải là dòng dõi công thần, thế mà lạm dự tước quận công, cũng đã là quá mức, trong lòng lúc nào cũng tự lấy làm bèn lèn, hướng chỉ là tước quốc công to lớn, hạ thần đâu có thể kham nổi".

Mậu Hợp cố khuyên dụ, nhưng Giáp Trưng không

chịu nghe lời thỉnh cầu, từ chối.

Ngày 26. Mậu Hợp sai Hộ bộ Thượng thư, kiêm Quốc Tử giám tế tửu (*từ 257a*), Vĩnh Kiều bá Hoàng Sĩ Khải cùng với bọn Nguyễn Năng Nhuận⁽¹⁾, Nguyễn Lễ và Vũ Văn Khuê, đi ra biên giới xứ Lạng Sơn để đón nhận mệnh thiên triều, và nghênh tiếp sứ thần là bọn Lương Phùng Thì từ Trung Hoa trở về nước.

Ngày 5 tháng 3, Trần Văn Tuyên xin từ chức Lại bộ Thượng thư, để nhường cho các vị sứ thần vừa đi sứ nước Trung Hoa trở về, Mậu Hợp không cho từ.

Tháng 4, Đặng Vô Cạnh viện lý do đau yếu, xin rút lui khỏi hai chức Ngự sử và Kinh diên. Mậu Hợp cũng không cho.

Ngày 6 tháng 5, Đề điệu quốc tử Thiếu bảo Thao quận công Trần Thì Thâm tâu rằng:

"Quốc gia lấy nhân tài làm trọng, mà cầu nhân tài lấy khoa mục làm vinh. Nước Việt Nam, tự khi dựng nước tới nay, thường yêu chuộng nhân tài, và long trọng khoa mục. Các triều đại trước đây, mỗi khi mở khoa thi xong, đều đem tên các vị trúng tuyển khắc vào bia đá, dựng ở nhà Quốc học, lại ghi chép vào Quế lục⁽²⁾, để lưu truyền tên tuổi lâu dài về sau. Đó là một phép tốt của quốc gia vậy.

Đến bản triều ta, cũng theo điển cũ, phô diễn phép hay (*từ 257b*), niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529), sau khoa thi tuyển, khắc tên các vị trúng tuyển vào bia đá, dựng ở

⁽¹⁾ Bản A chép là Nguyễn Nhuận Năng, bản B và H chép là Nguyễn Nhuận, đây theo bản LML.

⁽²⁾ Quế lục: sách chép tên người thi đỗ.

cửa nhà Thái học. Phép hay chỉ thấy có một lần này thôi, mà cũng chưa có chép tên vào Quế lục.

Từ năm Đại Chính (1530 - 1540), Quảng Hoà (1541 - 1546) cho tới thời Vĩnh Định (1547), Cảnh Lịch (1548 - 1553), tuy là thời kỳ lăm việc, mà vẫn thường thường mở khoa thi tuyển nhân tài. Nhưng hai thịnh điển kể trên, cũng đều chưa tính tới.

Hiện nay, chính là thời kỳ đáng nên khôi phục thịnh điển ấy và sửa sang cho tốt đẹp thêm. Vậy xin bệ hạ ra lệnh cho các vị triều thần bàn định, bắt đầu từ năm nay trở đi, mỗi khi mở khoa thi xong, liền sai bộ Công tạo bia đá, khắc tên các vị trúng tuyển; các vị văn thần thì soạn bài ký ca tụng, khắc luôn vào bia đó. Lại chiếu xét những khoa thi trước, khoa nào chưa có bia thì lập bia, hoặc còn thiếu sót thì điền bổ cho đầy đủ. Lại sai văn thần biên chép tất cả tên những người thi đỗ vào Quế tịch. Như vậy không những là mỹ quan một thời, mà còn để đời sau xem xét, những tên các vị khoa mục, sẽ lưu thơm tới ức nghìn vạn năm! Không phải chỉ là thịnh sự của các vị tấn thân, mà thực là một sự hiển vinh của quốc gia vậy. Văn hoá thịnh vượng; thể đạo thịnh vượng; thiên hạ thịnh vượng (tờ 258a). Hạ thần rất hân hạnh được đích thân trông thấy".

Mậu Hợp cho là hiện lúc này trong nước đang thời kỳ lăm việc, nên chưa thi hành.

Nhà Minh đưa tờ công văn tới, nói về ranh giới nước ta và Trung Hoa tại địa phận xứ Lạng Sơn. Mậu Hợp sai Đô ngự sử Đặng Vô Cảnh tới đó hội khám định đoạt.

Ngày 26, Mậu Hợp sai sứ tới nhà Giáp Trưng, triệu Giáp Trưng đi phúc định lại ranh giới. Giáp Trưng trước

đây đã hết sức xin từ chức để về hưu, mà chưa được y cho. Nay lại dâng sớ xưng bệnh, cố từ không đi.

Tháng 6, tướng của Mậu Hợp là Phù Nghĩa hầu Nguyễn Đình Luân quy thuận triều ta, vua Thế Tông phong cho tướng này tước Trà quận công⁽¹⁾.

Ngày 18, Đặng Vô Cạnh dâng sớ viện lý do tật bệnh, xin từ chức. Mậu Hợp khuyên dụ không cho từ.

Tháng 8, Giáp Trung lại dâng sớ bày tỏ việc gia đình, xin vẫn giữ chức hàm như cũ, nhưng được ở nhà, khi nào có nghị luận về chính sự trọng đại, sẽ phụng chỉ dụ tới triều đình, ngoài ra xin được tự do lúc tới lúc lui. Mậu Hợp không nghe, vời tới kinh sư làm việc tại dinh thự.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 6 (1583), mùa xuân, nguy triều Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Nguyễn Tuấn Ngạn (*từ 258b*), cộng 18 người trúng tuyển.

Tháng 7, Mậu Hợp sai tướng dẫn quân cướp các huyện ven sông thuộc xứ Thanh Hoa. Phủ tiết chế điều binh đánh phá ở nơi cửa biển, quân Mậu Hợp thua chạy. Từ đấy Mậu Hợp mới bỏ ý đồ xâm lược miền Tây, nhân dân các xứ Thanh Hoa, Nghệ An được thanh thoi yên ổn.

Tháng 10, phủ tiết chế xuất quân ra xứ Sơn Nam, đánh vào các huyện Yên Mô và Yên Khang, thu thóc lúa ở nơi đây, rồi kéo quân về.

Tướng Đông đạo của Mậu Hợp là Kỳ quận công Nguyễn Việt Kính⁽²⁾ quy thuận triều ta, được vua ban cho tước Đông quận công.

⁽¹⁾ Bản A chép là Lai quận công, theo các bản B, D, H, LML và Toàn thư.

⁽²⁾ Bản L và LML chép là Nguyễn Nhật Kính.

Năm Quang Hưng thứ 7 (1584), tháng giêng, phủ tiết chế lại xuất quân đánh vào phủ Trường Yên và các xứ Thiên Quan, Phụng Hoá⁽¹⁾, rồi dẫn quân về.

Ngày 4 tháng 9, Trịnh Cối chết.

Trịnh Cối từ khi ra hàng họ Mạc, bắt đầu được trao tước Trung Lương hầu, sau tiến lên trước Trung quận công, đến đây thì chết. Mậu Hợp sai người tới phúng tế, và sai quân hộ tống linh cữu, cho thân mẫu là Thái vương phu nhân và vợ con được đưa linh cữu về xứ Thanh Hoa an táng. Đó là muốn tỏ thiện ý để thông hiếu. Về phần phủ tiết chế, cũng dâng biểu lên xin vua (tờ 259a) tha tội cho Trịnh Cối, và truy tặng tước Thái phó Trung quận công, rồi sai người tới núi Nga Sơn tiếp đón linh cữu, đưa về an táng tại núi Quân An.

Mậu Hợp thăng tước An quốc công cho trung quan Hào quận công, thăng tước Thường quốc công cho Thạch quận công Nguyễn Quyện, thăng tước Hoằng quận công, và chức Tây quân Tả đô đốc cho Miện quận công Nguyễn Thông.

Tháng 10, tướng Nam đạo của Mậu Hợp là Nam Dương hầu họ Trần quy thuận triều ta, vua phong cho tước Bàn quận công.

Mậu Hợp sai bảy tòng là Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vinh Kỳ, Đặng Hiến, Nguyễn Năng Nhuận, Vũ Sư Thước và Nguyễn Lễ⁽²⁾, sang nhà Minh cống hiến theo thường lệ.

Năm Quang Hưng thứ 8 (1585), tháng giêng, phủ

⁽¹⁾ Bản *D* và *LML* chép là Thuận Hoá.

⁽²⁾ Bản *A* chép là Nguyễn Nông.

tiết chế xuất quân ra Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương⁽¹⁾, Thạch Thất và An Sơn⁽²⁾, dẫn quân tới núi Sài Sơn⁽³⁾ rồi trở về, để viên tỳ tướng là Chiêu quận công lưu lại, đóng quân ở chợ Hoàng Xá⁽⁴⁾. Quân Mậu Hợp đuổi kịp, bắt Chiêu quận công và một con voi.

Tháng 3, nguy triều Mậu Hợp dùng Vũ Đẳng làm chức Tả thị lang bộ Hình. Vũ Đẳng từ không nhận.

Từ tháng 2 tới tháng 6, không có trận mưa nào (*từ 259b*), làm cho lúa đồng héo khô, nhân dân đói kém. Viên Đế hình Nguyễn Thọ Xuân bèn dâng sớ trình bày các việc hại tới nhân dân và xin thi hành chính trị thương dân.

Lại Mẫn cũng dâng sớ cực lực trình bày về hình ngục oan lạm và sưu thuế nặng nề. Xin cải cách các môi tệ cũ và săn sóc tới sự đau khổ của dân.

Mậu Hợp đều khen những lời này là thiết đáng. Nhưng chính sự hết thấy vẫn như cũ.

Lúc này, Mậu Hợp muốn vào ở tại kinh thành, bèn bàn việc tu sửa kinh thành, tiến hành xây dựng với quy mô lớn: nung gạch ngói, sai hạt An Bang và hạt Ninh Sóc vận tải tre gỗ về. Bắt đầu khởi công từ năm Quang Hưng thứ 7, đến đây mới hoàn thành.

Ngày 19 tháng 6, Tả đô đốc Đông quân là Đàm quận công Nguyễn Nghi Lộc xin về hưu trí, Mậu Hợp cố khuyên lưu lại.

⁽¹⁾ *Mỹ Lương*: tương đương với huyện Mỹ Đức và Lương Sơn ngày nay.

⁽²⁾ *An Sơn*: tức huyện Quốc Oai ngày nay.

⁽³⁾ *Sài Sơn*: tức núi Chùa Thầy ngày nay.

⁽⁴⁾ *Toàn thư* chép là Quảng Xá, *Cương mục* là Hoàng Xá, và chùa là thuộc huyện An Sơn (tức Quốc Oai ngày nay).

Ngày 28, Mậu Hợp chỉnh đốn xe ngựa vào Đông Kinh, tiến ngự nơi chính điện, mở ban triều các quan văn võ, đổi năm sau làm niên hiệu Đoan Thái⁽¹⁾ thứ nhất. Thăng Giáp Trưng, Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện lên chúc Thái bảo (tờ 260a); thăng Nguyễn Thông lên chức Tả đô đốc Nam quân. Ngọc Liễn xin từ, không nhận chức.

Tả thị lang bộ Lại Tây Khê bá Vũ Tĩnh, và Thượng thư bộ Lễ Đạm Xuyên hầu Nguyễn Triệt, đều dâng sớ xin từ chức. Mậu Hợp chấp nhận cho Vũ Tĩnh, không chấp nhận Nguyễn Triệt từ chức.

Tháng 12, phủ tiết chế xuất quân ra xứ Sơn Nam, đánh các huyện Gia Viễn và Phụng Hoá, rồi dẫn quân về.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 9 (1586), mùa xuân, Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Nguyễn Giáo Phương cộng 23 người trúng tuyển⁽²⁾.

Mùa thu, ngày 27 tháng 7, Thái bảo Thao quốc công Trần Thị Thâm viện lý do đã 70 tuổi, xin về hưu trí. Mậu Hợp khuyên dụ và lưu lại.

Ứng vương Mạc Đôn Nhượng dâng sớ lên Mậu Hợp, nói rằng:

"Hạ thần vâng mệnh phụ chính đã lâu ngày, mà không có công hiệu gì. Vậy xin giải nhiệm chính sự trong triều. Về chức phiên thân, giữ nguyên một việc bình, dốc toàn lực vào quân sự, để báo ơn nước".

Mậu Hợp uỷ dụ Ứng vương, không theo lời thỉnh cầu.

⁽¹⁾ Bản A, B, H và LML đều chép là "Thụy Thái", sửa theo bản D và Toàn thư.

⁽²⁾ Toàn thư chép có 21 người, bản A, B, H và LML chép là 27, đây lấy theo LTHCLC và Đại Việt lịch triều đăng khoa lục.

Đôn Nhượng lại dâng tờ sớ rằng:

"Cầu công giúp đỡ của bầy tôi, đó là mong trị bình tha thiết của đấng vương giả; giúp việc (tờ 260b) không thành công thì nghỉ, đó là lòng thờ vua chí thành của kẻ bầy tôi.

Hạ thần miễn cưỡng theo việc, tới nay cũng đã lâu năm. Thế mà chưa chấn chỉnh được kỷ cương trong nước, chưa dẹp hết được giặc thù bên ngoài. Đó là bởi tài năng của hạ thần không đủ làm chính sự trở nên hay; vũ dũng của hạ thần không đủ ra oai cho địch sợ. Nếu sức không đủ mà cứ miễn cưỡng làm mãi, sợ sẽ mắc tội thêm với thiên hạ.

Vậy kính xin bệ hạ, tha thứ điểm bất lực bất tài của hạ thần, cho hạ thần được giải nhiệm, về chức phiên thân, ngõ hầu khỏi tội lỗi.

Mong bệ hạ giữ vững uy quyền bề trên, trị an trong cung, còn như về chính sự thì giao phó cho các vị đại thần trong triều, cần cải cách gấp các tệ chính, việc quân sự thì giao phó cho các vị tướng soái, để họ cùng hiệp lực dẹp giặc. Hạ thần tuy không có tài năng, cũng xin tới chỗ hành doanh, đốc chiến, cùng các tướng, tiến quân đánh quân địch, để khôi phục lãnh thổ có hạn, giữ vững cơ nghiệp vô cùng".

Mậu Hợp đáp rằng:

"Xem tờ biểu này, lời rất khẩn thiết! tiểu tử đem lòng kính phục.

Hiện nay, kỷ cương nhà nước (tờ 261a) chưa chấn chỉnh, cơ nghiệp tổ tông chưa vững bền, mà tiểu tử thì chưa từng trải, chính là lúc cần nhờ đến sức cần lao của

thúc phụ, sớm hôm cứu giúp, trong thì sửa sang kỷ cương nhà nước, ngoài thì đánh dẹp giặc thù, để sáng tỏ công nghiệp của tiên vương, khôi phục lãnh thổ tiền triều.

Thúc phụ đối với tiểu tử, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng ân như cha con. Việc quốc gia trọng đại, rất cần nhờ dựa vào thúc phụ, kính mong thúc phụ cố gắng giữ trách nhiệm, cho thoả lòng chí thành của tiểu tử".

Đôn Nhượng lại coi giữ triều chính.

Ngày 2 tháng 8, Thái bảo Giáp Trung dâng tờ sớ rằng:

Cổ nhân lấy câu: "Tri túc bất nhục" (Biết "đủ" sẽ không nhục) làm răn; tiên hiền thường tự xử theo câu: "Niên chí tiện quy" (Đến tuổi già thì về hưu). Nay hạ thần đã 70 tuổi, đáng nên về hưu, một niềm mong muốn, (tờ 262a) không nói gì khác. Kính mong bệ hạ, xét lòng chí thành của hạ thần, cho hạ thần trí sĩ, để toàn tiết muện và giữ hơi tàn của hạ thần. Đó là hạ thần rất mong vậy.

Hiện nay, các quan trong triều đình, thấy đều là các bậc hiền tài, việc nước thì thối, đã có kế hoạch. Nhưng hạ thần lo ngại về điều: đang lúc thịnh trị cũng nên nghĩ tới sự nguy vong. Đó là lòng chí thành của bầy tôi già này cần bày tỏ.

Kính mong bệ hạ, tính việc trị an, cung kính phép trước, chuyên về chính học, thân cận người tốt, thực ý ngay lòng, phòng sai ngăn dục, không gần sắc đẹp hát hay, không mưu lợi về tiền của, không ham rượu, không mê nhạc, ngăn kẻ nịnh nọt, răn sự rong chơi. Khiến cho chính trị giáo hoá trở nên tốt, nhân dân nhà nước đều yên vui, để tiến tới một nền thịnh trị.

Hạ thần lại nghĩ: Việc dụng binh là một việc rất cần

thiết hiện nay. Kính mong bệ hạ, giữ thói kiệm ước, giảm sự tiêu bừa, tích của để dùng vào việc binh. Ủy cho phụ chính Ung vương phải nghiêm lệnh, đặt tướng tá trong các doanh, phải chọn bậc anh dũng; quân sĩ phải tuyển hạng tinh nhuệ; sắm thuyền bè, duyệt thuỷ quân, luyện voi ngựa, chuẩn bị khí giới, (từ 262b) súng ống và cung nỏ, để làm kế sách đánh địch.

Về phương Tây Nam, những chỗ xung yếu giáp giới bên địch, thì nên đắp lũy cao, đào hào sâu, đặt bẫy nỏ, nghiêm phòng bị, và đặt thêm đồn trại, chia quân giữ nơi hiểm yếu.

Thành Đại La, từ Cửa Nam, Ông Mạc đến Nhật Chiêu, những lũy đất nên đắp cao thêm, và khai sâu thêm những con hào ở đấy.

Trên mặt hoàng thành, từ cửa Nam đến cửa Bắc, nên tu sửa những bức tường thấp ở trên mặt thành cho thật cao, để bảo hiểm trong thành.

Một khi chiến cộ đã đầy đủ, phòng vệ trong ngoài đã chu đáo, thì giữ sẽ vững, đánh sẽ thắng. Giặc ngoài đã dẹp, trong nước tự yên. Hạ thần tuy hưu dưỡng tại nơi điền viên, cũng được tự hưởng phúc thái bình".

Mậu Hợp đáp rằng:

"Ông là bầy tôi kỳ cựu, đã từng khó nhọc, theo lễ, đáng nên về hưu. Nhưng hiện nay đang cần hiền tài giúp nước, ông là bậc lão thành am luyện, đối với nghĩa, chưa nên đi vội. Vậy phiền ông hãy ngồi lại làm việc tại dinh, giữ công luận, giúp đỡ chính trị, (từ 263a) chấn chỉnh lại phong khí của nhà nước. Đến lúc ấy sẽ về hưu cũng chưa muộn".

Ngày 9 tháng 9, Giáp Trưng lại dâng biểu xin về hưu trí. Mậu Hợp vẫn cố lưu, không cho về.

Ngày 3 tháng 9 nhuận, viên Trung quân Tả đô đốc, Chuông phủ sự, tham dự triều chính là Thái bảo Thao quận công Trần Thì Thâm lại xin trí sĩ. Mậu Hợp ưng cho.

Tháng 11, Giáp Trưng lại dâng sớ xin trí sĩ, lời lẽ rất là khẩn thiết. Mậu Hợp bất đắc dĩ nghe theo. Tháng 10⁽¹⁾, khi Giáp Trưng đã về quê nhà làng Kế Hương⁽²⁾, Mậu Hợp tưởng nhớ, lại triệu vào kinh sư, nhưng Giáp Trưng tạm đến liền xin về ngay, rồi qua đời.

Lại bộ Thượng thư Nghĩa Sơn hầu Trần Văn Nghi xin tu sửa trường Quốc học, hai giải vũ ở điện Đại Thành, và nghi môn tiền, nghi môn hậu, giảng đường. Định lễ nhạc để tỏ sự tôn thầy trọng đạo, và mở rộng nền văn hoá giáo dục. Mậu Hợp không theo.

Ngày 11 tháng 11, Mậu Hợp gia thêm chức Trung quân Tả đô đốc Chuông phủ sự, hàm Thái bảo cho Thiếu bảo Đà quốc công⁽³⁾ (từ 263b) Mạc Ngọc Liên.

Năm Quang Hưng thứ 10 (1587), tháng giêng, Mậu Hợp sai tu sửa thành bên ngoài của thành Thăng Long, và chỉnh trang các đường phố.

Tháng 2, Mậu Hợp sai xứ Tây và xứ Nam đắp bức lũy bằng đất, trồng tre gai lên trên, từ sông Hát Giang xuống tới sông Hoa Đình thuộc xứ Sơn Minh, dài chừng vài trăm dặm, để phòng ngoại binh.

Tháng 9, ngày mồng một là ngày Đinh Hợi, có nhật thực.

⁽¹⁾ Các bản đều chép là "thập nguyệt". Riêng *Toàn thư* chép ngày 10 tháng 12, Giáp Trưng về hưu, sau đó chép Giáp Trưng chết (cũng chép liền trong tháng ấy).

⁽²⁾ Bản A chép là "Tô Hương".

⁽³⁾ Bản A chép là "Đà quận công", theo các bản B, H, LML.

Tháng 10, phủ tiết chế xuất quân đánh phá các phủ Trường Yên và Thiên Quan. Khi đi đến chợ Đê⁽¹⁾, sai quân bắc cầu nổi để qua sông, phá tan doanh trại của tướng bên địch là Tân quận công.

Tháng 11, phủ tiết chế xuất quân ra biên giới Tây Nam, khi đến hạt Mỹ Lương, thì Mậu Hợp sai Mạc Ngọc Liễn dẫn quân ra hạt Ninh Sơn⁽²⁾, để đánh vào cánh quân bên tả của ta; Nguyễn Quyện dẫn quân ra hạt Chương Đức, rồi qua sông Do Lễ⁽³⁾, để đánh vào cánh quân bên hữu của ta.

Khi Nguyễn Quyện dẫn quân đến sông Lễ Giang⁽⁴⁾, chia một đạo binh mai phục ở dưới con đường nhỏ nơi chân núi, định để đánh chặn đạo quân vận tải lương thảo của ta. Quan tiết chế biết được, phòng bị trước, bèn sai Hà Thọ Lộc và Ngô Cảnh Hựu, dẫn quân bảo vệ đạo quân lương (từ 264a); sai Hoàng Đình Ái dẫn quân về giữ Thanh Hoa; sai bốn Nguyễn Hữu Liêu xuất quân cầm cự với Mạc Ngọc Liễn, để chia thế bên quân địch. Quan tiết chế thì đích thân đốc suất đại binh, giao chiến với Nguyễn Quyện. Quan quân bên ta hăng hái đánh phá, quân Nguyễn Quyện không đương nổi, tan vỡ chạy trốn, đạo quân mai phục của chúng cũng phải bỏ chạy, thấy đều tranh nhau qua sông, bị chết đuối vô kể! Quan quân chém được mấy trăm đầu quân địch, rồi đánh đuổi theo đến nửa ngày mới dừng quân.

⁽¹⁾ Toàn thư chép là chợ Rịa.

⁽²⁾ Ninh Sơn, đời ấy đã sửa là An Sơn, vì tránh tên húy của Lê Trang Tông.

⁽³⁾ Cương mục chưa là thuộc xã Do Lễ.

⁽⁴⁾ Bản D và LML chép là "Xú Giang".

Từ đây, Nguyễn Quyện rất sợ binh uy của phủ tiết chế, mỗi khi lâm trận, thường né tránh không dám đánh.

Mạc Ngọc Liên được tin Nguyễn Quyện bại trận, cũng dẫn quân trốn xa. Quan tiết chế bèn tiến quân đóng doanh trại tại núi Hoàng Sơn, đánh phá các hạt: An Sơn và Thạch Thất, bắt sống rất nhiều quân địch. Đến tháng 12 mới dẫn quân về.

Mậu Hợp đổi năm sau làm Hưng Trị thứ nhất.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 11 (1588), tháng 2, Mậu Hợp thấy quân bên ta ngày càng cường thịnh, mới nghĩ tới kế sách đánh giũ của Giáp Trưng tâu bày hồi trước, bèn sai quân dân các huyện trong bốn trấn, đắp thêm 3 bức lũy đất (*từ 264b*) ở bên ngoài thành Đại La, từ Nhật Chiêu qua Tây Hồ và Cầu Da, Cầu Dền⁽¹⁾, đến bến Thanh Trì, bề cao hơn thành Thăng Long cũ là vài trượng, bề rộng 25 trượng⁽²⁾, lại đào 3 lần hào, trồng chông gai, dài chừng vài chục dặm⁽³⁾, bao bên ngoài thành, rất là kiên cố.

Tháng 5⁽⁴⁾, phủ tiết chế xuất quân đánh các huyện: Yên Mô và Yên Khang, vũ về nhân dân nơi đây, rồi dẫn quân về.

Tháng 11, phủ tiết chế lại xuất quân ra lối Phố Cát⁽⁵⁾ đánh các huyện ở Trường Yên và Thiên Quan, thu được

⁽¹⁾ Nhật Chiêu: tức phường Nhật Tân ngày nay. Cầu Da: Cương mục chưa "ở phường Thịnh Quang" - có lẽ là Ô Chợ Dừa ngày nay. Cầu Dền: ở gần Bạch Mai, Hà Nội.

⁽²⁾ Bản A không có câu "bề rộng 25 trượng" theo các bản B, H, LML và Toàn thư.

⁽³⁾ Bản A và B chép là 10 dặm, theo bản H và LML.

⁽⁴⁾ Toàn thư chép là tháng 4.

⁽⁵⁾ Cương mục chép là Trường Cát.

rất nhiều tài vật, rồi dẫn quân qua sông Chính Đại⁽¹⁾, đóng doanh trại ở Dương Vũ⁽²⁾. Đóng tại đây một tuần, giả bộ kéo quân về, nhưng mai phục một đạo kỳ binh và voi ngựa ở đằng sau doanh, phóng lửa đốt nhà cửa ở đây để dụ quân địch.

Tướng của Mậu Hợp là bọn Tân quận công và Quỳnh quận công thấy vậy, tưởng là quan tiết chế kéo quân về thật, liền tranh nhau đuổi đánh, gặp ỏ phục binh ta nổi dậy, đánh cho thua trận toại bời! Chém giết hàng mấy trăm tên, bọn Tân quận công chỉ chạy thoát lấy thân mình, không còn tướng đến binh sĩ. Vương sư bèn trở về Thanh Hoa.

Niên hiệu Quang Hưng thứ 12 (1589), ngày 16 tháng 7 có nguyệt thực.

Tháng 10, phủ tiết chế lại xuất quân đánh huyện Yên Khang. Mậu Hợp định cử (từ 265a) đại binh để đánh một trận quyết liệt, bèn sai Ứng vương Đôn Nhượng, thống lĩnh quân bốn vệ và binh mã bốn trấn đều tiến. Khi chúng tiến tới địa phận huyện Yên Mô, thì phủ tiết chế bàn với các tướng rằng:

"Hãy lui binh để dụ địch, mà ngầm đặt phục binh để đánh tập hậu".

Bèn sai Nguyễn Hữu Liêu phục đạo quân tinh nhuệ vào trong chân núi trước, rồi sai Ngô Cảnh Hựu lĩnh binh hộ vệ đạo quân vận lương lui vào núi Tam Điệp, quan tiết chế thì đích thân thống dẫn đại binh từ từ kéo lui.

Đôn Nhượng sai quân lên trên núi xem xét, được báo tình hình như trên, bèn cười mà rằng:

⁽¹⁾ Cương mục chưa: là ở chỗ thông giữa sông Tống và sông Trinh.

⁽²⁾ Thuộc xã Dương Vũ huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình ngày nay.

"Chúng thấy quân ta (Mạc) tiến tới, tự biết là ít quân, không thể địch nổi với nhiều quân, cho nên chúng phải lui binh trước, mà tất là lưu Hoàng Đình Ái làm đội quân chặn hậu.

Hỡi các tướng sĩ ta! Có kẻ nào vươn mình cố sức đuổi kịp quân địch, bắt được một tướng hiệu, hoặc một con voi, ta sẽ phong cho chức thượng tướng, rồi khi trở về, sẽ tâu xin hoàng thượng thăng trật và hậu thưởng".

Các tướng bên Mạc được lệnh trên, đều vui vẻ hớn hở tranh nhau đuổi đánh. Khi chúng đã lọt vào vùng hiểm địa, phục binh của ta đều trỗi dậy, cả đại quân cũng thúc trống quay cờ trở lại, bốn mặt (từ 265b) đều hăng say đánh ập cả vào, phá tan quân Mạc, chém đầu hơn nghìn tên, bắt sống hơn 600 tên. Đôn Nhượng thu thập tàn quân, chạy về Đông Kinh, quân quân cũng trở về Thanh Hoa.

Tháng này Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân, lấy bốn Phạm Y Toàn cộng 17 người trúng tuyển.

Năm Quang Hưng thứ 13 (1590), vợ của nguy Đường An vương Mạc Kính Chỉ, tư thông với viên tướng dưới trướng là Hoàng quận công, rồi ẩn trốn tại nhà quận công, việc vỡ lở, đều bị giết chết.

Mồng một tháng 7 có nhật thực và sao Thái Bạch phạm vào mặt trăng.

Năm Quang Hưng thứ 14 (1591), mùa xuân, Mậu Hợp đổi năm này làm niên hiệu Hồng Ninh thứ nhất.

Tháng 3, có sao Chổi hiện ở phương Đông.

Ngày 13 tháng 3 nhuận, có cầu vòng đỏ vắt ngang trời; mặt trời có quang, có 2 vòng khí trắng vòng quanh bên ngoài vầng quang.

Ngày 15 tháng 5 là ngày Bính Tuất, có nguyệt thực, mặt trăng bị đen gần hết.

Lúc này chính trị của triều đình Mậu Hợp nát bét, binh lực thì suy yếu, lại tai dị luôn luôn, lòng người xao xuyên sợ hãi.

Tháng 12, quan tiết chế Trưởng quốc công cử đại binh đánh Mậu Hợp, điều động 6 vạn quân. Nguyễn Hữu Liêu (tờ 266a) điều khiển đội quân thứ nhất, Hoàng Đình Ái điều khiển đội quân thứ nhì, Trịnh Đỗ điều khiển đội quân thứ ba, quan tiết chế thân hành chỉ huy đội quân thứ tư, Hà Thọ Lộc điều khiển đội quân thứ năm, xuất phát từ Tây Đô ra miền Quảng Bình⁽¹⁾, đi qua Thiên Quan, đến giới phận phía Tây núi Mã Yên⁽²⁾, dừng quân đóng doanh trại tại đây, rồi tiến quân qua núi Mường Mộng thuộc hạt Thanh Xuyên⁽³⁾, lược định các huyện: An Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc và Tân Phong⁽⁴⁾. Lại đóng quân tại đất Tốt Lâm.

Mậu Hợp được tin quân nhà vua ta tiến đánh bực bách đến nơi, cũng muốn cử binh mã đánh một trận quyết liệt, để định được thua. Bèn đốc thúc điều động binh mã trong bốn trấn, bốn vệ và 5 phủ, cộng hơn 10 vạn quân. Ra lệnh: ngày 16 tháng này, tất cả các binh sĩ kể trên, phải tề tựu tại Hiệp Thượng, Hiệp Hạ, để tiến đánh. Sai Mạc Ngọc Liên đốc binh mã tướng sĩ Tây đạo;

⁽¹⁾ *Quảng Bình*: tên huyện, nay là vùng Tây Bắc huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá.

⁽²⁾ *Mã Yên*: thuộc Quốc Oai ngày nay.

⁽³⁾ *Thanh Xuyên*: tương đương huyện Thanh Sơn và Thanh Thủy ngày nay.

⁽⁴⁾ *Phúc Lộc*: nay là Phúc Thọ; *Tân Phong* nay là Quảng Oai.

(Nguyễn Quyện đốc binh mã tướng sĩ Nam đạo)⁽¹⁾; Ngạn quận công và Thuỷ quận công lĩnh binh mã tướng sĩ Đông đạo; Phú quận công và Xuyên quận công lĩnh binh mã tướng sĩ Bắc đạo; Khuông quận công và Tân quận công lĩnh binh mã tướng sĩ bốn vệ. Mậu Hợp đích thân đốc binh mã Chính doanh (tờ 266b); các vị tôn vương và các tướng túc vệ Đông đạo đốc quân hậu đội. Chia đường cùng tiến.

Ngày 27, quân Mậu Hợp đi đến Phấn Thượng⁽²⁾, dàn thành mặt trận, đối diện với mặt trận quan quân bên ta. Mậu Hợp sai Khuông quận công⁽³⁾ và Tân quận công đốc binh bốn vệ, làm đội quân tiên phong; Mạc Ngọc Liên làm đội quân hữu dục; Nguyễn Quyện làm đội quân tả dục; binh mã hai đạo Đông và Bắc kế tiếp theo sau, tất cả bốn đội đều tiến. Mậu Hợp thì đích thân đốc chiến.

Phủ tiết chế được tin trên, lập tức phân công: hữu khu doanh tướng là bọn Nguyễn Hữu Liêu, dẫn quân bản bộ tiến lên trước khiêu chiến; lại tuyển 400 tên lính thiết kỵ vượt lên để trợ chiến. Ra lệnh: các doanh các cơ đều phải y theo chỉ huy mà chiến đấu. Các binh sĩ đều hăng hái xông đánh, chém đầu Khuông quận công và Tân quận công ngay trước mặt trận! (Tỳ tướng là Hoàng Nghĩa Cước cũng chết tại mặt trận)⁽⁴⁾. Mậu Hợp thấy thế không địch nổi, bèn ra lệnh ngừng chiến, án binh bất động.

⁽¹⁾ Bản A chép sót câu trong dấu móc (...), theo bản B, H và LML.

⁽²⁾ *Phấn Thượng*: nay là xã Ngọc Tảo huyện Tùng Thiện, Hà Tây.

⁽³⁾ Bản A, B, D, H và LML đều chép là "Khuông định công". Có lẽ chép lộn chữ "quận" ra chữ "định" chăng? Xét đoạn trên chép "Khuông quận công".

⁽⁴⁾ Bản A sót câu trong dấu móc, đây theo bản B H, và LML.

Đến lúc mặt trời đứng bóng, phủ tiết chế nhân thấy quân địch có vẻ uể oải, bèn đích thân đốc thúc ba quân thừa thế tiến đánh. Nổ 3 tiếng pháo lệnh, (từ 267a) các tướng sĩ đều xông vào trận địch, khiến cho quân Mậu Hợp hoảng sợ chạy lùi, cánh quân bên tả không kịp ngó tới cánh quân bên hữu; đạo quân sau không kịp ngó tới đạo quân trước, cò trận sai lạc; hàng ngũ rối loạn, xô nhau mà chạy. Quân bên ta thừa thắng đuổi dài, đuổi đến đất Giang Cao⁽¹⁾, chém đầu hơn vạn quân địch, máu chảy khắp nội, thây chất thành non! Bắt được ngựa và khí giới nhiều không kể xiết. Mậu Hợp chỉ một mình một ngựa chạy xuống thuyền, rồi rút về Kinh Ấp. Bọn tàn quân tranh nhau lên thuyền, người trong thuyền sợ đông người quá sẽ đắm thuyền, nên dùng gươm chém bừa vào cánh tay, làm cho bọn tàn quân rơi xuống nước mà chết đến quá nửa, ngoài ra chúng đều tự chạy trốn thoát thân. Riêng Nguyễn Quyện thu quân trốn xa, cho nên được toàn vẹn.

Hôm ấy, phủ tiết chế đem quân đóng tại Hiểm Sơn.

Ngày 30, phủ tiết chế đem quân đến đóng tại Hoàng Xá, rồi qua đò sông Cù⁽²⁾, phá huỷ bức lũy của giặc.

Chiều tối hôm ấy, phủ tiết chế sai Nguyễn Hữu Liêu dẫn 5000 quân tinh nhuệ và quân voi ngựa, đánh thẳng vào cầu Cau ở góc Tây Bắc⁽³⁾ kinh thành. Đốt lửa to làm hiệu, bắn liên 7 phát súng, đốt cháy (từ 267b) nhà cửa, khói bốc mù trời, trong thành hỗn loạn. Mậu Hợp sợ hãi,

⁽¹⁾ Bản A chép là "Cao Giang", theo các bản B, H, LML và Toàn thư.

⁽²⁾ Tức đoạn sông Hát chảy qua xã Cù Sơn.

⁽³⁾ Bản A, LML và Toàn thư chép là góc Tây Bắc, bản B, H chép là Tây Nam.

bỏ thành chạy trốn, qua dò sông Bồ Đề. Nhân dân trong thành, già trẻ gái trai, tranh nhau xuống thuyền để qua sông, bị chết đuối chừng hơn nghìn người. Đến khi trời sáng rõ, Hữu Liêu lại dẫn quân về nơi hành doanh.

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Quang Hưng thứ 15 (1592), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 3 là ngày Giáp Tý, phủ tiết chế tiến quân đóng tại Ninh Giang, ngày mồng 5, tiến tới chùa Thiên Xuân. Khi quân ta sắp tiến tới cầu Nhân Mục, thì Mậu Hợp đã quá sợ! Bỏ kinh đô trốn về quán Thổ Khố ở, lưu các đại tướng ở lại giữ kinh thành: Mạc Ngọc Liễn lĩnh quân bản bộ giữ từ cửa Bảo Khánh trở về phía Tây cho tới cửa Nhật Chiêu; Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên lĩnh quân 4 vệ, giữ từ Cầu Da đến Cầu Mộng thẳng tới Cầu Dền. Chia quân đóng từng doanh, chúng đóng chặt cửa thành chống giữ; Nguyễn Quyện lĩnh quân giữ từ Mác Xá trở về phía Đông và làm quân cứu viện cho các đạo binh khi nguy cấp. Binh sĩ 2 đạo Đông và Bắc, đều thuộc quyền Nguyễn Quyện. Mậu Hợp thì giữ thủy quân (từ 268a) ở sông Nhị Hà, dàn hàng trăm chiến thuyền, để làm thanh thế cứu viện.

Khi Nguyễn Quyện đến doanh, liền đặt phục binh ở bên ngoài cửa Cầu Dền, để nhử quân ta, lại dàn hàng trăm cỗ súng lớn, để phòng quân bên ta.

Ngày mồng 6, phủ tiết chế tiến quân tới sông Tô Lịch, rồi tới cầu Nhân Mục, đóng quân tại Xạ Đôi (gò tập bắn) chia quân bày trận. Ra lệnh ngay ngày hôm ấy, đánh phá thành Thăng Long. Sai Nguyễn Hữu Liêu đánh vào Cầu Da, thẳng tiến cửa Nam Giao; Trịnh Đồ đánh vào Cầu Mộng, thẳng tiến cửa Cầu Gổ⁽¹⁾. Quan tiết

⁽¹⁾ Cầu Gổ: ở khoảng phố Cầu Gổ ngày nay. Cầu Mộng tục gọi là Cầu Muống.

chế địch thân đốc đại quân kế tiếp theo sau, đóng đồn tại làng Hồng Mai.

Các tướng tiến đánh, từ giờ Ty (khoảng 11 giờ) cho tới giờ Mùi (khoảng 15 giờ), chưa phân được thua, quan tiết chế bèn đích thân cầm cờ lệnh, phát cờ chỉ huy. Từ đấy dũng khí của tướng sĩ trỗi lên gấp trăm lần, quân ta hăng say xung đột, tranh nhau vượt lên trước làn tên đạn, xuyên qua bức lũy, nhảy lên mặt thành, rồi liền phá cửa lũy. Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên không đủ sức chống cự, quân sĩ tan vỡ, bỏ chạy tán loạn, Ngọc Liên cũng (từ 268b) bỏ lũy chạy trốn. Quan quân thừa thắng đuổi dài, phóng lửa, đốt các cung điện và nhà của dân gian, khói lửa mù trời. Quân phòng thủ bốn mặt đều tan vỡ. Quan tiết chế dẫn binh từ Cầu Dền tiến thẳng vào, phục binh của Nguyễn Quyện đã đặt trước không kịp trỗi dậy, đều bị loạn quân giết chết. Nguyễn Quyện kể cùng sức kiệt, trong ngoài đều vướng quan quân; cửa lũy bị lấp; con trai y là Bảo Trung và Nghĩa Trạch, cùng lính thủ hạ cũng đều tử trận. Quyện bèn trở về bản doanh, liền bị quan quân bắt được, đem nộp trước cửa doanh. Trong kinh thành xác chết chồng lên nhau, tướng tá chết chừng vài chục viên, quân lính chết đến hơn nghìn người, khí giới bỏ ngổn ngang, chất cao như núi, lâu đài cung điện nhà cửa sạch không!

Mậu Hợp sợ hãi, bèn thu thập tàn quân, chiếm cứ dải sông Cái để tự vệ.

Quan tiết chế dẫn quân tới bên sông, toan qua sông tiến đánh. Nhưng lại bảo các tướng rằng:

"Đất căn bản của Mậu Hợp là ở phía Đông Bắc. Nay tuy y bị bại trận ở đây, nhưng viện binh ở các nơi hã còn

nhiều. Quân ta thì thuyền bè chưa đủ, âu là (tờ 269a) hãy để chuyển sau. Cổ nhân có câu rằng: "Thắng địch chỉ dư, nhuệ khí bách bội, bại quân chỉ khí, một thế bất chấn" (sau khi thắng trận, thì nhuệ khí tăng gấp trăm lần, một khi bại trận, thì khí thế quân sĩ suốt đời không thể gượng lên nổi). Nay ta hãy kéo quân về, để quân sĩ được nghỉ ngơi, chờ thời cơ. Rồi sẽ từ Trường An xuất quân, cả thủy lẫn bộ, tiến như cuốn chiếu, lúc ấy mạn sông Đại Hà trở về Bắc, sẽ không còn thành trì nào kiên cố nữa".

Quan tiết chế bèn đóng quân lại tại chính doanh, sai san phẳng các bức lũy bằng đất ở chung quanh thành Đại La, và lấp các hào rãnh, cho thành bình địa.

Tháng 3, phủ tiết chế hạ lệnh kéo quân trở về, đi đến hạt Chương Đức, tạm đóng quân lại, sai làm cầu nổi, để quân qua sông Lễ Giang, rồi chia quân đi tuần các huyện: Thanh Trì, Thượng Phúc và Phú Xuyên; lược định các huyện: Từ Liêm, Đan Phượng, Ma Nghĩa⁽¹⁾, An Sơn và Thạch Thất. Rồi do đường Thiên Quan trở về Thanh Hoa.

Mậu Hợp thấy quân nhà vua ta đã trở về, bèn trở lại thu thập tro tàn, sai các tướng chia giữ những nơi xung yếu.

Mùa hạ năm ấy, Mậu Hợp mở khoa thi cử nhân ở bến Bồ Đề, lấy bọn Phạm Hữu Năng, cộng 17 người trúng tuyển.

Mồng một tháng 8 là ngày Mậu Tý, có sao sa xuống, sắc đỏ, dài chừng 5 trượng, loè sáng như tia chớp, (tờ 269b) chiếu sáng rực vào nóc nhà, rơi xuống đất có tiếng âm như tiếng sấm; Mậu Hợp không biết lấy đó làm đáng

⁽¹⁾ Ma Nghĩa tức huyện Tùng Thiện đời sau.

sợ, vẫn hoang dã chơi bời. Ngoài thì họ ngoại chuyên chính, trong thì hoạn quan chuyên quyền. Vợ viên trấn thủ Nam đạo Sơn quận công Bùi Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên, tức là con gái Nguyễn Quyện. Chị gái của Thị Niên là hoàng hậu của Mậu Hợp, vì thế Thị Niên thường được ra vào trong cung. Mậu Hợp thấy Thị Niên, đem lòng yêu mến, bèn ngầm tính kế giết Văn Khuê để cướp vợ y. Văn Khuê biết chuyện bèn dẫn quân bản bộ về giữ hạt Gia Viễn, không theo mệnh lệnh của triều đình nhà Mạc. Mậu Hợp mấy lần vời cũng không tới, bèn sai tướng dẫn quân tới hỏi tội Văn Khuê.

Tháng 10, Văn Khuê đem binh chống giữ, và sai con trai⁽¹⁾ chạy tới hành doanh, yết kiến phủ tiết chế, khóc lóc tố cáo sự tình, xin đầu hàng và xin cho quân cứu viện. Phủ tiết chế rất mừng, bèn họp các tướng mà rằng:

"Quân địch lập đồn binh ở Gia Viễn, chặn đường tiến binh của ta, đã mấy lần ta đánh đồn này, mà chưa phá được. Năm trước (tờ 270a), ta xuất quân do đường Thiên Quan, ra hạt Mỹ Lương, Thạch Thất, đánh phá Đông Kinh, mà phải kéo quân về ngay, là vì sợ thủy quân đạo Đông và Nam của địch, có thể vượt biển vào đánh Thanh Hoa, hoặc ngược dòng sông lên phía Bắc chặn hậu, đều có thể làm nguy hại cho ta. Nay là mùa đông rét mướt, nước sông nông cạn, ta đang tính động binh để trừ giặc ấy, thế mà tướng biên thủy của giặc lại quy hàng ta. Đó là trời giúp cho ta thành công vậy.

Trước đây ta thường thắng trận bằng bộ binh và tượng binh, lực lượng đó chỉ có thể dùng ở phía Tây Bắc

⁽¹⁾ *Cương mục* chép: con là Văn Nguyên.

thôi. Nếu muốn đánh về miền Đông Nam, phi thủy quân không thể đảm đương nổi. Nay được thủy quân của Văn Khuê, ta sẽ dùng ngay, theo đường Trường An, ra mạn Duy Tân, Phú Xuyên, rồi tiến binh theo đại lộ, thì không còn lẽ gì là không thắng. Đất đai của bản triều có thể hện ngày khôi phục".

Phủ tiết chế lập tức tâu vua xin khởi binh, và sai Hoàng Đình Ái dẫn một đạo quân đi trước để cứu Văn Khuê.

Khi quân ta tới Bái Đính⁽¹⁾, Văn Khuê ra nghênh tiếp, phủ tiết chế sai đem quân bản bộ giữ sông Đàm Giang⁽²⁾, thì quân Mậu Hợp lui về giữ sông Thiên Phái.

Sau khi uly lạo Văn Khuê, phủ tiết chế sai Văn Khuê lĩnh thủy quân bản bộ (từ 270b) làm đạo quân tiền phong.

Mậu Hợp sai tôn thất là Nghĩa quốc công giữ quyền tiết chế quân Nam đạo, dẫn quân đến Đàm Xá chia quân đóng ở sông Thiên Phái, giữ bến dò Doan Vĩ⁽³⁾, bắt dân đình huyện Đại An và huyện Ý Yên đắp lũy đất dọc theo bờ sông, trồng tre gai lên trên mặt lũy, để chống quân ta.

Phủ tiết chế sai Văn Khuê đem thủy quân ra cửa sông, đánh vào thượng lưu; cơ⁽⁴⁾ súng tả hữu bắn theo dọc sông, đánh vào hạ lưu; phủ tiết chế đích thân sang dò qua sông, đánh vào trung lưu. Quân Mậu Hợp thua chạy, ta thu được 70 chiến thuyền và rất nhiều khí giới. Nghĩa quốc công lui quân về giữ bãi Tự Nhiên, quan quân ta thì

⁽¹⁾ Bái Đính: Cương mục chưa là tên xã ở huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình.

⁽²⁾ Đàm Giang: tức dò Điếm ở Ninh Bình ngày nay.

⁽³⁾ Bản A chép lầm là "Thụy Vĩ", theo bản B, H và LML.

⁽⁴⁾ Bản A sót chữ "cơ".

tiến đóng tại Cầu Tắc⁽¹⁾.

Tướng của Mậu Hợp là Định quận công Trần Bách Niên sang hàng bên ta, phủ tiết chế sai Bách Niên làm tướng doanh tiền thủy quân; Văn Khuê làm tướng doanh tả thủy quân. Tiếp đây, có hơn 10 tướng Nam đạo của địch sang hàng bên ta.

Phủ tiết chế bảo các tướng rằng:

"Thủy quân đi ngược dòng sông, thì lui dễ mà tiến rất khó. Sông Đại Hà rộng mênh mông, không có cứ điểm (tờ 271a). Vậy thủy quân ta nên theo con sông Kim Bảng nhỏ hẹp mà tiến, đi kèm với bộ binh ở hai bên bờ sông. Cả thủy bộ đều tiến, đây khắp dưới sông trên cạn, trên dưới tiếp ứng cho nhau, theo con sông Ninh Giang, đến sông Hát Giang⁽²⁾, rồi buông thuyền mà xuôi, thì còn kẻ nào đương nổi". Ngày 4 tháng 11⁽³⁾, quân ta tiến đóng tại bãi Tinh Thần, đến ngày 14, do cửa sông Hát Giang, cả thủy quân lục quân đều tiến.

Mạc Ngọc Liên dàn chiến thuyền chống cự, trồng cột gỗ dưới sông và đắp lũy đất trên bờ để cố thủ, đều bị quan quân ta phá hủy. Ngọc Liên phải bỏ thuyền chạy về dưới núi Tam Đảo, quân sĩ đều tan vỡ.

Phủ tiết chế đích thân đôn suất đại binh, thừa thế đuổi dài, thủy quân cũng thuận dòng xuôi xuống, tới cửa Nam kinh thành, đóng tại bến Sa Thảo⁽⁴⁾, bắt được hơn nghìn chiến thuyền, kể cả lớn nhỏ.

⁽¹⁾ Cầu Tắc: tức là Cầu Lấp.

⁽²⁾ Bản *LML* chép là "Xương Giang".

⁽³⁾ Bản *LML* chép là "tháng 12".

⁽⁴⁾ Sa Thảo: dịch nghĩa là bến Cát Cỏ, cũng là bến Thảo Tân.

Đêm hôm ấy, Mậu Hợp bỏ kinh thành chạy trốn về Kim Thành, bọn tông tộc cũng tìm đường lẫn trốn, tướng sĩ thì nối tiếp ra hàng. Từ đấy, quân của Mậu Hợp không còn khả năng chiến đấu, từ sông Nhị Hà trở về Bắc, quân sĩ kéo nhau ra quy thuận.

Ngày 25, phủ tiết chế tiến quân ra (tờ 271b) xứ Hải Dương để đuổi dẹp cho hết quân địch, ta đóng quân tại Liễu Kinh huyện Phù Dung⁽¹⁾, sai tướng doanh tả⁽²⁾ thủy là Thái quận công Nguyễn Thất Lý đốc bọn Văn Khuê và Bách Niên, đem 300 chiến thuyền cùng quân các cơ Nội thủy, đánh vào huyện Kim Thành. Mậu Hợp trốn chạy, quan quân thu được rất nhiều vàng bạc của cải, đồ dùng và con gái, bắt nguy thái hậu giải về kinh sư, khi đến sông Bồ Đề, thái hậu vì quá sợ mà chết.

Mậu Hợp dựng con trai là Toàn làm vua, để giữ việc nước, đổi niên hiệu là Vũ An thứ nhất.

Tháng 12, phủ tiết chế chia quân đánh các ngả, phá tan quân của Mạc Kính Chỉ ở Tân Mỹ thuộc huyện Thanh Hà, thu được 50⁽³⁾ chiến thuyền và rất nhiều khí giới, lừa ngựa. Nhà cửa tại các phủ Hạ Hồng, Nam Sách và Kinh Môn, đều bị đốt cháy gần chết. Dư đảng là bọn Phế quận công, Thủy quận công, Miện quận công, Lũng quận công, (Hào quận công, Đoan quận công, Lương quận công, Nghĩa quận công)⁽⁴⁾ và Lại bộ thượng thư

⁽¹⁾ *Phù Dung*: nay là huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên.

⁽²⁾ Bản A chép là "hữu".

⁽³⁾ Bản A chép là "500", theo các bản B, H và LML.

⁽⁴⁾ Bản A sót cả đoạn trong dấu móc, bản LML sót ba tên Thủy quận công, Miện quận công, Lũng quận công và chép lầm chữ "Đoan" ra chữ "Thủy".

Phúc quận công Đỗ Uông, Lễ bộ Thượng thư Hồng Khê hầu Nhữ Tống, Công bộ Thượng thư Đồng Hành, Lại bộ Tả thị lang Vinh Sơn hầu Ngô Vĩ, Hộ (tờ 272a) bộ Tả thị lang Ngô Tháo, Đông các học sĩ Ngô Cung, Tự khanh Nguyễn Cẩn, Sơn Nam Thừa chính sứ Đàm Văn Tiết và Hải Dương Thừa chính sứ Phạm Như Giao, đều đến cửa quân xin hàng, quan tiết chế đều ngỏ lời an ủi và viết tờ biểu đưa về nơi hành tại tâu vua, xin cho các người kể trên được giữ nguyên chức tước cũ.

Khi quan tiết chế từ sông Tranh về kinh thành, nghe có người báo: "Mậu Hợp ẩn ở chùa Mô Khuê huyện Phượng Nhãn". Bèn sai Trà quận công Nguyễn Đình Luân và Liêm quận công Lưu Chấn, dẫn quân đi bắt. Dân địa phương cho biết: "Hôm nọ Mậu Hợp giả làm sư ông, đến ẩn ở đây, đến nay đã 11 ngày". Quân sĩ bèn đến chùa, thấy Mậu Hợp nghiêm nhiên ngồi xếp bằng bằng, gạn hỏi, thì Mậu Hợp ảm ố đáp rằng:

"Bần tăng tu hành từ hồi còn trẻ tuổi ở am mây này, chén muối đĩa rau, hằng ngày trai dưỡng; thấp hương thờ Phật, công đức chuyên làm".

Quân sĩ thấy nhà sư nói hoạt bát khiêm tốn, biết là Mậu Hợp, bèn bắt giữ. Mậu Hợp tự liệu không thể thoát được (tờ 272b), bèn thú thực và nói rằng:

"Mấy ngày trước đây, tôi chạy trốn ẩn núp ở trong rừng rậm, đã quá đói khát, dám xin cho một bình rượu uống cho đã".

Quân sĩ bèn cho bình rượu. Sau khi Mậu Hợp uống thoả thích, ngậm ngùi than rằng:

"Nghệp chương quá sâu! Nay cầu làm một người dân

thường, cũng không thể được. Tội lỗi chỉ vì tổ tiên đã làm sự giết vua cướp ngôi, đến nỗi con cháu ngày nay phải mắc tội nặng như vậy. Mong tướng sĩ dẫn tôi đến trước hoàng đế, để bày tỏ thực tình. Đó là lòng tôi rất mong muốn".

Các tướng bèn sai dùng voi chở Mậu Hợp và 2 tên kỹ nữ, giải về kinh sư.

Khi giải Mậu Hợp đến trước hành doanh, phủ tiết chế sai dân binh mã cực kỳ uy nghiêm, rồi mới cho dẫn Mậu Hợp vào yết kiến. Mậu Hợp lễ dập đầu phủ phục ở ngoài sân, phủ tiết chế truyền hỏi tới 3 lần, mà Mậu Hợp vì quá sợ, cứ ồm ồm không thể đáp được, phủ tiết chế bèn sai dẫn ra ngoài cửa quân, giam tù tại đây.

Tất cả các quan văn võ đều bàn:

"Chiếu điều luật, những kẻ phạm tội thoán thí (giết vua cướp ngôi), thì xử theo luật "lăng trì" (*tờ 273a*) (tùng xẻo), để làm gương cho mọi người và đúng phép nước; lại đem thủ cấp tế cáo nhà tôn miếu, để rửa sự sỉ nhục của tiên vương và bớt cơn giận của thần nhân".

Quan tiết chế không nỡ gia cực hình, bèn sai đem treo sống Mậu Hợp 3 ngày, rồi chém đầu tại bãi cát Bồ Đề, đem thủ cấp hiến Hoàng đế ở hành tại Vạn Lại xứ Thanh Hoa, đóng đinh vào 2 con mắt, rồi bêu ra ngoài chợ.

Con trai Mậu Hợp là Toàn, tiến hiệu xưng là Vũ An, nhưng nhân tâm không quy phục, thế cô, ngầm trốn, cũng bị quan quân bắt được, đem chém đầu tại bến Thảo Tân.

Mậu Hợp tiến ngôi vua cộng 29 năm.

6. MẠC KÍNH ĐIỂN

(THÂN VƯƠNG NHÀ MẠC, KHÔNG XUNG VUA)

Mạc Kính Điển là con trai của Đăng Doanh và em trai Phúc Hải. Tính nhân hậu, linh mẫn, dũng cảm có thừa. Ngay triều phong tước là Khiêm vương.

Khi Phạm Tử Nghi khởi loạn, Phúc Nguyên⁽¹⁾ phải bỏ kinh thành chạy lánh. Kính Điển đốc suất tướng sĩ đón về, rồi đem quân dẹp hết các đồ đảng giặc (Tử Nghi).

Khi hai đại tướng Lê Bá Ly và Nguyễn Khải Khang, đem toàn đạo binh Tây Nam (từ 273b) về quy thuận bản triều ta, Phúc Nguyên phải bỏ kinh thành chạy đến Kim Thành, lòng người trong nước lìa tan. Độc một mình Kính Điển thu thập quân dân vùng Đông Bắc, giữ sông Nhị Hà trở về Bắc, chống cự quân bên ta, trong nước lại bình định trở lại.

Kính Điển giữ chức Tổng soái Trung doanh, cầm quyền chính trị khắp trong triều ngoài quận. Mậu Hợp tiến phong là Khiêm đại vương.

Đến khi Kính Điển qua đời, có 9 con trai: Con trưởng là Kính Chi⁽²⁾, ngay triều phong tước Đường An vương, chức phó tổng⁽³⁾ soái; con thứ là Kính Trực, được phong tước Trung Cẩn công, chức Cẩm y vệ Chuông vệ sự; Kính Phu, được phong tước Đoan Lượng công, chức Hưng quốc vệ Chuông vệ sự; Kính Giản, được phong tước Huệ

⁽¹⁾ Bản A chép là "Phúc Hải", theo các bản B, H và LML. Xem thêm truyện Mạc Phúc Nguyên ở trên.

⁽²⁾ Bản D là Kính Sơn.

⁽³⁾ Bản LML chép là "Đức soái".

Thành công, chức Chiêu vũ vệ Chương vệ sự, Kính Tuân, được phong tước Dũng Nghĩa công, Triều đông vệ Chương vệ sự; Kính Thận được phong tước Đại Lễ công; Kính Cung, được phong tước Đôn Hậu công; Kính Lễ⁽¹⁾, được phong tước Khuông Phụ công; Kính Bang, chưa được phong tước. Và 9 con gái.

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là Kính Thế.

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN...

NGHỊCH THẦN TRUYỆN (HỌ MẠC)

THẦN ĐÔN soạn

7. MẠC KÍNH CHỈ

Mạc Kính Chỉ là con cả của Kính Điển, mới đầu được phong là Hùng Lễ vương, vì tư thông với người thiếp của cha, nên giáng xuống làm thứ dân, sau đó lại khôi phục, phong là Đường An vương.

Khi Mậu Hợp trốn chạy, thì Kính Chỉ lẫn lút ở Đông Triều, lại thu thập tàn quân chiếm cứ huyện Thanh Lâm, tiến vị (xưng vua) ở Nam Giản thuộc Chí Linh, lấy niên hiệu là Bảo Định (1592), rồi lại đổi là Khang Hựu (1593). Do đó bọn tôn thất nhà Mạc là Kính Phu, Kính Thành, Kính Thận và trai gái lớn nhỏ trong họ Mạc gồm vài trăm tên lại hưởng ứng. Bọn văn thần, võ tướng cũ lại tới quy phục. Y cũng tạm lập ra hành sở; yết bảng chiêu mộ dân binh. Trong lúc chúng còn thoi thóp, thì dân các huyện theo hòa nên quân đông tới (tờ 274b) 7 vạn người. Kính Chỉ

chia bố các thân thuộc, cất đặt các quan chức văn võ trong ngoài, tụ tập binh lính để chống giữ.

Tháng 12 (1592)¹¹, phủ tiết chế¹² sai bọn các ông Thái quận công Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên, Nguyễn Nga đem thủy quân tiến đánh. Khi tới nơi, Kính Chỉ đem quân tập kích ở giữa sông. Thất Lý vội vàng không kịp đánh lại, bị chết tại trận. Nguyễn Nga bị thương, ngã ở trên thuyền, quân sĩ cấp cứu được thoát. Quân của Bách Niên và Văn Khuê đều tan chạy, lương thực và khí giới đều lọt vào tay giặc. Do đó dân vùng Hải Dương, Kinh Bắc lại theo chúng. Kính Chỉ sai Đông các học sĩ Đỗ Trục làm tờ hịch bố cáo thiên hạ gọi quân về tiếp ứng. Ngày 17 tháng này, quan tiết chế sai bọn Thái uý Đình Ái và Thái bảo Trịnh Đồ, don đốc bộ binh và quân voi ngựa tiến đánh Kính Chỉ. Quân đóng ở Cẩm Giang, lập đồn ven sông chống cự với địch (tờ 275a). Lại sai bọn Thái uý Hữu Liêu tổng chỉ huy quân thủy, tiến đến Thanh Lâm¹³ để hỗ trợ cho Đình Ái. Kính Chỉ đem hết quân tới giữ Thanh Lâm. Một dải trường giang chia ra Nam Bắc, quân nổi quân liền tiếp chiến đấu, ban ngày thì trưng cò, ban đêm thì nổ pháo đốt lửa. Trong khoảng hàng tháng trời, hai quân giằng co nhau, không bên nào được nghỉ. Kính Chỉ thúc quân đào đắp thêm hào lũy ở ven sông để cố thủ. Quan tiết chế biết rằng quân địch là quân ô hợp, chưa từng qua huấn luyện, có

¹¹ Theo *Cương mục* thì việc này xảy ra vào tháng giêng năm Quang Hưng thứ 16 (1593).

¹² Các chữ "phủ tiết chế" hay "quan tiết chế" ở đoạn này, Lê Quý Đôn vẫn dùng để chỉ Trịnh Tùng.

¹³ Thanh Lâm: nay là huyện Nam Sách tỉnh Hải Hưng.

thể đánh nhanh để giành thắng lợi.

Ngày mồng 9 tháng giêng năm Quý Mùi, Quang Hưng thứ 16 (1593), quan tiết chế thân đốc đại quân vượt qua sông Nhị Hà, ngày đêm đi gấp. Ngày 12 đến đóng ở Cẩm Giang, đại hội các tướng, bàn cách chia quân thủy lục cùng tiến. Ngay ngày hôm ấy đánh phá lũy giặc. Quan tiết chế tự chỉ huy trung quân vượt sông, đánh phía thượng lưu, sai Đinh Ái qua hạ lưu đánh phía sau lưng địch, Hữu Liêu thì đem quân thủy bao vây tứ phía, chặn lấy (từ 275b) đường rút lui. Ngày hôm ấy bốn phương tám mặt pháo hiệu đều nổi lên, các quân dốc sức tiến đánh, đại phá quân địch. Kính Chỉ và con trai con gái trong tông tộc trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến Đông Triều, Chí Linh dò bắt, bắt được bọn An Sơn vương Mạc Kính Thành và Hoàng Lương công Mạc Lý Hựu...? quận công Trần Việt, Bùi Chi, tán lý Nguyễn Nhân Chiêm, đem chém hết. Số người bị giết, bị bắt và thuyền bè khí giới thu được nhiều không kể xiết. Ngày 13, quan tiết chế tiến đến Chí Linh, chia quân đi truy lùng, ngày 14 bắt được Kính Chỉ ở thôn Tân Manh, huyện Hoàn Bồ xứ An Quảng, cùng với bọn Mạc Kính Phu, Mạc Kính Thận, Mạc Kính Giản, Mạc Kính Tuân, Phù Ninh vương, Hoàng Lễ công, Hùng Lương công, Cao quận công, Tu Vũ hầu, thu được vàng bạc, báu vật và 2 quả ấn đồng. Lại bắt được Thượng thư của giặc là bọn Mai Công, Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Khắc Kính, Lại Mẫn, Nguyễn Khắc Tuy, Nguyễn (từ 276a) Triệt, Nguyễn Minh Bích, Nguyễn Lễ⁽¹⁾, Đô ngự sử Trịnh Quang Tán, Tả thị lang Vương

⁽¹⁾ Bản B, H và Toàn thư chép là Nguyễn Lễ, bản A chép là Nguyễn Phong.

Văn Hội, Hoa Hữu Mô, Vương Bạt Tuy, Nguyễn Hiến Tích, Nguyễn Nhữ Tiếp, Phạm Hồng⁽¹⁾; Hữu thị lang Phạm Tri Chỉ, Đặng Hải, Nguyễn Diễn, Phan Phạm, Lê Viết Thắng; thừa chính sứ là bọn Đoàn Thế Bạt, Nguyễn Phong Quắc, Đỗ Hiến; Tự khanh là bọn Ngô Áng; Đông các là Đỗ Trực, Phan Tông; Tham chính là Trần Khánh Chí⁽²⁾; Phủ doãn là Nguyễn Luận⁽³⁾, Đô cấp sự trung là Hoàng Kỳ, Nguyễn Tuấn Nga, Nguyễn Hằng, Giám sát ngự sử là Lê Thế Lộc, Phạm Viết Tuấn⁽⁴⁾, Phạm Tùng Mệnh, Vũ Sâm, Đỗ Diễn, Lê Kim Bảng, Hoàng Vụ Bản, Nguyễn Nhân Phúc; Cấp sự trung Trịnh Khắc Thận, Vương Thì Trung, Nguyễn Đĩnh, Doãn Đàm, Trần Văn Tảo; Hàn lâm là nguyên Dụng, Hoàng Đĩnh, Phạm Hữu Năng; Hiến sát sứ là Phạm Tu Khiêm, Phó sứ là Nguyễn Nho, Trần Lịch Nhẫn⁽⁵⁾, Tham nghị là Lê Hoàng⁽⁶⁾, Nguyễn Dũng; Đoán sự là Nguyễn Thạc Đức, Nguyễn Tấn, đều giải nộp về (tờ 276b) của quân. Quan tiết chế gọi bọn văn thân vào hỏi rằng: "Các người đều là kẻ sĩ hào kiệt, nên hiểu rõ chính nghĩa. Vả lại tên nguy Hùng Lê (tức Mạc Kính Chi) trước đây đã làm điều loạn luân, bị biếm đi rồi, mà nay lại lập nó lên làm vua, đó là theo đạo nghĩa gì? Các người sao không biết mệnh trời, họ Mạc kia là kẻ tiếm thiết (ăn trộm ngôi vua). Bình sinh các người đọc sách gì, giảng nghĩa gì? Há chẳng thấy sách *Xuân*

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là Phạm Cung.

⁽²⁾ *Toàn thư* là Trần Khánh Khuê.

⁽³⁾ *Toàn thư* là Nguyễn Tranh, bản *B* và *H* là Nguyễn Tịnh.

⁽⁴⁾ Bản *A* là Phạm Viết Nghi, *Toàn thư* là Phạm Điện Tuấn.

⁽⁵⁾ *Toàn thư* chép là Trần Phi Nhân.

⁽⁶⁾ *Toàn thư* và các bản *B*, *H* chép là Lê Hồng.

Thu nói: "Bề tôi làm phản thì phải giết" hay sao? Xưa kia Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, Dương Hùng uốn lưng thờ nó, chẳng để lại tiếng chê cười muôn đời ư? Từ xưa tới nay có công đức lớn với dân ai bằng nhà Lê: bình định giặc Ngô, lấy lại đất nước, sáng nghiệp gian nan, dân được thoát cảnh lầm than, cha ông các người được đời an ổn, đời đời có tước vị; tên Đổng Dung kia bỏ nghĩa vua tôi, tội ác chồng chất. Dòng dõi của nó không thể không diệt, nay ta phò giúp nhà vua, thu phục giang sơn, hoàn toàn nhờ vào mệnh trời (từ 277a), đó không phải là do sức người. Các người theo nghiệp Nho, làm kẻ sĩ mà trái lại đi nổi giáo cho giặc, để làm hại dân lành, sao nỡ tâm như vậy?"

Bọn chúng đều tự biết là trái lẽ, không dám nói lại câu nào. Quan tiết chế thương họ, chuẩn tha tội, cho muốn đi đâu thì đi.

Viên Thượng thư là Mai Công (người xã Đào Tai, huyện Quế Dương) không chịu khuất, nên bị giết. Học sĩ là Đỗ Trực (người xã Cổ Loa), xin cho về quê hương, cũng ưng cho. Bọn Thượng thư Nguyễn Doãn Trán, Nguyễn Khắc Kính xin hàng, đều được giữ nguyên quan tước. Phủ tiết chế bèn lui quân về Kinh.

Nguy Ứng vương chạy về An Bắc⁽¹⁾ bị đau bệnh chết.

Ngày 27, các tướng đưa Kính Chỉ và bọn tôn thất nhà Mạc tới cửa dinh, đều bắt chém hết ở Thảo Tân (Bến Cỏ) và đem đầu Kính Chỉ về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa, hiến dưới cửa khuyết.

Kính Chỉ tiếm ngôi gồm được 3 tháng.

⁽¹⁾ An Bắc: nay là huyện Sơn Động, tỉnh Lạng Sơn.

8. MẠC KÍNH CUNG

(từ 277b)

Mạc Kính Cung là con trai của Kính Điển, nguyên phong là Đôn Hậu vương. Khi Mậu Hợp bị diệt, nguyên Đà quốc công Mạc Ngọc Liên trốn về phía Bắc ngấm tìm dòng dõi nhà Mạc⁽¹⁾, tìm thấy Kính Cung ở Văn Châu. Vào tháng 3 năm Quang Hưng thứ 16 (1592), Ngọc Liên lập Kính Cung lên làm vua, nguyên xưng niên hiệu là Càn Thống năm đầu. Lúc này lòng người dân vùng Đông Bắc hãy còn theo nguyên, nghe tin y lên ngôi, dẫn nhau đến quy phục. Lại có vài mươi tên dòng dõi còn sót lại, họp nhau xúi giục nhân dân, khuấy động các nơi, cướp chiếm các châu huyện. Từ sông Nhị Hà trở về Bắc, can qua nối tiếp dấy lên, khói lửa không dứt; nhóm lớn thì kết thành 30 đảng, đông tới vài nghìn người, nhóm nhỏ cũng hơn 10 toán, 700 - 800 người. Tên nguyên xưng là Kiến quốc công thì chiếm cứ Kiến Xương, tên nguyên xưng là Cường quốc công, chiếm cứ Cẩm Giang, Thái quốc công chiếm cứ Khoái Châu, Nghiêm quốc công chiếm cứ Tứ Kỳ, Khánh quốc công chiếm cứ Sơn Dương, Đức quốc công chiếm cứ Hạ Hoa⁽²⁾, Mỹ Thọ hầu chiếm Thanh Ba, Uy vương Mạc Kính Dụng (từ 278a) chiếm Thái Nguyên, Trang vương⁽³⁾ Mạc Kính Chương giữ Thiên Thi, Nghĩa quốc công chiếm

⁽¹⁾ Vì Mạc Ngọc Liên vốn không phải họ Mạc, nên đây là tìm dòng dõi họ Mạc mà lập làm vua.

⁽²⁾ Hạ Hoa: nay là Hạ Hoà, Vĩnh Phú.

⁽³⁾ Bản A chép là Đỗ vương; theo bản B, H và Toàn thư.

Tân Hưng, Văn quốc công chiếm Tam Dương; Cẩm quốc công chiếm Thanh Trì⁽¹⁾, Trung quốc công chiếm Phố Yên, Phúc quốc công chiếm Hữu Lũng. Quân giặc kéo đến đâu, dân đều hòa theo, liên kết với nhau cùng nổi dậy. Chúng kéo quân tới Nhị Hà, đốt cháy cầu phao Bát Tràng. Nhân dân các huyện thuộc Hải Dương, Kinh Bắc đều dựng cờ xí hưởng ứng với giặc. Phủ tiết chế chia sai các tướng vượt sông tiến đánh, phá tan quân giặc, chém và bắt vài nghìn tên, quân giặc bèn tan vỡ.

Tháng 4 năm ấy (1593), vua Thế Tông trở về kinh đô, đại xá thiên hạ, lòng người bình tĩnh, biết chỗ hướng theo. Hoà quận công Vũ Đức Cung từ Tuyên Quang, Đoan quận công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hoá đều tới chầu. Vua sai Nguyễn Hoàng tổng đốc bán doanh, thống lĩnh thủy quân của Nam đạo tiến đánh giặc biển ở các xứ Sơn Nam và Hải Dương, phá tan được chúng, chém (từ 278b) nguy Kiến quốc và nguy Nghĩa quốc ở sông Hoàng Giang. Vùng Tiên Hưng và Kiến Xương đều yên ổn. Nguy Đỗ vương là Kính Chương, cùng với nguy Thái quốc, Hoa quốc, Nghiêm quốc, Cẩm quốc, Cường quốc, Đông quốc còn chiếm cứ Hải Dương. Nguyễn Hoàng tiến đánh bình định được hết, bắt và chém được rất nhiều giặc. Nguy Cường quốc chạy lên Thượng ngàn⁽²⁾. Kính Chương cùng với Thái quốc công chạy ra An Quảng. Hai trấn Đông và Nam dần dần yên tĩnh. Chỉ còn có Kính Cung, Ngọc Liễn và Khánh vương Kính Khoan, An Dũng vương cùng Đường quốc, Đức quốc⁽³⁾, Đông

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là Thanh Ba.

⁽²⁾ Nguyên văn: thượng ngàn, có lẽ là lên "mạn ngược", *Toàn thư* dịch là "chạy lên bờ sông" (?).

⁽³⁾ Bản B và H sót chữ "Đức quốc".

quốc, Văn quốc, Trung quốc, Phúc quốc gồm hơn 10 tên. Con Ngọc Liên là Lập quận công và Sơn Đông hầu. Phù Cao hầu đã hàng lại mưu phản, Sơn Đông và Phù Cao đều trốn đi, Lập quận công bị giết. Nguyễn Quyện đã bị bắt từ trước, bị thương nặng rồi chết, con y là Nhuệ quốc công Nguyễn Tín, Thọ Nham hầu Nguyễn Trù và con của Phù Hưng hầu Nguyễn Miễn, em Nguyễn Quyện là Đỗ Mỹ (từ 279a) hầu, Vân Bảng hầu, Nam Dương hầu, An Nghĩa hầu, Nhân Trí hầu, đều có tài năng vũ dũng, trong dịp Mậu Hợp bị bắt, họ đều đến xin hàng, được đối xử tốt. Đến lúc này lại mưu phản, việc phát giác ra, bọn Nguyễn Tín, Vân Bảng, Nhân Trí đều bị giết; Nam Dương, An Nghĩa và Thọ Nham trốn mất.

Năm Quang Hưng thứ 17 (1594) tức là năm Vạn Lịch thứ 22 nhà Minh, tháng giêng, Mạc Ngọc Liên đem Mạc Kính Cung chiếm cứ An Bắc. Phủ tiết chế sai Hữu tướng là Hoàng Đình Ái đem quân đi đánh. Tháng 2 đánh phá được toán quân ấy, bắt chém nguy Vạn Ninh vương và Nghiêm quốc công. Ngọc Liên chạy sang phủ Tư Minh, xin làm tôi nhà Minh. Đình Ái đem quân về Yên Dũng bắt nguy Phúc quốc công. Kính Cung lẫn trốn. Nguy Khánh vương là Kính Khoan còn chiếm giữ Đại Từ⁽¹⁾, Thứ vương chiếm Thái Nguyên, An quận công chiếm Phổ Yên, Đông quốc công chiếm Lục Ngạn, An Dũng vương chiếm Vũ Nhai, Việt quốc công chiếm Sơn Nguyên⁽²⁾. Quan quân tới đâu (từ 279b) quân giặc lập tức tản ra, quan quân đi thì chúng lại tụ lại, các huyện ở Thái Nguyên, Lạng Sơn khổ vì chúng.

⁽¹⁾ *Toàn thư* chép là Kính Khoan chiếm Lục Ngạn.

⁽²⁾ *Toàn thư* chép là Sơn Dương.

Tháng 4 (1594), hàng tướng ở Thái Nguyên là Liêm quận công⁽¹⁾ bắt nguy Hoàng mỹ công⁽²⁾, giải về kinh sư, sai giết chết.

Tháng 5 (1594), Kính Cung cử Ngọc Liễn làm Thái phó, đem quân chiếm giữ núi Yên Tử, đánh cướp vùng Vĩnh Lại, chúng đi đến đâu dân đều quy phục. Phủ tiết chế sai Thái uý Nguyễn Hoàng⁽³⁾ đem thủy quân tiến đánh, đại phá quân giặc. Ngọc Liễn chạy tới đồn An Bắc, châu Vạn Ninh, Kính Cung chạy vào Long Châu thuộc nhà Minh, lại đem người ở Long Châu vào cướp Lạng Sơn. Phủ tiết chế sai đem quân hội ở Lạng Sơn, dùng quân tam ty⁽⁴⁾ đánh đuổi, Kính Cung lại chạy vào Long Châu. Tháng 7 (1594) Ngọc Liễn ốm chết ở Vạn Ninh. Trước khi chết, đưa thư khuyên Kính Cung rằng:

"Nay nhà Mạc khí vận đã hết, họ Lê phục hưng, đó là số trời vậy. Dân ta vô tội mà khiến phải chịu nạn binh đao, ai nỡ lòng nào. Chúng ta nên lánh ra ở (từ 280a) nước khác, nuôi dưỡng uy lực, chịu khuất đợi thời; chờ khi nào mệnh trời trở lại mới làm được, chứ không thể lấy lực chọi với lực. Khi hai con hổ cùng tranh nhau, tất nhiên có một con bị thương, không có ích gì cho công việc. Nếu thấy quân của đối phương tới đây, chúng ta nên tránh đi, cẩn thận chớ có đánh nhau với họ, cốt phải phòng thủ cẩn thận làm chính, lại chớ nên mời người Minh vào nước ta, để cho dân phải lầm than, đó là cái tội không gì lớn hơn".

⁽¹⁾ Bản A sót chữ Liêm, theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A là Hoàn mỹ công, bản B là Hoàng mỹ công.

⁽³⁾ Bản A chép là "ngã Thái Tổ Cao hoàng đế" (Thái Tổ Cao hoàng đế triều ta).

⁽⁴⁾ Bản A sót chữ ty: đây là quân 3 ty ở Lạng Sơn.

Con y là bọn phò mã Đông Sơn hầu⁽¹⁾ chạy vào Long Châu theo Kính Cung.

Tháng ấy các quan tổng đốc, tuần phủ, án sát nhà Minh nghe tin nước ta mới khôi phục, đang tiểu trừ dòng dõi nhà Mạc, bèn sai tri châu là bọn Tôn Kế Tiên sang thăm dò.

Nguy Uy vương là Kính Dụng riêng chiếm châu Cẩm Hoá ở Thái Nguyên, cũng sai người sang tố cáo với viên tuần phủ Quảng Tây, xin điều mấy vạn binh, lấy danh nghĩa "cứu dân, đánh kẻ có tội" (diều dân phạt tội), bảo toàn cho kẻ bề tôi cống nạp. Lại nói rằng chú y là Kính Cung ngầm có chí khác, lại sẽ sinh ra một bọn giặc mới. Viên Tuần phủ Trần Đại Khoa (tờ 280b) buộc y tới để xét hỏi. Kính Dụng lại sai đồng bọn là Xuân Sơn hầu và Văn quốc công đánh viên hàng tướng là Liêm quận công⁽²⁾, bị Nguyễn Hoàng⁽³⁾ phá tan ở Vũ Nhai, lại chạy vào núi.

Năm Quang Hưng thứ 18 (1595) Ất Mùi, phủ tiết chế sai Lại Thế Quý đánh phá Kính Dụng ở Cẩm Hoá, tiến công Cao Bằng, bắt giết nguy Kỳ Sơn vương và Phúc vương. Xuân Sơn vương bị thua liên tiếp bèn xin hàng, sau đó bị giết.

Trước đó phủ tiết chế đã khôi phục được kinh thành, liền lo việc tiếp đón sứ nhà Minh, sai viên mục là Lê Tảo Dụng, thông sự là Phạm Ngạn, đem nộp công văn đi đường biển sang cửa quân Lương Quảng nước Minh, nói rõ: "Họ Lê bị nghịch thần Mạc Đăng Dung cướp ngôi đã

⁽¹⁾ Bản B và H chép là Sơn Đông hầu.

⁽²⁾ Bản A sót chữ Liêm, theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là Ngũ Thái Tổ Cao hoàng đế.

70 năm, ngày nay vua Thế Tông sai Trịnh Tùng thống lĩnh binh quyền, bắt giết được gần hết dòng dõi nhà Mạc, đã xin thụ ấn phong chức và sai viên mục tới cửa quan đệ trình, đã lâu không thấy tin, nay đặc biệt sai Tảo Dụng (tờ 281a) và thông sự từ An Bang đi đường biển tới cửa quan, mong quý quan thể tất cho tình thực của bản quốc, sai quan viên tới cửa ải, cho chúng tôi thưa chuyện".

Tháng 7 năm ấy, Tảo Dụng tới nước Minh. Tuần phủ nhà Minh là Đái Diệu bèn tâu lên, triều đình nhà Minh sai quan tới khám và đến địa giới động Long Châu gọi Mạc Kính Dụng tới xem xét tận mặt, Dụng thân tự cung khai, quan nhà Minh tạm cho y an táp (an trí) ở một nơi và xin lấy phủ Cao Bằng để an trí bọn Kính Dụng, lấy châu Bảo Lạc, Hải Đông an trí bọn Kính Chương, Kính Cung, để bảo tồn việc tế tự của tông tộc nhà Mạc. Họ lại sai quan đạo Tả Giang là Giang Chúc⁽¹⁾ báo cho tam ty bên họ. Phủ tiết chế cũng sai đưa tờ trình cho quan đạo ấy, nói rằng nước đã khôi phục được 4 năm rồi, mà chưa có cống nộp, là vì cơ còn lật đật vội vàng, xin đến ngày tháng ấy sai quan đến cửa ải hội khám, nhờ họ sớm truyền báo cho. Quan đạo hẹn lấy trung tuần tháng 2 sang năm mời nhà vua đến cửa ải, để xét rõ xem có phải là con cháu nhà Lê không. Nhà vua và quan tiết (tờ 281b) chế bàn rằng nên nhân nhượng mà làm theo ý họ.

Năm Quang Hưng thứ 19 (1596) tức là năm Vạn Lịch thứ 24 nhà Minh, tháng giêng, mùa xuân, nguy Trang vương là Mạc Kính Chương đóng đồn ở An Quảng, chiếm cứ xã Hương Lan⁽²⁾ châu Vạn Ninh, sai nguy Ly

⁽¹⁾ Bản B và H có thêm chữ Giang Chúc.

⁽²⁾ Bản A chép là Hương Quan, theo bản B, H và Toàn thư.

quốc, Thái quốc⁽¹⁾ và bọn Mạc Vĩ, Mạc Lý đem 80 chiếc thuyền⁽²⁾ cướp huyện Tứ Kỳ và Vĩnh Lại. Đến Thanh Giang, viên tướng trấn thủ ở đó là Kế quận công Phan Ngạn xuất quân đánh cho thua, chém nguy tướng và nguy quân gồm hơn 2200 tên⁽³⁾, thu rất nhiều khí giới, bắt được nguy Hào quận công, sai y dẫn đường. Phan Ngạn ra lệnh cho tướng sĩ đóng giả làm nguy quân, dùng thuyền nhẹ lướt tới, đi thẳng vào hai lần cửa qua ba ngày đêm tới Hương Lan⁽⁴⁾, bắt sống được Kính Chương, đóng cũi giải về kinh sư, giết chết.

Viên thổ quan châu Tư Minh bên nhà Minh nghe tin ấy lập tức báo cho tam ty bên họ nói rằng Kính Chương đã bị bắt, quân sĩ tan vỡ, Hải Đông và Tân An đều theo về họ Lê. Lúc này vua sai Thượng thư bộ Hộ là Đỗ Ưông, Đô ngự sử Nguyễn Văn Giai lên trước (tờ 282a) của Nam Quan đòi mệnh, cùng với quan tuần đạo Tả Giang nhà Minh trao đổi văn thư qua lại. Sau đó vua lại sai hoàng huynh (anh vua) tên là Lê Ngạnh và Lê Hựu và Tả thị lang bộ Công⁽⁵⁾ là Phùng Khắc Khoan cùng mang quả ấn "đô thống sử" và hai tờ giấy có đóng dấu An Nam quốc vương trước đây, đưa tới để xét nghiệm. Ta lại đưa công văn nói: họ Mạc là kẻ phản nghịch, nhưng hiện nay ta đang cầu xin nạp khoản, xin nghe theo mệnh phân xử.

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "quốc" sau chữ "thái", theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là 80 chiếc thuyền, bản B và H chép là 18 chiếc, *Toàn thư* chép 30 chiếc.

⁽³⁾ Bản B và H chép là "nhị thiên bách dư" (hơn 2100), *Toàn thư* là 2298 thủ cấp.

⁽⁴⁾ Bản A chép là Hương Quan.

⁽⁵⁾ Bản A và *Toàn thư* chép là "Công bộ tả thị lang", bản B và H chép là "Hộ bộ tả thị lang".

Quan đạo bên nhà Minh đều báo lại đầy đủ, họ lại nói từ khi Kinh Chương bị bắt, vùng Tân An đã thuộc họ Lê, nhưng vẫn nên cất phủ trị Cao Bằng để bảo toàn sự thờ cúng của họ Mạc.

Tháng 2, vua từ kinh sư ra đi; Hoàng Đình Ái và thái uý Nguyễn Hoàng⁽¹⁾ và Nguyễn Hữu Liêu đều đi theo đến cửa Nam Quan. Người Minh cứ dằng dai thoái thác để đến nỗi quá kỳ hạn, nhà vua bèn trở về kinh sư, đưa công văn sang quan Tả Giang đạo nói: "Về việc an trí họ Mạc thì đất đai đó là do thiên vương ban cho, tổ tiên chúng tôi đã nhận, chúng tôi không dám theo mệnh mà cất bỏ. Hiện nay binh sĩ đã hết sạch lương thực (từ 282b), lại nhiệm phải lam chương. Các khó khăn đó, xảy ra giữa đường, chúng tôi chưa thể giải quyết hết được, cho nên phải tạm chuyển đến chỗ thuận tiện hơn, để chấn chỉnh lại cho hoàn bị, rồi sẽ xin mở cửa quan sau". Do đó quan đạo nhà Minh là Dương Dẫn Thu tức giận, cho là phía ta lật lọng, báo cho các nha môn đốc, phủ và án sát làm bản tâu lên vua Minh Thần Tông; bộ Binh (nhà Minh) bèn tư xuống cho ty Bố chính, đưa chiếu cho quan đạo bảo phải "đánh dẹp" để đe dọa ta hạch tội vua ta; lại sức cho các phủ châu huyện bên họ phải chỉnh bị binh mã lương thảo để sẵn sàng chinh phạt. Đó là cách họ hư trương thanh thế để ăn hiếp nước ta, chứ thực thì không dám ra tay. Nhà vua và quan tiết chế bàn, cũng theo cái lễ "thờ nước lớn" mà tạm cung kính chiếu ý họ. Vua lại sai⁽²⁾ bọn Trịnh Công Nghĩa, Phạm Ngạn viết công văn giảng giải cho họ và xin hẹn kỳ khám lại.

⁽¹⁾ Bản A chép là "Ngã Thái Tổ Cao hoàng đế".

⁽²⁾ Bản A chép chữ "khiến" (sai) - ra chữ "thỉnh" (xin).

Tháng 12 vua lại sai bọn Đỗ Ưông lên thành Lạng Sơn đọi mệnh. Tháng giêng năm Quang Hưng thứ 20 (1597), nhà Minh hẹn đến tuần đầu tháng 4 sẽ khám, và đòi vua phải tới cửa quan hội khám.

Tháng 3 (tờ 283a) nhà vua từ kinh sư ra đi, Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hoàng⁽¹⁾, Nguyễn Hữu Liêu đều theo đi, dẫn theo 5 vạn binh tượng đến cửa quan.

Ngày 10 tháng 4, vua qua cửa trấn Nam Quan, cùng với quan đạo Tả Giang và quan các phủ Tư Minh, Thái Bình thuộc Quảng Tây nhà Minh, hội kiến, biện minh các lẽ rõ ràng, làm tờ kết ước. Rồi vua sai Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nhân Thiệm làm sứ giả đi Yên Kinh dâng sản vật địa phương, lại thay mặt các vị tiểu mục Trịnh Tùng, kỳ mục Hoàng Đình Ái, quan mục Bùi Bình Uyên dâng biểu trình bày rõ công lao phò giúp chủ cũ khôi phục lãnh thổ trước, xin được ban ơn. Tổng đốc nhà Minh là Trần Đại Khoa tâu lên vua Minh, đại lược nói rằng:

"Họ Lê từ lúc đầu tới giờ đều lấy danh nghĩa là khôi phục; điều cấp thiết nhất (với ta) là chỉ sợ họ giả danh con cháu nhà Lê thôi, thế thì căn cứ lời khai của thần dân cả nước An Nam, thấy họ trình bày thế hệ có căn cứ, nên đều tin theo quy phụ chủ cũ. Nếu lại sợ (tờ 283b) Trịnh Tùng giả thác dựng ra, thì căn cứ lời cung khai rằng họ Trịnh dời dời là bề tôi của họ Lê, cùng ở Thanh Hoa, đã từng nếm trải gian khổ, không hề có chút trá mạo. Trộm thấy rằng họ Lê đã được dân chúng suy tôn, lại có tờ sớ rất thành khẩn, có lẽ nên chuẩn y cho họ. Đất đai của họ Mạc đã bị mất hết từ trước rồi, chỉ có bọn Mạc

⁽¹⁾ Bản A chép là "Ngã Thái Tổ hoàng đế".

Kính Dục còn sót lại không bao nhiêu, phải trốn lủi chưa ổn định ở nơi nào. Nghĩ chúng là dòng dõi của cồng thần (bể tôi có tiên cồng), thì nên gia ơn bảo toàn cho nó. Nên cất một nơi có phủ trị Cao Bằng cấp cho Kính Dục để an trí y ở đấy".

Viên tuần phủ là Đái Diệu cũng tâu như thế. Đại khái họ đều chiều theo ý thổ quan cấp dưới, đã nhận của đút của họ Mạc, mà cùng nhau dung túng cho họ Mạc.

Viên Thị lang bộ Binh⁽¹⁾ nhà Minh là Lý Trinh theo lời bàn đó, lại tâu lên. Vua Minh Thần Tông chuẩn y tất cả.

Năm Quang Hưng thứ 21 (1598)⁽²⁾, Hữu tướng Hoàng Đình Ái đánh bắt được Mạc Kính Luân ở Lục Ngạn, Thái úy Nguyễn Hoàng⁽³⁾ đánh bắt được Thuý quận công ở Thuỷ Đường. Mạc Kính Dục bị thua ở (tờ 284a) Thái Nguyên, chạy về An Bắc ở phía Đông. Y lập mưu dụ⁽⁴⁾ đồ giết thổ quan là Phú Lương hầu⁽⁵⁾ để cướp lấy đất, nhưng Phú Lương hầu đã biết ý, bèn sai vợ ra đón, xin hàng, lấy lời ngon ngọt khuyên Kính Dục để đồ đảng ở ngoài cửa, chỉ đem vài chục người đi theo vào trong thôn, Kính Dục mừng làm theo. Phú Lương hầu ra đón, khuyên Kính Dục vào ở trong hang núi để nuôi dưỡng nhuệ khí và đợi thời, để bọn tay chân tạm ở ngoài thôn cho tiện cung cấp. Kính Dục cũng tin theo, đem 5 - 6 thủ hạ vào trong hang núi. Phú Lương hầu bí mật giết hết 40 người

⁽¹⁾ Bản A chép là "Công bộ thị lang" (thị lang bộ Công) theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A chép là "nhị thập niên" (năm thứ 20) - sai, theo bản B và H.

⁽³⁾ Bản A chép là "ngã Thái Tổ Cao hoàng đế".

⁽⁴⁾ Bản A chép lầm chữ "dụ" ra chữ "nghị".

⁽⁵⁾ Bản B và H chép là Phú Lăng hầu.

tay chân thân tín của Kính Dục và ngầm sai người chạy về kinh đô tố cáo. Phủ tiết chế sai quân tới bắt Kính Dục đưa về kinh sư, bắt thất cố chết, và thưởng cho Phú Lương hầu chức Tổng binh sứ. Từ đó miền Đông đạo hơi yên ổn.

Lúc này bọn Kính Cung, Kính Khoan đồ đảng còn đông, chúng chiếm cứ vùng Lạng Sơn và Thái Nguyên. Quan tiết chế bên sai Hoàng Đình Ái và Thái phó Trịnh Đỗ (tờ 284b) chia quân theo hai đường tiến đánh. Viên thổ quan ở Cao Bằng là Hà Ích đánh phá châu Định Hoá⁽¹⁾, chém được nguy Trung quốc công. Thổ quan huyện Dương Đạo là Tống Thời Chiêu cũng đánh bắt được nguy Phù Thắng hầu.

Tháng 11, Hoàng Đình Ái đến thành Lạng Sơn, sai Lâm quận công Trần Phúc đánh⁽²⁾ phá châu Thoát Lãng. Quân của Kính Cung vừa mới từ Long Châu tới Thất Tuyên, sai nguy Vạn quốc công chống cự, Trần Phúc đánh phá được, đốt doanh trại địch, đuổi dài tới doanh trại của Kính Cung. Bấy giờ Kính Cung sai nguy Phúc vương đem vợ con, lương thực chạy trước vào Long Châu, đến nửa đường gặp con của Trần Phúc là Trang Nghĩa hầu Trần Thiết phục binh đột nhiên nổi dậy đánh, Phúc vương cướp đường mà chạy, y ngoảnh lại bảo Trần Thiết rằng: "Có Càn Thống vương ở đằng sau, nếu người đuổi bọn ta, Càn Thống vương tới, e các người khó thoát". Trần Thiết nghe thế, không dám đuổi nữa, chỉ lấy của cải rồi quay về. Trần Phúc tiến đánh Kính Cung, Kính Cung

⁽¹⁾ Châu Định Hoá: thuộc là huyện Định Hoá tỉnh Bắc Thái cũ.

⁽²⁾ Bản A chép lầm chữ "công" (đánh) ra chữ "đi" (đé).

nhỏ trại, bí mật lui quân, sai (tờ 285a) nguy tướng là bọn Bàn quận công, Thắng quận công đem quân chặn đằng sau. Trần Phúc tung quân ra đánh, chém được Thắng quận công và Bàn quận công⁽¹⁾ tại trận, bọn khác đều chạy tán. Kính Cung chỉ còn vài nghìn quân⁽²⁾ chạy vào Long Châu, lại gặp phục binh của Trần Thiết đón đánh ở đường hiểm. Kính Cung hết sức chống đánh; Trần Thiết vì quân ít không địch nổi, bèn bỏ những cửa ải đã lấy được, đem quân chạy thẳng về Cao Bằng. Quân của Kính Cung sang qua sông thoát được. Khi Trần Phúc kéo tới nơi thì giặc đã chạy xa hết rồi, chỉ bắt được đứa con trai nhỏ của Kính Cung mới 12 tuổi, rồi quay về. Trần Phúc bèn về Lạng Sơn, hội với Hoàng Đình Ái rút quân về kinh đô.

Trịnh Đỗ tiến đánh các châu Thông Hoá, Cẩm Hoá thuộc Thái Nguyên. Sai bộ tướng là Tổng binh Lại Thế Quý đánh dẹp xứ Cao Bằng. Đến núi Tam Lộng giặc đem các lính man từ bốn phía đánh giáp lại, Thế Quý bị thua to, chạy 3 ngày đêm đến núi Thượng Tư. Anh em Thế Quý bị nhiều vết thương chỉ chạy thoát được thân, Trịnh Đỗ cũng rút quân về (tờ 285b).

Tháng 12, sứ thần Phùng Khắc Khoan từ Yên Kinh về nước, mang theo tờ sắc phong của vua Minh về triều.

Tam ty nhà Minh nghe tin Mạc Kính Dụng đã bị bắt, lại nhận hối lộ của Kính Cung, xin cho y được an táp ở Cao Bằng.

Năm Quang Hưng thứ 22 (1599), tháng 4, vua tiến

⁽¹⁾ Bản A bỏ sót tên Bàn quận công, theo bản B, H và Toàn thư.

⁽²⁾ Bản A chép là "số thập" (vài chục), theo bản B, H và Toàn thư.

phong quan tiết chế từ tước Trưởng quốc công lên làm Đô nguyên soái tổng quốc chính, thượng phụ Bình An vương⁽¹⁾.

Tháng 8 mùa thu, nhà vua mất, vua Kính Tông Huệ hoàng đế lên ngôi.

Năm Thận Đức thứ nhất (1600) Canh Tý, ngày tháng 5, Kế quận công Phan Ngạn, Mỹ quận công Bùi Văn Khuê, Tráng quận công Ngô Đình Nga đem thủy quân làm phản, Hữu tướng Đoan quốc công Nguyễn Hoàng⁽²⁾ giả thác là xin quân đuổi đánh, phóng hỏa đốt hết doanh trại rồi xuống thuyền trốn về Quảng Nam. Trong nước chia lìa, lòng người rối loạn, Bình An vương bèn đem xa giá nhà vua trở về Thanh Hóa để củng cố nơi gốc rễ. Bọn Phan Ngạn và Văn Khuê đem quân quy phụ nhà Mạc (từ 286a), chiêu an các thành thị. Phan Ngạn ngờ Văn Khuê có chí khác, bèn sai người bắn chết Khuê và tự xưng là Tiết chế phủ Sính quốc công, Đình Nga xưng là Thái bảo Hoa quận công, chúng dùng niên hiệu Càn Thống của ngụy Mạc trong các giấy tờ yết thị.

Tháng 6, Phan Ngạn đem quân đến Hoàng Gia đánh nhau, vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị Niên muốn báo thù cho chồng, đã khích lệ các tướng sĩ dưới quyền, bắn chết Phan Ngạn ở giữa sông. Hai tên giặc ấy đã chết, nhưng

⁽¹⁾ Bản A chép lộn ra An Bình vương; bản B và H sót các chữ "đô nguyên soái tổng quốc chính". Trưởng quốc công tức Trịnh Tùng. Từ đây trở xuống, Lê Quý Đôn thường dùng chữ Vương (chúng tôi có lúc dịch là chúa) hoặc đế là Bình An vương để chỉ Trịnh Tùng. (Các chữ Vương hay phủ tiết chế, ở đoạn đầu Lê Quý Đôn dùng để chỉ Trịnh Tùng và đoạn sau dùng để chỉ Trịnh Tráng).

⁽²⁾ Bản A chép là "Ngã Thái Tổ Cao hoàng đế".

đồng đảng của chúng tụ tập nhau nổi lên ở nhiều nơi, ở Hải Dương có nguy Uy Vũ hầu tập hợp được 300 thuyền tụ xưng là đại tướng. Nguy Kỳ Huệ vương chiêu mộ quân ở Sơn Nam tụ xưng là tiết chế. Bảy giờ mẹ của Mạc Mậu Hợp nguy xưng là Quốc mẫu, ra ở Đông Kinh, các lệnh ban ra xưng là chế, bọn nguy tôn thất và dư đảng nhà Mạc trước đây ẩn náu ở núi rừng, cùng với con của Mậu Hợp đều tới kinh đô bái yết. Mẹ Mậu Hợp sai người đi đón Mạc Kính Cung rồi tụ ban ơn thưởng khắp cho từ quan viên đến thứ dân, không kể là mới hay cũ, và phong các chức Đô chỉ huy sứ, Đô chỉ huy đồng tri, Đô chỉ huy thêm (từ 286b) sự, và Tả, hữu kiểm điểm⁽¹⁾.

Tháng 7, từ cửa ải Bắc trở về, đi đến Thị Cầu ở Vũ Giang⁽²⁾ bọn Ngô Đình Nga đều đem quân huyện mình ra đón, Kính Cung đều cho giữ chức cũ. Bảy giờ Kính Cung vào chiếm kinh sư, có quân đông tới vài vạn. Lúc đó nhà vua ở Thanh Hoa, quan tiết chế tập hợp các cánh quân, sửa sang vũ khí, phủ dụ tướng sĩ và ban phong các danh hiệu Đôn hậu Uy dũng Kiệt tiết Uy lực công thần, lòng người đều vui theo. Bình An vương nói với các tướng sĩ rằng:

"Đoan quốc công trấn thủ Thuận Quảng hơn 30 năm, vốn được lòng quân dân, nay trốn về trấn cũ, như cá về biển cả, chim về rừng sâu, không thể khống chế được

⁽¹⁾ Kiểm điểm: Theo *LTHCLC* (Quan chức chí) của Phan Huy Chú, thì chức này vốn gọi là Kiểm điểm, chỉ khi họ Trịnh nắm quyền thống trị mới kiêng tên húy của Trịnh Kiểm mà đổi ra "hiệu điểm". Lê Quý Đôn sống ở cuối thời Lê Trịnh, nên viết là Hiệu điểm, chúng tôi khôi phục lại cách gọi của nhà Mạc.

⁽²⁾ *Toàn thư* chép là Vũ Ninh.

nữa. Thiên hạ đương có biến, kinh sư không yên, ta phải bỏ mặc xứ Thuận Quảng không ngó tới, chỉ lo về phía Đông. Ông ta là công thần cũ, lại là người chí thân của ta, hãy viết thư khuyên bảo ông ta nếu ông ta chịu nghe, không có mưu đồ khác, thì việc lớn có thể xong (tờ 287a) được".

Bèn sai Lê Nghĩa Trạch mang tờ chiếu và thư tới vỗ về Nguyễn Hoàng. Nguyễn Hoàng viết thư tạ lại, xin ở lại giữ Thuận Quảng. Vương mừng nói: "Phiên trấn được yên ổn, thế nước không bị lung lay, ta không phải lo lắng về mặt phía Nam, có thể chuyên lo đánh dẹp phía Đông, như thế thì thiên hạ có thể bình định được". Bèn dâng biểu xin ra quân. Đóng quân ở xứ Bái Đình. Ngụy Văn quận đến hàng, hạ lệnh tha tội cho. Tháng 8, kéo quân ra Trường Yên, Đặng quận công Nguyễn Khải chỉ huy quân tiên phong, gặp quân giặc chốt giữ ở Gián Khẩu, đánh phá tan được. Đại quân theo đường cái lớn thẳng tiến, thủy quân ngược theo dòng sông nhỏ ra cửa sông Hát rồi xuôi dòng đi xuống. Quân giặc đại bại, bị chết đuối rất nhiều. Ta bắt được mẹ Mậu Hợp, giết chết. Mạc Kính Cung chạy ra Kim Thành. Do đó ta lại khôi phục được kinh sư. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công xin hàng, cũng được tha tội. Bọn ác đảng nghe thấy thế tiếp tục kéo nhau ra hàng. Ngụy Tây đạo tướng (tướng Tây đạo của giặc Mạc) là Nhai quận⁽¹⁾, Cao quận đóng ở mạn Nhật Chiêu, quan quân nửa đêm đến tập kích, phá được, thu (tờ 287b) 4 chiếc thuyền, 7 con voi.

Tướng ở doanh An Bắc thuộc Tuyên Quang là Hoà

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "nhai" trước chữ quận, theo bản B, H và Toàn thư.

quận công Vũ Đức Cung, Thuy quận công Vũ Công Ứng sai người đưa thư tới hành doanh, Vương tiếp đón, an ủi rất hậu, ban lệnh chỉ khích lệ. Tháng ấy, nhà vua từ Thanh Hoa trở về kinh sư, quần thần tới châu mừng.

Tháng 9 bắt được bọn Ngô Đình Nga ở sông Thiên Đức đem giết chết. Bọn nguy Uy Vũ hầu và Nam Dương hầu Nguyễn Nhậm đem hết số quân gồm hơn 1 vạn người và 200 chiếc thuyền từ Sơn Nam thẳng tiến, phạm vào bến Ông Mạc⁽¹⁾ Thanh Trì. Vương sai các tướng bày trận để đợi; rồi đánh nhau với giặc, đại phá được giặc. Nguy Uy Vũ hầu chạy ra chiếm cứ cửa biển, ngăn cấm dân chở muối lên bán cho vùng kinh kỳ.

Nguyễn Nhậm chạy về chiếm cứ Hoàng Giang.

Tháng 10, Vương sai Hải quận công Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Nhậm, bị thua, mất hơn 40 chiến thuyền.

Tháng 11, vua ta đổi niên hiệu là Hoằng Định thứ nhất, đại xá thiên hạ để yên nhân tâm.

Bình An vương sai các tướng kinh lược các châu huyện. (từ 288a) Bắc cầu phao qua sông ở bến Ông Mạc cho quân đi.

Bắt giết nguy Vạn quận công. Kính Cung vẫn còn đóng giữ ở Kim Thành, sai Nam quận công chiếm cứ Nam Xương, giết Uy Vũ hầu. Bọn nguy Nhai quận, Cao quận⁽²⁾ chạy lên Đại Đồng, đều bị Vũ Đức Cung giết chết⁽³⁾.

⁽¹⁾ Ông Mạc tức Ô Đông Mạc, Hà Nội ngày nay.

⁽²⁾ *Toàn thư* chép là bọn tướng này đóng ở Sơn Tây, lánh về Đại Đồng.

⁽³⁾ *Toàn thư* chép là bị thổ quan ngầm đánh thuốc độc giết chết.

Năm Hoàng Định thứ 2 (1601), tháng giêng, Bình An vương thân đốc đại quân tiến xuống phía Nam. Đến Linh Giang, Nguyễn Nhậm chặn đánh, tướng tiền phong của quan quân là Chấn quận công bị tử trận. Các tướng đều dốc sức chiến đấu, đại phá được quân giặc, giết Nam quận và Nga quận, ta thu được thuyền bè vô số, tiếp đó lại bắt được đứa em út của nguy Nam quận là Tào quận và Vị quận, đều đem chém, mang đầu về kinh sư, bêu ở ngoài phố chợ. Vương hạ lệnh chiêu an. Các huyện vùng Sơn Nam đều ổn định hết. Nguyễn Nhậm là con của Nguyễn Miên, có sức khoẻ hơn hẳn mọi người, đang giặc dựa vào y làm thế mạnh. Khi Nhậm bị chết, bọn giặc đều tan. Bình An vương trở về kinh sư, sai Nguyễn Khải trấn thủ Sơn Nam. Hoàng Đình đem quân đi kinh lược (từ 288b) Hải Dương, đánh chiếm được Kim Thành. Mạc Kính Cung trước đó đã trốn lên Lạng Sơn, quan quân thiêu huỷ hết doanh trại giặc, rồi chiêu dụ nhân dân trở lại làm ăn, các huyện ở Hải Dương đều bình ổn.

Tháng 12, sai Nguyễn Khải kinh lược vùng Sơn Tây, Kinh Bắc, bình định được cả.

Năm Hoàng Định thứ 3 (1602), bắt được nguy Huệ Vũ vương.

Năm thứ 10 (1609), tháng 3, nhà vua cho là Mạc Kính Cung chiếm cứ địa phương Thái Nguyên và Tây Nông hạ, sai quan Thái tử ở doanh Tuấn nghĩa là Phụng quốc công Trịnh Đỗ làm thống lĩnh, chỉ huy tướng sĩ các cơ, doanh, dùng Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Danh Thế làm đốc thị, đi chinh phạt. Bọn giặc đều tan chạy vào trong núi, quan quân thu được thắng lợi, tháng tư thì trở về kinh đô.

Năm Hoàng Định thứ 14 (1613)⁽¹⁾, viên trấn thủ Thuận Quảng là Thái uý Đoan quốc công Nguyễn Hoàng chết, truy tặng là Cẩn Nghĩa công. Con ông là Thuy quận công Nguyễn Phúc Nguyên lên thay, tổng quản việc quân ở đó, nhà vua xuống chiếu⁽²⁾ phong luôn cho Phúc Nguyên chức trấn thủ, gia hàm T hái bảo. Mùa thu năm ấy, vua sai Thái phó Thanh (tờ 289a) quận công Trịnh Tráng⁽³⁾ đi kinh lược xứ An Quảng. Đi tới đâu, nhân dân đều quy phục, vùng ấy được yên ổn.

Năm Mậu Ngọ Hoàng Định thứ 19 (1618), Vương thấy dòng dõi nhà Mạc là nguy Khánh vương Kính Khoan và đồng đảng của y là nguy Trí Thuỷ còn chiếm cứ Thái Nguyên, Cao Bằng, bèn sai con trưởng là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng, con thứ là Thái phó Vạn quận công Trịnh Xuân chỉ huy quân; Nguyễn Thực, Nguyễn Duy Thì làm đốc thị, chia làm hai đường tiến đánh. Đảng giặc đều trốn vào rừng núi. Thanh quận công sai quân chém được nguy Lập quận công rồi về. Vương lại sai Trấn quận công Trịnh Lâm chỉ huy quân đi đánh dẹp nguy đảng ở Vũ Nhai.

Năm Hoàng Định thứ 20 (1619)⁽⁴⁾ vua Kính Tông mất; Thần Tông Uyên hoàng đế lên ngôi.

Năm Tân Dậu Vĩnh Tộ thứ 3, (1621) tháng 11, lại đi

⁽¹⁾ Bản A chép là năm thứ 10, theo bản B, H và *Toàn thư*.

⁽²⁾ Bản A chép lầm chữ "chiếu" ra chữ "chiêu".

⁽³⁾ Bản A, B và H chép là Trịnh Đồ, theo *Toàn thư* và *LTHCLC*, thì Thanh quận công là tước của Trịnh Tráng (con Trịnh Tùng).

⁽⁴⁾ Bản A chép là "nhị thập ngũ niên" (năm thứ 25), xét ra niên hiệu Hoàng Định chỉ có đến năm thứ 20. *Toàn thư*, bản B và H cũng chép là năm thứ 20, vua Kính Tông mất.

đánh Cao Bằng. Sau khi Mạc Kính Cung trốn khỏi Kim Thành, bèn lẩn lút ở Cao Bằng, xưng niên hiệu nguy là Càn Thống. Ngụy Khánh vương Kính Khoan, trước đó đã đóng giữ ở vùng núi Thái Nguyên (từ 289b), lúc này cũng chiếm cứ Cao Bằng, tiếm xưng niên hiệu là Long Thái, biệt lập với Kính Cung, không chịu phục nhau. Vương nghe tin lại bàn đem quân đến đánh. Từ tháng giêng, vương đã sai trước viên Thái bảo Trịnh Khải trấn giữ Nhã Nam⁽¹⁾, đánh bắt dư đảng nhà Mạc ở Hữu Lũng, Vũ Nhai. Đến lúc này chia làm hai đường, thống lĩnh Thái phó Thanh quận công do đường Lạng Sơn, thống lĩnh Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân, Thái tử Phụng quốc công Trịnh Đỗ do đường Thái Nguyên tiến đánh. Thanh quận công qua thành Lạng Sơn. Tháng 12 thì đến lũy Đèo Đương thuộc châu Thất Tuyên, gặp quân Kính Khoan chống cự, quan quân đánh phá được. Giặc thua to, chạy vào Đèo Sắt, phục binh của quan quân lại trỗi dậy đánh tan địch, chém tướng giặc là An Phong hầu. Ngày 11, tiến vào Cao Bằng, Kính Khoan bỏ nguy điện chạy trốn biệt. Ngày 13, quan quân tiến vào lũy Đèo Hiên, nơi này rất kiên cố hiểm trở. Đại quân của giặc đóng (từ 290a) đồn cố thủ chống cự quân ta. Thanh quận công chia quân làm 5 đường ồ ạt tiến vào, hết sức đánh phá. Giặc không thể chống cự⁽²⁾ nổi, bỏ đồn tan chạy. Ta đuổi đến Đèo Khôn thuộc Thông Nông thì dừng lại đóng doanh, dò bắt được tướng giặc là Hoa quận công. Bấy giờ quân của Trịnh Xuân và Trịnh Đỗ từ đạo Thái Nguyên

⁽¹⁾ Bản A sót chữ "nhã" trước chữ "nam".

⁽²⁾ Bản A chép lầm chữ "chỉ" (chống cự) ra chữ "dữ" (cùng với).

mới tới đóng ở Cao Bằng, hai bên tỏ ra bất đồng ý kiến. Nguyễn Danh Thế thấy lòng quân bất hoà, bèn nói với Thanh quận công rằng: "Đảng giặc đang tán loạn, Kính Khoan thất thủ, cơ hội dẹp loạn đem lại thái bình, chính là lúc này, nếu bỏ dở mà về, thực là đáng tiếc. Nhưng điều cốt yếu của việc hành quân là các tướng phải hoà hợp. Nay hai đạo quân đã chia ra, lại không có thống thuộc với nhau. Cánh quân kia lại không giữ đúng hẹn⁽¹⁾, đến sau, càng sinh ngờ vực. Tướng sĩ của bản đạo phải một mình chịu đựng vất vả khổ sở, cũng đem lòng oán trách, theo nhau mà nghi ngờ chán nản. Như vậy e rằng chưa dễ mau chóng thu được thành công. Xin rút quân về kinh sư, sắp xếp lại trong ngoài, giữ vững nơi gốc rễ". Thanh quận công nghe theo (tờ 290b), bèn đem quân về đóng ở thành Phục Hoà. Bọn Trịnh Xuân cũng rút về. Kính Cung nghe tin đại quân đã lui, lại tụ tập đồ đảng chiếm giữ.

Năm Vĩnh Tộ thứ 4 (1622), ngày mồng 3 tháng giêng, Thái phó Thanh quận công đem quân qua đất Long Châu thuộc nhà Minh, đi qua lối Bằng Tường, vượt qua cửa Nam Giao quan, đến Đồng Đăng, Lạng Sơn. Trung tuần tháng ấy thì về tới kinh sư. Bình An vương thưởng cho hai đạo quân 1000 lạng bạc.

Năm thứ 5 (1623) tháng 6, Bình An vương bị ốm, Vạn quận công Trịnh Xuân làm loạn, phóng hoả đốt kinh thành, khiến cho Vương phải chạy ra Hoàng Mai. Vương sai người đưa mình tới doanh trại của em là Phụng quốc

⁽¹⁾ Bản A chép là "bất kỳ" (chẳng hẹn), bản B và H là "thất kỳ" (không giữ đúng hẹn).

công Trịnh Đỗ, rồi dụ Trịnh Xuân đến giết đi¹¹. Thanh quận công Trịnh Tráng trước đó đã đưa xa giá nhà vua (Lê Thần Tông) về Ninh Giang. Bình An vương ốm nặng, chết ở quán Thanh Xuân. Thanh quận công thấy đồng đảng của Trịnh Xuân còn đông, lòng người còn dao động, nhân đó đem vua và trăm quan, sáu quân trở về Thanh Hoa để giữ nơi cỗi rễ.

Mùa thu năm ấy, vua phong Thanh quận công làm Đô tướng (từ 291a) nắm quyền tiết chế các doanh thủy bộ, kiêm quyền tổng quản các việc quân việc nước trong ngoài¹², hàm Thái úy, tước Thanh quốc công. Ông bèn đóng ở Thanh Hoa, lo việc hoà hợp tôn thân, vỗ về tướng sĩ nghiêm chỉnh hiệu lệnh. Lúc đó kinh thành bị bỏ trống, Mạc Kính Khoan nghe tin trong nước có biến loạn, bèn từ Cao Bằng đem đồ đảng kéo thẳng về Gia Lâm, đóng đồn ở Đông Dư, Thổ Khố, sai tướng giặc là Xuân Quang đóng đồn ở Châu Cầu. Bọn bất mãn nổi lên hưởng ứng một cách ô hợp, đông tới hàng vạn người, lòng dân rối động.

Tháng 8, nhà vua xuống chiếu cho phủ tiết chế là Thanh quốc công đem quân đánh giặc, thủy bộ cùng tiến. Doanh Lộc hầu Đặng Thế Tài làm tiên phong; Thượng thư Nguyễn Danh Thế don đốc hậu quân gồm 8 doanh,

¹¹ Toàn thư và Cương mục đều chép: Trịnh Tùng sai người vô tội báo Xuân rằng vào yết kiến. Tùng sẽ trao cho giữ binh quyền. Xuân tới, miệng cần cớ phủ phục ở sân. Tùng kể tội lỗi của Xuân rồi sai người giết chết. (Xuân là con thứ của Tùng, vì Tùng quyết định trao binh quyền cho con cả là Trịnh Tráng, nên Xuân âm ức làm phản).

¹² Nguyên văn: kiêm tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự, tức là quyền của tể tướng.

cơ, tiếp ứng, đến Châu Cầu, đánh phá chém được Xuân Quang, rồi tiến tới sông Nhị, đại phá quân của Kính Khoan ở xã Mạch, bắt và giết rất nhiều. Kính Khoan chỉ chạy thoát được thân mình, trốn về Cao Bằng, dư đảng đều xin hàng hết thảy. Bảy giờ xa giá nhà vua trở về kinh sư, phong cho tiết chế (tờ 291b) Trịnh Tráng làm Nguyên soái tổng quốc chính Thanh Đô vương⁽¹⁾.

Năm Vĩnh Tộ thứ 6 (1624) tháng 5, Thiếu bảo Nhạc quận công là Bùi Sĩ Lâm đem quân ra Đông Triều, tới Chí Linh đuổi bắt bọn tàn quân của giặc Mạc.

Tháng 11, vì nội nạn đã hết, mới bàn đến việc kinh lược vùng biên giới. Thiếu uý ở doanh Thắng Nghĩa là Quỳnh quận công Trịnh Lệ làm thống lĩnh, thượng thư bộ Công là Nguyễn Danh Thế làm Đốc thị đi đánh Mạc Kính Khoan, nguyên soái trao cho phương lược, sai tiến theo lối huyện Bạch Thông, Cẩm Hoá, vượt ra phía sau Cao Bằng, chỗ giáp nơi Mường Trung (Trung Mang) thuộc châu Bảo Lạc, Tuyên Quang⁽²⁾, tùy theo tình thế mà đánh dẹp. Bọn Trịnh Lệ tới đóng ở Mường Trung, lại tiến vào cửa ải Cống Quan⁽³⁾ ở núi Ngọc Mạo, sai cánh quân tiên phong tiến vào phủ Trấn Yên của Trung Quốc, đuổi đánh tên thuộc tướng của giặc là Phụ quận công. Nguyễn Hắc... Con trai của Nguyễn Hoàng, là em của vương chính phi⁽⁴⁾ không chịu theo tướng lệnh, thấy núi

⁽¹⁾ Bản A chép lầm chữ Tráng ra chữ Đỗ, và sót chữ "quốc" trước chữ "chính", lầm chữ "đô" trước chữ "vương" ra chữ "quận", theo các bản B, H và Toàn thư. Từ đây, Lê Quý Đôn dùng chữ Vương để chỉ Trịnh Tráng.

⁽²⁾ Bản B và H đều chép là Minh Quang.

⁽³⁾ Bản B chép là "cống phân quan" (cửa Cống Phân).

⁽⁴⁾ Tức vợ chúa Trịnh Tráng.

cao đường hiểm, bèn tự dẫn quân về trước; Trịnh Lệ bất đắc dĩ phải rút quân về (tờ 292a).

Năm Vĩnh Tộ thứ 7, Ất Sửu (1625) tức là năm Vạn Lịch thứ 44 nhà Minh, tháng giêng, Trịnh Lệ về tới Bắc Sơn, Vương sai đem quân tới Lương Thượng, Lương Hạ đánh nguy Vũ Ninh vương. Quan quân đến động Lương Thượng, dùng kế hoả công, đánh thắng giặc, bắt được nguy tổng binh là Đô Ninh hầu. Đến Lương Hạ lại đánh phá được, thu được 2 con voi công¹⁾.

Tháng 5, Vương lại sai con trưởng là Thái phó Sùng quận công Trịnh Kiều làm thống lĩnh, đi đánh Cao Bằng, bắt được Mạc Kính Cung và đồ đảng của y là bọn nguy Sùng Lễ, Thao Thiết, đều đóng cũi đưa về kinh sư đem giết chết. Mạc Kính Khoan thì chạy sang Trung Quốc quy phụ nhà Minh rồi sau xin hàng nhà Lê.

Kính Cung tiếm ngôi gồm 34 năm.

9. MẠC KÍNH KHOAN

Mạc Kính Khoan là cháu gọi Kính Điển bằng ông, cháu gọi Kính Cung bằng chú, nguy phong là Khánh vương.

Khi Mậu Hợp và Kính Chỉ chạy trốn, y ở vùng Đại Từ, Vũ Nhai. Lúc ấy họ Mạc bỏ chạy tan tác, thế cùng (tờ 292b) nên lần trốn, hễ thấy có cơ hội thì lại ra cướp. Kính Chương chiếm cứ An Quảng, rồi lại vào cướp Thanh Hà. Kính Dụng chiếm cứ Thái Nguyên, rồi lại chạy sang An

¹⁾ Nguyên văn là "công tượng" có thể hiểu là voi của công (của nhà vua), cũng có thể hiểu là ông voi (voi đực) dịch ngược ra chữ Hán.

Bác ở phía Đông, đều bị quan quân truy kích⁽¹⁾, nối tiếp nhau bị bắt. Kính Cung thì thập thò ở vùng An Quảng, Lạng Sơn, cũng nhiều lần bị thua đau, không thể tự giữ được. Riêng có Kính Khoan trước sau vẫn giữ vùng đất, riêng chưa từng dám ló ra. Khi quan quân kéo đến thì giã tán vào núi, giấu kín tung tích, khi quan quân rút đi thì lại ra đồn tụ. Triều đình cũng thấy nó suy yếu, không đáng lo lắng, chỉ chú ý tới Kính Cung. Do đó y được trộm sống trong vùng thảo dã trải hơn 20 năm. Rồi mới lên Cao Bằng, tiếm hiệu là Long Thái (năm 1623), lập điện nguy bằng tranh lá ở xã Vu Toàn.

Năm Hoàng Định thứ 19 (1618), Thái phó Thanh quận công và Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân theo hai đường tới đánh. Kính Khoan⁽²⁾ thu quân chạy trốn, ta không đánh được, kéo quân về.

Năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621), Tân Dậu, đại quân (từ 293a) tiến đánh; thống lĩnh Thanh quận công đánh thẳng vào sào huyệt, Kính Khoan trốn biệt, khi đại quân rút về, y lại ra chiếm giữ.

Năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623), Vạn quận công Trịnh Xuân nổi loạn, Thanh quận công đem vua về Thanh Hoa, Kính Khoan thừa lúc sơ hở kéo về xâm phạm Gia Lâm hơn một tháng, thì bị quân nhà vua đánh tan, y lại chạy lên Cao Bằng.

Năm Vĩnh Tộ thứ 6 (1624), quân thống lĩnh Quỳnh quận công Trịnh Lệ đánh Kính Khoan, vì tướng dưới

⁽¹⁾ Sau câu này, các bản A, B và H còn bỏ trống một đoạn, có lẽ là còn sót một số chữ, chưa tìm ra.

⁽²⁾ Bản A chép là Kính Cung - sai, theo bản B và H.

quyền không hoà thuận phải rút quân về (đã chép rõ ở truyện trước)⁽¹⁾.

Năm Vĩnh Tộ thứ 7 (1625) Ất Sửu, tháng 6, Thanh Đô vương lại sai thái bảo Sùng quận công Trịnh Kiều thống lĩnh các doanh đi đánh Kính Khoan, bắt sống được chúa nguy Càn Thống là Kính Cung giải về kinh sư, Kính Khoan lẫn trốn vào với dân tộc Dao ở trong động núi. Dân bốn châu vùng ấy lại che giấu cho y. Sùng quận công đóng quân lâu, không có lương thảo, bèn đem quân về. Kính Khoan lại ra thu thập bọn tàn quân lẫn trốn, rồi sai người tới kinh đô dâng biểu xin hàng, xưng làm bề tôi và hối tội. Vương tâu với nhà vua tha tội (tờ 293b) cho y, lại phong cho là Thái úy Thông quốc công, bắt y phải bỏ hết nguy hiệu và dùng lịch nhà vua, vâng theo mệnh lệnh của triều đình. Cho y được nối đời giữ chức ở một vùng, mãi mãi làm phen giầu giúp nhà vua. Kính Khoan vâng theo tờ chiếu. Thanh Đô vương khen ngợi và đãi bằng lễ đặc biệt.

Từ đó, trong khoảng hơn 10 năm, biên thủy yên ổn, viên trấn thủ xứ Thuận Hoá là Thủy quốc công Nguyễn Phúc Nguyên cát cứ đất đai, không chịu về chầu, lại gây ra hiềm khích, như một cái gai ở phương Nam. Triều đình nhân đó được rảnh tay, hai lần cất quân đi đánh Phúc Nguyên ở miền Nam⁽²⁾, nhưng đều không thắng, phải rút về. Năm Dương Hoà thứ 3⁽³⁾, Đinh Sửu (1637),

⁽¹⁾ Tức truyện Mạc Kính Cung ở trên truyện này.

⁽²⁾ Vào năm 1627 và 1633.

⁽³⁾ Bản A chép là "Dương Hoà nhị thập niên Đinh Sửu". Xét ra niên hiệu Dương Hoà đời Lê Thần Tông tính từ năm 1635 tức năm Ất Hợi là năm đầu, thì năm Đinh Sửu phải là năm thứ 3 mới phải.

tức là năm Sùng Trinh thứ 10 nhà Minh, Vương sai bọn Nguyễn Duy Hiếu sang nhà Minh cầu phong, tờ biểu văn đại lược nói rằng:

"Năm trước đây nghịch Xuân nổi loạn, lòng người rối bời, thần là dòng dõi bề tôi cũ, có công lao, là con của Trịnh Tùng⁽¹⁾, giữ lòng trung trinh thô lậu, tự cầm quân đội, dẹp được nội nạn, vỗ về nhân dân, trong nước lại được yên ổn; bên sai quân đi đánh bọn dư nghiệt nhà Mạc còn lẩn lút ở đất Cao Bằng (tờ 294a), bắt được Mạc Kính Cung và đồ đảng của nó, đã xử trị theo pháp luật. Còn bọn Mạc Kính Khoan thì tạm tha cho khỏi hình phạt búa rìu, cho nó được bỏ nghịch theo thuận, phải tuân theo ước thúc. Đất đai mà tổ tiên bản quốc được phong, đến nay đã thu về như bản đồ cũ. Việc thờ nước lớn và kính trời, chưa khi nào dám coi nhẹ. Đến như năm Vạn Lịch, Quý Mão (1603) bọn đầu mục ở châu Tư Lãng bên thiên triều⁽²⁾ làm phản là Chu Bảo, Chu Hựu đã giết quan cướp ấn, cấu kết với bọn dư nghiệt nhà Mạc, tên Phúc Mỹ ở Lộc Châu là bọn xấu xa, cũng cấu kết với chúng. Năm Đinh Mùi (1607) tên Phù Yên ở Hoa Phong (?) xâm phạm Khâm Châu, phá huyện Phòng Thành. Năm Đinh Ty (1617) tên Phù Long ở Tân An cướp phá các châu Thượng Tư, Thiên Long, Giang Trung, năm Mậu Ngọ (1618), Kỷ Mùi (1619) tên Đốc Thắng ở Thoát Lãng liên kết với Hà Đôn ở Lộc Châu làm loạn nhiều lần xâm phạm vào các địa phương Tư Minh, Thượng Hạ Thạch, Thượng Tư, quấy nhiễu không sao kể xiết. Tội

⁽¹⁾ Đây là lời tự xưng của Trịnh Tráng.

⁽²⁾ Bản A chép lầm chữ "thiên triều" ra "lục triều".

của chúng khó dung tha được. Việc đánh dẹp thật là không thể dừng được.

Trịnh Tráng tôi vâng theo mệnh của vị Cai quốc nước tôi⁽¹⁾, và kế thừa ý chí của cha tôi, đem quân đi đánh bắt, lần lượt tóm được hết bọn chúng, gỡ của quan giải nộp, để tỏ rõ lòng cung thuận, dẹp yên cơn gió bụi chôn biên cương.

Trong nước tôi, chỉ có vùng Cao Bằng còn một đứa cháu của họ Mạc là tên Kính Khoan. Tên này bề ngoài tuy nói là quy thuận, nhưng bên trong thì xảo trá. Mấy năm gần đây, nhân dân cả một vùng Trấn An và Quy Thuận của thiên triều đều bị chúng giày xéo. Vùng biên giới bị rối bời. Vị cai quốc nước tôi nhiều lần phải nhận những thư từ trách cứ của các quan viện, đạo. Đã nhiều lần viết thư nói rõ điều hoạ phúc cho chúng, nhưng chúng cứ tự cậy vào danh hiệu đô thống sứ của ông tổ chúng để tự kiêu ngạo khoe khoang. Tuy đã đổi bộ mặt, nhưng chưa chịu thay lòng. Vẫn ngu tối ương ngạnh không thôi. Lưới pháp luật vẫn còn để lọt. Chúng tôi ngày đêm suy nghĩ, đều cho rằng vì vị cai quốc nước tôi còn chưa được phong tước vương⁽²⁾, danh hiệu của tổ tiên chưa được khôi phục, danh phận chưa được xác định, uy nghi chưa được trọng, nên mới sinh ra như thế. Nếu không dựa vào uy linh của thánh chúa, lấy văn bản có tính pháp lý mà trấn áp để thay đổi cái thói hiếu chiến

⁽¹⁾ ⁽²⁾ Cai quốc: chỉ vua Lê. (Đến năm 1647, nhà Minh mới sai sứ sang truy phong tước vương cho Lê Thần Tông, sau khi vua này đã mất. *Toàn thư* IV, 267).

Cai quốc: người cai quản việc nước, tức vua Lê (lúc này chưa được nhà Minh phong vương, nên chưa xưng là quốc vương).

man rợ của nó, thì sao có thể được".

Bấy giờ Trung Quốc đã loạn to. Quan Thượng thư bộ Lễ nhà Minh tâu lên, vua Trang Liệt (nhà Minh) chỉ ban sắc thư tướng lệ, chứ không chuẩn y⁽¹⁾ gia phong.

Năm Mậu Dần Dương Hoà thứ 4 (1638), tháng giêng, Kính Khoan⁽²⁾ chết ở Cao Bằng. Con y là Kính Vũ⁽³⁾ lại làm phản, không chịu báo tang, không chịu nộp cống, tiếm xưng niên hiệu là Thuận Đức.

10, MẠC KÍNH VŨ

Tháng 3 năm 1638, Chúa Trịnh Tráng đích thân đem quân đi đánh dẹp. Viên tướng khác là Hạ quận công bị giặc bắt, Lâm quận công khi lâm trận sợ hãi rút lui, bị giết chết. Chúa lại sai quân vây đánh bốn mặt, gặp phải thời tiết mưa nắng không thuận lợi, có nhiều lam chướng, bèn rút quân về.

Tháng 11, mùa đông năm ấy, lại sai tiết chế phủ là Thái uý Sùng quận công Trịnh Kiều đem quân đi đánh, Thái bảo Đường quận công Nguyễn Danh Thế làm Tham tán quân mưu. Quân tiến theo đường Thái Nguyên, phá được quân giặc ở các hang động Thượng Tổng, Hoa Nê, Yên Lễ, Na Xung gồm 19 động thuộc huyện Cẩm Hoá⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Bản A chép lầm chữ "chuẩn" (chuẩn y) ra chữ "duy" (nghĩ).

⁽²⁾ Bản A chép lầm là Kính Hoà.

⁽³⁾ Bản A và cương mục các chữ "Vũ" đều chép thành chữ "Hoàn". Từ đây đến cuối sách, các chữ tên Kính Vũ đều là lấy theo bản B, H và *Toàn thư*.

⁽⁴⁾ Bản B và H chỉ chép là phá giặc ở huyện Cẩm Hoá, không nói gì tới các hang cả.

Viên tướng tiên phong là Bật (*tờ 295b*) quận công đóng đồn ở Vân Tùng. Nguyễn Danh Thế biết địa hình nơi này toàn là đồi đất, cỏ tranh rậm rạp, bèn nói với Sùng quốc công, xin chọn lấy 3000 quân tinh nhuệ, giao cho tướng mạnh chỉ huy, đóng ở phía sau đội tiên phong. Nếu giặc chia quân tới đánh quân tiên phong thì quân tiên phong sẽ đánh, hễ đánh thắng thì đội này liền tiếp ứng, mỗi người đem theo 3 ngày lương khô dự trữ để ngày đêm truy kích giặc, như thế thì giặc sẽ kinh hồn vỡ mật. Thực là trí không kịp mưu, dùng không bằng quyết đoán. Đại quân sẽ đem lương thực tiếp sau, ta có thể thu được thắng lợi hoàn toàn.

Sau trận này muốn không còn phải đi đánh lần nữa, thì chỗ để cho chúng tản vào rừng núi, về sau khó truy lùng. Quan tiết chế Sùng quốc công không nghe, cho nên khi quân tiên phong thấy giặc là xông vào đánh. Tuy có thu được thắng lợi, nhưng không lớn, và đại quân thì kéo vào Cao Bằng, đóng ở các xứ Quy Thuận, Thượng Lang, Hạ Lang, quân giặc đều trốn biệt mất cả, không thấy tung tích đâu nữa. Tháng giêng năm Kỷ Mão, Dương Hoà thứ 5 (1639) thì rút quân về.

Tháng 6 (1639), Chúa Trịnh Tráng lại muốn đem lực lượng lớn (*tờ 296a*) đi đánh, bèn viết thư gửi cho doanh Quỳnh Đạo ở Quảng Tây nhà Minh, nói rằng:

"Giáng tai hoạ cho kẻ gian, đó là lý lẽ chính đáng của trời. Ghét bọn ác, là thường tình của người nhân đạo. Ở miền Cao Bằng nước tôi, vừa qua có bọn dư nghiệt của họ Mạc là Kính Khoan tụ tập đồ đảng, thả sức làm điều hung ác, quấy rối cướp phá dân biên giới. Nơi ấy lại tiếp giáp với lãnh thổ của thiên triều, nên thỉnh thoảng bên ấy cũng bị vạ lây. Triều trước đã hện sai quân tầm nã,

Kính Khoan cùng quần, phải thú tội quy hàng. Nước tôi dãi ngộ y bằng lễ hậu, ơn dày. Không ngờ ngày tháng giêng năm ngoái, trời vội cướp mang Kính Khoan đi, con y là bọn Kính Vũ nữ quên ơn nuôi dưỡng che chở của nước tôi, cam lòng bội nghịch. Tội ác của chúng đã chất đầy, không thể dung tha được. Tháng 3 này, chúng tôi thân dẫn đại quân đi lược định Cao Bằng, hẹn sẽ đánh bắt hết bọn giặc đó, ngô hầu diệt hết kẻ thù, vỗ yên vùng biên cảnh (từ 296b). Vì vậy xin báo tin cho quý doanh biết, mong quý doanh phối hợp cùng chúng tôi làm thế ý giốc, để thu thành công.

Nhưng gặp phải trời mưa, nước lũ dâng tràn, quân không thể đóng lại lâu được, nhân đó phải rút về nước, để mưu tính tiến đánh lần sau.

Đến mùa đông, đặc biệt sai kỳ mục thân đem đại binh tiến thẳng tới Cao Bằng, tung quân tiến đánh như chớp giạt sấm ran. Bọn đảng nghịch Kính Vũ⁽¹⁾ kinh hồn vỡ mật, trốn chạy tan tác cốt thoát lấy thân.

Lúc bấy giờ đang muốn phi báo ngay cho quý doanh, để quý doanh sửa soạn gươm giáo, giúp sức đánh thắng, nhưng vì đường sá hơi xa, tin tức chưa thông được, nước lũ kéo tới, lam chướng không thể chịu được, bèn thu quân kéo về để nuôi nhuệ khí chứa uy lực.

Vừa khi thấy viên mục của nước tôi sai đi trở về nói rằng hôm trước đã tới quý doanh, được quý doanh đón tiếp, lại được gia ơn. Vì vậy thấy rõ quý quan là người lân bang giữ đạo tín nghĩa, thật đáng mừng, đáng ca ngợi. Nay nghe tin bọn con cháu nhà Mạc đang cần xé lẫn

⁽¹⁾ Bản A chép lầm là Kính Khoan, theo bản B, và H.

nhau. Đây chính (tờ 297a) là lúc chúng nó bại vong. Ta đem quân đến hởi tội, thật là đúng cơ hội. Nhưng khôn nổi tiết trời nóng nực, chưa thể đem lực lượng lớn đi, còn đang phải chần chừ voi ngựa, chuẩn bị khí giới, tích trữ lương thực, đợi mùa đông tới sẽ vâng mệnh trời đánh kẻ có tội, giương cao đội quân nhân nghĩa, diệt sạch bọn xấu xa nhỏ mọn ấy. Trước hết xin đưa bức thư này, mong được soi xét đến. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng vào độ lượng cao cả của ngài.

Quý doanh: về uy thì không chế được vùng biên giới phía Tây, về ơn thì lan sang tận nước Nam. Nếu thấy đại quân của nước tôi kéo tới, thì xin phiên quý doanh nghiêm chỉnh binh bị, kíp sai thủ hạ kiện tướng, đốc suất quân tới hội, đồng tâm giúp đỡ chúng tôi hợp lực tiến đánh, khiến cho anh em Kính Vũ bó tay chịu chết, Kính Vũ phải tự trói nộp mạng. Khiến chó mèo không còn lo bị mất, chim muông được yên ngủ trong buồng. Để giữ vững số đất đã được phong, và truyền cho cháu con mãi mãi. Như thế thì công đức của quý doanh thực cao như núi, chúng tôi bao giờ quên được" (tờ 297b).

Viên tướng ở doanh đó cũng viết thư hồi đáp. Chúa Trịnh Tráng lại viết thư gửi tới các viên: Tri châu châu Hạ Phiên, thuộc Quảng Tây họ Hứa, Tri ty sứ ty Hồ Nhuận, Tri châu châu Hương Vũ họ Hoàng, Tri châu châu An Ninh họ Lý, Tri châu châu Quy Thuận họ Sầm, hẹn họ cùng đem quân tới đánh diệt Kính Vũ, lời lẽ cũng như trên.

Quan ở các châu ấy đều có thư nhận lời.

Mùa thu năm ấy vua sai viên bồi thị quân mưu là Nguyễn Duy Thi lên cửa quan đợi mệnh, nghênh tiếp sứ thần là bọn Nguyễn Duy Hiệu trở về. Nghe thấy bọn

người được sai đi tiền trạm của sứ đoàn Duy Hiếu nói việc cầu phong không thành. Chúa lại viết thư đưa cho viên bạn tống là tự ban⁽¹⁾ Dương Vi Tướng chuyển đệ⁽²⁾ công văn xin phong lần nữa, nhân đó Chúa tổng thống lĩnh đại quân, định ngày 10 tháng 10 tiến phát. Quân đóng ở thành Lạng Sơn, đợi viên hầu mệnh về báo tin. Chúa bèn⁽³⁾ kinh lược vùng biên giới. Lại viết thư trả lời quan các châu ở Trung Quốc rằng:

"Tôi, đại nguyên soái tổng quốc chính, sự phụ Thanh (tờ 298a) vương nước An Nam, xin trả lời ngài Tri châu Hạ Phiên thuộc Quảng Tây là phụng trực đại phu gia hàm Chiêu Nghi tướng quân họ Hứa như sau:

Tôi thường nghe nói: chữ tín là để hoàn thành điều nghĩa, uy vũ là để ra oai với kẻ địch. Nước tôi mấy lần đem quân đi đánh kẻ phản bội, diệt bọn trốn tránh pháp luật. Từ khi bọn chúng thua chạy tán loạn, ẩn náu ở chốn thâm sơn cùng cốc, chiếc nỏ nghìn cân chẳng vì con chuột nhắt mà bật lẫy, dã mấy lần lui quân, muốn cho chúng bỏ hẳn thói rồng rắn, theo lẽ thái hoà. Khốn nỗi con cháu nhà Mạc là bọn Kính Vũ giẫm theo vết xấu của cha ông nó, tụ tập bọn gian đảng. Không phải chỉ riêng dân biên giới xứ Cao Bằng luôn bị chúng tàn hại, mà dân của các huyện nội địa cũng nhiều phen bị chúng quấy nhiễu.

⁽¹⁾ Tự ban là tên một chức quan.

⁽²⁾ Bản A chép sót hai chữ "chuyển đệ" trước chữ công văn.

⁽³⁾ Bản A chép chữ "tự" (tự mình, tự ý) trước chữ "kinh lược", bản B và H chép là "toại" (bèn). Xét ra, ở một vài chỗ khác, khi chúa Trịnh làm việc gì, trong bản A có đôi lúc chưa ra chữ "tự" (tự ý), đó là lối xuyên tạc theo quan điểm nhà Nguyễn, vì ghét họ Trịnh, nên chưa đi như vậy, còn Lê Quý Đôn không viết như vậy, chúng tôi sửa lại cho đúng ý tác giả.

Trước đây chúng tôi có đưa thư, sai người mang đến châu quý ngài, hẹn ngày cất quân, nhờ ngài giúp sức. Tiếp được thư của ngài gửi tới, hết sức biểu dương tình hữu hảo cố cựu, càng tha thiết nghĩa mong chờ, (tờ 298b) lại có ý vừa mừng vừa lo. Đó có thể gọi là điều "gặp việc mà biết lo, chịu suy nghĩ thì thành công"⁽¹⁾ vậy.

Nay tôi thân đem đại quân tiến đến địa phương Cao Bằng, để đánh diệt đồ đảng nhà Mạc, để vỗ yên nhân dân vùng biên giới. Khiến cho trong ngoài yên ổn, không để lo lắng cho châu của ngài. Nếu các ngài chưa thể tới hội binh được, thì nên chấn chỉnh binh mã, sửa soạn gươm giáo, ngăn chặn đảng giặc, khiến cho chúng không chạy được vào đó, lại chia sai quân giữ trong hạt, hẹn đến hạ tuần tháng này tiến đến địa phận các châu Thượng Lang, Hạ Lang; tới thăm đội doanh chúng tôi, từ từ xem xét thể công thể thủ mà thu lấy công bình định giặc. Bắt lấy đồ đảng Mạc Kính Vũ, Kính Mân, vỗ yên các gia đình nhân dân ở vùng biên giới Cao Bằng. Nước tôi được thống nhất về một mối. Vùng biên giới của quý quốc cũng được yên ổn đóng kín. Đó là điều quý châu mong mỏi mấy mươi năm trước, là một cơ hội lập công danh lớn trong ngày nay. Quý ty hãy lượng xét (tờ 299a) cho điều đó".

*

* *

Bức thư trả lời viên Tri ty sứ ty Hồ Nhuận viết:

"... Thấy việc nghĩa thì nên làm, thu được thành công nhờ tính quyết đoán, đó là lẽ thường. Nay nước tôi mấy

⁽¹⁾ Nguyên văn: "Lâm sự nhi cụ, hiếu mưu nhi thành" (câu trong sách *Lược ngữ*).

lân đem quân đi đánh kẻ phản nghịch, nhưng chưa bình định được. Hôm trước có viết bức thư, sai người đem đến quý ty. Nay thấy thư của quý ty đưa lại, hẹn sẽ tới hội. Đó có thể gọi là sự đồng lòng nhất trí tin cậy lẫn nhau, sự tin cậy ấy có từ lúc chưa tỏ ra lời nói. Ngày nay chúng tôi thân hành đem đại binh lược định địa phương Cao Bằng, tiêu trừ bọn giặc. Bình định vùng biên giới chỉ trong một trận này, há lại có thể tha nó mà không đánh hay sao? Quý ty nên lường trước cơ hội, chớ nên tính chuyện đến sau, hãy chỉnh đốn binh mã, chuẩn bị đủ lương thực, hẹn đến hạ tuần tháng này tiến đến địa phương Thượng Lang, Hạ Lang, hội quân với đại binh của chúng tôi, cùng bàn mưu kế, đồng lòng hợp sức đánh diệt bọn đồ đảng của Kính Vũ, Kính Mãn, quét sạch lũ giặc cỏ gian tà. (tờ 299b) Vùng biên giới Cao Bằng của nước tôi được yên ổn, mà vùng đất của quý ty là Hồ Nhuận cũng được an ninh. Đó có thể nói là điều hoàn toàn tốt đẹp trong bức thư của quý ty, hà tất còn phải nghe ngóng các châu xung quanh động tĩnh ra sao rồi sau mới theo đó mà quyết định. Xin quý ty lượng xét cho".

*

* *

Bức thư gửi cho viên Tri châu Hương Vũ là Phụng huân đại phu họ Hoàng nói:

"Cùng một lòng nghe lời nói thì tin, tin nhau từ lúc chưa nói ra lời. Hoà mục với lân bang bằng việc nghĩa, hề làm điều nghĩa thì lân bang sẽ thân mật. Nước tôi mấy bận ra quân đánh kẻ phản bội, làm cỏ bọn con cháu nhà Mạc, mấy lần trước đây đều chưa thu được thắng lợi hoàn toàn. Mới đây tôi có viết bức thư sai người đem đến

quý châu, hẹn cùng cộng sự. Xem thấy trong thư của quý ngài, muốn tỏ hết sức đồng tâm, thật là đáng khen đáng trọng. Nay chúng tôi lại cử nghĩa binh, tập hợp các mưu thần, dũng tướng để diệt đồ đảng của dòng dõi nhà Mạc là bọn Kính Vũ, thật dễ dàng như lấy đồ vật trong túi, như dòng nước cuốn trôi tổ kiến, cơn gió thổi rụng lá khô vậy. Không giống như lần trước phải nấn ná chờ đợi. Quý (tờ 300a) châu nên chinh đốn binh mã, chuẩn bị đủ lương thực, hẹn đến hạ tuần tháng 10 tiến đến địa phận châu Thượng Lang, Hạ Lang hội binh với đại quân của chúng tôi cùng bàn mưu kế, chung sức chung lòng đánh diệt bọn con cháu nhà Mạc là Kính Vũ, Kính Mân. Để làm cỏ bọn cáo chuột hay lẩn lút, khiến cho vùng biên giới Cao Bằng nước tôi trở lại bản đồ, mà cháu Hương Vũ⁽¹⁾ bên nội địa cũng được yên ổn⁽²⁾ như đặt trong chân đệm. Nước chúng tôi, với việc làm nhân nghĩa này, đã vỗ yên được dân chúng, mà cháu của ngài với thành công này cũng là nối được chí trước, còn có gì hơn được nữa. Xin chớ bỏ qua".

*

* *

Bức thư viết cho viên được thăng hàm Trung định đại phu là họ Lý ở châu An Bình nói:

"Quân đã ra đi, ắt là để chinh phạt, vì lòng người ai chẳng muốn bình yên. Xứ Cao Bằng nước tôi, bị bọn dòng dõi nhà Mạc là Kính Vũ như lũ cáo già, chim dữ biến

⁽¹⁾ Bản A chép lầm là "Hương thiên châu" và mất chữ "nội" trước chữ "châu". Theo bản B và H.

⁽²⁾ Bản A và H sót 2 chữ "chí khang" sau chữ "nhằm tịch", theo bản B.

thành hang ổ, thành sào huyệt. Chúng tự cướp chiếm bảy
bạ, thả sức làm điều vô đạo. Đại binh đã mấy lần đánh
đẹp, nhưng nó lẩn trốn, rồi lại trở về giữ thói xấu cũ.
Vùng biên giới Cao Bằng chưa yên, mà vùng (tờ 300b)
Yên Bình của nội địa cũng bị xâm phạm. May nhờ đạo
trời chí công, đã sớm cướp mạng tên Kính Khoan. Con y
là bọn Kính Vũ lại theo thói ác của cha, giương cái vây
rách bướm, giờ cặp cang bộ ngựa. Năm Dần đã mấy lần
đem quân định đánh, định quét sạch đảng ác, nhưng
chưa bắt được tên đầu sỏ, để thoả lòng trông mong của
lân bang. Hôm trước tôi có viết bức thư sai cháu trưởng
Văn quận công là Đằng đem tới quý ngài, nói rõ: ngài
nên chuẩn bị trước để thu lấy toàn thắng. Tiếp được thư
ngài trả lời, nói rõ kế hoạch, thì tôi rất hy vọng và rất tôn
kính ngài. Nay tôi thân nắm đại quân, đem theo các binh
hùng tướng dũng, để diệt con cháu nhà Mạc là lũ Kính
Vũ, Kính Mân. Chỉ một trận này là thu thắng lợi hoàn
toàn. Quý châu nên chỉnh đốn binh mã, chuẩn bị đủ
lương thực, hẹn đến hạ tuần tháng này tiến đến địa
phương Thượng Lạng, Hạ Lạng, nơi đóng đại doanh của
chúng tôi để hợp sức bàn mưu đánh giặc, thu lấy công
lớn, bắt hết đồ đảng của bọn Kính Vũ (tờ 301a), Kính
Mân, mà xử theo cực hình, dẹp yên hết vùng biên giới.
Khiến cho các gia đình nhân dân ở nội địa (Trung Quốc)
đều được vui sống thái bình. Đặt nhân dân hai nước vào
nơi gối êm chăn ấm, thoả mãn lòng ngưỡng vọng cao cả
của dân quý châu. Việc đó chẳng phải nên làm trong dịp
này sao? Xin quý ngài lượng xét cho".

*

* *

Bức thư gửi cho doanh Quý đạo nói rằng:

"Tín và nghĩa là đạo đức vốn có của người quân tử. Ghét kẻ ác là chí tình của thiên hạ. Nước tôi và quý doanh tuy không phải là đất tiếp giáp với nhau. Nhưng cũng thường có tình hữu hảo qua lại.

Địa phương Cao Bằng nước tôi có bọn con cháu họ Mạc là lũ Kính Khoan tụ tập đồ đảng, nhiều hại dân biên giới, xâm phạm vào nội địa (Trung Quốc). Đó là điều quý doanh cũng đã trực tiếp tai nghe. Kính Khoan vội chết, con y là bọn Kính Vũ cam tâm giẫm theo vết xấu của cha, dân địa phương lại khốn khổ, trong cõi lại bị tao nhiều. Đó là điều quý doanh đã trực tiếp mắt thấy. Mấy năm nay nước tôi luôn đem quân đi diệt trừ đảng ác, là vì muốn cho cả trong nước và lân bang đều (tờ 301b) được yên ổn. Hôm trước tôi có viết bức thư sai người đem tới quý doanh, xin các ngài gắng sức đồng tâm cộng tác với chúng tôi. Mới đây nhận được thư của quý doanh, có điều làm chúng tôi chưa thoả mãn, đó là việc quý doanh chỉ chuyên một ý tự thủ, chứ chưa có ý cộng sự với chúng tôi. Xin các ngài chớ che chở cho bọn không đáng thương xót, thấy việc nghĩa thì tỏ lòng dũng cảm của mình ra. Cứ mở rộng tấm lòng trên đây thì có gì mà chẳng được.

Nay tôi thân đem đại quân, lược định⁽¹⁾ địa phương Cao Bằng. Quý doanh tuy hiểm là binh ít, nhưng há lại coi mảnh đất nghìn dặm là một nơi xa xăm, lấy một dòng sông làm giới hạn ngăn trở, mà không thể sai một tên lính, một con ngựa tới hội hay sao? Vả lại, quân không cốt ở nhiều, chỉ cốt ở tinh; quý doanh nên luyện tập tinh

⁽¹⁾ Bản A chép lầm chữ "lược định" ra "luỹ định".

binh, hẹn đến hạ tuần tháng này, tiến tới địa phương Thượng Lang, Hạ Lang, chỗ đại doanh chúng tôi đóng. Để từ từ xem thế nên tiến công hay phòng thủ, mà thu lấy công chiến thắng. Treo cổ Kính Vũ, Kính Mân ở trên giá gỗ, khôi phục các châu huyện ở Cao Bằng về bản đồ. Hoàn thành công tích đã dự định (từ 302a) từ lâu của nước tôi, đền đáp sự mong mỏi của quý châu. Như thế há chẳng tốt ư?"

*

* *

Bức thư gửi cho ngài họ Sầm¹⁾, ở châu Quy Thuận nói rằng:

"Ghét kẻ ác đó là thường tình của thiên hạ, giữ đúng lời hẹn, đó là ý chí của kẻ trượng phu.

Xứ Cao Bằng nước tôi trước đây có bọn dòng dõi nhà Mạc là Kính Khoan²⁾, tụ tập đồ đảng, không chịu theo giáo lệnh. Đã nhiều lần đem quân đi đánh, nhưng chưa truy quét đến cùng. Sau khi đại binh thắng trận rút về, chúng lại ra tụ tập quấy nhiễu. Không những dân biên giới nước tôi bị hại mà chúng còn xâm phạm cả vào nội địa làm hại đến gia thuộc của quý hầu và toàn châu Quy Thuận. Tai hoạ ấy thật là thảm khốc. Đó là kẻ thù không đội trời chung của quý hầu vậy. May nhờ đạo trời chí công, vội đoạt ngay mạng tên Kính Khoan. Đó cũng là giải phần nào sự phẫn uất trước đây của quý hầu. Ngày

¹⁾ Bản B và H đều chép chữ "Lý" thay cho chữ "Sầm". Xét ra ở đoạn trên nói viên quan ở châu Quy Thuận là họ Sầm, còn Lý là viên tri châu An Ninh.

²⁾ Bản A chép là Kính Hoàn, xét ra phải là Kính Khoan mới đúng, theo bản B và H.

tháng 3 năm Dần, tôi thân cầm đại quân, theo đường Bằng Tường, Long Châu tiến tới địa phương Cao Bằng để hỏi tội lũ con của Kính Khoan (tờ 302b) là bọn Kính Vũ. Nhưng vì gặp nước lũ mùa xuân⁽¹⁾ bèn rút quân về. Ngày ấy quý hầu cũng có ý chung lập công danh. Đến sau mùa đông, chúng tôi lại sai phủ tiết chế⁽²⁾ đem quân đi từ Thái Nguyên đánh phá đồ đảng và sào huyệt của giặc, bắt được cả đàn ông đàn bà trong bọn chúng, nhiều không kể xiết. Bọn Mạc Kính Vũ suýt bị bắt sống, may chạy thoát thân. Đó là điều quý hầu cũng đã biết.

Mới đây tôi có viết bức thư, liệu tính kỹ càng tình hình bọn giặc, sai người cháu của Văn quận công mang tới quý hầu, nói rõ cho quý hầu nên liệu trước, bàn mưu kín với quý hầu. Vừa rồi nhận được thư của quý hầu trả lời, xem kỹ ý thư thấy quý hầu có lòng giúp đỡ, có chí rửa hờn, thật là đáng khen.

Nay tôi cầm đại quân, đem đội quân được cả thiên hạ ủng hộ này, mà đánh dẹp cái bọn bị ngay người thân thích chống lại⁽³⁾, có khác gì đem cả lò lửa mà đốt một sợi lông, đem núi Thái Sơn đè lên quả trứng. Đại quân của tôi tiến đánh (tờ 303a) hện vào hạ tuần tháng này tiến tới địa phương Thượng Lang, Hạ Lang đóng đại doanh. Rồi sẽ diệt trừ đảng ác, vỗ yên dân địa phương. Quý hầu hãy nên hăng hái vùng lên! Theo đúng kỳ hẹn, tới hội binh, chớ giữ lòng nghi ngờ trước. Hãy nghĩ tới sự chung

⁽¹⁾ Bản A chép là “Viêm lao” (nóng là lụt), bản B và H là “Xuân潦” (lũ mùa xuân).

⁽²⁾ Phủ tiết chế: ở đây chỉ Trịnh Kiều.

⁽³⁾ Ý nói bọn trái đạo, bị cô lập.

lập công danh, chấn chỉnh binh mã, chuẩn bị đủ lương tiến tới đại doanh, đồng tâm hiệp lực, hợp sách hợp mưu, đánh bắt bọn con cháu nhà Mạc là lũ Kính Vũ, Kính Mân, lấy búa rìu mà xử trị. Bất gia thuộc già trẻ trai gái nhà nó về làm nô tỳ. Khiến cho vùng biên giới Cao Bằng lại về bán đồ và châu Quy Thuận bên quý quốc cũng được yên ổn. Nước chúng tôi, với hành động nhân nghĩa này, đã vô yên được nhân dân, mà mối thù với bọn tham tàn của quý hầu cũng được rửa sạch. Há chẳng tốt ư? Xin quý hầu nghĩ kỹ điều đó".

Các quan cháu nhà Minh đều sai hẹn không đến. Nhân đó, Chúa bèn đem quân tới đóng ở địa giới Bắc Nẫm. Chia sai các tướng là bọn Doanh quận công Đặng Thế Tài (tờ 303b) đi đánh Kính Vũ. Đánh ở các xứ Đà Dương, Hoa Biều, Trục Khâm, Vân Đô, đều thắng lợi.

Tháng 12 rút quân về.

Năm Dương Hoà thứ 9 (1643), tháng 3, Chúa thấy Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên ở Thuận Quảng chống mệnh triều đình, nên Chúa lại tâu xin vua thân đem lực lượng lớn đi đánh.

Từ sau khi đại quân rút về, Kính Vũ lại ra chiếm cứ sào huyệt cũ, nghe tin xe vua đi xa, lại chia quân làm 3 đường cướp vùng Tây Cạn ở Thái Nguyên. Viên phụ đạo ở đó cáo cấp, lúc này Liêm quận công, Hoa quận công Nguyễn Danh Thế vâng mệnh lưu thủ kinh thành, trấn giữ tứ chính⁽¹⁾, khống chế các nơi. Nhân tiện bèn sai Đồng Trụ bá Trịnh Nhân Liên làm giám quân, Phúc Ngạn tử Lưu Khanh làm tham lý quân vụ tiến lên Tây Cạn, chỉ

⁽¹⁾ *Tứ chính*: tức 4 trấn thời đó là Kinh Bắc, Sơn Nam, Hải Dương và Sơn Tây.

huy các tướng biên giới chia làm 3 đường tiến đánh, phá được giặc ở núi Ngân Trường (Mỏ bạc). Ngụy đảng rút về, dân địa phương được yên ổn.

Năm Giáp Thân, Phúc Thái thứ 2 đời vua Chân Tông (1644) tức là năm Sùng Trinh thứ 17 nhà Minh, bọn giặc có Lý Tự Thành (*từ 304a*) chiếm được Bắc Kinh, vua Trang Liệt đế nhà Minh mất. Viên trấn thủ xứ Liêu Đông là Ngô Tam Quế mời quân nhà Thanh vào. Quân Mãn Thanh kéo vào Trung Quốc, đánh đuổi quân Lý Tự Thành, rồi bèn làm vua ở Yên Kinh. Đó là năm Thuận Trị thứ nhất (1644) đời vua Thanh Thế Tổ Chương hoàng. Năm ấy, Chúa lại sai con thứ là Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc làm thống binh, Dương Trí Trạch làm đốc thị, Phạm Công Trứ làm tán lý, đi đánh Kinh Vũ ở Cao Bằng, đánh giết được một viên tỳ tướng của chúng, bắt được đồ đảng của chúng rồi về¹¹.

¹¹ Sách *Đại Việt thông sử*, các bản A, B, H hiện còn chỉ có đến đoạn này là hết. Nhưng như *Lời nói đầu* đã nói, nguyên thư của tác giả không phải kết thúc ở đây mà còn các phần khác nữa (như ngoại thích, tử di, phương kỷ...). Riêng về họ Mạc, theo sách *Cương mục* chép thì mãi đến năm 1677, Trịnh Tạc cử Đinh Văn Tả đi đánh mới dẹp tan hết được (xem *Cương mục* bản dịch, tập II, Nxb Giáo dục Hà Nội 1998). Điều này chứng tỏ các bản sao hiện nay còn thiếu nhiều.

MỤC LỤC

Giới thiệu

Sơ lược về tình hình các dị bản của *Đại Việt thông sử*

Phương pháp biên dịch

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

QUYỂN I

ĐẾ KỶ ĐỆ NHẤT

THÁI TỔ (THƯỢNG)	34
------------------	----

QUYỂN I

ĐẾ KỶ ĐỆ NHỊ

THÁI TỔ (HẠ)	86
(BÌNH NGÔ ĐẠI CẢO)	89
LỜI BAN	119

QUYỂN III

(?) NGHỆ VĂN CHÍ

TỰA	121
LOẠI HIỂN CHƯƠNG	127
LOẠI VĂN THƠ	129
LOẠI TRUYỆN KỶ	136
LOẠI PHƯƠNG KỶ	139

QUYỂN...

LIỆT TRUYỆN ĐỆ NHẤT

TỰA HẬU PHI TRUYỆN	141
1. HIỂN TỔ NGUYÊN HOÀNG HẬU (BÀ NỘI VUA THÁI TỔ)	144
2. TUYÊN TỔ TRINH HOÀNG HẬU (MẸ VUA THÁI TỔ)	145
3. THÁI TỔ PHẠM HOÀNG HẬU (VỢ THÁI TỔ, MẸ THÁI TÔNG)	146

4.	TRỊNH THẦN PHI (VỢ THÁI TỔ, MẸ TƯ TẾ)	148
5.	PHẠM HUỆ PHI (VỢ THÁI TỔ)	148
6.	THÁI TÔNG NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ THÁI TÔNG, MẸ NHÂN TÔNG)	149
7.	NGÔ HOÀNG HẬU (VỢ THÁI TÔNG, MẸ THÁNH TÔNG)	154
8.	LÊ NGUYỄN PHI (VỢ THÁI TÔNG)	155
9.	LÊ CHIÊU NGHI (VỢ THÁI TÔNG)	156
10.	THÁNH TÔNG NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ THANH TÔNG, MẸ HIẾN TÔNG)	156
11.	PHÙNG HOÀNG HẬU (VỢ THANH TÔNG)	158
12.	PHẠM MINH PHI (VỢ THÁNH TÔNG)	159
13.	NGUYỄN KÍNH PHI (VỢ THANH TÔNG)	160
14.	NGUYỄN TÀI NHÂN (VỢ THANH TÔNG)	162
15.	NGUYỄN TU DUNG (VỢ THANH TÔNG)	163
16.	NGUYỄN QUÝ PHI (VỢ THANH TÔNG)	163
17.	HIẾN TÔNG NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ HIẾN TÔNG, MẸ TÚC TÔNG)	164
18.	NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ HIẾN TÔNG, MẸ UY MỤC)	164
19.	NGUYỄN KÍNH PHI (VỢ HIẾN TÔNG, MẸ NUÔI UY MỤC)	165
20.	MAI QUÝ PHI (VỢ HIẾN TÔNG)	165
21.	BÙI QUÝ PHI (VỢ HIẾN TÔNG)	166
22.	ĐỨC TÔNG TRỊNH HOÀNG HẬU (VỢ KIẾN VƯƠNG TÂN, MẸ VUA TƯƠNG DỤC)	166
23.	UY MỤC ĐẾ TRẦN HOÀNG HẬU (VỢ UY MỤC)	167
24.	LÊ PHI (VỢ UY MỤC)	168
25.	TƯƠNG DỤC ĐẾ NGUYỄN HOÀNG HẬU (VỢ TƯƠNG DỤC)	168
26.	MINH TÔNG TRỊNH HOÀNG HẬU (VỢ CẨM GIANG VƯƠNG, MẸ VUA CHIÊU TÔNG VÀ CUNG HOÀNG)	169
27.	CHIÊU TÔNG PHẠM HOÀNG HẬU (VỢ VUA CHIÊU TÔNG)	170
28.	CUNG HOÀNG NGUYỄN QUÝ PHI (VỢ VUA CUNG HOÀNG)	171

QUYỀN...

LIỆT TRUYỆN ĐỆ NHI

TỰA ĐẾ HỀ TRUYỆN	172
(THẾ THỨ TỪ LÊ TRƯ ĐẾN VUA LÊ ANH TÔNG)	177
1. CHIÊU HIẾU ĐẠI VƯƠNG (HỌC)	178
2. QUẬN AI VƯƠNG (TƯ TẾ)	179
(CÁC CON VUA THÁI TÔNG)	180
3. CUNG VƯƠNG (KHẮC XƯƠNG)	180
(CÁC CON VUA THÁNH TÔNG)	181
4. KIẾN VƯƠNG TÂN	181
5. CẨM GIANG VƯƠNG (SUNG)	182
6. PHÚC VƯƠNG (TRANH)	183

7. TRIỆU VƯƠNG THOAN	185
8. KINH VƯƠNG KIẾN	186
9. AN VƯƠNG TUẤN	186

QUYỂN ...
LIỆT TRUYỆN ĐỆ TAM

1. LÊ THẠCH	189
2. LÊ LAI	191
3. LÊ NIÊM	194
4. LÊ LỄ	203
5. ĐÌNH LIỆT	207
6. LÊ TRIỆN	212
7. LÊ LĂNG	217
8. NGUYỄN XÍ	218

QUYỂN...
(LIỆT TRUYỆN ĐỆ...)

9. TRẦN NGUYỄN HÂN	231
10. PHẠM VĂN XẢO	235
11. LÊ SÁT	238
12. LÊ NGÂN	246
13. LÊ NHÂN CHÚ	251
14. TRỊNH KHẢ	254

QUYỂN...
LIỆT TRUYỆN ĐỆ⁽²⁾...

15. PHẠM VẤN	263
16. LÊ LÝ	267
17. LÊ VĂN AN	268
18. LÊ THẬN	270
19. TRỊNH LỖI	272

QUYỂN...
LIỆT TRUYỆN ĐỆ...

NGHỊCH THẦN TRUYỆN	274
1. TRẦN PHONG	274
2. LƯƠNG NHỮ HỐT	276
3. ĐỖ DUY TRUNG (TỜ 156B)	277

4. LÊ NGHI DÂN (TỜ 157A)	278
5. TRỊNH DUY SẴN (TỜ 159B)	281
6. TRỊNH DUY ĐẠI	292
7. TRẦN TUÂN	293
8. TRẦN CẢO	295
9. NGUYỄN KÍNH (TỜ 171B)	305
10. NGUYỄN KHẮC HẢI (TỜ 173A)	307
11. VŨ HỘ	307

QUYỂN...
LIỆT TRUYỆN ĐỀ... (?)

1. MẠC ĐĂNG DUNG	311
------------------	-----

QUYỂN...
LIỆT TRUYỆN ĐỀ...

2. MẠC ĐĂNG DOANH	339
3. MẠC PHÚC HẢI (tờ 200a)	346

QUYỂN...
LIỆT TRUYỆN ĐỀ...

4. MẠC PHÚC NGUYỄN	350
--------------------	-----

QUYỂN...
LIỆT TRUYỆN ĐỀ...

5. MẠC MẬU HỢP	388
6. MẠC KÍNH ĐIỂN (THẦN VƯƠNG NHÀ MẠC, KHÔNG XUNG VUA)	451

QUYỂN...
NGHỊCH THẦN TRUYỆN (HỌ MẠC)

7. MẠC KÍNH CHỈ	453
8. MẠC KÍNH CUNG (TỜ 277B)	458
9. MẠC KÍNH KHOAN	480
10. MẠC KÍNH VŨ	485

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lê Đức - Hà Nội * ĐT: 04. 8214754

LÊ QUÝ ĐÔN

ĐẠI VIỆT THÔNG SỬ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm biên thảo:

PHẠM NGỌC LUẬT

PGS-TS. NGUYỄN VĂN NHẬT

Viện trưởng Viện Sử học

Biên tập: **PHẠM MINH THẢO**

PHƯƠNG HẢO

Vẽ minh: **SƯỜNG MAI**

Bìa: **TRẦN ĐẠI THẮNG**

Sửa bản in: **PHƯƠNG HẢO**

In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty CP in Anh Việt.
Số đăng ký KHXB: 247 - 2006/CXB/08/03 - 30/VHIT.
In xong nộp lưu chiểu Quý I năm 2007.

LÊ QUÝ ĐÔN



lê quý đôn - đại việt thông sử



1

007040

600398

70.000 VNĐ

GIÁ: 70.000 Đ